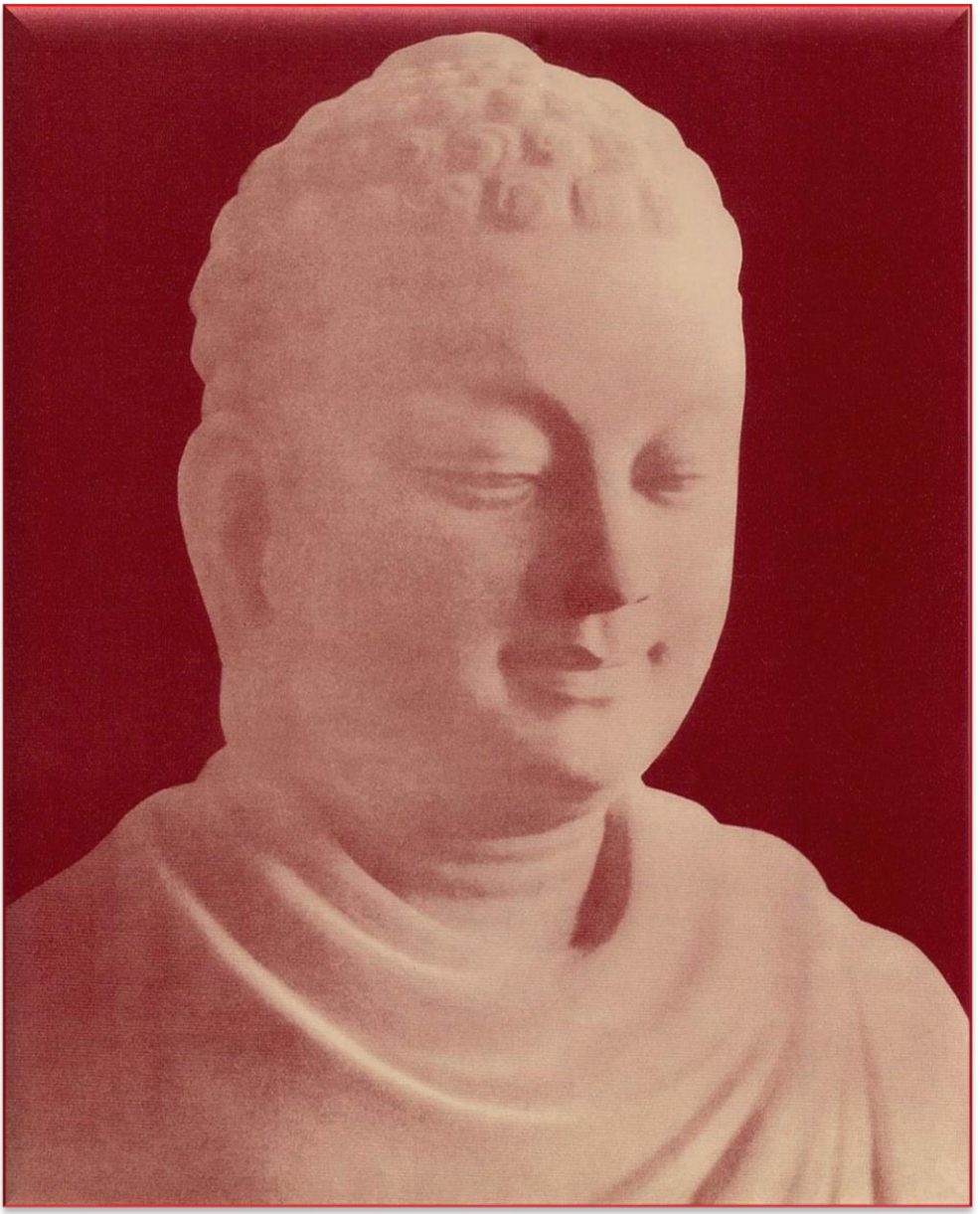


NAM – MÔ BỔN – SƯ THỊCH – CA MẬU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 19

BỘ BÁT NHÃ

II

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn

ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 19

BỘ BÁT NHÃ

II

SỐ 220

(QUYỂN 51 → 100)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ BÁT NHÃ 2 – T019

SỐ 220 1

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA 1

QUYỂN 51 2

PHẨM 14: NÓI VỀ ÁO GIÁP ĐẠI THỪA (3) 2

PHẨM 15: BIỆN MINH VỀ ĐẠI THỪA (1) 12

QUYỂN 52 20

PHẨM 15: BIỆN MINH VỀ ĐẠI THỪA (2) 20

QUYỂN 53 42

PHẨM 15: BIỆN MINH VỀ ĐẠI THỪA (3) 42

QUYỂN 54 61

PHẨM 15: BIỆN MINH VỀ ĐẠI THỪA (4) 61

QUYỂN 55 81

PHẨM 15: BIỆN MINH VỀ ĐẠI THỪA (5) 81

QUYỂN 56 101

PHẨM 15: BIỆN MINH VỀ ĐẠI THỪA (6) 101

PHẨM 16: TÁN DƯƠNG ĐẠI THỪA (1) 113

QUYỂN 57 120

PHẨM 16: TÁN DƯƠNG ĐẠI THỪA (2) 120

QUYỂN 58 136

PHẨM 16: TÁN DƯƠNG ĐẠI THỪA (3) 136

QUYỂN 59 150

PHẨM 16: TÁN DƯƠNG ĐẠI THỪA (4) 150

QUYỂN 60 169

PHẨM 16: TÁN DƯƠNG ĐẠI THỪA (5) 169

QUYỂN 61 188

PHẨM 16: TÁN DƯƠNG ĐẠI THỪA (6) 188

PHẨM 17: TÙY THUẬN 189

PHẨM 18: VÔ SỞ ĐẮC (1) 193

QUYỂN 62 205

PHẨM 18: VÔ SỞ ĐẮC (2) 205

QUYỂN 63 221
PHẨM 18: VÔ SỞ ĐẮC (3) 221
QUYỂN 64 239
PHẨM 18: VÔ SỞ ĐẮC (4) 239
QUYỂN 65 257
PHẨM 18: VÔ SỞ ĐẮC (5) 257
QUYỂN 66 278
PHẨM 18: VÔ SỞ ĐẮC (6) 278
QUYỂN 67 295
PHẨM 18: VÔ SỞ ĐẮC (7) 295
QUYỂN 68 314
PHẨM 18: VÔ SỞ ĐẮC (8) 314
QUYỂN 69 335
PHẨM 18: VÔ SỞ ĐẮC (9) 335
QUYỂN 70 355
PHẨM 18: VÔ SỞ ĐẮC (10) 355
PHẨM 19: QUÁN HẠNH (1) 362
QUYỂN 71 374
PHẨM 19: QUÁN HẠNH (2) 374
QUYỂN 72 395
PHẨM 19: QUÁN HẠNH (3) 395
QUYỂN 73 412
PHẨM 19: QUÁN HẠNH (4) 412
QUYỂN 74 431
PHẨM 19: QUÁN HẠNH (5) 431
PHẨM 20: không SINH (1) 437
QUYỂN 75 449
PHẨM 20: KHÔNG SINH (2) 449
PHẨM 21: TỊNH ĐẠO (1) 458
QUYỂN 76 468
PHẨM 21: TỊNH ĐẠO (2) 468
QUYỂN 77 481
PHẨM 22: THIÊN ĐẾ (1) 481

QUYỂN 78 495
PHẨM 22: THIÊN ĐẾ (2) 495
QUYỂN 79 512
PHẨM 22: THIÊN ĐẾ (3) 512
QUYỂN 80 527
PHẨM 22: THIÊN ĐẾ (4) 527
QUYỂN 81 543
PHẨM 22: THIÊN ĐẾ (5) 543
PHẨM 23: CÁC THIÊN TỬ (1) 549
QUYỂN 82 563
PHẨM 23: CÁC THIÊN TỬ (2) 563
PHẨM 24: THỌ GIÁO (1) 566
QUYỂN 83 579
PHẨM 24: THỌ GIÁO (2) 579
QUYỂN 84 594
PHẨM 24: THỌ GIÁO (3) 594
PHẨM 25: TÁN HOA 605
QUYỂN 85 611
PHẨM 26: HỌC BÁT-NHÃ (1) 611
QUYỂN 86 627
PHẨM 26: HỌC BÁT-NHÃ (2) 627
QUYỂN 87 644
PHẨM 26: HỌC BÁT-NHÃ (3) 644
QUYỂN 88 660
PHẨM 26: HỌC BÁT-NHÃ (4) 660
QUYỂN 89 676
PHẨM 26: HỌC BÁT-NHÃ (5) 676
PHẨM 27: CẦU BÁT-NHÃ (1) 686
QUYỂN 90 693
PHẨM 27: CẦU BÁT-NHÃ (2) 693
QUYỂN 91 710
PHẨM 27: CẦU BÁT-NHÃ (3) 710
QUYỂN 92 729

PHẨM 27: CẦU BÁT-NHÃ (4) 729
QUYỂN 93 748
PHẨM 27: CẦU BÁT-NHÃ (5) 748
QUYỂN 94 767
PHẨM 27: CẦU BÁT-NHÃ (6) 767
QUYỂN 95 782
PHẨM 27: CẦU BÁT-NHÃ (7) 782
QUYỂN 96 797
PHẨM 27: CẦU BÁT-NHÃ (8) 797
QUYỂN 97 812
PHẨM 27: CẦU BÁT-NHÃ (9) 812
QUYỂN 98 828
PHẨM 27: CẦU BÁT-NHÃ (10) 828
PHẨM 28: TÁN THÁN CÁC ĐỨC (1) 830
QUYỂN 99 843
PHẨM 28: TÁN THÁN CÁC ĐỨC (2) 843
PHẨM 29: NHIẾP THỌ (1) 851
QUYỂN 100 862
PHẨM 29: NHIẾP THỌ (2) 862

-oOo-

SỐ 220

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng
Pháp sư Huyền Trang.

QUYỂN 51→100

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 51

PHẨM 14: NÓI VỀ ÁO GIÁP ĐẠI THỪA (3)

Bạch Thế Tôn, Bố thí ba-la-mật-đa không buộc, không mở; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh Bố thí ba-la-mật-đa không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bố thí ba-la-mật-đa là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bố thí ba-la-mật-đa là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bố thí ba-la-mật-đa là không, nên không buộc, không mở; vì tánh Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bố thí ba-la-mật-đa là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là vô tướng. Vì tánh Bố thí ba-la-mật-đa là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bố thí ba-la-mật-đa là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bố thí ba-la-mật-đa là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bố thí ba-la-mật-đa là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bố thí ba-la-mật-đa là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, năm loại mắt không buộc, không mở; sáu phép thần thông không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh năm loại

mắt không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh sáu phép thần thông, không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh năm loại mắt là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh sáu phép thần thông là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh năm loại mắt là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh sáu phép thần thông là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh năm loại mắt là không, nên không buộc, không mở; vì tánh sáu phép thần thông là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh năm loại mắt là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh sáu phép thần thông là vô tướng. Vì tánh năm loại mắt là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh sáu phép thần thông là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh năm loại mắt là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh sáu phép thần thông là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh năm loại mắt là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh sáu phép thần thông là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh năm loại mắt là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh sáu phép thần thông là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh năm loại mắt là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh sáu phép thần thông là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, mười lực của Phật không buộc, không mở; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh mười lực của Phật không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh mười lực của Phật là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh mười lực của Phật là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh mười lực của Phật là không, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh mười lực của Phật là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng là vô tướng. Vì tánh mười lực của Phật là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng là vô

nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh mười lực của Phật là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh mười lực của Phật là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh mười lực của Phật là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh mười lực của Phật là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, chân như không buộc, không mở; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, pháp định, pháp trụ, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, thật tế, tánh vô vi không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh chân như không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, pháp định, pháp trụ, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, thật tế, tánh vô vi, không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh chân như là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến tánh vô vi là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh chân như là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến tánh vô vi là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh chân như là không, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến tánh vô vi là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh chân như là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến tánh vô vi là vô tướng. Vì tánh chân như là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến tánh vô vi là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh chân như là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến tánh vô vi là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh chân như là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến tánh vô vi là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh chân như là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến tánh vô vi là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh chân như là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến tánh vô vi là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, Bồ-đề không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh Bồ-đề không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bồ-đề là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bồ-đề là tịch tĩnh,

nên không buộc, không mở. Vì tánh Bồ-đề là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bồ-đề là vô tướng. Vì tánh Bồ-đề là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bồ-đề là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bồ-đề là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bồ-đề là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh Bồ-đề là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, Tát-đỏa không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh Tát-đỏa không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh Tát-đỏa là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh Tát-đỏa là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh Tát-đỏa là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh Tát-đỏa là vô tướng. Vì tánh Tát-đỏa là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh Tát-đỏa là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh Tát-đỏa là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh Tát-đỏa là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh Tát-đỏa là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh Đại Bồ-tát không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh Đại Bồ-tát là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh Đại Bồ-tát là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh Đại Bồ-tát là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh Đại Bồ-tát là vô tướng. Vì tánh Đại Bồ-tát là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh Đại Bồ-tát là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh Đại Bồ-tát là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh Đại Bồ-tát là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh Đại Bồ-tát là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, quả vị Giác ngộ cao tột không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh quả vị Giác ngộ cao tột không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh quả vị Giác ngộ cao tột là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh quả vị Giác ngộ cao tột là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh quả vị Giác ngộ cao tột là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh quả vị Giác ngộ cao tột là vô tướng. Vì tánh quả vị Giác ngộ cao tột là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh quả vị Giác ngộ cao tột là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh quả vị Giác ngộ cao tột là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh quả vị Giác ngộ cao tột là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh quả vị Giác ngộ cao tột là không tịnh, nên không buộc,

không mở.

Bạch Thế Tôn, bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột là vô tướng. Vì tánh bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, nói tóm lại, tất cả pháp đều không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh các pháp không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh các pháp là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh các pháp là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh các pháp là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh các pháp là vô tướng, nên không buộc, không mở. Vì tánh các pháp là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh các pháp là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh các pháp là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh các pháp là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh các pháp là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Khi ấy, Mãn Từ Tử hỏi Thiện Hiện:

–Tôn giả nói sắc không buộc, không mở; nói thọ, tưởng, hành, thức... không buộc, không mở chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Mãn Từ Tử hỏi:

–Những sắc nào là không buộc, không mở? Những thọ, tưởng, hành, thức nào là không buộc, không mở?

Thiện Hiện đáp:

–Sắc như huyễn là không buộc, không mở. Thọ, tưởng, hành, thức như huyễn là không buộc, không mở. Sắc như mộng là không buộc,

không mở; thọ, tưởng, hành, thức như mộng là không buộc, không mở. Sắc như ảnh tượng là không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức như ảnh tượng là không buộc, không mở. Sắc như tiếng vang là không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức như tiếng vang là không buộc, không mở. Sắc như ánh sáng là không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức như ánh sáng là không buộc, không mở. Sắc như hoa đốm hư không là không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức như hoa đốm hư không là không buộc, không mở. Sắc như ánh nắng là không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức như ánh nắng là không buộc, không mở. Sắc như ảo thành là không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức như ảo thành là không buộc, không mở. Sắc như biến hóa là không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức như biến hóa là không buộc, không mở. Vì sao? Mãn Từ Tử, vì tánh sắc như huyễn... cho đến tánh sắc như biến hóa không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức, như huyễn... cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức như biến hóa không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc như huyễn... cho đến tánh sắc như biến hóa là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức, như huyễn... cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức như biến hóa là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc như huyễn... cho đến tánh sắc như biến hóa là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức, như huyễn... cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức như biến hóa là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc như huyễn... cho đến tánh sắc như biến hóa là không, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức, như huyễn... cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức như biến hóa là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc như huyễn... cho đến tánh sắc như biến hóa là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức, như huyễn... cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức như biến hóa là vô tướng. Vì tánh sắc như huyễn... cho đến tánh sắc như biến hóa là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức, như huyễn... cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức như biến hóa là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc như huyễn... cho đến tánh sắc như biến hóa là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức, như huyễn... cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức như biến hóa là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc như huyễn... cho đến tánh sắc như biến hóa là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức, như huyễn... cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức như

biến hóa là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc như huyễn... cho đến tánh sắc như biến hóa là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức, như huyễn... cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức như biến hóa là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc như huyễn... cho đến tánh sắc như biến hóa là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức, như huyễn... cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức như biến hóa là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Mãn Từ Tử, sắc quá khứ không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức quá khứ không buộc, không mở. Sắc vị lai không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức vị lai không buộc, không mở. Sắc hiện tại không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức hiện tại không buộc, không mở. Vì sao? Mãn Từ Tử, vì tánh sắc quá khứ, vị lai, hiện tại không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là không, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là vô tướng. Vì tánh sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Mãn Từ Tử, sắc thiện không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành,

thức thiện không buộc, không mở. Sắc bất thiện không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức bất thiện không buộc, không mở. Sắc vô ký không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức vô ký không buộc, không mở. Vì sao? Mãn Từ Tử, vì tánh sắc thiện, bất thiện, vô ký không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc thiện, bất thiện, vô ký là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc thiện, bất thiện, vô ký là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc thiện, bất thiện, vô ký là không, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc thiện, bất thiện, vô ký là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là vô tướng. Vì tánh sắc thiện, bất thiện, vô ký là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc thiện, bất thiện, vô ký là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc thiện, bất thiện, vô ký là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc thiện, bất thiện, vô ký là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc thiện, bất thiện, vô ký là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Mãn Từ Tử, sắc hữu nhiễm không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức hữu nhiễm không buộc, không mở. Sắc vô nhiễm không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức vô nhiễm không buộc, không mở. Sắc hữu tội không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức hữu tội không buộc, không mở. Sắc vô tội không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức vô tội không buộc, không mở. Sắc hữu lậu không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức hữu lậu không buộc, không mở. Sắc vô lậu không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức vô lậu không buộc, không mở. Sắc tạp nhiễm không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức tạp nhiễm không buộc, không mở. Sắc thanh tịnh không buộc, không mở; thọ,

tưởng, hành, thức thanh tịnh không buộc, không mở. Sắc thế gian không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức thế gian không buộc, không mở. Sắc xuất thế gian không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức xuất thế gian không buộc, không mở. Vì sao? Mãn Từ Tử, vì tánh sắc hữu nhiễm cho đến tánh sắc xuất thế gian không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức xuất thế gian không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc hữu nhiễm cho đến tánh sắc xuất thế gian là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức xuất thế gian là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc hữu nhiễm cho đến tánh sắc xuất thế gian là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức xuất thế gian là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc hữu nhiễm cho đến tánh sắc xuất thế gian là không, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức xuất thế gian là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc hữu nhiễm cho đến tánh sắc xuất thế gian là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức xuất thế gian là vô tướng. Vì tánh sắc hữu nhiễm cho đến tánh sắc xuất thế gian là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức xuất thế gian là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc hữu nhiễm cho đến tánh sắc xuất thế gian là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức xuất thế gian là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc hữu nhiễm cho đến tánh sắc xuất thế gian là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức xuất thế gian là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc hữu nhiễm cho đến tánh sắc xuất thế gian là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức xuất thế gian là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc hữu nhiễm cho đến tánh sắc xuất thế gian là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh thọ, tưởng, hành, thức xuất thế gian là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Mãn Từ Tử, sắc, thọ, tưởng, hành, thức như vậy không buộc, không

mở, nên biết, như vậy, thì nhãn xứ cho đến ý xứ, sắc xứ cho đến pháp xứ; nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; địa giới cho đến thức giới; Thánh đế khổ cho đến Thánh đế đạo; vô minh cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; bốn Tĩnh lự cho đến bốn Định vô sắc; bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; pháp môn giải thoát Không cho đến pháp môn giải thoát Vô nguyện; Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, năm loại mắt, sáu phép thần thông, mười lực của Phật cho đến trí Nhất thiết tướng, chân như cho đến Vô vi, Bồ-đề, Tát-đỏa, Đại Bồ-tát, quả vị Giác ngộ cao tột, bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, tất cả pháp tương ưng với các pháp đó, cũng không buộc, không mở như vậy.

Mãn Từ Tử, các Đại Bồ-tát đối với pháp môn không buộc, không mở như vậy, lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên biết như thật; đối với bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, năm loại mắt, sáu phép thần thông, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không buộc, không mở như vậy, lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên siêng năng tu học.

Mãn Từ Tử, các Đại Bồ-tát lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên an trú bốn Tĩnh lự không buộc, không mở cho đến nên an trú trí Nhất thiết tướng không buộc, không mở; lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên tạo sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình không buộc, không mở, nên làm nghiêm tịnh cõi Phật không buộc, không mở, nên thân cận cúng dường chư Phật không buộc, không mở, nên nghe, nhận lãnh pháp môn không buộc, không mở.

Mãn Từ Tử, Đại Bồ-tát ấy thường chẳng xa lìa chư Phật Thế Tôn không buộc, không mở; thường chẳng xa lìa năm loại mắt thanh tịnh không buộc, không mở; thường chẳng xa lìa sáu phép thần thông thù thắng không buộc, không mở; thường chẳng xa lìa pháp môn Đà-la-ni không buộc, không mở; thường chẳng xa lìa pháp môn Tam-ma-địa không buộc, không mở.

Này Mãn Từ Tử, Đại Bồ-tát ấy sẽ phát sinh trí Đạo tướng không buộc, không mở; sẽ chứng đắc trí Nhất thiết, trí Nhất thiết tướng không buộc, không mở; sẽ chuyển pháp luân không buộc, không mở; sẽ dùng ba thừa không buộc, không mở, an lập các hữu tình không buộc, không mở.

Này Mãn Từ Tử, nếu Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa không buộc, không mở, có khả năng chứng đắc tất cả pháp không sở hữu, không buộc, không mở, nên xa lìa, tịch tĩnh, không, vô tướng, vô nguyện, không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh cũng không buộc, không mở.

Mãn Từ Tử nên biết, Đại Bồ-tát ấy gọi là người mặc áo giáp Đại thừa không buộc, không mở.

-oOo-

PHẨM 15: BIỆN MINH VỀ ĐẠI THỪA (1)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao biết được tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát? Vì sao biết được sự phát tâm hướng đến Đại thừa của Đại Bồ-tát? Đại thừa đó từ đâu mà ra, đến trụ ở nơi nào? Đại thừa ấy làm thế nào để trụ? Ai nương Đại thừa ấy mà xuất hiện?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Ông hỏi vì sao mà biết được cái tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát. Sáu pháp Ba-la-mật-đa là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát. Những gì là sáu? Đó là Bố thí ba-la-mật-đa, Tịnh giới ba-la-mật-đa, An nhẫn ba-la-mật-đa, Tinh tấn ba-la-mật-đa, Tĩnh lự ba-la-mật-đa, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Bố thí ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát phát tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, lấy vô sở đắc làm phương tiện, tự bố thí tất cả sở hữu trong ngoài, cũng khuyên người khác bố thí tất cả sở hữu trong ngoài, duy trì thiện căn này, cùng với các loài hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, này Thiện Hiện, đó là Bố thí ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Tịnh giới ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát phát tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, lấy vô sở đắc làm phương tiện, tự an trú mười nẻo nghiệp thiện, cũng khuyên người khác an trú mười nẻo nghiệp thiện, duy trì thiện căn này, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, này Thiện Hiện, đó là Tịnh giới ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là An nhẫn ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát phát tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, lấy vô sở đắc làm phương tiện, tự làm đầy đủ và tăng thượng an nhẫn, cũng khuyên người khác làm đầy đủ và tăng thượng an nhẫn, duy trì thiện căn này, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, này Thiện Hiện, đó là An nhẫn ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Tinh tấn ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát phát tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với sáu pháp Ba-la-mật-đa, tự siêng năng tu tập chẳng dừng nghỉ, cũng khuyên người khác, đối với sáu pháp Ba-la-mật-đa, siêng năng tu tập chẳng dừng nghỉ, duy trì thiện căn này, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, này Thiện Hiện, đó là Tinh tấn ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Tĩnh lự ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát phát tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, lấy vô sở đắc làm phương tiện, tự mình có thể khéo léo nhập vào các tĩnh lự, vô lượng, vô sắc, hoàn toàn chẳng theo thế lực ấy mà thọ sinh, cũng có thể khuyên người nhập vào các tĩnh lự, vô lượng, vô sắc, giống như sự khéo léo của mình, duy trì thiện căn này, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, này Thiện Hiện, đó là Tĩnh lự ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát phát tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, lấy vô sở đắc làm phương tiện, có khả năng tự quán sát như thật các pháp tánh, đối với các pháp tánh, không có sự chấp trước, cũng khuyên người khác quán sát như thật các pháp tánh, đối với các pháp tánh, không có sự chấp trước, duy trì thiện căn này, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, này Thiện Hiện, đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Thiện Hiện nên biết, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh. Đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là không bên trong?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, bên trong nghĩa là pháp bên trong, tức là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Trong đó, nhãn gắn liền với không của nhãn. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý gắn liền với không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy. Thiện Hiện, đó là không bên trong.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là không bên ngoài?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, bên ngoài nghĩa là pháp bên ngoài, tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Trong đó, sắc gắn liền với không của sắc. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy. Thanh,

hương, vị, xúc, pháp gắn liền với không của thanh, hương, vị, xúc, pháp. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy. Thiện Hiện, đó là không bên ngoài.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là không cả trong ngoài?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, cả trong ngoài nghĩa là pháp bên trong, bên ngoài, tức là sáu xứ bên trong. Trong đó, sáu xứ bên trong gắn liền với cái không của sáu xứ bên ngoài. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy. Sáu xứ bên ngoài gắn liền với cái không của sáu xứ bên trong. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy. Thiện Hiện, đó là không cả trong ngoài.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là không không?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, không nghĩa là tất cả pháp đều không. Cái không này gắn liền với cái không của không. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, bản tánh là như vậy. Thiện Hiện, đó là không không.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là đại không?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, đại nghĩa là mười phương, tức là Đông, Nam, Tây, Bắc, bốn hướng, thượng, hạ. Trong đó, phương Đông gắn liền với cái không của phương Đông. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy. Phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng, thượng, hạ gắn liền với cái không của phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng, thượng, hạ. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy. Thiện Hiện, đó là đại không.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là không thắng nghĩa?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, thắng nghĩa có nghĩa là Niết-bàn. Thắng nghĩa này gắn liền với cái không của thắng nghĩa. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy. Thiện Hiện, đó là không thắng nghĩa.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là không hữu vi?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, hữu vi nghĩa là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Trong đó, Dục giới gắn liền với cái không của Dục giới. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy. Sắc, Vô sắc giới gắn liền với cái không của Sắc, Vô sắc giới. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy. Thiện Hiện, đó là không hữu vi.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là không vô vi?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, vô vi nghĩa là không sinh, trụ, dị, diệt. Vô vi này gắn liền với cái không của vô vi. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy. Thiện Hiện, đó là không vô vi.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là không rốt ráo?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, rốt ráo nghĩa là cái cuối cùng của các pháp, chẳng thể nắm bắt được. Cái cuối cùng này gắn liền với cái không rốt cùng. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy. Thiện Hiện, đó là không rốt ráo.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là không không biên giới?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, không biên giới nghĩa là không có ranh giới, giữa cái khởi đầu, ở giữa, sau cùng mà có thể được và không có ranh giới giữa đi, đến, có thể được. Không biên giới này gắn liền với cái không của không biên giới. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy. Thiện Hiện, đó là không không biên giới.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là không tản mạn?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, tản mạn nghĩa là buông, bỏ, xả, đối với cái có thể được. Tản mạn này gắn liền với cái không của tản mạn. Vì sao? Vì chẳng

phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy. Thiện Hiện, đó là không tản mạn.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là không không đổi khác?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, không đổi khác nghĩa là không buông, không bỏ, không xả, đối với cái có thể được. Cái không đổi khác này gắn liền với cái không của không đổi khác. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy. Thiện Hiện, đó là không không đổi khác.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là không bản tánh?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, bản tánh nghĩa là bản tánh của các pháp, hoặc tánh của pháp hữu vi, hoặc tánh của pháp vô vi, đều chẳng phải Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai làm ra và cũng chẳng phải ai khác làm ra. Bản tánh này gắn liền với cái không của bản tánh. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy. Thiện Hiện, đó là không bản tánh.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là không tự tướng?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, tự tướng nghĩa là tự tướng của các pháp, như biến đổi, ngăn ngại là tự tướng của sắc, lãnh hội, dung nạp là tự tướng của thọ, giữ lấy hình tượng là tự tướng của tưởng, tạo tác là tự tướng của hành, phân biệt, hiểu biết là tự tướng của thức; hoặc là tự tướng của pháp hữu vi, tự tướng của pháp vô vi, cũng như vậy. Tự tướng này gắn liền với cái không của tự tướng. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy. Thiện Hiện, đó là không tự tướng.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là không cộng tướng?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, cộng tướng nghĩa là tướng chung của các pháp, như khổ là cộng tướng của pháp hữu lậu, vô thường là cộng tướng của pháp hữu vi, không, vô ngã là cộng tướng của các pháp, có vô lượng cộng tướng như vậy. Cộng tướng này gắn liền với cái không của cộng tướng.

Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy. Thiện Hiện, đó là không cộng tướng.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là không nơi tất cả pháp?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, tất cả pháp là pháp năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, hoặc là pháp hữu sắc, vô sắc, hữu kiến, vô kiến, hữu đối, vô đối, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi. Tất cả pháp này gắn liền với cái không của các pháp. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy. Thiện Hiện, đó là không nơi tất cả pháp.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là không chẳng thể nắm bắt được?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, chẳng thể nắm bắt được là trong tất cả pháp này chẳng thể nắm bắt được, hoặc quá khứ, vị lai, chẳng thể nắm bắt được, hiện tại chẳng thể nắm bắt được; hoặc trong quá khứ, không có vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được; hoặc trong vị lai, không có quá khứ, hiện tại, có thể nắm bắt được, hoặc trong hiện tại không có quá khứ, vị lai có thể nắm bắt được. Chẳng thể nắm bắt được này gắn liền với cái không của chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy. Thiện Hiện, đó là không chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là không không tánh?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, không tánh là không có một mảy may tánh, có thể được. Không tánh này gắn liền với cái không của vô tánh. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy. Thiện Hiện, đó là không không tánh.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là không tự tánh?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, tự tánh là tự tánh có thể hòa hợp của các pháp. Tự tánh này gắn liền với cái không của tự tánh. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy. Thiện Hiện, đó là không tự tánh.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là không không tánh tự tánh?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, không tánh tự tánh là tánh không thể hòa hợp của các pháp đối với chỗ hòa hợp của tự tánh. Không tánh tự tánh này gắn liền với cái không của không tánh tự tánh. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy. Thiện Hiện, đó là không không tánh tự tánh.

Lại nữa Thiện Hiện, hữu tánh gắn liền với cái không của hữu tánh, vô tánh gắn liền với cái không của vô tánh; tự tánh gắn liền với cái không của tự tánh, tha tánh gắn liền với cái không của tha tánh.

Thế nào là tánh gắn liền với cái không của hữu tánh? Hữu tánh là năm uẩn. Hữu tánh này gắn liền với cái không của hữu tánh. Vì tánh sinh của năm uẩn chẳng thể được. Đó là hữu tánh gắn liền với cái không của hữu tánh.

Thế nào là vô tánh gắn liền với cái không của vô tánh? Vô tánh là vô vi. Vô tánh này gắn liền với cái không của vô tánh. Đó là vô tánh gắn liền với cái không của vô tánh.

Thế nào là tự tánh gắn liền với cái không của tự tánh? Nghĩa là tự tánh của các pháp đều là "không". Không này chẳng phải do trí làm ra, chẳng phải do kiến làm ra, cũng chẳng phải do cái gì khác làm ra. Đó là tự tánh gắn liền với cái không của tự tánh.

Thế nào là tha tánh gắn liền với cái không của tha tánh? Nghĩa là hoặc Phật xuất thế, hoặc chẳng xuất thế, các pháp, pháp trụ, pháp định, pháp tánh, pháp giới, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, chân như, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, thật tế, đều gắn liền với tha tánh nên là không. Đó là tha tánh gắn liền với cái không của tha tánh.

Thiện Hiện nên biết, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 52

PHẨM 15: BIỆN MINH VỀ ĐẠI THỪA (2)

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là Tam-ma-địa Kiện hành, Tam-ma-địa Bảo ấn, Tam-ma-địa Sư tử du hý, Tam-ma-địa Diệu nguyệt, Tam-ma-địa Nguyệt tràng tướng, Tam-ma-địa Nhất thiết pháp dũng, Tam-ma-địa Quán đảnh, Tam-ma-địa Pháp giới quyết định, Tam-ma-địa Quyết định tràng tướng, Tam-ma-địa Kim cang dụ, Tam-ma-địa Nhập pháp ấn, Tam-ma-địa Tam-ma-địa vương, Tam-ma-địa Thiện an trụ, Tam-ma-địa Thiện lập định vương, Tam-ma-địa Phóng quang, Tam-ma-địa Vô vong thất, Tam-ma-địa Phóng quang vô vong thất, Tam-ma-địa Tinh tấn lực, Tam-ma-địa Trang nghiêm lực, Tam-ma-địa Đẳng dũng, Tam-ma-địa Nhập nhất thiết ngôn từ quyết định, Tam-ma-địa Nhập nhất thiết danh tự quyết định, Tam-ma-địa Quán phương, Tam-ma-địa Tổng trì ấn, Tam-ma-địa Chư pháp đảng thú hải ấn, Tam-ma-địa Vương ấn, Tam-ma-địa Biến phú hư không, Tam-ma-địa Kim cang luân, Tam-ma-địa Tam luân thanh tịnh, Tam-ma-địa Vô lượng quang, Tam-ma-địa Vô trước vô chướng, Tam-ma-địa Đoạn chư pháp chuyển, Tam-ma-địa Khí xả trân bảo, Tam-ma-địa Biến chiếu, Tam-ma-địa Bất thuấn, Tam-ma-địa Vô tướng trụ, Tam-ma-địa Bất tư duy, Tam-ma-địa Hàng phục tứ ma, Tam-ma-địa Vô cấu đăng, Tam-ma-địa Vô biên quang, Tam-ma-địa Phát quang, Tam-ma-địa Phổ chiếu, Tam-ma-địa Tịnh kiên định, Tam-ma-địa Sư tử phấn tấn, Tam-ma-địa Sư tử tần thân, Tam-ma-địa Khiếm khư, Tam-ma-địa Vô cấu quang, Tam-ma-địa Diệu lạc, Tam-ma-địa Điển đăng, Tam-ma-địa Vô tận, Tam-ma-địa Tối thắng tràng tướng, Tam-ma-địa Đế tướng, Tam-ma-địa Thuận minh chánh lưu, Tam-ma-địa Cụ oai quang, Tam-ma-địa Ly tận, Tam-ma-địa Bất khả động chuyển, Tam-ma-địa Tịch tĩnh, Tam-ma-địa Vô hà khích, Tam-ma-địa Nhật đăng, Tam-ma-địa Tịnh nguyệt, Tam-ma-địa Tịnh nhãn, Tam-ma-địa Tịnh quang, Tam-ma-địa Nguyệt đăng, Tam-ma-địa Phát minh,

Tam-ma-địa Ưng tác bất ưng tác, Tam-ma-địa Trí tướng, Tam-ma-địa Kim cang man, Tam-ma-địa Trụ tâm, Tam-ma-địa Phổ minh, Tam-ma-địa Diệu an lập, Tam-ma-địa Bảo tích, Tam-ma-địa Diệu pháp ấn, Tam-ma-địa Nhất thiết pháp bình đẳng tánh, Tam-ma-địa Khí xả trần ái, Tam-ma-địa Pháp dũng viên mãn, Tam-ma-địa Nhập pháp đảnh, Tam-ma-địa Bảo tánh, Tam-ma-địa Xả huyên tránh, Tam-ma-địa Phiêu tán, Tam-ma-địa Phân biệt pháp ái, Tam-ma-địa Quyết định, Tam-ma-địa Vô cấu hành, Tam-ma-địa Tự bình đẳng tướng, Tam-ma-địa Ly văn tự tướng, Tam-ma-địa Đoạn sở duyên, Tam-ma-địa Vô biến dị, Tam-ma-địa Vô phẩm loại, Tam-ma-địa Nhập danh tướng, Tam-ma-địa Vô sở tác, Tam-ma-địa Nhập quyết định danh, Tam-ma-địa Vô tướng hành, Tam-ma-địa Ly ế ám, Tam-ma-địa Cụ hành, Tam-ma-địa Bất biến động, Tam-ma-địa Độ cảnh giới, Tam-ma-địa Tập nhất thiết công đức, Tam-ma-địa Vô tâm trụ, Tam-ma-địa Quyết định trụ, Tam-ma-địa Tịnh diệu hoa, Tam-ma-địa Cụ giác chi, Tam-ma-địa Vô biên biện, Tam-ma-địa Vô biên đăng, Tam-ma-địa Vô đẳng đẳng, Tam-ma-địa Siêu nhất thiết pháp, Tam-ma-địa Quyết phán chư pháp, Tam-ma-địa Tản nghi, Tam-ma-địa Không có chỗ trụ, Tam-ma-địa Nhất tướng trang nghiêm, Tam-ma-địa Dẫn phát hành tướng, Tam-ma-địa Nhất hành tướng, Tam-ma-địa Ly chư hành tướng, Tam-ma-địa Diệu hạnh, Tam-ma-địa Đạt chư hữu để viễn ly, Tam-ma-địa Nhập nhất thiết thi thiết ngữ ngôn, Tam-ma-địa Kiên cố bảo, Tam-ma-địa Ư nhất thiết pháp vô sở thủ trước, Tam-ma-địa Điển diệm trang nghiêm, Tam-ma-địa Trừ khiển, Tam-ma-địa Vô thắng, Tam-ma-địa Pháp cự, Tam-ma-địa Huệ đăng, Tam-ma-địa Thú hướng bất thoái chuyển thần thông, Tam-ma-địa Giải thoát âm thanh văn tự, Tam-ma-địa Cự xí nghiêm, Tam-ma-địa Nghiêm tịnh tướng, Tam-ma-địa Vô tướng, Tam-ma-địa Vô trược nhẫn tướng, Tam-ma-địa Cụ nhất thiết diệu tướng, Tam-ma-địa Cụ tổng trì, Tam-ma-địa Bất hỷ nhất thiết khổ lạc, Tam-ma-địa Vô tận hành tướng, Tam-ma-địa Nhiếp phục nhất thiết chánh tà tướng, Tam-ma-địa Đoạn tăng ái, Tam-ma-địa Ly vi thuận, Tam-ma-địa Vô cấu minh, Tam-ma-địa Cực kiên cố, Tam-ma-địa Mãn nguyệt tịnh quang, Tam-ma-địa Đại trang nghiêm, Tam-ma-địa Vô nhiệt điển quang, Tam-ma-địa Năng chiếu nhất thiết thế gian, Tam-ma-địa Năng cứu nhất thiết thế gian, Tam-ma-địa Định bình đẳng tánh, Tam-ma-địa Vô trần hữu trần bình đẳng lý thú, Tam-ma-địa Vô tịnh hữu tịnh bình đẳng lý thú, Tam-ma-địa Vô sào huyệt vô tiêu xí vô ái lạc, Tam-ma-địa Quyết định an trụ chân như, Tam-ma-địa Khí trung dũng xuất, Tam-ma-địa Thiêu

chư phiền não, Tam-ma-địa Đại trí tuệ cự, Tam-ma-địa Xuất sinh thập phương, Tam-ma-địa Khai xiển, Tam-ma-địa Hoại thân ác hạnh, Tam-ma-địa Hoại ngữ ác hạnh, Tam-ma-địa Hoại ý ác hạnh, Tam-ma-địa Thiện quán sát, Tam-ma-địa Như hư không, Tam-ma-địa Vô nhiễm trước như hư không. Có vô lượng trăm ngàn pháp Tam-ma-địa như vậy, là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Kiện hành?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này có khả năng dung nạp cảnh giới của các Tam-ma-địa, có khả năng làm việc một cách mạnh mẽ thù thắng vô biên, có khả năng dẫn đầu các pháp đẳng trì, như vậy gọi là Tam-ma-địa Kiện hành.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Bảo ấn?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng thấu triệt cảnh giới của các Tam-ma-địa và quyết định hành tướng cho mọi việc làm, như vậy gọi là Tam-ma-địa Bảo ấn.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Sư tử du hý?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các pháp đẳng trì, thể hiện mọi nẻo diệu dụng tự tại, như vậy gọi là Tam-ma-địa Sư tử du hý.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Diệu nguyệt?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, như mặt trăng tròn đầy trong sáng chiếu khắp các định, như vậy gọi là Tam-ma-địa Diệu nguyệt.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Nguyệt tràng tướng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng chấp trì hết tất cả tướng định, như mặt trăng tròn đầy, trong sáng tỏa xuống luồng ánh sáng vi diệu, như vậy gọi là Tam-ma-địa Nguyệt tràng tướng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Nhất thiết pháp dũng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng phát xuất hết các Tam-ma-địa, như suối, ao lớn tuôn ra các dòng nước, như vậy gọi là Tam-ma-địa Nhất thiết pháp dũng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Quán đảnh?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng quán đến

điểm cao nhất của các Tam-ma-địa, như vậy gọi là Tam-ma-địa Quán đảnh.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Pháp giới quyết định?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, quyết định chiếu rõ các pháp giới, như vậy gọi là Tam-ma-địa Pháp giới quyết định.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Quyết định tràng tướng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng quyết định duy trì các hình tướng tiêu biểu của các pháp định, như vậy gọi là Tam-ma-địa Quyết định tràng tướng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Kim cang dụ?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng làm chủ các định chẳng bị các định kia lôi cuốn, như vậy gọi là Tam-ma-địa Kim cang dụ.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Nhập pháp ấn?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng chứng nhập hết các pháp ấn, như vậy gọi là Tam-ma-địa Nhập pháp ấn.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Tam-ma-địa vương?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, thống nhiếp các định tự tại như vua, như vậy gọi là Tam-ma-địa Tam-ma-địa vương.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Thiện an trú?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, khéo duy trì các công đức, chẳng khiến lay động chao đảo, như vậy gọi là Tam-ma-địa Thiện an trú.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Thiện lập định vương?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng khéo kiến lập, như vậy gọi là tam ma Thiện lập định vương.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Phóng quang?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với ánh sáng của các định, có khả năng khai phát hết, như vậy gọi là Tam-ma-địa Phóng quang.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô vong thất?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với hành tướng nơi cảnh giới các pháp đẳng trì, có khả năng ghi nhớ, không hề bỏ sót

cảnh nào, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô vong thất.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Phóng quang vô vong thất?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, phóng ánh sáng của các định thù thắng, chiếu soi các loại hữu tình, khiến họ nhớ lại những việc đã qua, như vậy gọi là Tam-ma-địa Phóng quang vô vong thất.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Tinh tấn lực?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng phát ra sức mạnh tinh tấn của các định, như vậy gọi là Tam-ma-địa Tinh tấn lực.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Trang nghiêm lực?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng dẫn phát sức mạnh trang nghiêm của các định, như vậy gọi là Tam-ma-địa Trang nghiêm lực.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Đẳng dũng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, khiến cho các pháp đẳng trì bình đẳng hiện ra, như vậy gọi là Tam-ma-địa Đẳng dũng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Nhất thiết ngôn từ quyết định?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với khắp các ngôn từ quyết định đều có khả năng ngộ nhập, như vậy gọi là Tam-ma-địa Nhất thiết ngôn từ quyết định.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Nhất thiết danh tự quyết định?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với khắp các danh tự quyết định, đều có khả năng ngộ nhập, như vậy gọi là Tam-ma-địa Nhất thiết danh tự quyết định.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Quán phương?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với hướng đến của các định, có khả năng quán chiếu khắp, như vậy gọi là Tam-ma-địa Quán phương.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Tổng trì ấn?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng giữ gìn hết ấn tượng của các định thâm diệu, như vậy gọi là Tam-ma-địa Tổng trì ấn.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Chư pháp đẳng thú hải

ấn?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, khiến cho các pháp định thù thắng đều hội nhập vào đấy một cách trọn vẹn, như biển rộng có thể nhiếp thọ các dòng sông, như vậy gọi là Tam-ma-địa Chư pháp đẳng thú hải ấn.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Địa vương ấn?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, khiến các sự nghiệp đều được quyết định, như được ấn của vua, điều mong muốn đều thành tựu, như vậy gọi là Tam-ma-địa Địa vương ấn.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Biến phú hư không?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các pháp đẳng trì, có khả năng bảo hộ che chở, không có chỗ trống, như hư không rộng lớn bao trùm, như vậy gọi là Tam-ma-địa Biến phú hư không.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Kim cang luân?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng giữ gìn hết tất cả định thù thắng, khiến chẳng tan hoại như bánh xe kim cang, như vậy gọi là Tam-ma-địa Kim cang luân.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Tam luân thanh tịnh?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, chẳng chấp trước nơi các định, người nhập định và cảnh định, như vậy gọi là Tam-ma-địa Tam luân thanh tịnh.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô lượng quang?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, luôn phóng ra các thứ ánh sáng, vượt qua mọi số lượng, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô lượng quang.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô trước vô chướng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với tất cả pháp, không chấp, không ngại, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô trước vô chướng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Đoạn chư pháp chuyển?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng cắt đứt các pháp lưu chuyển, như vậy gọi là Tam-ma-địa Đoạn chư pháp chuyển.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Khí xả trân bảo?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với tướng của các định đều xả bỏ, huống chi là chẳng xả bỏ tướng của các thứ phiền não, như vậy gọi là Tam-ma-địa Khí xả trân bảo.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Biến chiếu?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, chiếu tỏa khắp các định, khiến ánh sáng các định ấy luôn hiện rõ, như vậy gọi là Tam-ma-địa Biến chiếu.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Bất thuấn?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các pháp đẳng trì này, tâm ý chuyên nhất với các định khác, pháp khác, không giữ lấy, không mong cầu, như vậy gọi là Tam-ma-địa Bất thuấn.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô tướng trụ?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, chẳng thấy nơi các pháp định có mảy may tướng có thể an trụ, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô tướng trụ.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Bất tư duy?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, chẳng hề dấy khởi tất cả tâm và tâm sở, như vậy gọi là Tam-ma-địa Bất tư duy.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Hàng phục tứ ma?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với bốn thứ ma oán, đều có khả năng hàng phục chúng, như vậy gọi là Tam-ma-địa Hàng phục tứ ma.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô cấu đăng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, như cầm đèn thanh tịnh chiếu rõ các định, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô cấu đăng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô biên quang?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng phát ánh sáng lớn chiếu sáng vô cùng, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô biên quang.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Phát quang?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, chiếu soi các pháp đẳng trì, khiến không gián đoạn, dẫn phát các thứ ánh sáng thù thắng, như vậy gọi là Tam-ma-địa Phát quang.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Phổ chiếu?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các nẻo định đều có khả năng chiếu khắp, như vậy gọi là Tam-ma-địa Phổ chiếu.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Tịnh kiên định?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, chứng đắc tánh thanh

tịnh bình đẳng của các pháp đẳng trì, như vậy gọi là Tam-ma-địa Tịnh kiên định.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Sư tử phấn tấn?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các cấu uế, tùy ý xả bỏ, như sư tử chúa tự tại hùng dũng tiến tới, như vậy gọi là Tam-ma-địa Sư tử phấn tấn.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Sư tử tần thân?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, phát khởi thần thông thù thắng, tự tại, dứt mọi sợ hãi, hàng phục tất cả ma quân bạo ác, như vậy gọi là Tam-ma-địa Sư tử tần thân.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Sư tử khiếm khư?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, dẫn phát biện tài khéo léo, ở chỗ đông đảo không chút sợ sệt, phá dẹp tất cả tà tông ngoại đạo, như vậy gọi là Tam-ma-địa Sư tử khiếm khư.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô cấu quang?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng dứt trừ tất cả cấu uế của định, cũng có khả năng chiếu khắp các pháp đẳng trì thù thắng, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô cấu quang.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Diệu lạc?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, lãnh thọ niềm vui mầu nhiệm của các pháp đẳng trì, như vậy gọi là Tam-ma-địa Diệu lạc.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Điện đăng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, chiếu các pháp đẳng trì như ánh sáng điện chớp, như vậy gọi là Tam-ma-địa Điện đăng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô tận?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, dẫn phát công đức vô tận của các pháp đẳng trì mà chẳng thấy tướng tận, bất tận của nó, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô tận.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Tối thắng tràng tướng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, vượt lên trên tướng của các định, như ngọn cờ tối thắng, như vậy gọi là Tam-ma-địa Tối thắng tràng tướng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Đế tướng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các pháp đẳng

trì, chứng đắc tướng tự tại, như vậy gọi là Tam-ma-địa Đế tướng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Thuận minh chánh lưu?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với dòng định tưởng luôn sáng suốt, chân chánh, hoàn toàn tùy thuận, như vậy gọi là Tam-ma-địa Thuận minh chánh lưu.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Cụ oai quang?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các pháp đẳng trì, riêng nó hiện rõ uy quang tràn đầy, như vậy gọi là Tam-ma-địa Cụ oai quang.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Ly tận?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, thấy các pháp đẳng trì, tất cả đều vô tận, mà chẳng thấy tướng của một mảy may pháp nào có tận hoặc chẳng tận, như vậy gọi là Tam-ma-địa Ly tận.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Bất khả động chuyển?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, khiến các pháp đẳng trì không động, không vướng mắc, không thoái chuyển, không hý luận, như vậy gọi là Tam-ma-địa Bất khả động chuyển.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Tịch tĩnh?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các pháp đẳng trì, đều thấy tịch tĩnh, như vậy gọi là Tam-ma-địa Tịch tĩnh.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô hà khích?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, khiến các pháp đẳng trì quán chiếu không có kẽ hở, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô hà khích.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Nhật đăng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các môn định, luôn phát ra ánh sáng chiếu khắp, như vậy gọi là Tam-ma-địa Nhật đăng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Tịnh nguyệt?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các pháp đẳng trì, luôn phá tan bóng tối như mặt trăng tỏa sáng, như vậy gọi là Tam-ma-địa Tịnh nguyệt.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Tịnh nhãn?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng khiến cho năm loại mắt đều được thanh tịnh, như vậy gọi là Tam-ma-địa Tịnh nhãn.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Tịnh quang?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các pháp đẳng trì, đạt được bốn vô ngại, cũng khiến các định ấy đều có thể phát khởi, như vậy gọi là Tam-ma-địa Tịnh quang.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Nguyệt đăng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, diệt trừ sự ngu si tăm tối của các loài hữu tình, như mặt trăng chiếu sáng, như vậy gọi là Tam-ma-địa Nguyệt đăng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Phát minh?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, khiến các môn định luôn phát ánh sáng chiếu khắp, như vậy gọi là Tam-ma-địa Phát minh.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Ưng tác bất ưng tác?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, biết tất cả pháp đẳng trì, nên thực hiện, chẳng nên thực hiện, cũng khiến các định thành tựu như việc này, như vậy gọi là Tam-ma-địa Ưng tác bất ưng tác.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Trí tướng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, luôn thấy tướng sở hữu của các pháp đẳng trì, như vậy gọi là Tam-ma-địa Trí tướng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Kim cang man?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, thông đạt các môn đẳng trì và pháp, đối với định và pháp, đều không có sở kiến, như vậy gọi là Tam-ma-địa Kim cang man.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Trụ tâm?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, tâm chẳng dao động, chẳng chuyển, chẳng chiếu, cũng chẳng thiếu sót, chẳng nghĩ có tâm, như vậy gọi là Tam-ma-địa Trụ tâm.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Phổ minh?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với ánh sáng các định, có khả năng tỏa chiếu khắp, như vậy gọi là Tam-ma-địa Phổ minh.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Diệu an lập?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các pháp đẳng trì, có khả năng an lập mầu nhiệm, như vậy gọi là Tam-ma-địa Diệu an lập.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Bảo tích?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, thấy các pháp đẳng trì đều như khối báu, như vậy gọi là Tam-ma-địa Bảo tích.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Pháp ấn?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, luôn in đậm các pháp đẳng trì, vì dùng cái vô ấn mà in, như vậy gọi là Tam-ma-địa Pháp ấn.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Nhất thiết pháp bình đẳng tánh?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, không hề thấy có pháp lìa tánh bình đẳng, như vậy gọi là Tam-ma-địa Nhất thiết pháp bình đẳng tánh.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Khí xả trần ái?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các pháp định, khiến xả bỏ mọi nẻo luyến ái cấu uế, như vậy gọi là Tam-ma-địa Khí xả trần ái.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Pháp dũng viên mãn?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, khiến các pháp của Phật hiện ra tròn đầy dồi dào, như vậy gọi là Tam-ma-địa Pháp dũng viên mãn.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Nhập pháp đảnh?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng dứt trừ vĩnh viễn các pháp tối tăm, cũng vượt lên các định mà đứng đầu, như vậy gọi là Tam-ma-địa Nhập pháp đảnh.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Bảo tánh?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng phát ra vô biên sự quý báu của những công đức lớn lao, như vậy gọi là Tam-ma-địa Bảo tánh.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Xả huyên tránh?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, xả bỏ các thứ tranh cãi huyên náo trong thế gian, như vậy gọi là Tam-ma-địa Xả huyên tránh.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Phiêu tán?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, làm tiêu tan các pháp chấp về đẳng trì, như vậy gọi là Tam-ma-địa Phiêu tán.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Phân biệt pháp cú?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng khéo léo

phân biệt pháp cú của các định, như vậy gọi là Tam-ma-địa Phân biệt pháp cú.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Quyết định?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với việc thực hiện pháp đẳng trì đều được quyết định, như vậy gọi là Tam-ma-địa Quyết định.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô cấu hành?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng phát ra vô biên hạnh thanh tịnh thù thắng, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô cấu hành.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Tự bình đẳng tướng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, chứng đắc tướng bình đẳng của các danh tự đẳng trì, như vậy gọi là Tam-ma-địa Tự bình đẳng tướng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Ly văn tự tướng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các pháp đẳng trì, chẳng hề nắm giữ một chữ, như vậy gọi là Tam-ma-địa Ly văn tự tướng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Đoạn sở duyên?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, dứt hết cảnh tướng sở duyên của các pháp đẳng trì, như vậy gọi là Tam-ma-địa Đoạn sở duyên.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô biến dị?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, chẳng thấy có tướng biến dị của các pháp, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô biến dị.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô phẩm loại?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, chẳng thấy tướng về phẩm loại sai khác của các pháp, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô phẩm loại.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Nhập danh tướng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, ngộ nhập nơi cõi thật về danh tướng của các pháp, như vậy gọi là Tam-ma-địa Nhập danh tướng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô sở tác?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, tất cả mọi tạo tác đều dừng nghỉ, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô sở tác.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Nhập quyết định danh?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, ngộ nhập nẻo danh tự quyết định của các pháp đều không sở hữu, chỉ giả bày ra, như vậy gọi là Tam-ma-địa Nhập quyết định danh.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô tướng hành?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với tướng các định đều không có sở đắc, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô tướng hành.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Ly ế ám?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, sự che khuất của các định đều được trừ hết, như vậy gọi là Tam-ma-địa Ly ế ám.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Cụ hành?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, ở trong việc thực hành định, tuy thấy mà không thấy, như vậy gọi là Tam-ma-địa Cụ hành.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Bất biến động?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các pháp đẳng trì, chẳng thấy biến động, như vậy gọi là Tam-ma-địa Bất biến động.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Độ cảnh giới?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, luôn vượt lên cảnh giới sở duyên của các pháp đẳng trì, như vậy gọi là Tam-ma-địa Độ cảnh giới.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Tập nhất thiết công đức?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng tập hợp công đức có được của các định, nhưng đối với các pháp, không có ý tưởng tập hợp, như vậy gọi là Tam-ma-địa Tập nhất thiết công đức.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô tâm trụ?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các định, tâm không chuyển, không thoái đọa, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô tâm trụ.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Quyết định trụ?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các định, tâm tuy quyết định an trú, nhưng biết rõ ràng tướng của nó chẳng thể nắm bắt được, như vậy gọi là Tam-ma-địa Quyết định trụ.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Tịnh diệu hoa?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, khiến các pháp đẳng trì đều được thanh tịnh, trang nghiêm sáng rõ giống như hoa quý, như vậy gọi là Tam-ma-địa Tịnh diệu hoa.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Cụ giác chi?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, khiến tất cả định, đối với bảy chi Đẳng giác, mau được viên mãn, như vậy gọi là Tam-ma-địa Cụ giác chi.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô biên biện?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, ở trong các pháp đạt được biện tài vô biên, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô biên biện.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô biên đăng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các pháp, đều có khả năng chiếu rõ, giống như cây đèn sáng, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô biên đăng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô đẳng đẳng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, khiến các pháp đẳng trì luôn đạt được bậc cao nhất, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô đẳng đẳng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Siêu nhất thiết pháp?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với pháp trong ba cõi, đều khả năng siêu vượt, như vậy gọi là Tam-ma-địa Siêu nhất thiết pháp.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Quyết phán chư pháp?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, thấy các thắng định và các pháp, vì các hữu tình mà phân biệt rõ ràng, như vậy gọi là Tam-ma-địa Quyết phán chư pháp.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Tán nghi?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các pháp đẳng trì và các pháp khác, nếu có nhiều nghi ngờ, đều có thể dẹp tan, như vậy gọi là Tam-ma-địa Tán nghi.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Không có chỗ trụ?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, chẳng thấy các pháp có chỗ an trụ, như vậy gọi là Tam-ma-địa Không có chỗ trụ.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Nhất tướng trang

nghiêm?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, chẳng thấy các pháp có hai tướng, như vậy gọi là Tam-ma-địa Nhất tướng trang nghiêm.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Dẫn phát hành tướng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các môn đẳng trì và các pháp, tuy có khả năng dẫn phát các thứ hành tướng, nhưng hoàn toàn chẳng thấy cái khả năng dẫn phát, như vậy gọi là Tam-ma-địa Dẫn phát hành tướng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Nhất hành tướng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, thấy các pháp đẳng trì không có hai hành tướng, như vậy gọi là Tam-ma-địa Nhất hành tướng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Ly chư hành tướng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, thấy các pháp đẳng trì hoàn toàn không có hành tướng, như vậy gọi là Tam-ma-địa Ly chư hành tướng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Diệu hành?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, khiến các pháp đẳng trì, tuy khởi các thứ hạnh thù thắng vi diệu nhưng không có sự chấp trước chúng, như vậy gọi là Tam-ma-địa Diệu hành.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Đạt chư hữu để viễn ly?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các pháp đẳng trì và các pháp khác, chứng đắc trí thông đạt, được trí này rồi, đối với các pháp hữu, thông đạt, xa lìa, như vậy gọi là Tam-ma-địa Đạt chư hữu để viễn ly.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Nhập nhất thiết thi thiết ngữ ngôn?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, ngộ nhập các pháp môn Tam-ma-địa, mượn lời nói trình bày chúng, mà không hề có sự ỷ lại, sự chấp giữ, như vậy gọi là Tam-ma-địa Nhập nhất thiết thi thiết ngữ ngôn.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Kiên cố bảo?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng dẫn phát vô biên điều quý báu của công đức thù thắng, vi diệu, không thoái chuyển, không tan hoại, như vậy gọi là Tam-ma-địa Kiên cố bảo.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Ư nhất thiết pháp vô sở thủ trước?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, trong các pháp, không có tham chấp, vì các pháp luôn lìa tánh tướng, như vậy gọi là Tam-ma-địa Ư nhất thiết pháp vô sở thủ trước.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Điểm diệm trang nghiêm?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, luôn phát ra các thứ ánh sáng chiếu tỏa đến những chỗ tối tăm, lại dùng vô lượng công đức làm trang nghiêm, như vậy gọi là Tam-ma-địa Điểm diệm trang nghiêm.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Trừ khiển?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, diệt trừ vô biên phiền não, tập khí, như vậy gọi là Tam-ma-địa Trừ khiển.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Pháp cự?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, luôn chiếu rõ tự tướng, cộng tướng của các pháp, như vậy gọi là Tam-ma-địa Pháp cự.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Tuệ đăng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, chiếu rõ lý không, vô ngã của các pháp, như vậy gọi là Tam-ma-địa Tuệ đăng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Thú hướng bất thoái chuyển thần thông?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng dẫn phát vô lượng thần thông tối thắng, khó hàng phục, chẳng thoái chuyển, như vậy gọi là Tam-ma-địa Thú hướng bất thoái chuyển thần thông.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Giải thoát âm thanh văn tự?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, thấy các pháp đẳng trì đã giải thoát các tướng âm thanh, văn tự, tịch diệt, như vậy gọi là Tam-ma-địa Giải thoát âm thanh văn tự.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Cự xí nhiên?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các pháp đẳng trì, có oai đức của nó rất lớn, chiếu rõ các định, giống như ngọn đuốc bừng cháy, như vậy gọi là Tam-ma-địa Cự xí nhiên.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Nghiêm tịnh tướng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các pháp đẳng

trì, làm cho tướng của chúng được trang nghiêm thanh tịnh, như vậy gọi là Tam-ma-địa Nghiêm tịnh tướng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô tướng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các pháp đẳng trì, chẳng thấy tướng của chúng, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô tướng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô trược nhẫn tướng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các pháp, đạt được cái nhẫn không còn uế trược, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô trược nhẫn tướng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Cụ nhất thiết diệu tướng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, diệu tướng các định, đều thể hiện đầy đủ, như vậy gọi là Tam-ma-địa Cụ nhất thiết diệu tướng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Cụ tổng trì?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng thâu tóm giữ gìn hết sự thù thắng của các định, như vậy gọi là Tam-ma-địa Cụ tổng trì.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Bất hỷ nhất thiết khổ lạc?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với tướng khổ lạc của các pháp đẳng trì, chẳng thích quán sát, như vậy gọi là Tam-ma-địa Bất hỷ nhất thiết khổ lạc.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô tận hành tướng?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, chẳng thấy có sự chấm dứt nơi hành tướng của các định, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô tận hành tướng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Nhiếp phục nhất thiết chánh tà tánh?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với tánh chánh, tánh tà nơi các pháp đẳng trì, luôn nhiếp phục các kiến chấp, đều khiến chẳng khởi, như vậy gọi là Tam-ma-địa Nhiếp phục nhất thiết chánh tà tánh.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Đoạn tắng ái?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, chẳng thấy có tướng ghét, tướng ưa của các pháp định, như vậy gọi là Tam-ma-địa Đoạn tắng ái.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Ly vi thuận?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, chẳng thấy có tướng thuận, tướng nghịch của các pháp định, như vậy gọi là Tam-ma-địa Ly vi thuận.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô cấu minh?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các pháp đẳng trì, hoặc rõ, hoặc mờ, đều không thấy, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô cấu minh.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Cực kiên cố?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, khiến các pháp đẳng trì đều được kiên cố, như vậy gọi là Tam-ma-địa Cực kiên cố.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Mãn nguyệt tịnh quang?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, khiến công đức của các pháp đẳng trì được đầy đủ, như mặt trăng trong sáng, tròn đầy làm nước các biển cả dâng lên, như vậy gọi là Tam-ma-địa Mãn nguyệt tịnh quang.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Đại trang nghiêm?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, khiến các pháp đẳng trì thành tựu trang nghiêm lớn lao, hy hữu, vi diệu, như vậy gọi là Tam-ma-địa Đại trang nghiêm.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô nhiệt điển quang?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, phóng ánh sáng trong mát, chiếu các loại hữu tình, khiến dứt hết mọi thứ tối tăm, độc hại, nóng bức, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô nhiệt điển quang.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Năng chiếu nhất thiết thế gian?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, chiếu các pháp đẳng trì và các pháp, khiến cho các loài hữu tình đều được hiểu rõ, như vậy gọi là Tam-ma-địa Năng chiếu nhất thiết thế gian.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Năng cứu nhất thiết thế gian?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, có khả năng cứu độ các thứ lo sầu, khổ não của thế gian, như vậy gọi là Tam-ma-địa Năng cứu nhất thiết thế gian.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Định bình đẳng tánh?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, chẳng thấy sự sai biệt giữa định và tánh của các pháp đẳng trì, như vậy gọi là Tam-ma-địa Định bình đẳng tánh.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô trần hữu trần bình đẳng lý thú?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, thông tỏ đầy đủ tính chất bình đẳng hữu trần, vô trần của các định và các pháp, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô trần hữu trần bình đẳng lý thú.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô tránh hữu tránh bình đẳng lý thú?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, chẳng thấy sự sai biệt giữa tánh và tướng có tranh biện không tranh biện của các pháp và các định, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô tránh hữu tránh bình đẳng lý thú.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô sào huyệt, vô tiêu xí, vô ái lạc?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, phá hết các sào huyệt, bỏ hết các cờ lịnh, đoạn các ái lạc, không hề chấp trước, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô sào huyệt, vô tiêu xí, vô ái lạc.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Khí trung dũng xuất?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, khiến các pháp đẳng trì xuất sinh các công đức, như phước lực trời mà thức ăn trong bát hiện ra, như vậy gọi là Tam-ma-địa Khí trung dũng xuất.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Thiêu chư phiền não?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đốt cháy các phiền não chẳng sót tí nào, như vậy gọi là Tam-ma-địa Thiêu chư phiền não.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Đại trí tuệ cự?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, luôn phát ánh sáng trí tuệ soi thấu tất cả, như vậy gọi là Tam-ma-địa Đại trí tuệ cự.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Xuất sinh thập lực?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, khiến mười lực của Phật mau được viên mãn, như vậy gọi là Tam-ma-địa Xuất sinh thập lực.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Khai xiển?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, thường vì các hữu tình, khai mở xiển dương chánh pháp thâm diệu, khiến mau giải thoát đại khổ sinh tử, như vậy gọi là Tam-ma-địa Khai xiển.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Hoại thân ác hạnh?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, tuy chẳng thấy có thân, nhưng luôn dứt các hạnh ác của thân, như vậy gọi là Tam-ma-địa Hoại thân ác hạnh.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Hoại ngữ ác hạnh?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, tuy chẳng thấy có tiếng, nhưng luôn dứt các hạnh ác của lời nói, như vậy gọi là Tam-ma-địa Hoại ngữ ác hạnh.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Hoại ý ác hạnh?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, tuy chẳng thấy có tâm nhưng luôn dứt các hạnh xấu ác của ý, như vậy gọi là Tam-ma-địa Hoại ý ác hạnh.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Thiện quán sát?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các loài hữu tình có khả năng khéo quán sát và hiểu rõ căn tánh để mà độ thoát, như vậy gọi là Tam-ma-địa Thiện quán sát.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Như hư không?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, đối với các loài hữu tình, có khả năng đem lại lợi ích cho khắp cả, mà tâm bình đẳng như hư không rộng lớn, như vậy gọi là Tam-ma-địa Như hư không.

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tam-ma-địa Vô nhiễm trước như hư không?

–Thiện Hiện, nếu khi an trú Tam-ma-địa này, quán các pháp, đều không sở hữu, giống như hư không, không nhiễm, không đắm, như vậy gọi là Tam-ma-địa Vô nhiễm trước như hư không.

Thiện Hiện, có vô lượng trăm ngàn pháp Tam-ma-địa như vậy, nên biết đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là bốn Niệm trụ. Những gì là bốn? Đó là thân niệm trụ, thọ niệm trụ, tâm niệm trụ, pháp niệm trụ.

Thiện Hiện, thân niệm trụ là khi Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, tuy đối với bên trong thân, trụ quán khắp thân, nhưng rốt ráo không khởi tầm tư về thân, luôn mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu nơi thế gian. Các Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc

làm phương tiện, tuy đối với bên ngoài thân, trú quán khắp thân, nhưng rốt ráo không khởi tầm tư về thân, luôn mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu nơi thế gian. Các Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, tuy đối với cả trong ngoài thân, trú quán khắp thân, nhưng rốt ráo không khởi tầm tư về thân, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu nơi thế gian. Thiện Hiện, đó là niệm trụ về thân của Đại Bồ-tát.

Thiện Hiện, thọ niệm trụ là các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, tuy đối với bên trong thọ, trụ quán khắp thọ, nhưng rốt ráo không khởi tầm tư về thọ, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu nơi thế gian. Các Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, tuy đối với bên ngoài thọ, trú quán khắp thọ, nhưng rốt ráo không khởi tầm tư về thọ, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri; vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu nơi thế gian. Các Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, tuy đối với cả trong và ngoài thọ, trú quán khắp thọ, nhưng rốt ráo không khởi tầm tư về thọ, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu nơi thế gian. Thiện Hiện, đó là niệm trụ về thọ của Đại Bồ-tát.

Thiện Hiện, tâm niệm trụ là, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, tuy đối với bên trong tâm, trụ quán khắp tâm, nhưng rốt ráo không khởi tầm tư về tâm, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu nơi thế gian. Các Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, tuy đối với bên ngoài tâm, trú quán khắp tâm, nhưng rốt ráo không khởi tầm tư về tâm, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri; vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu nơi thế gian. Các Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, tuy đối với cả trong và ngoài tâm, trú quán khắp tâm, nhưng rốt ráo không khởi tầm tư về tâm, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu nơi thế gian. Thiện Hiện, đó là niệm trụ về tâm của Đại Bồ-tát.

Thiện Hiện, pháp niệm trụ là khi Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, tuy đối với bên trong pháp, trụ quán

khắp pháp, nhưng rốt ráo không khởi tầm tư về pháp, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu nơi thế gian. Các Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, tuy đối với bên ngoài pháp, trú quán khắp pháp, nhưng rốt ráo không khởi tầm tư về pháp, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri; vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu nơi thế gian. Các Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, tuy đối với cả trong và ngoài pháp, trú quán khắp pháp, nhưng rốt ráo không khởi tầm tư về pháp, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu nơi thế gian. Thiện Hiện, đó là niệm trụ về pháp của Đại Bồ-tát.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 53

PHẨM 15: BIỆN MINH VỀ ĐẠI THỪA (3)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với bên trong lẫn bên ngoài của thân, thọ, tâm, pháp, trụ quán khắp thân, thọ, tâm, pháp, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu của thế gian?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, quán kỹ tự thân, khi đi biết là đi, khi đứng biết là đứng, khi ngồi biết là ngồi, khi nằm biết là nằm, cứ như thế, như thế, sự sai khác về oai nghi của tự thân như thế nào, biết chính xác đầy đủ. Này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với bên trong thân, trụ quán khắp thân, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu của thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, quán kỹ tự thân, biết chính xác qua lại, biết chính xác nhìn ngắm, biết chính xác cúi xuống ngẩng lên, biết chính xác về co duỗi, mặc y Tăng-già-lê, cầm nắm y bát, ăn, uống, nằm nghỉ, kinh hành, ngồi đứng, đón tiếp, thức ngủ, nói im, vào ra các định đều nhớ biết chính xác. Này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với bên trong thân, trụ quán khắp thân, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu của thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, quán kỹ tự thân, khi hít vào biết như thật thở vào, khi thở ra biết như thật thở ra; khi hít vào dài, biết như thật

hít vào dài, khi thở ra dài, biết như thật thở ra dài; khi hít vào ngắn, biết như thật hít vào ngắn, khi thở ra ngắn, biết như thật thở ra ngắn. Như thợ bánh xe hoặc học trò của ông ta, khi sức bánh xe quay nhiều vòng biết như thật sức bánh xe quay nhiều vòng, khi sức bánh xe quay ít vòng biết như thật sức bánh xe quay ít vòng. Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, quán kỹ tự thân, hít vào, thở ra, hoặc dài, hoặc ngắn, đều biết như thật, cũng lại như vậy. Này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với bên trong thân, trụ quán khắp thân, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu của thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, quán kỹ tự thân, nghĩ biết như thật về bốn giới sai biệt đó là địa giới, thủy, hỏa, phong giới, như người đồ tể giỏi hoặc học trò của ông ta, giết chết trâu, lại dùng dao bén, cắt xẻ thân trâu, chia làm bốn phần, hoặc ngồi, đứng luôn quán biết như thật. Các Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, quán kỹ tự thân, nghĩ biết như thật, sự sai biệt của bốn giới địa, thủy, hỏa, phong, cũng lại như vậy. Này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với bên trong thân, trụ quán khắp thân, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu của thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, quán kỹ tự thân, nghĩ biết như thật, từ đầu đến chân, đầy dẫy các loại bất tịnh trong đó, ngoài là lớp da mỏng bao bọc, đó là tóc lông, móng răng, da, máu thịt, gân, mạch, xương, tủy, tim, gan, tỳ, thận, phổi, mật, dạ dày, ruột già, ruột non, phân, nước tiểu, nước miếng, nước mũi, nước dãi, nước mắt, cáu, bẩn, mồ hôi, đàm, mủ, mỡ lá, màng óc, ghèn, cứt ráy, những loại bất tịnh như vậy đầy dẫy trong thân, như trong kho của nông phu hoặc các trưởng giả chứa đầy các thứ tạp cốc, đó là nếp, mè, lúa tẻ, đậu, lúa mì,... có người sáng mắt mở kho thấy hết, liền biết như thật, trong đó chỉ có các thứ tạp cốc như nếp, mè, lúa tẻ...; các Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, quán kỹ tự thân, nghĩ biết như thật, từ chân đến đầu, chỉ có các thứ bất tịnh hôi thối đầy dẫy trong đó, rốt cuộc cũng lại như vậy; người trí nào ai xem quý thân này, chỉ có phàm phu mê lầm đắm trước. Này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-

đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với bên trong thân, trụ quán khắp thân, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu của thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đến nơi hoang vắng, quán tử thi vất bỏ, tử thi trải qua một ngày, hoặc trải qua hai ngày, cho đến bảy ngày, tử thi ấy phình trướng, biến thành màu xanh, bầm, thối rữa, da thủng, mủ máu chảy ra, thấy sự ấy rồi, tự nghĩ thân mình, cũng có tính chất như vậy, có đầy đủ hiện tượng như vậy, chưa được giải thoát, rốt cuộc rồi cũng như vậy; người trí, nào có ai xem quý thân này, chỉ có kẻ ngu si mê lầm đắm trước. Này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với bên trong thân, trụ quán khắp thân, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu của thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đến nơi hoang vắng, quán tử thi vất bỏ, tử thi trải qua một ngày, hoặc hai ngày cho đến bảy ngày, bị các loài cầm thú như chim điêu, thứu, quạ, bồ cắt, xi, kiêu, hổ, báo, chồn, sói, dã can, chó... hoặc mổ, hoặc bấu, xương thịt rơi rớt, cắn rứt mổ ăn; thấy việc này rồi, tự nghĩ thân mình, cũng có tính chất như vậy, đầy đủ các hiện tượng như vậy, chưa được giải thoát, rốt cuộc rồi cũng như vậy; người trí nào có ai xem quý thân này, chỉ có kẻ ngu si mới mê lầm đắm trước. Này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với bên trong thân, trụ quán khắp thân, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu của thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đến nơi hoang vắng quán tử thi vứt bỏ cầm thú ăn rồi, tử thi tan rã nhầy nhụa gớm ghiết, máu mủ tràn lan, có vô lượng trùng dòi lúc nhúc, hôi thối ghê tởm hơn là chó chết, thấy việc ấy rồi, tự nghĩ thân mình, cũng có tính chất như vậy, đầy đủ hiện tượng như vậy, chưa được giải thoát, rốt cuộc rồi cũng thế; người trí nào có ai xem quý thân này, chỉ có kẻ ngu si mới mê lầm, chấp trước. Này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với bên trong thân, trụ quán khắp thân, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu của

thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đến nơi hoang vắng quán tử thi vứt bỏ, trùng dòi ăn rồi, thịt rã xương rơi, lóng đốt liền nhau, gân ràng máu dính, chỉ còn thịt thối rữa; thấy việc này rồi, tự nghĩ thân mình, cũng có tính chất như vậy, đầy đủ hiện tượng như vậy, chưa được giải thoát, rốt cuộc rồi cũng như thế; người trí nào có ai xem quý thân này, chỉ có kẻ ngu si mới mê lầm, chấp trước. Này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với bên trong thân, trụ quán khắp thân, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu của thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đến nơi hoang vắng, quán tử thi vứt bỏ, còn bộ xương, máu thịt đều hết, chỉ còn gân gắn liền; thấy việc này rồi, tự nghĩ thân mình, cũng có tính chất như vậy, đầy đủ những hiện tượng như vậy, chưa được giải thoát, rốt cuộc rồi cũng thế; người trí nào có ai xem quý thân này, chỉ có kẻ ngu si mới mê lầm, chấp trước. Này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với bên trong thân, trụ quán khắp thân, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu của thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đến nơi hoang vắng, quán tử thi vứt bỏ, chỉ còn sót lại ít xương, màu xương trắng xác như ốc tuyết kha, các gân tan nát, lóng đốt rời rã; thấy việc này rồi, tự nghĩ thân mình, cũng có tính chất như vậy, đầy đủ hiện tượng như vậy, chưa được giải thoát, rốt cuộc rồi cũng thế; người trí nào có ai xem quý thân này, chỉ những kẻ ngu si mê lầm mới chấp trước. Này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với bên trong thân, trụ quán khắp thân, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu của thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đến nơi hoang vắng, quán tử thi vứt bỏ, đã thành xương trắng, lóng đốt phân tán, vung vãi khắp nơi, đó là xương bàn chân, ống chân, đầu gối, đùi vế, bàn tọa, sống, xương sườn, xương ngực, bắp tay, cánh tay, bàn tay, cổ sau, xương cằm, xương má,

xương đầu, mỗi xương nằm riêng một chỗ; thấy việc này rồi, tự nghĩ thân mình, cũng có tính chất như vậy, đầy đủ hiện tượng như vậy, chưa được giải thoát, rốt cuộc rồi cũng như thế; người trí nào ai xem quý thân này, chỉ kẻ ngu si mới mê lầm tham trước. Này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với bên trong thân, trụ quán khắp thân, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu của thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đến nơi hoang vắng, quán tử thi vứt bỏ, hài cốt ngổn ngang, gió thổi, mưa chan, nắng đốt, sương phủ, trãi nhiều năm tháng, màu như tuyết kha; thấy việc này rồi, tự nghĩ thân mình, cũng có tính chất như vậy, đầy đủ những hiện tượng như vậy, chưa được giải thoát, chung quy cũng như thế; người trí nào ai xem quý thân này, chỉ những kẻ ngu si mới mê lầm chấp trước. Này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với bên trong thân, trụ quán khắp thân, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu của thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đến nơi hoang vắng, quán tử thi vứt bỏ, xương còn vung vãi trên mặt đất, trải nhiều trăm năm, hoặc nhiều ngàn năm, xương biến thành màu xanh, giống như màu chim cáp, hoặc có xương mục, nát bủn như bụi, hòa lẫn trong đất, chẳng thể phân biệt; thấy việc này rồi, tự nghĩ thân mình, cũng có tính chất như vậy, đầy đủ những hiện tượng như vậy, chưa được giải thoát, rốt cuộc rồi cũng thế; người trí nào có ai xem quý thân này, chỉ những kẻ ngu si mới mê lầm chấp trước. Này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với bên trong thân, trụ quán khắp thân, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu của thế gian.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với sự sai biệt của bên trong thân như vậy, trụ quán khắp thân, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu của thế gian; đối với bên ngoài thân, trụ quán khắp thân, đối với cả trong lẫn ngoài thân, trụ quán khắp thân, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu của thế gian, tùy theo sở thích, cũng lại như vậy.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với cả trong lẫn ngoài của cả thọ, tâm, pháp, trụ quán khắp thọ, tâm, pháp, mạnh mẽ tinh tấn, đầy đủ niệm chánh tri, vì muốn điều phục mọi tham lam ưu sầu của thế gian.

Thiện Hiện, như vậy, Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với cả trong lẫn ngoài thân và thọ, tâm, pháp, khi trụ quán khắp thân, thọ, tâm, pháp, tuy quán như vậy mà không có sở đắc. Thiện Hiện nên biết, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là bốn Chánh đoạn. Những gì là bốn?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với các pháp ác bất thiện chưa sinh, thì đừng cho sinh, nên sinh ý muốn thúc đẩy, phát khởi sự siêng năng chân chính, thúc giục tâm giữ tâm, đó là Chánh đoạn thứ nhất.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với các pháp ác bất thiện đã sinh, thì làm cho đoạn trừ vĩnh viễn, nên sinh ý muốn thúc đẩy phát khởi sự siêng năng chân chính, thúc giục tâm giữ tâm, đó là Chánh đoạn thứ hai.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, pháp thiện chưa sinh, thì khiến cho phát sinh, nên sinh ý muốn thúc đẩy phát khởi sự siêng năng chân chính, thúc giục tâm giữ tâm, đó là Chánh đoạn thứ ba.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, pháp thiện đã sinh, thì khiến cho an trụ, chẳng hề quên làm cho luôn tăng trưởng, mở rộng, càng thêm tốt đẹp viên mãn, nên sinh ý muốn thúc đẩy phát khởi sự siêng năng chân chính, thúc giục tâm giữ tâm, đó là Chánh đoạn thứ tư.

Thiện Hiện nên biết, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là bốn Thần túc. Những gì là bốn?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu thần túc Dục Tam-ma-địa đoạn hành thành tựu, nương vào sự xa lìa, nương vào không nhiễm trước, nương vào đoạn diệt, hồi hướng xả, đó là thần túc thứ nhất.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm

phương tiện, tu thần túc Cần Tam-ma-địa đoạn hành thành tựu, nương vào sự xa lìa, nương vào không nhiễm trước, nương vào đoạn diệt, hồi hướng xả, đó là thần túc thứ hai.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu thần túc Tâm Tam-ma-địa đoạn hành thành tựu, nương vào sự xa lìa, nương vào không nhiễm trước, nương vào đoạn diệt, hồi hướng xả, đó là thần túc thứ ba.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu thần túc Quán Tam-ma-địa đoạn hành thành tựu, nương vào sự xa lìa, nương vào không nhiễm trước, nương vào đoạn diệt, hồi hướng xả, đó là thần túc thứ tư.

Thiện Hiện nên biết, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là năm Căn. Những gì là năm?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối tượng tu hành là Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn.

Thiện Hiện nên biết, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là năm Lực. Những gì là năm?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối tượng tu hành là Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.

Thiện Hiện nên biết, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là bảy chi Đẳng giác. Những gì là bảy?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối tượng tu hành là Niệm đẳng giác, Trạch pháp đẳng giác, Tinh tấn đẳng giác, Hỷ đẳng giác, Khinh an đẳng giác, Định đẳng giác, Xả đẳng giác, nương vào sự xa lìa, nương vào không nhiễm trước, nương vào đoạn diệt, hồi hướng xả.

Thiện Hiện nên biết, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là tám chi Thánh đạo. Những gì là tám?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối tượng tu hành là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh

niệm, Chánh định, nương vào sự xa lìa, nương vào không nhiễm trước, nương vào đoạn diệt, hồi hướng xả.

Thiện Hiện nên biết, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là ba Tam-ma-địa. Những gì là ba?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, quán tự tướng của các pháp đều là không, tâm được an trụ, gọi là pháp môn giải thoát Không, cũng gọi là Tam-ma-địa Không, đó là Tam-ma-địa thứ nhất.

Nếu Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, vì quán tự tướng của các pháp là không, nên đều không có tướng, tâm được an trụ, gọi là pháp môn giải thoát Vô tướng, cũng gọi là Tam-ma-địa Vô tướng, đó là Tam-ma-địa thứ hai.

Nếu Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, vì quán tự tướng của các pháp là không, nên đều không có sở nguyện, tâm được an trụ, gọi là pháp môn giải thoát Vô nguyện, cũng gọi là Tam-ma-địa Vô nguyện, đó là Tam-ma-địa thứ ba.

Thiện Hiện nên biết, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là Pháp trí, Loại trí, Thế tục trí, Tha tâm trí, Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí, Tận trí, Vô sinh trí, Như thật trí, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Tôn giả Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Pháp trí?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, nếu trí lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết rõ về sự chuyển biến nơi các tướng sai biệt của năm uẩn..., đó là Pháp trí.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Loại trí?

–Thiện Hiện, nếu trí lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết về uẩn, giới, xứ và các duyên khởi, hoặc tổng, hoặc biệt là vô thường..., đó là Loại trí.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Thế tục trí?

–Thiện Hiện, nếu trí lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết tất cả pháp là danh tự giả bày, đó là Thế tục trí.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Tha tâm trí?

–Thiện Hiện, nếu trí lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết tâm, các

pháp tâm sở của hữu tình và tu hành chứng diệt, đó là Tha tâm trí.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Khổ trí?

–Thiện Hiện, nếu trí lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết rõ về khổ nên chẳng thọ sinh, đó là Khổ trí.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Tập trí?

–Thiện Hiện, nếu trí lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết rõ về tập nên đoạn trừ vĩnh viễn, đó là Tập trí.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Diệt trí?

–Thiện Hiện, nếu trí lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết rõ về diệt nên tác chứng, đó là Diệt trí.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đạo trí?

–Thiện Hiện, nếu trí lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết rõ về đạo nên dốc tu tập, đó là Đạo trí.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Tận trí?

–Thiện Hiện, nếu trí lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết rõ về tham, sân, si hết, đó là Tận trí.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Vô sinh trí?

–Thiện Hiện, nếu trí lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết có cõi đến của chúng sinh chẳng sinh lại, đó là Vô sinh trí.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Như thật trí?

–Thiện Hiện, trí Nhất thiết, trí Nhất thiết tướng của Như Lai, đó là Như thật trí.

Thiện Hiện nên biết, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là ba vô lậu căn. Những gì là ba? Đó là vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, cụ tri căn.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là vị tri đương tri căn?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, nếu các hành giả, đối với các Thánh đế, chưa được hiện quán, chưa được Thánh quả, nhưng có tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, đó gọi là vị tri đương tri căn.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là dĩ tri căn?

–Thiện Hiện, nếu các hành giả, đối với các Thánh đế, đã được hiện quán, đã được Thánh quả, lại có tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn,

tuệ căn, đó là dĩ tri căn.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là cụ tri căn?

–Thiện Hiện, các hành giả hoặc là A-la-hán, hoặc là Độc giác, hoặc là Bồ-tát, đã trụ Thập địa, hoặc là chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, đó là cụ tri căn.

Thiện Hiện, ba căn như vậy, nếu ai lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên biết đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là ba Tam-ma-địa. Những gì là ba? Đó là Tam-ma-địa có tầm có tứ, Tam-ma-địa không tầm chỉ có tứ, Tam-ma-địa không tầm không tứ.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Tam-ma-địa có tầm có tứ?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, nếu lìa pháp dục ác bất thiện, có tầm, có tứ, ly sinh hỷ lạc, nhập tĩnh lự ban đầu và an trú trọn vẹn trong đó, đó là Tam-ma-địa có tầm có tứ.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Tam-ma-địa không tầm chỉ có tứ?

–Thiện Hiện, nếu là định ở khoảng giữa tĩnh lự ban đầu và tĩnh lự thứ hai, đó là Tam-ma-địa không tầm chỉ có tứ.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Tam-ma-địa không tầm không tứ?

–Thiện Hiện, nếu là tĩnh lự thứ ba cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là Tam-ma-địa không tầm không tứ.

Thiện Hiện, với ba Tam-ma-địa như vậy, nếu ai lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên biết đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là mười tùy niệm. Những gì là mười? Đó là tùy niệm Phật, tùy niệm Pháp, tùy niệm Tăng, tùy niệm giới, tùy niệm xả, tùy niệm thiên, tùy niệm tịch tĩnh, xa lìa, tùy niệm hơi thở ra vào, tùy niệm thân, tùy niệm về sự chết.

Thiện Hiện, với mười tùy niệm như vậy, nếu ai lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên biết đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát nghĩa là đối với bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ... có bao nhiêu pháp thiện, nếu lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên biết đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là mười lực của

Phật. Những gì là mười? Đó là Xứ phi xứ trí lực, Nghiệp dị thục trí lực, Chủng chủng giới trí lực, Chủng chủng thắng giải trí lực, Căn thắng liệt trí lực, Biến hành hành trí lực, Tĩnh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí tạp nhiễm thanh tịnh trí lực, Túc trụ tùy niệm trí lực, Tử sinh trí lực, Lậu tận trí lực.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Xứ phi xứ trí lực?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, nếu lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết như thật về tướng xứ phi xứ của các pháp nhân quả..., đó là Xứ phi xứ trí lực.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Nghiệp dị thục trí lực?

–Thiện Hiện, nếu lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết rõ như thật về hình tướng của các nghiệp pháp và các thứ nhân quả phải chịu ở quá khứ, vị lai, hiện tại của các loài hữu tình, đó là Nghiệp dị thục trí lực.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Chủng chủng giới trí lực?

–Thiện Hiện, nếu lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết rõ như thật về hình tướng cảnh giới vô lượng của các loài hữu tình, đó là Chủng chủng giới trí lực.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Chủng chủng thắng giải trí lực?

–Thiện Hiện, nếu lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết rõ như thật về tướng thắng giải vô lượng của các loại hữu tình, đó là Chủng chủng thắng giải trí lực.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Căn thắng liệt trí lực?

–Thiện Hiện, nếu lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết rõ như thật về hình tướng căn hơn kém của các loài hữu tình, đó là Căn thắng liệt trí lực.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Biến hành hành trí lực?

–Thiện Hiện, nếu lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết rõ như thật về hình tướng hoạt động cùng khắp của các loài hữu tình, đó là Biến hành hành trí lực.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Tĩnh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí tạp nhiễm thanh tịnh trí lực?

–Thiện Hiện, nếu lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết rõ như thật về các hình tướng tĩnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí, tạp nhiễm, thanh tịnh, căn, lực, giác chi, đạo chi... của các loài hữu tình, đó là Tĩnh lự giải

thoát đẳng trì đẳng chí tạp nhiễm thanh tịnh trí lực.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Túc trụ tùy niệm trí lực?

–Thiện Hiện, nếu lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết rõ như thật về hình tướng, việc ở vô lượng vô số đời trước của các loài hữu tình, đó là Túc trụ tùy niệm trí lực.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Tử sinh trí lực?

–Thiện Hiện, nếu lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết rõ như thật về hình tướng nơi vô lượng vô số việc sinh tử của các loài hữu tình, đó là Tử sinh trí lực.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Lậu tận trí lực?

–Thiện Hiện, nếu lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết rõ như thật: Các lậu dứt hẳn, tâm vô lậu giải thoát, tuệ vô lậu giải thoát, ở trong hiện pháp, tự tác chứng, an trú hoàn toàn, có khả năng chánh tri "Việc sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, chẳng thọ thân sau", đó là Lậu tận trí lực.

Thiện Hiện nên biết, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là bốn vô sở úy. Những gì là bốn? Đó là Chánh đẳng giác vô úy, Lậu tận vô úy, Chướng pháp vô úy, Tận khổ đạo vô úy.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Chánh đẳng giác vô úy?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, nếu lấy vô sở đắc làm phương tiện, tự xưng ta là Bậc Chánh Đẳng Giác, cho dù có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hoặc kẻ thế tục nào khác, dựa vào pháp lập vấn nạn và nghĩ nhớ nói rằng, đối với pháp ấy, chẳng phải là Chánh đẳng giác, Ta đối với vấn nạn kia, thấy rõ là không có lý do. Vì đối với vấn nạn kia, thấy không có lý do, nên được an trú trong yên ổn, không sợ, không hãi; tự xưng ta ở ngôi vị Đại Tiên tôn quý, ở trong đại chúng, chính thức gầm lên tiếng rống sư tử, chuyển bánh xe pháp nhiệm mầu; bánh xe đó thanh tịnh, chánh chân vô thượng. Tất cả Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hoặc kẻ thế tục nào khác đều không ai có khả năng chuyển bánh xe pháp như vậy, đó là Chánh đẳng giác vô úy.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Lậu tận vô úy?

–Thiện Hiện, nếu lấy vô sở đắc làm phương tiện, tự xưng ta đã dứt

hẳn các lậu, dù có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hoặc kẻ thế tục nào khác, dựa vào pháp lập vấn nạn và nghĩ nhớ nói rằng, các lậu như vậy, chưa dứt hẳn, ta đối với sự vấn nạn kia, thấy không có lý do, nên được an trú trong yên ổn, không sợ, không hãi; tự xưng ta ở ngôi vị Đại Tiên tôn quý, ở trong đại chúng, chính thức gầm lên tiếng rống sư tử, chuyển bánh xe pháp nhiệm mầu. Bánh xe đó thanh tịnh, chánh chân vô thượng; tất cả Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hoặc kẻ thế tục nào khác đều không ai có khả năng chuyển bánh xe pháp như vậy, đó là Lậu tận vô úy.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Chướng pháp vô úy?

–Thiện Hiện, nếu lấy vô sở đắc làm phương tiện, vì các đệ tử thuyết giảng về các pháp làm chướng ngại đạo, dù có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hoặc kẻ thế tục nào khác, dựa vào pháp lập vấn nạn và nghĩ nhớ nói rằng, làm theo pháp này chẳng có khả năng gây chướng ngại cho đạo; ta đối với sự vấn nạn kia, thấy rõ là không có lý do; vì đối với sự vấn nạn kia, thấy không có lý do, nên được an trú trong sự yên ổn, không sợ, không hãi. Tự xưng, ta ở ngôi vị Đại Tiên tôn quý, ở trong đại chúng chính thức gầm lên tiếng rống sư tử, chuyển bánh xe pháp nhiệm mầu; bánh xe này thanh tịnh, chánh chân vô thượng; các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hoặc kẻ thế tục nào khác đều không ai có khả năng chuyển bánh xe pháp như vậy, đó là Chướng pháp vô úy.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Tận khổ đạo vô úy?

–Thiện Hiện, nếu lấy vô sở đắc làm phương tiện, vì các đệ tử thuyết giảng đạo dứt hết khổ, dù có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hoặc kẻ thế tục nào khác, dựa vào pháp lập vấn nạn và nghĩ nhớ nói rằng, tu đạo này, chẳng thể dứt hết khổ. Ta đối với sự vấn nạn kia, thấy rõ là không có lý do; vì đối với sự vấn nạn kia, thấy không có lý do, nên được an trú trong sự yên ổn, không sợ, không hãi; tự xưng ta ở ngôi vị Đại Tiên tôn quý, ở trong đại chúng, chính thức gầm lên tiếng rống sư tử, chuyển bánh xe pháp nhiệm mầu. Bánh xe này thanh tịnh, chánh chân vô thượng; các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hoặc kẻ thế tục nào khác đều không ai có khả năng chuyển bánh xe pháp như vậy, đó là Tận khổ đạo vô úy.

Thiện Hiện nên biết, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là bốn sự hiểu

biết thông suốt. Những gì là bốn? Đó là sự hiểu biết thông suốt về nghĩa, sự hiểu biết thông suốt về pháp, sự hiểu biết thông suốt về từ, sự hiểu biết thông suốt về biện luận.

Thiện Hiện, với bốn sự hiểu biết thông suốt như vậy, nếu lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên biết đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, năm loại mắt, sáu phép thần thông, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Thiện Hiện, với các pháp như vậy, nếu lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên biết đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là mười tám pháp Phật bất cộng. Những gì là mười tám? Đó là: Ta, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, từ đêm mới chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột cho đến đêm cuối cùng, việc làm đã xong, nhập Vô dư y Đại Niết-bàn, ở trong khoảng giữa, thường không lầm lẫn, không một lời vội vàng thô bạo, không một niệm lơ đễnh, không tâm bất định, không nghĩ mông lung, có chọn có bỏ, chí muốn không lùi, tinh tấn không lùi, niệm không lùi, giải thoát tri kiến không lùi, tất cả thân nghiệp trí là dẫn đầu tùy trí mà chuyển, tất cả ngữ nghiệp, trí là dẫn đầu tùy trí mà chuyển, tất cả ý nghiệp trí là dẫn đầu tùy trí mà chuyển, đối với đời quá khứ phát khởi trí kiến không đắm không ngại, đối với đời vị lai, phát khởi trí kiến không đắm không ngại, đối với đời hiện tại, phát khởi trí kiến không đắm không ngại. Thiện Hiện, mười tám pháp Phật bất cộng như vậy, đều lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên biết đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát là các pháp môn văn tự Đà-la-ni.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là pháp môn văn tự Đà-la-ni?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, tánh bình đẳng của văn tự, tánh bình đẳng của ngôn ngữ, tánh bình đẳng của ngôn thuyết lý thú, hội nhập vào các pháp môn văn tự, đó là pháp môn văn tự Đà-la-ni.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là nhập vào các pháp môn văn tự?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện do nhập vào pháp môn chữ "Ả" (A) nên ngộ

tất cả pháp vốn chẳng sinh; do nhập vào pháp môn chữ "lạc" (Ra), nên ngộ tất cả pháp lìa bụi bặm cấu uế; do nhập vào pháp môn chữ "bả" (Pa), nên ngộ thắng nghĩa của các pháp; do nhập vào pháp môn chữ "giả" (Ca), nên ngộ tính không sinh tử của các pháp; do nhập vào pháp môn chữ "na" (Na), nên ngộ tính không được mất, xa lìa danh tướng của các pháp; do nhập vào pháp môn chữ "lỏa" (La), nên ngộ tính xuất thế gian của các pháp, chi Ái trong nhân duyên vĩnh viễn chẳng hiện; do nhập vào pháp môn chữ "đà" (Da), nên ngộ tính điều phục, tịch tĩnh, chân như, bình đẳng, vô phân biệt của các pháp; do nhập vào pháp môn chữ "bà" (Ba), nên ngộ tính lìa ràng buộc của các pháp; do nhập vào pháp môn chữ "đồ" (Đa), nên ngộ tính xa lìa mọi nẻo nóng nảy, kiêu mạn, cấu uế của các pháp, được thanh tịnh; do nhập vào pháp môn chữ "sa" (Xa), nên ngộ tính không còn trở ngại của các pháp; do nhập vào pháp môn chữ "phược" (Va), nên ngộ tính dứt tuyệt mọi nẻo ngôn ngữ của các pháp; do nhập vào pháp môn chữ "đả" (Ta), nên ngộ tính chân như bất động của các pháp; do nhập vào pháp môn chữ "giã" (Ya), nên ngộ tính như thật chẳng sinh của các pháp; do nhập vào pháp môn chữ "trá" (Stha), nên ngộ các tướng chế ngự điều phục, giữ gìn duy trì của các pháp là chẳng thể đạt được; do nhập vào pháp môn chữ "ca" (Ka), nên ngộ tác giả của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "ta" (Sa), nên ngộ tính bình đẳng về thời gian của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "ma" (Ma), nên ngộ tánh ngã và ngã sở của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "già" (Ga), nên ngộ tánh tạo tác giữ lấy của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "tha" (Tha), nên ngộ xứ sở của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "xà" (Ja), nên ngộ sự sinh khởi của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "thấp phược" (Zva), nên ngộ tánh an ổn của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "đạt" (Dha), nên ngộ tánh của các pháp giới là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "xả" (Za), nên ngộ tánh tịch tĩnh của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "khư" (Kha), nên ngộ tánh như hư không của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "sắn" (Kxa), nên ngộ tánh cùng tận của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "tát đả" (Sta), nên ngộ tánh bảo vệ giữ gìn nẻo xứ phi xứ khiến chẳng động chuyển của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "nhã" (Jña), nên ngộ tánh được biết rõ của các

pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "lật tha" (Ta), nên ngộ tánh chấp trước nghĩa của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "kha" (Ha), nên ngộ tánh tạo nhân của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "bạc" (Bha), nên ngộ tánh có thể phá hoại của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "xước" (Cha), nên ngộ tánh che khuất của dục lạc nơi tất cả pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "táp ma" (Sma), nên ngộ tánh có thể nhớ nghĩ của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "hạp phước" (Hva), nên ngộ tánh có thể vời gọi của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "ta" (Tsa), nên ngộ tánh dũng mãnh của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "kiện" (Gha), nên ngộ tánh bình đẳng rộng lớn của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "sai" (Ỉa), nên ngộ tánh phân chia, lôi kéo của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "noa" (Ịa), nên ngộ sự xa lìa mọi việc tranh cãi ồn ào, tính chất không lại, không qua, đi, đứng, nằm, ngồi của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "phả" (Pha), nên ngộ tính chất quả báo đầy đủ cùng khắp của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "tắt ca" (Ska), nên ngộ tánh tích tụ chứa nhóm của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "dật ta" (Ysa), nên ngộ tánh già suy của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "chước" (Zca), nên ngộ dấu vết tụ tập của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "tra" (Ta), nên ngộ tánh bức bách xua đuổi nhau của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; do nhập vào pháp môn chữ "trạch" (Ỉha), nên ngộ nẻo cứu cánh của các pháp là chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, các pháp môn văn tự như thế, là có khả năng ngộ nhập đến tận cùng nơi pháp không; trừ văn tự như thị, là biểu thị về cái không của các pháp lại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, ý nghĩa của văn tự như thị là chẳng thể nói ra được, chẳng thể nêu bày làm cho hiển hiện được, chẳng thể chấp thủ, chẳng thể ghi chép giữ gìn, chẳng thể quán sát, vì nó luôn lìa các tướng.

Thiện Hiện, giống như hư không là nơi hướng về, gồm thâu của các vật, các pháp môn văn tự này, cũng lại như vậy. Nghĩa không của các pháp đều nhập vào pháp môn này mới được rõ bày.

Thiện Hiện, nhập vào chữ "**Ả**" này... gọi là nhập vào các pháp môn văn tự. Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với việc nhập vào các pháp môn văn tự như vậy, đạt được trí thiện xảo, đối với mọi sự nói năng, phô diễn, thể hiện của các thứ âm thanh, ngôn ngữ đều không bị trở ngại; đối với tánh bình đẳng – không của các pháp có khả năng chứng đắc và duy trì hết; đối với các thứ âm thanh, ngôn ngữ đều đạt được thông suốt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát có thể nghe và nhập vào tướng ấn, cú ấn của các pháp môn văn tự như vậy, nghe rồi thọ trì, đọc tụng, quảng diễn, vì người khác giảng giải, chẳng ham danh lợi, do nhân duyên này mà đạt được hai mươi thứ công đức thù thắng. Những gì là hai mươi? Đó là được sự nhớ nghĩ mạnh mẽ, sâu sắc có được mọi sự hổ thẹn hơn hết, sức mạnh kiên cố, đạt được mọi sự thâm diệu tột cùng của pháp, hiểu biết luôn tăng trưởng dồi dào, trí tuệ thù thắng, biện tài vô ngại, pháp môn tổng trì, dứt trừ nghi hoặc, không giận hay ưa thích đối với lời nói nghịch thuận, an trú trong bình đẳng không cao thấp, thông suốt với âm thanh ngôn ngữ của hữu tình, uẩn hoàn hảo, xứ hoàn hảo, giới hoàn hảo, duyên khởi hoàn hảo, nhân hoàn hảo, duyên hoàn hảo, pháp hoàn hảo, được trí hoàn hảo, phân biệt hơn kém của căn, trí hoàn hảo biết tâm người khác, quán sát khéo léo về tinh tú niên lịch, trí thiện nhĩ hoàn hảo, trí túc trụ tùy niệm hoàn hảo, trí thần cảnh hoàn hảo, trí biết rõ về sống chết hoàn hảo, trí lậu tận hoàn hảo, trí hoàn hảo nêu bày về xứ phi xứ, mọi oai nghi, qua lại trên đường hết sức hoàn hảo.

Thiện Hiện, đó là được hai mươi thứ công đức thù thắng.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện đạt được các pháp môn văn tự Đà-la-ni, nên biết, đó là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Ông hỏi làm thế nào để biết Đại Bồ-tát phát tâm hướng đến Đại thừa ư?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, từ bậc này đến bậc khác, nên biết đó là Đại Bồ-tát phát tâm hướng đến Đại thừa.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, từ bậc này đến bậc khác?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát nhận biết tất cả pháp không từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, vì sao? Vì các pháp không đi, không đến, không chỗ khởi hành, không có đích để tới, vì các pháp đó không biến hoại, Đại Bồ-tát ấy đối với chỗ khởi hành và chỗ đến, chẳng ỷ lại, chẳng tư duy, tuy tu sửa sự hành hóa ở bậc của mình mà chẳng thấy bậc ấy. Này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát khi tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa đã từ bậc này đạt đến bậc khác.

Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Đại Bồ-tát tu sửa sự hành hóa ở bậc của mình?

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi trụ ở bậc ban đầu là Cực hỷ, nên khéo tu sửa mười thứ hành hóa thù thắng. Những gì là mười? Một là lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu sửa nghiệp ý lạc thù thắng thanh tịnh, vì ý lạc thù thắng ấy, chẳng thể nắm bắt được; hai là lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu sửa nghiệp tâm bình đẳng đối với các loài hữu tình, vì các loài hữu tình chẳng thể nắm bắt được; ba là lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu sửa nghiệp bố thí, vì người cho, kẻ nhận và vật được cho, đều chẳng thể nắm bắt được; bốn là lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu sửa nghiệp thân cận thiện hữu, vì thiện hữu, ác hữu không có hai tướng; năm là lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu sửa nghiệp cầu pháp, vì các pháp được cầu là chẳng thể nắm bắt được; sáu là lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu sửa nghiệp thường ưa xuất gia, vì xả bỏ nhà cửa chẳng thể nắm bắt được; bảy là lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu sửa nghiệp mến thích thân Phật, vì các tướng tốt và vẻ đẹp kèm theo đều chẳng thể nắm bắt được; tám là lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu sửa nghiệp khai mở xiển dương giáo pháp, vì pháp được phân biệt là chẳng thể nắm bắt được; chín là lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu sửa nghiệp phá trừ kiêu mạn, vì tính chất hưng thạnh của các pháp là chẳng thể nắm bắt được; mười là lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu sửa nghiệp ngôn ngữ chân thật, thường hằng vì tánh của các loại ngôn ngữ chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi an trú bậc ban đầu là Cực hỷ, nên khéo tu sửa mười nẻo hành hóa thù thắng như vậy.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu bậc thứ hai là Ly cấu địa, đối với tám pháp nên dốc tư duy, tu tập khiến mau được viên mãn. Những gì là tám? Một là cấm giới thanh tịnh; hai là tri ân báo ân; ba là trụ sức an nhẫn; bốn là thọ hoan hỷ thù thắng; năm là không bỏ loài hữu tình; sáu là thường khởi đại Bi; bảy là đối với các Sư trưởng, đem tâm kính tín để

thăm hỏi, làm theo lời dạy, cúng dường, tưởng như phụng sự Phật; tám là dốc sức tu tập Ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ hai là Ly cấu địa, nên đối với tám pháp dốc tư duy, tu tập, khiến mau được viên mãn.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu bậc thứ ba là Phát quang, nên trụ nơi năm pháp. Những gì là năm? Một là dốc cầu đa văn, thường không nhàm chán, không cho là đủ đối với pháp đã nghe, không chấp trước văn tự; hai là lấy tâm không nhiễm, thường hành pháp thí, tuy mở rộng giáo hóa mà không tự cao; ba là vì muốn làm nghiêm tịnh quốc độ mà trồng các căn lành, tuy là để hồi hướng mà chẳng tự đề cao; bốn là vì giáo hóa hữu tình, tuy chẳng tỏ ra mệt mỏi chán nản với việc sinh tử vô biên mà chẳng tự cao; năm là tuy trụ nơi sự hổ thẹn mà không chấp trước.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ ba là Phát quang, nên thường an trú năm pháp như vậy.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ tư là Diệm tuệ, phải nên trụ mười pháp, thường thực hành chẳng bỏ. Những gì là mười? Một là ở các nơi chốn thanh vắng, thường chẳng xa lìa; hai là luôn tỏ ra ít ham muốn; ba là vui vẻ biết đủ; bốn là thường chẳng lìa bỏ công đức đầu đà; năm là đối với các học xứ chưa từng xả bỏ; sáu là đối với dục lạc nên hết sức sinh nhàm chán xa lìa; bảy là thường ưa phát khởi tâm vắng lặng; tám là bỏ các sở hữu; chín là tâm chẳng ngưng trệ chìm đắm; mười là đối với mọi sở hữu không có gì luyến tiếc đoái hoài.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ tư là Diệm tuệ, nên an trú mười pháp như vậy, thường hành chẳng bỏ.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 54

PHẨM 15: BIỆN MINH VỀ ĐẠI THỪA (4)

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ năm là Cực nan thắng, phải xa lìa mười pháp. Những gì là mười? Một là phải xa lìa nhà ở; hai là phải xa lìa Bí-sô-ni; ba là phải xa lìa các gia đình keo kiệt; bốn là phải xa lìa chúng hội tranh cãi giận hờn; năm là phải xa lìa việc khen mình chê người; sáu là phải xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện; bảy là phải xa lìa việc tăng thượng kiêu mạn ngạo nghễ; tám là phải xa lìa việc điên đảo; chín là phải xa lìa việc do dự; mười là phải xa lìa tham, sân, si.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát, khi trụ bậc thứ năm là Cực nan thắng, phải thường xa lìa mười pháp như vậy.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ sáu là Hiện tiền phải dốc làm viên mãn sáu pháp. Những gì là sáu? Một là phải dốc làm viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa; hai là phải dốc làm viên mãn Tịnh giới ba-la-mật-đa; ba là phải dốc làm viên mãn An nhẫn ba-la-mật-đa; bốn là phải dốc làm viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa; năm là phải dốc làm viên mãn Tĩnh lự ba-la-mật-đa; sáu là phải dốc làm viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa. Lại, phải xa lìa sáu pháp. Những gì là sáu? Một là phải xa lìa tâm Thanh văn; hai là phải xa lìa tâm Độc giác; ba là phải xa lìa tâm nhiệt não; bốn là thấy kẻ hành khất đến, tâm chẳng bực bội lo lắng; năm là bỏ vật sở hữu tâm không lo buồn hối tiếc; sáu là đối với kẻ đến cầu xin, hoàn toàn chẳng kiêu ngạo dối gạt.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ sáu là Hiện tiền, phải dốc làm viên mãn sáu pháp như vậy và phải xa lìa sáu pháp như vậy.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ bảy là Viễn hành, phải xa lìa hai mươi pháp. Những gì là hai mươi? Một là phải xa lìa chấp ngã, chấp hữu tình cho đến chấp cái biết, chấp cái thấy; hai là phải xa lìa chấp đoạn; ba là phải xa lìa chấp thường; bốn là phải xa lìa chấp tướng; năm là phải xa lìa chấp nhân... kiến; sáu là phải xa lìa chấp danh sắc; bảy

là phải xa lìa chấp uẩn; tám là phải xa lìa chấp xứ; chín là phải xa lìa chấp giới; mười là phải xa lìa chấp Thánh đế; mười một là phải xa lìa chấp duyên khởi; mười hai là phải xa lìa chấp trụ trước ba cõi; mười ba là phải xa lìa chấp tất cả pháp; mười bốn là phải xa lìa chấp như lý hoặc chẳng như lý của tất cả pháp; mười lăm là phải xa lìa kiến chấp nương vào Phật; mười sáu là phải xa lìa kiến chấp nương vào Pháp; mười bảy là phải xa lìa kiến chấp nương vào Tăng; mười tám là phải xa lìa kiến chấp nương vào giới; mười chín là phải xa lìa sự sợ hãi pháp không; hai mươi là phải xa lìa sự chống trái tánh không. Lại phải dốc làm viên mãn hai mươi pháp. Những gì là hai mươi? Một là phải dốc làm viên mãn việc thông đạt cái không; hai là phải làm viên mãn việc chứng đắc vô tướng; ba là phải làm viên mãn việc hiểu biết vô nguyện; bốn là phải làm viên mãn ba luân thanh tịnh; năm là phải làm viên mãn tâm thương xót loài hữu tình và đối với loài hữu tình luôn dứt mọi nẻo chấp trước; sáu là phải làm viên mãn những nhận thức bình đẳng về tất cả các pháp và ở trong đó không có sự chấp trước; bảy là phải làm viên mãn những nhận thức bình đẳng về các loài hữu tình và ở trong đó không có sự chấp trước; tám là phải làm viên mãn việc thông đạt lý thú chân thật và ở trong đó, không có sự chấp trước; chín là phải làm viên mãn trí Vô sinh nhẫn; mười là phải làm viên mãn việc ngôn thuyết tất cả pháp đều quy về lý nhất tướng; mười một là phải làm viên mãn việc diệt trừ phân biệt; mười hai là phải làm viên mãn việc xa lìa các tướng; mười ba là phải làm viên mãn việc xa lìa các kiến chấp; mười bốn là phải làm viên mãn việc xa lìa phiền não; mười lăm là phải làm viên mãn bậc Xa-ma-tha (Chỉ), Tỳ-bát-xá-na (Quán); mười sáu là phải làm viên mãn việc điều phục tâm tánh; mười bảy là phải làm viên mãn việc tịch tĩnh tâm tánh; mười tám là phải làm viên mãn tánh Vô ngại trí; mười chín là phải làm viên mãn việc không ái nhiễm; hai mươi là phải làm viên mãn việc tùy theo ý muốn, đến các cõi Phật, tự hiện thân trong chúng hội của Phật.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ bảy là Viễn hành, phải xa lìa hai mươi pháp như vậy và phải dốc sức làm viên mãn hai mươi pháp như vậy.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ tám là Bất động, phải làm viên mãn bốn pháp. Những gì là bốn? Một là phải làm viên mãn việc ngộ nhập tâm hạnh của các loài hữu tình; hai là phải làm viên mãn các thần thông diệu dụng; ba là phải làm viên mãn nhận thấy các cõi Phật; và như sự nhận thấy ấy mà tự trang nghiêm các cõi Phật; bốn là phải làm

viên mãn việc cúng dường, thừa sự chư Phật Thế Tôn, đối với thân Như Lai, luôn quán sát như thật.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ tám là Bất động, phải làm viên mãn bốn pháp như vậy.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ chín là Thiện tuệ, phải làm viên mãn bốn pháp. Những gì là bốn? Một là phải làm viên mãn hiểu biết về trí căn cơ hơn, kém của các hữu tình; hai là phải làm viên mãn việc nghiêm tịnh cõi Phật; ba là phải làm viên mãn pháp đẳng trì như huyễn thường nhập vào các định; bốn là phải làm viên mãn tùy theo căn lành thuần thục của các hữu tình mà nhập vào các cõi, tự hiện hóa sinh.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ chín là Thiện tuệ, phải làm viên mãn bốn pháp như vậy.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ mười là Pháp vân, phải làm viên mãn mười hai pháp. Những gì là mười hai? Một là phải làm viên mãn đại nguyện nhiếp thọ vô biên xứ sở, tùy theo sở nguyện đều được viên mãn; hai là phải làm viên mãn cái trí nhận biết về âm thanh của các loài khác nhau như là Thiên, Long, Dược-xoa, Kiền-đạt-phược, A-tố-lạc, Yết-lộ-trà, Khẩn-nại-lạc, Mạc-hô-lạc-già, Nhân phi nhân...; ba là phải làm viên mãn trí biện thuyết vô ngại; bốn là phải làm viên mãn việc nhập thai hoàn hảo; năm là phải làm viên mãn việc sinh ra đời một cách hoàn hảo; sáu là phải làm viên mãn gia tộc hoàn hảo; bảy là phải làm viên mãn chủng tánh hoàn hảo; tám là phải làm viên mãn quyến thuộc hoàn hảo; chín là phải làm viên mãn sinh thân hoàn hảo; mười là phải làm viên mãn xuất gia hoàn hảo; mười một là phải làm viên mãn công việc trang nghiêm cây Bồ-đề hoàn hảo; mười hai là phải làm viên mãn việc hoàn thành tất cả công đức hoàn hảo.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi trụ bậc thứ mười là Pháp vân, phải làm viên mãn mười hai pháp như vậy. Thiện Hiện nên biết, đã viên mãn nơi bậc thứ mười là Pháp vân, Đại Bồ-tát cùng các Như Lai phát ra lời nói không khác.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát tu sửa hành hóa ý lạc thù thắng thanh tịnh?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, nếu Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, tu tập

tất cả thiện căn, đó là Đại Bồ-tát tu sửa hành hóa ý lạc thù thắng thanh tịnh.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát tu sửa hành hóa của tâm bình đẳng đối với các loài hữu tình?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dẫn phát bốn thứ vô lượng: Từ, Bi, Hỷ, Xả, đó là Đại Bồ-tát tu sửa hành hóa của tâm bình đẳng đối với các loài hữu tình.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát tu sửa hành hóa bố thí?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với các loài hữu tình không có phân biệt hành bố thí, đó là Đại Bồ-tát tu sửa hành hóa bố thí.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát tu sửa hành hóa thân cận với thiện hữu?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát thấy các thiện hữu khuyến hóa hữu tình, khiến họ tu tập trí Nhất thiết trí, liền thân cận cung kính, tôn trọng ngợi khen, thăm hỏi, thọ lãnh chánh pháp, ngày đêm vâng lời, phụng sự, tâm không lười mỏi, đó là Đại Bồ-tát tu sửa hành hóa thân cận với thiện hữu.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát tu sửa hành hóa cầu pháp?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, cần cầu Chánh pháp vô thượng của Như Lai, chẳng rơi vào các bậc Thanh văn, Độc giác, đó là Đại Bồ-tát tu sửa hành hóa cầu pháp.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát tu sửa hành hóa thường ưa thích xuất gia?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát ở tất cả nơi chốn sinh ra, thường chán sự tạp nhạp ồn ào của cảnh gia đình tù túng trói buộc, thường ưa vui với Phật pháp, thanh tịnh xuất gia, không gì có thể ngăn trở, đó là Đại Bồ-tát tu sửa hành hóa thường ưa thích xuất gia.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát tu sửa hành hóa mến ưa thân Phật?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát chỉ thoáng thấy hình tượng Phật rồi từ đó cho đến khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, hoàn toàn chẳng rời bỏ tác ý nghĩ nhớ đến Phật, đó là Đại Bồ-tát tu sửa hành hóa ưa mến thân Phật.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát tu sửa hành hóa triển khai giáo pháp?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi Phật còn tại thế và sau khi nhập Niết-bàn, vì các hữu tình, luôn triển khai giáo pháp, lúc đầu, khoảng giữa và sau đều thiện, văn nghĩa xảo diệu, thuần nhất viên mãn, phạm hạnh trong sạch, đó là Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, Duyên khởi, Thí dụ, Bản sự, Bản sinh, Phương quảng, Hy hữu pháp, Luận nghĩa, đó là Đại Bồ-tát tu sửa hành hóa triển khai giáo pháp.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát tu sửa hành hóa phá bỏ kiêu mạn?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát thường giữ sự khiêm tốn, cung kính, điều phục tâm kiêu mạn, do đó chẳng sinh vào giòng họ hạ tiện, đó là Đại Bồ-tát tu sửa hành hóa phá bỏ kiêu mạn.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát tu sửa hành hóa về ngôn ngữ chắc thật thường hằng?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát nói ra tương xứng với hiểu biết, lời nói và việc làm hợp nhau, đó là Đại Bồ-tát tu sửa hành hóa về ngôn ngữ chắc thật thường hằng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát tu sửa hành hóa giữ cấm giới thanh tịnh?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát chẳng khởi tác ý Thanh văn, Độc giác và các việc khác về phá giới làm chướng ngại nẻo giác ngộ, đó là Đại Bồ-tát tu sửa hành hóa giữ cấm giới thanh tịnh.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát tu sửa hành hóa tri ân, báo ân?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi hành Bồ-tát hạnh, đối với việc được một ân nhỏ còn chẳng thể quên báo đáp, huống chi là đối với ân huệ lớn mà chẳng dốc báo đền, đó là Đại Bồ-tát tu sửa hành hóa tri ân, báo ân.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát trụ sức an nhẫn?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát dù có các hữu tình đến xúc phạm, hủy nhục, nhưng đối với họ, không hề có tâm tức giận, làm hại, đó là Đại Bồ-tát trụ sức an nhẫn.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát thọ sự hoan hỷ thù thắng?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát việc giáo hóa hữu tình đã được thành thục, thân tâm vui vẻ, hưởng niềm hoan hỷ thù thắng, đó là Đại Bồ-tát thọ nhận sự hoan hỷ thù thắng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát chẳng lìa bỏ hữu tình?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát cứu độ hữu tình, tâm thường chẳng bỏ, đó là Đại Bồ-tát chẳng lìa bỏ hữu tình.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát luôn khởi đại Bi?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi hành Bồ-tát hạnh, khởi lên ý nghĩ thế này: "Ta vì nhằm đem lại lợi ích cho các loài hữu tình, giả sử trải qua vô lượng vô số trăm ngàn kiếp, ở trong đại địa ngục chịu các khổ kịch liệt, hoặc thiêu, hoặc nấu, hoặc chém, hoặc cắt, hoặc đâm, hoặc treo, hoặc xay, hoặc giã, chịu vô lượng sự khổ như vậy, là nhằm vì muốn khiến họ nương nơi Phật thừa mà nhập Niết-bàn, cho đến thế giới của các loài hữu tình như vậy mà hết đi, nhưng tâm đại Bi chưa từng mệt mỏi chán nản", đó là Đại Bồ-tát luôn khởi đại Bi.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát đối với các Sư trưởng đem tâm kính tín thăm hỏi, phụng sự, cúng dường tưởng như phụng sự Phật?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát vì cầu quả vị Giác ngộ cao tột, dốc cung thuận Sư trưởng, không để tâm đến điều gì khác, đó là Đại Bồ-tát đối với các Sư trưởng đem tâm kính tín thăm hỏi, phụng sự, cúng dường tưởng như phụng sự Phật.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát siêng năng dốc sức tu tập ba-la-mật-đa?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với các pháp Ba-la-mật-đa, chuyên tâm cầu học, xa lìa các việc khác, đó là Đại Bồ-tát siêng năng dốc sức tu tập Ba-la-mật-đa.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát dốc cầu đa văn, thường không chán nản, không cho là đủ, đối pháp được nghe, chẳng vướng mắc vào văn tự?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát phát khởi sự siêng năng tinh tấn, nghĩ rằng đối với chánh pháp của Phật ở cõi này, hoặc chư Phật Thế Tôn ở mười phương thế giới đã nói, ta đều nghe, tu tập, đọc tụng, thọ trì, nhưng đối với những giáo pháp ấy, chẳng vướng mắc nơi văn tự, đó là Đại Bồ-tát dốc cầu đa văn, thường không chán nản, không cho là đủ, đối pháp được nghe, chẳng vướng mắc vào văn tự.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát lấy tâm không nhiễm, thường hành pháp thí, tuy mở rộng giáo hóa nhưng chẳng tự cao?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát vì các hữu tình tuyên thuyết chánh

pháp hãy còn chẳng tự vì mình duy trì căn lành này hồi hướng đến quả Giác ngộ, huống chi là cầu những việc khác, tuy giáo hóa dẫn dắt nhiều mà chẳng tự thị, đó là Đại Bồ-tát lấy tâm không nhiễm, thường hành pháp thí tuy mở rộng giáo hóa nhưng chẳng tự cao.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát vì nhằm làm nghiêm tịnh cõi nước, trồng các căn lành, tuy để hồi hướng nhưng chẳng tự đề cao?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát dũng mãnh tinh tấn tu các căn lành, vì muốn làm trang nghiêm các cõi Phật thanh tịnh cùng làm thanh tịnh tâm địa của mình và người, tuy làm việc như vậy mà chẳng tự đề cao, đó là Đại Bồ-tát vì nhằm làm nghiêm tịnh cõi nước, trồng các căn lành, tuy để hồi hướng nhưng chẳng tự đề cao.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát vì giáo hóa hữu tình, tuy chẳng hề chán nản mệt mỏi đối với cõi sinh tử vô biên, nhưng chẳng tự cao?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát vì muốn đem lại sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình, trồng các căn lành, làm nghiêm tịnh cõi Phật cho đến khi chưa được viên mãn trí Nhất thiết trí, tuy chịu cần khổ của đường sinh tử vô biên, nhưng không hề chán nản mỏi mệt, cũng chẳng tự cao, đó là Đại Bồ-tát vì giáo hóa hữu tình, tuy không hề chán nản mệt mỏi đối với đường sinh tử vô biên, nhưng chẳng tự cao.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát tuy trụ nơi sự hổ thẹn nhưng không hề có sự tham đắm vướng mắc?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát chuyên cầu quả vị Giác ngộ cao tột, đối với ý nghĩ về Thanh văn, Độc giác, luôn có đầy đủ sự hổ thẹn, hoàn toàn chẳng móng khởi, nhưng ở trong đó cũng không tham đắm vướng mắc, đó là Đại Bồ-tát tuy trụ nơi sự hổ thẹn nhưng không tham vướng.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát trụ nơi thanh vắng thường chẳng rời bỏ?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát vì cầu quả vị Giác ngộ cao tột, vượt lên các bậc Thanh văn, Độc giác..., thường chẳng rời bỏ nơi thanh vắng, đó là Đại Bồ-tát trụ nơi thanh vắng thường chẳng rời bỏ.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát ít ham muốn?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với quả vị đại Giác ngộ, còn chẳng tự mong cầu, huống chi là muốn có được tiếng khen, lợi dưỡng... của thế gian, đó là Đại Bồ-tát ít ham muốn.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát vui vẻ biết đủ?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát chỉ vì chứng đắc trí Nhất thiết trí, nên đối với các việc khác, không hề tham đắm vướng mắc, đó là Đại Bồ-tát vui vẻ biết đủ.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát thường chẳng rời bỏ công đức Đỗ-đa?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát thường đối với pháp thâm diệu, khởi lên sự kiên nhẫn quán sát kỹ lưỡng, đó là Đại Bồ-tát thường chẳng rời bỏ công đức Đỗ-đa.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát đối với các học xứ chưa từng xả bỏ?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với giới đã học, giữ vững chẳng sai lệch, nhưng ở trong đó, thường chẳng chấp tướng, đó là Đại Bồ-tát đối với các học xứ chưa từng xả bỏ.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát đối với các dục lạc luôn sinh nhàm chán sâu sắc, xa lìa?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với dục lạc ngọt ngào hấp dẫn, không hề khởi tâm ham muốn mong cầu, đó là Đại Bồ-tát đối với các dục lạc sinh nhàm chán sâu sắc, xa lìa.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát thường hay phát khởi tâm tịch diệt vốn có?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đạt được các pháp nhưng không hề dấy khởi mọi tạo tác, đó là Đại Bồ-tát thường hay phát khởi tâm tịch diệt vốn có.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát dứt bỏ các sở hữu?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với pháp trong, ngoài, không hề chấp giữ, đó là Đại Bồ-tát dứt bỏ các sở hữu.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát, tâm chẳng ngưng trệ chìm đắm?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với các thức đã trụ chưa từng khởi tâm, đó là Đại Bồ-tát tâm chẳng trì trệ chìm đắm.

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát đối với các sở hữu, không hề tham luyến, đoái hoài?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với các vật, không hề có chút nghĩ ngợi về chúng, đó là Đại Bồ-tát đối với các sở hữu, không tham luyến,

đoái hoài.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát xa lìa nhà ở?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát với ý chí muốn đi đến các cõi Phật, tùy theo nơi sinh ra, thường ưa xuất gia, cạo bỏ râu tóc, thọ trì bình bát, khoác ba pháp y, hiện làm Sa-môn, đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa nhà ở.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa Bí-sô-ni?

Thiện Hiện, nếu là Đại Bồ-tát, thường phải xa lìa các Bí-sô-ni, chẳng cùng ở chung dù chỉ trong khoảnh khắc, đối với họ cũng lại chẳng dấy khởi tâm gì khác, đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa Bí-sô-ni.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa gia đình keo kiệt?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khởi lên ý nghĩ: "Ta nên ở trong đêm dài tăm tối, làm việc lợi ích, an lạc cho các loài hữu tình, khiến các loài hữu tình này do phước lực của họ cảm hóa được gia đình, thí chủ tốt đẹp, vì thế ta ở trong đó, không hề tham lam, ganh ghét", đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa gia đình keo kiệt.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa chúng hội tranh chấp, giận dữ?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khởi lên ý nghĩ thế này: "Nếu ở nơi chúng hội, mà trong chúng đó, hoặc có Thanh văn, Độc giác, nói giảng về thừa ấy cho là tương ưng với pháp yếu, khiến ta thoái chuyển mất tâm đại Bồ-đề, vì thế nhất định phải xa lìa chúng hội"; lại khởi lên ý nghĩ thế này: "Các kẻ tranh chấp, giận dữ có thể khiến cho loài hữu tình phát khởi sân hại, tạo tác đủ các loại nghiệp ác bất thiện, việc ấy còn trái với đường thiện, huống chi là đối với nẻo đại Bồ-đề, vì thế nên nhất định phải xa lìa sự tranh chấp giận dữ", đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa chúng hội tranh chấp, giận dữ.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa việc tự khen mình, chê người?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với các pháp trong ngoài, đều không thấy có, nên xa lìa việc tự khen mình, chê người, đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa việc tự khen mình, chê người.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khởi lên ý nghĩ thế này: "Mười pháp

ác này, còn trở ngại cho con đường thiện, Nhị thừa, Thánh đạo, huống chi là đối với quả vị đại Giác ngộ, cho nên phải xa lìa", đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa sự ngạo mạn tăng thượng?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát chẳng hề thấy có pháp có thể khởi ngạo mạn, đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa sự ngạo mạn tăng thượng.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa điên đảo?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán mọi việc điên đảo hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa điên đảo.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa do dự?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán việc do dự hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa do dự.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa tham, sân, si?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát hoàn toàn chẳng thấy có việc tham, sân, si, đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa tham, sân, si.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải dốc làm viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát làm viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa vượt lên các bậc Thanh văn và Độc giác, lại trụ nơi sáu pháp Ba-la-mật-đa này *(Phật và hàng Nhị thừa có khả năng vượt qua năm thứ bờ biển của đối tượng nhận thức: Những gì là năm? Quá khứ, vị lai, hiện tại, vô vi, chẳng thể nêu bày),* đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải dốc làm viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa tâm Thanh văn?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khởi lên ý nghĩ thế này: "Tâm của các Thanh văn chẳng phải là thứ tâm chứng đạo giác ngộ vô thượng, cho nên phải xa lìa", đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa tâm Thanh văn.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa tâm Độc giác?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khởi lên ý nghĩ thế này: "Tâm của các Độc giác nhất định chẳng có khả năng chứng đắc trí Nhất thiết trí, cho nên ta nay phải xa lìa", đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa tâm Độc giác.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa tâm nhiệt não?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khởi lên ý nghĩ thế này: "Tâm sợ hãi sinh tử nhiệt não chẳng phải là tâm chứng đắc đạo Giác ngộ cao tột, cho nên phải xa lìa", đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa tâm nhiệt não.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát thấy kẻ ăn xin đến, tâm chẳng nhàm chán lo lắng?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khởi lên ý nghĩ thế này: "Tâm nhàm chán lo lắng ấy, đối với nẻo đại Bồ-đề, chẳng có khả năng chứng đạo, nên ta nay nhất định phải xa lìa", đó là lý do khiến Đại Bồ-tát thấy kẻ ăn xin đến, tâm chẳng nhàm chán lo lắng.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát bỏ các vật sở hữu không hề có tâm hối tiếc?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khởi lên ý nghĩ thế này: "Tâm hối tiếc ấy, đối với việc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, nhất định là chướng ngại, nên ta phải bỏ", đó là lý do khiến Đại Bồ-tát bỏ các vật sở hữu, không hề có tâm hối tiếc.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát, đối với người đến cầu xin, hoàn toàn chẳng kiêu mạn dối gạt?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khởi lên ý nghĩ thế này: "Tâm kiêu mạn dối gạt ấy, nhất định chẳng phải là đạo Giác ngộ cao tột; vì sao? Vì Đại Bồ-tát, khi mới phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, có phát lời thề rằng, hễ ta có vật gì đều cho người đến xin, tùy theo ý muốn, không làm lơ, nhưng tại sao bây giờ lại kiêu ngạo, dối gạt họ", đó là lý do khiến Đại Bồ-tát đối với người đến cầu xin, hoàn toàn chẳng kiêu mạn, dối gạt.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa chấp ngã, chấp loài hữu tình cho đến chấp về sự hiểu biết, chấp về sự nhận thức?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán ngã, hữu tình, cho đến sự hiểu biết, sự nhận thức rốt ráo chẳng thể nắm bắt được, đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa chấp ngã, chấp hữu tình cho đến chấp sự hiểu biết, sự nhận thức.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa chấp đoạn?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán nghĩa rốt ráo của các pháp là chẳng sinh, không đoạn, đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa chấp đoạn.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa chấp thường?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh của các pháp là vô thường,

đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa chấp thường.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa tướng tưởng?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh tạp nhiễm chẳng thể nắm bắt được, đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa tướng tưởng.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa kiến chấp về nhân...?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát hoàn toàn chẳng thấy có các tánh thấy, đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa kiến chấp về nhân...

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa chấp danh sắc?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh của danh sắc hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa chấp danh sắc.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa chấp uẩn?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh của năm uẩn hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa chấp uẩn.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa chấp xứ?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh của mười hai xứ hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa chấp xứ.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa chấp giới?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh của mười tám giới... hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa chấp giới.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa chấp đế?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh của các đế hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa chấp đế.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa chấp duyên khởi?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh của các duyên khởi chẳng thể nắm bắt được, đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa chấp duyên khởi.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa chấp trụ đắm trước nơi ba cõi?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh của ba cõi hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa chấp trụ đắm trước nơi ba cõi.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa chấp nơi các pháp?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh của các pháp đều như hư không, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa chấp nơi tất cả pháp.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa chấp về sự như lý, chẳng như lý đối với các pháp?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tánh của các pháp hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được cũng như tánh của các pháp không có sự như lý hoặc bất như lý, đó là lý do khiến Đại Bồ-tát phải xa lìa chấp về sự như lý, chẳng như lý của các pháp.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa kiến chấp nương vào Phật?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát nhận biết kiến chấp nương vào Phật chẳng được thấy Phật, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải xa lìa kiến chấp nương vào Phật.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa kiến chấp nương vào Pháp?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đạt được chân pháp tánh là chẳng thể thấy được, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải xa lìa kiến chấp nương vào Pháp.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa kiến chấp nương vào Tăng?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát nhận biết chúng hòa hợp là vô tướng, vô vi chẳng thể thấy được, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải xa lìa kiến chấp nương vào Tăng.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa kiến chấp nương vào Giới?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát biết tánh của tội phước hoàn toàn không có, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải xa lìa kiến chấp nương vào Giới.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa sự sợ hãi pháp không?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán các pháp không đều không có tự tánh, đối tượng của sự sợ hãi rốt ráo không có, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải xa lìa sự sợ hãi pháp không.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải xa lìa tánh chống trái cái không?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát quán tự tánh của các pháp đều là không, chẳng phải không cùng cái không chẳng có sự chống trái, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải xa lìa tánh chống trái cái không.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn thông đạt cái không?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát thấu đạt tự tướng của các pháp đều là không đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc thông đạt cái không.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc chứng đắc vô tướng?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát không hề nghĩ ngợi về các tướng, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn chứng đắc vô tướng.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn hiểu biết về vô nguyện?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với pháp của ba cõi, tâm không có chỗ trụ, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn hiểu biết về vô nguyện.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn ba luân thanh tịnh?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát tạo được sự thanh tịnh hoàn toàn nơi mười nghiệp đạo, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn ba luân thanh tịnh.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn lòng từ bi thương xót loài hữu tình và đối với loài hữu tình không có sự chấp trước?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đã chứng đắc tâm đại Bi và làm nghiêm tịnh quốc độ, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn lòng từ bi thương xót loài hữu tình và đối với hữu tình không có sự chấp trước.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn nhận thức bình đẳng đối với các pháp và ở trong đó không có sự chấp trước?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với các pháp không tăng, không giảm và trong đó không giữ lấy, không trụ chấp, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn nhận thức bình đẳng đối với các pháp và ở trong đó không có sự chấp trước.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn nhận thức bình đẳng đối với các loài hữu tình và trong đó không có sự chấp trước?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với các hữu tình không tăng, không giảm và trong đó không giữ lấy, không trụ chấp, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn nhận thức bình đẳng đối với các loài hữu tình và ở trong đó không có sự chấp trước.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc thông đạt diệu lý chân thật và ở trong đó không có sự chấp trước?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với diệu lý chân thật của tất cả pháp, tuy thông đạt như thật, nhưng không có đối tượng được thông đạt và ở trong đó không giữ lấy, không trụ chấp, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc thông đạt diệu lý chân thật và ở trong đó không có sự chấp trước.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát nên làm viên mãn trí Vô sinh nhẫn?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát an nhẫn nơi tính chất không sinh, không diệt, không có sự tạo tác của tất cả các pháp và biết danh sắc rốt ráo là chẳng sinh, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn trí Vô sinh nhẫn.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc thuyết giảng các pháp đều quy về lý nhất tướng?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với tất cả hành tướng của các pháp không hề thấy có hai tướng, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn thuyết các pháp đều quy về lý nhất tướng.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc diệt trừ phân biệt?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp, chẳng hề dấy khởi sự phân biệt đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc diệt trừ phân biệt.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc xa lìa các tưởng?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát luôn xa lìa tất cả các tưởng lớn, nhỏ, vô lượng, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc xa lìa các tưởng.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc xa lìa các kiến chấp?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát luôn xa lìa tất cả kiến chấp của hàng

Thanh văn, Độc giác..., đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc xa lìa các kiến chấp.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc xa lìa phiền não?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát luôn xả bỏ sự tương tục của các tập khí phiền não hữu lậu, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc xa lìa phiền não.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn các bậc Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát dốc tu tập dốc đạt trí Nhất thiết trí, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn các bậc Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc điều phục tâm tánh?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với pháp của ba cõi, chẳng ưa, chẳng động, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc điều phục tâm tánh.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc tịch tĩnh nơi tâm tánh?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát luôn khéo nhiếp phục sáu căn, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc tịch tĩnh nơi tâm tánh.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn tánh vô ngại trí?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát dốc tu hành chứng đắc Phật nhãn, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn tánh vô ngại trí.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc không ái nhiễm?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với sáu xứ bên ngoài luôn có khả năng khéo xả bỏ, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc không ái nhiễm.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc tùy theo ý muốn đi đến các cõi Phật, tự hiện thân trong chúng hội của Phật?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát tu hành nhằm đạt thần thông thù thắng, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn, thỉnh chuyển Pháp luân làm lợi ích cho tất cả,

đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc tùy theo ý muốn đi đến các cõi Phật, tự hiện thân trong chúng hội của Phật.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc ngộ nhập tâm hành của các loài hữu tình?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát dùng trí nhất tâm biết khắp như thật về tâm và tâm sở pháp của các loài hữu tình, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc ngộ nhập tâm hành của các loài hữu tình.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn các thần thông diệu dụng?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát dùng các thứ thần thông tự tại thể hiện mọi diệu dụng, để được thấy Phật, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, cũng lại chẳng sinh ý tưởng về sự du hóa ấy, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn các thần thông diệu dụng.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc nhận thấy các cõi Phật và theo như cái thấy ấy mà tự làm trang nghiêm các cõi Phật?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát an trụ ở một cõi Phật mà có khả năng nhận thấy vô biên các cõi Phật trong mười phương, cũng có khả năng thị hiện nhưng chẳng từng sinh ý tưởng về cõi Phật, lại vì nhằm đem lại sự thành tựu đầy đủ cho các hữu tình, nên hiện ở trong ba lần ngàn thế giới, ở ngôi Chuyển luân vương mà tự làm trang nghiêm, cũng có khả năng xả bỏ, không có sự chấp trước, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc nhận thấy các cõi Phật và như cái thấy ấy, tự làm trang nghiêm các cõi Phật.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc cúng dường, vâng theo lời chỉ dạy của chư Phật Thế Tôn, đối với thân Như Lai, quán sát như thật?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát vì muốn đem lại lợi ích cho các hữu tình, nên đối với nẻo diệu nghĩa của pháp luôn phân biệt như thật, như vậy gọi là dùng pháp để cúng dường, vâng theo lời dạy chư Phật, lại quán sát kỹ pháp thân chư Phật, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc cúng dường, vâng theo lời dạy của chư Phật Thế Tôn, đối với thân Như Lai, quán sát như thật.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc hiểu biết về cái trí hơn kém của căn cơ nơi các hữu tình?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát an trú nơi mười lực của Phật, biết rõ như thật về các căn hơn kém của các loài hữu tình, đó là lý do mà Đại

Bồ-tát phải làm viên mãn việc hiểu biết về cái trí hơn kém của căn cơ nơi các hữu tình.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc nghiêm tịnh cõi Phật?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát lấy vô sở đắc làm phương tiện, làm nghiêm tịnh tất cả hành tướng của tâm nơi hữu tình, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc nghiêm tịnh cõi Phật.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn pháp đẳng trì như huyễn, nhập vào các định?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát trụ nơi pháp đẳng trì này, tuy có khả năng hoàn thành tất cả sự nghiệp mà tâm chẳng hề động, lại tu tập pháp đẳng trì đến thành thục cùng tột, chẳng khởi gia hạnh mà luôn luôn hiện tiền, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn pháp đẳng trì như huyễn, nhập vào các định.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc tùy theo căn lành thuần thục của các hữu tình để nhập vào các cõi, tự hiện hóa sinh?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát vì muốn đem lại sự thành tựu đầy đủ căn lành thù thắng của các loài hữu tình, tùy theo điều kiện thuận tiện của họ, nên nhập vào các cõi mà thị hiện thọ sinh, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc tùy theo căn lành thuần thục của các hữu tình để nhập vào các cõi, tự hiện hóa sinh.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn đại nguyện nhiếp thọ vô biên xứ sở, tùy theo sở nguyện đều viên mãn?

Thiện Hiện, nếu đại Bồ vì đã tu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa hết sức viên mãn, nên hoặc làm nghiêm tịnh các cõi Phật, hoặc đem lại sự thành tựu đầy đủ cho các loài hữu tình, tùy sở nguyện của tâm, đều được viên mãn, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn đại nguyện nhiếp thọ vô biên xứ sở, tùy theo sở nguyện đều viên mãn.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn trí hiểu biết về âm thanh tùy theo các loài khác nhau như Thiên, Long, Dược-xoa, Kiền-đạt-phược, A-tố-lạc, Yết-lộ-trà, Khẩn-nại-lạc, Mạc-hô-lạc-già, Nhân phi nhân...?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát tu tập đạt hiểu biết vô ngại về ngôn từ thù thắng, biết rõ sự sai biệt về âm thanh ngôn ngữ của hữu tình, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn trí hiểu biết về âm thanh tùy theo

các loài khác nhau như Thiên, Long, Dược-xoa, Kiền-đạt-phược, A-tố-lạc, Yết-lộ-trà, Khẩn-nại-lạc, Mạc-hô-lạc-già, Nhân phi nhân...

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn trí Biện thuyết vô ngại?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát tu tập đạt sự hiểu biết vô ngại, biện tài thù thắng, vì các loài hữu tình, thường thuyết giảng không dừng nghỉ, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn trí Biện thuyết vô ngại.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc nhập thai hoàn hảo?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát tuy đối với tất cả nơi chốn sinh ra sự thực là thường hóa sinh, nhưng vì nhằm đem lại lợi ích cho loài hữu tình nên hiện nhập thai tạng, ở trong ấy luôn thể hiện đầy đủ các việc thù thắng, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc nhập thai hoàn hảo.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc đản sinh hoàn hảo?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát vào khi xuất thai, thị hiện các việc thù thắng hy hữu, khiến cho các hữu tình trông thấy đều hoan hỷ, đạt được lợi lạc lớn, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc đản sinh hoàn hảo.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn gia tộc hoàn hảo?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát hoặc sinh vào nhà thuộc dòng dõi lớn Sát-đế-lợi, hoặc sinh vào nhà thuộc dòng dõi lớn Bà-la-môn, việc nương vào cha mẹ để ra đời không thể chê trách, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn gia tộc hoàn hảo.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn chủng tánh hoàn hảo?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát thường hội nhập trong chủng tánh của các Đại Bồ-tát ở quá khứ mà sinh ra, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn chủng tánh hoàn hảo.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn quyến thuộc hoàn hảo?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát thuần lấy vô lượng vô số Bồ-tát làm quyến thuộc chẳng phải các hạng hỗn tạp tầm thường, đó là lý do mà Đại

Bồ-tát phải làm viên mãn quyến thuộc hoàn hảo.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn sinh thân hoàn hảo?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát vào lúc sơ sinh, thân thể hoàn hảo, có tất cả tướng tốt, phóng hào quang lớn chiếu khắp vô biên thế giới chư Phật, cũng khiến cho thế giới ấy hiện đủ sáu thứ biến động, hữu tình gặp được đều đạt lợi ích, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn sinh thân hoàn hảo.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc xuất gia hoàn hảo?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát vào lúc xuất gia, có vô lượng vô số Thiên, Long, Dược-xoa, Nhân phi nhân... đi theo hai bên, đi tới đạo tràng, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, thọ trì bình bát, dẫn dắt vô lượng vô số hữu tình, khiến nương vào ba thừa mà hướng đến cõi viên tịch, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc xuất gia hoàn hảo.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc trang nghiêm cây Bồ-đề hoàn hảo?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát có căn lành thù thắng, nguyện lực rộng lớn, cảm ứng đạt được cây Bồ-đề đẹp đẽ như thế này: Dùng ngọc quý phệ lưu ly làm thân, vàng ròng làm gốc; cành, lá, hoa, quả đều dùng loại bảy báu hảo hạng hoàn thành; cây này cao rộng phủ khắp cõi Phật trong thế giới ba lần ngàn, ánh sáng rực rỡ chiếu khắp vô số thế giới chư Phật trong mười phương, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn việc trang nghiêm cây Bồ-đề hoàn hảo.

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát phải làm viên mãn tất cả công đức hoàn hảo?

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đạt đầy đủ tư tưởng trí tuệ thù thắng, đem lại sự thành tựu đầy đủ cho loài hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, đó là lý do mà Đại Bồ-tát phải làm viên mãn tất cả công đức hoàn hảo.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 55

PHẨM 15: BIỆN MINH VỀ ĐẠI THỪA (5)

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi đã thực hiện viên mãn bậc Pháp vân thứ mười, cùng chư Như Lai phát ra lời nói không khác?

–Thiện Hiện, vì Đại Bồ-tát ấy đã tu tập viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa, đã làm viên mãn bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; đã thực hiện viên mãn bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; đã tu tập viên mãn các pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; đã thực hiện viên mãn năm loại mắt, sáu phép thần thông; đã tu tập viên mãn mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; đã tu học viên mãn tất cả pháp Phật; lại nếu đoạn trừ vĩnh viễn sự tương tục của tất cả phiền não tập khí, liền trụ Phật địa, vì vậy nên biết là do đã thực hiện viên mãn bậc Pháp vân thứ mười, nên Đại Bồ-tát cùng với chư Như Lai, phát ra lời nói không khác.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, làm thế nào từ bậc Pháp vân thứ mười, Đại Bồ-tát hướng đến bậc Như Lai?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy dùng phương tiện thiện xảo, hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, tu vô lượng pháp tĩnh lự, định vô sắc, ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần, ba pháp môn giải thoát; học năm loại mắt, sáu phép thần thông, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, vì các pháp Phật đã được viên mãn nên vượt qua các bậc Tịnh quán, bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác và mười bậc Bồ-tát, đoạn trừ vĩnh viễn tương tục của tập khí phiền não, mới thành

Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Thiện Hiện, như vậy từ bậc Pháp vân thứ mười, Đại Bồ-tát hướng đến bậc Như Lai.

Thiện Hiện nên biết, đó là Đại Bồ-tát phát tâm hướng đến Đại thừa.

Lại nữa Thiện Hiện, ông hỏi Đại thừa như vậy phát xuất từ nơi nào và đến an trụ ở đâu?

Thiện Hiện, Đại thừa như vậy từ trong ba cõi mà ra và đến an trụ trong trí Nhất thiết trí, do vì trí Nhất thiết trí mà hiện ra ba cõi, nhưng vì không có hai nên không từ đâu ra không có chỗ đến. Vì sao? Vì hoặc Đại thừa, hoặc trí Nhất thiết trí, hai pháp như vậy không phải tương ưng, không phải chẳng tương ưng, không phải hữu sắc, không phải vô sắc, không phải hữu kiến, không phải vô kiến, không phải hữu đối, không phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng. Pháp không tướng không từ đâu ra, không có chỗ đến. Vì sao? Thiện Hiện, vì pháp vô tướng không phải đã từ đâu ra và đã có chỗ đến, không phải sẽ từ đâu ra và đang có chỗ đến.

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến chân như có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì chân như không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì chân như và tự tánh của chân như là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng, có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến pháp giới, pháp tánh, chẳng hư vọng, chẳng đổi khác, bình đẳng, ly sinh, các cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, hư không, đoạn, ly, diệt, không tánh, không tướng, không tạo tác, không hành động, an ổn, tịch tĩnh, pháp định, pháp trụ, bản vô, thật tế có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì pháp giới cho đến thật tế không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì pháp giới và tự tánh của pháp giới cho đến thật tế và tự tánh của thật tế là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến sắc có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì sắc không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì sắc và tự tánh của sắc là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến thọ, tưởng, hành, thức có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến

trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì thọ, tưởng, hành, thức và tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến nhãn xứ có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì nhãn xứ không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì nhãn xứ và tự tánh của nhãn xứ là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến sắc xứ có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì sắc xứ không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì sắc xứ và tự tánh của sắc xứ là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến nhãn giới có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì nhãn giới không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì nhãn giới và tự tánh của nhãn giới là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì sắc giới cho đến cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì sắc giới và tự tánh của sắc giới là không, cho đến cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến

kẻ ấy muốn khiến nhĩ giới có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì nhĩ giới không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì nhĩ giới và tự tánh của nhĩ giới là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì thanh giới cho đến cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì thanh giới và tự tánh của thanh giới là không, cho đến cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến tỷ giới có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì tỷ giới không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì tỷ giới và tự tánh của tỷ giới là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì hương giới cho đến cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì hương giới và tự tánh của hương giới là không, cho đến cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến thiệt giới có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì thiệt giới không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì thiệt giới và tự tánh của thiệt giới là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì vị giới cho đến cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì vị giới và tự tánh của vị giới là không, cho đến cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của các thọ do thiệt xúc làm duyên

sinh ra là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến thân giới có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì thân giới không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì thân giới và tự tánh của thân giới là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì xúc giới cho đến cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì xúc giới và tự tánh của xúc giới là không, cho đến cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến ý giới có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì ý giới không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì ý giới và tự tánh của ý giới là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì pháp giới cho đến cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì pháp giới và tự tánh của pháp giới là không, cho đến cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến địa giới có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì địa giới không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì địa giới và tự tánh của địa giới là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến thủy, hỏa, phong, không, thức giới có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến Thánh đế khổ có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì Thánh đế khổ không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến Thánh đế tập, diệt, đạo có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì Thánh đế tập, diệt, đạo không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến vô minh có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì vô minh không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì vô minh và tự tánh của vô minh là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì hành và tự tánh của hành là không, cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não và tự tánh của lão tử, sầu bi khổ ưu não là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến sự huyễn có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì sự huyễn không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì sự huyễn và tự tánh của sự huyễn là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến các cảnh mộng, ảnh tượng, tiếng vang, ánh sáng, hoa đốm hư không, ánh nước, ảo thành, sự biến hóa, có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì các cảnh mộng cho đến sự biến hóa không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì cảnh mộng và tự tánh của các cảnh mộng là không, cho đến sự biến hóa và tự tánh của sự biến hóa là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến không bên trong có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì

không bên trong không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì không bên trong và tự tánh của không bên trong là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến không bên ngoài, không cả trong ngoài, không không, không lớn, không thắng nghĩa, không hữu vi, không vô vi, không rốt ráo, không không biên giới, không tản mạn, không không đổi khác, không bản tánh, không tự tướng, không cộng tướng, không nơi tất cả pháp, không chẳng thể nắm bắt được, không không tánh, không tự tánh, không không tánh tự tánh, có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì không bên ngoài và tự tánh của không bên ngoài là không, cho đến không không tánh tự tánh và tự tánh của không không tánh tự tánh là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến pháp Bố thí ba-la-mật-đa có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì Bố thí ba-la-mật-đa và tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến các pháp Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì các pháp Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì các pháp Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tự tánh của các pháp Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến bốn Tĩnh lự có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì bốn Tĩnh lự và tự tánh của bốn Tĩnh lự là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện,

vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến bốn Niệm trụ có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì bốn Niệm trụ và tự tánh của bốn Niệm trụ là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì bốn Chánh đoạn và tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo và tự tánh của tám chi Thánh đạo là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến pháp môn giải thoát Không có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì pháp môn giải thoát Không và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến năm loại mắt có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì năm loại mắt không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì năm loại mắt và tự tánh của năm loại mắt là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến sáu phép thần thông có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì sáu phép thần thông không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì sáu phép thần thông và tự tánh của sáu phép thần thông là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến mười lực của Phật có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì mười lực của Phật không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì mười lực của Phật và tự tánh nơi mười lực của Phật là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì bốn điều không sợ và tự tánh của bốn điều không sợ là không, cho đến trí Nhất thiết tướng và tự tánh của trí Nhất thiết tướng là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến bậc Dự lưu sinh vào đường ác có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì bậc Dự lưu sinh vào đường ác không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì bậc Dự lưu sinh vào đường ác và tự tánh của bậc Dự lưu sinh vào đường ác là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến bậc Nhất lai sinh lại nhiều lần, bậc Bất hoàn sinh vào Dục giới, bậc Đại Bồ-tát sinh ra để tự lợi, bậc La-hán, Độc giác, Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác sinh lại đời sau, có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì bậc Nhất lai sinh lại nhiều lần cho đến Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác sinh lại đời sau không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì bậc Nhất lai sinh lại nhiều lần và tự tánh của bậc Nhất lai sinh lại nhiều lần là không, cho đến Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác và tự tánh của Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến Dự lưu hướng, Dự lưu quả có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả và tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất

hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả, Độc giác hướng, Độc giác quả, Bồ-tát Như Lai có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì Nhất lai hướng, Nhất lai quả cho đến Như Lai không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì Nhất lai hướng, Nhất lai quả và tự tánh của Nhất lai hướng, Nhất lai quả là không, cho đến Như Lai và tự tánh của Như Lai là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến danh tự, giả tưởng, nêu bày, ngôn thuyết, có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì danh tự, giả tưởng, nêu bày, ngôn thuyết không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì danh tự, giả tưởng, nêu bày, ngôn thuyết và tự tánh của danh tự, giả tưởng, nêu bày, ngôn thuyết là "không".

Thiện Hiện, ai muốn khiến pháp không tướng có chỗ ra và chỗ đến kẻ ấy muốn khiến các pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tướng, vô vi có chỗ ra và có chỗ đến. Vì sao? Vì các pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tướng, vô vi không thể từ trong ba cõi mà ra, cũng không thể đến trụ trong trí Nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì các pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tướng, vô vi và tự tánh của không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tướng, vô vi là "không".

Thiện Hiện, do duyên này nên việc Đại thừa từ trong ba cõi mà ra, đến an trụ trong trí Nhất thiết trí là không hai, nên không từ đâu ra, không có chỗ đến. Vì là pháp không tướng, nên không động, không chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, ông hỏi, Đại thừa như vậy là trụ ở chỗ nào?

Thiện Hiện, Đại thừa như vậy hoàn toàn không có chỗ trụ. Vì sao? Vì tất cả pháp đều không có chỗ trụ. Vì sao? Vì chỗ trụ của các pháp, là chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, Đại thừa ấy trụ vào nơi không chỗ trụ.

Thiện Hiện, như tánh của chân như là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh của chân như là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh chân như tức là không của tánh chân như.

Thiện Hiện, như pháp giới, pháp tánh, chẳng hư vọng, chẳng đổi khác, bình đẳng, ly sinh, các cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, hư không, đoạn, ly, diệt, không tánh, không tướng, không tạo tác, không hành động, an ổn, tịch tĩnh, pháp định, pháp trụ, bản vô, thật tế là chẳng phải trụ,

chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh pháp giới cho đến tánh thật tế là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh pháp giới tức là không của tánh pháp giới cho đến tánh thật tế là không của tánh thật tế.

Thiện Hiện, như tánh của sắc là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh sắc là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh sắc tức là không của tánh sắc.

Thiện Hiện, như tánh của thọ, tưởng, hành, thức là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh thọ, tưởng, hành, thức là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh thọ, tưởng, hành, thức tức là không của tánh thọ, tưởng, hành, thức.

Thiện Hiện, như tánh của nhãn xứ là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh nhãn xứ là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh nhãn xứ tức là không của tánh nhãn xứ.

Thiện Hiện, như tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ tức là không của tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Thiện Hiện, như tánh của sắc xứ là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh sắc xứ là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh sắc xứ tức là không của tánh sắc xứ.

Thiện Hiện, như tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ tức là không của tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Thiện Hiện, như tánh của nhãn giới là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh nhãn giới là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh nhãn giới tức là không của tánh nhãn giới.

Thiện Hiện, như tánh của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng

các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh của sắc giới cho đến tánh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh sắc giới tức là không của tánh sắc giới, cho đến tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra tức là không của tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra.

Thiện Hiện, như tánh của nhĩ giới là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh nhĩ giới là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh nhĩ giới tức là không của tánh nhĩ giới.

Thiện Hiện, như tánh của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh của thanh giới cho đến tánh của các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh thanh giới tức là không của tánh thanh giới, cho đến tánh các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra tức là không của tánh các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra.

Thiện Hiện, như tánh của tỷ giới là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh của tỷ giới là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh tỷ giới tức là không của tánh tỷ giới.

Thiện Hiện, như tánh của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh của hương giới cho đến tánh của các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh hương giới tức là không của tánh hương giới, cho đến tánh các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra tức là không của tánh các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra.

Thiện Hiện, như tánh của thiệt giới là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh thiệt giới là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh thiệt giới tức là không của tánh thiệt giới.

Thiện Hiện, như tánh của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng

trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh của vị giới cho đến tánh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh vị giới tức là không của tánh vị giới, cho đến tánh các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra tức là không của tánh các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra.

Thiện Hiện, như tánh của thân giới là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh thân giới là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh thân giới tức là không của tánh thân giới.

Thiện Hiện, như tánh của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh của xúc giới cho đến tánh của các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh xúc giới tức là không của tánh xúc giới, cho đến tánh các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra tức là không của tánh các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra.

Thiện Hiện, như tánh của ý giới là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh ý giới là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh ý giới tức là không của tánh ý giới.

Thiện Hiện, như tánh của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh của pháp giới cho đến tánh của các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh pháp giới tức là không của tánh pháp giới, cho đến tánh các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra tức là không của tánh các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra.

Thiện Hiện, như tánh của địa giới là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh địa giới là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh địa giới tức là không của tánh địa giới.

Thiện Hiện, như tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh thủy,

hỏa, phong, không, thức giới tức là không của tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Thiện Hiện, như tánh của Thánh đế khổ là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh Thánh đế khổ là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh Thánh đế khổ tức là không của tánh Thánh đế khổ.

Thiện Hiện, như tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh Thánh đế tập, diệt, đạo là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh Thánh đế tập, diệt, đạo tức là không của tánh Thánh đế tập, diệt, đạo.

Thiện Hiện, như tánh của vô minh là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh vô minh là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh vô minh tức là không của tánh vô minh.

Thiện Hiện, như tánh của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh hành cho đến tánh lão tử, sầu bi khổ ưu não là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh hành tức là không của tánh hành, cho đến tánh lão tử, sầu bi khổ ưu não tức là không của tánh lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Thiện Hiện, như tánh của sự huyễn là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh sự huyễn là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh sự huyễn tức là không của tánh sự huyễn.

Thiện Hiện, như tánh của các cảnh mộng, ảnh tượng, tiếng vang, ánh sáng, hoa đốm hư không, ánh nước, ảo thành, sự biến hóa là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh cảnh mộng cho đến tánh sự biến hóa là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh cảnh mộng tức là không của tánh cảnh mộng, cho đến tánh sự biến hóa tức là không của tánh sự biến hóa.

Thiện Hiện, như tánh của pháp không bên trong là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh pháp không bên trong là không trụ, không phải

không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh của pháp không bên trong tức là không của tánh pháp không bên trong.

Thiện Hiện, như tánh của pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh pháp không bên ngoài cho đến tánh pháp không không tánh tự tánh là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh pháp không bên ngoài tức là không của tánh pháp không bên ngoài, cho đến tánh pháp không không tánh tự tánh tức là không của tánh pháp không không tánh tự tánh.

Thiện Hiện, như tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh Bố thí ba-la-mật-đa là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh Bố thí ba-la-mật-đa tức là không của tánh Bố thí ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, như tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa tức là không của tánh Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, như tánh của bốn Tĩnh lự là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh bốn Tĩnh lự là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh bốn Tĩnh lự tức là không của tánh bốn Tĩnh lự.

Thiện Hiện, như tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc tức là không của tánh bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Thiện Hiện, như tánh của bốn Niệm trụ là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh bốn Niệm trụ là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh bốn Niệm trụ tức là không của tánh bốn Niệm trụ.

Thiện Hiện, như tánh của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh bốn Chánh đoạn cho đến tánh tám chi Thánh đạo là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh bốn Chánh đoạn tức là không của tánh bốn Chánh đoạn, cho đến tánh tám chi Thánh đạo tức là không của tánh tám chi Thánh đạo.

Thiện Hiện, như tánh của pháp môn giải thoát Không là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh pháp môn giải thoát Không là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh pháp môn giải thoát Không tức là không của tánh pháp môn giải thoát Không.

Thiện Hiện, như tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện tức là không của tánh pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Thiện Hiện, như tánh của năm loại mắt là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh năm loại mắt là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh năm loại mắt tức là không của tánh năm loại mắt.

Thiện Hiện, như tánh của sáu phép thần thông là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh sáu phép thần thông là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh sáu phép thần thông tức là không của tánh sáu phép thần thông.

Thiện Hiện, như tánh của mười lực của Phật là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh mười lực của Phật là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh mười lực của Phật tức là không của tánh mười lực của Phật.

Thiện Hiện, như tánh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh mười lực của Phật cho đến tánh trí Nhất thiết tướng là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh mười lực của Phật tức là không của tánh mười lực của Phật, cho đến tánh trí Nhất thiết tướng tức là không của tánh trí Nhất thiết tướng.

Thiện Hiện, như tánh của bậc Dự lưu sinh vào đường ác là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh bậc Dự lưu sinh vào đường ác là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh bậc Dự lưu sinh vào đường ác tức là không của tánh bậc Dự lưu sinh vào đường ác.

Thiện Hiện, như tánh của bậc Nhất lai sinh lại nhiều lần, bậc Bất hoàn sinh vào Dục giới, bậc Đại Bồ-tát sinh ra để tự lợi, bậc La-hán, Độc giác, Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác sinh lại đời sau là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh bậc Nhất lai sinh lại nhiều lần cho đến tánh Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác sinh lại đời sau là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh bậc Nhất lai sinh lại nhiều lần tức là không của tánh bậc Nhất lai sinh lại nhiều lần, cho đến tánh Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác sinh lại đời sau tức là không của tánh Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác sinh lại đời sau.

Thiện Hiện, như tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh Dự lưu hướng, Dự lưu quả tức là không của tánh Dự lưu hướng, Dự lưu quả.

Thiện Hiện, như tánh của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả, Độc giác hướng, Độc giác quả, Bồ-tát, Như Lai là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh Nhất lai hướng, Nhất lai quả cho đến tánh Như Lai là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh Nhất lai hướng, Nhất lai quả tức là không của tánh Nhất lai hướng, Nhất lai quả, cho đến tánh Như Lai tức là không của tánh Như Lai.

Thiện Hiện, như tánh của danh tự, giả tưởng, nêu bày, ngôn thuyết chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh danh tự, giả tưởng, nêu bày, ngôn thuyết là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh danh tự, giả tưởng, nêu bày, ngôn thuyết tức là không của tánh danh tự, giả tưởng, nêu bày, ngôn thuyết.

Thiện Hiện, như tánh của không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tướng, vô vi là chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tánh không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tướng, vô vi là không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tướng, vô vi tức là không của tánh không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tướng, vô vi.

Thiện Hiện, do vì duyên này, Đại thừa như vậy tuy hoàn toàn không có chỗ trụ nhưng mà trụ nơi không có chỗ trụ.

Lại nữa Thiện Hiện, ông hỏi, ai là người nương vào Đại thừa ấy mà xuất hiện?

Thiện Hiện, hoàn toàn không ai nương vào Đại thừa ấy mà xuất hiện. Vì sao? Vì hoặc chỗ để nương và người nương, do lẽ này, vì lẽ này, tức chỗ xuất hiện, chỗ đi đến cùng lúc xuất hiện, lúc đi đến, tất cả điều ấy đều không sở hữu, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, tất cả pháp đều không sở hữu, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, rốt ráo thanh tịnh, như vậy làm sao có thể nói là có chỗ để nương, người nương, có xuất hiện, đi đến và lúc xuất hiện, lúc đi đến?

Thiện Hiện nên biết, ngã không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, hữu tình, dòng sinh mạng, sự sinh khởi, sự nuôi dưỡng, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, ý sinh, nho đồng, khả năng làm việc, khả năng khiến người làm việc, khả năng tạo nghiệp, khả năng khiến người tạo nghiệp, khả năng thọ quả báo, khả năng khiến người thọ quả báo, cái biết, cái thấy đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì đều rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, chân như không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, các pháp giới, pháp tánh, tánh không hư

vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, chẳng thể nghĩ bàn, hư không, đoạn, ly, diệt, không tánh, không tướng, không tạo tác, không hành động, an ổn, tịch tĩnh, pháp định, pháp trụ, bản vô, thật tế đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì thảy đều rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, sắc không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, thọ, tưởng, hành, thức đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, nhãn xứ không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, sắc xứ không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, nhãn giới không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, nhĩ giới không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, tỷ giới không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm

bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, thiệt giới không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, thân giới không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, ý giới không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 56

PHẨM 15: BIỆN MINH VỀ ĐẠI THỪA (6)

Thiện Hiện nên biết, địa giới không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, thủy, hỏa, phong, không, thức giới đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, Thánh đế khổ không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, Thánh đế tập, diệt, đạo đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, vô minh không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, huyễn hóa không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, cảnh mộng, ảnh tượng, tiếng vang, ánh sáng, hoa đốm hư không, ánh nước, ảo thành, sự biến hóa đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, pháp không bên trong không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không

rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, Bố thí ba-la-mật-đa không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, bốn Tĩnh lự không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, bốn Niệm trụ không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, pháp môn giải thoát Không không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, năm loại mắt không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, sáu phép thần thông đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, mười lực của Phật không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu

biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, bậc Dự lưu sinh vào đường ác không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, bậc Nhất lai sinh lại nhiều lần, bậc Bất hoàn sinh vào Dục giới, bậc Đại Bồ-tát sinh ra để tự lợi, bậc La-hán, Độc giác, Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác sinh lại đời sau đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, Dự lưu hướng, Dự lưu quả không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả, Độc giác hướng, Độc giác quả, Bồ-tát, Như Lai đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, danh tự, giả tưởng, nêu bày, ngôn thuyết không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tướng, vô vi không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, khoảng trước, khoảng giữa và khoảng sau, đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, sự vãng lai, không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, sự đi, đứng, không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, pháp không sinh, không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, sự tăng, giảm không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, bậc Cực hỷ không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân, đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, bậc Tịnh quán không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, sự thành tựu đầy đủ cho loài hữu tình, không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện nên biết, sự nghiêm tịnh cõi Phật không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được. Kẻ nương vào Đại thừa cũng chẳng thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, pháp nào chẳng thể nắm bắt được, nên nói là ngã... chẳng thể nắm bắt được?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, tánh của ngã chẳng thể nắm bắt được, nên nói ngã chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh của cái thấy chẳng thể nắm bắt được, nên nói cái thấy chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh ngã cho đến tánh cái thấy, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh chân như chẳng thể nắm bắt được, nên nói chân như chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh thật tế chẳng thể nắm bắt được, nên nói thật tế chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh chân như cho đến tánh thật tế, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh sắc chẳng thể nắm bắt được, nên nói sắc, chẳng

thể nắm bắt được, cho đến tánh thức chẳng thể nắm bắt được, nên nói thức chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh sắc cho đến tánh thức, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh nhãn xứ chẳng thể nắm bắt được, nên nói nhãn xứ, chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh ý xứ chẳng thể nắm bắt được, nên nói ý xứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh nhãn xứ cho đến tánh ý xứ, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh sắc xứ chẳng thể nắm bắt được, nên nói sắc xứ, chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh pháp xứ chẳng thể nắm bắt được, nên nói pháp xứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh nhãn xứ cho đến tánh pháp xứ, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh nhãn giới chẳng thể nắm bắt được, nên nói nhãn giới, chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được, nên nói các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh nhãn giới cho đến tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh nhĩ giới chẳng thể nắm bắt được, nên nói nhĩ giới, chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được, nên nói các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh nhĩ giới cho đến tánh các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh tỷ giới chẳng thể nắm bắt được, nên nói tỷ giới, chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được, nên nói các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh tỷ giới cho đến tánh các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh thiệt giới chẳng thể nắm bắt được, nên nói thiệt giới, chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được, nên nói các thọ do thiệt xúc làm duyên

sinh ra chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh thiệt giới cho đến tánh các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh thân giới chẳng thể nắm bắt được, nên nói thân giới, chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được, nên nói các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh thân giới cho đến tánh các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh ý giới chẳng thể nắm bắt được, nên nói ý giới, chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được, nên nói các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh ý giới cho đến tánh các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh địa giới chẳng thể nắm bắt được, nên nói địa giới, chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh thức giới chẳng thể nắm bắt được, nên nói thức giới chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh địa giới cho đến tánh thức giới, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, nên nói Thánh đế khổ, chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh Thánh đế đạo chẳng thể nắm bắt được, nên nói Thánh đế đạo chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh Thánh đế khổ cho đến tánh Thánh đế đạo, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh vô minh chẳng thể nắm bắt được, nên nói vô minh, chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng thể nắm bắt được, nên nói lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh vô minh cho đến tánh lão tử, sầu bi khổ ưu não, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh của sự huyễn chẳng thể nắm bắt được, nên nói sự huyễn, chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh của sự biến hóa chẳng thể

nắm bắt được, nên nói sự biến hóa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của sự huyễn cho đến tánh của sự biến hóa, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, nên nói pháp không bên trong, chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh pháp không không tánh tự tánh chẳng thể nắm bắt được, nên nói pháp không không tánh tự tánh chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh pháp không bên trong cho đến tánh pháp không không tánh tự tánh, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh Bố thí ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, nên nói Bố thí ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh Bố thí ba-la-mật-đa cho đến tánh Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được, nên nói bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng thể nắm bắt được, nên nói bốn Định vô sắc chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh bốn Tĩnh lự cho đến tánh bốn Định vô sắc, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, nên nói bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh tám chi Thánh đạo chẳng thể nắm bắt được, nên nói tám chi Thánh đạo chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh bốn Niệm trụ cho đến tánh tám chi Thánh đạo, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh pháp môn giải thoát Không chẳng thể nắm bắt được, nên nói pháp môn giải thoát Không, chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh pháp môn giải thoát Vô nguyện chẳng thể nắm bắt được, nên nói pháp môn giải thoát Vô nguyện chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh pháp môn giải thoát Không cho đến tánh pháp môn giải thoát Vô nguyện, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được, nên nói năm loại mắt, chẳng thể nắm bắt được; tánh sáu phép thần thông chẳng thể nắm bắt được, nên nói sáu phép thần thông chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh năm loại mắt, tánh sáu phép thần thông, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được, nên nói mười lực của Phật, chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh trí Nhất thiết tướng chẳng thể nắm bắt được, nên nói trí Nhất thiết tướng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh mười lực của Phật cho đến tánh trí Nhất thiết tướng, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh bậc Dự lưu sinh vào đường ác chẳng thể nắm bắt được, nên nói bậc Dự lưu sinh vào đường ác, chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác sinh lại đời sau chẳng thể nắm bắt được, nên nói Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác sinh lại đời sau chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh bậc Dự lưu sinh vào đường ác cho đến tánh Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác sinh lại đời sau, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thể nắm bắt được, nên nói Dự lưu hướng, Dự lưu quả, chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh Như Lai chẳng thể nắm bắt được, nên nói Như Lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh Dự lưu hướng, Dự lưu quả cho đến tánh Như Lai, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh danh tự, giả tưởng, nêu bày, ngôn thuyết chẳng thể nắm bắt được, nên nói danh tự, giả tưởng, nêu bày, ngôn thuyết chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh danh tự, giả tưởng, nêu bày, ngôn thuyết, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh của các pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tướng, vô vi chẳng thể nắm bắt được, nên nói không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tướng, vô vi chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của các pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vô tướng, vô vi, chẳng phải đã có thể nắm bắt

được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh của khoảng đầu, giữa, sau chẳng thể nắm bắt được, nên nói khoảng đầu, giữa, sau chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của khoảng đầu, giữa, sau, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh vãng lai chẳng thể nắm bắt được, nên nói vãng lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh vãng lai, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh đi, đứng chẳng thể nắm bắt được, nên nói đi, đứng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh đi, đứng, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh sinh tử chẳng thể nắm bắt được, nên nói sinh tử chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh sinh tử, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh tăng giảm chẳng thể nắm bắt được, nên nói tăng giảm chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh tăng giảm, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh của bậc Cực hỷ chẳng thể nắm bắt được, nên nói bậc Cực hỷ chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh của bậc Pháp vân chẳng thể nắm bắt được, nên nói bậc Pháp vân chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của bậc Cực hỷ cho đến tánh của bậc Pháp vân, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh bậc Tịnh quán chẳng thể nắm bắt được, nên nói bậc Tịnh quán, chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh bậc Như Lai chẳng thể nắm bắt được, nên nói bậc Như Lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh bậc Tịnh quán cho đến tánh bậc Như Lai, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh của sự thành tựu đầy đủ cho loài hữu tình chẳng thể nắm bắt được, nên nói sự thành tựu đầy đủ cho loài hữu tình chẳng

thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của sự thành tựu đầy đủ cho loài hữu tình, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh của việc làm nghiêm tịnh cõi Phật chẳng thể nắm bắt được, nên nói việc làm nghiêm tịnh cõi Phật chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của việc làm nghiêm tịnh cõi Phật, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Lại nữa Thiện Hiện, tánh của các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa trong pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, nên nói Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa trong pháp không không tánh tự tánh chẳng thể nắm bắt được, nên nói Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa ở trong đó, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc trong pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, nên nói bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc trong pháp không không tánh tự tánh chẳng thể nắm bắt được, nên nói bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ở trong đó, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo ở trong pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, nên nói bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo trong pháp không không tánh tự tánh chẳng thể nắm bắt được, nên nói bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo ở trong

đó, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện trong pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, nên nói pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện trong pháp không không tánh tự tánh chẳng thể nắm bắt được, nên nói pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện ở trong đó, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh năm loại mắt, sáu phép thần thông trong pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, nên nói năm loại mắt, sáu phép thần thông chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh năm loại mắt, sáu phép thần thông trong pháp không không tánh tự tánh chẳng thể nắm bắt được, nên nói năm loại mắt, sáu phép thần thông chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh năm loại mắt, sáu phép thần thông ở trong đó, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ở trong pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, nên nói mười lực của Phật cho đến trí Nhất thiết tướng chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ở trong pháp không không tánh tự tánh chẳng thể nắm bắt được, nên nói mười lực của Phật cho đến trí Nhất thiết tướng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ở trong đó, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh Dự lưu hướng, Dự lưu quả, Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả, Độc giác hướng, Độc giác quả, Bồ-tát, Như Lai trong pháp không bên trong

chẳng thể nắm bắt được, nên nói Dự lưu hướng, Dự lưu quả cho đến Bồ-tát, Như Lai chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh Dự lưu hướng, Dự lưu quả, Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả, Độc giác hướng, Độc giác quả, Bồ-tát, Như Lai trong pháp không không tánh tự tánh chẳng thể nắm bắt được, nên nói Dự lưu hướng, Dự lưu quả cho đến Bồ-tát, Như Lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh Dự lưu hướng, Dự lưu quả, Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả, Độc giác hướng, Độc giác quả, Bồ-tát, Như Lai ở trong đó, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh bậc Cực hỷ, bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân ở trong pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, nên nói bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh bậc Cực hỷ, bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân ở trong pháp không không tánh tự tánh chẳng thể nắm bắt được, nên nói bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh bậc Cực hỷ, bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân ở trong đó, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh của các bậc Tịnh quán, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc, Ly dục, Dĩ biện, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai ở trong pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, nên nói các bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh của các bậc Tịnh quán, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc, Ly dục, Dĩ biện, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai trong pháp không không tánh tự tánh chẳng thể nắm bắt được, nên nói các bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của các bậc Tịnh quán, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc, Ly dục, Dĩ biện, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai trong đó, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh của sự thành tựu đầy đủ cho loài hữu tình ở trong pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, nên nói sự thành tựu đầy

đủ cho loài hữu tình chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh của sự thành tựu đầy đủ cho loài hữu tình ở trong pháp không không tánh tự tánh chẳng thể nắm bắt được, nên nói sự thành tựu đầy đủ cho loài hữu tình chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của sự thành tựu đầy đủ cho loài hữu tình ở trong đó, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện, tánh của sự làm nghiêm tịnh cõi Phật ở trong pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, nên nói sự làm nghiêm tịnh cõi Phật chẳng thể nắm bắt được, cho đến tánh của sự làm nghiêm tịnh cõi Phật ở trong pháp không không tánh tự tánh chẳng thể nắm bắt được, nên nói sự làm nghiêm tịnh cõi Phật chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của sự làm nghiêm tịnh cõi Phật ở trong đó, chẳng phải đã có thể nắm bắt được, sẽ có thể nắm bắt được, đang có thể nắm bắt được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Như vậy, Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tuy quán tất cả các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, rốt ráo thanh tịnh, nên không nương nơi Đại thừa mà xuất hiện và đi đến, nhưng lấy vô sở đắc làm phương tiện, nương nơi Đại thừa để lìa khỏi sinh tử trong ba cõi, đạt đến trí Nhất thiết trí, đem lại lợi ích, an ổn cho các loài hữu tình, cho đến tận cùng đời vị lai, thường không dừng nghỉ.

-oOo-

PHẨM 16: TÁN DƯƠNG ĐẠI THỪA (1)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch:

–Bạch Thế Tôn, nói Đại thừa, Đại thừa ấy là tối tôn, tối diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Đại thừa như vậy ngang bằng với hư không. Thí như hư không có khả năng bao trùm vô số, vô lượng, vô biên hữu tình, Đại thừa cũng vậy, có khả năng bao trùm vô số, vô lượng, vô biên hữu tình. Lại như hư không không đến, không đi, không trụ có thể thấy, Đại thừa cũng vậy, không đến, không đi, không trụ có thể thấy. Lại như hư không, khoảng trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được. Đại thừa cũng vậy, khoảng trước, sau và giữa đều chẳng thể nắm bắt được, ba đời bình đẳng, nên gọi là Đại thừa.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Bồ-tát Đại thừa đầy đủ vô

biên công đức như thế.

Thiện Hiện nên biết, Đại thừa như vậy tức là Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện nên biết, Đại thừa như vậy tức là pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh.

Lại nữa Thiện Hiện nên biết, Đại thừa như vậy, tức là Tam-ma-địa Kiện hành cho đến Tam-ma-địa Vô nhiễm trước như hư không... và vô lượng trăm ngàn pháp môn Tam-ma-địa.

Lại nữa Thiện Hiện nên biết, Đại thừa như vậy tức là bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo.

Lại nữa Thiện Hiện nên biết, Đại thừa như vậy, tức là ba Tam-ma-địa cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Lại nữa Thiện Hiện nên biết, Đại thừa như vậy tức là pháp môn văn tự Đà-la-ni... và tất cả các pháp môn Đà-la-ni.

Thiện Hiện nên biết, vô lượng, vô biên công đức thù thắng như vậy đều là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, ông nói, Đại thừa là tối tôn, tối diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian? Đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Vì sao? Thiện Hiện, nếu Dục giới là chân như, không phải hư vọng, điên đảo, giả bày, là chắc, là thật, thường, hằng, không biến, không dịch, thật tánh, thì Đại thừa này, chẳng phải tôn, diệu, vượt hơn các Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian, nhưng vì Dục giới không phải là chân như mà là hư vọng, điên đảo, giả bày, chẳng phải chắc, thật, không thường, hằng, có biến, dịch, hoàn toàn không thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn các Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu Sắc, Vô sắc giới là chân như, không phải hư vọng, điên đảo, giả bày, là chắc, là thật, thường, hằng, không biến, không dịch, thật tánh, thì Đại thừa này, chẳng phải tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì Sắc, Vô sắc giới không phải

là chân như mà là hư vọng, điên đảo, giả bày, chẳng phải chắc, thật, không thường, hằng, có biến, dịch, hoàn toàn không thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu sắc là chân như, không phải hư vọng, điên đảo, giả bày, là chắc, là thật, thường, hằng, không biến, không dịch, thật tánh, thì Đại thừa này, chẳng phải tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì sắc không phải là chân như mà là hư vọng, điên đảo, giả bày, chẳng phải chắc, thật, không thường, hằng, có biến, dịch, hoàn toàn không thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu thọ, tưởng, hành, thức là chân như, không phải hư vọng, điên đảo, giả bày, là chắc, là thật, thường, hằng, không biến, không dịch, thật tánh, thì Đại thừa này, chẳng phải tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì thọ, tưởng, hành, thức không phải là chân như mà là hư vọng, điên đảo, giả bày, chẳng phải chắc, thật, không thường, hằng, có biến, dịch, hoàn toàn không thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu nhãn xứ là chân như, không phải hư vọng, điên đảo, giả bày, là chắc, là thật, thường, hằng, không biến, không dịch, thật tánh, thì Đại thừa này, chẳng phải tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì nhãn xứ không phải là chân như mà là hư vọng, điên đảo, giả bày, chẳng phải chắc, thật, không thường, hằng, có biến, dịch, hoàn toàn không thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là chân như, không phải hư vọng, điên đảo, giả bày, là chắc, là thật, thường, hằng, không biến, không dịch, thật tánh, thì Đại thừa này, chẳng phải tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không phải là chân như mà là hư vọng, điên đảo, giả bày, chẳng phải chắc, thật, không thường, hằng, có biến, dịch, hoàn toàn không thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu sắc xứ là chân như, không phải hư vọng, điên đảo, giả bày, là chắc, là thật, thường, hằng, không biến, không dịch, thật tánh,

thì Đại thừa này, chẳng phải tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì sắc xứ không phải là chân như mà là hư vọng, điên đảo, giả bày, chẳng phải chắc, thật, không thường, hằng, có biến, dịch, hoàn toàn không thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là chân như, không phải hư vọng, điên đảo, giả bày, là chắc, là thật, thường, hằng, không biến, không dịch, thật tánh, thì Đại thừa này, chẳng phải tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không phải là chân như mà là hư vọng, điên đảo, giả bày, chẳng phải chắc, thật, không thường, hằng, có biến, dịch, hoàn toàn không thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu nhãn giới là chân như, không phải hư vọng, điên đảo, giả bày, là chắc, là thật, thường, hằng, không biến, không dịch, thật tánh, thì Đại thừa này, chẳng phải tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì nhãn giới không phải là chân như mà là hư vọng, điên đảo, giả bày, chẳng phải chắc, thật, không thường, hằng, có biến, dịch, hoàn toàn không thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là chân như, không phải hư vọng, điên đảo, giả bày, là chắc, là thật, thường, hằng, không biến, không dịch, thật tánh, thì Đại thừa này, chẳng phải tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không phải là chân như mà là hư vọng, điên đảo, giả bày, chẳng phải chắc, thật, không thường, hằng, có biến, dịch, hoàn toàn không thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu nhĩ giới là chân như, không phải hư vọng, điên đảo, giả bày, là chắc, là thật, thường, hằng, không biến, không dịch, thật tánh, thì Đại thừa này, chẳng phải tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì nhĩ giới không phải là chân như mà là hư vọng, điên đảo, giả bày, chẳng phải chắc, thật, không thường, hằng, có biến, dịch, hoàn toàn không thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là chân như, không phải hư vọng, điên đảo, giả bày, là chắc, là thật, thường, hằng, không biến, không dịch, thật tánh, thì Đại thừa này, chẳng phải tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không phải là chân như mà là hư vọng, điên đảo, giả bày, chẳng phải chắc, thật, không thường, hằng, có biến, dịch, hoàn toàn không thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu tỷ giới là chân như, không phải hư vọng, điên đảo, giả bày, là chắc, là thật, thường, hằng, không biến, không dịch, thật tánh, thì Đại thừa này, chẳng phải tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì tỷ giới không phải là chân như mà là hư vọng, điên đảo, giả bày, chẳng phải chắc, thật, không thường, hằng, có biến, dịch, hoàn toàn không thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là chân như, không phải hư vọng, điên đảo, giả bày, là chắc, là thật, thường, hằng, không biến, không dịch, thật tánh, thì Đại thừa này, chẳng phải tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không phải là chân như mà là hư vọng, điên đảo, giả bày, chẳng phải chắc, thật, không thường, hằng, có biến, dịch, hoàn toàn không thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu thiệt giới là chân như, không phải hư vọng, điên đảo, giả bày, là chắc, là thật, thường, hằng, không biến, không dịch, thật tánh, thì Đại thừa này, chẳng phải tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì thiệt giới không phải là chân như mà là hư vọng, điên đảo, giả bày, chẳng phải chắc, thật, không thường, hằng, có biến, dịch, hoàn toàn không thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là chân như, không phải hư vọng, điên đảo, giả bày, là chắc, là thật, thường, hằng, không biến, không dịch, thật tánh, thì Đại thừa này, chẳng phải tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-

lạc... trong thế gian. Nhưng vì vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không phải là chân như mà là hư vọng, điên đảo, giả bày, chẳng phải chắc, thật, không thường, hằng, có biến, dịch, hoàn toàn không thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu thân giới là chân như, không phải hư vọng, điên đảo, giả bày, là chắc, là thật, thường, hằng, không biến, không dịch, thật tánh, thì Đại thừa này, chẳng phải tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì thân giới không phải là chân như mà là hư vọng, điên đảo, giả bày, chẳng phải chắc, thật, không thường, hằng, có biến, dịch, hoàn toàn không thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là chân như, không phải hư vọng, điên đảo, giả bày, là chắc, là thật, thường, hằng, không biến, không dịch, thật tánh, thì Đại thừa này, chẳng phải tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không phải là chân như mà là hư vọng, điên đảo, giả bày, chẳng phải chắc, thật, không thường, hằng, có biến, dịch, hoàn toàn không thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu ý giới là chân như, không phải hư vọng, điên đảo, giả bày, là chắc, là thật, thường, hằng, không biến, không dịch, thật tánh, thì Đại thừa này, chẳng phải tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì ý giới không phải là chân như mà là hư vọng, điên đảo, giả bày, chẳng phải chắc, thật, không thường, hằng, có biến, dịch, hoàn toàn không thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là chân như, không phải hư vọng, điên đảo, giả bày, là chắc, là thật, thường, hằng, không biến, không dịch, thật tánh, thì Đại thừa này, chẳng phải tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không phải là chân như mà là hư vọng, điên đảo, giả bày, chẳng phải chắc, thật, không thường, hằng, có biến, dịch, hoàn toàn không thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời,

Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu địa giới là chân như, không phải hư vọng, điên đảo, giả bày, là chắc, là thật, thường, hằng, không biến, không dịch, thật tánh, thì Đại thừa này, chẳng phải tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì địa giới không phải là chân như mà là hư vọng, điên đảo, giả bày, chẳng phải chắc, thật, không thường, hằng, có biến, dịch, hoàn toàn không thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu thủy, hỏa, phong, không, thức giới là chân như, không phải hư vọng, điên đảo, giả bày, là chắc, là thật, thường, hằng, không biến, không dịch, thật tánh, thì Đại thừa này, chẳng phải tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới không phải là chân như mà là hư vọng, điên đảo, giả bày, chẳng phải chắc, thật, không thường, hằng, có biến, dịch, hoàn toàn không thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu vô minh là chân như, không phải hư vọng, điên đảo, giả bày, là chắc, là thật, thường, hằng, không biến, không dịch, thật tánh, thì Đại thừa này, chẳng phải tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì vô minh không phải là chân như mà là hư vọng, điên đảo, giả bày, chẳng phải chắc, thật, không thường, hằng, có biến, dịch, hoàn toàn không thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là chân như, không phải hư vọng, điên đảo, giả bày, là chắc, là thật, thường, hằng, không biến, không dịch, thật tánh, thì Đại thừa này, chẳng phải tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não không phải là chân như mà là hư vọng, điên đảo, giả bày, chẳng phải chắc, thật, không thường, hằng, có biến, dịch, hoàn toàn không thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 57

PHẨM 16: TÁN DƯƠNG ĐẠI THỪA (2)

Lại nữa Thiện Hiện, nếu chân như có thật tánh, thì Đại thừa này không phải tôn, diệu, không vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian; nhưng vì chân như không phải thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, không đổi khác, bình đẳng, ly sinh, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, hư không, đoạn, ly, diệt, không tánh, không tướng, không tạo tác, không hành động, an ổn, tịch tĩnh, pháp định, pháp trụ, bản vô, thật tế mà có thật tánh, thì Đại thừa này không phải tôn, diệu, không vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì pháp giới cho đến thật tế, không phải thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu pháp không bên trong có thật tánh, thì Đại thừa này không phải tôn, diệu, không vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì pháp không bên trong không phải thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là có thật tánh, thì Đại thừa này không phải tôn, diệu, không vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, không phải thật tánh, nên Đại thừa này là tôn,

diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu Bố thí ba-la-mật-đa có thật tánh, thì Đại thừa này không phải tôn, diệu, không vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì Bố thí ba-la-mật-đa không phải thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thật tánh, thì Đại thừa này không phải tôn, diệu, không vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, không phải thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu bốn Tĩnh lự có thật tánh, thì Đại thừa này không phải tôn, diệu, không vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì bốn Tĩnh lự không phải thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thật tánh, thì Đại thừa này không phải tôn, diệu, không vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, không phải thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu bốn Niệm trụ có thật tánh, thì Đại thừa này không phải tôn, diệu, không vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì bốn Niệm trụ không phải thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo có thật tánh, thì Đại thừa này không phải tôn, diệu, không vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, không phải thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu pháp môn giải thoát Không có thật tánh, thì Đại thừa này không phải tôn, diệu, không vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì pháp môn giải thoát Không không phải thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thật tánh, thì Đại thừa này không phải tôn, diệu, không vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, không phải thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu năm loại mắt có thật tánh, thì Đại thừa này không phải tôn, diệu, không vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì năm loại mắt không phải thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu sáu phép thần thông có thật tánh, thì Đại thừa này không phải tôn, diệu, không vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì sáu phép thần thông, không phải thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu mười lực của Phật có thật tánh, thì Đại thừa này không phải tôn, diệu, không vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì mười lực của Phật không phải thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều có thật tánh, thì Đại thừa này không phải tôn, diệu, không vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, không phải thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu mười bậc của Bồ-tát có thật tánh, thì Đại thừa này không phải tôn, diệu, không vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì mười bậc của Bồ-tát không phải thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu pháp nơi các bậc Chủng tánh, Đệ bát, Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Đại Bồ-tát, Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác đều có thật tánh, thì Đại thừa này không phải tôn, diệu, không vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì pháp các bậc Chủng tánh, Đệ bát cho đến pháp Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác, không phải thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời,

Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu Bổ-đặc-già-la của bậc Tịnh quán có thật tánh, thì Đại thừa này không phải tôn, diệu, không vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì Bổ-đặc-già-la của bậc Tịnh quán không phải thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu Bổ-đặc-già-la của bậc Chủng tánh, Dự lưu, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Đại Bồ-tát, Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác có thật tánh, thì Đại thừa này không phải tôn, diệu, không vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì Bổ-đặc-già-la của bậc Chủng tánh cho đến Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác, không phải thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian có thật tánh, thì Đại thừa này không phải tôn, diệu, không vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian không phải thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến khi được ngồi tòa Bồ-đề nhiệm mầu, các tâm khởi lên trong khoảng ấy có thật tánh, thì Đại thừa này không phải tôn, diệu, không vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì Đại Bồ-tát, từ lúc mới phát tâm cho đến khi được ngồi tòa Bồ-đề nhiệm mầu, các tâm khởi lên trong khoảng ấy không phải thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu trí Kim cang dụ của Đại Bồ-tát có thật tánh, thì Đại thừa này không phải tôn, diệu, không vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng vì trí Kim cang dụ của Đại Bồ-tát không phải thật tánh, nên Đại thừa này là tôn, diệu, vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu đối tượng dứt trừ của trí Kim cang dụ nơi Đại Bồ-tát là sự tương tục của tập khí phiền não là có thật tánh, thì chủ thể đoạn trừ của trí Kim cang dụ nơi Đại Bồ-tát không thể thấu đạt các thứ ấy đều không có tự tánh; đoạn xong, chứng đắc trí Nhất thiết trí. Nhưng vì đối tượng dứt trừ của trí Kim cang dụ nơi Đại Bồ-tát là sự tương tục của tập khí phiền não không phải thật tánh, nên trí Kim cang dụ năng đoạn này

mới có khả năng thấu đạt các thứ ấy là hoàn toàn không có tự tánh; đoạn xong, chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Thiện Hiện, nếu các thứ làm trang nghiêm thân của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là ba mươi hai tướng Đại sĩ và tám mươi vẻ đẹp kèm theo mà có thật tánh, thì oai quang diệu đức của các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng vượt hơn tất cả trời người, A-tố-lạc... trong thế gian. Nhưng các thứ làm trang nghiêm thân của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là ba mươi hai tướng Đại sĩ và tám mươi vẻ đẹp kèm theo không phải thật tánh, nên oai quang diệu đức của các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác mới vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Thiện Hiện, nếu các hào quang tỏa chiếu của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác mà có thật tánh, thì các hào quang tỏa chiếu của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không có thể chiếu khắp vô số thế giới chư Phật trong mười phương; nhưng vì các hào quang tỏa chiếu của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không phải thật tánh, nên các hào quang tỏa chiếu của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều có thể chiếu khắp vô số thế giới chư Phật trong mười phương.

Thiện Hiện, nếu sáu mươi thứ âm thanh mỹ diệu của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có thật tánh, thì Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có đầy đủ sáu mươi thứ âm thanh mỹ diệu ấy không thể tuyên giảng khắp vô lượng, vô số trăm ngàn, ức thế giới chư Phật trong mười phương; nhưng vì sáu mươi thứ âm thanh mỹ diệu của các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không phải thật tánh, nên các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có đầy đủ sáu mươi thứ âm thanh mỹ diệu đều có khả năng tuyên giảng khắp vô lượng, vô số trăm ngàn, ức thế giới chư Phật trong mười phương.

Thiện Hiện, nếu sự chuyển pháp luân của các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác mà có thật tánh, thì sự chuyển pháp luân của các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không phải thanh tịnh hết mực, cũng không phải tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Ma, Phạm,... trong thế gian không có thể chuyển được. Nhưng vì sự chuyển pháp luân của các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không phải thật tánh, nên sự chuyển pháp luân của các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là tối cực thanh tịnh, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Ma, Phạm,... trong thế gian đều không có thể chuyển được.

Thiện Hiện, nếu các loài hữu tình được các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chuyển diệu pháp luân mà có thật tánh, thì sự chuyển pháp luân của các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không thể khiến các loài hữu tình ấy, đối với cảnh giới Niết-bàn Vô dư y vi diệu; đã nhập, đang nhập và sẽ nhập Niết-bàn. Nhưng vì các loài hữu tình được các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chuyển diệu pháp luân không phải thật tánh, nên sự chuyển pháp luân của các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều có thể khiến các loài hữu tình ấy, đối với cảnh giới Niết-bàn Vô dư y vi diệu, đã nhập, đang nhập và sẽ nhập Niết-bàn.

Thiện Hiện, do vô lượng nhân duyên như vậy, nên nói Đại thừa là tối tôn, tối diệu vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian.

Lại nữa Thiện Hiện, ông nói Đại thừa như thế là ngang bằng với hư không? Đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Vì sao? Thiện Hiện, ví như hư không, không có sự phân ranh phương hướng Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn hướng, trên dưới và có thể được. Đại thừa cũng vậy, không có sự phân ranh phương hướng Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn hướng, trên dưới và có thể được, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không có hình sắc dài ngắn, vuông, tròn, cao thấp, cong ngay và có thể được. Đại thừa cũng vậy, không có hình sắc dài ngắn, vuông, tròn, cao thấp, cong ngay và có thể được, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không có hiển bày rõ các sắc như xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, tía, xanh nhạt..., có thể được, Đại thừa cũng vậy không phải có hiển bày rõ các sắc như xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, tía, xanh nhạt..., có thể được, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải quá khứ, vị lai, hiện tại, Đại thừa cũng vậy, không phải quá khứ, vị lai, hiện tại, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải tăng, giảm, tấn, thoái, Đại thừa cũng vậy, không phải tăng, giảm, tấn, thoái, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải nhiễm tạp, thanh tịnh; Đại thừa cũng vậy, không phải nhiễm tạp, thanh tịnh, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải sinh, diệt, trụ, dị, Đại

thừa cũng vậy, không phải sinh, diệt, trụ, dị, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải thiện, chẳng phải thiện, hữu ký, vô ký, Đại thừa cũng vậy, không phải thiện, chẳng phải thiện, hữu ký, vô ký, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải kiến, văn, giác, tri, Đại thừa cũng vậy, không phải kiến, văn, giác, tri, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải sở tri, sở đạt, Đại thừa cũng vậy, không phải sở tri, sở đạt, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải biến tri, vĩnh đoạn, tác chứng, tu tập, Đại thừa cũng vậy, không phải biến tri, vĩnh đoạn, tác chứng, tu tập, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải Dị thục, có pháp Dị thục, Đại thừa cũng vậy, không phải Dị thục, có pháp Dị thục, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải có pháp tham, có pháp ly tham, Đại thừa cũng vậy, không phải có pháp tham, có pháp ly tham, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải có pháp sân, có pháp ly sân, Đại thừa cũng vậy, không phải có pháp sân, có pháp ly sân, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải có pháp si, có pháp ly si, Đại thừa cũng vậy, không phải có pháp si, có pháp ly si, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải đọa Dục giới, đọa Sắc giới, đọa Vô sắc giới, Đại thừa cũng vậy, không phải đọa Dục giới, đọa Sắc giới, đọa Vô sắc giới, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải có bậc mới phát tâm, có thể được, cho đến không phải có bậc thứ mười phát tâm, có thể được, Đại thừa cũng vậy, không phải có bậc mới phát tâm, có thể được, cho đến không phải có bậc thứ mười phát tâm, có thể được, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải có các bậc Tịnh quán, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc, Ly dục, Dĩ biện, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai, có thể được, Đại thừa cũng vậy, không phải có các bậc Tịnh quán, cho đến bậc Như Lai, có thể được, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải có Dự lưu hướng, Dự lưu quả, Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả, Độc giác hướng, Độc giác quả, Bồ-tát, Như Lai, có thể được, Đại thừa cũng vậy, không phải có Dự lưu hướng, Dự lưu quả, cho đến Bồ-tát, Như Lai, có thể được, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải có các bậc Thanh văn, Độc giác, Chánh Đẳng Giác, có thể được, Đại thừa cũng vậy, không phải có các bậc Thanh văn, Độc giác, Chánh Đẳng Giác, có thể được, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải hữu sắc, vô sắc, hữu kiến, vô kiến, hữu đối, vô đối, tương ưng, chẳng tương ưng, Đại thừa cũng vậy, không phải hữu sắc, vô sắc, hữu kiến, vô kiến, hữu đối, vô đối, tương ưng, chẳng tương ưng, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải thường, vô thường, lạc, khổ, ngã, vô ngã, tịnh, bất tịnh, Đại thừa cũng vậy, không phải thường, vô thường, lạc, khổ, ngã, vô ngã, tịnh, bất tịnh, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải không, bất không, hữu tướng, vô tướng, hữu nguyện, vô nguyện, Đại thừa cũng vậy, không phải không, bất không, hữu tướng, vô tướng, hữu nguyện, vô nguyện, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh, xa lìa, chẳng xa lìa, Đại thừa cũng vậy, không phải tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh, xa lìa, chẳng xa lìa, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải sáng, tối, Đại thừa cũng vậy, không phải sáng, tối, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải uẩn, xứ, giới, lìa uẩn, xứ,

giới, Đại thừa cũng vậy, không phải uẩn, xứ, giới, lìa uẩn, xứ, giới, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải có thể được, chẳng có thể được, Đại thừa cũng vậy, không phải có thể được, chẳng có thể được, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, lại như hư không, không phải có thể ngôn thuyết, chẳng có thể ngôn thuyết, Đại thừa cũng vậy, không phải có thể ngôn thuyết, chẳng có thể ngôn thuyết, nên nói Đại thừa cùng với hư không ngang bằng nhau.

Thiện Hiện, do vô lượng nhân duyên như vậy, nên nói đại cùng với hư không ngang bằng nhau.

Lại nữa Thiện Hiện, ông nói giống như hư không, có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên loài hữu tình, Đại thừa cũng vậy, có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên loài hữu tình? Đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Vì sao? Thiện Hiện, vì các loài hữu tình không sở hữu nên biết hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên biết Đại thừa cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên loài hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì hoặc loài hữu tình, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, tất cả đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì các loài hữu tình vô số, vô lượng, vô biên, nên biết hư không cũng vô số, vô lượng, vô biên. Vì hư không vô số, vô lượng, vô biên, nên biết Đại thừa cũng vô số, vô lượng, vô biên. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên loài hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì các loài hữu tình vô số, vô lượng, vô biên, hư không vô số, vô lượng, vô biên, Đại thừa vô số, vô lượng, vô biên, nên tất cả đều không sở hữu, nên chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì các loài hữu tình không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên loài hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì các loài hữu tình, hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì ngã không sở hữu, nên loài hữu tình cũng không sở hữu, vì các loài hữu tình không sở hữu, nên dòng sinh mạng cũng không sở hữu. Vì dòng sinh mạng không sở hữu, nên việc sinh trưởng cũng không sở hữu. Vì sinh khởi không sở hữu, nên dưỡng dục cũng không sở hữu. Vì dưỡng dục không sở hữu, nên trưởng thành cũng không sở hữu. Vì trưởng thành không sở hữu, nên chủ thể luân hồi cũng không sở hữu. Vì chủ thể luân hồi không sở hữu, nên ý sinh cũng không sở hữu. Vì ý sinh không sở hữu, nên nho đồng cũng không sở hữu. Vì nho đồng không sở hữu, nên người làm việc cũng không sở hữu. Vì người làm việc không sở hữu, nên khiến người làm việc cũng không sở hữu. Vì khiến người làm việc không sở hữu, nên người tạo nghiệp cũng không sở hữu. Vì người tạo nghiệp không sở hữu, nên khiến người tạo nghiệp cũng không sở hữu. Vì khiến người tạo nghiệp không sở hữu, nên người thọ quả báo cũng không sở hữu. Vì người thọ quả báo không sở hữu, nên khiến người thọ quả báo cũng không sở hữu. Vì khiến người thọ quả báo không sở hữu, nên sự hiểu biết cũng không sở hữu. Vì sự hiểu biết không sở hữu, nên sự nhận thức cũng không sở hữu. Vì sự nhận thức không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên loài hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp, đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên chân như cũng không sở hữu. Vì chân như không sở hữu, nên pháp giới cũng không sở hữu. Vì pháp giới không sở hữu, nên pháp tánh cũng không sở hữu. Vì pháp tánh không sở hữu, nên tánh chẳng hư vọng cũng không sở hữu. Vì tánh chẳng hư vọng không sở hữu, nên tánh chẳng đổi khác cũng không sở hữu. Vì tánh chẳng đổi khác không sở hữu, nên tánh bình đẳng cũng không sở hữu. Vì tánh bình đẳng không sở hữu, nên tánh ly sinh cũng không sở hữu. Vì tánh ly sinh không sở hữu, nên cảnh bất tư nghị cũng không sở hữu. Vì cảnh bất tư nghị không sở hữu, nên cảnh giới hư không cũng không sở hữu. Vì cảnh giới hư không không sở hữu, nên cảnh giới đoạn không cũng không sở hữu. Vì cảnh giới đoạn không

không sở hữu, nên cảnh giới ly cũng không sở hữu. Vì cảnh giới ly không sở hữu, nên cảnh giới diệt cũng không sở hữu. Vì cảnh giới diệt không sở hữu, nên cảnh giới vô tánh cũng không sở hữu. Vì cảnh giới vô tánh không sở hữu, nên cảnh giới vô tướng cũng không sở hữu. Vì cảnh giới vô tướng không sở hữu, nên cảnh giới vô tác cũng không sở hữu. Vì cảnh giới vô tác không sở hữu, nên cảnh giới vô vi cũng không sở hữu. Vì cảnh giới vô vi không sở hữu, nên cảnh giới an ẩn cũng không sở hữu. Vì cảnh giới an ổn không sở hữu, nên cảnh giới tịch tĩnh cũng không sở hữu. Vì cảnh giới tịch tĩnh không sở hữu, nên pháp định cũng không sở hữu. Vì pháp định không sở hữu, nên pháp trụ cũng không sở hữu. Vì pháp trụ không sở hữu, nên bản vô cũng không sở hữu. Vì bản vô không sở hữu, nên thật tế cũng không sở hữu. Vì thật tế không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên loài hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc chân như cho đến thật tế; hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, tất cả pháp, tất cả đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên sắc cũng không sở hữu. Vì sắc không sở hữu, nên thọ cũng không sở hữu. Vì thọ không sở hữu, nên tưởng cũng không sở hữu. Vì tưởng không sở hữu, nên hành cũng không sở hữu. Vì hành không sở hữu, nên thức cũng không sở hữu. Vì thức không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên loài hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc sắc, thọ, tưởng, hành, thức, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên nhãn xứ cũng không sở hữu. Vì nhãn xứ không sở hữu, nên nhĩ xứ

cũng không sở hữu. Vì nhĩ xứ không sở hữu, nên tỷ xứ không sở hữu. Vì tỷ xứ không sở hữu, nên thiệt xứ cũng không sở hữu. Vì thiệt xứ không sở hữu, nên thân xứ cũng không sở hữu. Vì thân xứ không sở hữu, nên ý xứ cũng không sở hữu. Vì ý xứ không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên loài hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc nhãn nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên sắc xứ cũng không sở hữu. Vì sắc xứ không sở hữu, nên thanh xứ cũng không sở hữu. Vì thanh xứ không sở hữu, nên hương xứ không sở hữu. Vì hương xứ không sở hữu, nên vị xứ cũng không sở hữu. Vì vị xứ không sở hữu, nên xúc xứ cũng không sở hữu. Vì xúc xứ không sở hữu, nên pháp xứ cũng không sở hữu. Vì pháp xứ không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên loài hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên nhãn giới cũng không sở hữu. Vì nhãn giới không sở hữu, nên sắc giới cũng không sở hữu. Vì sắc giới không sở hữu, nên nhãn thức giới cũng không sở hữu. Vì nhãn thức giới không sở hữu, nên nhãn xúc cũng không sở hữu. Vì nhãn xúc không sở hữu, nên các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng không sở hữu. Vì các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng

không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên loài hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên nhĩ giới cũng không sở hữu. Vì nhĩ giới không sở hữu, nên thanh giới cũng không sở hữu. Vì thanh giới không sở hữu, nên nhĩ thức giới cũng không sở hữu. Vì nhĩ thức giới không sở hữu, nên nhĩ xúc cũng không sở hữu. Vì nhĩ xúc không sở hữu, nên các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng không sở hữu. Vì các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên loài hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên tỷ giới cũng không sở hữu. Vì tỷ giới không sở hữu, nên hương giới cũng không sở hữu. Vì hương giới không sở hữu, nên tỷ thức giới cũng không sở hữu. Vì tỷ thức giới không sở hữu, nên tỷ xúc cũng không sở hữu. Vì tỷ xúc không sở hữu, nên các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng không sở hữu. Vì các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên loài hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô

lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên thiệt giới cũng không sở hữu. Vì thiệt giới không sở hữu, nên vị giới cũng không sở hữu. Vì vị giới không sở hữu, nên thiệt thức giới cũng không sở hữu. Vì thiệt thức giới không sở hữu, nên thiệt xúc cũng không sở hữu. Vì thiệt xúc không sở hữu, nên các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng không sở hữu. Vì các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên loài hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên thân giới cũng không sở hữu. Vì thân giới không sở hữu, nên xúc giới cũng không sở hữu. Vì xúc giới không sở hữu, nên thân thức giới cũng không sở hữu. Vì thân thức giới không sở hữu, nên thân xúc cũng không sở hữu. Vì thân xúc không sở hữu, nên các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng không sở hữu. Vì các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên loài hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên ý giới cũng không sở hữu. Vì ý giới không sở hữu, nên pháp giới cũng không sở hữu. Vì pháp giới không sở hữu, nên ý thức giới cũng không sở hữu. Vì ý thức giới không sở hữu, nên ý xúc cũng không sở

hữu. Vì ý xúc không sở hữu, nên các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng không sở hữu. Vì các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên loài hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên địa giới cũng không sở hữu. Vì địa giới không sở hữu, nên thủy giới cũng không sở hữu. Vì thủy giới không sở hữu, nên hỏa giới cũng không sở hữu. Vì hỏa giới không sở hữu, nên phong giới cũng không sở hữu. Vì phong giới không sở hữu, nên thức giới cũng không sở hữu. Vì thức giới không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên loài hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên Thánh đế khổ cũng không sở hữu. Vì Thánh đế khổ không sở hữu, nên Thánh đế tập cũng không sở hữu. Vì Thánh đế tập không sở hữu, nên Thánh đế diệt cũng không sở hữu. Vì Thánh đế diệt không sở hữu, nên Thánh đế đạo cũng không sở hữu. Vì Thánh đế đạo không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên loài hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc Thánh đế khổ,

tập, diệt, đạo, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên vô minh cũng không sở hữu. Vì vô minh không sở hữu, nên hành cũng không sở hữu. Vì hành không sở hữu, nên thức cũng không sở hữu. Vì thức không sở hữu, nên danh sắc cũng không sở hữu. Vì danh sắc không sở hữu, nên lục xứ cũng không sở hữu. Vì lục xứ không sở hữu, nên xúc cũng không sở hữu. Vì xúc không sở hữu, nên thọ cũng không sở hữu. Vì thọ không sở hữu, nên ái cũng không sở hữu. Vì ái không sở hữu, nên thủ cũng không sở hữu. Vì thủ không sở hữu, nên hữu cũng không sở hữu. Vì hữu không sở hữu, nên sinh cũng không sở hữu. Vì sinh không sở hữu, nên lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng không sở hữu. Vì lão tử, sầu bi khổ ưu não không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên loài hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc vô minh cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 58

PHẨM 16: TÁN DƯƠNG ĐẠI THỪA (3)

Lại nữa Thiện Hiện, vì ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên pháp không bên trong cũng không sở hữu. Vì pháp không bên trong không sở hữu, nên pháp không bên ngoài cũng không sở hữu. Vì pháp không bên ngoài không sở hữu, nên pháp không cả trong ngoài cũng không sở hữu. Vì pháp không cả trong ngoài không sở hữu, nên pháp không không cũng không sở hữu. Vì pháp không không, không sở hữu, nên pháp không lớn cũng không sở hữu. Vì pháp không lớn không sở hữu, nên pháp không thắng nghĩa cũng không sở hữu. Vì pháp không thắng nghĩa không sở hữu, nên pháp không hữu vi cũng không sở hữu. Vì pháp không hữu vi không sở hữu, nên pháp không vô vi cũng không sở hữu. Vì pháp không vô vi không sở hữu, nên pháp không rốt ráo cũng không sở hữu. Vì pháp không rốt ráo không sở hữu, nên pháp không không biên giới cũng không sở hữu. Vì pháp không không biên giới không sở hữu, nên pháp không tản mạn cũng không sở hữu. Vì pháp không tản mạn không sở hữu, nên pháp không không đổi khác cũng không sở hữu. Vì pháp không không đổi khác không sở hữu, nên pháp không bản tánh cũng không sở hữu. Vì pháp không bản tánh không sở hữu, nên pháp không tự tướng cũng không sở hữu. Vì pháp không tự tướng không sở hữu, nên pháp không cộng tướng cũng không sở hữu. Vì pháp không cộng tướng không sở hữu, nên pháp không nơi tất cả pháp cũng không sở hữu. Vì pháp không nơi tất cả pháp không sở hữu, nên pháp không chẳng thể nắm bắt được cũng không sở hữu. Vì pháp không chẳng thể nắm bắt được không sở hữu, nên pháp không không tánh cũng không sở hữu. Vì pháp không không tánh không sở hữu, nên pháp không tự tánh cũng không sở hữu. Vì pháp không tự tánh không sở hữu, nên pháp không không tánh tự tánh cũng không sở hữu. Vì pháp không không tánh tự tánh không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không

không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì ngã cho đến cái thấy, hoặc pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên Bố thí ba-la-mật-đa cũng không sở hữu. Vì Bố thí ba-la-mật-đa không sở hữu, nên Tịnh giới ba-la-mật-đa cũng không sở hữu. Vì Tịnh giới ba-la-mật-đa không sở hữu, nên An nhẫn ba-la-mật-đa cũng không sở hữu. Vì An nhẫn ba-la-mật-đa không sở hữu, nên Tinh tấn ba-la-mật-đa cũng không sở hữu. Vì Tinh tấn ba-la-mật-đa không sở hữu, nên Tĩnh lự ba-la-mật-đa cũng không sở hữu. Vì Tĩnh lự ba-la-mật-đa không sở hữu, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sở hữu. Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên bốn Tĩnh lự cũng không sở hữu. Vì bốn Tĩnh lự không sở hữu, nên bốn Vô lượng cũng không sở hữu. Vì bốn Vô lượng không sở hữu, nên bốn Định vô sắc cũng không sở hữu. Vì bốn Định vô sắc không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên hữu tình. Vì sao?

Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên bốn Niệm trụ cũng không sở hữu. Vì bốn Niệm trụ không sở hữu, nên bốn Chánh đoạn cũng không sở hữu. Vì bốn Chánh đoạn không sở hữu, nên bốn Thần túc cũng không sở hữu. Vì bốn Thần túc không sở hữu, nên năm Căn cũng không sở hữu. Vì năm Căn không sở hữu, nên năm Lực cũng không sở hữu. Vì năm Lực không sở hữu, nên bảy chi Đẳng giác cũng không sở hữu. Vì bảy chi Đẳng giác không sở hữu, nên tám chi Thánh đạo cũng không sở hữu. Vì tám chi Thánh đạo không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên pháp môn giải thoát Không cũng không sở hữu. Vì pháp môn giải thoát Không không sở hữu, nên pháp môn giải thoát Vô tướng cũng không sở hữu. Vì pháp môn giải thoát Vô tướng không sở hữu, nên pháp môn giải thoát Vô nguyện cũng không sở hữu. Vì pháp môn giải thoát Vô nguyện không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu,

nên năm loại mắt cũng không sở hữu. Vì năm loại mắt không sở hữu, nên sáu phép thần thông cũng không sở hữu. Vì sáu phép thần thông không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc năm loại mắt, sáu phép thần thông, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên mười lực của Phật cũng không sở hữu. Vì mười lực của Phật không sở hữu, nên bốn điều không sợ cũng không sở hữu. Vì bốn điều không sợ không sở hữu, nên bốn sự hiểu biết thông suốt cũng không sở hữu. Vì bốn sự hiểu biết thông suốt không sở hữu, nên đại từ cũng không sở hữu. Vì đại từ không sở hữu, nên đại Bi cũng không sở hữu. Vì đại Bi không sở hữu, nên đại hỷ cũng không sở hữu. Vì đại hỷ không sở hữu, nên đại xả cũng không sở hữu. Vì đại xả không sở hữu, nên mười tám pháp Phật bất cộng cũng không sở hữu. Vì mười tám pháp Phật bất cộng không sở hữu, nên trí Nhất thiết cũng không sở hữu. Vì trí Nhất thiết không sở hữu, nên trí Đạo tướng cũng không sở hữu. Vì trí Đạo tướng không sở hữu, nên trí Nhất thiết tướng cũng không sở hữu. Vì trí Nhất thiết tướng không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc mười lực của Phật cho đến trí Nhất thiết tướng, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên bậc Cực hỷ cũng không sở hữu. Vì bậc Cực hỷ không sở hữu, nên bậc Ly cấu cũng không sở hữu. Vì bậc Ly cấu không sở hữu, nên bậc Phát quang cũng không sở hữu. Vì bậc Phát quang không sở hữu, nên bậc Diệm tuệ cũng không sở hữu. Vì bậc Diệm tuệ không sở hữu, nên bậc

Cực nan thắng cũng không sở hữu. Vì bậc Cực nan thắng không sở hữu, nên bậc Hiện tiền cũng không sở hữu. Vì bậc Hiện tiền không sở hữu, nên bậc Viễn hành cũng không sở hữu. Vì bậc Viễn hành không sở hữu, nên bậc Bất động cũng không sở hữu. Vì bậc Bất động không sở hữu, nên bậc Thiện tuệ cũng không sở hữu. Vì bậc Thiện tuệ không sở hữu, nên bậc Pháp vân cũng không sở hữu. Vì bậc Pháp vân không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên bậc Tịnh quán cũng không sở hữu. Vì bậc Tịnh quán không sở hữu, nên bậc Chủng tánh cũng không sở hữu. Vì bậc Chủng tánh không sở hữu, nên bậc Đệ bát cũng không sở hữu. Vì bậc Đệ bát không sở hữu, nên bậc Cụ kiến cũng không sở hữu. Vì bậc Cụ kiến không sở hữu, nên bậc Bạc cũng không sở hữu. Vì bậc Bạc không sở hữu, nên bậc Ly dục cũng không sở hữu. Vì bậc Ly dục không sở hữu, nên bậc Dĩ biện cũng không sở hữu. Vì bậc Dĩ biện không sở hữu, nên bậc Độc giác cũng không sở hữu. Vì bậc Độc giác không sở hữu, nên bậc Bồ-tát cũng không sở hữu. Vì bậc Bồ-tát không sở hữu, nên bậc Như Lai cũng không sở hữu. Vì bậc Như Lai không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên Dự lưu hướng cũng không sở hữu. Vì Dự lưu hướng không sở hữu,

nên Dự lưu quả cũng không sở hữu. Vì Dự lưu quả không sở hữu, nên Nhất lai hướng cũng không sở hữu. Vì Nhất lai hướng không sở hữu, nên Nhất lai quả cũng không sở hữu. Vì Nhất lai quả không sở hữu, nên Bất hoàn hướng cũng không sở hữu. Vì Bất hoàn hướng không sở hữu, nên Bất hoàn quả cũng không sở hữu. Vì Bất hoàn quả không sở hữu, nên A-la-hán hướng cũng không sở hữu. Vì A-la-hán hướng không sở hữu, nên A-la-hán quả cũng không sở hữu. Vì A-la-hán quả không sở hữu, nên Độc giác hướng cũng không sở hữu. Vì Độc giác hướng không sở hữu, nên Độc giác quả cũng không sở hữu. Vì Độc giác quả không sở hữu, nên pháp đại Bồ-đề cũng không sở hữu. Vì pháp đại Bồ-đề không sở hữu, nên pháp Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác cũng không sở hữu. Vì pháp Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc Dự lưu hướng cho đến pháp Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên chủ thể luân hồi của Dự lưu hướng cũng không sở hữu. Vì chủ thể luân hồi của Dự lưu hướng không sở hữu, nên chủ thể luân hồi của Dự lưu quả cũng không sở hữu. Vì chủ thể luân hồi của Dự lưu quả không sở hữu, nên chủ thể luân hồi của Nhất lai hướng cũng không sở hữu. Vì chủ thể luân hồi của Nhất lai hướng không sở hữu, nên chủ thể luân hồi của Nhất lai quả cũng không sở hữu. Vì chủ thể luân hồi của Nhất lai quả không sở hữu, nên chủ thể luân hồi của Bất hoàn hướng cũng không sở hữu. Vì chủ thể luân hồi của Bất hoàn hướng không sở hữu, nên chủ thể luân hồi của Bất hoàn quả cũng không sở hữu. Vì chủ thể luân hồi của Bất hoàn quả không sở hữu, nên chủ thể luân hồi của A-la-hán hướng cũng không sở hữu. Vì chủ thể luân hồi của A-la-hán hướng không sở hữu, nên chủ thể luân hồi của A-la-hán quả cũng không sở hữu. Vì chủ thể luân hồi của A-la-hán quả không sở hữu, nên chủ thể luân hồi của Độc giác hướng cũng không sở hữu. Vì chủ thể luân hồi của Độc giác hướng không sở hữu, nên chủ thể luân hồi của Độc giác quả cũng không sở hữu. Vì chủ thể luân hồi

của Độc giác quả không sở hữu, nên đại Bồ-tát cũng không sở hữu. Vì đại Bồ-tát không sở hữu, nên pháp Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác cũng không sở hữu. Vì pháp Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc chủ thể luân hồi của Dự lưu hướng cho đến pháp Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên Thanh văn thừa cũng không sở hữu. Vì Thanh văn thừa không sở hữu, nên Độc giác thừa cũng không sở hữu. Vì Độc giác thừa không sở hữu, nên Chánh đẳng giác thừa cũng không sở hữu. Vì Chánh đẳng giác thừa không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc Thanh văn thừa, Độc giác thừa, Chánh đẳng giác thừa, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức không sở hữu, nên chủ thể luân hồi của Thanh văn thừa cũng không sở hữu. Vì chủ thể luân hồi của Thanh văn thừa không sở hữu, nên chủ thể luân hồi của Độc giác thừa cũng không sở hữu. Vì chủ thể luân hồi của Độc giác thừa không sở hữu, nên chủ thể luân hồi của Chánh đẳng giác thừa cũng không sở hữu. Vì chủ thể luân hồi của Chánh đẳng giác thừa không sở hữu, nên hư không cũng không sở hữu. Vì hư không không sở hữu, nên Đại thừa cũng không sở hữu. Vì Đại thừa không sở hữu, nên vô số cũng không sở hữu. Vì vô số không sở hữu, nên vô lượng cũng không sở hữu. Vì vô lượng không sở hữu, nên vô biên cũng không sở hữu. Vì vô biên không

sở hữu, nên các pháp cũng không sở hữu. Do ý nghĩa như vậy nên nói Đại thừa có thể bao trùm hết vô số, vô lượng, vô biên hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện, vì cái ngã cho đến sự nhận thức, hoặc chủ thể luân hồi của Thanh văn thừa, Độc giác thừa, Chánh đẳng giác thừa, hoặc hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, các pháp đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện nên biết, như cảnh giới Niết-bàn có thể bao trùm khắp vô số, vô lượng, vô biên hữu tình, Đại thừa cũng vậy, có thể bao trùm khắp vô số, vô lượng, vô biên hữu tình.

Thiện Hiện, do nhân duyên này, cho nên nói: Thí như hư không có thể bao trùm khắp vô số, vô lượng, vô biên hữu tình, Đại thừa cũng vậy, có thể bao trùm khắp vô số, vô lượng, vô biên hữu tình.

Lại nữa Thiện Hiện, ông nói, lại như hư không không đến, đi, trụ có thể thấy, Đại thừa cũng vậy, không đến, đi, trụ có thể thấy? Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói! Vì sao? Thiện Hiện, vì các pháp không đến, đi, cũng không trụ. Vì sao? Vì các pháp hoặc động, hoặc trụ, đều chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, sắc không đến, đi, cũng không trụ; thọ, tưởng, hành, thức không đến, đi, cũng không trụ. Bản tánh của sắc không đến, đi, cũng không trụ; bản tánh của thọ, tưởng, hành, thức không đến, đi, cũng không trụ. Chân như của sắc không đến, đi, cũng không trụ; chân như của thọ, tưởng, hành, thức không đến, đi, cũng không trụ. Tự tánh của sắc không đến, đi, cũng không trụ; tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức không đến, đi, cũng không trụ. Tự tướng của sắc không đến, đi, cũng không trụ; tự tướng của thọ, tưởng, hành, thức không đến, đi, cũng không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức và bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của chúng, hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, nhãn xứ không đến, đi, cũng không trụ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không đến, đi, cũng không trụ. Bản tánh của nhãn xứ không đến, đi, cũng không trụ; bản tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không đến, đi, cũng không trụ. Chân như của nhãn xứ không đến, đi, cũng không trụ; chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không đến, đi, cũng không trụ. Tự tánh của nhãn xứ không đến, đi, cũng không trụ; tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không đến, đi, cũng không trụ. Tự tướng của nhãn xứ không đến, đi, cũng không trụ; tự tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không đến, đi, cũng không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì nhãn, nhĩ, tỷ,

thiệt, thân, ý xứ và bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của chúng, hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, sắc xứ không đến, đi, cũng không trụ; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không đến, đi, cũng không trụ. Bản tánh của sắc xứ không đến, đi, cũng không trụ; bản tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không đến, đi, cũng không trụ. Chân như của sắc xứ không đến, đi, cũng không trụ; chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không đến, đi, cũng không trụ. Tự tánh của sắc xứ không đến, đi, cũng không trụ; tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không đến, đi, cũng không trụ. Tự tướng của sắc xứ không đến, đi, cũng không trụ; tự tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không đến, đi, cũng không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì sắc thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của chúng, hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, nhãn giới không đến, đi, cũng không trụ; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Bản tánh của nhãn giới không đến, đi, cũng không trụ; bản tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Chân như của nhãn giới không đến, đi, cũng không trụ; chân như của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Tự tánh của nhãn giới không đến, đi, cũng không trụ; tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Tự tướng của nhãn giới không đến, đi, cũng không trụ; tự tướng của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của chúng, hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, nhĩ giới không đến, đi, cũng không trụ; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Bản tánh của nhĩ giới không đến, đi, cũng không trụ; bản tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Chân như của nhĩ giới không đến, đi, cũng không trụ; chân như của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Tự tánh của nhĩ giới không đến, đi, cũng không trụ; tự tánh của thanh giới cho đến các thọ do

nhĩ xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Tự tướng của nhĩ giới không đến, đi, cũng không trụ; tự tướng của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của chúng, hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, tỷ giới không đến, đi, cũng không trụ; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Bản tánh của tỷ giới không đến, đi, cũng không trụ; bản tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Chân như của tỷ giới không đến, đi, cũng không trụ; chân như của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Tự tánh của tỷ giới không đến, đi, cũng không trụ; tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Tự tướng của tỷ giới không đến, đi, cũng không trụ; tự tướng của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của chúng, hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, thiệt giới không đến, đi, cũng không trụ; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Bản tánh của thiệt giới không đến, đi, cũng không trụ; bản tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Chân như của thiệt giới không đến, đi, cũng không trụ; chân như của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Tự tánh của thiệt giới không đến, đi, cũng không trụ; tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Tự tướng của thiệt giới không đến, đi, cũng không trụ; tự tướng của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của chúng, hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, thân giới không đến, đi, cũng không trụ; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh

ra không đến, đi, cũng không trụ. Bản tánh của thân giới không đến, đi, cũng không trụ; bản tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Chân như của thân giới không đến, đi, cũng không trụ; chân như của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Tự tánh của thân giới không đến, đi, cũng không trụ; tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Tự tướng của thân giới không đến, đi, cũng không trụ; tự tướng của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của chúng, hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, ý giới không đến, đi, cũng không trụ; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Bản tánh của ý giới không đến, đi, cũng không trụ; bản tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Chân như của ý giới không đến, đi, cũng không trụ; chân như của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Tự tánh của ý giới không đến, đi, cũng không trụ; tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Tự tướng của ý giới không đến, đi, cũng không trụ; tự tướng của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không đến, đi, cũng không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của chúng, hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, địa giới không đến, đi, cũng không trụ; thủy, hỏa, phong, không, thức giới không đến, đi, cũng không trụ. Bản tánh của địa giới không đến, đi, cũng không trụ; bản tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới không đến, đi, cũng không trụ. Chân như của địa giới không đến, đi, cũng không trụ; chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới không đến, đi, cũng không trụ. Tự tánh của địa giới không đến, đi, cũng không trụ; tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới không đến, đi, cũng không trụ. Tự tướng của địa giới không đến, đi, cũng không trụ; tự tướng của thủy, hỏa, phong, không, thức giới không đến, đi, cũng không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới và bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của chúng, hoặc động, hoặc trụ,

chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, Thánh đế khổ không đến, đi, cũng không trụ; Thánh đế tập, diệt, đạo không đến, đi, cũng không trụ. Bản tánh của Thánh đế khổ không đến, đi, cũng không trụ; bản tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo không đến, đi, cũng không trụ. Chân như của Thánh đế khổ không đến, đi, cũng không trụ; chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo không đến, đi, cũng không trụ. Tự tánh của Thánh đế khổ không đến, đi, cũng không trụ; tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo không đến, đi, cũng không trụ. Tự tướng của Thánh đế khổ không đến, đi, cũng không trụ; tự tướng của Thánh đế tập, diệt, đạo không đến, đi, cũng không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo và bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của chúng, hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, vô minh không đến, đi, cũng không trụ; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não không đến, đi, cũng không trụ. Bản tánh của vô minh không đến, đi, cũng không trụ; bản tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không đến, đi, cũng không trụ. Chân như của vô minh không đến, đi, cũng không trụ; chân như của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không đến, đi, cũng không trụ. Tự tánh của vô minh không đến, đi, cũng không trụ; tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không đến, đi, cũng không trụ. Tự tướng của vô minh không đến, đi, cũng không trụ; tự tướng của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không đến, đi, cũng không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của chúng, hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, chân như không đến, đi, cũng không trụ; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, cảnh giới hư không, cảnh giới đoạn, cảnh giới ly, cảnh giới diệt, cảnh giới vô tánh, cảnh giới vô tướng, cảnh giới vô tác, cảnh giới vô vi, cảnh giới an ổn, cảnh giới tịch tĩnh, pháp định, pháp trụ, bản vô, thật tế không đến, đi, cũng không trụ. Bản tánh của chân như không đến, đi, cũng không trụ; bản tánh của pháp giới cho đến thật tế không đến, đi, cũng không trụ. Chân như của chân như không đến, đi, cũng không trụ; chân như của pháp giới cho đến thật tế không đến, đi, cũng không trụ. Tự tánh của chân như không đến, đi, cũng

không trụ; tự tánh của pháp giới cho đến thật tế không đến, đi, cũng không trụ. Tự tướng của chân như không đến, đi, cũng không trụ; tự tướng của pháp giới cho đến thật tế không đến, đi, cũng không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì chân như cho đến thật tế và bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của chúng, hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, không bên trong không đến, đi, cũng không trụ; không bên ngoài, không cả trong ngoài, không không, không lớn, không thắng nghĩa, không hữu vi, không vô vi, không rốt ráo, không không biên giới, không tản mạn, không không đổi khác, không bản tánh, không tự tướng, không cộng tướng, không nơi tất cả pháp, không chẳng thể nắm bắt được, không không tánh, không tự tánh, không không tánh tự tánh không đến, đi, cũng không trụ. Bản tánh của không bên trong không đến, đi, cũng không trụ; bản tánh của không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh không đến, đi, cũng không trụ. Chân như của không bên trong không đến, đi, cũng không trụ; chân như của không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh không đến, đi, cũng không trụ. Tự tánh của không bên trong không đến, đi, cũng không trụ; tự tánh của không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh không đến, đi, cũng không trụ. Tự tướng của không bên trong không đến, đi, cũng không trụ; tự tướng của không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh không đến, đi, cũng không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh và bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của chúng, hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, Bố thí ba-la-mật-đa không đến, đi, cũng không trụ; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không đến, đi, cũng không trụ. Bản tánh của Bố thí ba-la-mật-đa không đến, đi, cũng không trụ; bản tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không đến, đi, cũng không trụ. Chân như của Bố thí ba-la-mật-đa không đến, đi, cũng không trụ; chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không đến, đi, cũng không trụ. Tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa không đến, đi, cũng không trụ; tự tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không đến, đi, cũng không trụ. Tự tướng của Bố thí ba-la-mật-đa không đến, đi, cũng không trụ; tự tướng của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không đến, đi, cũng không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của chúng, hoặc động, hoặc

trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, bốn Tĩnh lự không đến, đi, cũng không trụ; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không đến, đi, cũng không trụ. Bản tánh của bốn Tĩnh lự không đến, đi, cũng không trụ; bản tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không đến, đi, cũng không trụ. Chân như của bốn Tĩnh lự không đến, đi, cũng không trụ; chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không đến, đi, cũng không trụ. Tự tánh của bốn Tĩnh lự không đến, đi, cũng không trụ; tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không đến, đi, cũng không trụ. Tự tướng của bốn Tĩnh lự không đến, đi, cũng không trụ; tự tướng của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không đến, đi, cũng không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của chúng, hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, bốn Niệm trụ không đến, đi, cũng không trụ; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo không đến, đi, cũng không trụ. Bản tánh của bốn Niệm trụ không đến, đi, cũng không trụ; bản tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không đến, đi, cũng không trụ. Chân như của bốn Niệm trụ không đến, đi, cũng không trụ; chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không đến, đi, cũng không trụ. Tự tánh của bốn Niệm trụ không đến, đi, cũng không trụ; tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không đến, đi, cũng không trụ. Tự tướng của bốn Niệm trụ không đến, đi, cũng không trụ; tự tướng của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không đến, đi, cũng không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của chúng, hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 59

PHẨM 16: TÁN DƯƠNG ĐẠI THỪA (4)

Lại nữa Thiện Hiện, pháp môn giải thoát Không, không đến, đi, cũng không trụ; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không đến, đi, cũng không trụ. Bản tánh của pháp môn giải thoát Không, không đến, đi, cũng không trụ; bản tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không đến, đi, cũng không trụ. Chân như của pháp môn giải thoát Không, không đến, đi, cũng không trụ; chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không đến, đi, cũng không trụ. Tự tánh của pháp môn giải thoát Không, không đến, đi, cũng không trụ; tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không đến, đi, cũng không trụ. Tự tướng của pháp môn giải thoát Không, không đến, đi, cũng không trụ; tự tướng của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không đến, đi, cũng không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện và bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của chúng, hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, năm loại mắt không đến, đi, cũng không trụ; sáu phép thần thông không đến, đi, cũng không trụ. Bản tánh của năm loại mắt không đến, đi, cũng không trụ; bản tánh của sáu phép thần thông không đến, đi, cũng không trụ. Chân như của năm loại mắt không đến, đi, cũng không trụ; chân như của sáu phép thần thông không đến, đi, cũng không trụ. Tự tánh của năm loại mắt không đến, đi, cũng không trụ; tự tánh của sáu phép thần thông không đến, đi, cũng không trụ. Tự tướng của năm loại mắt không đến, đi, cũng không trụ; tự tướng của sáu phép thần thông không đến, đi, cũng không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì năm loại mắt, sáu phép thần thông và bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của chúng, hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, mười lực của Phật không đến, đi, cũng không trụ; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại

Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không đến, đi, cũng không trụ. Bản tánh của mười lực của Phật không đến, đi, cũng không trụ; bản tánh của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng không đến, đi, cũng không trụ. Chân như của mười lực của Phật không đến, đi, cũng không trụ; chân như của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng không đến, đi, cũng không trụ. Tự tánh của mười lực của Phật không đến, đi, cũng không trụ; tự tánh của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng không đến, đi, cũng không trụ. Tự tướng của mười lực của Phật không đến, đi, cũng không trụ; tự tướng của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng không đến, đi, cũng không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của chúng, hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, Bồ-tát không đến, đi, cũng không trụ; Phật-đà giác ngộ không đến, đi, cũng không trụ. Bản tánh của Bồ-tát không đến, đi, cũng không trụ; bản tánh của Phật-đà giác ngộ không đến, đi, cũng không trụ. Chân như của Bồ-tát không đến, đi, cũng không trụ; chân như của Phật-đà giác ngộ không đến, đi, cũng không trụ. Tự tánh của Bồ-tát không đến, đi, cũng không trụ; tự tánh của Phật-đà giác ngộ không đến, đi, cũng không trụ. Tự tướng của Bồ-tát không đến, đi, cũng không trụ; tự tướng của Phật-đà giác ngộ không đến, đi, cũng không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì Bồ-tát, Phật-đà giác ngộ và bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của chúng, hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, hữu vi không đến, đi, cũng không trụ; vô vi không đến, đi, cũng không trụ. Bản tánh của hữu vi không đến, đi, cũng không trụ; bản tánh của vô vi không đến, đi, cũng không trụ. Chân như của hữu vi không đến, đi, cũng không trụ; chân như của vô vi không đến, đi, cũng không trụ. Tự tánh của hữu vi không đến, đi, cũng không trụ; tự tánh của vô vi không đến, đi, cũng không trụ. Tự tướng của hữu vi không đến, đi, cũng không trụ; tự tướng của vô vi không đến, đi, cũng không trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì hữu vi, vô vi và bản tánh, chân như, tự tánh, tự tướng của chúng, hoặc động, hoặc trụ, chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, cho nên nói Đại thừa không đến, không đi, không trụ có thể thấy, giống như hư không.

Lại nữa Thiện Hiện, ông nói như hư không, khoảng trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được, Đại thừa cũng vậy, khoảng trước, sau, giữa đều chẳng thể nắm bắt được, vì ba đời đều bình đẳng, nên gọi là Đại thừa? Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói! Vì sao? Thiện Hiện, vì đời quá khứ tức là "không" của đời quá khứ, đời vị lai tức là "không" của đời vị lai, đời hiện tại tức là "không" của đời hiện tại, tánh bình đẳng ba đời tức là "không" của tánh bình đẳng ba đời, tánh Đại thừa tức là "không" của tánh Đại thừa, Đại Bồ-tát tức là "không" của Đại Bồ-tát. Vì sao? Thiện Hiện, vì không không có tướng dị biệt một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười. Vì vậy Đại thừa bình đẳng ba đời. Thiện Hiện, như vậy, trong Đại thừa, tướng bình đẳng, bất bình đẳng hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được; tướng tham, chẳng tham hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được; tướng sân, chẳng sân hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được; tướng si, chẳng si hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được; tướng kiêu mạn, chẳng thể kiêu mạn hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được. Như vậy cho đến tướng thiện, chẳng phải thiện hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được; tướng hữu ký, vô ký hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được; tướng hữu lậu, vô lậu hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được; tướng hữu tội, vô tội hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được; tướng có nhiễm, lìa nhiễm hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được; tướng thế gian, xuất thế gian, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được; tướng tạp nhiễm, thanh tịnh, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được; tướng sinh tử, Niết-bàn, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được; tướng thường, vô thường, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được; tướng lạc, khổ, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được; tướng ngã, vô ngã, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được; tướng tịnh, bất tịnh, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được; tướng xa lìa, chẳng xa lìa, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được; tướng Dục giới, ra khỏi Dục giới, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được; tướng Sắc giới, ra khỏi Sắc giới, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được; tướng Vô sắc giới, ra khỏi Vô sắc giới, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong Đại thừa, tự tánh của các pháp, chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, sắc quá khứ tức là "không" của sắc quá khứ, sắc vị lai tức là "không" của sắc vị lai, sắc hiện tại tức là "không" của sắc hiện tại; thọ, tưởng, hành, thức quá khứ tức là "không" của thọ, tưởng, hành, thức quá khứ; thọ, tưởng, hành, thức vị lai tức là "không" của thọ, tưởng, hành, thức vị lai; thọ, tưởng, hành, thức hiện tại tức là "không" của thọ, tưởng, hành, thức hiện tại. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong không của sắc quá khứ

chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì sắc quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có sắc quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, sắc vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì sắc vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có sắc vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, sắc hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì sắc hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có sắc hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, sắc quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì sắc quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có sắc quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, thọ, tưởng, hành, thức quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, thọ, tưởng, hành, thức vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có thọ, tưởng, hành, thức vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, thọ, tưởng, hành, thức hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có thọ, tưởng, hành, thức hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, nhãn xứ quá khứ tức là "không" của nhãn xứ quá khứ, nhãn xứ vị lai tức là "không" của nhãn xứ vị lai, nhãn xứ hiện tại tức là "không" của nhãn xứ hiện tại; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ quá khứ tức là "không" của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ quá khứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ vị lai tức là "không" của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ vị lai; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hiện tại tức là "không" của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hiện tại. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái không, nhãn xứ quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì nhãn xứ quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có nhãn xứ quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, nhãn xứ vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì nhãn xứ vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có nhãn xứ vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, nhãn xứ hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì nhãn xứ hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có nhãn xứ hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, nhãn xứ quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì nhãn xứ quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có nhãn xứ quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể

nắm bắt được, huống gì là trong không, có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, sắc xứ quá khứ tức là "không" của sắc xứ quá khứ, sắc xứ vị lai tức là "không" của sắc xứ vị lai, sắc xứ hiện tại tức là "không" của sắc xứ hiện tại; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ quá khứ tức là "không" của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ quá khứ; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ vị lai tức là "không" của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ vị lai; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hiện tại tức là "không" của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hiện tại. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái không, sắc xứ quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì sắc xứ quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có sắc xứ quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, sắc xứ vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì sắc xứ vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có sắc xứ vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, sắc xứ hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì sắc xứ hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có sắc xứ hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, sắc xứ quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì sắc xứ quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có sắc xứ quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ vị lai

chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, nhãn giới quá khứ tức là "không" của nhãn giới quá khứ, nhãn giới vị lai tức là "không" của nhãn giới vị lai, nhãn giới hiện tại tức là "không" của nhãn giới hiện tại; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ tức là "không" của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra trong vị lai tức là "không" của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra trong vị lai; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại tức là "không" của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái không, nhãn giới quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì nhãn giới quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có nhãn giới quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, nhãn giới vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì nhãn giới vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có nhãn giới vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, nhãn giới hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì nhãn giới hiện tại tức là "không", tánh không cũng là

không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có nhãn giới hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, nhãn giới quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì nhãn giới quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có nhãn giới quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra trong vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra trong vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra trong vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, nhĩ giới quá khứ tức là "không" của nhĩ giới quá khứ,

nhĩ giới vị lai tức là "không" của nhĩ giới vị lai, nhĩ giới hiện tại tức là "không" của nhĩ giới hiện tại; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ tức là "không" của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra trong vị lai tức là "không" của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra trong vị lai; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại tức là "không" của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái không, nhĩ giới quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì nhĩ giới quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có nhĩ giới quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, nhĩ giới vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì nhĩ giới vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có nhĩ giới vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, nhĩ giới hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì nhĩ giới hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có nhĩ giới hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, nhĩ giới quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì nhĩ giới quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có nhĩ giới quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra trong vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra trong vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không,

không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra trong vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, tỷ giới quá khứ tức là "không" của tỷ giới quá khứ, tỷ giới vị lai tức là "không" của tỷ giới vị lai, tỷ giới hiện tại tức là "không" của tỷ giới hiện tại; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ tức là "không" của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra trong vị lai tức là "không" của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra trong vị lai; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại tức là "không" của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái không, tỷ giới quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tỷ giới quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có tỷ giới quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, tỷ giới vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tỷ giới vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có tỷ giới vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, tỷ giới hiện tại chẳng thể nắm bắt

được. Vì sao? Vì tỷ giới hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có tỷ giới hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, tỷ giới quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tỷ giới quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có tỷ giới quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra trong vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra trong vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra trong vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, thiệt giới quá khứ tức là "không" của thiệt giới quá khứ, thiệt giới vị lai tức là "không" của thiệt giới vị lai, thiệt giới hiện tại tức là "không" của thiệt giới hiện tại; vị giới, vị thức giới và vị xúc cùng các thọ do vị xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ tức là "không" của vị giới cho đến các thọ do vị xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ; vị giới, vị thức giới và vị xúc cùng các thọ do vị xúc làm duyên sinh ra trong vị lai tức là "không" của vị giới cho đến các thọ do vị xúc làm duyên sinh ra trong vị lai; vị giới, vị thức giới và vị xúc cùng các thọ do vị xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại tức là "không" của vị giới cho đến các thọ do vị xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái không, thiệt giới quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì thiệt giới quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có thiệt giới quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, thiệt giới vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì thiệt giới vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có thiệt giới vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, thiệt giới hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì thiệt giới hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có thiệt giới hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, thiệt giới quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì thiệt giới quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có thiệt giới quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, vị giới cho đến các thọ do vị xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì vị giới cho đến các thọ do vị xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có vị giới cho đến các thọ do vị xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, vị giới, vị thức giới và vị xúc cùng các thọ do vị xúc làm duyên sinh ra trong vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì vị giới cho đến các thọ do vị xúc làm duyên sinh ra trong vị

lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có vị giới cho đến các thọ do vị xúc làm duyên sinh ra trong vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, vị giới, vị thức giới và vị xúc cùng các thọ do vị xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì vị giới cho đến các thọ do vị xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có vị giới cho đến các thọ do vị xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, vị giới, vị thức giới và vị xúc cùng các thọ do vị xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì vị giới cho đến các thọ do vị xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có vị giới cho đến các thọ do vị xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, thân giới quá khứ tức là "không" của thân giới quá khứ, thân giới vị lai tức là "không" của thân giới vị lai, thân giới hiện tại tức là "không" của thân giới hiện tại; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ tức là "không" của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra trong vị lai tức là "không" của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra trong vị lai; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại tức là "không" của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái không, thân giới quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì thân giới quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có thân giới quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, thân giới vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì thân giới vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có thân giới vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, thân giới hiện tại chẳng thể nắm bắt

được. Vì sao? Vì thân giới hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có thân giới hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, thân giới quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì thân giới quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có thân giới quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra trong vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra trong vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra trong vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, ý giới quá khứ tức là "không" của ý giới quá khứ, ý giới vị lai tức là "không" của ý giới vị lai, ý giới hiện tại tức là "không" của ý giới hiện tại; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ tức là "không" của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra trong vị lai tức là "không" của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra trong vị lai; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại tức là "không" của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái không, ý giới quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì ý giới quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có ý giới quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, ý giới vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì ý giới vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có ý giới vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, ý giới hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì ý giới hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có ý giới hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, ý giới quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì ý giới quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có ý giới quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra trong vị lai chẳng thể nắm bắt được.

Vì sao? Vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra trong vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra trong vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra trong hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, địa giới quá khứ tức là "không" của địa giới quá khứ, địa giới vị lai tức là "không" của địa giới vị lai, địa giới hiện tại tức là "không" của địa giới hiện tại; thủy, hỏa, phong, không, thức giới quá khứ tức là "không" của thủy, hỏa, phong, không, thức giới quá khứ; thủy, hỏa, phong, không, thức giới vị lai tức là "không" của thủy, hỏa, phong, không, thức giới vị lai, thủy, hỏa, phong, không, thức giới hiện tại tức là "không" của thủy, hỏa, phong, không, thức giới hiện tại. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái không, địa giới quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì địa giới quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có địa giới quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, địa giới vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì địa giới vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có địa giới vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, địa giới hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì địa giới hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong

không, có địa giới hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, địa giới quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì địa giới quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có địa giới quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, thủy, hỏa, phong, không, thức giới quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có thủy, hỏa, phong, không, thức giới quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, thủy, hỏa, phong, không, thức giới vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có thủy, hỏa, phong, không, thức giới vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, thủy, hỏa, phong, không, thức giới hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có thủy, hỏa, phong, không, thức giới hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, thủy, hỏa, phong, không, thức giới quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có thủy, hỏa, phong, không, thức giới quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, vô minh quá khứ tức là "không" của vô minh quá khứ, vô minh vị lai tức là "không" của vô minh vị lai, vô minh hiện tại tức là "không" của vô minh hiện tại; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não quá khứ tức là "không" của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não quá khứ; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não vị lai tức là "không" của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não vị lai, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não hiện tại tức là "không" của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não hiện tại. Vì sao?

Thiện Hiện, vì trong cái không, vô minh quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì vô minh quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có vô minh quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, vô minh vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì vô minh vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có vô minh vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, vô minh hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì vô minh hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có vô minh hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, vô minh quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì vô minh quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có vô minh quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ,

ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 60

PHẨM 16: TÁN DƯƠNG ĐẠI THỪA (5)

Thiện Hiện, Bố thí ba-la-mật-đa quá khứ tức là cái không của Bố thí ba-la-mật-đa quá khứ, Bố thí ba-la-mật-đa vị lai tức là cái không của Bố thí ba-la-mật-đa vị lai, Bố thí ba-la-mật-đa hiện tại tức là cái không của Bố thí ba-la-mật-đa hiện tại; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa quá khứ tức là cái không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa quá khứ; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa vị lai tức là cái không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa vị lai; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hiện tại tức là cái không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hiện tại. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái không, Bố thí ba-la-mật-đa quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có Bố thí ba-la-mật-đa quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, Bố thí ba-la-mật-đa vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có Bố thí ba-la-mật-đa vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, Bố thí ba-la-mật-đa hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có Bố thí ba-la-mật-đa hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, Bố thí ba-la-mật-đa quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không,

không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có Bố thí ba-la-mật-đa quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, bốn Tĩnh lự quá khứ tức là cái không của bốn Tĩnh lự quá khứ, bốn Tĩnh lự vị lai tức là cái không của bốn Tĩnh lự vị lai; bốn Tĩnh lự hiện tại tức là cái không của bốn Tĩnh lự hiện tại; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc quá khứ tức là cái không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc quá khứ; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc vị lai tức là cái không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc vị lai, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hiện tại tức là cái không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hiện tại. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái không, bốn Tĩnh lự quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự quá khứ tức là "không", tánh không

cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có bốn Tĩnh lự quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, bốn Tĩnh lự vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có bốn Tĩnh lự vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, bốn Tĩnh lự hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có bốn Tĩnh lự hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, bốn Tĩnh lự quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có bốn Tĩnh lự quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, bốn Niệm trụ quá khứ tức là cái không của bốn Niệm trụ quá khứ, bốn Niệm trụ vị lai tức là cái không của bốn Niệm trụ vị lai, bốn Niệm trụ hiện tại tức là cái không của bốn Niệm trụ hiện tại; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo quá khứ tức là cái không của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo quá khứ; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo vị lai tức là cái không của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo vị lai; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hiện tại tức là cái không của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo hiện tại. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái không, bốn Niệm trụ quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có bốn Niệm trụ quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, bốn Niệm trụ vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có bốn Niệm trụ vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, bốn Niệm trụ hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có bốn Niệm trụ hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, bốn Niệm trụ quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có bốn Niệm trụ quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo vị

lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, pháp môn giải thoát Không quá khứ tức là cái không của pháp môn giải thoát Không quá khứ, pháp môn giải thoát Không vị lai tức là cái không của pháp môn giải thoát Không vị lai, pháp môn giải thoát Không hiện tại tức là cái không của pháp môn giải thoát Không hiện tại; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện quá khứ tức là cái không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện quá khứ; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện vị lai tức là cái không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện vị lai; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hiện tại tức là cái không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hiện tại. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái không, pháp môn giải thoát Không quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có pháp môn giải thoát Không quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, pháp môn giải thoát Không vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có pháp môn giải thoát Không vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, pháp môn giải thoát Không hiện tại

chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có pháp môn giải thoát Không hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, pháp môn giải thoát Không quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có pháp môn giải thoát Không quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, năm loại mắt quá khứ tức là cái không của năm loại mắt quá khứ, năm loại mắt vị lai tức là cái không của năm loại mắt vị lai, năm loại mắt hiện tại tức là cái không của năm loại mắt hiện tại; sáu phép

thần thông quá khứ tức là cái không của sáu phép thần thông quá khứ; sáu phép thần thông vị lai tức là cái không của sáu phép thần thông vị lai; sáu phép thần thông hiện tại tức là cái không của sáu phép thần thông hiện tại. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái không, năm loại mắt quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì năm loại mắt quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có năm loại mắt quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, năm loại mắt vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì năm loại mắt vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có năm loại mắt vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, năm loại mắt hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì năm loại mắt hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có năm loại mắt hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, năm loại mắt quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì năm loại mắt quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có năm loại mắt quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, sáu phép thần thông quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì sáu phép thần thông quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có sáu phép thần thông quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, sáu phép thần thông vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì sáu phép thần thông vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có sáu phép thần thông vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, sáu phép thần thông hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì sáu phép thần thông hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có sáu phép thần thông hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, sáu phép thần thông quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì sáu phép thần thông quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có sáu phép thần thông quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, mười lực của Phật quá khứ tức là cái không nơi mười lực của Phật quá khứ, mười lực của Phật vị lai tức là cái không nơi mười lực của Phật vị lai, mười lực của Phật hiện tại tức là cái không nơi mười lực của Phật hiện tại; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng quá khứ tức là cái không của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng quá khứ; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng vị lai tức là cái không của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng vị lai; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hiện tại tức là cái không của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng hiện tại. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái không, mười lực của Phật quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì mười lực của Phật quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có mười lực của Phật quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, mười lực của Phật vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì mười lực của Phật vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có mười lực của Phật vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, mười lực của Phật hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì mười lực của Phật hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có mười lực của Phật hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, mười lực của Phật quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì mười lực của Phật quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không,

không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có mười lực của Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, phàm phu quá khứ tức là cái không của phàm phu quá khứ, phàm phu vị lai tức là cái không của phàm phu vị lai, phàm phu hiện tại tức là cái không của phàm phu hiện tại; Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai quá khứ tức là cái không của Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai quá khứ; Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai vị lai tức là cái không

của Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai vị lai; Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai hiện tại tức là cái không của Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai hiện tại. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái không, phàm phu quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì phàm phu quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có phàm phu quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, phàm phu vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì phàm phu vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có phàm phu vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, phàm phu hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì phàm phu hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có phàm phu hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, phàm phu quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì phàm phu quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có phàm phu quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai quá khứ chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai quá khứ tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai quá khứ, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai vị lai chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai vị lai tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai vị lai, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, trong cái không, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai

quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai quá khứ, vị lai, hiện tại tức là "không", tánh không cũng là không; trong không, không còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong không, có Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Lại nữa Thiện Hiện, sắc đời trước, chẳng thể nắm bắt được; sắc đời sau, chẳng thể nắm bắt được; sắc đời giữa, chẳng thể nắm bắt được; trong cái bình đẳng của ba đời, sắc cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, sắc của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có sắc quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, thọ, tưởng, hành, thức đời trước, chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức đời sau, chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức đời giữa, chẳng thể nắm bắt được; trong cái bình đẳng của ba đời, thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, thọ, tưởng, hành, thức của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, nhãn xứ đời trước, chẳng thể nắm bắt được; nhãn xứ đời sau, chẳng thể nắm bắt được; nhãn xứ đời giữa chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, nhãn xứ cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, nhãn xứ của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có nhãn xứ quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đời trước, chẳng thể nắm bắt được; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đời sau, chẳng thể nắm bắt được; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đời giữa chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm

bắt được!

Thiện Hiện, sắc xứ đời trước, chẳng thể nắm bắt được; sắc xứ đời sau, chẳng thể nắm bắt được; sắc xứ đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, sắc xứ cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, sắc xứ của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có sắc xứ quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đời trước, chẳng thể nắm bắt được; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đời sau, chẳng thể nắm bắt được; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đời giữa chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, nhãn giới đời trước, chẳng thể nắm bắt được; nhãn giới đời sau, chẳng thể nắm bắt được; nhãn giới đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, nhãn giới cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, nhãn giới của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có nhãn giới quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra trong đời trước, chẳng thể nắm bắt được; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra trong đời sau, chẳng thể nắm bắt được; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra trong đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc

cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, nhĩ giới đời trước, chẳng thể nắm bắt được; nhĩ giới đời sau, chẳng thể nắm bắt được; nhĩ giới đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, nhĩ giới cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, nhĩ giới của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có nhĩ giới quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra trong đời trước, chẳng thể nắm bắt được; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra trong đời sau, chẳng thể nắm bắt được; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra trong đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, tỷ giới đời trước, chẳng thể nắm bắt được; tỷ giới đời sau, chẳng thể nắm bắt được; tỷ giới đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, tỷ giới cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, tỷ giới của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có tỷ giới quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra trong đời trước, chẳng thể nắm bắt được; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra trong đời sau, chẳng thể nắm bắt được; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra trong đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng thể nắm bắt được.

Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, thiệt giới đời trước, chẳng thể nắm bắt được; thiệt giới đời sau, chẳng thể nắm bắt được; thiệt giới đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, thiệt giới cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, thiệt giới của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có thiệt giới quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra trong đời trước, chẳng thể nắm bắt được; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra trong đời sau, chẳng thể nắm bắt được; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra trong đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, thân giới đời trước, chẳng thể nắm bắt được; thân giới đời sau, chẳng thể nắm bắt được; thân giới đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, thân giới cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, thân giới của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có thân giới quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra trong đời trước, chẳng thể nắm bắt được; xúc

giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra trong đời sau, chẳng thể nắm bắt được; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra trong đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, ý giới đời trước, chẳng thể nắm bắt được; ý giới đời sau, chẳng thể nắm bắt được; ý giới đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, ý giới cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, ý giới của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có ý giới quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra trong đời trước, chẳng thể nắm bắt được; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra trong đời sau, chẳng thể nắm bắt được; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra trong đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra trong quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, địa giới đời trước, chẳng thể nắm bắt được; địa giới đời sau, chẳng thể nắm bắt được; địa giới đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, địa giới cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, địa giới

của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có địa giới quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, thủy, hỏa, phong, không, thức giới đời trước, chẳng thể nắm bắt được; thủy, hỏa, phong, không, thức giới đời sau, chẳng thể nắm bắt được; thủy, hỏa, phong, không, thức giới đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, thủy, hỏa, phong, không, thức giới của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có thủy, hỏa, phong, không, thức giới quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, vô minh đời trước, chẳng thể nắm bắt được; vô minh đời sau, chẳng thể nắm bắt được; vô minh đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, vô minh cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, vô minh của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có vô minh quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não đời trước, chẳng thể nắm bắt được; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đời sau, chẳng thể nắm bắt được; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, Bố thí ba-la-mật-đa đời trước, chẳng thể nắm bắt được; Bố thí ba-la-mật-đa đời sau, chẳng thể nắm bắt được; Bố thí ba-la-mật-đa đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, Bố thí ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, Bố thí ba-la-mật-đa của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều

chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có Bố thí ba-la-mật-đa quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa đời trước, chẳng thể nắm bắt được; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa đời sau, chẳng thể nắm bắt được; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, bốn Tĩnh lự đời trước, chẳng thể nắm bắt được; bốn Tĩnh lự đời sau, chẳng thể nắm bắt được; bốn Tĩnh lự đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, bốn Tĩnh lự cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, bốn Tĩnh lự của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có bốn Tĩnh lự quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đời trước, chẳng thể nắm bắt được; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đời sau, chẳng thể nắm bắt được; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, bốn Niệm trụ đời trước, chẳng thể nắm bắt được; bốn Niệm trụ đời sau, chẳng thể nắm bắt được; bốn Niệm trụ đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, bốn Niệm trụ cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, bốn

Niệm trụ của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có bốn Niệm trụ quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo trước, chẳng thể nắm bắt được; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đời sau, chẳng thể nắm bắt được; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, pháp môn giải thoát Không đời trước, chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Không đời sau, chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Không đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, pháp môn giải thoát Không cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, pháp môn giải thoát Không của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có pháp môn giải thoát Không quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đời trước, chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đời sau, chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, năm loại mắt đời trước, chẳng thể nắm bắt được; năm loại mắt đời sau, chẳng thể nắm bắt được; năm loại mắt đời giữa, chẳng

thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, năm loại mắt cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, năm loại mắt của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có năm loại mắt quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, sáu phép thần thông đời trước, chẳng thể nắm bắt được; sáu phép thần thông đời sau, chẳng thể nắm bắt được; sáu phép thần thông đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, sáu phép thần thông cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, sáu phép thần thông của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có sáu phép thần thông quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, mười lực của Phật đời trước, chẳng thể nắm bắt được; mười lực của Phật đời sau, chẳng thể nắm bắt được; mười lực của Phật đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, mười lực của Phật cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, mười lực của Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có mười lực của Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

Thiện Hiện, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đời trước, chẳng thể nắm bắt được; bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng đời sau, chẳng thể nắm bắt được; bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng đời giữa, chẳng thể nắm bắt được. Trong cái bình đẳng của ba đời, bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng của quá khứ, vị lai, hiện tại, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng quá khứ, vị lai, hiện tại, có thể nắm bắt được!

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 61

PHẨM 16: TÁN DƯƠNG ĐẠI THỪA (6)

Thiện Hiện, phàm phu đời trước, chẳng thể nắm bắt được; phàm phu đời sau, chẳng thể nắm bắt được; phàm phu đời giữa, chẳng thể nắm bắt được; trong cái bình đẳng của ba đời, phàm phu cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, phàm phu của quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng, có phàm phu quá khứ, vị lai, hiện tại có thể được! Như vậy, ngã, hữu tình cho đến sự hiểu biết, nhận thức cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai đời trước, chẳng thể nắm bắt được; Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai đời sau, chẳng thể nắm bắt được; Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai đời giữa, chẳng thể nắm bắt được; trong cái bình đẳng của ba đời, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện, vì trong cái bình đẳng, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai của quá khứ, vị lai, hiện tại đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong cái bình đẳng, tánh bình đẳng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì là trong cái bình đẳng có Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai quá khứ, vị lai, hiện tại có thể được! Như vậy, ngã, hữu tình cho đến sự hiểu biết, nhận thức cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ trong tướng bình đẳng ba đời này, tinh cần tu học trí Nhất thiết trí, không tham đắm vướng mắc, nên mau thành tựu viên mãn. Thiện Hiện, đó gọi là tướng Đại thừa bình đẳng ba đời của Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát an trú trong tướng Đại thừa như vậy, thì vượt hơn tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian, có khả năng mau chứng đắc trí Nhất thiết trí, đem lại lợi lạc cho mọi hữu tình.

Bấy giờ, Trưởng giả Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, hay thay, hay thay! Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã nêu giảng rất hay, rất đúng về Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn, Đại thừa như vậy là tối tôn, tối diệu. Các Đại Bồ-tát nơi quá khứ tu học trong đó đã đạt được trí Nhất thiết trí; các Đại Bồ-tát ở vị lai, tu học trong đó sẽ đạt được trí Nhất thiết trí; tất cả Đại Bồ-tát nơi vô lượng, vô số, vô biên thế giới trong mười phương ở hiện tại tu học trong đó hiện đạt được trí Nhất thiết trí. Vì vậy Đại thừa là tối tôn, tối diệu, là chỗ nương dựa chân thật, hơn hết của trí Nhất thiết trí.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như ông nói! Các Đại Bồ-tát ở quá khứ, vị lai, hiện tại, đều nương vào Đại thừa, tinh cần tu học, mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Vì vậy nên Đại thừa là tối tôn, tối diệu.

-oOo-

PHẨM 17: TÙY THUẬN

Bấy giờ, Trưởng giả Mãn Từ Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Như Lai trước đây bảo Tôn giả Thiện Hiện, vì các Đại Bồ-tát tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng nay vì sao lại nói Đại thừa?

Trưởng giả Thiện Hiện liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vừa rồi con nói Đại thừa không hề chống trái, vượt qua Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Ông vừa nói Đại thừa đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoàn toàn tùy thuận, không có sự chống trái, vượt qua. Vì sao? Thiện Hiện, vì tất cả pháp thiện, các pháp Bồ-đề phần, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, pháp chư Phật, tất cả không gì là không nhiếp thâu vào Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Trưởng giả Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, những gì là tất cả pháp thiện, pháp Bồ-đề phần, pháp Thanh văn, pháp Độc giác, pháp Bồ-tát, pháp chư Phật, hoàn toàn nhiếp thâu vào Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, hoặc Bố thí ba-la-mật-đa, Tịnh giới ba-la-mật-đa, An nhẫn ba-la-mật-đa, Tinh tấn ba-la-mật-đa, Tĩnh lự ba-la-mật-đa, bát-nhã

ba-la-mật-đa; hoặc bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; hoặc pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; hoặc năm loại mắt, sáu phép thần thông; hoặc mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; hoặc pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Thiện Hiện, tất cả pháp thiện, Bồ-đề phần, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, chư Phật, tất cả pháp như vậy đều hoàn toàn nhiếp thâu vào Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, hoặc Đại thừa, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc tĩnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa; hoặc sắc, hoặc thọ, tưởng, hành, thức; hoặc nhãn xứ, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; hoặc sắc xứ, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; hoặc nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; hoặc tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; hoặc thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; hoặc thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; hoặc ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; hoặc địa giới, hoặc thủy, hỏa, phong, không, thức giới; hoặc Thánh đế khổ, hoặc Thánh đế tập, diệt, đạo; hoặc vô minh, hoặc hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não; hoặc Dục, Sắc, Vô sắc giới; hoặc pháp thiện, pháp chẳng phải thiện; hoặc pháp hữu ký, vô ký; hoặc pháp hữu lậu, vô lậu; hoặc pháp hữu vi, vô vi; hoặc pháp thế gian, xuất thế gian; hoặc bốn Tĩnh lự, hoặc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc tám Giải thoát, hoặc tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; hoặc bốn Niệm trụ, hoặc bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; hoặc pháp môn giải thoát Không, hoặc pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; hoặc năm loại mắt, hoặc sáu phép thần thông; hoặc mười lực của Phật, hoặc bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; hoặc pháp không quên mất, hoặc tánh luôn luôn xả; hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni, hoặc tất cả pháp môn Tam-ma-địa; hoặc các Đức Như Lai; hoặc pháp luật Đức Phật

đã giác ngộ và đã nói; hoặc pháp không bên trong, hoặc không bên ngoài, không cả trong ngoài, không không, không lớn, không thắng nghĩa, không hữu vi, không vô vi, không rốt ráo, không không biên giới, không tản mạn, không không đổi khác, không bản tánh, không tự tướng, không cộng tướng, không nơi tất cả pháp, không chẳng thể nắm bắt được, không không tánh, không tự tánh, không không tánh tự tánh; hoặc chân như, hoặc pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh không đổi khác, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, hư không, đoạn, ly, diệt, tánh bình đẳng, ly sinh, pháp định, trụ, cảnh giới không tánh, không tướng, không tạo tác, không hành động, an ổn, tịch tĩnh, bản vô, thật tế, cứu cánh Niết-bàn, tất cả pháp như vậy, đều không phải tương ưng, không phải không tương ưng, hữu sắc, vô sắc, hữu kiến, vô kiến, hữu đối, vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Thiện Hiện, do nhân duyên này, vừa rồi ông nói Đại thừa đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoàn toàn tùy thuận, không có sự chống trái, vượt qua. Vì sao? Thiện Hiện, vì Đại thừa không khác Bát-nhã ba-la-mật-đa, Bát-nhã ba-la-mật-đa không khác Đại thừa. Vì sao? Vì, hoặc Đại thừa, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa, tánh vốn không hai, vì không có hai phần.

Thiện Hiện, Đại thừa không khác Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa; Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa, không khác Đại thừa. Vì sao? Vì, hoặc Đại thừa, hoặc Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa, tánh vốn không hai, vì không có hai phần.

Thiện Hiện, Đại thừa không khác bốn Tĩnh lự, bốn Tĩnh lự không khác Đại thừa. Vì sao? Vì, hoặc Đại thừa, hoặc bốn Tĩnh lự, tánh vốn không hai, vì không có hai phần.

Thiện Hiện, Đại thừa không khác bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, không khác Đại thừa. Vì sao? Vì, hoặc Đại thừa, hoặc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, tánh vốn không hai, vì không có hai phần.

Thiện Hiện, Đại thừa không khác tám Giải thoát, tám Giải thoát, không khác Đại thừa. Vì sao? Vì, hoặc Đại thừa, hoặc tám Giải thoát, tánh vốn không hai, vì không có hai phần.

Thiện Hiện, Đại thừa không khác tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, không khác Đại thừa. Vì sao? Vì, hoặc Đại thừa, hoặc tám Thắng xứ, chín Định

thứ đệ, mười Biến xứ, tánh vốn không hai, vì không có hai phần.

Thiện Hiện, Đại thừa không khác bốn Niệm trụ, bốn Niệm trụ, không khác Đại thừa. Vì sao? Vì, hoặc Đại thừa, hoặc bốn Niệm trụ, tánh vốn không hai, vì không có hai phần.

Thiện Hiện, Đại thừa không khác bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, không khác Đại thừa. Vì sao? Vì, hoặc Đại thừa, hoặc bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, tánh vốn không hai, vì không có hai phần.

Thiện Hiện, Đại thừa không khác pháp môn giải thoát Không; pháp môn giải thoát Không, không khác Đại thừa. Vì sao? Vì, hoặc Đại thừa, hoặc pháp môn giải thoát Không, tánh vốn không hai, vì không có hai phần.

Thiện Hiện, Đại thừa không khác pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, không khác Đại thừa. Vì sao? Vì, hoặc Đại thừa, hoặc pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, tánh vốn không hai, vì không có hai phần.

Thiện Hiện, Đại thừa không khác năm loại mắt, năm loại mắt không khác Đại thừa. Vì sao? Vì, hoặc Đại thừa, hoặc năm loại mắt, tánh vốn không hai, vì không có hai phần.

Thiện Hiện, Đại thừa không khác sáu phép thần thông; sáu phép thần thông, không khác Đại thừa. Vì sao? Vì, hoặc Đại thừa, hoặc sáu phép thần thông, tánh vốn không hai, vì không có hai phần.

Thiện Hiện, Đại thừa không khác mười lực của Phật; mười lực của Phật, không khác Đại thừa. Vì sao? Vì, hoặc Đại thừa, hoặc mười lực của Phật, tánh vốn không hai, vì không có hai phần.

Thiện Hiện, Đại thừa không khác bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, không khác Đại thừa. Vì sao? Vì, hoặc Đại thừa, hoặc bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, tánh vốn không hai, vì không có hai phần.

Thiện Hiện, Đại thừa không khác pháp không quên mất; pháp không quên mất, không khác Đại thừa. Vì sao? Vì, hoặc Đại thừa, hoặc pháp không quên mất, tánh vốn không hai, vì không có hai phần.

Thiện Hiện, Đại thừa không khác tánh luôn luôn xả; tánh luôn luôn

xả, không khác Đại thừa. Vì sao? Vì, hoặc Đại thừa, hoặc tánh luôn luôn xả, tánh vốn không hai, vì không có hai phần.

Thiện Hiện, Đại thừa không khác các pháp uẩn, giới, xứ, không, bất không..., các pháp uẩn, giới, xứ, không, bất không không khác Đại thừa. Vì sao? Vì, hoặc Đại thừa, hoặc các pháp uẩn, giới, xứ, không, bất không, tánh vốn không hai, vì không có hai phần.

Thiện Hiện, do nhân duyên này nên ông vừa nói Đại thừa đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoàn toàn tùy thuận, không có sự chống trái, vượt qua. Nếu nói Đại thừa tức là đã nói Bát-nhã ba-la-mật-đa; nếu nói Bát-nhã ba-la-mật-đa tức là đã nói Đại thừa. Hai pháp như vậy, không có sự phân biệt khác nhau.

-oOo-

PHẨM 18: VÔ SỞ ĐẮC (1)

Bấy giờ, Trưởng giả Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, vì sắc vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì thọ, tưởng, hành, thức vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Bạch Thế Tôn, vì nhãn xứ vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Bạch Thế Tôn, vì sắc xứ vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Bạch Thế Tôn, vì nhãn giới vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Bạch Thế Tôn, vì nhĩ giới vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Bạch Thế Tôn, vì tỷ giới vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Bạch Thế Tôn, vì thiệt giới vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm

duyên sinh ra vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Bạch Thế Tôn, vì thân giới vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Bạch Thế Tôn, vì ý giới vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Bạch Thế Tôn, vì địa giới vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Bạch Thế Tôn, vì Thánh đế khổ vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì Thánh đế tập, diệt, đạo vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Bạch Thế Tôn, vì vô minh vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Bạch Thế Tôn, vì Bố thí ba-la-mật-đa vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Bạch Thế Tôn, vì bốn Tĩnh lự vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Bạch Thế Tôn, vì tám Giải thoát vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Bạch Thế Tôn, vì bốn Niệm trụ vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Bạch Thế Tôn, vì pháp môn giải thoát Không vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Bạch Thế Tôn, vì năm loại mắt vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì sáu phép thần thông vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Bạch Thế Tôn, vì pháp không bên trong vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài,

pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Bạch Thế Tôn, vì chân như vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh không đổi khác, các cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, hư không, đoạn, ly, diệt, tánh bình đẳng, ly sinh, pháp định, pháp trụ, không tánh, không tướng, không tạo tác, không hành động, an ổn, tịch tĩnh, bản vô, thật tế, cứu cánh Niết-bàn vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Bạch Thế Tôn, vì Thanh văn thừa vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì Độc giác thừa vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Bạch Thế Tôn, chính sắc, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa sắc, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính thọ, tưởng, hành, thức, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa thọ, tưởng, hành, thức, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính nhãn xứ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa nhãn xứ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính sắc xứ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa sắc xứ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính nhãn giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa nhãn giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính nhĩ giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa nhĩ giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính tỷ giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa tỷ giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính thiệt giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa thiệt giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính thân giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa thân giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính ý giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa ý giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính địa giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa địa giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính thủy, hỏa, phong, không, thức giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa thủy, hỏa, phong, không, thức giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính Thánh đế khổ, Đại Bồ-tát không sở hữu,

chẳng thể nắm bắt được; lìa Thánh đế khổ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính Thánh đế tập, diệt, đạo, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa Thánh đế tập, diệt, đạo, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính vô minh, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa vô minh, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính Bố thí ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa Bố thí ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính bốn Tĩnh lự, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa bốn Tĩnh lự, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính tám Giải thoát, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa tám Giải thoát, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính bốn Niệm trụ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa bốn Niệm trụ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính pháp môn giải thoát Không, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa pháp môn giải thoát Không, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính pháp môn giải thoát Vô

tướng, Vô nguyện, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính năm loại mắt, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa năm loại mắt, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính sáu phép thần thông, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa sáu phép thần thông, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính mười lực của Phật, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa mười lực của Phật, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính trí Đạo tướng, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa trí Đạo tướng, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính pháp không quên mất, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa pháp không quên mất, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính tánh luôn luôn xả, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa tánh luôn luôn xả, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính tất cả pháp môn Đà-la-ni, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính tất cả pháp môn Tam-ma-địa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa tất cả pháp môn Tam-ma-địa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính pháp không bên trong, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa pháp không bên trong, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính không bên ngoài, không cả trong ngoài, không không, không lớn, không thắng nghĩa, không hữu vi, không vô vi, không rốt ráo, không không biên giới, không tản mạn, không không đổi khác, không bản tánh, không tự tướng, không cộng tướng, không nơi tất cả pháp, không chẳng thể nắm bắt được, không không tánh, không tự tánh, không không tánh tự tánh, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm

bắt được; lìa không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính chân như, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa chân như, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh không đổi khác; các cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, hư không, đoạn, ly, diệt, tánh bình đẳng, ly sinh, pháp định, pháp trụ, không tánh, không tướng, không tạo tác, không hành động, an ổn, tịch tĩnh, bản vô, thật tế, cứu cánh Niết-bàn, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa pháp giới, pháp tánh cho đến thật tế, cứu cánh Niết-bàn, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính Thanh văn thừa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa Thanh văn thừa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính Độc giác thừa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa Độc giác thừa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính Đại thừa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa Đại thừa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, chính chủ thể luân hồi của Thanh văn thừa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa chủ thể luân hồi của Thanh văn thừa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính chủ thể luân hồi của Độc giác Đại thừa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa chủ thể luân hồi của Độc giác Đại thừa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, đối với tất cả pháp, con dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian để cầu Đại Bồ-tát, nhưng hoàn toàn không có đối tượng để nhận thức và rốt ráo chẳng thể nắm bắt được, tại sao Thế Tôn bảo con dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa để chỉ dạy, trao truyền cho các Đại Bồ-tát?

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, như nói ngã... rốt ráo chẳng sinh; các pháp cũng vậy, hoàn toàn không có tự tánh.

Bạch Thế Tôn, sắc... các pháp, rốt ráo chẳng sinh; nếu rốt ráo chẳng sinh thì chẳng mang tên là sắc...

Bạch Thế Tôn, con đâu có thể dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa rốt ráo chẳng sinh để chỉ dạy trao truyền cho các Đại Bồ-tát rốt ráo chẳng sinh.

Bạch Thế Tôn, lìa rốt ráo chẳng sinh, cũng không có Đại Bồ-tát có

thể tu hành quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát nghe nói như vậy mà tâm không kinh hoàng, hãi hùng, sợ sệt, đắm, chìm, lo âu, hối tiếc, nên biết Đại Bồ-tát ấy, có khả năng tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lúc này, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Vì duyên cớ gì mà nói Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được? Vì duyên cớ gì mà nói sắc... vô biên, nên Đại Bồ-tát cũng vô biên? Vì duyên cớ gì mà nói chính sắc... Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được? Lìa sắc... Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được? Vì duyên cớ gì mà nói đối với tất cả pháp, con dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian để cầu Đại Bồ-tát nhưng hoàn toàn chẳng có đối tượng để nhận thức và rốt ráo chẳng thể nắm bắt được, tại sao khiến con dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa để chỉ dạy trao truyền cho các Đại Bồ-tát? Vì duyên cớ gì mà nói, Đại Bồ-tát chỉ có giả danh? Vì duyên cớ gì mà nói ngã..., rốt ráo chẳng sinh? Vì duyên cớ gì mà nói các pháp cũng vậy, hoàn toàn không có tự tánh? Vì duyên cớ gì mà nói sắc... các pháp, rốt ráo chẳng sinh? Vì duyên cớ gì mà nói rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng mang tên là sắc...? Vì duyên cớ gì mà nói con đâu có thể dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa rốt ráo chẳng sinh để dạy bảo trao truyền cho các Đại Bồ-tát rốt ráo chẳng sinh? Vì duyên cớ gì mà nói lìa sự rốt ráo chẳng sinh, cũng không có Đại Bồ-tát có khả năng tu hành quả vị Giác ngộ cao tột? Vì duyên cớ gì mà nói nếu Đại Bồ-tát nghe nói như vậy mà tâm không kinh hoàng, hãi hùng, sợ sệt, chìm, đắm, lo âu, hối tiếc, thì nên biết đó là Đại Bồ-tát có khả năng tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Trưởng giả Thiện Hiện trả lời Xá-lợi Tử:

–Nếu như Tôn giả hỏi: "Vì duyên cớ gì mà nói Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được", thì thưa ngài Xá-lợi Tử, vì hữu tình là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì hữu tình là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì hữu tình là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì hữu tình không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thưa ngài Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không tự tánh của hữu tình, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, không phải cái không sở hữu của hữu tình có sự sai khác; không phải cái không của hữu tình có sự sai khác; không phải cái xa lìa của hữu tình có sự sai khác; không phải cái không tự tánh của hữu tình có sự sai khác; không phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; không phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; không phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của hữu tình hoặc không của hữu tình, hoặc cái xa lìa của hữu tình, hoặc không tự tánh của hữu tình, hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần, thưa ngài Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì sắc là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì thọ, tưởng, hành, thức là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sắc là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì thọ, tưởng, hành, thức là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sắc là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì thọ, tưởng, hành, thức là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sắc là không tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì thọ, tưởng, hành, thức là không tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không tự tánh của sắc, thọ, tưởng, hành, thức, các Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, không phải cái không sở hữu của sắc, thọ, tưởng, hành, thức có sự sai khác; không phải cái không của sắc, thọ, tưởng, hành, thức có sự sai khác; không phải cái xa lìa của sắc, thọ, tưởng, hành, thức có sự sai khác; không phải cái không tự tánh của sắc, thọ, tưởng, hành, thức, có sự sai khác; không phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; không phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; không phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của sắc, thọ, tưởng, hành, thức; hoặc không của sắc, thọ, tưởng, hành, thức; hoặc cái xa lìa của sắc, thọ, tưởng, hành, thức; hoặc không tự tánh của sắc, thọ, tưởng, hành, thức;

hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì nhãn xứ là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì nhãn xứ là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì nhãn xứ là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì nhãn xứ không tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không tự tánh của nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, không phải cái không sở hữu của nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có sự sai khác; không phải cái không của nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có sự sai khác; không phải cái xa lìa của nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có sự sai khác; không phải cái không tự tánh của nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có sự sai khác; không phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; không phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; không phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; hoặc không của nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; hoặc cái xa lìa của nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; hoặc không tự tánh của nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì sắc xứ là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không

sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sắc xứ là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sắc xứ là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sắc xứ là không tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không tự tánh của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, không phải cái không sở hữu của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có sự sai khác; không phải cái không của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có sự sai khác; không phải cái xa lìa của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có sự sai khác; không phải cái không tự tánh của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, có sự sai khác; không phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; không phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; không phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; hoặc không của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; hoặc cái xa lìa của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; hoặc không tự tánh của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì nhãn giới là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì nhãn giới là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì nhãn giới là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng

thể nắm bắt được; vì sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì nhãn giới là không tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không tự tánh của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, không phải cái không sở hữu của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có sự sai khác; không phải cái không của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có sự sai khác; không phải cái xa lìa của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có sự sai khác; không phải cái không tự tánh của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, có sự sai khác; không phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; không phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; không phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc không của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc cái xa lìa của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc không tự tánh của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 62

PHẨM 18: VÔ SỞ ĐẮC (2)

Xá-lợi Tử, vì nhĩ giới là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì nhĩ giới là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì nhĩ giới là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì nhĩ giới là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không tự tánh của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chẳng phải cái không sở hữu của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có sự sai khác; chẳng phải cái không của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có sự sai khác; chẳng phải cái xa lìa của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có sự sai khác; chẳng phải cái không có tự tánh của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của nhĩ giới cho đến các thọ do

nhĩ xúc làm duyên sinh ra; hoặc cái không của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; hoặc cái xa lìa của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; hoặc cái không có tự tánh của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì tỷ giới là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì tỷ giới là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì tỷ giới là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì tỷ giới là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không tự tánh của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chẳng phải cái không sở hữu của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có sự sai khác; chẳng phải cái không của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có sự sai khác; chẳng phải cái xa lìa của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có sự sai khác; chẳng phải cái không có tự tánh của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; hoặc cái không của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ

xúc làm duyên sinh ra; hoặc cái xa lìa của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; hoặc cái không có tự tánh của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì thiệt giới là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì thiệt giới là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì thiệt giới là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì thiệt giới là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không tự tánh của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chẳng phải cái không sở hữu của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có sự sai khác; chẳng phải cái không của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có sự sai khác; chẳng phải cái xa lìa của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có sự sai khác; chẳng phải cái không có tự tánh của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; hoặc cái không của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; hoặc cái xa lìa của thiệt giới cho đến các

thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; hoặc cái không có tự tánh của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì thân giới là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì thân giới là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì thân giới là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì thân giới là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không tự tánh của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chẳng phải cái không sở hữu của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có sự sai khác; chẳng phải cái không của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có sự sai khác; chẳng phải cái xa lìa của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có sự sai khác; chẳng phải cái không có tự tánh của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; hoặc cái không của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; hoặc cái xa lìa của thân giới cho đến các

thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; hoặc cái không có tự tánh của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì ý giới là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì ý giới là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì ý giới là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì ý giới là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không tự tánh của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chẳng phải cái không sở hữu của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có sự sai khác; chẳng phải cái không của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có sự sai khác; chẳng phải cái xa lìa của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có sự sai khác; chẳng phải cái không có tự tánh của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; hoặc cái không của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; hoặc cái xa lìa của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; hoặc cái không có tự tánh của ý giới cho đến các

thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì địa giới là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì địa giới là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì địa giới là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì địa giới là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không tự tánh của địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chẳng phải cái không sở hữu của địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới có sự sai khác; chẳng phải cái không của địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới có sự sai khác; chẳng phải cái xa lìa của địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới có sự sai khác; chẳng phải cái không có tự tánh của địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới; hoặc cái không của địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới; hoặc cái xa lìa của địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới; hoặc cái không có tự tánh của địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì Thánh đế khổ là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì Thánh đế tập, diệt, đạo là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì Thánh đế khổ là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì Thánh đế tập, diệt, đạo là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì Thánh đế khổ là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì Thánh đế tập, diệt, đạo là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì Thánh đế khổ là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì Thánh đế tập, diệt, đạo là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không tự tánh của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chẳng phải cái không sở hữu của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo có sự sai khác; chẳng phải cái không của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo có sự sai khác; chẳng phải cái xa lìa của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo có sự sai khác; chẳng phải cái không có tự tánh của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; hoặc cái không của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; hoặc cái xa lìa của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; hoặc cái không có tự tánh của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì vô minh là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì vô minh là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt

được. Vì vô minh là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì vô minh là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không tự tánh của vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chẳng phải cái không sở hữu của vô minh cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có sự sai khác; chẳng phải cái không của vô minh cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có sự sai khác; chẳng phải cái xa lìa của vô minh cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có sự sai khác; chẳng phải cái không có tự tánh của vô minh cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của vô minh cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; hoặc cái không của vô minh cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; hoặc cái xa lìa của vô minh cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; hoặc cái không có tự tánh của vô minh cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì Bố thí ba-la-mật-đa là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì Bố thí ba-la-mật-đa là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì Bố thí ba-la-mật-đa là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm

bắt được; vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì Bố thí ba-la-mật-đa là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không tự tánh của Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chẳng phải cái không sở hữu của Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có sự sai khác; chẳng phải cái không của Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có sự sai khác; chẳng phải cái xa lìa của Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có sự sai khác; chẳng phải cái không có tự tánh của Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cái không của Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cái xa lìa của Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cái không có tự tánh của Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bốn Tĩnh lự là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì bốn Tĩnh lự là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì bốn Tĩnh lự là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì bốn

Vô lượng, bốn Định vô sắc là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì bốn Tĩnh lự là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không tự tánh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chẳng phải cái không sở hữu của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có sự sai khác; chẳng phải cái không của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có sự sai khác; chẳng phải cái xa lìa của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có sự sai khác; chẳng phải cái không có tự tánh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc cái không của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc cái xa lìa của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc cái không có tự tánh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì tám Giải thoát là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì tám Giải thoát là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì tám Giải thoát là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì tám Giải thoát là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa,

chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không tự tánh của tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chẳng phải cái không sở hữu của tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có sự sai khác; chẳng phải cái không của tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có sự sai khác; chẳng phải cái xa lìa của tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có sự sai khác; chẳng phải cái không có tự tánh của tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; hoặc cái không của tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; hoặc cái xa lìa của tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; hoặc cái không có tự tánh của tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bốn Niệm trụ là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì bốn Niệm trụ là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì bốn Niệm trụ là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì bốn Niệm trụ là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn,

năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không tự tánh của bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chẳng phải cái không sở hữu của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo có sự sai khác; chẳng phải cái không của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo có sự sai khác; chẳng phải cái xa lìa của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo có sự sai khác; chẳng phải cái không có tự tánh của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc cái không của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc cái xa lìa của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc cái không có tự tánh của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì pháp môn giải thoát Không là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì pháp môn giải thoát Không là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì pháp môn giải thoát Không là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì pháp môn giải thoát Không là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì

sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không tự tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chẳng phải cái không sở hữu của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện có sự sai khác; chẳng phải cái không của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện có sự sai khác; chẳng phải cái xa lìa của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện có sự sai khác; chẳng phải cái không có tự tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; hoặc cái không của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; hoặc cái xa lìa của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; hoặc cái không có tự tánh của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì năm loại mắt là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì sáu phép thần thông là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì năm loại mắt là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì sáu phép thần thông là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì năm loại mắt là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì sáu phép thần thông là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì năm loại mắt là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì sáu phép thần thông là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không tự tánh của năm loại mắt, sáu phép thần thông, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chẳng phải cái không sở hữu của năm loại mắt, sáu phép

thần thông có sự sai khác; chẳng phải cái không của năm loại mắt, sáu phép thần thông có sự sai khác; chẳng phải cái xa lìa của năm loại mắt, sáu phép thần thông có sự sai khác; chẳng phải cái không có tự tánh của năm loại mắt, sáu phép thần thông có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của năm loại mắt, sáu phép thần thông; hoặc cái không của năm loại mắt, sáu phép thần thông; hoặc cái xa lìa của năm loại mắt, sáu phép thần thông; hoặc cái không có tự tánh của năm loại mắt, sáu phép thần thông; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì mười lực của Phật là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì mười lực của Phật là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì mười lực của Phật là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì mười lực của Phật là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không tự tánh nơi mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại

Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chẳng phải cái không sở hữu nơi mười lực của Phật cho đến trí Nhất thiết tướng có sự sai khác; chẳng phải cái không nơi mười lực của Phật cho đến trí Nhất thiết tướng có sự sai khác; chẳng phải cái xa lìa nơi mười lực của Phật cho đến trí Nhất thiết tướng có sự sai khác; chẳng phải cái không có tự tánh nơi mười lực của Phật cho đến trí Nhất thiết tướng có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu nơi mười lực của Phật cho đến trí Nhất thiết tướng; hoặc cái không nơi mười lực của Phật cho đến trí Nhất thiết tướng; hoặc cái xa lìa nơi mười lực của Phật cho đến trí Nhất thiết tướng; hoặc cái không có tự tánh nơi mười lực của Phật cho đến trí Nhất thiết tướng; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì pháp không quên mất là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì tánh luôn luôn xả là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì pháp không quên mất là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì tánh luôn luôn xả là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì pháp không quên mất là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì tánh luôn luôn xả là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì pháp không quên mất là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì tánh luôn luôn xả là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không tự tánh của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chẳng phải cái không sở hữu của pháp không quên mất,

tánh luôn luôn xả có sự sai khác; chẳng phải cái không của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả có sự sai khác; chẳng phải cái xa lìa của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả có sự sai khác; chẳng phải cái không có tự tánh của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc cái không của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc cái xa lìa của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc cái không có tự tánh của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 63

PHẨM 18: VÔ SỞ ĐẮC (3)

Xá-lợi Tử, vì pháp môn Đà-la-ni là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì pháp môn Tam-ma-địa không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì pháp môn Đà-la-ni là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì pháp môn Tam-ma-địa là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì pháp môn Đà-la-ni là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì pháp môn Tam-ma-địa là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì pháp môn Đà-la-ni là không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì pháp môn Tam-ma-địa không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không có tự tánh của pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chẳng phải cái không sở hữu của pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa có sự sai khác; chẳng phải cái không của pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa có sự sai khác; chẳng phải cái xa lìa của pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa có sự sai khác; chẳng phải cái không có tự tánh của pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa; hoặc cái không của pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa; hoặc cái xa lìa của pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa; hoặc cái không có tự tánh của pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa,

tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì pháp không bên trong là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì pháp không bên trong là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì pháp không bên trong là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì pháp không bên trong không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không có tự tánh của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chẳng phải cái không sở hữu của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh có sự sai khác; chẳng phải cái không của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh có sự sai khác; chẳng phải cái xa lìa của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh có sự sai khác; chẳng phải cái không có tự tánh của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của pháp không bên trong cho

đến pháp không không tánh tự tánh; hoặc cái không của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; hoặc cái xa lìa của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; hoặc cái không có tự tánh của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì chân như là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, chẳng đổi khác, các cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, hư không, đoạn, ly, diệt, tánh bình đẳng, ly sinh, pháp định, pháp trụ, không tánh, không tướng, không tạo tác, không hành động, an ổn, tịch tĩnh, bản vô, thật tế, đều không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì chân như là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì pháp giới, pháp tánh cho đến bản vô, thật tế là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì chân như là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì pháp giới, pháp tánh cho đến bản vô, thật tế là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì chân như không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì pháp giới, pháp tánh cho đến bản vô, thật tế không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không có tự tánh của chân như, pháp giới cho đến bản vô, thật tế, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chẳng phải cái không sở hữu của chân như, pháp giới cho đến bản vô, thật tế có sự sai khác; chẳng phải cái không của chân như, pháp giới cho đến bản vô, thật tế có sự sai khác; chẳng phải cái xa lìa của chân như, pháp giới cho đến bản vô, thật tế có sự sai khác; chẳng phải cái không có tự tánh của chân như, pháp giới cho đến bản vô, thật tế, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của chân như, pháp giới cho đến

bản vô, thật tế; hoặc cái không của chân như, pháp giới cho đến bản vô, thật tế; hoặc cái xa lìa của chân như, pháp giới cho đến bản vô, thật tế; hoặc cái không có tự tánh của chân như, pháp giới cho đến bản vô, thật tế; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì Thanh văn thừa là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì Thanh văn thừa là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì Thanh văn thừa là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì Thanh văn thừa không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không có tự tánh của Thanh văn thừa, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chẳng phải cái không sở hữu của Thanh văn thừa có sự sai khác; chẳng phải cái không của Thanh văn thừa có sự sai khác; chẳng phải cái xa lìa của Thanh văn thừa có sự sai khác; chẳng phải cái không có tự tánh của Thanh văn thừa, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của Thanh văn thừa; hoặc cái không của Thanh văn thừa; hoặc cái xa lìa của Thanh văn thừa; hoặc cái không có tự tánh của Thanh văn thừa; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì Độc giác thừa là không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì Độc giác thừa là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì Độc giác thừa là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì Độc giác thừa không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở

hữu, không, xa lìa, không có tự tánh của Độc giác thừa, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chẳng phải cái không sở hữu của Độc giác thừa có sự sai khác; chẳng phải cái không của Độc giác thừa có sự sai khác; chẳng phải cái xa lìa của Độc giác thừa có sự sai khác; chẳng phải cái không có tự tánh của Độc giác thừa, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của Độc giác thừa; hoặc cái không của Độc giác thừa; hoặc cái xa lìa của Độc giác thừa; hoặc cái không có tự tánh của Độc giác thừa; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì Đại thừa không sở hữu, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì Đại thừa là không, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì Đại thừa là xa lìa, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì Đại thừa không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trong những cái không sở hữu, không, xa lìa, không có tự tánh của Đại thừa, Đại Bồ-tát đời trước, sau, giữa, đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chẳng phải cái không sở hữu của Đại thừa có sự sai khác; chẳng phải cái không của Đại thừa có sự sai khác; chẳng phải cái xa lìa của Đại thừa có sự sai khác; chẳng phải cái không có tự tánh của Đại thừa, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời trước, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời sau, có sự sai khác; chẳng phải Đại Bồ-tát đời giữa, có sự sai khác.

Xá-lợi Tử, hoặc cái không sở hữu của Đại thừa; hoặc cái không của Đại thừa; hoặc cái xa lìa của Đại thừa; hoặc cái không có tự tánh của Đại thừa; hoặc Đại Bồ-tát đời trước, hoặc Đại Bồ-tát đời sau, hoặc Đại Bồ-tát đời giữa, tất cả pháp như vậy đều không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Đại Bồ-tát đời trước, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát đời sau, chẳng thể nắm bắt được, Đại

Bồ-tát đời giữa, chẳng thể nắm bắt được.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại đáp lời Xá-lợi Tử:

–Như Tôn giả đã hỏi, vì duyên cớ gì mà nói là sắc... vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên?

Xá-lợi Tử, sắc như hư không; thọ, tưởng, hành, thức như hư không. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì như hư không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, vì biên giới trong đó chẳng thể nắm bắt được, nên nói là hư không. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của sắc là "không", vì tánh của thọ, tưởng, hành, thức là "không". Trong cái không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, cũng vì biên giới trong đó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, nên nói là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là sắc vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì thọ, tưởng, hành, thức vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ như hư không; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ như hư không. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì như hư không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, vì biên giới trong đó chẳng thể nắm bắt được, nên nói là hư không. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng như vậy, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của nhãn xứ là "không", vì tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là "không". Trong cái không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, cũng vì biên giới trong đó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, nên nói là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là nhãn xứ vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi Tử, sắc xứ như hư không; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ như hư không. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì như hư không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, vì biên giới trong đó chẳng thể nắm bắt được,

nên nói là hư không. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng như vậy, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của sắc xứ là "không", vì tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là "không". Trong cái không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, cũng vì biên giới trong đó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, nên nói là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là sắc xứ vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi Tử, nhãn giới như hư không; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra như hư không. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì như hư không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, vì biên giới trong đó chẳng thể nắm bắt được, nên nói là hư không. Nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng như vậy, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của nhãn giới là "không", vì tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là "không". Trong cái không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, cũng vì biên giới trong đó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, nên nói là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là nhãn giới vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới như hư không; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra như hư không. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì như hư không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, vì biên giới trong đó chẳng thể nắm bắt được, nên nói là hư không. Nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng như vậy, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của nhĩ giới là "không", vì tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là "không". Trong cái không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt

được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, cũng vì biên giới trong đó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, nên nói là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là nhĩ giới vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi Tử, tỷ giới như hư không; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra như hư không. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì như hư không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, vì biên giới trong đó chẳng thể nắm bắt được, nên nói là hư không. Tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng như vậy, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của tỷ giới là "không", vì tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là "không". Trong cái không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, cũng vì biên giới trong đó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, nên nói là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là tỷ giới vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi Tử, thiệt giới như hư không; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra như hư không. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì như hư không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, vì biên giới trong đó chẳng thể nắm bắt được, nên nói là hư không. Thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng như vậy, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của thiệt giới là "không", vì tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là "không". Trong cái không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, cũng vì biên giới trong đó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, nên nói là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là thiệt giới vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm

duyên sinh ra vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi Tử, thân giới như hư không; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra như hư không. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì như hư không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, vì biên giới trong đó chẳng thể nắm bắt được, nên nói là hư không. Thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng như vậy, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của thân giới là "không", vì tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là "không". Trong cái không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, cũng vì biên giới trong đó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, nên nói là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là thân giới vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi Tử, ý giới như hư không; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra như hư không. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì như hư không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, vì biên giới trong đó chẳng thể nắm bắt được, nên nói là hư không. Ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng như vậy, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của ý giới là "không", vì tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là "không". Trong cái không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, cũng vì biên giới trong đó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, nên nói là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là ý giới vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi Tử, địa giới như hư không; thủy, hỏa, phong, không, thức giới như hư không. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì như hư không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, vì biên giới trong đó chẳng thể nắm bắt

được, nên nói là hư không. Địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng như vậy, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của địa giới là "không", vì tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là "không". Trong cái không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, cũng vì biên giới trong đó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, nên nói là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là địa giới vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ như hư không; Thánh đế tập, diệt, đạo như hư không. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì như hư không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, vì biên giới trong đó chẳng thể nắm bắt được, nên nói là hư không. Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo cũng như vậy, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của Thánh đế khổ là "không", vì tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là "không". Trong cái không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, cũng vì biên giới trong đó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, nên nói là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Thánh đế khổ vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì Thánh đế tập, diệt, đạo vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi Tử, vô minh như hư không; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não như hư không. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì như hư không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, vì biên giới trong đó chẳng thể nắm bắt được, nên nói là hư không. Vô minh cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng như vậy, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của vô minh là "không", vì tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là "không". Trong cái không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, cũng vì biên giới trong đó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, nên nói là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là vô minh vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa như hư không; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa như hư không. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì như hư không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, vì biên giới trong đó chẳng thể nắm bắt được, nên nói là hư không. Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng như vậy, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là "không", vì tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là "không". Trong cái không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, cũng vì biên giới trong đó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, nên nói là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Bố thí ba-la-mật-đa vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự như hư không; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc như hư không. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì như hư không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, vì biên giới trong đó chẳng thể nắm bắt được, nên nói là hư không. Bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng như vậy, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của bốn Tĩnh lự là "không", vì tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là "không". Trong cái không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, cũng vì biên giới trong đó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, nên nói là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là bốn Tĩnh lự vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát như hư không; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ như hư không. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì như hư không,

khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, vì biên giới trong đó chẳng thể nắm bắt được, nên nói là hư không. Tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng như vậy, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của tám Giải thoát là "không", vì tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là "không". Trong cái không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, cũng vì biên giới trong đó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, nên nói là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là tám Giải thoát vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ như hư không; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo như hư không. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì như hư không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, vì biên giới trong đó chẳng thể nắm bắt được, nên nói là hư không. Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, cũng như vậy, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của bốn Niệm trụ là "không", vì tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là "không". Trong cái không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, cũng vì biên giới trong đó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, nên nói là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là bốn Niệm trụ vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không như hư không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện như hư không. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì như hư không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, vì biên giới trong đó chẳng thể nắm bắt được, nên nói là hư không. Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng như vậy, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể

nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của pháp môn giải thoát Không là "không", vì tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là "không". Trong cái không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, cũng vì biên giới trong đó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, nên nói là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là pháp môn giải thoát Không vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt như hư không; sáu phép thần thông như hư không. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì như hư không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, vì biên giới trong đó chẳng thể nắm bắt được, nên nói là hư không. Năm loại mắt, sáu phép thần thông cũng như vậy, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của năm loại mắt là "không", vì tánh của sáu phép thần thông là "không". Trong cái không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, cũng vì biên giới trong đó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, nên nói là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là năm loại mắt vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì sáu phép thần thông vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật như hư không; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng như hư không. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì như hư không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, vì biên giới trong đó chẳng thể nắm bắt được, nên nói là hư không. Mười lực của Phật cho đến trí Nhất thiết tướng cũng như vậy, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của mười lực của Phật là "không", vì tánh của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng là "không". Trong cái không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, cũng vì biên giới trong đó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, nên nói là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là mười lực của Phật vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất như hư không; tánh luôn luôn xả như hư không. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì như hư không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, vì biên giới trong đó chẳng thể nắm bắt được, nên nói là hư không. Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả cũng như vậy, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của pháp không quên mất là "không", vì tánh của tánh luôn luôn xả là "không". Trong cái không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, cũng vì biên giới trong đó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, nên nói là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là pháp không quên mất vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì tánh luôn luôn xả vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni như hư không; tất cả pháp môn Tam-ma-địa như hư không. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì như hư không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, vì biên giới trong đó chẳng thể nắm bắt được, nên nói là hư không. Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng như vậy, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là "không", vì tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là "không". Trong cái không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, cũng vì biên giới trong đó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, nên nói là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là tất cả pháp môn Đà-la-ni vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong như hư không; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp

không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh như hư không. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì như hư không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, vì biên giới trong đó chẳng thể nắm bắt được, nên nói là hư không. Pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng như vậy, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của pháp không bên trong là "không", vì tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là "không". Trong cái không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, cũng vì biên giới trong đó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, nên nói là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là pháp không bên trong vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi Tử, chân như như hư không; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, chẳng đổi khác, các cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, hư không, đoạn, ly, diệt, tánh bình đẳng, ly sinh, pháp định, pháp trụ, không tánh, không tướng, không tạo tác, không hành động, an ổn, tịch tĩnh, bản vô, thật tế, cứu cánh Niết-bàn như hư không. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì như hư không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, vì biên giới trong đó chẳng thể nắm bắt được, nên nói là hư không. Chân như cho đến cứu cánh Niết-bàn cũng như vậy, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của chân như là "không", vì tánh của pháp giới cho đến cứu cánh Niết-bàn là "không". Trong cái không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, cũng vì biên giới trong đó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, nên nói là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chân như vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì pháp giới cho đến cứu cánh Niết-bàn vô

biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Xá-lợi Tử, Thanh văn thừa như hư không; Độc giác thừa như hư không; Đại thừa như hư không. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì như hư không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, vì biên giới trong đó chẳng thể nắm bắt được, nên nói là hư không. Thanh văn thừa, Độc giác thừa, Đại thừa cũng như vậy, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tánh của Thanh văn thừa là "không", vì tánh của Độc giác thừa, Đại thừa là "không". Trong cái không, khoảng trước chẳng thể nắm bắt được, khoảng sau chẳng thể nắm bắt được, khoảng giữa chẳng thể nắm bắt được, cũng vì biên giới trong đó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, nên nói là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là Thanh văn thừa vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên; vì Độc giác thừa, Đại thừa vô biên, nên biết Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại đáp lời Xá-lợi Tử:

–Như Tôn giả đã hỏi, vì duyên cớ gì mà nói chính sắc..., Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, lìa sắc..., Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được?

Xá-lợi Tử, sắc và tánh của sắc là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của sắc, sắc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải sắc và tánh của cái chẳng phải sắc là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải sắc, cái chẳng phải sắc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Thọ, tưởng, hành, thức và tánh của thọ, tưởng, hành, thức là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của thọ, tưởng, hành, thức, thọ, tưởng, hành, thức không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức và tánh của cái chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức, cái chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính sắc, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa sắc, Đại Bồ-tát không sở hữu,

chẳng thể nắm bắt được. Chính thọ, tưởng, hành, thức, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa thọ, tưởng, hành, thức, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ và tánh của nhãn xứ là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của nhãn xứ, nhãn xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải nhãn xứ và tánh của cái chẳng phải nhãn xứ là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải nhãn xứ, cái chẳng phải nhãn xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tánh của cái chẳng phải nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, cái chẳng phải nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính nhãn xứ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa nhãn xứ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, sắc xứ và tánh của sắc xứ là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của sắc xứ, sắc xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải sắc xứ và tánh của cái chẳng phải sắc xứ là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải sắc xứ, cái chẳng phải sắc xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tánh của cái chẳng phải thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, cái chẳng

phải thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính sắc xứ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa sắc xứ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 64

PHẨM 18: VÔ SỞ ĐẮC (4)

Xá-lợi Tử, nhãn giới và tánh của nhãn giới là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của nhãn giới, nhãn giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải nhãn giới và tánh của cái chẳng phải nhãn giới là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải nhãn giới, cái chẳng phải nhãn giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tánh của cái chẳng phải sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cái chẳng phải sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính nhãn giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa nhãn giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới và tánh của nhĩ giới là "không". Vì sao? Vì

trong tánh không của nhĩ giới, nhĩ giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải nhĩ giới và tánh của cái chẳng phải nhĩ giới là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải nhĩ giới, cái chẳng phải nhĩ giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tánh của cái chẳng phải thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, cái chẳng phải thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính nhĩ giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa nhĩ giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, tỷ giới và tánh của tỷ giới là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của tỷ giới, tỷ giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải tỷ giới và tánh của cái chẳng phải tỷ giới là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải tỷ giới, cái chẳng phải tỷ giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải

hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tánh của cái chẳng phải hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, cái chẳng phải hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính tỷ giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa tỷ giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, thiệt giới và tánh của thiệt giới là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của thiệt giới, thiệt giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải thiệt giới và tánh của cái chẳng phải thiệt giới là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải thiệt giới, cái chẳng phải thiệt giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và tánh của cái chẳng phải vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, cái chẳng phải vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính thiệt giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa thiệt giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính vị giới, thiệt thức giới và thiệt

xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, thân giới và tánh của thân giới là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của thân giới, thân giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải thân giới và tánh của cái chẳng phải thân giới là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải thân giới, cái chẳng phải thân giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tánh của cái chẳng phải xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, cái chẳng phải xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính thân giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa thân giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, ý giới và tánh của ý giới là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của ý giới, ý giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải ý giới và tánh của cái chẳng phải ý giới là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải ý giới, cái chẳng phải ý giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tánh của cái chẳng phải pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, cái chẳng phải pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính ý giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa ý giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, địa giới và tánh của địa giới là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của địa giới, địa giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải địa giới và tánh của cái chẳng phải địa giới là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải địa giới, cái chẳng phải địa giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, thủy, hỏa, phong, không, thức giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tánh của cái chẳng phải thủy, hỏa, phong, không, thức giới là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải thủy, hỏa, phong, không, thức giới, cái chẳng phải thủy, hỏa, phong, không, thức giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính địa giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa địa giới, Đại Bồ-tát không

sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính thủy, hỏa, phong, không, thức giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa thủy, hỏa, phong, không, thức giới, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ và tánh của Thánh đế khổ là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của Thánh đế khổ, Thánh đế khổ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải Thánh đế khổ và tánh của cái chẳng phải Thánh đế khổ là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải Thánh đế khổ, cái chẳng phải Thánh đế khổ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Thánh đế tập, diệt, đạo và tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của Thánh đế tập, diệt, đạo, Thánh đế tập, diệt, đạo không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải Thánh đế tập, diệt, đạo và tánh của cái chẳng phải Thánh đế tập, diệt, đạo là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải Thánh đế tập, diệt, đạo, cái chẳng phải Thánh đế tập, diệt, đạo không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính Thánh đế khổ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa Thánh đế khổ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính Thánh đế tập, diệt, đạo, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa Thánh đế tập, diệt, đạo, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vô minh và tánh của vô minh là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của vô minh, vô minh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải vô minh và tánh của cái chẳng phải vô minh là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải vô minh, cái chẳng phải vô minh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ,

ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và tánh của cái chẳng phải hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, cái chẳng phải hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính vô minh, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa vô minh, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa và tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của Bố thí ba-la-mật-đa, Bố thí ba-la-mật-đa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải Bố thí ba-la-mật-đa và tánh của cái chẳng phải Bố thí ba-la-mật-đa là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải Bố thí ba-la-mật-đa, cái chẳng phải Bố thí ba-la-mật-đa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tánh của cái chẳng phải Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, cái chẳng phải Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính Bố thí ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa Bố thí ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính Tịnh

giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự và tánh của bốn Tĩnh lự là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của bốn Tĩnh lự, bốn Tĩnh lự không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải bốn Tĩnh lự và tánh của cái chẳng phải bốn Tĩnh lự là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải bốn Tĩnh lự, cái chẳng phải bốn Tĩnh lự không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tánh của cái chẳng phải bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, cái chẳng phải bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính bốn Tĩnh lự, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa bốn Tĩnh lự, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát và tánh của tám Giải thoát là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của tám Giải thoát, tám Giải thoát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải tám Giải thoát và tánh của cái chẳng phải tám Giải thoát là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải tám Giải thoát, cái chẳng phải tám Giải thoát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, tám

Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tánh của cái chẳng phải tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, cái chẳng phải tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính tám Giải thoát, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa tám Giải thoát, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ và tánh của bốn Niệm trụ là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của bốn Niệm trụ, bốn Niệm trụ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải bốn Niệm trụ và tánh của cái chẳng phải bốn Niệm trụ là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải bốn Niệm trụ, cái chẳng phải bốn Niệm trụ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tánh của cái chẳng phải bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, cái chẳng phải bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính bốn Niệm trụ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa bốn Niệm trụ, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính bốn Chánh đoạn, bốn

Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không và tánh của pháp môn giải thoát Không là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Không không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải pháp môn giải thoát Không và tánh của cái chẳng phải pháp môn giải thoát Không là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải pháp môn giải thoát Không, cái chẳng phải pháp môn giải thoát Không không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tánh của cái chẳng phải pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, cái chẳng phải pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính pháp môn giải thoát Không, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa pháp môn giải thoát Không, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt và tánh của năm loại mắt là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của năm loại mắt, năm loại mắt không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải năm loại mắt và tánh của cái chẳng phải năm loại mắt là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải năm loại mắt, cái chẳng phải năm loại mắt không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Sáu phép

thần thông và tánh của sáu phép thần thông là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của sáu phép thần thông, sáu phép thần thông không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải sáu phép thần thông và tánh của cái chẳng phải sáu phép thần thông là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải sáu phép thần thông, cái chẳng phải sáu phép thần thông không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính năm loại mắt, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa năm loại mắt, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính sáu phép thần thông, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa sáu phép thần thông, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật và tánh nơi mười lực của Phật là "không". Vì sao? Vì trong tánh không nơi mười lực của Phật, mười lực của Phật không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải mười lực của Phật và tánh nơi cái chẳng phải mười lực của Phật là "không". Vì sao? Vì trong tánh không nơi cái chẳng phải mười lực của Phật, cái chẳng phải mười lực của Phật không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Nhất thiết tướng và tánh của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Nhất thiết tướng và tánh của cái chẳng phải bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, cái chẳng phải bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính mười lực của Phật, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa mười lực của Phật,

Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, trí Đạo tướng và tánh của trí Đạo tướng là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của trí Đạo tướng, trí Đạo tướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải trí Đạo tướng và tánh của cái chẳng phải trí Đạo tướng là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải trí Đạo tướng, cái chẳng phải trí Đạo tướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính trí Đạo tướng, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa trí Đạo tướng, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất và tánh của pháp không quên mất là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của pháp không quên mất, pháp không quên mất không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải pháp không quên mất và tánh của cái chẳng phải pháp không quên mất là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải pháp không quên mất, cái chẳng phải pháp không quên mất không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tánh luôn luôn xả và tánh của tánh luôn luôn xả là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của tánh luôn luôn xả, tánh luôn luôn xả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải tánh luôn luôn xả và tánh của cái chẳng phải tánh luôn luôn xả là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải tánh luôn luôn xả, cái chẳng phải tánh luôn luôn xả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính pháp không quên mất, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa pháp không quên mất, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính tánh luôn luôn xả, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa tánh luôn luôn xả, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni và tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Đà-la-ni không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải tất cả pháp môn Đà-la-ni và tánh của cái chẳng phải tất cả pháp môn Đà-la-ni là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải tất cả pháp môn Đà-la-ni, cái chẳng phải tất cả pháp môn Đà-la-ni không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của tất cả pháp môn Tam-ma-địa, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tánh của cái chẳng phải tất cả pháp môn Tam-ma-địa là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải tất cả pháp môn Tam-ma-địa, cái chẳng phải tất cả pháp môn Tam-ma-địa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính tất cả pháp môn Đà-la-ni, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính tất cả pháp môn Tam-ma-địa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa tất cả pháp môn Tam-ma-địa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong và tánh của pháp không bên trong là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của pháp không bên trong, pháp không bên trong không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải pháp không bên trong và tánh của cái chẳng phải pháp không bên trong là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải pháp không bên trong, cái chẳng phải pháp không bên trong không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không

không tánh tự tánh và tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh đều là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh và tánh của cái chẳng phải pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, cái chẳng phải pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính pháp không bên trong, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa pháp không bên trong, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chân như và tánh của chân như là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của chân như, chân như không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải chân như và tánh của cái chẳng phải chân như là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải chân như, cái chẳng phải chân như không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh không đổi khác, các cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, hư không, đoạn, ly, diệt, tánh bình đẳng, ly sinh, pháp định, trụ, không tánh, không tướng, không tạo tác, không hành động, an ổn, tịch tĩnh, bản vô, thật tế, cứu cánh Niết-bàn và tánh của pháp giới, pháp tánh cho đến thật tế, cứu cánh Niết-bàn là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của các pháp giới, pháp tánh cho đến thật tế, cứu cánh Niết-bàn, pháp giới, pháp tánh cho đến thật tế, cứu cánh Niết-bàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải pháp giới, pháp tánh cho đến thật tế, cứu cánh Niết-bàn và tánh của cái chẳng phải pháp giới, pháp tánh cho đến thật tế, cứu cánh Niết-bàn là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải pháp giới, pháp

tánh cho đến thật tế, cứu cánh Niết-bàn, cái chẳng phải pháp giới, pháp tánh cho đến thật tế, cứu cánh Niết-bàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính chân như, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa chân như, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính pháp giới, pháp tánh cho đến thật tế, cứu cánh Niết-bàn, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa pháp giới, pháp tánh cho đến thật tế, cứu cánh Niết-bàn, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Thanh văn thừa và tánh của Thanh văn thừa là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của Thanh văn thừa, Thanh văn thừa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải Thanh văn thừa và tánh của cái chẳng phải Thanh văn thừa là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải Thanh văn thừa, cái chẳng phải Thanh văn thừa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Độc giác thừa, Đại thừa và tánh của Độc giác thừa, Đại thừa là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của Độc giác thừa, Đại thừa, Độc giác thừa, Đại thừa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải Độc giác thừa, Đại thừa và tánh của cái chẳng phải Độc giác thừa, Đại thừa là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải Độc giác thừa, Đại thừa, cái chẳng phải Độc giác thừa, Đại thừa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính Thanh văn thừa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa Thanh văn thừa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính Độc giác thừa, Đại thừa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa Độc giác thừa, Đại thừa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, chủ thể luân hồi của Thanh văn thừa và tánh của chủ thể luân hồi của Thanh văn thừa là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của chủ thể luân hồi của Thanh văn thừa, chủ thể luân hồi của Thanh văn thừa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải chủ thể luân hồi của Thanh văn thừa và tánh của cái chẳng phải chủ thể luân hồi của Thanh văn thừa là

"không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải chủ thể luân hồi của Thanh văn thừa, cái chẳng phải chủ thể luân hồi của Thanh văn thừa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. chủ thể luân hồi của Độc giác thừa, Đại thừa và tánh của chủ thể luân hồi của Độc giác thừa, Đại thừa là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của chủ thể luân hồi của Độc giác thừa, Đại thừa, chủ thể luân hồi của Độc giác thừa, Đại thừa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Cái chẳng phải chủ thể luân hồi của Độc giác thừa, Đại thừa và tánh của cái chẳng phải chủ thể luân hồi của Độc giác thừa, Đại thừa là "không". Vì sao? Vì trong tánh không của cái chẳng phải chủ thể luân hồi của Độc giác thừa, Đại thừa, cái chẳng phải chủ thể luân hồi của Độc giác thừa, Đại thừa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là chính chủ thể luân hồi của Thanh văn thừa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa chủ thể luân hồi của Thanh văn thừa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Chính chủ thể luân hồi của Độc giác thừa, Đại thừa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lìa chủ thể luân hồi của Độc giác thừa, Đại thừa, Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Bấy giờ, Trưởng giả Thiện Hiện lại đáp lời Xá-lợi Tử:

–Như Tôn giả đã hỏi, vì duyên cớ gì mà nói, đối với tất cả pháp, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian để cầu Đại Bồ-tát, hoàn toàn không sở hữu và rốt ráo chẳng thể nắm bắt được thì tại sao lại khiến tôi dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa để chỉ dạy trao truyền cho các Đại Bồ-tát?

Xá-lợi Tử, vì tánh của sắc là "không", nên sắc đối với sắc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; sắc đối với thọ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của thọ là không, nên thọ đối với thọ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; thọ đối với sắc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; sắc, thọ đối với tưởng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của tưởng là không, nên tưởng đối với tưởng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; tưởng đối với sắc, thọ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; sắc, thọ, tưởng đối với hành không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của hành là không, nên hành đối với hành không sở

hữu, chẳng thể nắm bắt được; hành đối với sắc, thọ, tưởng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; sắc, thọ, tưởng, hành đối với thức không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của thức là không, nên thức đối với thức không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; thức đối với sắc, thọ, tưởng, hành không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của nhãn xứ là không, nên nhãn xứ đối với nhãn xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; nhãn xứ đối với nhĩ xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của nhĩ xứ là không, nên nhĩ xứ đối với nhĩ xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; nhĩ xứ đối với nhãn xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; nhãn, nhĩ xứ đối với tỷ xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của tỷ xứ là không, nên tỷ xứ đối với tỷ xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; tỷ xứ đối với nhãn, nhĩ xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; nhãn, nhĩ, tỷ xứ đối với thiệt xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của thiệt xứ là không, nên thiệt xứ đối với thiệt xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; thiệt xứ đối với nhãn, nhĩ, tỷ, xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, xứ đối với thân xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của thân xứ là không, nên thân xứ đối với thân xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; thân xứ đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân xứ đối với ý xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của ý xứ là không, nên ý xứ đối với ý xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý xứ đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của sắc xứ là không, nên sắc xứ đối với sắc xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; sắc xứ đối với thanh xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của thanh xứ là không, nên thanh xứ đối với thanh xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; thanh xứ đối với sắc xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; sắc, thanh xứ đối với hương xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của hương xứ

là không, nên hương xứ đối với hương xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; hương xứ đối với sắc, thanh xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; sắc, thanh, hương xứ đối với vị xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của vị xứ là không, nên vị xứ đối với vị xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; vị xứ đối với sắc, thanh, hương xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; sắc, thanh, hương, vị xứ đối với xúc xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của xúc xứ là không, nên xúc xứ đối với xúc xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; xúc xứ đối với sắc, thanh, hương, vị xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; sắc, thanh, hương, vị, xúc xứ đối với pháp xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp xứ là không, nên pháp xứ đối với pháp xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp xứ đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 65

PHẨM 18: VÔ SỞ ĐẮC (5)

Xá-lợi Tử, vì tánh của nhãn giới là "không", nên nhãn giới đối với nhãn giới là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; nhãn giới đối với sắc giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của sắc giới là "không", nên sắc giới đối với sắc giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; sắc giới đối với nhãn giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; nhãn giới, sắc giới đối với nhãn thức giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của nhãn thức giới là "không", nên nhãn thức giới đối với nhãn thức giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; nhãn thức giới đối với nhãn giới, sắc giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới đối với nhãn xúc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của nhãn xúc là "không", nên nhãn xúc đối với nhãn xúc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; nhãn xúc đối với nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là "không", nên các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đối với nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của nhĩ giới là "không", nên nhĩ giới đối với nhĩ giới là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; nhĩ giới đối với thanh giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của thanh giới là "không", nên thanh giới đối với thanh giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được;

thanh giới đối với nhĩ giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; nhĩ giới, thanh giới đối với nhĩ thức giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của nhĩ thức giới là "không", nên nhĩ thức giới đối với nhĩ thức giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; nhĩ thức giới đối với nhĩ giới, thanh giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới đối với nhĩ xúc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của nhĩ xúc là "không", nên nhĩ xúc đối với nhĩ xúc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; nhĩ xúc đối với nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc đối với các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là "không", nên các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đối với nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của tỷ giới là "không", nên tỷ giới đối với tỷ giới là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; tỷ giới đối với hương giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của hương giới là "không", nên hương giới đối với hương giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; hương giới đối với tỷ giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; tỷ giới, hương giới đối với tỷ thức giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của tỷ thức giới là "không", nên tỷ thức giới đối với tỷ thức giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; tỷ thức giới đối với tỷ giới, hương giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới đối với tỷ xúc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của tỷ xúc là "không", nên tỷ xúc đối với tỷ xúc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; tỷ xúc đối với tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc đối với các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là "không", nên các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đối với tỷ giới, hương giới, tỷ thức

giới và tỷ xúc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của thiệt giới là "không", nên thiệt giới đối với thiệt giới là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; thiệt giới đối với vị giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của vị giới là "không", nên vị giới đối với vị giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; vị giới đối với thiệt giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; thiệt giới, vị giới đối với thiệt thức giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của thiệt thức giới là "không", nên thiệt thức giới đối với thiệt thức giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; thiệt thức giới đối với thiệt giới, vị giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới đối với thiệt xúc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của thiệt xúc là "không", nên thiệt xúc đối với thiệt xúc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; thiệt xúc đối với thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc đối với các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là "không", nên các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đối với thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của thân giới là "không", nên thân giới đối với thân giới là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; thân giới đối với xúc giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của xúc giới là "không", nên xúc giới đối với xúc giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; xúc giới đối với thân giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; thân giới, xúc giới đối với thân thức giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của thân thức giới là "không", nên thân thức giới đối với thân thức giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; thân thức giới đối với thân giới, xúc giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; thân

giới, xúc giới, thân thức giới đối với thân xúc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của thân xúc là "không", nên thân xúc đối với thân xúc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; thân xúc đối với thân giới, xúc giới, thân thức giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc đối với các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là "không", nên các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đối với thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của ý giới là "không", nên ý giới đối với ý giới là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý giới đối với pháp giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp giới là "không", nên pháp giới đối với pháp giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp giới đối với ý giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý giới, pháp giới đối với ý thức giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của ý thức giới là "không", nên ý thức giới đối với ý thức giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý thức giới đối với ý giới, pháp giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý giới, pháp giới, ý thức giới đối với ý xúc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của ý xúc là "không", nên ý xúc đối với ý xúc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý xúc đối với ý giới, pháp giới, ý thức giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc đối với các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là "không", nên các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đối với các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đối với ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của địa giới là "không", nên địa giới đối với địa

giới là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; địa giới đối với thủy giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của thủy giới là "không", nên thủy giới đối với thủy giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; thủy giới đối với địa giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; địa, thủy giới đối với hỏa giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của hỏa giới là "không", nên hỏa giới đối với hỏa giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; hỏa giới đối với địa, thủy giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; địa, thủy, hỏa giới đối với phong giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của phong giới là "không", nên phong giới đối với phong giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; phong giới đối với địa, thủy, hỏa giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; địa, thủy, hỏa, phong giới đối với không giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của không giới là "không", nên không giới đối với không giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; không giới đối với địa, thủy, hỏa, phong giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; địa, thủy, hỏa, phong, không giới đối với thức giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của thức giới là "không", nên thức giới đối với thức giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; thức giới đối với địa, thủy, hỏa, phong, không giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của Thánh đế khổ là "không", nên Thánh đế khổ đối với Thánh đế khổ là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế khổ đối với Thánh đế tập không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của Thánh đế tập là "không", nên Thánh đế tập đối với Thánh đế tập không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập đối với Thánh đế khổ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế khổ, tập đối với Thánh đế diệt không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của Thánh đế diệt là "không", nên Thánh đế diệt đối với Thánh đế diệt không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế diệt đối với Thánh đế khổ, tập không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế khổ, tập, diệt đối với Thánh đế đạo không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của Thánh đế đạo là "không", nên Thánh đế đạo đối với Thánh đế đạo không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế đạo đối với Thánh đế khổ, tập, diệt không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của vô minh là "không", nên vô minh đối với vô minh là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; vô minh đối với hành không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của hành là "không", nên hành đối với hành không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; hành đối với vô minh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; vô minh, hành đối với thức không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của thức là "không", nên thức đối với thức không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; thức đối với vô minh, hành, thức không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; vô minh, hành, thức đối với danh sắc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của danh sắc là "không", nên danh sắc đối với danh sắc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; danh sắc đối với vô minh, hành, thức không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; vô minh, hành, thức, danh sắc đối với lục xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của lục xứ là "không", nên lục xứ đối với lục xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lục xứ đối với vô minh, hành, thức, danh sắc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ đối với xúc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của xúc là "không", nên xúc đối với xúc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; xúc đối với vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc đối với thọ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của thọ là "không", nên thọ đối với thọ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; thọ đối với vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ đối với ái không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của ái là "không", nên ái đối với ái không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ái đối với vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái đối với thủ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của thủ là "không", nên thủ đối với thủ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; thủ đối với vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ đối với hữu không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của hữu là "không", nên hữu đối với hữu không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; hữu đối với vô minh, hành, thức, danh

sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu đối với sinh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của sinh là "không", nên sinh đối với sinh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; sinh đối với vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh đối với lão tử, sầu bi khổ ưu não không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của lão tử, sầu bi khổ ưu não là "không", nên lão tử, sầu bi khổ ưu não đối với lão tử, sầu bi khổ ưu não không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; lão tử, sầu bi khổ ưu não đối với vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là "không", nên Bố thí ba-la-mật-đa đối với Bố thí ba-la-mật-đa là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Bố thí ba-la-mật-đa đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của Tịnh giới ba-la-mật-đa là "không", nên Tịnh giới ba-la-mật-đa đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Tịnh giới ba-la-mật-đa đối với Bố thí ba-la-mật-đa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bố thí, Tịnh giới ba-la-mật-đa đối với An nhẫn ba-la-mật-đa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của An nhẫn ba-la-mật-đa là "không", nên An nhẫn ba-la-mật-đa đối với An nhẫn ba-la-mật-đa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; An nhẫn ba-la-mật-đa đối với bố thí, Tịnh giới ba-la-mật-đa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bố thí, tịnh giới, An nhẫn ba-la-mật-đa đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của Tinh tấn ba-la-mật-đa là "không", nên Tinh tấn ba-la-mật-đa đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Tinh tấn ba-la-mật-đa đối với bố thí, tịnh giới, An nhẫn ba-la-mật-đa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bố thí, tịnh giới, an nhẫn, Tinh tấn ba-la-mật-đa đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của Tĩnh lự ba-la-mật-đa là "không", nên Tĩnh lự ba-la-mật-đa đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Tĩnh lự ba-la-mật-đa đối với bố thí, tịnh giới, an nhẫn, Tinh tấn ba-la-mật-đa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bố thí, tịnh giới, an

nhẫn, tinh tấn, Tĩnh lự ba-la-mật-đa đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của Bát-nhã ba-la-mật-đa là "không", nên Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, Tĩnh lự ba-la-mật-đa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của bốn Tĩnh lự là "không", nên bốn Tĩnh lự đối với bốn Tĩnh lự là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bốn Tĩnh lự đối với bốn Vô lượng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bốn Vô lượng là "không", nên bốn Vô lượng đối với bốn Vô lượng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bốn Vô lượng đối với bốn Tĩnh lự không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng đối với bốn Định vô sắc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bốn Định vô sắc là "không", nên bốn Định vô sắc đối với bốn Định vô sắc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bốn Định vô sắc đối với bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của tám Giải thoát là "không", nên tám Giải thoát đối với tám Giải thoát là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; tám Giải thoát đối với tám Thắng xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của tám Thắng xứ là "không", nên tám Thắng xứ đối với tám Thắng xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; tám Thắng xứ đối với tám Giải thoát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; tám Giải thoát, tám Thắng xứ đối với chín Định thứ đệ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của chín Định thứ đệ là "không", nên chín Định thứ đệ đối với chín Định thứ đệ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; chín Định thứ đệ đối với tám Giải thoát, tám Thắng xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ đối với mười Biến xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của mười Biến xứ là "không", nên mười Biến xứ đối với mười Biến xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; mười Biến xứ đối với tám Giải thoát, tám

Thắng xứ, chín Định thứ đệ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của bốn Niệm trụ là "không", nên bốn Niệm trụ đối với bốn Niệm trụ là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bốn Niệm trụ đối với bốn Chánh đoạn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bốn Chánh đoạn là "không", nên bốn Chánh đoạn đối với bốn Chánh đoạn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bốn Chánh đoạn đối với bốn Niệm trụ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn đối với bốn Thần túc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bốn Thần túc là "không", nên bốn Thần túc đối với bốn Thần túc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bốn Thần túc đối với bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc đối với năm Căn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của năm Căn là "không", nên năm Căn đối với năm Căn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; năm Căn đối với bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn đối với năm Lực không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của năm Lực là "không", nên năm Lực đối với năm Lực không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; năm Lực đối với bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực đối với bảy chi Đẳng giác không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bảy chi Đẳng giác là "không", nên bảy chi Đẳng giác đối với bảy chi Đẳng giác không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bảy chi Đẳng giác đối với bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác đối với bảy chi Đẳng giác không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của tám chi Thánh đạo là "không", nên tám chi Thánh đạo đối với tám chi Thánh đạo không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; tám chi Thánh đạo đối với bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện,

tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của pháp môn giải thoát Không là "không", nên pháp môn giải thoát Không đối với pháp môn giải thoát Không là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Không đối với pháp môn giải thoát Vô tướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng là "không", nên pháp môn giải thoát Vô tướng đối với pháp môn giải thoát Vô tướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Vô tướng đối với pháp môn giải thoát Không không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Không, Vô tướng đối với pháp môn giải thoát Vô nguyện không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp môn giải thoát Vô nguyện là "không", nên pháp môn giải thoát Vô nguyện đối với pháp môn giải thoát Vô nguyện không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Vô nguyện đối với pháp môn giải thoát Không, Vô tướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của năm loại mắt là "không", nên năm loại mắt đối với năm loại mắt là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; năm loại mắt đối với sáu phép thần thông không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của sáu phép thần thông là "không", nên sáu phép thần thông đối với sáu phép thần thông không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; sáu phép thần thông đối với năm loại mắt không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh nơi mười lực của Phật là "không", nên mười lực của Phật đối với mười lực của Phật là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; mười lực của Phật đối với bốn điều không sợ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bốn điều không sợ là "không", nên bốn điều không sợ đối với bốn điều không sợ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bốn điều không sợ đối với mười lực của Phật không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; mười lực của Phật, bốn điều không sợ đối với bốn sự hiểu biết thông suốt không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Vì tánh của bốn sự hiểu biết thông suốt là "không", nên bốn sự hiểu biết thông suốt đối với bốn sự hiểu biết thông suốt không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bốn sự hiểu biết thông suốt đối với mười lực của Phật, bốn điều không sợ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt đối với đại Từ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của đại Từ là "không", nên đại Từ đối với đại Từ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; đại Từ đối với mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ đối với đại Bi không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của đại Bi là "không", nên đại Bi đối với đại Bi không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; đại Bi đối với mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi đối với đại Hỷ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của đại Hỷ là "không", nên đại Hỷ đối với đại Hỷ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; đại Hỷ đối với mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ đối với đại Xả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của đại xả là "không", nên đại Xả đối với đại Xả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; đại Xả đối với mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả đối với mười tám pháp Phật bất cộng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của mười tám pháp Phật bất cộng là "không", nên mười tám pháp Phật bất cộng đối với mười tám pháp Phật bất cộng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; mười tám pháp Phật bất cộng đối với mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của trí Nhất thiết là "không", nên trí Nhất thiết đối với trí Nhất thiết là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; trí Nhất

thiết đối với trí Đạo tướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của trí Đạo tướng là "không", nên trí Đạo tướng đối với trí Đạo tướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; trí Đạo tướng đối với trí Nhất thiết không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng đối với trí Nhất thiết tướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của trí Nhất thiết tướng là "không", nên trí Nhất thiết tướng đối với trí Nhất thiết tướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; trí Nhất thiết tướng đối với trí Nhất thiết, trí Đạo tướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của pháp không quên mất là "không", nên pháp không quên mất đối với pháp không quên mất là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không quên mất đối với tánh luôn luôn xả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của tánh luôn luôn xả là "không", nên tánh luôn luôn xả đối với tánh luôn luôn xả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; tánh luôn luôn xả đối với pháp không quên mất không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là "không", nên tất cả pháp môn Đà-la-ni đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; tất cả pháp môn Đà-la-ni đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là "không", nên tất cả pháp môn Tam-ma-địa đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; tất cả pháp môn Tam-ma-địa đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của pháp không bên trong là "không", nên pháp không bên trong đối với pháp không bên trong là, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên trong đối với pháp không bên ngoài

không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp không bên ngoài là "không", nên pháp không bên ngoài đối với pháp không bên ngoài, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên ngoài đối với pháp không bên trong, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên trong, pháp không bên ngoài đối với pháp không cả trong ngoài không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp không cả trong ngoài là "không", nên pháp không cả trong ngoài đối với pháp không cả trong ngoài, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không cả trong ngoài đối với pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài đối với pháp không không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp không không là "không", nên pháp không không đối với pháp không không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không không đối với pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên trong cho đến pháp không không đối với pháp không lớn, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp không lớn là "không", nên pháp không lớn đối với pháp không lớn, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không lớn đối với pháp không bên trong cho đến pháp không không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên trong cho đến pháp không lớn đối với pháp không thắng nghĩa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp không thắng nghĩa là "không", nên pháp không thắng nghĩa đối với pháp không thắng nghĩa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không thắng nghĩa đối với pháp không bên trong cho đến pháp không lớn, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên trong cho đến pháp không thắng nghĩa đối với pháp không hữu vi không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp không hữu vi là "không", nên pháp không hữu vi đối với pháp không hữu vi, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không hữu vi đối với pháp không bên trong cho đến pháp không thắng nghĩa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên trong cho đến pháp không hữu vi đối với pháp không vô vi không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp không vô vi là "không", nên pháp không vô vi đối với cái không vô vi, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không vô vi đối với pháp không bên trong cho đến pháp không hữu vi, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên trong cho đến pháp không vô vi đối với

pháp không rốt ráo không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp không rốt ráo là "không", nên pháp không rốt ráo đối với pháp không rốt ráo, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không rốt ráo đối với pháp không bên trong cho đến pháp không vô vi, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên trong cho đến pháp không rốt ráo đối với pháp không không biên giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp không không biên giới là "không", nên pháp không không biên giới đối với pháp không không biên giới, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không không biên giới đối với pháp không bên trong cho đến pháp không rốt ráo, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên trong cho đến pháp không không biên giới đối với pháp không tản mạn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp không tản mạn là "không", nên pháp không tản mạn đối với pháp không tản mạn, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không tản mạn đối với pháp không bên trong cho đến pháp không không biên giới, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên trong cho đến pháp không tản mạn đối với pháp không không đổi khác không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp không không đổi khác là "không", nên pháp không không đổi khác đối với pháp không không đổi khác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không không đổi khác đối với pháp không bên trong cho đến pháp không tản mạn, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên trong cho đến pháp không không đổi khác đối với pháp không bản tánh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp không bản tánh là "không", nên cái không bản tánh đối với pháp không bản tánh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không bản tánh đối với pháp không bên trong cho đến pháp không không đổi khác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên trong cho đến pháp không bản tánh đối với pháp không tự tướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp không tự tướng là "không", nên pháp không tự tướng đối với pháp không tự tướng, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không tự tướng đối với pháp không bên trong cho đến pháp không bản tánh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên trong cho đến pháp không tự tướng đối với pháp không cộng tướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp không cộng tướng là "không", nên pháp không cộng tướng đối với pháp không cộng tướng, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không cộng tướng đối với pháp không bên trong cho đến

pháp không tự tướng, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên trong cho đến pháp không cộng tướng đối với pháp không nơi tất cả pháp không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp không nơi tất cả pháp là "không", nên pháp không nơi tất cả pháp đối với pháp không nơi tất cả pháp, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không nơi tất cả pháp đối với pháp không bên trong cho đến pháp không cộng tướng, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên trong cho đến pháp không nơi tất cả pháp đối với cái không chẳng thể nắm bắt được không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp không chẳng thể nắm bắt được là "không", nên cái không chẳng thể nắm bắt được đối với pháp không chẳng thể nắm bắt được, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không chẳng thể nắm bắt được đối với pháp không bên trong cho đến pháp không nơi tất cả pháp, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên trong cho đến pháp không chẳng thể nắm bắt được đối với pháp không không tánh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp không không tánh là "không", nên pháp không không tánh đối với pháp không không tánh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không không tánh đối với pháp không bên trong cho đến pháp không chẳng thể nắm bắt được, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh đối với pháp không tự tánh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp không tự tánh là "không", nên pháp không tự tánh đối với pháp không tự tánh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không tự tánh đối với pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên trong cho đến pháp không tự tánh đối với pháp không không tánh tự tánh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp không không tánh tự tánh là "không", nên pháp không không tánh tự tánh đối với pháp không không tánh tự tánh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không không tánh tự tánh đối với pháp không bên trong cho đến pháp không tự tánh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của chân như là "không", nên chân như đối với chân như là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; chân như đối với pháp giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp giới

là "không", nên pháp giới đối với pháp giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp giới đối với chân như không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; chân như, pháp giới đối với pháp tánh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp tánh là "không", nên pháp tánh đối với pháp tánh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp tánh đối với chân như, pháp giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; chân như, pháp giới, pháp tánh đối với tánh chẳng hư vọng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của tánh chẳng hư vọng là "không", nên tánh chẳng hư vọng đối với tánh chẳng hư vọng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; tánh chẳng hư vọng đối với chân như, pháp giới, pháp tánh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; chân như cho đến tánh chẳng hư vọng đối với tánh chẳng đổi khác không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của tánh chẳng đổi khác là "không", nên tánh chẳng đổi khác đối với tánh chẳng đổi khác không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; tánh chẳng đổi khác đối với chân như cho đến tánh chẳng hư vọng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; chân như cho đến tánh chẳng đổi khác đối với cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là "không", nên cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đối với cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đối với chân như cho đến tánh chẳng đổi khác không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đối với cảnh giới hư không không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của cảnh giới hư không là "không", nên cảnh giới hư không đối với cảnh giới hư không không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cảnh giới hư không đối với chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; chân như cho đến cảnh giới hư không đối với cảnh giới đoạn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của cảnh giới đoạn là "không", nên cảnh giới đoạn đối với cảnh giới đoạn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cảnh giới đoạn đối với chân như cho đến cảnh giới hư không không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; chân như cho đến cảnh giới đoạn đối với cảnh giới ly không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của cảnh giới ly là "không", nên cảnh giới ly đối với cảnh giới ly không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cảnh giới ly đối với chân như cho đến cảnh giới đoạn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; chân như cho đến cảnh giới ly đối với cảnh giới diệt không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của cảnh giới diệt là "không", nên cảnh giới diệt đối với cảnh giới diệt

không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cảnh giới diệt đối với chân như cho đến cảnh giới ly không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; chân như cho đến cảnh giới diệt đối với tánh bình đẳng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của tánh bình đẳng là "không", nên tánh bình đẳng đối với tánh bình đẳng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; tánh bình đẳng đối với chân như cho đến cảnh giới diệt không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; chân như cho đến tánh bình đẳng đối với tánh ly sinh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của tánh ly sinh là "không", nên tánh ly sinh đối với tánh ly sinh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; tánh ly sinh đối với chân như cho đến tánh bình đẳng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; chân như cho đến tánh ly sinh đối với pháp định không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp định là "không", nên pháp định đối với pháp định không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp định đối với chân như cho đến tánh ly sinh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; chân như cho đến pháp định đối với pháp trụ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp trụ là "không", nên pháp trụ đối với pháp trụ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp trụ đối với chân như cho đến pháp định không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; chân như cho đến pháp trụ đối với cảnh giới vô tánh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của cảnh giới vô tánh là "không", nên cảnh giới vô tánh đối với cảnh giới vô tánh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cảnh giới vô tánh đối với chân như cho đến pháp trụ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; chân như cho đến cảnh giới vô tánh đối với cảnh giới vô tướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của cảnh giới vô tướng là "không", nên cảnh giới vô tướng đối với cảnh giới vô tướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cảnh giới vô tướng đối với chân như cho đến cảnh giới vô tánh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; chân như cho đến cảnh giới vô tướng đối với cảnh giới vô tác không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của cảnh giới vô tác là "không", nên cảnh giới vô tác đối với cảnh giới vô tác không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cảnh giới vô tác đối với chân như cho đến cảnh giới vô tướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; chân như cho đến cảnh giới vô tác đối với cảnh giới vô vi không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của cảnh giới vô vi là "không", nên cảnh giới vô vi đối với cảnh giới vô vi không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cảnh giới vô vi đối với chân như cho đến cảnh giới vô tác không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; chân như cho đến cảnh giới vô vi đối

với cảnh giới an ổn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của cảnh giới an ổn là "không", nên cảnh giới an ổn đối với cảnh giới an ổn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cảnh giới an ổn đối với chân như cho đến cảnh giới vô vi không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; chân như cho đến cảnh giới an ổn đối với cảnh giới tịch tĩnh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của cảnh giới tịch tĩnh là "không", nên cảnh giới tịch tĩnh đối với cảnh giới tịch tĩnh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cảnh giới tịch tĩnh đối với chân như cho đến cảnh giới an ổn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; chân như cho đến cảnh giới tịch tĩnh đối với bản vô không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bản vô là "không", nên bản vô đối với bản vô không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bản vô đối với chân như cho đến cảnh giới tịch tĩnh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; chân như cho đến bản vô đối với thật tế không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của thật tế là "không", nên thật tế đối với thật tế không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; thật tế đối với chân như cho đến bản vô không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; chân như cho đến thật tế đối với cứu cánh Niết-bàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của cứu cánh Niết-bàn là "không", nên cứu cánh Niết-bàn đối với cứu cánh Niết-bàn không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cứu cánh Niết-bàn đối với chân như cho đến thật tế không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của pháp bậc Cực hỷ là "không", nên pháp bậc Cực hỷ đối với pháp bậc Cực hỷ là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Cực hỷ đối với pháp bậc Ly cấu không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp bậc Ly cấu là "không", nên pháp bậc Ly cấu đối với pháp bậc Ly cấu không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Ly cấu đối với pháp bậc Cực hỷ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Cực hỷ, Ly cấu đối với pháp bậc Phát quang không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp bậc Phát quang là "không", nên pháp bậc Phát quang đối với pháp bậc Phát quang không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Phát quang đối với pháp bậc Cực hỷ, Ly cấu không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang đối với pháp bậc Diệm tuệ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp bậc Diệm tuệ là "không", nên pháp bậc

Diệm tuệ đối với pháp bậc Diệm tuệ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Diệm tuệ đối với pháp bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ đối với pháp bậc Cực nan thắng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp bậc Cực nan thắng là "không", nên pháp bậc Cực nan thắng đối với pháp bậc Cực nan thắng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Cực nan thắng đối với pháp bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng đối với pháp bậc Hiện tiền không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp bậc Hiện tiền là "không", nên pháp bậc Hiện tiền đối với pháp bậc Hiện tiền không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Hiện tiền đối với pháp bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng, Hiện tiền đối với pháp bậc Viễn hành không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp bậc Viễn hành là "không", nên pháp bậc Viễn hành đối với pháp bậc Viễn hành không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Viễn hành đối với pháp bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng, Hiện tiền không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng, Hiện tiền, Viễn hành đối với pháp bậc Bất động không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp bậc Bất động là "không", nên pháp bậc Bất động đối với pháp bậc Bất động không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Bất động đối với pháp bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng, Hiện tiền, Viễn hành không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng, Hiện tiền, Viễn hành, Bất động đối với pháp bậc Thiện tuệ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp bậc Thiện tuệ là "không", nên pháp bậc Thiện tuệ đối với pháp bậc Thiện tuệ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Thiện tuệ đối với pháp bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng, Hiện tiền, Viễn hành, Bất động không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng, Hiện tiền, Viễn hành, Bất động, Thiện tuệ đối với pháp bậc Pháp vân không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp bậc Pháp vân là "không", nên pháp bậc Pháp vân đối với pháp bậc Pháp vân không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Pháp vân đối với pháp bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát

quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng, Hiện tiền, Viễn hành, Bất động, Thiện tuệ đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của bậc Cực hỷ là "không", nên bậc Cực hỷ đối với bậc Cực hỷ là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Cực hỷ đối với bậc Ly cấu không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bậc Ly cấu là "không", nên bậc Ly cấu đối với bậc Ly cấu không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Ly cấu đối với bậc Cực hỷ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Cực hỷ, Ly cấu đối với bậc Phát quang không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bậc Phát quang là "không", nên bậc Phát quang đối với bậc Phát quang không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Phát quang đối với bậc Cực hỷ, Ly cấu không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang đối với bậc Diệm tuệ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bậc Diệm tuệ là "không", nên bậc Diệm tuệ đối với bậc Diệm tuệ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Diệm tuệ đối với bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ đối với bậc Cực nan thắng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bậc Cực nan thắng là "không", nên bậc Cực nan thắng đối với bậc Cực nan thắng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Cực nan thắng đối với bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng đối với bậc Hiện tiền không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bậc Hiện tiền là "không", nên bậc Hiện tiền đối với bậc Hiện tiền không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Hiện tiền đối với bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng, Hiện tiền đối với bậc Viễn hành không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bậc Viễn hành là "không", nên bậc Viễn hành đối với bậc Viễn hành không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Viễn hành đối với bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng, Hiện tiền không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng, Hiện tiền, Viễn hành đối với bậc Bất động không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bậc Bất động là "không", nên bậc Bất động đối với bậc Bất động

không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Bất động đối với bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng, Hiện tiền, Viễn hành không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng, Hiện tiền, Viễn hành, Bất động đối với bậc Thiện tuệ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bậc Thiện tuệ là "không", nên bậc Thiện tuệ đối với bậc Thiện tuệ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Thiện tuệ đối với bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng, Hiện tiền, Viễn hành, Bất động không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng, Hiện tiền, Viễn hành, Bất động, Thiện tuệ đối với bậc Pháp vân không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bậc Pháp vân là "không", nên bậc Pháp vân đối với bậc Pháp vân không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Pháp vân đối với bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng, Hiện tiền, Viễn hành, Bất động, Thiện tuệ đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 66

PHẨM 18: VÔ SỞ ĐẮC (6)

Xá-lợi Tử, vì tánh của pháp bậc phàm phu là "không", nên pháp bậc phàm phu đối với pháp bậc phàm phu là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc phàm phu đối với pháp bậc Chủng tánh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp bậc Chủng tánh là "không", nên pháp bậc Chủng tánh đối với pháp bậc Chủng tánh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Chủng tánh đối với pháp bậc phàm phu không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc phàm phu, Chủng tánh đối với pháp bậc Đệ bát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp bậc Đệ bát là "không", nên pháp bậc Đệ bát đối với pháp bậc Đệ bát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Đệ bát đối với pháp bậc phàm phu, Chủng tánh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát đối với pháp bậc Cụ kiến không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp bậc Cụ kiến là "không", nên pháp bậc Diệm tuệ đối với pháp bậc Cụ kiến không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Cụ kiến đối với pháp bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến đối với pháp bậc Bạc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp bậc Bạc là "không", nên pháp bậc Bạc đối với pháp bậc Bạc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Bạc đối với pháp bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc đối với pháp bậc Ly dục không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp bậc Ly dục là "không", nên pháp bậc Ly dục đối với pháp bậc Ly dục không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Ly dục đối với pháp bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc, Ly dục đối với pháp bậc Dĩ biện không

sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp bậc Dĩ biện là "không", nên pháp bậc Dĩ biện đối với pháp bậc Dĩ biện không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Dĩ biện đối với pháp bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc, Ly dục không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc, Ly dục, Dĩ biện đối với pháp bậc Độc giác không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp bậc Độc giác là "không", nên pháp bậc Độc giác đối với pháp bậc Độc giác không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Độc giác đối với pháp bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc, Ly dục, Dĩ biện không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc, Ly dục, Dĩ biện, Độc giác đối với pháp bậc Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp bậc Bồ-tát là "không", nên pháp bậc Bồ-tát đối với pháp bậc Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Bồ-tát đối với pháp bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc, Ly dục, Dĩ biện, Độc giác không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc, Ly dục, Dĩ biện, Độc giác, Bồ-tát đối với pháp bậc Như Lai không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp bậc Như Lai là "không", nên pháp bậc Như Lai đối với pháp bậc Như Lai không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bậc Như Lai đối với pháp bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc, Ly dục, Dĩ biện, Độc giác, Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của bậc phàm phu là "không", nên bậc phàm phu đối với bậc phàm phu là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc phàm phu đối với bậc Chủng tánh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bậc Chủng tánh là "không", nên bậc Chủng tánh đối với bậc Chủng tánh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Chủng tánh đối với bậc phàm phu không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc phàm phu, Chủng tánh đối với bậc Đệ bát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bậc Đệ bát là "không", nên bậc Đệ bát đối với bậc Đệ bát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Đệ bát đối với bậc phàm phu, Chủng tánh không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát đối với bậc Cụ kiến không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bậc Cụ kiến là "không", nên bậc Diệm tuệ đối với bậc Cụ

kiến không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Cụ kiến đối với bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến đối với bậc Bạc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bậc Bạc là "không", nên bậc Bạc đối với bậc Bạc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Bạc đối với bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc đối với bậc Ly dục không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bậc Ly dục là "không", nên bậc Ly dục đối với bậc Ly dục không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Ly dục đối với bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc, Ly dục đối với bậc Dĩ biện không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bậc Dĩ biện là "không", nên bậc Dĩ biện đối với bậc Dĩ biện không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Dĩ biện đối với bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc, Ly dục không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc, Ly dục, Dĩ biện đối với bậc Độc giác không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bậc Độc giác là "không", nên bậc Độc giác đối với bậc Độc giác không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Độc giác đối với bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc, Ly dục, Dĩ biện không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc, Ly dục, Dĩ biện, Độc giác đối với bậc Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bậc Bồ-tát là "không", nên bậc Bồ-tát đối với bậc Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Bồ-tát đối với bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc, Ly dục, Dĩ biện, Độc giác không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc, Ly dục, Dĩ biện, Độc giác, Bồ-tát đối với bậc Như Lai không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của bậc Như Lai là "không", nên bậc Như Lai đối với bậc Như Lai không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; bậc Như Lai đối với bậc phàm phu, Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc, Ly dục, Dĩ biện, Độc giác, Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của pháp Dự lưu hướng là "không", nên pháp Dự lưu hướng đối với pháp Dự lưu hướng là không sở hữu, chẳng thể

nắm bắt được; pháp Dự lưu hướng đối với pháp Dự lưu quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp Dự lưu quả là "không", nên pháp Dự lưu quả đối với pháp Dự lưu quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp Dự lưu quả đối với pháp Dự lưu hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp Dự lưu hướng, pháp Dự lưu quả đối với pháp Nhất lai hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp Nhất lai hướng là "không", nên pháp Nhất lai hướng đối với pháp Dự lưu hướng, pháp Dự lưu quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp Dự lưu hướng cho đến pháp Nhất lai hướng đối với pháp Nhất lai quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp Nhất lai quả là "không", nên pháp Nhất lai quả đối với pháp Nhất lai quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp Nhất lai quả đối với pháp Dự lưu hướng cho đến pháp Nhất lai hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp Dự lưu hướng cho đến pháp Nhất lai quả đối với pháp Bất hoàn hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp Bất hoàn hướng là "không", nên pháp Bất hoàn hướng đối với pháp Bất hoàn hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp Bất hoàn hướng đối với pháp Dự lưu hướng cho đến pháp Nhất lai quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp Dự lưu hướng cho đến pháp Bất hoàn hướng đối với pháp Bất hoàn quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp Bất hoàn quả là "không", nên pháp Bất hoàn quả đối với pháp Bất hoàn quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp Bất hoàn quả đối với pháp Dự lưu hướng cho đến pháp Bất hoàn hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp Dự lưu hướng cho đến pháp Bất hoàn quả đối với pháp A-la-hán hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp A-la-hán hướng là "không", nên pháp A-la-hán hướng đối với pháp A-la-hán hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp A-la-hán hướng đối với pháp Dự lưu hướng cho đến pháp Bất hoàn quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp Dự lưu hướng cho đến pháp A-la-hán hướng đối với pháp A-la-hán quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp A-la-hán quả là "không", nên pháp A-la-hán quả đối với pháp A-la-hán quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp A-la-hán quả đối với pháp Dự lưu hướng cho đến pháp A-la-hán hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp Dự lưu hướng cho đến pháp A-la-hán quả đối với pháp Độc giác hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp Độc giác hướng là "không", nên pháp Độc giác hướng đối với pháp Độc giác hướng không sở hữu, chẳng thể

nắm bắt được; pháp Độc giác hướng đối với pháp Dự lưu hướng cho đến pháp A-la-hán quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp Dự lưu hướng cho đến pháp Độc giác hướng đối với pháp Độc giác quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp Độc giác quả là "không", nên pháp Độc giác quả đối với pháp Độc giác quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp Độc giác quả đối với pháp Dự lưu hướng cho đến pháp Độc giác hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp Dự lưu hướng cho đến pháp Độc giác quả đối với pháp Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp Đại Bồ-tát là "không", nên pháp Đại Bồ-tát đối với pháp Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp Đại Bồ-tát đối với pháp Dự lưu hướng cho đến pháp Độc giác quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp Dự lưu hướng cho đến pháp Đại Bồ-tát đối với pháp Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của pháp Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác là "không", nên pháp Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác đối với pháp Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác đối với pháp Dự lưu hướng cho đến pháp Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của Dự lưu hướng là "không", nên Dự lưu hướng đối với Dự lưu hướng là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Dự lưu hướng đối với Dự lưu quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của Dự lưu quả là "không", nên Dự lưu quả đối với Dự lưu quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Dự lưu quả đối với Dự lưu hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Dự lưu hướng, Dự lưu quả đối với Nhất lai hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của Nhất lai hướng là "không", nên Nhất lai hướng đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Dự lưu hướng cho đến Nhất lai hướng đối với Nhất lai quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của Nhất lai quả là "không", nên Nhất lai quả đối với Nhất lai quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Nhất lai quả đối với Dự lưu hướng cho đến Nhất lai hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Dự lưu hướng cho đến Nhất lai quả đối với Bất hoàn hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của Bất hoàn hướng là "không",

nên Bất hoàn hướng đối với Bất hoàn hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Bất hoàn hướng đối với Dự lưu hướng cho đến Nhất lai quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Dự lưu hướng cho đến Bất hoàn hướng đối với Bất hoàn quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của Bất hoàn quả là "không", nên Bất hoàn quả đối với Bất hoàn quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Bất hoàn quả đối với Dự lưu hướng cho đến Bất hoàn hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Dự lưu hướng cho đến Bất hoàn quả đối với A-la-hán hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của A-la-hán hướng là "không", nên A-la-hán hướng đối với A-la-hán hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; A-la-hán hướng đối với Dự lưu hướng cho đến Bất hoàn quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Dự lưu hướng cho đến A-la-hán hướng đối với A-la-hán quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của A-la-hán quả là "không", nên A-la-hán quả đối với A-la-hán quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; A-la-hán quả đối với Dự lưu hướng cho đến A-la-hán hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Dự lưu hướng cho đến A-la-hán quả đối với Độc giác hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của Độc giác hướng là "không", nên Độc giác hướng đối với Độc giác hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Độc giác hướng đối với Dự lưu hướng cho đến A-la-hán quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Dự lưu hướng cho đến Độc giác hướng đối với Độc giác quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của Độc giác quả là "không", nên Độc giác quả đối với Độc giác quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Độc giác quả đối với Dự lưu hướng cho đến Độc giác hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Dự lưu hướng cho đến Độc giác quả đối với Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của Đại Bồ-tát là "không", nên Đại Bồ-tát đối với Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát đối với Dự lưu hướng cho đến Độc giác quả không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Dự lưu hướng cho đến Đại Bồ-tát đối với Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác là "không", nên Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác đối với Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Phật-đà Chánh Đẳng Chánh Giác đối với Dự lưu hướng cho đến Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều là không sở

hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vì tánh của Đại Bồ-tát là "không", nên Đại Bồ-tát đối với Đại Bồ-tát là không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của Bát-nhã ba-la-mật-đa là "không", nên Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với Đại Bồ-tát không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát, Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với sự chỉ dạy trao truyền không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì tánh của sự chỉ dạy trao truyền là "không", nên sự chỉ dạy trao truyền đối với sự chỉ dạy trao truyền không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; sự chỉ dạy trao truyền đối với Đại Bồ-tát, Bát-nhã ba-la-mật-đa không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, đối với các pháp như vậy tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, để cầu Đại Bồ-tát, cũng đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói đối với tất cả pháp, tôi dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian để cầu Đại Bồ-tát nhưng hoàn toàn không đối tượng để nhận thức và rốt ráo chẳng thể nắm bắt được, thì tại sao khiến tôi dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa để chỉ dạy trao truyền cho các Đại Bồ-tát?

Bấy giờ, Trưởng giả Thiện Hiện lại đáp lời Xá-lợi Tử:

–Như Tôn giả đã hỏi là vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chỉ là giả danh? Xá-lợi Tử, vì danh Đại Bồ-tát chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Vì duyên cớ gì mà nói danh Đại Bồ-tát chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp?

Thiện Hiện đáp:

–Như danh của tất cả pháp chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ vào đâu; trong tất cả pháp không danh, trong danh không tất cả pháp, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì tất cả pháp cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc tất cả pháp, hoặc là danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, nên danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp. Ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu, trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh

không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều không; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh của sắc, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong sắc không danh, trong danh không sắc, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì sắc cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc sắc, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Như danh của thọ, tưởng, hành, thức chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong thọ, tưởng, hành, thức không danh, trong danh không thọ, tưởng, hành, thức, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc thọ, tưởng, hành, thức, hoặc là danh, đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh của nhãn xứ, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong nhãn xứ không danh, trong danh không nhãn xứ, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì nhãn xứ cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc nhãn xứ, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Như danh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không danh, trong danh không nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cùng với danh, tự tánh

đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh của sắc xứ, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong sắc xứ không danh, trong danh không sắc xứ, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì sắc xứ cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc sắc xứ, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Như danh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không danh, trong danh không thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh của nhãn giới, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong nhãn giới không danh, trong danh không nhãn giới, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì nhãn giới cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc nhãn giới, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm

bắt được. Như danh của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không danh, trong danh không sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh của nhĩ giới, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong nhĩ giới không danh, trong danh không nhĩ giới, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì nhĩ giới cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc nhĩ giới, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Như danh của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không danh, trong danh không thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười

phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh của tỷ giới, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong tỷ giới không danh, trong danh không tỷ giới, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì tỷ giới cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc tỷ giới, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Như danh của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không danh, trong danh không hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh của thiệt giới, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong thiệt giới không danh, trong danh không thiệt giới, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì thiệt giới cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc thiệt giới, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt

được. Như danh của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không danh, trong danh không vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh của thân giới, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong thân giới không danh, trong danh không thân giới, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì thân giới cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc thân giới, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Như danh của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không danh, trong danh không xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở

đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh của ý giới, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong ý giới không danh, trong danh không ý giới, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì ý giới cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc ý giới, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Như danh của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không danh, trong danh không pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh của địa giới, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong địa giới không danh, trong danh không địa giới, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì địa giới cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc địa giới, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Như danh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chỉ cái bên ngoài được thâu

nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong thủy, hỏa, phong, không, thức giới không danh, trong danh không thủy, hỏa, phong, không, thức giới, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc thủy, hỏa, phong, không, thức giới, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh của Thánh đế khổ, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Thánh đế khổ không danh, trong danh không Thánh đế khổ, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Thánh đế khổ cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Thánh đế khổ, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Như danh của Thánh đế tập, diệt, đạo chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Thánh đế tập, diệt, đạo không danh, trong danh không Thánh đế tập, diệt, đạo, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Thánh đế tập, diệt, đạo cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh của vô minh, chỉ cái bên ngoài được thâu

nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong vô minh không danh, trong danh không vô minh, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì vô minh cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc vô minh, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Như danh của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không danh, trong danh không hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh của bốn Tĩnh lự, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong bốn Tĩnh lự không danh, trong danh không bốn Tĩnh lự, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc bốn Tĩnh lự, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Như danh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không danh, trong danh không bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở

đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh của tám Giải thoát, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong tám Giải thoát không danh, trong danh không tám Giải thoát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì tám Giải thoát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc tám Giải thoát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Như danh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không danh, trong danh không tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh của bốn Niệm trụ, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong bốn Niệm trụ không danh, trong danh không bốn Niệm trụ, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc bốn Niệm trụ, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Như danh của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chỉ cái bên

ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo không danh, trong danh không bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ giả danh.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 67

PHẨM 18: VÔ SỞ ĐẮC (7)

Xá-lợi Tử, như danh của pháp môn giải thoát Không, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong pháp môn giải thoát Không không danh, trong danh không pháp môn giải thoát Không, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc pháp môn giải thoát Không, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Như danh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không danh, trong danh không pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ là giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh của năm loại mắt, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong năm loại mắt không danh, trong danh không năm loại mắt, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì

sao? Vì năm loại mắt cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc năm loại mắt, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Như danh của sáu phép thần thông chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong sáu phép thần thông không danh, trong danh không sáu phép thần thông, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì sáu phép thần thông cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc sáu phép thần thông, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ là giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh nơi mười lực của Phật, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong mười lực của Phật không danh, trong danh không mười lực của Phật, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì mười lực của Phật cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc mười lực của Phật, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Như danh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng không danh, trong danh không bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái

bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ là giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh của trí Nhất thiết, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong trí Nhất thiết không danh, trong danh không trí Nhất thiết, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì trí Nhất thiết cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc trí Nhất thiết, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Như danh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không danh, trong danh không trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ là giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh của pháp không quên mất, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong pháp không quên mất không danh, trong danh không pháp không quên mất, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì pháp không quên mất cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc pháp không quên mất, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Như

danh của tánh luôn luôn xả chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong tánh luôn luôn xả không danh, trong danh không tánh luôn luôn xả, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì tánh luôn luôn xả cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc tánh luôn luôn xả, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ là giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong tất cả pháp môn Đà-la-ni không danh, trong danh không tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Như danh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong tất cả pháp môn Tam-ma-địa không danh, trong danh không tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc tất cả pháp môn Tam-ma-địa, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ là giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh của pháp không bên trong, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong pháp không bên trong không danh, trong danh không pháp không bên trong, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì pháp không bên trong cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc pháp không bên trong, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Như danh của pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh không danh, trong danh không pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ là giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh của chân như, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong chân như không danh, trong danh không chân như, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì chân như cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc chân như, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Như danh của pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh

chẳng đổi khác, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, cảnh giới hư không, cảnh giới đoạn, cảnh giới ly, cảnh giới diệt, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, cảnh giới vô tánh, cảnh giới vô tướng, cảnh giới vô tác, cảnh giới vô vi, cảnh giới an ổn, cảnh giới tịch tĩnh, bản vô, thật tế, cứu cánh Niết-bàn chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong pháp giới cho đến cứu cánh Niết-bàn không danh, trong danh không pháp giới cho đến cứu cánh Niết-bàn, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì pháp giới cho đến cứu cánh Niết-bàn cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc pháp giới cho đến cứu cánh Niết-bàn, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ là giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh của bậc Cực hỷ, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong bậc Cực hỷ không danh, trong danh không bậc Cực hỷ, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì bậc Cực hỷ cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc bậc Cực hỷ, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Như danh của bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân không danh, trong danh không bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh

không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ là giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh của bậc phàm phu, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong bậc phàm phu không danh, trong danh không bậc phàm phu, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì bậc phàm phu cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc bậc phàm phu, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Như danh của bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong bậc Chủng tánh cho đến bậc Như Lai không danh, trong danh không bậc Chủng tánh cho đến bậc Như Lai, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì bậc Chủng tánh cho đến bậc Như Lai cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc bậc Chủng tánh cho đến bậc Như Lai, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ là giả danh.

Xá-lợi Tử, như danh của Thanh văn thừa, chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Thanh văn thừa không danh, trong danh không Thanh văn thừa, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Thanh văn thừa cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Thanh văn thừa, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Như danh của Độc giác thừa, Đại thừa chỉ cái bên ngoài được thâu nhiếp, trong mười phương, ba đời,

không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Độc giác thừa, Đại thừa không danh, trong danh không Độc giác thừa, Đại thừa, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Độc giác thừa, Đại thừa cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Độc giác thừa, Đại thừa, hoặc danh, đều, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cái danh Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, chỉ là cái bên ngoài được thâu nhiếp ở trong mười phương, ba đời, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không trụ ở đâu; trong Đại Bồ-tát không danh, trong danh không Đại Bồ-tát, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải xa lìa, chỉ giả bày ra. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát cùng với danh, tự tánh đều là "không"; trong cái không của tự tánh ấy, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc danh đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói Đại Bồ-tát chỉ là giả danh.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại đáp lời Xá-lợi Tử:

–Như Tôn giả đã hỏi, vì duyên cớ gì mà nói: Như nói ngã... rốt ráo đều chẳng sinh?

Xá-lợi Tử, ngã rốt ráo hoàn toàn không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Hữu tình, dòng sinh mạng, sự sinh khởi, sự nuôi dưỡng, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, ý sinh, nho đồng, khả năng làm việc, khả năng khiến người làm việc, khả năng tạo nghiệp, khả năng khiến người tạo nghiệp, khả năng thọ quả báo, khả năng khiến người thọ quả báo, cái biết, cái thấy rốt ráo hoàn toàn không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Sắc rốt ráo hoàn toàn không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo đều không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, nhãn xứ rốt ráo hoàn toàn không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ rốt ráo đều không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, sắc xứ rốt ráo hoàn toàn không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ rốt ráo đều không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, nhãn giới rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra rốt ráo đều không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, nhĩ giới rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt

được thì tại sao có sinh? Thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra rốt ráo đều không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, tỷ giới rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra rốt ráo đều không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, thiệt giới rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra rốt ráo đều không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, thân giới rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra rốt ráo đều không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, ý giới rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra rốt ráo đều không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, địa giới rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Thủy, hỏa, phong, không, thức giới rốt ráo đều không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, vô minh rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não rốt ráo đều không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh rốt ráo đều không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể

nắm bắt được thì tại sao có sinh? Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa rốt ráo đều không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc rốt ráo đều không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ rốt ráo đều không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo rốt ráo đều không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện rốt ráo đều không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, năm loại mắt rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Sáu phép thần thông rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng rốt ráo đều không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng rốt ráo đều không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Tánh luôn luôn xả rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Tất cả pháp môn Tam-ma-địa rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, bậc Cực hỷ rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc

Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân rốt ráo đều không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, bậc phàm phu rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai rốt ráo đều không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, Thanh văn thừa rốt ráo không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh? Độc giác thừa, Đại thừa rốt ráo đều không sở hữu, đã chẳng thể nắm bắt được thì tại sao có sinh?

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là ngã..., đều rốt ráo chẳng sinh.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại đáp lời Xá-lợi Tử:

–Như Tôn giả đã hỏi, vì duyên cớ gì mà nói các pháp cũng vậy, đều không có tự tánh?

Xá-lợi Tử, các pháp đều không có tự tánh hòa hợp. Vì sao? Vì hòa hợp nên có pháp, còn tự tánh là không.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào không có tự tánh hòa hợp?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc không có tự tánh hòa hợp; thọ, tưởng, hành, thức đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ không có tự tánh hòa hợp; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, sắc xứ không có tự tánh hòa hợp; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, nhãn giới không có tự tánh hòa hợp; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới không có tự tánh hòa hợp; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, tỷ giới không có tự tánh hòa hợp; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, thiệt giới không có tự tánh hòa hợp; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, thân giới không có tự tánh hòa hợp; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, ý giới không có tự tánh hòa hợp; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, địa giới không có tự tánh hòa hợp; thủy, hỏa, phong, không, thức giới đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, vô minh không có tự tánh hòa hợp; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong không có tự tánh hòa hợp; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa không có tự tánh hòa hợp; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự không có tự tánh hòa hợp; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát không có tự tánh hòa hợp; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ không có tự tánh hòa hợp; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không không có tự tánh hòa hợp; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt không có tự tánh hòa hợp; sáu phép thần

thông đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật không có tự tánh hòa hợp; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết không có tự tánh hòa hợp; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất không có tự tánh hòa hợp; tánh luôn luôn xả đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni không có tự tánh hòa hợp; tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, bậc Cực hỷ không có tự tánh hòa hợp; bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, bậc phàm phu không có tự tánh hòa hợp; bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, Thanh văn thừa không có tự tánh hòa hợp; Độc giác thừa, Đại thừa đều không có tự tánh hòa hợp.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là các pháp cũng vậy, đều không có tự tánh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các pháp là chẳng phải thường, cũng không tan mất. Vì sao? Vì các pháp là chẳng phải thường nên tánh của chúng là không cùng tận.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào là chẳng phải thường, cũng không tan mất?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc chẳng phải thường, cũng không tan mất; thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ chẳng phải thường, cũng không tan mất; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, sắc xứ chẳng phải thường, cũng không tan mất; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn giới chẳng phải thường, cũng không tan mất; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên

sinh ra chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới chẳng phải thường, cũng không tan mất; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tỷ giới chẳng phải thường, cũng không tan mất; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thiệt giới chẳng phải thường, cũng không tan mất; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thân giới chẳng phải thường, cũng không tan mất; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, ý giới chẳng phải thường, cũng không tan mất; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, địa giới chẳng phải thường, cũng không tan mất; thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ chẳng phải thường, cũng không tan mất; Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, vô minh chẳng phải thường, cũng không tan mất; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong chẳng phải thường, cũng không tan mất; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải thường, cũng không tan mất; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự chẳng phải thường, cũng không tan mất; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát chẳng phải thường, cũng không tan mất; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ chẳng phải thường, cũng không tan mất; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không chẳng phải thường, cũng không tan mất; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt chẳng phải thường, cũng không tan mất; sáu phép thần thông chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật chẳng phải thường, cũng không tan mất; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết chẳng phải thường, cũng không tan mất; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất chẳng phải thường, cũng không tan mất; tánh luôn luôn xả chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải thường, cũng không tan mất; tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc Cực hỷ chẳng phải thường, cũng không tan mất; bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc phàm phu chẳng phải thường, cũng không tan mất; bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thanh văn thừa chẳng phải thường, cũng không tan mất; Độc giác thừa, Đại thừa chẳng phải thường, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là các pháp cũng vậy, đều không có tự tánh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các pháp là chẳng phải lạc, cũng không tan mất. Vì sao? Vì các pháp là chẳng phải lạc nên tánh của chúng là không cùng tận.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào là chẳng phải lạc, cũng không tan mất?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc chẳng phải lạc, cũng không tan mất; thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ chẳng phải lạc, cũng không tan mất; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, sắc xứ chẳng phải lạc, cũng không tan mất; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn giới chẳng phải lạc, cũng không tan mất; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới chẳng phải lạc, cũng không tan mất; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tỷ giới chẳng phải lạc, cũng không tan mất; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thiệt giới chẳng phải lạc, cũng không tan mất; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thân giới chẳng phải lạc, cũng không tan mất; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, ý giới chẳng phải lạc, cũng không tan mất; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, địa giới chẳng phải lạc, cũng không tan mất; thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ chẳng phải lạc, cũng không tan mất;

Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, vô minh chẳng phải lạc, cũng không tan mất; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong chẳng phải lạc, cũng không tan mất; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải lạc, cũng không tan mất; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự chẳng phải lạc, cũng không tan mất; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát chẳng phải lạc, cũng không tan mất; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ chẳng phải lạc, cũng không tan mất; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không chẳng phải lạc, cũng không tan mất; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt chẳng phải lạc, cũng không tan mất; sáu phép thần thông chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật chẳng phải lạc, cũng không tan mất; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết chẳng phải lạc, cũng không tan mất; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất chẳng phải lạc, cũng không tan

mất; tánh luôn luôn xả chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải lạc, cũng không tan mất; tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc Cực hỷ chẳng phải lạc, cũng không tan mất; bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc phàm phu chẳng phải lạc, cũng không tan mất; bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thanh văn thừa chẳng phải lạc, cũng không tan mất; Độc giác thừa, Đại thừa chẳng phải lạc, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là các pháp cũng vậy, đều không có tự tánh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các pháp là chẳng phải ngã, cũng không tan mất. Vì sao? Vì các pháp là chẳng phải ngã nên tánh của chúng là không cùng tận.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào là chẳng phải ngã, cũng không tan mất?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc chẳng phải ngã, cũng không tan mất; thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải ngã, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ chẳng phải ngã, cũng không tan mất; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải ngã, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, sắc xứ chẳng phải ngã, cũng không tan mất; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải ngã, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn giới chẳng phải ngã, cũng không tan mất; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải ngã, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới chẳng phải ngã, cũng không tan mất; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải ngã, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tỷ giới chẳng phải ngã, cũng không tan mất; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng

phải ngã, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thiệt giới chẳng phải ngã, cũng không tan mất; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng phải ngã, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thân giới chẳng phải ngã, cũng không tan mất; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng phải ngã, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, ý giới chẳng phải ngã, cũng không tan mất; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải ngã, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, địa giới chẳng phải ngã, cũng không tan mất; thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải ngã, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ chẳng phải ngã, cũng không tan mất; Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải ngã, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, vô minh chẳng phải ngã, cũng không tan mất; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng phải ngã, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong chẳng phải ngã, cũng không tan mất; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng phải ngã, cũng không tan mất.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 68

PHẨM 18: VÔ SỞ ĐẮC (8)

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải ngã, cũng không tan mất; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải ngã, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự chẳng phải ngã, cũng không tan mất; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải ngã, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát chẳng phải ngã, cũng không tan mất; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải ngã, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ chẳng phải ngã, cũng không tan mất; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng phải ngã, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không chẳng phải ngã, cũng không tan mất; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải ngã, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt chẳng phải ngã, cũng không tan mất; sáu phép thần thông chẳng phải ngã, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật chẳng phải ngã, cũng không tan mất; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải ngã, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết chẳng phải ngã, cũng không tan mất; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải ngã, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất chẳng phải ngã, cũng không tan mất; tánh luôn luôn xả chẳng phải ngã, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải ngã, cũng không tan mất; tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải ngã, cũng không tan

mất.

Xá-lợi Tử, bậc Cực hỷ chẳng phải ngã, cũng không tan mất; bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân chẳng phải ngã, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc phàm phu chẳng phải ngã, cũng không tan mất; bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai chẳng phải ngã, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thanh văn thừa chẳng phải ngã, cũng không tan mất; Độc giác thừa, Đại thừa chẳng phải ngã, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là các pháp cũng vậy, đều không có tự tánh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các pháp là tịch tĩnh, cũng không tan mất. Vì sao? Vì các pháp là tịch tĩnh nên tánh của chúng là không cùng tận.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào là tịch tĩnh, cũng không tan mất?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc tịch tĩnh, cũng không tan mất; thọ, tưởng, hành, thức tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ tịch tĩnh, cũng không tan mất; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, sắc xứ tịch tĩnh, cũng không tan mất; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn giới tịch tĩnh, cũng không tan mất; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới tịch tĩnh, cũng không tan mất; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tỷ giới tịch tĩnh, cũng không tan mất; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thiệt giới tịch tĩnh, cũng không tan mất; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra tịch

tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thân giới tịch tĩnh, cũng không tan mất; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, ý giới tịch tĩnh, cũng không tan mất; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, địa giới tịch tĩnh, cũng không tan mất; thủy, hỏa, phong, không, thức giới tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ tịch tĩnh, cũng không tan mất; Thánh đế tập, diệt, đạo tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, vô minh tịch tĩnh, cũng không tan mất; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong tịch tĩnh, cũng không tan mất; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa tịch tĩnh, cũng không tan mất; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự tịch tĩnh, cũng không tan mất; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát tịch tĩnh, cũng không tan mất; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ tịch tĩnh, cũng không tan mất; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không tịch tĩnh, cũng không tan mất; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt tịch tĩnh, cũng không tan mất; sáu phép thần thông tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật tịch tĩnh, cũng không tan mất; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết tịch tĩnh, cũng không tan mất; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất tịch tĩnh, cũng không tan mất; tánh luôn luôn xả tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni tịch tĩnh, cũng không tan mất; tất cả pháp môn Tam-ma-địa tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc Cực hỷ tịch tĩnh, cũng không tan mất; bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc phàm phu tịch tĩnh, cũng không tan mất; bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thanh văn thừa tịch tĩnh, cũng không tan mất; Độc giác thừa, Đại thừa tịch tĩnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là các pháp cũng vậy, đều không có tự tánh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các pháp là xa lìa, cũng không tan mất. Vì sao? Vì các pháp là xa lìa nên tánh của chúng là không cùng tận.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào là xa lìa, cũng không tan mất?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc là xa lìa, cũng không tan mất; thọ, tưởng, hành, thức là xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ là xa lìa, cũng không tan mất; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, sắc xứ là xa lìa, cũng không tan mất; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn giới là xa lìa, cũng không tan mất; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là xa

lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới là xa lìa, cũng không tan mất; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đều xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tỷ giới là xa lìa, cũng không tan mất; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đều xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thiệt giới là xa lìa, cũng không tan mất; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đều xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thân giới là xa lìa, cũng không tan mất; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đều xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, ý giới là xa lìa, cũng không tan mất; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, địa giới là xa lìa, cũng không tan mất; thủy, hỏa, phong, không, thức giới đều xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ là xa lìa, cũng không tan mất; Thánh đế tập, diệt, đạo đều xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, vô minh là xa lìa, cũng không tan mất; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não đều xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong là xa lìa, cũng không tan mất; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh đều xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp Bố thí ba-la-mật-đa là xa lìa, cũng không tan mất; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa đều xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp bốn Tĩnh lự là xa lìa, cũng không tan mất; bốn Vô

lượng, bốn Định vô sắc đều xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát là xa lìa, cũng không tan mất; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đều xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ là xa lìa, cũng không tan mất; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo đều xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không là xa lìa, cũng không tan mất; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đều xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt là xa lìa, cũng không tan mất; sáu phép thần thông đều xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật là xa lìa, cũng không tan mất; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng đều xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết là xa lìa, cũng không tan mất; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất là xa lìa, cũng không tan mất; tánh luôn luôn xả đều xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni là xa lìa, cũng không tan mất; tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc Cực hỷ là xa lìa, cũng không tan mất; bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân đều xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc phàm phu là xa lìa, cũng không tan mất; bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai đều xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thanh văn thừa là xa lìa, cũng không tan mất; Độc giác thừa, Đại thừa đều xa lìa, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là các pháp cũng vậy, đều không có tự tánh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các pháp là không, cũng không tan mất. Vì sao? Vì các pháp là không, nên tánh của chúng là không cùng tận.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào là không, cũng không tan mất?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc là không, cũng không tan mất; thọ, tưởng, hành, thức là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ là không, cũng không tan mất; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, sắc xứ là không, cũng không tan mất; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn giới là không, cũng không tan mất; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới là không, cũng không tan mất; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tỷ giới là không, cũng không tan mất; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thiệt giới là không, cũng không tan mất; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thân giới là không, cũng không tan mất; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, ý giới là không, cũng không tan mất; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, địa giới là không, cũng không tan mất; thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ là không, cũng không tan mất; Thánh đế tập, diệt, đạo là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, vô minh là không, cũng không tan mất; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong là không, cũng không tan mất; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không

vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa là không, cũng không tan mất; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự là không, cũng không tan mất; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát là không, cũng không tan mất; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ là không, cũng không tan mất; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không là không, cũng không tan mất; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt là không, cũng không tan mất; sáu phép thần thông là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật là không, cũng không tan mất; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết là không, cũng không tan mất; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất là không, cũng không tan mất; tánh luôn luôn xả là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni là không, cũng không tan mất; tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc Cực hỷ là không, cũng không tan mất; bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc phàm phu là không, cũng không tan mất; bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc

giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thanh văn thừa là không, cũng không tan mất; Độc giác thừa, Đại thừa là không, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là các pháp cũng vậy, đều không có tự tánh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các pháp là vô tướng, cũng không tan mất. Vì sao? Vì các pháp là vô tướng nên tánh của chúng là không cùng tận.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào là vô tướng, cũng không tan mất?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc là vô tướng, cũng không tan mất; thọ, tưởng, hành, thức là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ là vô tướng, cũng không tan mất; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, sắc xứ là vô tướng, cũng không tan mất; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn giới là vô tướng, cũng không tan mất; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới là vô tướng, cũng không tan mất; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tỷ giới là vô tướng, cũng không tan mất; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thiệt giới là vô tướng, cũng không tan mất; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thân giới là vô tướng, cũng không tan mất; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, ý giới là vô tướng, cũng không tan mất; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, địa giới là vô tướng, cũng không tan mất; thủy, hỏa,

phong, không, thức giới là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ là vô tướng, cũng không tan mất; Thánh đế tập, diệt, đạo là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, vô minh là vô tướng, cũng không tan mất; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong là vô tướng, cũng không tan mất; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa là vô tướng, cũng không tan mất; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự là vô tướng, cũng không tan mất; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát là vô tướng, cũng không tan mất; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ là vô tướng, cũng không tan mất; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không là vô tướng, cũng không tan mất; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt là vô tướng, cũng không tan mất; sáu phép thần thông là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật là vô tướng, cũng không tan mất; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết là vô tướng, cũng không tan mất; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất là vô tướng, cũng không tan mất; tánh luôn luôn xả là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni là vô tướng, cũng không tan mất; tất cả pháp môn Tam-ma-địa là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc Cực hỷ là vô tướng, cũng không tan mất; bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc phàm phu là vô tướng, cũng không tan mất; bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thanh văn thừa là vô tướng, cũng không tan mất; Độc giác thừa, Đại thừa là vô tướng, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là các pháp cũng vậy, đều không có tự tánh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các pháp là vô nguyện, cũng không tan mất. Vì sao? Vì các pháp là vô nguyện nên tánh của chúng là không cùng tận.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào là vô nguyện, cũng không tan mất?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc là vô nguyện, cũng không tan mất; thọ, tưởng, hành, thức là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ là vô nguyện, cũng không tan mất; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, sắc xứ là vô nguyện, cũng không tan mất; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn giới là vô nguyện, cũng không tan mất; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới là vô nguyện, cũng không tan mất; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tỷ giới là vô nguyện, cũng không tan mất; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thiệt giới là vô nguyện, cũng không tan mất; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thân giới là vô nguyện, cũng không tan mất; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, ý giới là vô nguyện, cũng không tan mất; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, địa giới là vô nguyện, cũng không tan mất; thủy, hỏa, phong, không, thức giới là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ là vô nguyện, cũng không tan mất; Thánh đế tập, diệt, đạo là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, vô minh là vô nguyện, cũng không tan mất; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong là vô nguyện, cũng không tan mất; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa là vô nguyện, cũng không tan mất; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự là vô nguyện, cũng không tan mất; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát là vô nguyện, cũng không tan mất; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ là vô nguyện, cũng không tan mất; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không là vô nguyện, cũng không tan mất; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt là vô nguyện, cũng không tan mất; sáu phép thần thông là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật là vô nguyện, cũng không tan mất; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết là vô nguyện, cũng không tan mất; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất là vô nguyện, cũng không tan mất; tánh luôn luôn xả là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni là vô nguyện, cũng không tan mất; tất cả pháp môn Tam-ma-địa là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc Cực hỷ là vô nguyện, cũng không tan mất; bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc phàm phu là vô nguyện, cũng không tan mất; bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thanh văn thừa là vô nguyện, cũng không tan mất; Độc giác thừa, Đại thừa là vô nguyện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là các pháp cũng vậy, đều không có tự tánh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các pháp là thiện, cũng không tan mất. Vì sao? Vì các pháp là thiện nên tánh của chúng là không cùng tận.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào là thiện, cũng không tan mất?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc là thiện, cũng không tan mất; thọ, tưởng, hành, thức là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ là thiện, cũng không tan mất; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, sắc xứ là thiện, cũng không tan mất; thanh, hương, vị,

xúc, pháp xứ là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn giới là thiện, cũng không tan mất; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới là thiện, cũng không tan mất; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tỷ giới là thiện, cũng không tan mất; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thiệt giới là thiện, cũng không tan mất; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thân giới là thiện, cũng không tan mất; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, ý giới là thiện, cũng không tan mất; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, địa giới là thiện, cũng không tan mất; thủy, hỏa, phong, không, thức giới là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ là thiện, cũng không tan mất; Thánh đế tập, diệt, đạo là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, vô minh là thiện, cũng không tan mất; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong là thiện, cũng không tan mất; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa là thiện, cũng không tan mất; Tịnh

giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự là thiện, cũng không tan mất; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát là thiện, cũng không tan mất; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ là thiện, cũng không tan mất; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không là thiện, cũng không tan mất; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt là thiện, cũng không tan mất; sáu phép thần thông là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật là thiện, cũng không tan mất; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết là thiện, cũng không tan mất; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất là thiện, cũng không tan mất; tánh luôn luôn xả là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni là thiện, cũng không tan mất; tất cả pháp môn Tam-ma-địa là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc Cực hỷ là thiện, cũng không tan mất; bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc phàm phu là thiện, cũng không tan mất; bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thanh văn thừa là thiện, cũng không tan mất; Độc giác thừa, Đại thừa là thiện, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là các pháp cũng vậy, đều không có tự tánh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các pháp là vô tội, cũng không tan mất. Vì sao? Vì các pháp là vô tội nên tánh của chúng là không cùng tận.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào là vô tội, cũng không tan mất?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc là vô tội, cũng không tan mất; thọ, tưởng, hành, thức là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ là vô tội, cũng không tan mất; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, sắc xứ là vô tội, cũng không tan mất; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn giới là vô tội, cũng không tan mất; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới là vô tội, cũng không tan mất; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tỷ giới là vô tội, cũng không tan mất; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thiệt giới là vô tội, cũng không tan mất; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thân giới là vô tội, cũng không tan mất; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, ý giới là vô tội, cũng không tan mất; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, địa giới là vô tội, cũng không tan mất; thủy, hỏa, phong, không, thức giới là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ là vô tội, cũng không tan mất; Thánh đế tập, diệt, đạo là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, vô minh là vô tội, cũng không tan mất; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong là vô tội, cũng không tan mất;

pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa là vô tội, cũng không tan mất; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự là vô tội, cũng không tan mất; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát là vô tội, cũng không tan mất; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ là vô tội, cũng không tan mất; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không là vô tội, cũng không tan mất; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt là vô tội, cũng không tan mất; sáu phép thần thông là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật là vô tội, cũng không tan mất; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết là vô tội, cũng không tan mất; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất là vô tội, cũng không tan mất; tánh luôn luôn xả là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni là vô tội, cũng không tan mất; tất cả pháp môn Tam-ma-địa là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc Cực hỷ là vô tội, cũng không tan mất; bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc phàm phu là vô tội, cũng không tan mất; bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thanh văn thừa là vô tội, cũng không tan mất; Độc giác thừa, Đại thừa là vô tội, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là các pháp cũng vậy, đều không có tự tánh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các pháp là vô lậu, cũng không tan mất. Vì sao? Vì các pháp là vô lậu nên tánh của chúng là không cùng tận.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào là vô lậu, cũng không tan mất?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc là vô lậu, cũng không tan mất; thọ, tưởng, hành, thức là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ là vô lậu, cũng không tan mất; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, sắc xứ là vô lậu, cũng không tan mất; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn giới là vô lậu, cũng không tan mất; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới là vô lậu, cũng không tan mất; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tỷ giới là vô lậu, cũng không tan mất; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thiệt giới là vô lậu, cũng không tan mất; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thân giới là vô lậu, cũng không tan mất; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, ý giới là vô lậu, cũng không tan mất; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là vô lậu, cũng

không tan mất.

Xá-lợi Tử, địa giới là vô lậu, cũng không tan mất; thủy, hỏa, phong, không, thức giới là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ là vô lậu, cũng không tan mất; Thánh đế tập, diệt, đạo là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, vô minh là vô lậu, cũng không tan mất; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong là vô lậu, cũng không tan mất; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa là vô lậu, cũng không tan mất; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự là vô lậu, cũng không tan mất; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát là vô lậu, cũng không tan mất; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ là vô lậu, cũng không tan mất; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không là vô lậu, cũng không tan mất; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt là vô lậu, cũng không tan mất; sáu phép thần thông là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật là vô lậu, cũng không tan mất; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết là vô lậu, cũng không tan mất; trí Đạo

tướng, trí Nhất thiết tướng là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất là vô lậu, cũng không tan mất; tánh luôn luôn xả là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni là vô lậu, cũng không tan mất; tất cả pháp môn Tam-ma-địa là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc Cực hỷ là vô lậu, cũng không tan mất; bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc phàm phu là vô lậu, cũng không tan mất; bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thanh văn thừa là vô lậu, cũng không tan mất; Độc giác thừa, Đại thừa là vô lậu, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là các pháp cũng vậy, đều không có tự tánh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các pháp là không nhiễm trước, cũng không tan mất. Vì sao? Vì các pháp là không nhiễm nên tánh của chúng là không cùng tận.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào là không nhiễm trước, cũng không tan mất?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc là không nhiễm trước, cũng không tan mất; thọ, tưởng, hành, thức là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ là không nhiễm trước, cũng không tan mất; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, sắc xứ là không nhiễm trước, cũng không tan mất; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn giới là không nhiễm trước, cũng không tan mất; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới là không nhiễm trước, cũng không tan mất; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tỷ giới là không nhiễm trước, cũng không tan mất;

hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thiệt giới là không nhiễm trước, cũng không tan mất; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thân giới là không nhiễm trước, cũng không tan mất; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, ý giới là không nhiễm trước, cũng không tan mất; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, địa giới là không nhiễm trước, cũng không tan mất; thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ là không nhiễm trước, cũng không tan mất; Thánh đế tập, diệt, đạo là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, vô minh là không nhiễm trước, cũng không tan mất; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong là không nhiễm trước, cũng không tan mất; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 69

PHẨM 18: VÔ SỞ ĐẮC (9)

Xá-lợi Tử, pháp Bố thí ba-la-mật-đa là không nhiễm trước, cũng không tan mất; pháp Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự là không nhiễm trước, cũng không tan mất; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát là không nhiễm trước, cũng không tan mất; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ là không nhiễm trước, cũng không tan mất; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không là không nhiễm trước, cũng không tan mất; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt là không nhiễm trước, cũng không tan mất; sáu phép thần thông là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật là không nhiễm trước, cũng không tan mất; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết là không nhiễm trước, cũng không tan mất; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất là không nhiễm trước, cũng không tan mất; tánh luôn luôn xả là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni là không nhiễm trước, cũng không tan mất; tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc Cực hỷ là không nhiễm trước, cũng không tan mất; bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc phàm phu là không nhiễm trước, cũng không tan mất; bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thanh văn thừa là không nhiễm trước, cũng không tan mất; Độc giác thừa, Đại thừa là không nhiễm trước, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là các pháp cũng vậy, đều không có tự tánh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các pháp là thanh tịnh, cũng không tan mất. Vì sao? Vì các pháp là thanh tịnh nên tánh của chúng là không cùng tận.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào là thanh tịnh, cũng không tan mất?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc là thanh tịnh, cũng không tan mất; thọ, tưởng, hành, thức là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ là thanh tịnh, cũng không tan mất; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, sắc xứ là thanh tịnh, cũng không tan mất; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn giới là thanh tịnh, cũng không tan mất; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới là thanh tịnh, cũng không tan mất; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tỷ giới là thanh tịnh, cũng không tan mất; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thiệt giới là thanh tịnh, cũng không tan mất; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thân giới là thanh tịnh, cũng không tan mất; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, ý giới là thanh tịnh, cũng không tan mất; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, địa giới là thanh tịnh, cũng không tan mất; thủy, hỏa, phong, không, thức giới là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ là thanh tịnh, cũng không tan mất; Thánh đế tập, diệt, đạo là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, vô minh là thanh tịnh, cũng không tan mất; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong là thanh tịnh, cũng không tan mất; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa là thanh tịnh, cũng không tan mất; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự là thanh tịnh, cũng không tan mất; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát là thanh tịnh, cũng không tan mất; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ là thanh tịnh, cũng không tan mất; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không là thanh tịnh, cũng không tan mất; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt là thanh tịnh, cũng không tan mất; sáu phép thần thông là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật là thanh tịnh, cũng không tan mất; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết là thanh tịnh, cũng không tan mất; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất là thanh tịnh, cũng không tan mất; tánh luôn luôn xả là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni là thanh tịnh, cũng không tan mất; tất cả pháp môn Tam-ma-địa là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc Cực hỷ là thanh tịnh, cũng không tan mất; bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc phàm phu là thanh tịnh, cũng không tan mất; bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thanh văn thừa là thanh tịnh, cũng không tan mất; Độc giác thừa, Đại thừa là thanh tịnh, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là các pháp cũng vậy, đều không có tự tánh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các pháp là xuất thế gian, cũng không tan mất. Vì sao? Vì các pháp là xuất thế gian nên tánh của chúng là không cùng tận.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào là xuất thế gian, cũng không tan mất?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc là xuất thế gian, cũng không tan mất; thọ, tưởng, hành, thức là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ là xuất thế gian, cũng không tan mất; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, sắc xứ là xuất thế gian, cũng không tan mất; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn giới là xuất thế gian, cũng không tan mất; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới là xuất thế gian, cũng không tan mất; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tỷ giới là xuất thế gian, cũng không tan mất; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thiệt giới là xuất thế gian, cũng không tan mất; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thân giới là xuất thế gian, cũng không tan mất; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, ý giới là xuất thế gian, cũng không tan mất; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, địa giới là xuất thế gian, cũng không tan mất; thủy, hỏa, phong, không, thức giới là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ là xuất thế gian, cũng không tan mất; Thánh đế tập, diệt, đạo là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, vô minh là xuất thế gian, cũng không tan mất; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong là xuất thế gian, cũng không tan mất; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa là xuất thế gian, cũng không tan mất; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự là xuất thế gian, cũng không tan mất; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát là xuất thế gian, cũng không tan mất; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ là xuất thế gian, cũng không tan mất; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không là xuất thế gian, cũng không tan mất; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt là xuất thế gian, cũng không tan mất; sáu phép thần thông là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật là xuất thế gian, cũng không tan mất; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết là xuất thế gian, cũng không tan mất; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất là xuất thế gian, cũng không tan mất; tánh luôn luôn xả là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni là xuất thế gian, cũng không tan mất; tất cả pháp môn Tam-ma-địa là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc Cực hỷ là xuất thế gian, cũng không tan mất; bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc phàm phu là xuất thế gian, cũng không tan mất; bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thanh văn thừa là xuất thế gian, cũng không tan mất; Độc giác thừa, Đại thừa là xuất thế gian, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là các pháp cũng vậy, đều không có tự tánh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các pháp là vô vi, cũng không tan mất. Vì sao? Vì các pháp là vô vi nên tánh của chúng là không cùng tận.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Pháp nào là vô vi, cũng không tan mất?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc là vô vi, cũng không tan mất; thọ, tưởng, hành, thức là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ là vô vi, cũng không tan mất; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, sắc xứ là vô vi, cũng không tan mất; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhãn giới là vô vi, cũng không tan mất; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới là vô vi, cũng không tan mất; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tỷ giới là vô vi, cũng không tan mất; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thiệt giới là vô vi, cũng không tan mất; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, thân giới là vô vi, cũng không tan mất; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, ý giới là vô vi, cũng không tan mất; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, địa giới là vô vi, cũng không tan mất; thủy, hỏa, phong, không, thức giới là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ là vô vi, cũng không tan mất; Thánh đế tập, diệt, đạo là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, vô minh là vô vi, cũng không tan mất; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong là vô vi, cũng không tan mất; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa là vô vi, cũng không tan mất; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự là vô vi, cũng không tan mất; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát là vô vi, cũng không tan mất; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ là vô vi, cũng không tan mất; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không là vô vi, cũng không tan mất; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt là vô vi, cũng không tan mất; sáu phép thần thông là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật là vô vi, cũng không tan mất; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết là vô vi, cũng không tan mất; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất là vô vi, cũng không tan mất; tánh luôn luôn xả là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni là vô vi, cũng không tan mất; tất cả pháp môn Tam-ma-địa là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc Cực hỷ là vô vi, cũng không tan mất; bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, bậc phàm phu là vô vi, cũng không tan mất; bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, Thanh văn thừa là vô vi, cũng không tan mất; Độc giác thừa, Đại thừa là vô vi, cũng không tan mất.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là các pháp cũng vậy, đều không có tự tánh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, tất cả pháp chẳng phải thường, chẳng phải hoại.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Vì sao tất cả pháp chẳng phải thường, chẳng phải hoại ?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, sắc xứ chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, nhãn giới chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, tỷ giới chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì

bản tánh là như vậy. Hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, thiệt giới chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, thân giới chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, ý giới chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, địa giới chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, vô minh chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự,

Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Sáu phép thần thông chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Tánh luôn luôn xả chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, bậc Cực hỷ chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản

tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, bậc phàm phu chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, Thanh văn thừa chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Độc giác thừa, Đại thừa chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, nói tóm lại, tất cả pháp thiện chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Tất cả pháp chẳng phải thiện chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Tất cả pháp hữu ký chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Tất cả pháp vô ký chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Tất cả pháp hữu lậu chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Tất cả pháp vô lậu chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Tất cả pháp hữu vi chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Tất cả pháp vô vi chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là các pháp cũng vậy, đều không có tự tánh.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại đáp lời Xá-lợi Tử:

–Như Tôn giả đã hỏi, vì duyên cớ gì mà nói sắc... các pháp rốt ráo chẳng sinh?

Xá-lợi Tử, bản tánh của sắc rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của sắc cho đến thức chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh của nhãn xứ rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của nhãn xứ cho đến ý xứ chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh của sắc xứ rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của sắc xứ cho đến pháp xứ, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh của nhãn giới rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh của nhĩ giới rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh của tỷ giới rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh của thiệt giới rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh của thân giới rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh của ý giới rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh của địa giới rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của địa giới cho đến thức giới chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh của Thánh đế khổ rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo rốt ráo

chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của Thánh đế khổ cho đến Thánh đế đạo chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh của vô minh rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của vô minh cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh của pháp không bên trong rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh của Bố thí ba-la-mật-đa rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh của bốn Tĩnh lự rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh của tám Giải thoát rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh của bốn Niệm trụ rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo rốt ráo chẳng

sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh của pháp môn giải thoát Không rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh của năm loại mắt rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của sáu phép thần thông rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của năm loại mắt, sáu phép thần thông chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh nơi mười lực của Phật rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác nơi mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh của trí Nhất thiết rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh của pháp không quên mất rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của tánh luôn luôn xả rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh của bậc Cực hỷ rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải

được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh của bậc phàm phu rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của bậc phàm phu cho đến bậc Như Lai chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, bản tánh của Thanh văn thừa rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Bản tánh của Độc giác thừa, Đại thừa rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì chẳng phải được tạo tác. Tại sao? Tại vì sự tạo tác của Thanh văn thừa, Độc giác thừa, Đại thừa chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là sắc... các pháp rốt ráo chẳng sinh.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện đáp lời Xá-lợi Tử:

–Như Tôn giả đã hỏi, vì duyên cớ gì mà nói là nếu rốt ráo chẳng sinh thì chẳng gọi là sắc...? Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Nếu rốt ráo chẳng sinh thì chẳng gọi tên là sắc... Vì sao? Xá-lợi Tử, vì bản tánh của sắc là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh thì chẳng thể gọi là sắc. Xá-lợi Tử, bản tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là thọ, tưởng, hành, thức.

Xá-lợi Tử, bản tánh của nhãn xứ là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là nhãn xứ.

Xá-lợi Tử, bản tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Xá-lợi Tử, bản tánh của sắc xứ là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là sắc xứ.

Xá-lợi Tử, bản tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Xá-lợi Tử, bản tánh của nhãn giới là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là nhãn giới.

Xá-lợi Tử, bản tánh của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, bản tánh của nhĩ giới là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là nhĩ giới.

Xá-lợi Tử, bản tánh của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, bản tánh của tỷ giới là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là tỷ giới.

Xá-lợi Tử, bản tánh của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, bản tánh của thiệt giới là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là thiệt giới.

Xá-lợi Tử, bản tánh của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không. Nếu bản tánh của pháp là

không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, bản tánh của thân giới là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là thân giới.

Xá-lợi Tử, bản tánh của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, bản tánh của ý giới là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là ý giới.

Xá-lợi Tử, bản tánh của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, bản tánh của địa giới là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là địa giới.

Xá-lợi Tử, bản tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Xá-lợi Tử, bản tánh của Thánh đế khổ là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là Thánh đế khổ.

Xá-lợi Tử, bản tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng

thể gọi là Thánh đế tập, diệt, đạo.

Xá-lợi Tử, bản tánh của vô minh là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là vô minh.

Xá-lợi Tử, bản tánh của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Xá-lợi Tử, bản tánh của pháp không bên trong là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là pháp không bên trong.

Xá-lợi Tử, bản tánh của pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Xá-lợi Tử, bản tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là Bố thí ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, bản tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, bản tánh của bốn Tĩnh lự là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể

gọi là bốn Tĩnh lự.

Xá-lợi Tử, bản tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Xá-lợi Tử, bản tánh của tám Giải thoát là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là tám Giải thoát.

Xá-lợi Tử, bản tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là tám Thắng xứ cho đến mười Biến xứ.

Xá-lợi Tử, bản tánh của bốn Niệm trụ là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là bốn Niệm trụ.

Xá-lợi Tử, bản tánh của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Xá-lợi Tử, bản tánh của pháp môn giải thoát Không là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là pháp môn giải thoát Không.

Xá-lợi Tử, bản tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 70

PHẨM 18: VÔ SỞ ĐẮC (10)

Xá-lợi Tử, bản tánh của năm loại mắt là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là năm loại mắt.

Xá-lợi Tử, bản tánh của sáu phép thần thông là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là sáu phép thần thông.

Xá-lợi Tử, bản tánh nơi mười lực của Phật là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là mười lực của Phật.

Xá-lợi Tử, bản tánh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Xá-lợi Tử, bản tánh của trí Nhất thiết là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là trí Nhất thiết.

Xá-lợi Tử, bản tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Xá-lợi Tử, bản tánh của pháp không quên mất là không. Nếu bản

tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là pháp không quên mất.

Xá-lợi Tử, bản tánh của tánh luôn luôn xả là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là tánh luôn luôn xả.

Xá-lợi Tử, bản tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là tất cả pháp môn Đà-la-ni.

Xá-lợi Tử, bản tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Xá-lợi Tử, bản tánh của bậc Cực hỷ là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là bậc Cực hỷ.

Xá-lợi Tử, bản tánh của bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân.

Xá-lợi Tử, bản tánh của bậc phàm phu là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là bậc phàm phu.

Xá-lợi Tử, bản tánh của bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là bậc Chủng tánh cho đến bậc Như Lai.

Xá-lợi Tử, bản tánh của Thanh văn thừa là không. Nếu bản tánh

của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là Thanh văn thừa.

Xá-lợi Tử, bản tánh của Độc giác thừa, Đại thừa là không. Nếu bản tánh của pháp là không, thì chẳng thể bày ra nào là sinh, nào là diệt, nào là trụ, nào là dị. Do duyên cớ này, nên nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng thể gọi là Độc giác thừa, Đại thừa.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói, nếu là rốt ráo chẳng sinh, thì chẳng gọi là sắc..., vì pháp là không, không sinh, vượt mọi ngôn thuyết.

Cụ thọ Thiện Hiện lại đáp lời Xá-lợi Tử:

–Như Tôn giả đã hỏi, vì duyên cớ gì mà nói "Tôi đâu có thể dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa rốt ráo chẳng sinh, để chỉ dạy trao truyền cho các Đại Bồ-tát rốt ráo chẳng sinh?"

Xá-lợi Tử, rốt ráo chẳng sinh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa; Bát-nhã ba-la-mật-đa tức là rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì rốt ráo chẳng sinh cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, rốt ráo chẳng sinh tức là Đại Bồ-tát; Đại Bồ-tát tức là rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói: Tôi đâu có thể dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa rốt ráo chẳng sinh, để chỉ dạy trao truyền cho các Đại Bồ-tát rốt ráo chẳng sinh.

Cụ thọ Thiện Hiện lại đáp lời Xá-lợi Tử:

–Như Tôn giả đã hỏi, vì duyên cớ gì mà nói "Lìa rốt ráo chẳng sinh thì cũng không có Đại Bồ-tát nào có thể tu hành quả vị Giác ngộ cao tột?"

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy Bát-nhã ba-la-mật-đa khác với rốt ráo chẳng sinh, cũng chẳng thấy Đại Bồ-tát khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc Đại Bồ-tát cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy sắc khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì sắc cho đến thức cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy nhãn xứ khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì nhãn xứ cho đến ý xứ cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy sắc xứ khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì sắc xứ cho đến pháp xứ cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy nhãn giới khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng thấy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy nhĩ giới khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng thấy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy tỷ giới khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng thấy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy thiệt giới khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng thấy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy thân giới khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng thấy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì thân giới cho đến các thọ do

thân xúc làm duyên sinh ra cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy ý giới khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng thấy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy địa giới khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng thấy thủy, hỏa, phong, không, thức giới khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì địa giới cho đến thức giới cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy Thánh đế khổ khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng thấy Thánh đế tập, diệt, đạo khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì Thánh đế khổ cho đến Thánh đế đạo cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy vô minh khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng thấy hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì vô minh cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy pháp không bên trong khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng thấy pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy Bố thí ba-la-mật-đa khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng thấy Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa khác

với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy bốn Tĩnh lự khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng thấy bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy tám Giải thoát khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng thấy tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy bốn Niệm trụ khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy pháp môn giải thoát Không khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng thấy pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy năm loại mắt khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng thấy sáu phép thần thông khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì năm loại mắt, sáu phép thần thông cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy mười lực của Phật khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng thấy bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng

chẳng thấy trí Nhất thiết khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng thấy trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy tất cả pháp môn Đà-la-ni khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng thấy tất cả pháp môn Tam-ma-địa khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy bậc Cực hỷ khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng thấy bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy bậc phàm phu khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng thấy bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì bậc phàm phu cho đến bậc Như Lai cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy Thanh văn thừa khác với rốt ráo chẳng sinh; cũng chẳng thấy Độc giác thừa, Đại thừa khác với rốt ráo chẳng sinh. Vì sao? Vì Thanh văn thừa, Độc giác thừa, Đại thừa cùng với rốt ráo chẳng sinh là không hai, không hai phần.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là rốt ráo chẳng sinh không có Bồ-tát nào có thể tu hành quả vị Giác ngộ cao tột.

Cụ thọ Thiện Hiện lại đáp lời Xá-lợi Tử:

–Như Tôn giả đã hỏi, vì duyên cớ gì mà nói là nếu Đại Bồ-tát nghe nói như vậy mà tâm chẳng kinh hoàng, chẳng hãi hùng, chẳng sợ sệt, chẳng chìm, chẳng đắm, cũng chẳng lo buồn, hối tiếc thì nên biết đó là Đại Bồ-tát có khả năng tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy các pháp có bản thể, có công dụng, mà thấy tất cả pháp như sự huyễn, như cảnh mộng, như ảnh tượng, như tiếng vang, như bóng sáng, như hoa

đốm hư không, như bóng nước, như ảo thành, như trò biến hóa, đều chẳng phải thật có. Nghe nói bản tánh của các pháp đều là không, trong lòng hết mực hoan hỷ.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi nói là nếu Đại Bồ-tát nghe nói như vậy mà tâm chẳng kinh hoàng, chẳng hãi hùng, chẳng sợ sệt, chẳng chìm, chẳng đắm, cũng chẳng lo buồn, hối tiếc, thì nên biết đó là Đại Bồ-tát có khả năng tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

-oOo-

PHẨM 19: QUÁN HẠNH (1)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, đối với sắc chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có sắc; đối với thọ, tưởng, hành, thức chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có thọ, tưởng, hành, thức.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, đối với nhãn xứ chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có nhãn xứ; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, đối với sắc xứ chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có sắc xứ; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, đối với nhãn giới chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có nhãn giới; đối với sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, đối với nhĩ giới chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có nhĩ giới; đối với thanh giới,

nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, đối với tỷ giới chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có tỷ giới; đối với hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, đối với thiệt giới chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có thiệt giới; đối với vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, đối với thân giới chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có thân giới; đối với xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, đối với ý giới chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có ý giới; đối với pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, đối với địa giới chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có địa giới; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, đối với Thánh đế khổ chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy,

chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có Thánh đế khổ; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có Thánh đế tập, diệt, đạo.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, đối với vô minh chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có vô minh; đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, đối với pháp không bên trong chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có pháp không bên trong; đối với pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, đối với Bố thí ba-la-mật-đa chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có Bố thí ba-la-mật-đa; đối với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, đối với bốn Tĩnh lự chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có bốn Tĩnh lự; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, đối với tám Giải thoát chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy,

chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có tám Giải thoát; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, đối với bốn Niệm trụ chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có bốn Niệm trụ; đối với bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, đối với pháp môn giải thoát Không chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có pháp môn giải thoát Không; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, đối với năm loại mắt chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có năm loại mắt; đối với sáu phép thần thông chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có sáu phép thần thông.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, đối với mười lực của Phật chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có mười lực của Phật; đối với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, đối với chân như chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có chân như; đối với pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có pháp giới cho đến cảnh giới

chẳng thể nghĩ bàn.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, đối với quả vị Giác ngộ cao tột, chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có quả vị Giác ngộ cao tột; đối với trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, đối với pháp không quên mất, chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có pháp không quên mất; đối với tánh luôn luôn xả, chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có tánh luôn luôn xả.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có tất cả pháp môn Đà-la-ni; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng nhận lãnh, chẳng giữ lấy, chẳng chấp, chẳng vướng, cũng chẳng cho là thật có tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sắc. Vì sao? Vì tánh của sắc là không, không sinh diệt. Chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không, không sinh diệt.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy nhãn xứ. Vì sao? Vì tánh của nhãn xứ là không, không sinh diệt. Chẳng thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Vì sao? Vì tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không, không sinh diệt.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sắc xứ. Vì sao? Vì tánh của sắc xứ là không, không sinh diệt. Chẳng thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Vì sao? Vì tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không, không sinh diệt.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy nhãn giới. Vì sao? Vì tánh của nhãn giới là không, không sinh diệt. Chẳng thấy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không, không sinh diệt.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa,

chẳng thấy nhĩ giới. Vì sao? Vì tánh của nhĩ giới là không, không sinh diệt. Chẳng thấy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không, không sinh diệt.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy tỷ giới. Vì sao? Vì tánh của tỷ giới là không, không sinh diệt. Chẳng thấy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không, không sinh diệt.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy thiệt giới. Vì sao? Vì tánh của thiệt giới là không, không sinh diệt. Chẳng thấy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không, không sinh diệt.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy thân giới. Vì sao? Vì tánh của thân giới là không, không sinh diệt. Chẳng thấy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không, không sinh diệt.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy ý giới. Vì sao? Vì tánh của ý giới là không, không sinh diệt. Chẳng thấy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không, không sinh diệt.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy địa giới. Vì sao? Vì tánh của địa giới là không, không sinh diệt. Chẳng thấy thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Vì sao? Vì tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không, không sinh diệt.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy Thánh đế khổ. Vì sao? Vì tánh của Thánh đế khổ là không, không sinh diệt. Chẳng thấy Thánh đế tập, diệt, đạo. Vì sao? Vì tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không, không sinh diệt.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy vô minh. Vì sao? Vì tánh của vô minh là không, không sinh diệt. Chẳng thấy hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não. Vì sao? Vì tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi

khổ ưu não là không, không sinh diệt.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy pháp không bên trong. Vì sao? Vì tánh của pháp không bên trong là không, không sinh diệt. Chẳng thấy pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh. Vì sao? Vì tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không, không sinh diệt.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy Bố thí ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không, không sinh diệt. Chẳng thấy Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là không, không sinh diệt.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy bốn Tĩnh lự. Vì sao? Vì tánh của bốn Tĩnh lự là không, không sinh diệt. Chẳng thấy bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Vì sao? Vì tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không, không sinh diệt.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy tám Giải thoát. Vì sao? Vì tánh của tám Giải thoát là không, không sinh diệt. Chẳng thấy tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Vì sao? Vì tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không, không sinh diệt.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy bốn Niệm trụ. Vì sao? Vì tánh của bốn Niệm trụ là không, không sinh diệt. Chẳng thấy bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo. Vì sao? Vì tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không, không sinh diệt.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy pháp môn giải thoát Không. Vì sao? Vì tánh của pháp môn giải thoát Không là không, không sinh diệt. Chẳng thấy pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện. Vì sao? Vì tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không, không sinh diệt.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy năm loại mắt. Vì sao? Vì tánh của năm loại mắt là không, không sinh diệt. Chẳng thấy sáu phép thần thông. Vì sao? Vì tánh của sáu phép thần thông là không, không sinh diệt.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy mười lực của Phật. Vì sao? Vì tánh nơi mười lực của Phật là không, không sinh diệt. Chẳng thấy bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng. Vì sao? Vì tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không, không sinh diệt.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy chân như. Vì sao? Vì tánh của chân như là không, không sinh diệt. Chẳng thấy pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không, không sinh diệt.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì tánh của quả vị Giác ngộ cao tột là không, không sinh diệt. Chẳng thấy trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Vì tánh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không, không sinh diệt.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy pháp không quên mất. Vì sao? Vì tánh của pháp không quên mất là không, không sinh diệt. Chẳng thấy tánh luôn luôn xả. Vì sao? Vì tánh của tánh luôn luôn xả là không, không sinh diệt.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy tất cả pháp môn Đà-la-ni. Vì sao? Vì tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không, không sinh diệt. Chẳng thấy tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Vì tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không, không sinh diệt.

Bạch Thế Tôn, sắc chẳng sinh nên chẳng phải là sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng sinh nên chẳng phải là thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì sắc cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần; thọ, tưởng, hành, thức cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sinh là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó sắc chẳng sinh nên chẳng phải là sắc; thọ, tưởng,

hành, thức chẳng sinh nên chẳng phải là thọ, tưởng, hành, thức.

Bạch Thế Tôn, nhãn xứ chẳng sinh nên chẳng phải là nhãn xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng sinh nên chẳng phải là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Vì sao? Vì nhãn xứ cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sinh là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó nhãn xứ chẳng sinh nên chẳng phải là nhãn xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng sinh nên chẳng phải là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Bạch Thế Tôn, sắc xứ chẳng sinh nên chẳng phải là sắc xứ; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng sinh nên chẳng phải là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Vì sao? Vì sắc xứ cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sinh là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó sắc xứ chẳng sinh nên chẳng phải là sắc xứ; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng sinh nên chẳng phải là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Bạch Thế Tôn, nhãn giới chẳng sinh nên chẳng phải là nhãn giới; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng sinh nên chẳng phải là sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì nhãn giới cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sinh là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó nhãn giới chẳng sinh nên chẳng phải là nhãn giới; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng sinh nên chẳng phải là sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, nhĩ giới chẳng sinh nên chẳng phải là nhĩ giới; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng sinh nên chẳng phải là thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì nhĩ giới cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sinh là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó nhĩ giới chẳng sinh nên chẳng phải là nhĩ giới; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng sinh nên chẳng phải

là thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, tỷ giới chẳng sinh nên chẳng phải là tỷ giới; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng sinh nên chẳng phải là hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tỷ giới cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sinh là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó tỷ giới chẳng sinh nên chẳng phải là tỷ giới; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng sinh nên chẳng phải là hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, thiệt giới chẳng sinh nên chẳng phải là thiệt giới; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng sinh nên chẳng phải là vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì thiệt giới cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sinh là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó thiệt giới chẳng sinh nên chẳng phải là thiệt giới; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng sinh nên chẳng phải là vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, thân giới chẳng sinh nên chẳng phải là thân giới; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng sinh nên chẳng phải là xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì thân giới cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sinh là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó thân giới chẳng sinh nên chẳng phải là thân giới; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng sinh nên chẳng phải là xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, ý giới chẳng sinh nên chẳng phải là ý giới; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng sinh nên chẳng phải là pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì ý giới cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cùng với chẳng

sinh là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sinh là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó ý giới chẳng sinh nên chẳng phải là ý giới; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng sinh nên chẳng phải là pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, địa giới chẳng sinh nên chẳng phải là địa giới; thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng sinh nên chẳng phải là thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Vì sao? Vì địa giới cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần; thủy, hỏa, phong, không, thức giới cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sinh là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó địa giới chẳng sinh nên chẳng phải là địa giới; thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng sinh nên chẳng phải là thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Bạch Thế Tôn, Thánh đế khổ chẳng sinh nên chẳng phải là Thánh đế khổ; Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng sinh nên chẳng phải là Thánh đế tập, diệt, đạo. Vì sao? Vì Thánh đế khổ cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần; Thánh đế tập, diệt, đạo cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sinh là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó Thánh đế khổ chẳng sinh nên chẳng phải là Thánh đế khổ; Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng sinh nên chẳng phải là Thánh đế tập, diệt, đạo.

Bạch Thế Tôn, vô minh chẳng sinh nên chẳng phải là vô minh; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng sinh nên chẳng phải là hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não. Vì sao? Vì vô minh cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sinh là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó vô minh chẳng sinh nên chẳng phải là vô minh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng sinh nên chẳng phải là hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Bạch Thế Tôn, pháp không bên trong chẳng sinh nên chẳng phải là pháp không bên trong; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản

tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng sinh nên chẳng phải là pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh. Vì sao? Vì pháp không bên trong cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sinh là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó pháp không bên trong chẳng sinh nên chẳng phải là pháp không bên trong; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng sinh nên chẳng phải là pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 71

PHẨM 19: QUÁN HẠNH (2)

Bạch Thế Tôn, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng sinh nên chẳng phải là Bố thí ba-la-mật-đa; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng sinh nên chẳng phải là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sinh là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó Bố thí ba-la-mật-đa chẳng sinh nên chẳng phải là Bố thí ba-la-mật-đa; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng sinh nên chẳng phải là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, bốn Tĩnh lự chẳng sinh nên chẳng phải là bốn Tĩnh lự; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng sinh nên chẳng phải là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sinh là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó bốn Tĩnh lự chẳng sinh nên chẳng phải là bốn Tĩnh lự; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng sinh nên chẳng phải là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Bạch Thế Tôn, tám Giải thoát chẳng sinh nên chẳng phải là tám Giải thoát; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng sinh nên chẳng phải là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Vì sao? Vì tám Giải thoát cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sinh là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó tám Giải

thoát chẳng sinh nên chẳng phải là tám Giải thoát; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng sinh nên chẳng phải là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Bạch Thế Tôn, bốn Niệm trụ chẳng sinh nên chẳng phải là bốn Niệm trụ; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng sinh nên chẳng phải là bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sinh là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó bốn Niệm trụ chẳng sinh nên chẳng phải là bốn Niệm trụ; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng sinh nên chẳng phải là bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Bạch Thế Tôn, pháp môn giải thoát Không chẳng sinh nên chẳng phải là pháp môn giải thoát Không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng sinh nên chẳng phải là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sinh là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó pháp môn giải thoát Không chẳng sinh nên chẳng phải là pháp môn giải thoát Không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng sinh nên chẳng phải là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Bạch Thế Tôn, năm loại mắt chẳng sinh nên chẳng phải là năm loại mắt; sáu phép thần thông chẳng sinh nên chẳng phải là sáu phép thần thông. Vì sao? Vì năm loại mắt cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần; sáu phép thần thông cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sinh là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó năm loại mắt chẳng sinh nên chẳng phải là năm loại mắt; sáu phép thần thông chẳng sinh nên chẳng phải là sáu phép thần thông.

Bạch Thế Tôn, mười lực của Phật chẳng sinh nên chẳng phải là mười lực của Phật; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng sinh nên chẳng phải là bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Vì sao? Vì mười lực của Phật cùng với chẳng sinh là không hai, không

hai phần; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sinh là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó mười lực của Phật chẳng sinh nên chẳng phải là mười lực của Phật; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chẳng sinh nên chẳng phải là bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Bạch Thế Tôn, chân như chẳng sinh nên chẳng phải là chân như; pháp giới, pháp tánh, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng sinh nên chẳng phải là pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì chân như cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sinh là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó chân như chẳng sinh nên chẳng phải là chân như; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng sinh nên chẳng phải là pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Bạch Thế Tôn, quả vị Giác ngộ cao tột chẳng sinh nên chẳng phải là quả vị Giác ngộ cao tột; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng sinh nên chẳng phải là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sinh là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó quả vị Giác ngộ cao tột chẳng sinh nên chẳng phải là quả vị Giác ngộ cao tột; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng sinh nên chẳng phải là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, pháp không quên mất chẳng sinh nên chẳng phải là pháp không quên mất; tánh luôn luôn xả chẳng sinh nên chẳng phải là tánh luôn luôn xả. Vì sao? Vì pháp không quên mất cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần; tánh luôn luôn xả cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sinh là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó pháp không quên mất chẳng sinh nên chẳng phải là pháp không quên mất; tánh luôn luôn xả chẳng sinh nên chẳng phải là tánh luôn luôn xả.

Bạch Thế Tôn, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng sinh nên chẳng phải là tất cả pháp môn Đà-la-ni; tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng sinh nên chẳng phải là tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần; tất cả pháp môn Tam-ma-địa cùng với chẳng sinh là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sinh là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng sinh nên chẳng phải là tất cả pháp môn Đà-la-ni; tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng sinh nên chẳng phải là tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Bạch Thế Tôn, sắc chẳng diệt nên chẳng phải là sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng diệt nên chẳng phải là thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì sắc cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần; thọ, tưởng, hành, thức cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng diệt là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó sắc chẳng diệt nên chẳng phải là sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng diệt nên chẳng phải là thọ, tưởng, hành, thức.

Bạch Thế Tôn, nhãn xứ chẳng diệt nên chẳng phải là nhãn xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng diệt nên chẳng phải là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Vì sao? Vì nhãn xứ cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng diệt là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó nhãn xứ chẳng diệt nên chẳng phải là nhãn xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng diệt nên chẳng phải là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Bạch Thế Tôn, sắc xứ chẳng diệt nên chẳng phải là sắc xứ; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng diệt nên chẳng phải là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Vì sao? Vì sắc xứ cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng diệt là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó sắc xứ chẳng diệt nên chẳng phải là sắc xứ; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng diệt nên chẳng phải là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Bạch Thế Tôn, nhãn giới chẳng diệt nên chẳng phải là nhãn giới; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng diệt nên chẳng phải là sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì nhãn giới cùng với chẳng diệt là không hai,

không hai phần; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng diệt là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó nhãn giới chẳng diệt nên chẳng phải là nhãn giới; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng diệt nên chẳng phải là sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, nhĩ giới chẳng diệt nên chẳng phải là nhĩ giới; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng diệt nên chẳng phải là thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì nhĩ giới cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng diệt là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó nhĩ giới chẳng diệt nên chẳng phải là nhĩ giới; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng diệt nên chẳng phải là thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, tỷ giới chẳng diệt nên chẳng phải là tỷ giới; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng diệt nên chẳng phải là hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tỷ giới cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng diệt là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó tỷ giới chẳng diệt nên chẳng phải là tỷ giới; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng diệt nên chẳng phải là hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, thiệt giới chẳng diệt nên chẳng phải là thiệt giới; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng diệt nên chẳng phải là vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì thiệt giới cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng diệt là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó thiệt giới chẳng diệt nên chẳng phải là thiệt giới; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng diệt nên chẳng phải là vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, thân giới chẳng diệt nên chẳng phải là thân giới; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng diệt nên chẳng phải là xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì thân giới cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng diệt là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó thân giới chẳng diệt nên chẳng phải là thân giới; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng diệt nên chẳng phải là xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, ý giới chẳng diệt nên chẳng phải là ý giới; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng diệt nên chẳng phải là pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì ý giới cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng diệt là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó ý giới chẳng diệt nên chẳng phải là ý giới; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng diệt nên chẳng phải là pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, địa giới chẳng diệt nên chẳng phải là địa giới; thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng diệt nên chẳng phải là thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Vì sao? Vì địa giới cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần; thủy, hỏa, phong, không, thức giới cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng diệt là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó địa giới chẳng diệt nên chẳng phải là địa giới; thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng diệt nên chẳng phải là thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Bạch Thế Tôn, Thánh đế khổ chẳng diệt nên chẳng phải là Thánh đế khổ; Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng diệt nên chẳng phải là Thánh đế tập, diệt, đạo. Vì sao? Vì Thánh đế khổ cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần; Thánh đế tập, diệt, đạo cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng diệt là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó Thánh đế khổ chẳng diệt nên chẳng phải là Thánh đế khổ; Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng diệt nên chẳng phải là Thánh đế tập, diệt, đạo.

Bạch Thế Tôn, vô minh chẳng diệt nên chẳng phải là vô minh; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng diệt nên chẳng phải là hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não. Vì sao? Vì vô minh cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng diệt là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó vô minh chẳng diệt nên chẳng phải là vô minh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng diệt nên chẳng phải là hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Bạch Thế Tôn, pháp không bên trong chẳng diệt nên chẳng phải là pháp không bên trong; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng diệt nên chẳng phải là pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh. Vì sao? Vì pháp không bên trong cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng diệt là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó pháp không bên trong chẳng diệt nên chẳng phải là pháp không bên trong; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng diệt nên chẳng phải là pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Bạch Thế Tôn, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng diệt nên chẳng phải là Bố thí ba-la-mật-đa; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng diệt nên chẳng phải là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng diệt là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó Bố thí ba-la-mật-đa chẳng diệt nên chẳng phải là Bố thí ba-la-mật-đa; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng diệt nên chẳng phải là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, bốn Tĩnh lự chẳng diệt nên chẳng phải là bốn Tĩnh lự; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng diệt nên chẳng phải là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng diệt là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó bốn Tĩnh lự chẳng diệt nên chẳng phải là bốn Tĩnh lự; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng diệt nên chẳng phải là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Bạch Thế Tôn, tám Giải thoát chẳng diệt nên chẳng phải là tám Giải thoát; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng diệt nên chẳng phải là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Vì sao? Vì tám Giải thoát cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng diệt là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó tám Giải thoát chẳng diệt nên chẳng phải là tám Giải thoát; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng diệt nên chẳng phải là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Bạch Thế Tôn, bốn Niệm trụ chẳng diệt nên chẳng phải là bốn Niệm trụ; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng diệt nên chẳng phải là bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng diệt là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó bốn Niệm trụ chẳng diệt nên chẳng phải là bốn Niệm trụ; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng diệt nên chẳng phải là bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Bạch Thế Tôn, pháp môn giải thoát Không chẳng diệt nên chẳng phải là pháp môn giải thoát Không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng diệt nên chẳng phải là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng diệt là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải

khác. Do đó pháp môn giải thoát Không chẳng diệt nên chẳng phải là pháp môn giải thoát Không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng diệt nên chẳng phải là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Bạch Thế Tôn, năm loại mắt chẳng diệt nên chẳng phải là năm loại mắt; sáu phép thần thông chẳng diệt nên chẳng phải là sáu phép thần thông. Vì sao? Vì năm loại mắt cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần; sáu phép thần thông cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng diệt là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó năm loại mắt chẳng diệt nên chẳng phải là năm loại mắt; sáu phép thần thông chẳng diệt nên chẳng phải là sáu phép thần thông.

Bạch Thế Tôn, mười lực của Phật chẳng diệt nên chẳng phải là mười lực của Phật; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng diệt nên chẳng phải là bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Vì sao? Vì mười lực của Phật cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng diệt là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó mười lực của Phật chẳng diệt nên chẳng phải là mười lực của Phật; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chẳng diệt nên chẳng phải là bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Bạch Thế Tôn, chân như chẳng diệt nên chẳng phải là chân như; pháp giới, pháp tánh, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng diệt nên chẳng phải là pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì chân như cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng diệt là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó chân như chẳng diệt nên chẳng phải là chân như; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng diệt nên chẳng phải là pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Bạch Thế Tôn, quả vị Giác ngộ cao tột chẳng diệt nên chẳng phải là quả vị Giác ngộ cao tột; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng diệt nên chẳng phải là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất

thiết tướng. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng diệt là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó quả vị Giác ngộ cao tột chẳng diệt nên chẳng phải là quả vị Giác ngộ cao tột; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng diệt nên chẳng phải là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, pháp không quên mất chẳng diệt nên chẳng phải là pháp không quên mất; tánh luôn luôn xả chẳng diệt nên chẳng phải là tánh luôn luôn xả. Vì sao? Vì pháp không quên mất cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần; tánh luôn luôn xả cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng diệt là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó pháp không quên mất chẳng diệt nên chẳng phải là pháp không quên mất; tánh luôn luôn xả chẳng diệt nên chẳng phải là tánh luôn luôn xả.

Bạch Thế Tôn, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng diệt nên chẳng phải là tất cả pháp môn Đà-la-ni; tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng diệt nên chẳng phải là tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần; tất cả pháp môn Tam-ma-địa cùng với chẳng diệt là không hai, không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng diệt là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Do đó tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng diệt nên chẳng phải là tất cả pháp môn Đà-la-ni; tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng diệt nên chẳng phải là tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Bạch Thế Tôn, sắc không hai nên chẳng phải là sắc; thọ, tưởng, hành, thức không hai nên chẳng phải là thọ, tưởng, hành, thức.

Bạch Thế Tôn, nhãn xứ không hai nên chẳng phải là nhãn xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không hai nên chẳng phải là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Bạch Thế Tôn, sắc xứ không hai nên chẳng phải là sắc xứ; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không hai nên chẳng phải là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Bạch Thế Tôn, nhãn giới không hai nên chẳng phải là nhãn giới; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không hai nên chẳng phải là sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc

làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, nhĩ giới không hai nên chẳng phải là nhĩ giới; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không hai nên chẳng phải là thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, tỷ giới không hai nên chẳng phải là tỷ giới; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không hai nên chẳng phải là hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, thiệt giới không hai nên chẳng phải là thiệt giới; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không hai nên chẳng phải là vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, thân giới không hai nên chẳng phải là thân giới; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không hai nên chẳng phải là xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, ý giới không hai nên chẳng phải là ý giới; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không hai nên chẳng phải là pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, địa giới không hai nên chẳng phải là địa giới; thủy, hỏa, phong, không, thức giới không hai nên chẳng phải là thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Bạch Thế Tôn, Thánh đế khổ không hai nên chẳng phải là Thánh đế khổ; Thánh đế tập, diệt, đạo không hai nên chẳng phải là Thánh đế tập, diệt, đạo.

Bạch Thế Tôn, vô minh không hai nên chẳng phải là vô minh; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não không hai nên chẳng phải là hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Bạch Thế Tôn, pháp không bên trong không hai nên chẳng phải là pháp không bên trong; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh,

pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh không hai nên chẳng phải là pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Bạch Thế Tôn, Bố thí ba-la-mật-đa không hai nên chẳng phải là Bố thí ba-la-mật-đa; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không hai nên chẳng phải là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, bốn Tĩnh lự không hai nên chẳng phải là bốn Tĩnh lự; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không hai nên chẳng phải là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Bạch Thế Tôn, tám Giải thoát không hai nên chẳng phải là tám Giải thoát; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không hai nên chẳng phải là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Bạch Thế Tôn, bốn Niệm trụ không hai nên chẳng phải là bốn Niệm trụ; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo không hai nên chẳng phải là bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Bạch Thế Tôn, pháp môn giải thoát Không không hai nên chẳng phải là pháp môn giải thoát Không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không hai nên chẳng phải là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Bạch Thế Tôn, năm loại mắt không hai nên chẳng phải là năm loại mắt; sáu phép thần thông không hai nên chẳng phải là sáu phép thần thông.

Bạch Thế Tôn, mười lực của Phật không hai nên chẳng phải là mười lực của Phật; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng không hai nên chẳng phải là bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Bạch Thế Tôn, chân như không hai nên chẳng phải là chân như; pháp giới, pháp tánh, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không hai nên chẳng phải là pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Bạch Thế Tôn, quả vị Giác ngộ cao tột không hai nên chẳng phải là quả vị Giác ngộ cao tột; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không hai nên chẳng phải là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, pháp không quên mất không hai nên chẳng phải là

pháp không quên mất; tánh luôn luôn xả không hai nên chẳng phải là tánh luôn luôn xả.

Bạch Thế Tôn, tất cả pháp môn Đà-la-ni không hai nên chẳng phải là tất cả pháp môn Đà-la-ni; tất cả pháp môn Tam-ma-địa không hai nên chẳng phải là tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Bạch Thế Tôn, sắc nhập vào không hai, pháp số không rối; thọ, tưởng, hành, thức nhập vào không hai, pháp số không rối.

Bạch Thế Tôn, nhãn xứ nhập vào không hai, pháp số không rối; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ nhập vào không hai, pháp số không rối.

Bạch Thế Tôn, sắc xứ nhập vào không hai, pháp số không rối; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ nhập vào không hai, pháp số không rối.

Bạch Thế Tôn, nhãn giới nhập vào không hai, pháp số không rối; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra nhập vào không hai, pháp số không rối.

Bạch Thế Tôn, nhĩ giới nhập vào không hai, pháp số không rối; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra nhập vào không hai, pháp số không rối.

Bạch Thế Tôn, tỷ giới nhập vào không hai, pháp số không rối; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra nhập vào không hai, pháp số không rối.

Bạch Thế Tôn, thiệt giới nhập vào không hai, pháp số không rối; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra nhập vào không hai, pháp số không rối.

Bạch Thế Tôn, thân giới nhập vào không hai, pháp số không rối; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra nhập vào không hai, pháp số không rối.

Bạch Thế Tôn, ý giới nhập vào không hai, pháp số không rối; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra nhập vào không hai, pháp số không rối.

Bạch Thế Tôn, địa giới nhập vào không hai, pháp số không rối; thủy, hỏa, phong, không, thức giới nhập vào không hai, pháp số không rối.

Bạch Thế Tôn, Thánh đế khổ nhập vào không hai, pháp số không rối; Thánh đế tập, diệt, đạo nhập vào không hai, pháp số không rối.

Bạch Thế Tôn, vô minh nhập vào không hai, pháp số không rối;

hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não nhập vào không hai, pháp số không rốt.

Bạch Thế Tôn, pháp không bên trong nhập vào không hai, pháp số không rốt; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh nhập vào không hai, pháp số không rốt.

Bạch Thế Tôn, Bố thí ba-la-mật-đa nhập vào không hai, pháp số không rốt; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa nhập vào không hai, pháp số không rốt.

Bạch Thế Tôn, bốn Tĩnh lự nhập vào không hai, pháp số không rốt; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc nhập vào không hai, pháp số không rốt.

Bạch Thế Tôn, tám Giải thoát nhập vào không hai, pháp số không rốt; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ nhập vào không hai, pháp số không rốt.

Bạch Thế Tôn, bốn Niệm trụ nhập vào không hai, pháp số không rốt; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo nhập vào không hai, pháp số không rốt.

Bạch Thế Tôn, pháp môn giải thoát Không nhập vào không hai, pháp số không rốt; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện nhập vào không hai, pháp số không rốt.

Bạch Thế Tôn, năm loại mắt nhập vào không hai, pháp số không rốt; sáu phép thần thông nhập vào không hai, pháp số không rốt.

Bạch Thế Tôn, mười lực của Phật nhập vào không hai, pháp số không rốt; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng nhập vào không hai, pháp số không rốt.

Bạch Thế Tôn, chân như nhập vào không hai, pháp số không rốt; pháp giới, pháp tánh, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn nhập vào không hai, pháp số không rốt.

Bạch Thế Tôn, quả vị Giác ngộ cao tột nhập vào không hai, pháp

số không rối; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng nhập vào không hai, pháp số không rối.

Bạch Thế Tôn, pháp không quên mất nhập vào không hai, pháp số không rối; tánh luôn luôn xả nhập vào không hai, pháp số không rối.

Bạch Thế Tôn, tất cả pháp môn Đà-la-ni nhập vào không hai, pháp số không rối; tất cả pháp môn Tam-ma-địa nhập vào không hai, pháp số không rối.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Nói là Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán các pháp, cái gì gọi là Đại Bồ-tát, cái gì gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa, cái gì gọi là quán các pháp?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp lời Xá-lợi Tử:

–Như Tôn giả đã hỏi, "Cái gì gọi là Đại Bồ-tát?" Xá-lợi Tử, đó là loại hữu tình cầu quả vị Giác ngộ và cũng đã giác ngộ nên gọi là Bồ-tát, có khả năng nhận biết như thật về tất cả pháp tướng nhưng chẳng chấp trước, nên gọi là Đại Bồ-tát.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Thế nào là Đại Bồ-tát có khả năng nhận biết như thật về tất cả pháp tướng nhưng chẳng chấp trước?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nhận biết như thật về tướng của sắc nhưng chẳng chấp trước; nhận biết như thật về tướng của thọ, tưởng, hành, thức nhưng chẳng chấp trước.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nhận biết như thật về tướng của nhãn xứ nhưng chẳng chấp trước; nhận biết như thật về tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ nhưng chẳng chấp trước.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nhận biết như thật về tướng của sắc xứ nhưng chẳng chấp trước; nhận biết như thật về tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ nhưng chẳng chấp trước.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nhận biết như thật về tướng của nhãn giới nhưng chẳng chấp trước; nhận biết như thật về tướng của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra nhưng chẳng chấp trước.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nhận biết như thật về tướng của nhĩ giới nhưng chẳng chấp trước; nhận biết như thật về tướng của thanh giới, nhĩ

thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra nhưng chẳng chấp trước.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nhận biết như thật về tướng của tỷ giới nhưng chẳng chấp trước; nhận biết như thật về tướng của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra nhưng chẳng chấp trước.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nhận biết như thật về tướng của thiệt giới nhưng chẳng chấp trước; nhận biết như thật về tướng của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra nhưng chẳng chấp trước.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nhận biết như thật về tướng của thân giới nhưng chẳng chấp trước; nhận biết như thật về tướng của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra nhưng chẳng chấp trước.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nhận biết như thật về tướng của ý giới nhưng chẳng chấp trước; nhận biết như thật về tướng của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra nhưng chẳng chấp trước.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nhận biết như thật về tướng của địa giới nhưng chẳng chấp trước; nhận biết như thật về tướng của thủy, hỏa, phong, không, thức giới nhưng chẳng chấp trước.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nhận biết như thật về tướng của Thánh đế khổ nhưng chẳng chấp trước; nhận biết như thật về tướng của Thánh đế tập, diệt, đạo nhưng chẳng chấp trước.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nhận biết như thật về tướng của vô minh nhưng chẳng chấp trước; nhận biết như thật về tướng của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não nhưng chẳng chấp trước.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nhận biết như thật về tướng của pháp không bên trong nhưng chẳng chấp trước; nhận biết như thật về tướng của pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp

không không tánh tự tánh nhưng chẳng chấp trước.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nhận biết như thật về tướng của Bố thí ba-la-mật-đa nhưng chẳng chấp trước; nhận biết như thật về tướng của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa nhưng chẳng chấp trước.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nhận biết như thật về tướng của bốn Tĩnh lự nhưng chẳng chấp trước; nhận biết như thật về tướng của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc nhưng chẳng chấp trước.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nhận biết như thật về tướng của tám Giải thoát nhưng chẳng chấp trước; nhận biết như thật về tướng của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ nhưng chẳng chấp trước.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nhận biết như thật về tướng của bốn Niệm trụ nhưng chẳng chấp trước; nhận biết như thật về tướng của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo nhưng chẳng chấp trước.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nhận biết như thật về tướng của pháp môn giải thoát Không nhưng chẳng chấp trước; nhận biết như thật về tướng của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện nhưng chẳng chấp trước.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nhận biết như thật về tướng của năm loại mắt nhưng chẳng chấp trước; nhận biết như thật về tướng của sáu phép thần thông nhưng chẳng chấp trước.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nhận biết như thật về tướng nơi mười lực của Phật nhưng chẳng chấp trước; nhận biết như thật về tướng của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng nhưng chẳng chấp trước.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nhận biết như thật về tướng của chân như nhưng chẳng chấp trước; nhận biết như thật về tướng của pháp giới, pháp tánh, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn nhưng chẳng chấp trước.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nhận biết như thật về tướng của quả vị Giác ngộ cao tột nhưng chẳng chấp trước; nhận biết như thật về tướng của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng nhưng chẳng chấp trước.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nhận biết như thật về tướng của pháp không quên mất nhưng chẳng chấp trước; nhận biết như thật về tướng của tánh luôn luôn xả nhưng chẳng chấp trước.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nhận biết như thật về tướng của tất cả pháp môn Đà-la-ni nhưng chẳng chấp trước; nhận biết như thật về tướng của tất cả pháp môn Tam-ma-địa nhưng chẳng chấp trước.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Những gì gọi là tất cả pháp tướng?

Thiện Hiện đáp:

–Nếu do tướng trạng của các hành như vậy mà biết rõ các pháp là sắc, là thanh, là hương, là vị, là xúc, là pháp, là bên trong, là bên ngoài, là hữu lậu, là vô lậu, là hữu vi, là vô vi thì những thứ này gọi là tất cả pháp tướng.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại đáp lời Xá-lợi Tử:

–Như Tôn giả đã hỏi, "Cái gì gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa?" Xá-lợi Tử, có được trí tuệ thắng diệu vĩnh viễn xa lìa mọi nẻo sở hữu nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Trí này đối với pháp nào mà được vĩnh viễn xa lìa?

Thiện Hiện đáp:

–Trí này đối với tất cả phiền não, các nẻo kiến chấp được vĩnh viễn xa lìa; trí này đối với sáu cõi, bốn loài được vĩnh viễn xa lìa; trí này đối với tất cả uẩn, xứ, giới... được vĩnh viễn xa lìa, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có được trí tuệ thắng diệu, vĩnh viễn đạt đến những chỗ thích hợp, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Trí này đối với pháp nào được vĩnh viễn đạt đến?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, trí này đối với thật tánh của sắc được vĩnh viễn đạt đến; đối với thật tánh của thọ, tưởng, hành, thức được vĩnh viễn đạt đến, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, trí này đối với thật tánh của nhãn xứ được vĩnh viễn đạt đến; đối với thật tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ được vĩnh viễn đạt đến, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, trí này đối với thật tánh của sắc xứ được vĩnh viễn đạt đến; đối với thật tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ được vĩnh viễn đạt đến, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, trí này đối với thật tánh của nhãn giới được vĩnh viễn đạt đến; đối với thật tánh của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra được vĩnh viễn đạt đến, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, trí này đối với thật tánh của nhĩ giới được vĩnh viễn đạt đến; đối với thật tánh của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra được vĩnh viễn đạt đến, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, trí này đối với thật tánh của tỷ giới được vĩnh viễn đạt đến; đối với thật tánh của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra được vĩnh viễn đạt đến, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, trí này đối với thật tánh của thiệt giới nhập vào không hai, pháp số không rối; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra được vĩnh viễn đạt đến, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, trí này đối với thật tánh của thân giới được vĩnh viễn đạt đến; đối với thật tánh của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra được vĩnh viễn đạt đến, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, trí này đối với thật tánh của ý giới được vĩnh viễn đạt đến; đối với thật tánh của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra được vĩnh viễn đạt đến, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, trí này đối với thật tánh của địa giới được vĩnh viễn đạt đến; đối với thật tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới được vĩnh viễn đạt đến, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, trí này đối với thật tánh của Thánh đế khổ được vĩnh viễn đạt đến; đối với thật tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo được vĩnh viễn đạt đến, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, trí này đối với thật tánh của vô minh được vĩnh viễn đạt đến; đối với thật tánh của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não được vĩnh viễn đạt đến, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, trí này đối với thật tánh của pháp không bên trong được vĩnh viễn đạt đến; đối với thật tánh của pháp không bên ngoài, pháp

không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh được vĩnh viễn đạt đến, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, trí này đối với thật tánh của Bố thí ba-la-mật-đa được vĩnh viễn đạt đến; đối với thật tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa được vĩnh viễn đạt đến, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, trí này đối với thật tánh của bốn Tĩnh lự được vĩnh viễn đạt đến; đối với thật tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc được vĩnh viễn đạt đến, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, trí này đối với thật tánh của tám Giải thoát được vĩnh viễn đạt đến; đối với thật tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ được vĩnh viễn đạt đến, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, trí này đối với thật tánh của bốn Niệm trụ được vĩnh viễn đạt đến; đối với thật tánh của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo được vĩnh viễn đạt đến, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, trí này đối với thật tánh của pháp môn giải thoát Không được vĩnh viễn đạt đến; đối với thật tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện được vĩnh viễn đạt đến, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, trí này đối với thật tánh của năm loại mắt được vĩnh viễn đạt đến; đối với thật tánh của sáu phép thần thông được vĩnh viễn đạt đến, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, trí này đối với thật tánh nơi mười lực của Phật được vĩnh viễn đạt đến; đối với thật tánh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng được vĩnh viễn đạt đến, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, trí này đối với thật tánh của chân như được vĩnh viễn đạt đến; đối với thật tánh của pháp giới, pháp tánh, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn được vĩnh viễn đạt đến, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, trí này đối với thật tánh của quả vị Giác ngộ cao tột được vĩnh viễn đạt đến; đối với thật tánh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng được vĩnh viễn đạt đến, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, trí này đối với thật tánh của pháp không quên mất được vĩnh viễn đạt đến; đối với thật tánh của tánh luôn luôn xả được vĩnh viễn đạt đến, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, trí này đối với thật tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni được vĩnh viễn đạt đến; đối với thật tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa được vĩnh viễn đạt đến, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 72

PHẨM 19: QUÁN HẠNH (3)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại đáp lời Xá-lợi Tử:

–Như Tôn giả đã hỏi, "Thế nào gọi là quán các pháp?" Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán sắc chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Quán sắc chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; quán thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải lạc, chẳng phải khổ. Quán sắc chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; quán thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Quán sắc chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; quán thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Quán sắc chẳng phải không, chẳng phải bất không; quán thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải không, chẳng phải bất không. Quán sắc chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; quán thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng. Quán sắc chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; quán thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện. Quán sắc chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; quán thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh. Quán sắc chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; quán thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là quán các pháp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán nhãn xứ chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Quán nhãn xứ chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải lạc, chẳng phải khổ. Quán nhãn xứ chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Quán nhãn xứ chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Quán nhãn xứ chẳng phải không,

chẳng phải bất không; quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải không, chẳng phải bất không. Quán nhãn xứ chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng. Quán nhãn xứ chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện. Quán nhãn xứ chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh. Quán nhãn xứ chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là quán các pháp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán sắc xứ chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Quán sắc xứ chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải lạc, chẳng phải khổ. Quán sắc xứ chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Quán sắc xứ chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Quán sắc xứ chẳng phải không, chẳng phải bất không; quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải không, chẳng phải bất không. Quán sắc xứ chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng. Quán sắc xứ chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện. Quán sắc xứ chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh. Quán sắc xứ chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là quán các pháp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán nhãn giới chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Quán nhãn giới chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải lạc, chẳng phải khổ. Quán nhãn giới chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn

xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Quán nhãn giới chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Quán nhãn giới chẳng phải không, chẳng phải bất không; quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải không, chẳng phải bất không. Quán nhãn giới chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng. Quán nhãn giới chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện. Quán nhãn giới chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh. Quán nhãn giới chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là quán các pháp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán nhĩ giới chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Quán nhĩ giới chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; quán thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải lạc, chẳng phải khổ. Quán nhĩ giới chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; quán thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Quán nhĩ giới chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; quán thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Quán nhĩ giới chẳng phải không, chẳng phải bất không; quán thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải không, chẳng phải bất không. Quán nhĩ giới chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; quán thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng. Quán nhĩ giới chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; quán thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải hữu

nguyện, chẳng phải vô nguyện. Quán nhĩ giới chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; quán thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh. Quán nhĩ giới chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; quán thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là quán các pháp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán tỷ giới chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Quán tỷ giới chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; quán hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải lạc, chẳng phải khổ. Quán tỷ giới chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; quán hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Quán tỷ giới chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; quán hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Quán tỷ giới chẳng phải không, chẳng phải bất không; quán hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải không, chẳng phải bất không. Quán tỷ giới chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; quán hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng. Quán tỷ giới chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; quán hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện. Quán tỷ giới chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; quán hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh. Quán tỷ giới chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; quán hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là quán các pháp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán thiệt giới chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Quán thiệt giới chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt

xúc làm duyên sinh ra chẳng phải lạc, chẳng phải khổ. Quán thiệt giới chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Quán thiệt giới chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Quán thiệt giới chẳng phải không, chẳng phải bất không; quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng phải không, chẳng phải bất không. Quán thiệt giới chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng. Quán thiệt giới chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện. Quán thiệt giới chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh. Quán thiệt giới chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là quán các pháp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán thân giới chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Quán thân giới chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; quán xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng phải lạc, chẳng phải khổ. Quán thân giới chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; quán xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Quán thân giới chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; quán xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Quán thân giới chẳng phải không, chẳng phải bất không; quán xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng phải không, chẳng phải bất không. Quán thân giới chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; quán xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng. Quán thân giới chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; quán xúc giới, thân thức

giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện. Quán thân giới chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; quán xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh. Quán thân giới chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; quán xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là quán các pháp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý giới chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Quán ý giới chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải lạc, chẳng phải khổ. Quán ý giới chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Quán ý giới chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Quán ý giới chẳng phải không, chẳng phải bất không; quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải không, chẳng phải bất không. Quán ý giới chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng. Quán ý giới chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện. Quán ý giới chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh. Quán ý giới chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là quán các pháp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán địa giới chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Quán địa giới chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới

chẳng phải lạc, chẳng phải khổ. Quán địa giới chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Quán địa giới chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Quán địa giới chẳng phải không, chẳng phải bất không; quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải không, chẳng phải bất không. Quán địa giới chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng. Quán địa giới chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện. Quán địa giới chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh. Quán địa giới chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là quán các pháp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán Thánh đế khổ chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Quán Thánh đế khổ chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; quán Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải lạc, chẳng phải khổ. Quán Thánh đế khổ chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; quán Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Quán Thánh đế khổ chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; quán Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Quán Thánh đế khổ chẳng phải không, chẳng phải bất không; quán Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải không, chẳng phải bất không. Quán Thánh đế khổ chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; quán Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng. Quán Thánh đế khổ chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; quán Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện. Quán Thánh đế khổ chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; quán Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh. Quán Thánh đế khổ chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; quán Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là quán các pháp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán

vô minh chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Quán vô minh chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng phải lạc, chẳng phải khổ. Quán vô minh chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Quán vô minh chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Quán vô minh chẳng phải không, chẳng phải bất không; quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng phải không, chẳng phải bất không. Quán vô minh chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng. Quán vô minh chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện. Quán vô minh chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh. Quán vô minh chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là quán các pháp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán pháp không bên trong chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Quán pháp không bên trong chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô

vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng phải lạc, chẳng phải khổ. Quán pháp không bên trong chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Quán pháp không bên trong chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Quán pháp không bên trong chẳng phải không, chẳng phải bất không; quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng phải không, chẳng phải bất không. Quán pháp không bên trong chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng.

Quán pháp không bên trong chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện. Quán pháp không bên trong chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh. Quán pháp không bên trong chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là quán các pháp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Quán Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải lạc, chẳng phải khổ. Quán Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Quán Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Quán Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải không, chẳng phải bất

không; quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải không, chẳng phải bất không. Quán Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng. Quán Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện. Quán Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh. Quán Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là quán các pháp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán bốn Tĩnh lự chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Quán bốn Tĩnh lự chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải lạc, chẳng phải khổ. Quán bốn Tĩnh lự chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Quán bốn Tĩnh lự chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Quán bốn Tĩnh lự chẳng phải không, chẳng phải bất không; quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải không, chẳng phải bất không. Quán bốn Tĩnh lự chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng. Quán bốn Tĩnh lự chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện. Quán bốn Tĩnh lự chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh. Quán bốn Tĩnh lự chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là quán các pháp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán tám Giải thoát chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải thường, chẳng phải vô

thường. Quán tám Giải thoát chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải lạc, chẳng phải khổ. Quán tám Giải thoát chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Quán tám Giải thoát chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Quán tám Giải thoát chẳng phải không, chẳng phải bất không; quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải không, chẳng phải bất không. Quán tám Giải thoát chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng. Quán tám Giải thoát chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện. Quán tám Giải thoát chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh. Quán tám Giải thoát chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là quán các pháp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán bốn Niệm trụ chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Quán bốn Niệm trụ chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng phải lạc, chẳng phải khổ. Quán bốn Niệm trụ chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Quán bốn Niệm trụ chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Quán bốn Niệm trụ chẳng phải không, chẳng phải bất không; quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng phải không, chẳng phải bất không. Quán bốn Niệm trụ chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng. Quán bốn Niệm trụ chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô

nguyện; quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện. Quán bốn Niệm trụ chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh. Quán bốn Niệm trụ chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là quán các pháp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán pháp môn giải thoát Không chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Quán pháp môn giải thoát Không chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải lạc, chẳng phải khổ. Quán pháp môn giải thoát Không chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Quán pháp môn giải thoát Không chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Quán pháp môn giải thoát Không chẳng phải không, chẳng phải bất không; quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải không, chẳng phải bất không. Quán pháp môn giải thoát Không chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng. Quán pháp môn giải thoát Không chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện. Quán pháp môn giải thoát Không chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh. Quán pháp môn giải thoát Không chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là quán các pháp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán năm loại mắt chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán sáu phép thần thông chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Quán năm loại mắt chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; quán sáu phép thần thông chẳng phải lạc,

chẳng phải khổ. Quán năm loại mắt chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; quán sáu phép thần thông chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Quán năm loại mắt chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; quán sáu phép thần thông chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Quán năm loại mắt chẳng phải không, chẳng phải bất không; quán sáu phép thần thông chẳng phải không, chẳng phải bất không. Quán năm loại mắt chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; quán sáu phép thần thông chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng. Quán năm loại mắt chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; quán sáu phép thần thông chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện. Quán năm loại mắt chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; quán sáu phép thần thông chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh. Quán năm loại mắt chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; quán sáu phép thần thông chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là quán các pháp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán mười lực của Phật chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Quán mười lực của Phật chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải lạc, chẳng phải khổ. Quán mười lực của Phật chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Quán mười lực của Phật chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Quán mười lực của Phật chẳng phải không, chẳng phải bất không; quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải không, chẳng phải bất không. Quán mười lực của Phật chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng. Quán mười lực của Phật chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện. Quán

mười lực của Phật chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh. Quán mười lực của Phật chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là quán các pháp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán chân như chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán pháp giới, pháp tánh, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Quán chân như chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; quán pháp giới, pháp tánh, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải lạc, chẳng phải khổ. Quán chân như chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; quán pháp giới, pháp tánh, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Quán chân như chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; quán pháp giới, pháp tánh, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Quán chân như chẳng phải không, chẳng phải bất không; quán pháp giới, pháp tánh, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải không, chẳng phải bất không. Quán chân như chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; quán pháp giới, pháp tánh, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng. Quán chân như chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; quán pháp giới, pháp tánh, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện. Quán chân như chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; quán pháp giới, pháp tánh, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh. Quán chân như chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; quán pháp giới, pháp tánh, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng

thể nghĩ bàn chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là quán các pháp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán quả vị Giác ngộ cao tột chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Quán quả vị Giác ngộ cao tột chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; quán trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải lạc, chẳng phải khổ. Quán quả vị Giác ngộ cao tột chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; quán trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Quán quả vị Giác ngộ cao tột chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; quán trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Quán quả vị Giác ngộ cao tột chẳng phải không, chẳng phải bất không; quán trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải không, chẳng phải bất không. Quán quả vị Giác ngộ cao tột chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; quán trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng. Quán quả vị Giác ngộ cao tột chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; quán trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện. Quán quả vị Giác ngộ cao tột chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; quán trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh. Quán quả vị Giác ngộ cao tột chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; quán trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là quán các pháp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán pháp không quên mất chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán tánh luôn luôn xả chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Quán pháp không quên mất chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; quán tánh luôn luôn xả chẳng phải lạc, chẳng phải khổ. Quán pháp không quên mất chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; quán tánh luôn luôn xả chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Quán pháp không quên mất chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; quán tánh luôn luôn xả chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Quán pháp không quên mất chẳng phải không, chẳng phải bất không; quán tánh luôn luôn xả chẳng phải không, chẳng phải bất không. Quán pháp không quên mất chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; quán tánh luôn luôn xả chẳng phải hữu

tướng, chẳng phải vô tướng. Quán pháp không quên mất chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; quán tánh luôn luôn xả chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện. Quán pháp không quên mất chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; quán tánh luôn luôn xả chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh. Quán pháp không quên mất chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; quán tánh luôn luôn xả chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là quán các pháp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Quán tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải lạc, chẳng phải khổ. Quán tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Quán tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Quán tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải không, chẳng phải bất không; quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải không, chẳng phải bất không. Quán tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng. Quán tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện; quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện. Quán tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh; quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh. Quán tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là quán các pháp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nên quán các pháp như thế.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 73

PHẨM 19: QUÁN HẠNH (4)

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Vì duyên cớ gì mà nói là sắc... chẳng sinh tức chẳng phải sắc...?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc và tánh của sắc là không; trong tánh không này không có sinh, không có sắc; thọ, tưởng, hành, thức và tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không; trong tánh không này không có sinh, không có thọ, tưởng, hành, thức.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói sắc chẳng sinh tức chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng sinh nên chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ và tánh của nhãn xứ là không; trong tánh không này không có sinh, không có nhãn xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không; trong tánh không này không có sinh, không có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói nhãn xứ chẳng sinh tức chẳng phải nhãn xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng sinh tức chẳng phải nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Xá-lợi Tử, sắc xứ và tánh của sắc xứ là không; trong tánh không này không có sinh, không có sắc xứ; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không; trong tánh không này không có sinh, không có thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói sắc xứ chẳng sinh tức chẳng phải sắc xứ; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng sinh tức chẳng phải thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Xá-lợi Tử, nhãn giới và tánh của nhãn giới là không; trong tánh không này không có sinh, không có nhãn giới; sắc giới, nhãn thức giới

và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không; trong tánh không này không có sinh, không có sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói nhãn giới chẳng sinh tức chẳng phải nhãn giới; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng sinh tức chẳng phải sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới và tánh của nhĩ giới là không; trong tánh không này không có sinh, không có nhĩ giới; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không; trong tánh không này không có sinh, không có thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói nhĩ giới chẳng sinh tức chẳng phải nhĩ giới; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng sinh tức chẳng phải thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, tỷ giới và tánh của tỷ giới là không; trong tánh không này không có sinh, không có tỷ giới; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không; trong tánh không này không có sinh, không có hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói tỷ giới chẳng sinh tức chẳng phải tỷ giới; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng sinh tức chẳng phải hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, thiệt giới và tánh của thiệt giới là không; trong tánh không này không có sinh, không có thiệt giới; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không; trong tánh không này không có sinh, không có vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói thiệt giới chẳng sinh tức chẳng phải thiệt giới; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh

ra chẳng sinh tức chẳng phải vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, thân giới và tánh của thân giới là không; trong tánh không này không có sinh, không có thân giới; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không; trong tánh không này không có sinh, không có xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói thân giới chẳng sinh tức chẳng phải thân giới; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng sinh tức chẳng phải xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, ý giới và tánh của ý giới là không; trong tánh không này không có sinh, không có ý giới; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không; trong tánh không này không có sinh, không có pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói ý giới chẳng sinh tức chẳng phải ý giới; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng sinh tức chẳng phải pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, địa giới và tánh của địa giới là không; trong tánh không này không có sinh, không có địa giới; thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không; trong tánh không này không có sinh, không có thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói địa giới chẳng sinh tức chẳng phải địa giới; thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng sinh tức chẳng phải thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ và tánh của Thánh đế khổ là không; trong tánh không này không có sinh, không có Thánh đế khổ; Thánh đế tập, diệt, đạo và tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không; trong tánh không này không có sinh, không có Thánh đế tập, diệt, đạo.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói Thánh đế khổ chẳng sinh tức chẳng phải Thánh đế khổ; Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng sinh tức chẳng phải Thánh đế tập, diệt, đạo.

Xá-lợi Tử, vô minh và tánh của vô minh là không; trong tánh không

này không có sinh, không có vô minh; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không; trong tánh không này không có sinh, không có hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói vô minh chẳng sinh tức chẳng phải vô minh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng sinh tức chẳng phải hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong và tánh của pháp không bên trong là không; trong tánh không này không có sinh, không có pháp không bên trong; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không; trong tánh không này không có sinh, không có pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói pháp không bên trong chẳng sinh tức chẳng phải pháp không bên trong; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng sinh tức chẳng phải pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa và tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không; trong tánh không này không có sinh, không có Bố thí ba-la-mật-đa; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là không; trong tánh không này không có sinh, không có Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói Bố thí ba-la-mật-đa chẳng sinh tức chẳng phải Bố thí ba-la-mật-đa; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng sinh tức chẳng phải Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự và tánh của bốn Tĩnh lự là không; trong tánh không này không có sinh, không có bốn Tĩnh lự; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không; trong tánh

không này không có sinh, không có bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói bốn Tĩnh lự chẳng sinh tức chẳng phải bốn Tĩnh lự; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng sinh tức chẳng phải bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát và tánh của tám Giải thoát là không; trong tánh không này không có sinh, không có tám Giải thoát; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không; trong tánh không này không có sinh, không có tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói tám Giải thoát chẳng sinh tức chẳng phải tám Giải thoát; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng sinh tức chẳng phải tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ và tánh của bốn Niệm trụ là không; trong tánh không này không có sinh, không có bốn Niệm trụ; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không; trong tánh không này không có sinh, không có bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói bốn Niệm trụ chẳng sinh tức chẳng phải bốn Niệm trụ; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng sinh tức chẳng phải bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không và tánh của pháp môn giải thoát Không là không; trong tánh không này không có sinh, không có pháp môn giải thoát Không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không; trong tánh không này không có sinh, không có pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói pháp môn giải thoát Không chẳng sinh tức chẳng phải pháp môn giải thoát Không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng sinh tức chẳng phải pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt và tánh của năm loại mắt là không; trong tánh không này không có sinh, không có năm loại mắt; sáu phép thần thông và tánh của sáu phép thần thông là không; trong tánh không này

không có sinh, không có sáu phép thần thông.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói năm loại mắt chẳng sinh tức chẳng phải năm loại mắt; sáu phép thần thông chẳng sinh tức chẳng phải sáu phép thần thông.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật và tánh nơi mười lực của Phật là không; trong tánh không này không có sinh, không có mười lực của Phật; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không; trong tánh không này không có sinh, không có bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói mười lực của Phật chẳng sinh tức chẳng phải mười lực của Phật; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chẳng sinh tức chẳng phải bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Xá-lợi Tử, chân như và tánh của chân như là không; trong tánh không này không có sinh, không có chân như; pháp giới, pháp tánh, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn và tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không; trong tánh không này không có sinh, không có pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói chân như chẳng sinh tức chẳng phải chân như; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng sinh tức chẳng phải pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Xá-lợi Tử, quả vị Giác ngộ cao tột và tánh của quả vị Giác ngộ cao tột là không; trong tánh không này không có sinh, không có quả vị Giác ngộ cao tột; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tánh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không; trong tánh không này không có sinh, không có trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói quả vị Giác ngộ cao tột chẳng sinh tức chẳng phải quả vị Giác ngộ cao tột; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng sinh tức chẳng phải trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất và tánh của pháp không quên mất là không; trong tánh không này không có sinh, không có pháp không quên

mất; tánh luôn luôn xả và tánh của tánh luôn luôn xả là không; trong tánh không này không có sinh, không có tánh luôn luôn xả.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói pháp không quên mất chẳng sinh tức chẳng phải pháp không quên mất; tánh luôn luôn xả chẳng sinh tức chẳng phải tánh luôn luôn xả.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni và tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không; trong tánh không này không có sinh, không có tất cả pháp môn Đà-la-ni; tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không; trong tánh không này không có sinh, không có tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng sinh tức chẳng phải tất cả pháp môn Đà-la-ni; tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng sinh tức chẳng phải tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Vì duyên cớ gì mà nói là sắc... chẳng diệt tức chẳng phải sắc...?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc và tánh của sắc là không; trong tánh không này không có diệt, không có sắc; thọ, tưởng, hành, thức và tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không; trong tánh không này không có diệt, không có thọ, tưởng, hành, thức.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói sắc chẳng diệt tức chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng diệt tức chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ và tánh của nhãn xứ là không; trong tánh không này không có diệt, không có nhãn xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không; trong tánh không này không có diệt, không có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói nhãn xứ chẳng diệt tức chẳng phải nhãn xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng diệt tức chẳng phải nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Xá-lợi Tử, sắc xứ và tánh của sắc xứ là không; trong tánh không này không có diệt, không có sắc xứ; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không; trong tánh không này không có diệt, không có thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói sắc xứ chẳng diệt tức chẳng

phải sắc xứ; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng diệt tức chẳng phải thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Xá-lợi Tử, nhãn giới và tánh của nhãn giới là không; trong tánh không này không có diệt, không có nhãn giới; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không; trong tánh không này không có diệt, không có sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói nhãn giới chẳng diệt tức chẳng phải nhãn giới; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng diệt tức chẳng phải sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới và tánh của nhĩ giới là không; trong tánh không này không có diệt, không có nhĩ giới; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không; trong tánh không này không có diệt, không có thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói nhĩ giới chẳng diệt tức chẳng phải nhĩ giới; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng diệt tức chẳng phải thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, tỷ giới và tánh của tỷ giới là không; trong tánh không này không có diệt, không có tỷ giới; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không; trong tánh không này không có diệt, không có hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói tỷ giới chẳng diệt tức chẳng phải tỷ giới; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng diệt tức chẳng phải hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, thiệt giới và tánh của thiệt giới là không; trong tánh không này không có diệt, không có thiệt giới; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không; trong tánh không

này không có diệt, không có vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói thiệt giới chẳng diệt tức chẳng phải thiệt giới; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng diệt tức chẳng phải vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, thân giới và tánh của thân giới là không; trong tánh không này không có diệt, không có thân giới; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không; trong tánh không này không có diệt, không có xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói thân giới chẳng diệt tức chẳng phải thân giới; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng diệt tức chẳng phải xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, ý giới và tánh của ý giới là không; trong tánh không này không có diệt, không có ý giới; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không; trong tánh không này không có diệt, không có pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói ý giới chẳng diệt tức chẳng phải ý giới; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng diệt tức chẳng phải pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, địa giới và tánh của địa giới là không; trong tánh không này không có diệt, không có địa giới; thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không; trong tánh không này không có diệt, không có thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói địa giới chẳng diệt tức chẳng phải địa giới; thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng diệt tức chẳng phải thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ và tánh của Thánh đế khổ là không; trong tánh không này không có diệt, không có Thánh đế khổ; Thánh đế tập, diệt, đạo và tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không; trong tánh không này không có diệt, không có Thánh đế tập, diệt, đạo.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói Thánh đế khổ chẳng diệt tức chẳng phải Thánh đế khổ; Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng diệt tức chẳng phải Thánh đế tập, diệt, đạo.

Xá-lợi Tử, vô minh và tánh của vô minh là không; trong tánh không này không có diệt, không có vô minh; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không; trong tánh không này không có diệt, không có hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói vô minh chẳng diệt tức chẳng phải vô minh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng diệt tức chẳng phải hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong và tánh của pháp không bên trong là không; trong tánh không này không có diệt, không có pháp không bên trong; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không; trong tánh không này không có diệt, không có pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói pháp không bên trong chẳng diệt tức chẳng phải pháp không bên trong; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng diệt tức chẳng phải pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa và tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không; trong tánh không này không có diệt, không có Bố thí ba-la-mật-đa; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là không; trong tánh không này không có diệt, không có Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói Bố thí ba-la-mật-đa chẳng diệt tức chẳng phải Bố thí ba-la-mật-đa; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng diệt tức chẳng phải Tịnh giới, An

nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự và tánh của bốn Tĩnh lự là không; trong tánh không này không có diệt, không có bốn Tĩnh lự; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không; trong tánh không này không có diệt, không có bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói bốn Tĩnh lự chẳng diệt tức chẳng phải bốn Tĩnh lự; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng diệt tức chẳng phải bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát và tánh của tám Giải thoát là không; trong tánh không này không có diệt, không có tám Giải thoát; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không; trong tánh không này không có diệt, không có tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói tám Giải thoát chẳng diệt tức chẳng phải tám Giải thoát; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng diệt tức chẳng phải tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ và tánh của bốn Niệm trụ là không; trong tánh không này không có diệt, không có bốn Niệm trụ; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không; trong tánh không này không có diệt, không có bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói bốn Niệm trụ chẳng diệt tức chẳng phải bốn Niệm trụ; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng diệt tức chẳng phải bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không và tánh của pháp môn giải thoát Không là không; trong tánh không này không có diệt, không có pháp môn giải thoát Không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không; trong tánh không này không có diệt, không có pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói pháp môn giải thoát Không chẳng diệt tức chẳng phải pháp môn giải thoát Không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng diệt tức chẳng phải pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt và tánh của năm loại mắt là không; trong tánh không này không có diệt, không có năm loại mắt; sáu phép thần thông và tánh của sáu phép thần thông là không; trong tánh không này không có diệt, không có sáu phép thần thông.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói năm loại mắt chẳng diệt tức chẳng phải năm loại mắt; sáu phép thần thông chẳng diệt tức chẳng phải sáu phép thần thông.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật và tánh nơi mười lực của Phật là không; trong tánh không này không có diệt, không có mười lực của Phật; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không; trong tánh không này không có diệt, không có bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói mười lực của Phật chẳng diệt tức chẳng phải mười lực của Phật; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chẳng diệt tức chẳng phải bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Xá-lợi Tử, chân như và tánh của chân như là không; trong tánh không này không có diệt, không có chân như; pháp giới, pháp tánh, tánh bình đẳng, tánh ly diệt, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn và tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không; trong tánh không này không có diệt, không có pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói chân như chẳng diệt tức chẳng phải chân như; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng diệt tức chẳng phải pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Xá-lợi Tử, quả vị Giác ngộ cao tột và tánh của quả vị Giác ngộ cao tột là không; trong tánh không này không có diệt, không có quả vị Giác ngộ cao tột; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tánh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không; trong tánh không này không có diệt, không có trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói quả vị Giác ngộ cao tột chẳng diệt tức chẳng phải quả vị Giác ngộ cao tột; trí Nhất thiết, trí Đạo

tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng diệt tức chẳng phải trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất và tánh của pháp không quên mất là không; trong tánh không này không có diệt, không có pháp không quên mất; tánh luôn luôn xả và tánh của tánh luôn luôn xả là không; trong tánh không này không có diệt, không có tánh luôn luôn xả.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói pháp không quên mất chẳng diệt tức chẳng phải pháp không quên mất; tánh luôn luôn xả chẳng diệt tức chẳng phải tánh luôn luôn xả.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni và tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không; trong tánh không này không có diệt, không có tất cả pháp môn Đà-la-ni; tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không; trong tánh không này không có diệt, không có tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng diệt tức chẳng phải tất cả pháp môn Đà-la-ni; tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng diệt tức chẳng phải tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Vì duyên cớ gì mà nói là sắc... không hai tức chẳng phải sắc...?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, hoặc sắc, hoặc không hai; hoặc thọ, tưởng, hành, thức, hoặc không hai, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói sắc không hai tức chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức không hai tức chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức.

Xá-lợi Tử, hoặc nhãn xứ, hoặc không hai; hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, hoặc không hai, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói nhãn xứ không hai tức chẳng phải nhãn xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không hai tức chẳng phải nhĩ, tỷ,

thiệt, thân, ý xứ.

Xá-lợi Tử, hoặc sắc xứ, hoặc không hai; hoặc thanh, hương, vị xúc, pháp xứ, hoặc không hai, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói sắc xứ không hai tức chẳng phải sắc xứ; thanh, hương, vị xúc, pháp xứ không hai tức chẳng phải thanh, hương, vị xúc, pháp xứ.

Xá-lợi Tử, hoặc nhãn giới, hoặc không hai; hoặc sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, hoặc không hai, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói nhãn giới không hai tức chẳng phải nhãn giới; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không hai tức chẳng phải sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, hoặc nhĩ giới, hoặc không hai; hoặc thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, hoặc không hai, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói nhĩ giới không hai tức chẳng phải nhĩ giới; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không hai tức chẳng phải thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, hoặc tỷ giới, hoặc không hai; hoặc hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, hoặc không hai, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói tỷ giới không hai tức chẳng

phải tỷ giới; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không hai tức chẳng phải hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, hoặc thiệt giới, hoặc không hai; hoặc vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, hoặc không hai, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói thiệt giới không hai tức chẳng phải thiệt giới; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không hai tức chẳng phải vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, hoặc thân giới, hoặc không hai; hoặc xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, hoặc không hai, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói thân giới không hai tức chẳng phải thân giới; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không hai tức chẳng phải xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, hoặc ý giới, hoặc không hai; hoặc pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, hoặc không hai, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói ý giới không hai tức chẳng phải ý giới; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không hai tức chẳng phải pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, hoặc địa giới, hoặc không hai; hoặc thủy, hỏa, phong, không, thức giới, hoặc không hai, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải

vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói địa giới không hai tức chẳng phải địa giới; thủy, hỏa, phong, không, thức giới không hai tức chẳng phải thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Xá-lợi Tử, hoặc Thánh đế khổ, hoặc không hai; hoặc Thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc không hai, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói Thánh đế khổ không hai tức chẳng phải Thánh đế khổ; Thánh đế tập, diệt, đạo không hai tức chẳng phải Thánh đế tập, diệt, đạo.

Xá-lợi Tử, hoặc vô minh, hoặc không hai; hoặc hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, hoặc không hai, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói vô minh không hai tức chẳng phải vô minh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không hai tức chẳng phải hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Xá-lợi Tử, hoặc pháp không bên trong, hoặc không hai; hoặc pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, hoặc không hai, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói pháp không bên trong không hai tức chẳng phải pháp không bên trong; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh không hai tức chẳng phải pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Xá-lợi Tử, hoặc Bố thí ba-la-mật-đa, hoặc không hai; hoặc Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc không hai, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói Bố thí ba-la-mật-đa không hai tức chẳng phải Bố thí ba-la-mật-đa; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không hai tức chẳng phải Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, hoặc bốn Tĩnh lự, hoặc không hai; hoặc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, hoặc không hai, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói bốn Tĩnh lự không hai tức chẳng phải bốn Tĩnh lự; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không hai tức chẳng phải bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Xá-lợi Tử, hoặc tám Giải thoát, hoặc không hai; hoặc tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, hoặc không hai, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói tám Giải thoát không hai tức chẳng phải tám Giải thoát; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không hai tức chẳng phải tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Xá-lợi Tử, hoặc bốn Niệm trụ, hoặc không hai; hoặc bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, hoặc không hai, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói bốn Niệm trụ không hai tức chẳng phải bốn Niệm trụ; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không

hai tức chẳng phải bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Xá-lợi Tử, hoặc pháp môn giải thoát Không, hoặc không hai; hoặc pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, hoặc không hai, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói pháp môn giải thoát Không không hai tức chẳng phải pháp môn giải thoát Không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không hai tức chẳng phải pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Xá-lợi Tử, hoặc năm loại mắt, hoặc không hai; hoặc sáu phép thần thông, hoặc không hai, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói năm loại mắt không hai tức chẳng phải năm loại mắt; sáu phép thần thông không hai tức chẳng phải sáu phép thần thông.

Xá-lợi Tử, hoặc mười lực của Phật, hoặc không hai; hoặc bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, hoặc không hai, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói mười lực của Phật không hai tức chẳng phải mười lực của Phật; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không hai tức chẳng phải bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Xá-lợi Tử, hoặc chân như, hoặc không hai; hoặc pháp giới, pháp tánh, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, hoặc không hai, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói chân như không hai tức chẳng phải chân như; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không hai tức chẳng phải pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Xá-lợi Tử, hoặc quả vị Giác ngộ cao tột, hoặc không hai; hoặc trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, hoặc không hai, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói quả vị Giác ngộ cao tột không hai tức chẳng phải quả vị Giác ngộ cao tột; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không hai tức chẳng phải trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Xá-lợi Tử, hoặc pháp không quên mất, hoặc không hai; hoặc tánh luôn luôn xả, hoặc không hai, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói pháp không quên mất không hai tức chẳng phải pháp không quên mất; tánh luôn luôn xả không hai tức chẳng phải tánh luôn luôn xả.

Xá-lợi Tử, hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni, hoặc không hai; hoặc tất cả pháp môn Tam-ma-địa, hoặc không hai, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói tất cả pháp môn Đà-la-ni không hai tức chẳng phải tất cả pháp môn Đà-la-ni; tất cả pháp môn Tam-ma-địa không hai tức chẳng phải tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 74

PHẨM 19: QUÁN HẠNH (5)

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Vì duyên cớ gì mà nói là sắc... nhập vào không hai, pháp số không rối?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác sắc; sắc tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác thọ, tưởng, hành, thức; thọ, tưởng, hành, thức tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là thọ, tưởng, hành, thức.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là sắc nhập vào không hai, pháp số không rối; thọ, tưởng, hành, thức nhập vào không hai, pháp số không rối.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác nhãn xứ; nhãn xứ tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là nhãn xứ. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là nhãn xứ nhập vào không hai, pháp số không rối; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ nhập vào không hai, pháp số không rối.

Xá-lợi Tử, sắc xứ chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác sắc xứ; sắc xứ tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là sắc xứ. Thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là sắc xứ nhập vào không hai, pháp số không rối; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ nhập vào không hai, pháp số không rối.

Xá-lợi Tử, nhãn giới chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác nhãn giới; nhãn giới tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là nhãn giới. Sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là nhãn giới nhập vào không hai, pháp số không rối; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra nhập vào không hai, pháp số không rối.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác nhĩ giới; nhĩ giới tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là nhĩ giới. Thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là nhĩ giới nhập vào không hai, pháp số không rối; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra nhập vào không hai, pháp số không rối.

Xá-lợi Tử, tỷ giới chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác tỷ giới; tỷ giới tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là tỷ giới. Hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là tỷ giới nhập vào không hai, pháp số không rối; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra nhập vào không hai, pháp số không rối.

Xá-lợi Tử, thiệt giới chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt

chẳng khác thiệt giới; thiệt giới tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là thiệt giới. Vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là thiệt giới nhập vào không hai, pháp số không rối; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra nhập vào không hai, pháp số không rối.

Xá-lợi Tử, thân giới chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác thân giới; thân giới tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là thân giới. Xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là thân giới nhập vào không hai, pháp số không rối; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra nhập vào không hai, pháp số không rối.

Xá-lợi Tử, ý giới chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác ý giới; ý giới tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là ý giới. Pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là ý giới nhập vào không hai, pháp số không rối; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra nhập vào không hai, pháp số không rối.

Xá-lợi Tử, địa giới chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác địa giới; địa giới tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là địa giới. Thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác thủy, hỏa, phong, không, thức giới; thủy, hỏa, phong, không, thức giới tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là địa giới nhập vào không hai, pháp số không rốt; thủy, hỏa, phong, không, thức giới nhập vào không hai, pháp số không rốt.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác Thánh đế khổ; Thánh đế khổ tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là Thánh đế khổ. Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác Thánh đế tập, diệt, đạo; Thánh đế tập, diệt, đạo tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là Thánh đế tập, diệt, đạo.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là Thánh đế khổ nhập vào không hai, pháp số không rốt; Thánh đế tập, diệt, đạo nhập vào không hai, pháp số không rốt.

Xá-lợi Tử, vô minh chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác vô minh; vô minh tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là vô minh. Hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là vô minh nhập vào không hai, pháp số không rốt; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não nhập vào không hai, pháp số không rốt.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác pháp không bên trong; pháp không bên trong tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là pháp không bên trong. Pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là pháp không bên trong nhập vào không hai, pháp số không rốt; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh nhập vào không hai, pháp số không rốt.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác Bố thí ba-la-mật-đa; Bố thí ba-la-mật-đa tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là Bố thí ba-la-mật-đa nhập vào không hai, pháp số không rốt; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa nhập vào không hai, pháp số không rốt.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác bốn Tĩnh lự; bốn Tĩnh lự tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là bốn Tĩnh lự. Bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là bốn Tĩnh lự nhập vào không hai, pháp số không rốt; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc nhập vào không hai, pháp số không rốt.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác tám Giải thoát; tám Giải thoát tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là tám Giải thoát. Tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là tám Giải thoát nhập vào không hai, pháp số không rốt; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ nhập vào không hai, pháp số không rốt.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác bốn Niệm trụ; bốn Niệm trụ tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là bốn Niệm trụ. Bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn,

năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là bốn Niệm trụ nhập vào không hai, pháp số không rối; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo nhập vào không hai, pháp số không rối.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác pháp môn giải thoát Không; pháp môn giải thoát Không tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là pháp môn giải thoát Không. Pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là pháp môn giải thoát Không nhập vào không hai, pháp số không rối; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện nhập vào không hai, pháp số không rối.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác năm loại mắt; năm loại mắt tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là năm loại mắt. Sáu phép thần thông chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác sáu phép thần thông; sáu phép thần thông tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là sáu phép thần thông.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là năm loại mắt nhập vào không hai, pháp số không rối; sáu phép thần thông nhập vào không hai, pháp số không rối.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác mười lực của Phật; mười lực của Phật tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là mười lực của Phật. Bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là mười lực của Phật nhập

vào không hai, pháp số không rốt; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng nhập vào không hai, pháp số không rốt.

Xá-lợi Tử, quả vị Giác ngộ cao tột chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác quả vị Giác ngộ cao tột; quả vị Giác ngộ cao tột tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là quả vị Giác ngộ cao tột. trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là quả vị Giác ngộ cao tột nhập vào không hai, pháp số không rốt; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng nhập vào không hai, pháp số không rốt.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác pháp không quên mất; pháp không quên mất tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là pháp không quên mất. Tánh luôn luôn xả chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác tánh luôn luôn xả; tánh luôn luôn xả tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là tánh luôn luôn xả.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là pháp không quên mất nhập vào không hai, pháp số không rốt; tánh luôn luôn xả nhập vào không hai, pháp số không rốt.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác tất cả pháp môn Đà-la-ni; tất cả pháp môn Đà-la-ni tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni. Tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng khác không sinh diệt, không sinh diệt chẳng khác tất cả pháp môn Tam-ma-địa; tất cả pháp môn Tam-ma-địa tức là không sinh diệt, không sinh diệt tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là tất cả pháp môn Đà-la-ni nhập vào không hai, pháp số không rốt; tất cả pháp môn Tam-ma-địa nhập vào không hai, pháp số không rốt.

-oOo-

PHẨM 20: không SINH (1)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy ngã là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; vì thấy hữu tình, dòng sinh mạng, sự sinh khởi, sự nuôi dưỡng, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, ý sinh, nho đồng, khả năng làm việc, khả năng khiến người làm việc, khả năng tạo nghiệp, khả năng khiến người tạo nghiệp, khả năng thọ quả báo, khả năng khiến người thọ quả báo, cái biết, cái thấy là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy sắc là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy thọ, tưởng, hành, thức là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy nhãn xứ là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy sắc xứ là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy nhãn giới là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy nhĩ giới là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy tỷ giới là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy thiệt giới là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy thân giới là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy ý giới là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy địa giới là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy Thánh đế khổ là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy Thánh đế tập, diệt, đạo là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy vô minh là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy pháp không bên trong là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy Bố thí ba-la-mật-đa là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy bốn Tĩnh lự là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy tám Giải thoát là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi

quán các pháp vì thấy bốn Niệm trụ là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy pháp môn giải thoát Không là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy năm loại mắt là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy sáu phép thần thông là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy mười lực của Phật là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy trí Nhất thiết là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy pháp không quên mất là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy tánh luôn luôn xả là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy tất cả pháp môn Đà-la-ni là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy phàm phu là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy pháp phàm phu là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy Dự lưu là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy pháp Dự lưu là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy Nhất lai là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy pháp Nhất lai là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi

quán các pháp vì thấy Bất hoàn là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy pháp Bất hoàn là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy A-la-hán là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy pháp A-la-hán là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy Độc giác là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy pháp Độc giác là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy Bồ-tát là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy pháp Bồ-tát là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khi quán các pháp vì thấy Như Lai là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh; thấy pháp Như Lai là không sinh nên rốt ráo thanh tịnh.

Lúc này, Xá-lợi Tử nói với Thiện Hiện:

–Như tôi hiểu nghĩa ngài vừa nói là ngã, hữu tình... là không sinh; sắc, thọ... là không sinh cho đến Như Lai, pháp Như Lai là không sinh. Nếu là như vậy, sự thọ sinh của sáu loài lẽ ra không sai biệt, thì chẳng cần Dự lưu đắc quả Dự lưu, Nhất lai đắc quả Nhất lai, Bất hoàn đắc quả Bất hoàn, A-la-hán đắc quả A-la-hán; chẳng cần Độc giác đắc quả Độc giác, chẳng cần Đại Bồ-tát đắc trí Nhất thiết tướng, cũng chẳng cần đắc năm loại Bồ-đề.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu tất cả pháp nhất định là không sinh thì vì duyên cớ gì Dự lưu vì quả Dự lưu mà tu phương pháp đoạn trừ ba kết; vì duyên cớ gì Nhất lai vì quả Nhất lai mà tu phương pháp giảm bớt dần tham, sân, si; vì duyên cớ gì Bất hoàn vì quả Bất hoàn mà tu phương pháp đoạn trừ năm kết hạ thuận phần; vì duyên cớ gì A-la-hán vì quả A-la-hán mà tu phương pháp đoạn trừ năm kết thượng thuận phần; vì duyên cớ gì Độc giác vì quả vị Độc giác mà tu phương pháp chứng ngộ duyên khởi; vì duyên cớ gì Đại Bồ-tát vì việc độ vô lượng các hữu tình mà tu nhiều trăm ngàn hạnh khổ khó làm, chịu đủ vô biên các loại khổ kịch liệt; vì duyên cớ gì Như Lai chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột; vì duyên cớ gì chư Phật vì hữu tình mà chuyển pháp luân mầu nhiệm?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp lời Xá-lợi Tử:

–Chẳng phải ngã ở trong pháp không sinh thấy có sự sai biệt về việc thọ sinh của sáu loài; chẳng phải ngã ở trong pháp không sinh thấy

có người có khả năng nhập vào cảnh Thánh đế hiện quán; chẳng phải ngã ở trong pháp không sinh thấy có Dự lưu đắc quả Dự lưu, Nhất lai đắc quả Nhất lai, Bất hoàn đắc quả Bất hoàn, A-la-hán đắc quả A-la-hán; chẳng phải ngã ở trong pháp không sinh thấy có Độc giác đắc quả vị Độc giác; chẳng phải ngã ở trong pháp không sinh thấy có Đại Bồ-tát đắc trí Nhất thiết tướng và năm loại Bồ-đề.

Lại nữa Thiện Hiện, chẳng phải ngã ở trong pháp không sinh thấy có Dự lưu vì quả Dự lưu mà tu phương pháp đoạn trừ ba kết; chẳng phải ngã ở trong pháp không sinh thấy có Nhất lai vì quả Nhất lai mà tu phương pháp giảm bớt dần tham, sân, si; chẳng phải ngã ở trong pháp không sinh thấy có Bất hoàn vì quả Bất hoàn mà tu phương pháp đoạn trừ năm kết hạ thuận phần; chẳng phải ngã ở trong pháp không sinh thấy có A-la-hán vì quả A-la-hán mà tu phương pháp đoạn trừ năm kết thượng thuận phần; chẳng phải ngã ở trong pháp không sinh thấy có Độc giác vì quả vị Độc giác mà tu phương pháp ngộ duyên khởi; chẳng phải ngã ở trong pháp không sinh thấy có Đại Bồ-tát vì việc độ lượng các hữu tình mà tu nhiều trăm ngàn hạnh khổ khó làm, chịu đủ vô biên các loại khổ kịch liệt, nhưng các Đại Bồ-tát cũng lại chẳng khởi tưởng về hạnh khổ khó làm. Vì sao? Vì chẳng phải trụ ở cái tưởng về hạnh khổ khó làm, luôn luôn vì vô lượng, vô số, vô biên hữu tình mà làm những việc lợi ích.

Xá-lợi Tử, nhưng các Đại Bồ-tát lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với tất cả hữu tình luôn khởi tâm đại Bi, trụ ở tưởng như cha mẹ, tưởng như anh em, tưởng như vợ chồng, tưởng như thân mình. Cứ như vậy, cho đến luôn luôn vì vô lượng, vô số, vô biên hữu tình mà làm việc lợi ích lớn.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát nên khởi tâm như vầy: Như tự tánh của ngã, thì với tất cả pháp, dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian để cầu tìm, chẳng thể nắm bắt được. Các pháp bên trong, bên ngoài cũng lại như vậy, hoàn toàn không sở hữu, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì các Đại Bồ-tát, nếu trụ ở tưởng này mà tu các hạnh khổ khó làm thì có khả năng làm những việc lợi ích cho vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Cho nên Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp không nên chấp thọ.

Xá-lợi Tử, chẳng phải ngã ở trong pháp không sinh thấy có chư Phật chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân nhiệm mầu, độ vô lượng chúng sinh.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Nay ngài vì muốn dùng pháp sinh chứng pháp sinh, vì muốn dùng pháp không sinh chứng pháp không sinh chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Tôi thật chẳng muốn dùng pháp sinh chứng pháp sinh, cũng thật chẳng muốn dùng pháp không sinh chứng pháp không sinh.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Nếu vậy, thì nay ngài vì muốn dùng pháp sinh chứng pháp không sinh, vì muốn dùng pháp không sinh chứng pháp sinh chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Tôi cũng chẳng muốn dùng pháp sinh chứng pháp không sinh, cũng lại chẳng muốn dùng pháp không sinh chứng pháp sinh.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Nếu như vậy thì đâu phải hoàn toàn là không đắc, không hiện quán?

Thiện Hiện đáp:

–Tuy có đắc, có hiện quán nhưng chẳng dùng hai pháp này để chứng.

Xá-lợi Tử, chỉ tùy theo thế gian mà đặt bày ra lời nói có đắc, có hiện quán, chứ chẳng phải trong thắng nghĩa có đắc, có hiện quán. Chỉ tùy theo thế gian mà đặt bày ra lời nói có Dự lưu, có quả Dự lưu, có Nhất lai, có quả Nhất lai, có Bất hoàn, có quả Bất hoàn, có A-la-hán, có quả A-la-hán, có Độc giác, có quả vị Độc giác, có Đại Bồ-tát, có quả vị Giác ngộ cao tột chứ chẳng phải trong thắng nghĩa có Dự lưu cho đến quả vị Giác ngộ cao tột.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Nếu tùy theo thế gian mà đặt bày ra lời nói có đắc, có hiện quán... chứ chẳng phải là thắng nghĩa thì sự sai biệt của sáu loài cũng tùy theo thế gian đặt bày ra lời nói mà có chứ chẳng phải là thắng nghĩa chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói! Vì sao? Xá-lợi Tử, vì ở trong thắng nghĩa, không có nghiệp, không có dị thục (quả báo), không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Nay ngài muốn khiến pháp chẳng sinh sinh hay muốn khiến pháp đã sinh sinh?

Thiện Hiện đáp:

–Tôi chẳng muốn khiến pháp chẳng sinh sinh, cũng chẳng muốn khiến pháp đã sinh sinh.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Những pháp nào là pháp chẳng sinh mà ngài chẳng muốn khiến những pháp ấy sinh?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sắc là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn khiến nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Thọ, tưởng, hành, thức là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn khiến nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, sắc xứ là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, nhãn giới là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, tỷ giới là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, thiệt giới là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, thân giới là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh.

Vì sao? Vì tự tánh là không. Xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, ý giới là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, địa giới là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Thủy, hỏa, phong, không, thức giới là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Thánh đế tập, diệt, đạo là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vô minh là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười

Biến xứ là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Sáu phép thần thông là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Tánh luôn luôn xả là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Tất cả pháp môn Tam-ma-địa là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, phàm phu là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Pháp phàm phu là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, Dự lưu là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Pháp Dự lưu là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, Nhất lai là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Pháp Nhất lai là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, Bất hoàn là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Pháp Bất hoàn là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, A-la-hán là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Pháp A-la-hán là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, Độc giác là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Pháp Độc giác là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, Bồ-tát là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Pháp Bồ-tát là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, Như Lai là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Pháp Như Lai là pháp chẳng sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Những pháp nào là pháp đã sinh mà ngài chẳng muốn khiến pháp ấy sinh?

Thiện Hiện đáp:

–Sắc là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn khiến nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Thọ, tưởng, hành, thức là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, sắc xứ là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, nhãn giới là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì

sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, tỷ giới là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, thiệt giới là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, thân giới là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, ý giới là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, địa giới là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Thủy, hỏa, phong, không, thức giới là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Thánh đế tập, diệt, đạo là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, vô minh là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 75

PHẨM 20: KHÔNG SINH (2)

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn khiến nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn khiến nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Sáu phép thần thông là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là pháp

đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Tánh luôn luôn xả là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Tất cả pháp môn Tam-ma-địa là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, phàm phu là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Pháp phàm phu là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, Dự lưu là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Pháp Dự lưu là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, Nhất lai là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Pháp Nhất lai là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, Bất hoàn là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Pháp Bất hoàn là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, A-la-hán là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Pháp A-la-hán là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, Độc giác là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Pháp Độc giác là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, Bồ-tát là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Pháp Bồ-tát là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Xá-lợi Tử, Như Lai là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không. Pháp Như Lai là pháp đã sinh, tôi chẳng muốn nó sinh. Vì sao? Vì tự tánh là không.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Nay ngài vì muốn khiến pháp sinh nó sinh, hay muốn khiến pháp chẳng sinh nó sinh?

Thiện Hiện đáp:

–Tôi chẳng muốn khiến pháp sinh nó sinh, cũng chẳng muốn khiến pháp chẳng sinh nó sinh. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì pháp sinh cùng với pháp chẳng sinh, hai pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không có tướng.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên tôi chẳng muốn khiến pháp sinh nó sinh, cũng chẳng muốn khiến pháp chẳng sinh nó sinh.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Đối với pháp không sinh đã nói, ngài ưa biện thuyết tướng không sinh chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Đối với pháp không sinh đã nói, tôi cũng chẳng ưa biện thuyết tướng không sinh. Vì sao? Vì, hoặc là pháp không sinh, hoặc là tướng không sinh, hoặc là ưa biện thuyết, tất cả pháp ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi đó là không tướng.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Đối với pháp chẳng sinh, khởi lên lời nói chẳng sinh, thì lời nói chẳng sinh này cũng chẳng sinh chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy! Vì sao? Xá-lợi Tử, vì sắc chẳng sinh, thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ chẳng sinh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, sắc xứ chẳng sinh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, nhãn giới chẳng sinh; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, nhĩ giới chẳng sinh; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, tỷ giới chẳng sinh; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc

cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, thiệt giới chẳng sinh; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, thân giới chẳng sinh; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, ý giới chẳng sinh; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, địa giới chẳng sinh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ chẳng sinh; Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, vô minh chẳng sinh; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong chẳng sinh; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng sinh; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự chẳng sinh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát chẳng sinh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ chẳng sinh; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo cũng

chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không chẳng sinh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt chẳng sinh; sáu phép thần thông cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật chẳng sinh; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết chẳng sinh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất chẳng sinh; tánh luôn luôn xả cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng sinh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, phàm phu chẳng sinh; pháp phàm phu cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, Dự lưu chẳng sinh; pháp Dự lưu cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, Nhất lai chẳng sinh; pháp Nhất lai cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, Bất hoàn chẳng sinh; pháp Bất hoàn cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, A-la-hán chẳng sinh; pháp A-la-hán cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, Độc giác chẳng sinh; pháp Độc giác cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, Bồ-tát chẳng sinh; pháp Bồ-tát cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, Như Lai chẳng sinh; pháp Như Lai cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, thân hành chẳng sinh; ngữ hành, ý hành cũng chẳng sinh. Vì sao? Vì tất cả bản tánh là không.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, nên đối với pháp chẳng sinh, khởi lên lời nói chẳng sinh, cũng là nghĩa không sinh.

Xá-lợi Tử, vì hoặc pháp sở thuyết, hoặc lời năng thuyết, người thuyết, người nghe đều chẳng sinh.

Xá-lợi Tử nói với Thiện Hiện:

–Trong những vị thuyết pháp, ngài là người đệ nhất. Vì sao? Vì tùy theo sự vặn hỏi ngài đều có thể giải đáp, không bị ngập ngừng lúng túng.

Thiện Hiện nói:

–Đệ tử của chư Phật, đối với tất cả pháp đều không có cái nương tựa đắm trước. Do vậy, nên có khả năng, tùy theo sự vặn hỏi mà tất cả đều được giải đáp tự tại vô úy. Vì sao? Vì tất cả pháp đều không có chỗ nương tựa.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Vì sao các pháp đều không có chỗ nương?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, vì bản tánh của sắc là không, nên trong, ngoài, hai bên, khoảng giữa, chẳng thể nắm bắt được; vì bản tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của nhãn xứ là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được; vì bản tánh của Nhãn xứ là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của sắc xứ là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của nhãn giới là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của nhĩ giới là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt

được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của tỷ giới là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của thiệt giới là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của thân giới là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của ý giới là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của địa giới là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của Thánh đế khổ là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của vô minh là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của pháp không bên trong là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không

không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của bốn Tĩnh lự là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của tám Giải thoát là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của bốn Niệm trụ là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của pháp môn giải thoát Không là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của năm loại mắt là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của sáu phép thần thông là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của mười lực của Phật là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng là không, nên trong, ngoài, khoảng

giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của trí Nhất thiết là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của pháp không quên mất là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của tánh luôn luôn xả là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của phàm phu là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của pháp phàm phu là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của Dự lưu là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của pháp Dự lưu là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của Nhất lai là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của pháp Nhất lai là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của Bất hoàn là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của pháp Bất hoàn là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của A-la-hán là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của pháp A-la-hán là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của Độc giác là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của pháp Độc giác là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể

nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của Bồ-tát là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của pháp Bồ-tát là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của Như Lai là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của pháp Như Lai là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, vì bản tánh của thân hành là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được. Vì bản tánh của ngữ hành, ý hành là không, nên trong, ngoài, khoảng giữa, hai bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này nên tôi nói là các pháp đều không có chỗ nương.

-oOo-

PHẨM 21: TỊNH ĐẠO (1)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện nói với Xá-lợi Tử:

–Các Đại Bồ-tát khi tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa nên sắc thanh tịnh; nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; nên nhãn xứ thanh tịnh; nên nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nên sắc xứ thanh tịnh; nên thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; nên nhãn giới thanh tịnh; nên sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; nên nhĩ giới thanh tịnh; nên thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; nên tỷ giới thanh tịnh; nên hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; nên thiệt giới thanh tịnh; nên vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; nên thân giới thanh tịnh; nên xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; nên ý giới thanh tịnh; nên pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; nên địa giới thanh tịnh; nên thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; nên Thánh đế khổ thanh tịnh; nên Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; nên vô minh thanh tịnh; nên hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh

tịnh; nên pháp không bên trong thanh tịnh; nên pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; nên Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; nên Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; nên bốn Tĩnh lự thanh tịnh; nên bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; nên tám Giải thoát thanh tịnh; nên tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; nên bốn Niệm trụ thanh tịnh; nên bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; nên pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; nên pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; nên năm loại mắt thanh tịnh; nên sáu phép thần thông thanh tịnh; nên mười lực của Phật thanh tịnh; nên bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; nên pháp không quên mất thanh tịnh; nên tánh luôn luôn xả thanh tịnh; nên tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; nên tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; nên trí Nhất thiết thanh tịnh; nên trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; nên đạo Bồ-đề thanh tịnh.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Thế nào là Đại Bồ-tát khi tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa khiến đạo Bồ-đề thanh tịnh?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, sáu pháp Ba-la-mật-đa mỗi pháp đều có hai thứ: Một là thế gian, hai là xuất thế gian.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Thế nào là Bố thí ba-la-mật-đa thế gian?

Thiện Hiện đáp:

–Nếu Đại Bồ-tát là đại thí chủ thì luôn luôn bố thí cho tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, người nghèo, người bệnh, người cô độc, người lỡ đường, người hành khất, họ cần ăn, cho ăn, cần uống cho uống, cần xe cho xe, cần y phục cho y phục, cần hương cho hương, cần hoa cho hoa, cần đồ trang sức cho đồ trang sức, cần nhà cửa cho nhà cửa, cần thuốc

men cho thuốc men, cần ánh sáng cho ánh sáng, cần đồ ngồi nằm cho đồ ngồi nằm, tất cả thứ ấy, tùy theo nhu cầu về sự sinh sống của họ mà cho đầy đủ. Hoặc lại có người đến xin con trai, cho con trai, xin con gái cho con gái, xin vợ cho vợ, xin chức quan cho chức quan, xin đất nước cho đất nước, xin ngôi vua cho ngôi vua, xin đầu mắt cho đầu mắt; xin tay chân cho tay chân, xin các phần trong thân cho các phần trong thân, xin máu thịt cho máu thịt, xin xương tủy cho xương tủy, xin tai mũi cho tai mũi, xin tôi tớ cho tôi tớ, xin của báu cho của báu, xin vàng bạc cho vàng bạc, tất cả các thứ ấy, tùy theo nhu cầu của họ, các vật ở trong, ngoài đều cho hết. Tuy làm việc bố thí như vậy nhưng còn có chỗ nương tựa, nghĩa là suy nghĩ như thế này: Ta cho, người kia nhận; ta là thí chủ; ta chẳng xan tham; ta nghe theo lời Phật dạy có thể xả bỏ tất cả; ta hành Bố thí ba-la-mật-đa. Trong khi kẻ ấy hành bố thí, vì lấy hữu sở đắc làm phương tiện nên cùng với các hữu tình hồi hướng về quả vị Giác ngộ cao tột. Lại nghĩ thế này: Ta đem phước này cho các hữu tình, khiến đời này, đời khác được an vui cho đến chứng đắc Niết-bàn Vô dư y. Như vậy là kẻ ấy đã chấp vào ba luân mà hành bố thí: Một là tưởng về mình; hai là tưởng về người; ba là tưởng về vật cho. Do chấp vào ba luân này, mà hành bố thí nên gọi là thế gian Bố thí ba-la-mật-đa. Vì duyên cớ gì mà sự bố thí này gọi là thế gian? Vì cùng làm như thế gian, chẳng đạt đến pháp xuất thế gian. Như vậy gọi là Bố thí ba-la-mật-đa thế gian.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Thế nào là Bố thí ba-la-mật-đa xuất thế gian?

Thiện Hiện đáp:

–Nếu Đại Bồ-tát khi hành bố thí, ba luân thanh tịnh: Một là chẳng chấp ta là người cho; hai là chẳng chấp kẻ kia là người nhận; ba là chẳng chấp việc bố thí và kết quả bố thí, thì đó là Đại Bồ-tát khi thực hành bố thí, ba luân thanh tịnh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát lấy đại Bi làm đầu, đem phước bố thí đã tu cho khắp hữu tình, đối với các hữu tình hoàn toàn không có sở đắc. Tuy cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng về quả vị Giác ngộ cao tột nhưng ở trong đó chẳng thấy một chút tướng nào. Do hoàn toàn không chấp trước mà hành bố thí nên gọi là Bố thí ba-la-mật-đa xuất thế gian. Vì duyên cớ gì mà việc bố thí này gọi là xuất thế gian. Vì chẳng cùng làm như thế gian, vì có thể đạt đến pháp xuất thế gian, nên gọi là Bố thí ba-la-mật-đa xuất thế gian.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Thế nào là Tịnh giới ba-la-mật-đa thế gian?

Thiện Hiện đáp:

–Nếu Đại Bồ-tát khi thọ trì tịnh giới mà còn có chỗ nương tựa, nghĩa là nghĩ thế này: "Ta vì lợi ích của tất cả hữu tình mà thọ trì tịnh giới không có gì vi phạm; ta làm theo lời Phật dạy, đối với tịnh giới không có gì vi phạm; ta hành Tịnh giới ba-la-mật-đa", thì trong khi vị ấy trì giới, lấy hữu sở đắc làm phương tiện, cùng với các hữu tình đồng hồi hướng về quả vị Giác ngộ cao tột; lại khởi lên ý nghĩ thế này: "Ta đem phước này bố thí cho các hữu tình khiến đời này, đời khác được an vui cho đến chứng đắc Niết-bàn Vô dư y." Vị ấy chấp vào ba luân mà hành thọ trì giới: Một là tưởng về mình; hai là tưởng về người; ba là tưởng về giới. Do chấp vào ba luân này, mà thọ trì giới nên gọi là Tịnh giới ba-la-mật-đa thế gian. Vì duyên cớ gì mà tịnh giới này gọi là thế gian? Vì cùng làm như thế gian, vì chẳng đạt đến pháp xuất thế gian. Như vậy gọi là Tịnh giới ba-la-mật-đa thế gian.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Thế nào là Tịnh giới ba-la-mật-đa xuất thế gian?

Thiện Hiện đáp:

–Nếu Đại Bồ-tát khi thọ trì giới, ba luân thanh tịnh: Một là chẳng chấp ta là chủ thể trì giới; hai là chẳng chấp hữu tình là đối tượng được phòng hộ; ba là chẳng chấp giới và kết quả của giới, thì gọi là Đại Bồ-tát khi thọ trì giới, ba luân thanh tịnh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát lấy đại Bi làm đầu, đem phước đã trì giới, bố thí khắp hữu tình, đối với các hữu tình hoàn toàn không có sở đắc. Tuy cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng về quả vị Giác ngộ cao tột nhưng ở trong đó chẳng thấy một chút tướng nào. Do hoàn toàn không chấp trước mà thọ trì giới nên gọi là Tịnh giới ba-la-mật-đa xuất thế gian. Vì duyên cớ gì mà tịnh giới này gọi là xuất thế gian. Vì chẳng cùng làm như thế gian, vì có thể đạt đến pháp xuất thế gian. Như vậy gọi là Tịnh giới ba-la-mật-đa xuất thế gian.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Thế nào là An nhẫn ba-la-mật-đa thế gian?

Thiện Hiện đáp:

–Nếu Đại Bồ-tát tuy tu hành an nhẫn mà còn có chỗ nương, nghĩa

là khởi lên ý nghĩ thế này: "Ta vì lợi ích của tất cả hữu tình mà tu an nhẫn; ta theo lời Phật dạy, đối với an nhẫn thù thắng, thường tu tập đúng đắn; ta tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa", thì vị ấy khi tu hành an nhẫn, lấy hữu sở đắc làm phương tiện, cùng với các hữu tình đồng hồi hướng về quả vị Giác ngộ cao tột; lại khởi lên ý nghĩ: "Ta đem phước này bố thí cho các hữu tình khiến đời này, đời khác được an vui cho đến chứng đắc Niết-bàn Vô dư y." Vị ấy chấp vào ba luân mà tu hành an nhẫn: Một là tưởng về mình; hai là tưởng về người; ba là tưởng về nhẫn. Do chấp vào ba luân này, mà tu an nhẫn nên gọi là An nhẫn ba-la-mật-đa thế gian. Vì duyên cớ gì mà an nhẫn này gọi là thế gian? Vì cùng làm như thế gian, vì chẳng đạt đến pháp xuất thế gian, như vậy gọi là An nhẫn ba-la-mật-đa thế gian.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Thế nào là An nhẫn ba-la-mật-đa xuất thế gian?

Thiện Hiện đáp:

–Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành an nhẫn, ba luân thanh tịnh: Một là chẳng chấp ta thường tu nhẫn; hai là chẳng chấp đối tượng nhẫn là hữu tình; ba là chẳng chấp trước về nhẫn và kết quả của nhẫn, thì đó là Đại Bồ-tát khi tu hành an nhẫn, ba luân thanh tịnh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát lấy đại Bi làm đầu, đem phước đã tu hành an nhẫn, bố thí khắp hữu tình, đối với các hữu tình hoàn toàn không có sở đắc, tuy cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng về quả vị Giác ngộ cao tột nhưng ở trong đó chẳng thấy một chút tướng nào. Do hoàn toàn không chấp trước mà tu an nhẫn nên gọi là An nhẫn ba-la-mật-đa xuất thế gian. Vì duyên cớ gì mà gọi an nhẫn này là xuất thế gian. Vì chẳng cùng làm như thế gian, vì có thể đạt đến pháp xuất thế gian. Như vậy gọi là An nhẫn ba-la-mật-đa xuất thế gian.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Thế nào là Tinh tấn ba-la-mật-đa thế gian?

Thiện Hiện đáp:

–Nếu Đại Bồ-tát tuy dốc lòng tinh tấn nhưng còn có chỗ nương, nghĩa là khởi lên ý nghĩ: "Ta vì lợi ích tất cả hữu tình mà dốc lòng tinh tấn; ta theo lời Phật dạy sách tấn thân tâm không hề biếng trễ; ta hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, thì vị ấy trong khi tu hành tinh tấn, lấy hữu sở đắc làm phương tiện, cùng với các hữu tình đồng hồi hướng về quả vị Giác ngộ cao tột; lại khởi lên ý nghĩ: "Ta đem phước này bố thí cho các hữu

tình khiến đời này, đời khác được an vui cho đến chứng đắc Niết-bàn Vô dư y. Vị ấy chấp trước vào ba luân mà dốc lòng tu tinh tấn: một là tưởng về mình; hai là tưởng về người; ba là tưởng về sự tinh tấn. Do chấp vào ba luân này, mà tu tinh tấn nên gọi là Tinh tấn ba-la-mật-đa thế gian. Vì duyên cớ gì tinh tấn này gọi là thế gian? Vì cùng làm như thế gian, vì chẳng đạt đến pháp xuất thế gian, như vậy gọi là Tinh tấn ba-la-mật-đa thế gian.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Thế nào là Tinh tấn ba-la-mật-đa xuất thế gian?

Thiện Hiện đáp:

–Nếu Đại Bồ-tát khi dốc lòng tu tinh tấn làm cho ba luân thanh tịnh: Một là chẳng chấp ta là chủ thể tinh tấn; hai là chẳng chấp vào đối tượng được nhận lấy tinh tấn là hữu tình; ba là chẳng đắm vào sự tinh tấn và kết quả của tinh tấn, thì đó là Đại Bồ-tát khi dốc tu tinh tấn ba luân thanh tịnh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát lấy đại Bi làm đầu, đem phước tinh tấn đã tu, bố thí khắp hữu tình, đối với các hữu tình hoàn toàn không có sở đắc. Tuy cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng về quả vị Giác ngộ cao tột nhưng ở trong đó chẳng thấy một chút tướng nào. Do hoàn toàn không chấp trước mà lại dốc lòng tinh tấn nên gọi là Tinh tấn ba-la-mật-đa xuất thế gian. Vì duyên cớ gì tinh tấn này gọi là xuất thế gian. Vì chẳng cùng làm như thế gian, vì có thể đạt đến pháp xuất thế gian, như vậy gọi là Tinh tấn ba-la-mật-đa xuất thế gian.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Thế nào là Tĩnh lự ba-la-mật-đa thế gian?

Thiện Hiện đáp:

–Nếu Đại Bồ-tát tuy tu tĩnh lự nhưng có chỗ nương, nghĩa là khởi lên ý nghĩ: "Ta vì lợi ích của tất cả hữu tình mà tu tĩnh lự; ta theo lời Phật dạy đối với các pháp đẳng trì thù thắng luôn luôn tu tập đúng đắn; ta hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, thì vị ấy trong khi tu định, lấy hữu sở đắc làm phương tiện, cùng với các hữu tình đồng hồi hướng về quả vị Giác ngộ cao tột; lại khởi lên ý nghĩ: "Ta đem phước này bố thí cho các hữu tình khiến đời này, đời khác được an vui cho đến chứng đắc Niết-bàn Vô dư y. Vị ấy chấp vào ba luân mà tu tĩnh lự: một là tưởng về mình; hai là tưởng về người; ba là tưởng về tĩnh lự. Do chấp vào ba luân này mà tu tĩnh lự nên gọi là Tĩnh lự ba-la-mật-đa thế gian. Vì duyên cớ gì mà tĩnh

lự này gọi là thế gian? Vì cùng làm như thế gian, vì chẳng đạt đến pháp xuất thế gian. Như vậy gọi là Tĩnh lự ba-la-mật-đa thế gian.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Thế nào là Tĩnh lự ba-la-mật-đa xuất thế gian?

Thiện Hiện đáp:

–Nếu Đại Bồ-tát khi tu tĩnh lự ba luân thanh tịnh: Một là chẳng chấp ta là chủ thể tu định; hai là chẳng chấp vào đối tượng được thọ nhận tĩnh lự là hữu tình; ba là chẳng đắm vào tĩnh lự và kết quả tĩnh lự, thì đó là Đại Bồ-tát khi tu tĩnh lự, ba luân thanh tịnh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát lấy đại Bi làm đầu đem phước đã tu tĩnh lự, bố thí khắp hữu tình, đối với các hữu tình hoàn toàn không có sở đắc, tuy cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng về quả vị Giác ngộ cao tột nhưng ở trong đó chẳng thấy một chút tướng nào. Do hoàn toàn không chấp trước mà tu tĩnh lự nên gọi là Tĩnh lự ba-la-mật-đa xuất thế gian. Vì duyên cớ gì mà tĩnh lự này gọi là xuất thế gian. Vì chẳng cùng làm như thế gian, vì có thể đạt đến pháp xuất thế gian. Như vậy gọi là Tĩnh lự ba-la-mật-đa xuất thế gian.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật-đa thế gian?

Thiện Hiện đáp:

–Nếu Đại Bồ-tát tuy tu hành Bát-nhã nhưng còn có chỗ nương, nghĩa là khởi lên ý nghĩ: "Ta vì lợi ích của tất cả hữu tình mà tu Bát-nhã; ta theo lời Phật dạy, đối với Bát-nhã thù thắng, thường tu hành đúng đắn, ta thường ăn năn trừ bỏ điều ác mình đã làm, ta thấy điều ác nơi kẻ khác, hoàn toàn chẳng chê trách, ta luôn luôn tùy hỷ sự tu phước của kẻ khác, ta thường thỉnh Phật chuyển pháp luân nhiệm mầu, ta tùy theo điều đã nghe, luôn luôn chọn lựa đúng đắn; ta tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì vị ấy trong khi tu tuệ, lấy hữu sở đắc làm phương tiện, cùng với các hữu tình đồng hồi hướng về quả vị Giác ngộ cao tột; lại khởi lên ý nghĩ: "Ta đem phước này bố thí cho các hữu tình khiến đời này, đời khác được an vui cho đến chứng đắc Niết-bàn Vô dư y, vị ấy chấp vào ba luân mà tu Bát-nhã: một là tưởng về mình; hai là tưởng về người; ba là tưởng về Bát-nhã. Do chấp vào ba luân này mà tu Bát-nhã nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa thế gian. Vì duyên cớ gì Bát-nhã này gọi là thế gian? Vì cùng làm như thế gian, vì chẳng đạt đến pháp xuất thế gian. Như vậy gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa thế gian.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật-đa xuất thế gian?

Thiện Hiện đáp:

–Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã, ba luân thanh tịnh: một là chẳng chấp ta là chủ thể tu tuệ; hai là chẳng chấp vào đối tượng được thọ nhận trí tuệ là hữu tình; ba là chẳng đắm vào Bát-nhã và kết quả Bát-nhã, thì đó là Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba luân thanh tịnh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát lấy đại Bi làm đầu, đem phước đã tu hành Bát-nhã bố thí khắp hữu tình, đối với các hữu tình hoàn toàn không có sở đắc, tuy cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng về quả vị Giác ngộ cao tột nhưng ở trong đó chẳng thấy một chút tướng nào. Do hoàn toàn không chấp trước mà tu hành Bát-nhã nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa xuất thế gian. Vì duyên cớ gì Bát-nhã này gọi là xuất thế gian. Vì chẳng cùng làm như thế gian, vì có thể đạt đến pháp xuất thế gian. Như vậy gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa xuất thế gian.

Xá-lợi Tử, như vậy là Đại Bồ-tát khi tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa đã làm thanh tịnh đạo Bồ-đề.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Những gì gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, pháp không bên trong gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát.

Xá-lợi Tử, chân như gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, bản vô, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát; Thánh đế tập, diệt, đạo gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát;

Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát.

Xá-lợi Tử, tám Giải thoát gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát.

Xá-lợi Tử, pháp môn giải thoát Không gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát; sáu phép thần thông gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát.

Xá-lợi Tử, pháp không quên mất gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát; tánh luôn luôn xả gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát.

Xá-lợi Tử, tất cả pháp môn Đà-la-ni gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát; tất cả pháp môn Tam-ma-địa gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát.

Xá-lợi Tử, trí Nhất thiết gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát.

Xá-lợi Tử, vô lượng, vô biên, các nhóm công đức lớn như vậy gọi là đạo Bồ-đề của Đại Bồ-tát.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử khen Thiện Hiện:

–Hay thay, hay thay, đúng như ngài đã nói! Công đức như vậy là do những diệu lực Ba-la-mật-đa nào mà đạt được?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, công đức như vậy đều do từ diệu lực của Bát-nhã ba-la-mật-đa mà đạt được. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy luôn luôn là mẹ của tất cả thiện pháp. Tất cả thiện pháp của Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai đều từ đó mà sinh.

Xá-lợi Tử, Bát-nhã ba-la-mật-đa này có khả năng nhiếp thọ khắp

tất cả thiện pháp. Thiện pháp của Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai, đều nương nơi đây mà an trú.

Xá-lợi Tử, chư Phật quá khứ tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa vì đạt đến chỗ viên mãn rốt ráo, nên đã chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân nhiệm mầu, độ vô lượng chúng sinh. Chư Phật vị lai tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa vì đạt đến viên mãn rốt ráo nên sẽ chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân nhiệm mầu, độ vô lượng chúng sinh. Chư Phật hiện tại trong mười phương thế giới tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa vì đạt đến viên mãn rốt ráo nên hiện chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân nhiệm mầu, độ vô lượng chúng sinh.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 76

PHẨM 21: TỊNH ĐẠO (2)

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tâm không nghi hoặc, cũng chẳng mê muội thì nên biết Đại Bồ-tát ấy trụ chỗ trụ như thị, chẳng lìa tác ý, nghĩa là muốn cứu độ tất cả hữu tình, thường chẳng rời bỏ tác ý đại Bi đối với tất cả hữu tình.

Xá-lợi Tử nói với Thiện Hiện:

–Nếu Đại Bồ-tát trụ chỗ trụ như thị, chẳng lìa tác ý thì tất cả hữu tình cũng phải thành Đại Bồ-tát. Vì sao? Vì tất cả hữu tình cũng thường chẳng lìa tác ý này. Vì vậy Đại Bồ-tát cùng với tất cả hữu tình đúng là không sai khác.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện khen Xá-lợi Tử:

–Hay thay, hay thay, đúng như ngài đã nói! Ngài có khả năng nắm bắt đúng như thật cái nghĩa mà tôi đã nói. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì hữu tình chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì ngã, dòng sinh mạng, sự sinh khởi, sự nuôi dưỡng, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, ý sinh, nho đồng, khả năng tạo nghiệp, khả năng thọ quả báo, cái biết, cái thấy đều chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì hữu tình không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì ngã cho đến cái thấy không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì hữu tình không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì ngã cho đến cái thấy không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì hữu tình là không, nên biết tác ý cũng không; vì ngã cho đến cái thấy là không, nên biết tác ý cũng không. Vì hữu tình là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì ngã cho đến cái thấy là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì hữu tình là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì ngã cho đến cái thấy là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì hữu tình là không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì ngã cho đến cái thấy là không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì sắc chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có; vì thọ,

tưởng, hành, thức chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì sắc không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì thọ, tưởng, hành, thức không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì sắc không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì thọ, tưởng, hành, thức không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì sắc là không, nên biết tác ý cũng không; vì thọ, tưởng, hành, thức là không, nên biết tác ý cũng không. Vì sắc là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì thọ, tưởng, hành, thức là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì sắc là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì thọ, tưởng, hành, thức là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì sắc là không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì thọ, tưởng, hành, thức là không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì nhãn xứ chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì nhãn xứ không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì nhãn xứ không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì nhãn xứ là không, nên biết tác ý cũng không; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không, nên biết tác ý cũng không. Vì nhãn xứ là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì nhãn xứ là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì nhãn xứ là không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì sắc xứ chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì sắc xứ không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì sắc xứ không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì sắc xứ là không, nên biết tác ý cũng không; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không, nên biết tác ý cũng không. Vì sắc xứ là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì sắc xứ là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì sắc xứ không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì nhãn giới chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có; vì sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì nhãn giới không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì nhãn giới không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì nhãn giới là không, nên biết tác ý cũng không; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không, nên biết tác ý cũng không. Vì nhãn giới là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì nhãn giới là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì nhãn giới không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì nhĩ giới chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có; vì thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì nhĩ giới không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì nhĩ giới không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì nhĩ giới là không, nên biết tác ý cũng không; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không, nên biết tác ý cũng không. Vì nhĩ giới là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì nhĩ giới là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì nhĩ giới không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì tỷ giới chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có; vì hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì tỷ giới không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì tỷ giới không có tự

tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì tỷ giới là không, nên biết tác ý cũng không; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không, nên biết tác ý cũng không. Vì tỷ giới là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì tỷ giới là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì tỷ giới không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì thiệt giới chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có; vì vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì thiệt giới không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì thiệt giới không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì thiệt giới là không, nên biết tác ý cũng không; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không, nên biết tác ý cũng không. Vì thiệt giới là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì thiệt giới là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì thiệt giới không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì thân giới chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có; vì xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì thân giới không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì thân giới không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì thân giới là không, nên biết tác ý cũng không; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không, nên biết tác ý cũng không. Vì thân giới là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì

xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì thân giới là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì thân giới không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì ý giới chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có; vì pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì ý giới không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì ý giới không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì ý giới là không, nên biết tác ý cũng không; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không, nên biết tác ý cũng không. Vì ý giới là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì ý giới là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì ý giới không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì địa giới chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì địa giới không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì địa giới không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì địa giới là không, nên biết tác ý cũng không; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không, nên biết tác ý cũng không. Vì địa giới là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì địa giới là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì địa giới không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì Thánh đế khổ chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có; vì Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì Thánh đế khổ không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì Thánh đế tập, diệt, đạo không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì Thánh đế khổ không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì Thánh đế tập, diệt, đạo không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì Thánh đế khổ là không, nên biết tác ý cũng không; vì Thánh đế tập, diệt, đạo là không, nên biết tác ý cũng không. Vì Thánh đế khổ là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì Thánh đế tập, diệt, đạo là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì Thánh đế khổ là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì Thánh đế tập, diệt, đạo là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì Thánh đế khổ không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì Thánh đế tập, diệt, đạo không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì vô minh chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có; vì hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì vô minh không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì vô minh không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì vô minh là không, nên biết tác ý cũng không; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không, nên biết tác ý cũng không. Vì vô minh là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì vô minh là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì vô minh không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì pháp không bên trong chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có; vì pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì pháp không bên trong không thật, nên biết tác ý cũng

không thật; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì pháp không bên trong không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì pháp không bên trong là không, nên biết tác ý cũng không; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không, nên biết tác ý cũng không. Vì pháp không bên trong là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì pháp không bên trong là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì pháp không bên trong không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì chân như chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có; vì pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì chân như không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì chân như không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì chân như là không, nên biết tác ý cũng không; vì pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không, nên biết tác ý cũng không. Vì chân như là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì chân như là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng

thể nghĩ bàn là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì chân như không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì Bố thí ba-la-mật-đa chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có; vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì Bố thí ba-la-mật-đa không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì Bố thí ba-la-mật-đa không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì Bố thí ba-la-mật-đa là không, nên biết tác ý cũng không; vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không, nên biết tác ý cũng không. Vì Bố thí ba-la-mật-đa là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì Bố thí ba-la-mật-đa là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì Bố thí ba-la-mật-đa không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì bốn Tĩnh lự chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì bốn Tĩnh lự không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì bốn Tĩnh lự không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì bốn Tĩnh lự là không, nên biết tác ý cũng không; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không, nên biết tác ý cũng không. Vì bốn Tĩnh lự là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì bốn Tĩnh lự là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì bốn Tĩnh lự không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì tám Giải thoát chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng

có; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì tám Giải thoát không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì tám Giải thoát không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì tám Giải thoát là không, nên biết tác ý cũng không; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không, nên biết tác ý cũng không. Vì tám Giải thoát là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì tám Giải thoát là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì tám Giải thoát không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì bốn Niệm trụ chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có; vì bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì bốn Niệm trụ không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì bốn Niệm trụ không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì bốn Niệm trụ là không, nên biết tác ý cũng không; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không, nên biết tác ý cũng không. Vì bốn Niệm trụ là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì bốn Niệm trụ là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì bốn Niệm trụ không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì pháp môn giải thoát Không chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì pháp môn giải thoát Không không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì pháp môn giải thoát Không không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì pháp

môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì pháp môn giải thoát Không là không, nên biết tác ý cũng không; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không, nên biết tác ý cũng không. Vì pháp môn giải thoát Không là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì pháp môn giải thoát Không là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì pháp môn giải thoát Không không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì năm loại mắt chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có; vì sáu phép thần thông chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì năm loại mắt không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì sáu phép thần thông không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì năm loại mắt không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì sáu phép thần thông không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì năm loại mắt là không, nên biết tác ý cũng không; vì sáu phép thần thông là không, nên biết tác ý cũng không. Vì năm loại mắt là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì sáu phép thần thông là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì năm loại mắt là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì sáu phép thần thông là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì năm loại mắt không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì sáu phép thần thông không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì mười lực của Phật chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có; vì bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì mười lực của Phật không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì mười lực của Phật không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì mười lực của Phật là không, nên biết tác ý cũng không; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không, nên biết tác ý cũng không. Vì mười lực của Phật là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì mười lực của Phật là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật

bất cộng là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì mười lực của Phật không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì pháp không quên mất chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có; vì tánh luôn luôn xả chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì pháp không quên mất không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì tánh luôn luôn xả không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì pháp không quên mất không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì tánh luôn luôn xả không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì pháp không quên mất là không, nên biết tác ý cũng không; vì tánh luôn luôn xả là không, nên biết tác ý cũng không. Vì pháp không quên mất là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì tánh luôn luôn xả là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì pháp không quên mất là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì tánh luôn luôn xả là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì pháp không quên mất không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì tánh luôn luôn xả không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni là không, nên biết tác ý cũng không; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không, nên biết tác ý cũng không. Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì trí Nhất thiết chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì trí Nhất thiết không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì

trí Nhất thiết không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì trí Nhất thiết là không, nên biết tác ý cũng không; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không, nên biết tác ý cũng không. Vì trí Nhất thiết là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì trí Nhất thiết là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì trí Nhất thiết không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, vì quả vị Thanh văn chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có; vì quả vị Độc giác, quả vị Vô thượng chẳng có, nên biết tác ý cũng chẳng có. Vì quả vị Thanh văn không thật, nên biết tác ý cũng không thật; vì quả vị Độc giác, quả vị Vô thượng không thật, nên biết tác ý cũng không thật. Vì quả vị Thanh văn không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh; vì quả vị Độc giác, quả vị Vô thượng không có tự tánh, nên biết tác ý cũng không có tự tánh. Vì quả vị Thanh văn là không, nên biết tác ý cũng không; vì quả vị Độc giác, quả vị Vô thượng là không, nên biết tác ý cũng không. Vì quả vị Thanh văn là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa; vì quả vị Độc giác, quả vị Vô thượng là xa lìa, nên biết tác ý cũng xa lìa. Vì quả vị Thanh văn là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh; vì quả vị Độc giác, quả vị Vô thượng là tịch tĩnh, nên biết tác ý cũng tịch tĩnh. Vì quả vị Thanh văn không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri; vì quả vị Độc giác, quả vị Vô thượng không giác tri, nên biết tác ý cũng không giác tri.

Xá-lợi Tử, do duyên cớ này, các Đại Bồ-tát an trụ chỗ trụ như thị, nên thường chẳng rời bỏ tác ý đại Bi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen Thiện Hiện:

–Hay thay, hay thay! Ông có khả năng khéo vì Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, đó là đều do diệu lực nơi oai thần của Như Lai. Có vị nào muốn vì Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa thì đều nên như ông mà tuyên thuyết. Có các Đại Bồ-tát nào muốn học Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì đều nên theo điều ông nói mà học.

Khi Cụ thọ Thiện Hiện vì các Đại Bồ-tát thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy, thì ở trong thế giới ba lần ngàn này hiện đủ sáu thứ chuyển biến, đó là: Động, động rất mạnh, tất cả đều động mạnh; phun, phun rất mạnh, tất cả đều phun mạnh; rung, rung rất mạnh, tất cả đều rung mạnh; chạm,

chạm rất mạnh, tất cả đều chạm mạnh; nổ, nổ rất lớn, tất cả đều nổ lớn; nứt, nứt rất lớn, tất cả đều nứt lớn; Đông phun Tây chìm; Tây phun, Đông chìm; Nam phun Bắc chìm, Bắc phun Nam chìm; chính giữa phun, bên mé chìm, bên mé phun, chính giữa chìm.

Bấy giờ, Đức Như Lai liền mỉm cười.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch:

–Bạch Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà Ngài mỉm cười?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Như ta ở thế giới Kham nhẫn ba lần ngàn này, vì các Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì cùng lúc chư Phật Thế Tôn ở vô lượng, vô số, vô biên thế giới trong mười phương cũng vì các Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa. Như hiện nay ở thế giới Kham nhẫn ba lần ngàn này có mười hai ức các trời, người... nghe thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, ở trong các pháp, chứng đắc Vô sinh nhẫn, thì cùng lúc ở vô lượng, vô số, vô biên thế giới trong mười phương, đều có vô lượng, vô số, vô biên hữu tình nghe chư Phật ở cõi ấy thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng đều phát tâm cầu chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 77

PHẨM 22: THIÊN ĐẾ (1)

Bấy giờ, có bốn Đại Thiên vương ở thế giới ba lần ngàn này cùng với vô lượng trăm ngàn vô số ức Thiên chúng trong bốn Đại thiên ấy, đều cùng đến nhóm họp; có Thiên đế ở thế giới ba lần ngàn này cùng với vô lượng trăm ngàn vô số ức Thiên chúng cõi trời Ba mươi ba cùng đến nhóm họp; có Thiên vương Thiện thời phần ở thế giới ba lần ngàn này cùng với vô lượng trăm ngàn vô số ức Thiên chúng cõi Thiện thời phần đều cùng đến nhóm họp; có Thiên vương Diệu hỷ túc ở thế giới ba lần ngàn này cùng với vô lượng trăm ngàn vô số ức Thiên chúng cõi Hỷ túc cùng đến nhóm họp; có Thiên vương Lạc biến hóa ở thế giới ba lần ngàn này cùng với vô lượng trăm ngàn vô số ức Thiên chúng cõi Lạc biến hóa đều đến nhóm họp; có Thiên vương Tự tại ở thế giới ba lần ngàn này cùng với vô lượng trăm ngàn vô số ức Thiên chúng cõi Tha hóa tự tại đều đến nhóm họp; có Thiên vương Đại phạm ở thế giới ba lần ngàn này cùng với vô lượng trăm ngàn vô số ức Thiên chúng cõi Sơ tĩnh lự đều đến nhóm họp; có Cực quang Tịnh thiên ở thế giới ba lần ngàn này cùng với vô lượng trăm ngàn vô số ức Thiên chúng cõi Đệ nhị tĩnh lự đều đến nhóm họp; có Biến tịnh thiên ở thế giới ba lần ngàn này cùng với vô lượng trăm ngàn vô số ức Thiên chúng cõi Đệ tam tĩnh lự đều đến nhóm họp; có Quảng quả thiên ở thế giới ba lần ngàn này cùng với vô lượng trăm ngàn vô số ức Thiên chúng cõi Đệ tứ tĩnh lự đều đến nhóm họp; có Sắc cứu cánh thiên ở thế giới ba lần ngàn này cùng với vô lượng trăm ngàn vô số ức Thiên chúng cõi Tịnh cư đều đến nhóm họp. Các Thiên chúng ấy đều do thắng nghiệp mà có được ánh sáng nơi diệu thân, nhưng so với hào quang thường tỏa ra nơi thân Như Lai thì trăm phần chẳng bằng một, ngàn phần chẳng bằng một, trăm ngàn phần chẳng bằng một, cho đến trăm ngàn vô số ức phần cũng chẳng bằng một. Cứ như vậy, phần kể đếm, phần tính toán, phần thí dụ cho đến phần ô-ba-ni-sát-đàm *(phần*

cực số) đều chẳng bằng một. Vì sao? Vì hào quang thường tỏa chiếu nơi thân Như Lai chói sáng rực rỡ, đối với các loại ánh sáng khác, nó là tối tôn, tối thắng, tối cực, tối diệu, không gì so sánh, không gì ngang bằng, vô thượng đệ nhất, che mờ ánh sáng của chư Thiên, khiến chẳng hiện rõ, giống như sắt đen đối với vàng ở châu Thiệm bộ.

Khi ấy, Thiên đế Thích bạch Thiện Hiện:

–Nay chư Thiên ở cõi Dục, cõi Sắc trong thế giới ba lần ngàn này, tất cả đến tụ tập đều khao khát muốn nghe Đại đức tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa. Bạch Đại đức, cái gì là Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát? Thế nào là Đại Bồ-tát nên trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa? Thế nào là Đại Bồ-tát nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Cụ thọ Thiện Hiện bảo Đế Thích:

–Hay thay! Kiều-thi-ca, chư Thiên các ông hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ nương thần lực của chư Phật, thuận theo ý Như Lai vì các Đại Bồ-tát tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa. Kiều-thi-ca, như chỗ nên trụ và chỗ nên học của Đại Bồ-tát, chư Thiên các ông, vị nào chưa phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột thì nay đều nên phát. Kiều-thi-ca, nếu ai vào Chánh tánh ly sinh *(kiến đạo)* của hàng Thanh văn, Độc giác, thì chẳng thể trở lại phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì đối với dòng sinh tử, họ đã làm cho ngăn cách. Trong đó, nếu ai có thể đối với quả vị Giác ngộ cao tột mà phát tâm hướng đến thì ta cũng tùy hỷ. Vì sao? Vì đối với các vị sĩ phu tối thắng, thì nên cầu thượng pháp; đối với loại hữu tình tối diệu thiện, ta chẳng hề làm trở ngại.

Kiều-thi-ca, ông hỏi ‘cái gì là Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát?’ Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe! Ta sẽ vì ông mà nói. Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện tư duy sắc là vô thường; tư duy thọ, tưởng, hành, thức là vô thường; tư duy sắc là khổ; tư duy thọ, tưởng, hành, thức là khổ; tư duy sắc là vô ngã; tư duy thọ, tưởng, hành, thức là vô ngã; tư duy sắc là bất tịnh; tư duy thọ, tưởng, hành, thức là bất tịnh; tư duy sắc là không; tư duy thọ, tưởng, hành, thức là không; tư duy sắc là vô tướng; tư duy thọ, tưởng, hành, thức là vô tướng; tư duy sắc là vô nguyện; tư duy thọ, tưởng, hành, thức là vô nguyện; tư duy sắc là tịch tĩnh; tư duy thọ, tưởng, hành, thức là tịch tĩnh; tư duy sắc là xa lìa; tư duy thọ, tưởng, hành, thức là xa lìa; tư duy sắc như bệnh; tư duy thọ, tưởng, hành, thức như bệnh; tư duy sắc như ung nhọt; tư duy thọ, tưởng, hành, thức như ung nhọt; tư duy sắc như

mũi tên; tư duy thọ, tưởng, hành, thức như mũi tên; tư duy sắc như ghẻ lở; tư duy thọ, tưởng, hành, thức như ghẻ lở; tư duy sắc là nóng bức; tư duy thọ, tưởng, hành, thức là nóng bức; tư duy sắc là bức bách; tư duy thọ, tưởng, hành, thức là bức bách; tư duy sắc là bại hoại; tư duy thọ, tưởng, hành, thức là bại hoại; tư duy sắc là suy tàn; tư duy thọ, tưởng, hành, thức là suy tàn; tư duy sắc là biến động; tư duy thọ, tưởng, hành, thức là biến động; tư duy sắc là chóng diệt; tư duy thọ, tưởng, hành, thức là chóng diệt; tư duy sắc là đáng sợ; tư duy thọ, tưởng, hành, thức là đáng sợ; tư duy sắc là đáng chán; tư duy thọ, tưởng, hành, thức là đáng chán; tư duy sắc là tai ương; tư duy thọ, tưởng, hành, thức là tai ương; tư duy sắc có tai họa; tư duy thọ, tưởng, hành, thức có tai họa; tư duy sắc có ôn dịch; tư duy thọ, tưởng, hành, thức là có ôn dịch; tư duy sắc là có phong hủi; tư duy thọ, tưởng, hành, thức là có phong hủi; tư duy tánh của sắc là chẳng an ổn; tư duy tánh của thọ, tưởng, hành, thức là chẳng an ổn; tư duy sắc chẳng đáng tin cậy; tư duy thọ, tưởng, hành, thức chẳng đáng tin cậy; tư duy sắc là không sinh, không diệt; tư duy thọ, tưởng, hành, thức là không sinh, không diệt; tư duy sắc là không nhiễm, không tịnh; tư duy thọ, tưởng, hành, thức là không nhiễm, không tịnh; tư duy sắc là không tạo tác, không hành động; tư duy thọ, tưởng, hành, thức là không tạo tác, không hành động, thì Kiều-thi-ca, đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện tư duy nhãn xứ là vô thường; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là vô thường; tư duy nhãn xứ là khổ; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là khổ; tư duy nhãn xứ là vô ngã; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là vô ngã; tư duy nhãn xứ là bất tịnh; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là bất tịnh; tư duy nhãn xứ là không; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không; tư duy nhãn xứ là vô tướng; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là vô tướng; tư duy nhãn xứ là vô nguyện; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là vô nguyện; tư duy nhãn xứ là tịch tĩnh; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là tịch tĩnh; tư duy nhãn xứ là xa lìa; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là xa lìa; tư duy nhãn xứ như bệnh; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ như bệnh; tư duy nhãn xứ như ung nhọt; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ như ung nhọt; tư duy nhãn xứ như mũi tên; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ như mũi tên; tư duy nhãn xứ như ghẻ lở; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ như ghẻ lở; tư duy nhãn xứ là nóng bức; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là nóng bức; tư duy nhãn xứ là bức bách; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là

bức bách; tư duy nhãn xứ là bại hoại; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là bại hoại; tư duy nhãn xứ là suy tàn; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là suy tàn; tư duy nhãn xứ là biến động; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là biến động; tư duy nhãn xứ là chóng diệt; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là chóng diệt; tư duy nhãn xứ là đáng sợ; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là đáng sợ; tư duy nhãn xứ là đáng chán; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là đáng chán; tư duy nhãn xứ là tai ương; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là tai ương; tư duy nhãn xứ có tai họa; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có tai họa; tư duy nhãn xứ có ôn dịch; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là có ôn dịch; tư duy nhãn xứ là có phong hủi; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là có phong hủi; tư duy tánh của nhãn xứ là chẳng an ổn; tư duy tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là chẳng an ổn; tư duy nhãn xứ chẳng đáng tin cậy; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng đáng tin cậy; tư duy nhãn xứ là không sinh, không diệt; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không sinh, không diệt; tư duy nhãn xứ là không nhiễm, không tịnh; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không nhiễm, không tịnh; tư duy nhãn xứ là không tạo tác, không hành động; tư duy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không tạo tác, không hành động, thì Kiều-thi-ca, đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện tư duy sắc xứ là vô thường; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là vô thường; tư duy sắc xứ là khổ; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là khổ; tư duy sắc xứ là vô ngã; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là vô ngã; tư duy sắc xứ là bất tịnh; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là bất tịnh; tư duy sắc xứ là không; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không; tư duy sắc xứ là vô tướng; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là vô tướng; tư duy sắc xứ là vô nguyện; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là vô nguyện; tư duy sắc xứ là tịch tĩnh; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là tịch tĩnh; tư duy sắc xứ là xa lìa; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là xa lìa; tư duy sắc xứ như bệnh; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ như bệnh; tư duy sắc xứ như ung nhọt; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ như ung nhọt; tư duy sắc xứ như mũi tên; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ như mũi tên; tư duy sắc xứ như ghẻ lở; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ như ghẻ lở; tư duy sắc xứ là nóng bức; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là nóng bức; tư duy sắc xứ là bức bách; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là bức bách; tư duy sắc xứ là bại hoại; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp

xứ là bại hoại; tư duy sắc xứ là suy tàn; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là suy tàn; tư duy sắc xứ là biến động; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là biến động; tư duy sắc xứ là chóng diệt; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là chóng diệt; tư duy sắc xứ là đáng sợ; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là đáng sợ; tư duy sắc xứ là đáng chán; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là đáng chán; tư duy sắc xứ là tai ương; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là tai ương; tư duy sắc xứ có tai họa; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có tai họa; tư duy sắc xứ có ôn dịch; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là có ôn dịch; tư duy sắc xứ là có phong hủi; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là có phong hủi; tư duy tánh của sắc xứ là chẳng an ổn; tư duy tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là chẳng an ổn; tư duy sắc xứ chẳng đáng tin cậy; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng đáng tin cậy; tư duy sắc xứ là không sinh, không diệt; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không sinh, không diệt; tư duy sắc xứ là không nhiễm, không tịnh; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không nhiễm, không tịnh; tư duy sắc xứ là không tạo tác, không hành động; tư duy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không tạo tác, không hành động, thì này Kiều-thi-ca, đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện tư duy nhãn giới là vô thường; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là vô thường; tư duy nhãn giới là khổ; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là khổ; tư duy nhãn giới là vô ngã; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là vô ngã; tư duy nhãn giới là bất tịnh; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là bất tịnh; tư duy nhãn giới là không; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không; tư duy nhãn giới là vô tướng; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là vô tướng; tư duy nhãn giới là vô nguyện; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là vô nguyện; tư duy nhãn giới là tịch tĩnh; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là tịch tĩnh; tư duy nhãn giới là xa lìa; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là xa lìa; tư duy nhãn giới như bệnh; tư duy sắc giới,

nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra như bệnh; tư duy nhãn giới như ung nhọt; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra như ung nhọt; tư duy nhãn giới như mũi tên; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra như mũi tên; tư duy nhãn giới như ghẻ lở; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra như ghẻ lở; tư duy nhãn giới là nóng bức; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là nóng bức; tư duy nhãn giới là bức bách; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là bức bách; tư duy nhãn giới là bại hoại; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là bại hoại; tư duy nhãn giới là suy tàn; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là suy tàn; tư duy nhãn giới là biến động; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là biến động; tư duy nhãn giới là chóng diệt; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là chóng diệt; tư duy nhãn giới là đáng sợ; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là đáng sợ; tư duy nhãn giới là đáng chán; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là đáng chán; tư duy nhãn giới là tai ương; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là tai ương; tư duy nhãn giới có tai họa; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có tai họa; tư duy nhãn giới có ôn dịch; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là có ôn dịch; tư duy nhãn giới là có phong hủi; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là có phong hủi; tư duy tánh của nhãn giới là chẳng an ổn; tư duy tánh của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là chẳng an ổn; tư duy nhãn giới chẳng đáng tin cậy; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng đáng tin cậy; tư duy nhãn giới là không sinh, không diệt; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không sinh, không diệt; tư duy nhãn giới là không nhiễm, không tịnh; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không nhiễm, không tịnh;

tư duy nhãn giới là không tạo tác, không hành động; tư duy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không tạo tác, không hành động, thì này Kiều-thi-ca, đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện tư duy nhĩ giới là vô thường; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là vô thường; tư duy nhĩ giới là khổ; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là khổ; tư duy nhĩ giới là vô ngã; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là vô ngã; tư duy nhĩ giới là bất tịnh; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là bất tịnh; tư duy nhĩ giới là không; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không; tư duy nhĩ giới là vô tướng; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là vô tướng; tư duy nhĩ giới là vô nguyện; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là vô nguyện; tư duy nhĩ giới là tịch tĩnh; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là tịch tĩnh; tư duy nhĩ giới là xa lìa; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là xa lìa; tư duy nhĩ giới như bệnh; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra như bệnh; tư duy nhĩ giới như ung nhọt; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra như ung nhọt; tư duy nhĩ giới như mũi tên; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra như mũi tên; tư duy nhĩ giới như ghẻ lở; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra như ghẻ lở; tư duy nhĩ giới là nóng bức; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là nóng bức; tư duy nhĩ giới là bức bách; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là bức bách; tư duy nhĩ giới là bại hoại; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là bại hoại; tư duy nhĩ giới là suy tàn; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là suy tàn; tư duy nhĩ giới là biến động; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là biến động; tư duy nhĩ

giới là chóng diệt; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là chóng diệt; tư duy nhĩ giới là đáng sợ; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là đáng sợ; tư duy nhĩ giới là đáng chán; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là đáng chán; tư duy nhĩ giới là tai ương; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là tai ương; tư duy nhĩ giới có tai họa; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có tai họa; tư duy nhĩ giới có ôn dịch; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là có ôn dịch; tư duy nhĩ giới là có phong hủi; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là có phong hủi; tư duy tánh của nhĩ giới là chẳng an ổn; tư duy tánh của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là chẳng an ổn; tư duy nhĩ giới chẳng đáng tin cậy; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng đáng tin cậy; tư duy nhĩ giới là không sinh, không diệt; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không sinh, không diệt; tư duy nhĩ giới là không nhiễm, không tịnh; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không nhiễm, không tịnh; tư duy nhĩ giới là không tạo tác, không hành động; tư duy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không tạo tác, không hành động, thì này Kiều-thi-ca, đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện tư duy tỷ giới là vô thường; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là vô thường; tư duy tỷ giới là khổ; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là khổ; tư duy tỷ giới là vô ngã; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là vô ngã; tư duy tỷ giới là bất tịnh; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là bất tịnh; tư duy tỷ giới là không; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không; tư duy tỷ giới là vô tướng; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là vô tướng; tư duy tỷ giới là vô nguyện; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là vô

nguyện; tư duy tỷ giới là tịch tĩnh; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là tịch tĩnh; tư duy tỷ giới là xa lìa; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là xa lìa; tư duy tỷ giới như bệnh; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra như bệnh; tư duy tỷ giới như ung nhọt; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra như ung nhọt; tư duy tỷ giới như mũi tên; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra như mũi tên; tư duy tỷ giới như ghẻ lở; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra như ghẻ lở; tư duy tỷ giới là nóng bức; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là nóng bức; tư duy tỷ giới là bức bách; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là bức bách; tư duy tỷ giới là bại hoại; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là bại hoại; tư duy tỷ giới là suy tàn; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là suy tàn; tư duy tỷ giới là biến động; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là biến động; tư duy tỷ giới là chóng diệt; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là chóng diệt; tư duy tỷ giới là đáng sợ; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là đáng sợ; tư duy tỷ giới là đáng chán; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là đáng chán; tư duy tỷ giới là tai ương; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là tai ương; tư duy tỷ giới có tai họa; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có tai họa; tư duy tỷ giới có ôn dịch; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là có ôn dịch; tư duy tỷ giới là có phong hủi; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là có phong hủi; tư duy tánh của tỷ giới là chẳng an ổn; tư duy tánh của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là chẳng an ổn; tư duy tỷ giới chẳng đáng tin cậy; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng đáng tin cậy; tư duy tỷ giới là không sinh, không diệt; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không sinh, không diệt; tư duy tỷ giới là không nhiễm,

không tịnh; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không nhiễm, không tịnh; tư duy tỷ giới là không tạo tác, không hành động; tư duy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không tạo tác, không hành động, thì này Kiều-thi-ca, đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện tư duy thiệt giới là vô thường; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là vô thường; tư duy thiệt giới là khổ; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là khổ; tư duy thiệt giới là vô ngã; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là vô ngã; tư duy thiệt giới là bất tịnh; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là bất tịnh; tư duy thiệt giới là không; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không; tư duy thiệt giới là vô tướng; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là vô tướng; tư duy thiệt giới là vô nguyện; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là vô nguyện; tư duy thiệt giới là tịch tĩnh; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là tịch tĩnh; tư duy thiệt giới là xa lìa; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là xa lìa; tư duy thiệt giới như bệnh; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra như bệnh; tư duy thiệt giới như ung nhọt; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra như ung nhọt; tư duy thiệt giới như mũi tên; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra như mũi tên; tư duy thiệt giới như ghẻ lở; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra như ghẻ lở; tư duy thiệt giới là nóng bức; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là nóng bức; tư duy thiệt giới là bức bách; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là bức bách; tư duy thiệt giới là bại hoại; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là bại hoại; tư duy thiệt giới là suy tàn; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là suy tàn; tư duy thiệt giới là biến động; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt

xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là biến động; tư duy thiệt giới là chóng diệt; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là chóng diệt; tư duy thiệt giới là đáng sợ; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là đáng sợ; tư duy thiệt giới là đáng chán; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là đáng chán; tư duy thiệt giới là tai ương; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là tai ương; tư duy thiệt giới có tai họa; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có tai họa; tư duy thiệt giới có ôn dịch; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là có ôn dịch; tư duy thiệt giới là có phong hủi; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là có phong hủi; tư duy tánh của thiệt giới là chẳng an ổn; tư duy tánh của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là chẳng an ổn; tư duy thiệt giới chẳng đáng tin cậy; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng đáng tin cậy; tư duy thiệt giới là không sinh, không diệt; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không sinh, không diệt; tư duy thiệt giới là không nhiễm, không tịnh; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không nhiễm, không tịnh; tư duy thiệt giới là không tạo tác, không hành động; tư duy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không tạo tác, không hành động, thì này Kiều-thi-ca, đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện tư duy thân giới là vô thường; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là vô thường; tư duy thân giới là khổ; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là khổ; tư duy thân giới là vô ngã; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là vô ngã; tư duy thân giới là bất tịnh; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là bất tịnh; tư duy thân giới là không; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không; tư duy thân giới là vô tướng; tư duy xúc giới, thân thức giới và

thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là vô tướng; tư duy thân giới là vô nguyện; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là vô nguyện; tư duy thân giới là tịch tĩnh; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là tịch tĩnh; tư duy thân giới là xa lìa; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là xa lìa; tư duy thân giới như bệnh; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra như bệnh; tư duy thân giới như ung nhọt; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra như ung nhọt; tư duy thân giới như mũi tên; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra như mũi tên; tư duy thân giới như ghẻ lở; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra như ghẻ lở; tư duy thân giới là nóng bức; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là nóng bức; tư duy thân giới là bức bách; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là bức bách; tư duy thân giới là bại hoại; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là bại hoại; tư duy thân giới là suy tàn; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là suy tàn; tư duy thân giới là biến động; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là biến động; tư duy thân giới là chóng diệt; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là chóng diệt; tư duy thân giới là đáng sợ; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là đáng sợ; tư duy thân giới là đáng chán; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là đáng chán; tư duy thân giới là tai ương; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là tai ương; tư duy thân giới có tai họa; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có tai họa; tư duy thân giới có ôn dịch; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là có ôn dịch; tư duy thân giới là có phong hủi; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là có phong hủi; tư duy tánh của thân giới là chẳng an ổn; tư duy tánh của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là chẳng an ổn; tư duy thân

giới chẳng đáng tin cậy; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng đáng tin cậy; tư duy thân giới là không sinh, không diệt; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không sinh, không diệt; tư duy thân giới là không nhiễm, không tịnh; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không nhiễm, không tịnh; tư duy thân giới là không tạo tác, không hành động; tư duy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không tạo tác, không hành động, thì này Kiều-thi-ca, đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện tư duy ý giới là vô thường; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là vô thường; tư duy ý giới là khổ; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là khổ; tư duy ý giới là vô ngã; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là vô ngã; tư duy ý giới là bất tịnh; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là bất tịnh; tư duy ý giới là không; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không; tư duy ý giới là vô tướng; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là vô tướng; tư duy ý giới là vô nguyện; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là vô nguyện; tư duy ý giới là tịch tĩnh; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là tịch tĩnh; tư duy ý giới là xa lìa; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là xa lìa; tư duy ý giới như bệnh; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra như bệnh; tư duy ý giới như ung nhọt; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra như ung nhọt; tư duy ý giới như mũi tên; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra như mũi tên; tư duy ý giới như ghẻ lở; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra như ghẻ lở; tư duy ý giới là nóng bức; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là nóng bức; tư duy ý giới là bức bách; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là bức bách; tư duy ý giới là bại hoại; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm

duyên sinh ra là bại hoại; tư duy ý giới là suy tàn; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là suy tàn; tư duy ý giới là biến động; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là biến động; tư duy ý giới là chóng diệt; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là chóng diệt; tư duy ý giới là đáng sợ; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là đáng sợ; tư duy ý giới là đáng chán; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là đáng chán; tư duy ý giới là tai ương; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là tai ương; tư duy ý giới có tai họa; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có tai họa; tư duy ý giới có ôn dịch; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là có ôn dịch; tư duy ý giới là có phong hủi; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là có phong hủi; tư duy tánh của ý giới là chẳng an ổn; tư duy tánh của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là chẳng an ổn; tư duy ý giới chẳng đáng tin cậy; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng đáng tin cậy; tư duy ý giới là không sinh, không diệt; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không sinh, không diệt; tư duy ý giới là không nhiễm, không tịnh; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không nhiễm, không tịnh; tư duy ý giới là không tạo tác, không hành động; tư duy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không tạo tác, không hành động, thì này Kiều-thi-ca, đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 78

PHẨM 22: THIÊN ĐẾ (2)

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện tư duy địa giới là vô thường; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là vô thường; tư duy địa giới là khổ; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là khổ; tư duy địa giới là vô ngã; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là vô ngã; tư duy địa giới là bất tịnh; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là bất tịnh; tư duy địa giới là không; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không; tư duy địa giới là vô tướng; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là vô tướng; tư duy địa giới là vô nguyện; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là vô nguyện; tư duy địa giới là tịch tĩnh; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là tịch tĩnh; tư duy địa giới là xa lìa; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là xa lìa; tư duy địa giới như bệnh; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới như bệnh; tư duy địa giới như ung nhọt; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới như ung nhọt; tư duy địa giới như mũi tên; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới như mũi tên; tư duy địa giới như ghẻ lở; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới như ghẻ lở; tư duy địa giới là nóng bức; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là nóng bức; tư duy địa giới là bức bách; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là bức bách; tư duy địa giới là bại hoại; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là bại hoại; tư duy địa giới là suy tàn; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là suy tàn; tư duy địa giới là biến động; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là biến động; tư duy địa giới là chóng diệt; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là chóng diệt; tư duy địa giới là đáng sợ; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là đáng sợ; tư duy địa giới là đáng chán; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là đáng chán; tư duy địa giới là tai ương; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là tai ương; tư duy địa giới có tai họa; tư duy thủy, hỏa, phong,

không, thức giới có tai họa; tư duy địa giới có ôn dịch; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là có ôn dịch; tư duy địa giới là có phong hủi; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là có phong hủi; tư duy tánh của địa giới là chẳng an ổn; tư duy tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là chẳng an ổn; tư duy địa giới chẳng đáng tin cậy; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng đáng tin cậy; tư duy địa giới là không sinh, không diệt; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không sinh, không diệt; tư duy địa giới là không nhiễm, không tịnh; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không nhiễm, không tịnh; tư duy địa giới là không tạo tác, không hành động; tư duy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không tạo tác, không hành động, thì này Kiều-thi-ca, đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện tư duy vô minh là vô thường; tư duy hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là vô thường; tư duy vô minh là khổ; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là khổ; tư duy vô minh là vô ngã; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là vô ngã; tư duy vô minh là bất tịnh; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là bất tịnh; tư duy vô minh là không; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không; tư duy vô minh là vô tướng; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là vô tướng; tư duy vô minh là vô nguyện; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là vô nguyện; tư duy vô minh là tịch tĩnh; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là tịch tĩnh; tư duy vô minh là xa lìa; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là xa lìa; tư duy vô minh như bệnh; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não như bệnh; tư duy vô minh như ung nhọt; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não như ung nhọt; tư duy vô minh như mũi tên; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não như mũi tên; tư duy vô minh như ghẻ lở; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não như ghẻ lở; tư duy vô minh là nóng bức; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là nóng bức; tư duy vô minh là bức bách; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là bức bách; tư duy vô minh là bại hoại; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là bại hoại; tư duy vô minh là suy tàn; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là suy tàn; tư duy vô minh là biến động; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là biến động; tư duy vô minh là chóng diệt; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là chóng diệt; tư duy vô minh

là đáng sợ; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là đáng sợ; tư duy vô minh là đáng chán; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là đáng chán; tư duy vô minh là tai ương; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là tai ương; tư duy vô minh có tai họa; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có tai họa; tư duy vô minh có ôn dịch; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là có ôn dịch; tư duy vô minh là có phong hủi; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là có phong hủi; tư duy tánh của vô minh là chẳng an ổn; tư duy tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là chẳng an ổn; tư duy vô minh chẳng đáng tin cậy; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng đáng tin cậy; tư duy vô minh là không sinh, không diệt; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không sinh, không diệt; tư duy vô minh là không nhiễm, không tịnh; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không nhiễm, không tịnh; tư duy vô minh là không tạo tác, không hành động; tư duy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không tạo tác, không hành động, thì này Kiều-thi-ca, đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát pháp không bên trong là không có ngã, ngã sở, quán sát pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là không có ngã, ngã sở; quán sát pháp không bên trong là vô tướng, quán sát pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là vô tướng; quán sát pháp không bên trong là vô nguyện, quán sát pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là vô nguyện; quán sát pháp không bên trong là tịch tĩnh, quán sát pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là tịch tĩnh; quán sát pháp không bên trong là xa lìa, quán sát pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là xa lìa; quán sát pháp không bên trong là không sinh, không diệt, quán sát pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không sinh, không diệt; quán sát pháp không bên trong là không nhiễm, không tịnh, quán sát pháp không bên ngoài cho đến pháp không

không tánh tự tánh là không nhiễm, không tịnh; quán sát pháp không bên trong là không tạo tác, không hành động, quán sát pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không tạo tác, không hành động, thì này Kiều-thi-ca, đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát chân như là không có ngã, ngã sở, quán sát pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không có ngã, ngã sở; quán sát chân như là vô tướng, quán sát pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là vô tướng; quán sát chân như là vô nguyện, quán sát pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là vô nguyện; quán sát chân như là tịch tĩnh, quán sát pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là tịch tĩnh; quán sát chân như là xa lìa, quán sát pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là xa lìa; quán sát chân như là không sinh, không diệt, quán sát pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không sinh, không diệt; quán sát chân như là không nhiễm, không tịnh, quán sát pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không nhiễm, không tịnh; quán sát chân như là không tạo tác, không hành động, quán sát pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không tạo tác, không hành động, thì này Kiều-thi-ca, đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu hành Bố thí ba-la-mật-đa; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì này Kiều-thi-ca, đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu bốn Tĩnh lự; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu bốn

Vô lượng; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu bốn Định vô sắc; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu tám Giải thoát; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu tám Thắng xứ; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu chín Định thứ đệ; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu mười Biến xứ; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu bốn Niệm trụ; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu bốn Chánh đoạn; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu bốn Thần túc; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu năm Căn; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu năm Lực; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu bảy chi Đẳng giác; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu tám chi Thánh đạo; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu pháp môn giải thoát Không; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu pháp môn giải thoát Vô tướng; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu pháp môn giải thoát Vô nguyện; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu trí bốn Thánh đế; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu năm loại mắt; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu sáu phép thần thông; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu mười lực của Phật; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu bốn điều không sợ; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu bốn sự hiểu biết thông suốt; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu mười tám pháp Phật bất cộng; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu pháp không quên mất; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương

tiện, tu tánh luôn luôn xả; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu tất cả pháp môn Đà-la-ni; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu tất cả pháp môn Tam-ma-địa; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu trí Nhất thiết; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu trí Đạo tướng; nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu trí Nhất thiết tướng, thì này Kiều-thi-ca, đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khởi quán thế này: Chỉ có các pháp nương nhờ nhau thấm nhuần tăng trưởng, đầy dẫy khắp nơi, không có ngã, ngã sở; lại khởi quán thế này: Tâm hồi hướng của Đại Bồ-tát chẳng cùng với tâm Bồ-đề hòa hợp; tâm Bồ-đề chẳng cùng với tâm hồi hướng hòa hợp; tâm hồi hướng ở trong tâm Bồ-đề không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; tâm Bồ-đề ở trong tâm hồi hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Đại Bồ-tát tuy quán các pháp, nhưng đối với các pháp hoàn toàn không có chỗ kiến chấp, thì này Kiều-thi-ca, đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Khi ấy, Thiên đế Thích hỏi Thiện Hiện:

–Bạch Đại Đức, thế nào là tâm hồi hướng của Đại Bồ-tát chẳng cùng với tâm Bồ-đề hòa hợp? Thế nào là tâm Bồ-đề chẳng cùng với tâm hồi hướng hòa hợp? Thế nào là tâm hồi hướng ở trong tâm Bồ-đề không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được? Thế nào là tâm Bồ-đề ở trong tâm hồi hướng không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được?

Thiện Hiện đáp:

–Kiều-thi-ca, tâm hồi hướng của Đại Bồ-tát là chẳng phải tâm, tâm Bồ-đề cũng chẳng phải tâm; nếu là chẳng phải tâm thì không thể nghĩ bàn, chẳng lẽ chẳng phải tâm lại hồi hướng cái chẳng phải tâm, cũng chẳng lẽ cái chẳng phải tâm lại hồi hướng sự không thể nghĩ bàn! Chẳng lẽ sự không thể nghĩ bàn lại hồi hướng sự không thể nghĩ bàn! Cũng chẳng lẽ sự không thể nghĩ bàn lại hồi hướng cái chẳng phải tâm! Vì sao? Vì chẳng phải tâm tức là sự không thể nghĩ bàn, sự không thể nghĩ bàn tức là chẳng phải tâm. Như vậy, hai thứ đều không sở hữu; vì trong cái không sở hữu không có hồi hướng.

Kiều-thi-ca, nếu khởi quán như thế thì đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen Thiện Hiện:

–Hay thay, hay thay! Ông có khả năng vì các Đại Bồ-tát khéo tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng có khả năng khéo khích lệ các Đại Bồ-tát khiến họ vui mừng hết mực mà dốc tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con đã biết ân, chẳng lẽ chẳng báo. Vì sao? Vì chư Phật và các đệ tử quá khứ đã vì các Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết sáu pháp Ba-la-mật-đa, thị hiện, giáo hóa, dẫn dắt, khen ngợi, khích lệ, chúc mừng, an ủi, xây dựng, khiến họ đạt được cứu cánh. Đức Thế Tôn, lúc Bấy giờ, cũng còn ở trong sự tu học, mà nay chứng quả vị Giác ngộ cao tột, cho nên con cũng phải vâng theo lời Phật dạy, vì các Đại Bồ-tát tuyên thuyết sáu pháp Ba-la-mật-đa, thị hiện, giáo hóa, dẫn dắt, khen ngợi, khích lệ, chúc mừng, an ủi, xây dựng, khiến họ đạt được cứu cánh, mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, như thế gọi là báo đáp ân đức của các ngài.

Khi ấy, Cụ thọ Thiện Hiện bảo Thiên đế Thích:

–Kiều-thi-ca, ông hỏi là Đại Bồ-tát nên trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế nào? Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe! Ta sẽ vì ông mà nói. Đại Bồ-tát, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, giả như có chỗ nên trụ, thì chẳng nên trụ tướng.

Kiều-thi-ca, sắc và tánh của sắc là không; thọ, tưởng, hành, thức và tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của sắc là không, nếu tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, nhãn xứ và tánh của nhãn xứ là không; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của nhãn xứ là không, nếu tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, sắc xứ và tánh của sắc xứ là không; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của sắc xứ là không,

nếu tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, nhãn giới và tánh của nhãn giới là không; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tánh của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của nhãn giới là không, nếu tánh của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, nhĩ giới và tánh của nhĩ giới là không; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tánh của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của nhĩ giới là không, nếu tánh của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, tỷ giới và tánh của tỷ giới là không; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tánh của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của tỷ giới là không, nếu tánh của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, thiệt giới và tánh của thiệt giới là không; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và tánh của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu

tánh của thiệt giới là không, nếu tánh của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, thân giới và tánh của thân giới là không; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tánh của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của thân giới là không, nếu tánh của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, ý giới và tánh của ý giới là không; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tánh của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của ý giới là không, nếu tánh của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, địa giới và tánh của địa giới là không; thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của địa giới là không, nếu tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, Thánh đế khổ và tánh của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của Thánh đế khổ là không, nếu tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, vô minh và tánh của vô minh là không; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của vô minh là không, nếu tánh của hành, thức cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, pháp không bên trong và tánh của pháp không bên trong là không; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của pháp không bên trong là không, nếu tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, chân như và tánh của chân như là không; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn và tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của chân như là không, nếu tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, Bố thí ba-la-mật-đa và tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là

không; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không, nếu tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, bốn Tĩnh lự và tánh của bốn Tĩnh lự là không; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của bốn Tĩnh lự là không, nếu tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, tám Giải thoát và tánh của tám Giải thoát là không; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của tám Giải thoát là không, nếu tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, bốn Niệm trụ và tánh của bốn Niệm trụ là không; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của bốn Niệm trụ là không, nếu tánh của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, pháp môn giải thoát Không và tánh của pháp môn giải thoát Không là không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tánh

của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của pháp môn giải thoát Không là không, nếu tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, năm loại mắt và tánh của năm loại mắt là không; sáu phép thần thông và tánh của sáu phép thần thông là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của năm loại mắt là không, nếu tánh của sáu phép thần thông là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, mười lực của Phật và tánh nơi mười lực của Phật là không; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của mười lực của Phật là không, nếu tánh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, pháp không quên mất và tánh của pháp không quên mất là không; tánh luôn luôn xả và tánh của tánh luôn luôn xả là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của pháp không quên mất là không, nếu tánh của tánh luôn luôn xả là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, tất cả pháp môn Đà-la-ni và tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không; tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không, nếu tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy

tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, trí Nhất thiết và tánh của trí Nhất thiết là không; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của trí Nhất thiết là không, nếu tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, Thanh văn thừa và tánh của Thanh văn thừa là không; Độc giác thừa, Vô thượng thừa và tánh của Độc giác thừa, Vô thượng thừa là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của Thanh văn thừa là không, nếu tánh của Độc giác thừa, Vô thượng thừa là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, Dự lưu và tánh của Dự lưu là không; Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai và tánh của Nhất lai cho đến Như Lai là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của Dự lưu là không, nếu tánh của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, bậc Cực hỷ và tánh của bậc Cực hỷ là không; bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân và tánh của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của bậc Cực hỷ là không, nếu tánh của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Kiều-thi-ca, bậc phàm phu và tánh của bậc phàm phu là không; bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai và tánh của bậc Chủng tánh cho đến bậc Như Lai là không; Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không. Nếu tánh của bậc phàm phu là không, nếu tánh của bậc Chủng tánh cho đến bậc Như Lai là không, nếu tánh của Đại Bồ-tát là không, thì như vậy tất cả đều không hai, không hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên trụ như vậy.

Thiên đế Thích hỏi Thiện Hiện:

–Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng nên trụ vào cái gì?

Thiện Hiện đáp:

–Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ sắc, chẳng nên trụ thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nhãn xứ, chẳng nên trụ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ sắc xứ, chẳng nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nhãn giới, chẳng nên trụ sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nhĩ giới, chẳng nên trụ thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ tỷ giới, chẳng nên trụ hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên

trụ thiệt giới, chẳng nên trụ vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ thân giới, chẳng nên trụ xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ ý giới, chẳng nên trụ pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ địa giới, chẳng nên trụ thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ Thánh đế khổ, chẳng nên trụ Thánh đế tập, diệt, đạo. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ vô minh, chẳng nên trụ hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ pháp không bên trong, chẳng nên trụ pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ chân như, chẳng nên trụ pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên

trụ Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ bốn Tĩnh lự, chẳng nên trụ bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ tám Giải thoát, chẳng nên trụ tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ bốn Niệm trụ, chẳng nên trụ bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ pháp môn giải thoát Không, chẳng nên trụ pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ năm loại mắt, chẳng nên trụ sáu phép thần thông. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ mười lực của Phật, chẳng nên trụ bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ pháp không quên mất, chẳng nên trụ tánh luôn luôn xả. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng nên trụ tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ trí Nhất thiết, chẳng nên trụ trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ Thanh văn thừa, chẳng nên trụ Độc giác thừa, Vô thượng thừa. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ quả Dự lưu chẳng nên trụ quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ bậc Cực hỷ, chẳng nên trụ bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ bậc phàm phu, chẳng nên trụ bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai. Vì sao? Vì nếu trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 79

PHẨM 22: THIÊN ĐẾ (3)

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là sắc, chẳng nên chấp đây là thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là nhãn xứ, chẳng nên chấp đây là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là sắc xứ, chẳng nên chấp đây là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là nhãn giới, chẳng nên chấp đây là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là nhĩ giới, chẳng nên chấp đây là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là tỷ giới, chẳng nên chấp đây là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là thiệt giới, chẳng nên chấp đây là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên

chấp đây là thân giới, chẳng nên chấp đây là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là ý giới, chẳng nên chấp đây là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là địa giới, chẳng nên chấp đây là thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là Thánh đế khổ, chẳng nên chấp đây là Thánh đế tập, diệt, đạo. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là vô minh, chẳng nên chấp đây là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là pháp không bên trong, chẳng nên chấp đây là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là chân như, chẳng nên chấp đây là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên

chấp đây là bốn Tĩnh lự, chẳng nên chấp đây là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là tám Giải thoát, chẳng nên chấp đây là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là bốn Niệm trụ, chẳng nên chấp đây là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là pháp môn giải thoát Không, chẳng nên chấp đây là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là năm loại mắt, chẳng nên chấp đây là sáu phép thần thông. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là mười lực của Phật, chẳng nên chấp đây là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là pháp không quên mất, chẳng nên chấp đây là tánh luôn luôn xả. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng nên chấp đây là tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là trí Nhất thiết, chẳng nên chấp đây là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là Thanh văn thừa, chẳng nên chấp đây là Độc giác thừa, Vô thượng thừa. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là quả Dự lưu chẳng nên chấp đây là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm

phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là bậc Cực hỷ, chẳng nên chấp đây là bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên chấp đây là bậc phàm phu, chẳng nên chấp đây là bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai. Vì sao? Vì chấp là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ sắc là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ thọ, tưởng, hành, thức là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ sắc là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ thọ, tưởng, hành, thức là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ sắc là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ thọ, tưởng, hành, thức là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ sắc là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ thọ, tưởng, hành, thức là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ sắc là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ thọ, tưởng, hành, thức là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ sắc là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ thọ, tưởng, hành, thức là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ sắc là không hoặc bất không, chẳng nên trụ thọ, tưởng, hành, thức là không hoặc bất không; chẳng nên trụ sắc là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ thọ, tưởng, hành, thức là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ sắc là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ thọ, tưởng, hành, thức là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nhãn xứ là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ nhãn xứ là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ nhãn xứ là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ nhãn xứ là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ nhãn xứ là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ nhãn xứ là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là xa lìa hoặc chẳng

xa lìa; chẳng nên trụ nhãn xứ là không hoặc bất không, chẳng nên trụ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không hoặc bất không; chẳng nên trụ nhãn xứ là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ nhãn xứ là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ sắc xứ là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ sắc xứ là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ sắc xứ là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ sắc xứ là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ sắc xứ là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ sắc xứ là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ sắc xứ là không hoặc bất không, chẳng nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không hoặc bất không; chẳng nên trụ sắc xứ là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ sắc xứ là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nhãn giới là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ nhãn giới là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ nhãn giới là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ nhãn giới là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ nhãn giới là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ nhãn giới là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ nhãn giới là không hoặc bất không, chẳng nên

trụ sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không hoặc bất không; chẳng nên trụ nhãn giới là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ nhãn giới là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nhĩ giới là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ nhĩ giới là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ nhĩ giới là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ nhĩ giới là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ nhĩ giới là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ nhĩ giới là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ nhĩ giới là không hoặc bất không, chẳng nên trụ thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không hoặc bất không; chẳng nên trụ nhĩ giới là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ nhĩ giới là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ tỷ giới là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ tỷ giới là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ tỷ giới là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ tỷ giới là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ tỷ

giới là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ tỷ giới là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ tỷ giới là không hoặc bất không, chẳng nên trụ hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không hoặc bất không; chẳng nên trụ tỷ giới là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ tỷ giới là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ thiệt giới là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ thiệt giới là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ thiệt giới là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ thiệt giới là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ thiệt giới là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ thiệt giới là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ thiệt giới là không hoặc bất không, chẳng nên trụ vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không hoặc bất không; chẳng nên trụ thiệt giới là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ thiệt giới là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ thân giới là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ thân giới là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là lạc hoặc

khổ; chẳng nên trụ thân giới là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ thân giới là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ thân giới là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ thân giới là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ thân giới là không hoặc bất không, chẳng nên trụ xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không hoặc bất không; chẳng nên trụ thân giới là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ thân giới là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ ý giới là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ ý giới là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ ý giới là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ ý giới là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ ý giới là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ ý giới là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ ý giới là không hoặc bất không, chẳng nên trụ pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không hoặc bất không; chẳng nên trụ ý giới là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ ý giới là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa,

chẳng nên trụ địa giới là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ thủy, hỏa, phong, không, thức giới là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ địa giới là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ thủy, hỏa, phong, không, thức giới là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ địa giới là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ thủy, hỏa, phong, không, thức giới là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ địa giới là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ thủy, hỏa, phong, không, thức giới là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ địa giới là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ thủy, hỏa, phong, không, thức giới là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ địa giới là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ thủy, hỏa, phong, không, thức giới là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ địa giới là không hoặc bất không, chẳng nên trụ thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không hoặc bất không; chẳng nên trụ địa giới là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ thủy, hỏa, phong, không, thức giới là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ địa giới là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ thủy, hỏa, phong, không, thức giới là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ Thánh đế khổ là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ Thánh đế tập, diệt, đạo là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ Thánh đế khổ là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ Thánh đế tập, diệt, đạo là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ Thánh đế khổ là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ Thánh đế tập, diệt, đạo là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ Thánh đế khổ là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ Thánh đế tập, diệt, đạo là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ Thánh đế khổ là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ Thánh đế tập, diệt, đạo là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ Thánh đế khổ là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ Thánh đế tập, diệt, đạo là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ Thánh đế khổ là không hoặc bất không, chẳng nên trụ Thánh đế tập, diệt, đạo là không hoặc bất không; chẳng nên trụ Thánh đế khổ là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ Thánh đế tập, diệt, đạo là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ Thánh đế khổ là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ Thánh đế tập, diệt, đạo là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ vô minh là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu

não là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ vô minh là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ vô minh là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ vô minh là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ vô minh là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ vô minh là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ vô minh là không hoặc bất không, chẳng nên trụ hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không hoặc bất không; chẳng nên trụ vô minh là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ vô minh là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ pháp không bên trong là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ pháp không bên trong là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ pháp không bên trong là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ pháp không bên trong là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ pháp không bên trong là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ pháp không bên trong là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ pháp không bên trong là không hoặc bất không, chẳng nên trụ

pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không hoặc bất không; chẳng nên trụ pháp không bên trong là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ pháp không bên trong là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ chân như là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ chân như là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ chân như là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ chân như là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ chân như là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ chân như là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ chân như là không hoặc bất không, chẳng nên trụ pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không hoặc bất không; chẳng nên trụ chân như là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ chân như là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ Bố thí ba-la-mật-đa là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ Bố thí ba-la-mật-đa là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ Bố thí ba-la-mật-đa là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ Bố thí ba-la-mật-đa là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ Tịnh

giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ Bố thí ba-la-mật-đa là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ Bố thí ba-la-mật-đa là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ Bố thí ba-la-mật-đa là không hoặc bất không, chẳng nên trụ Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không hoặc bất không; chẳng nên trụ Bố thí ba-la-mật-đa là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ Bố thí ba-la-mật-đa là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ bốn Tĩnh lự là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ bốn Tĩnh lự là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ bốn Tĩnh lự là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ bốn Tĩnh lự là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ bốn Tĩnh lự là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ bốn Tĩnh lự là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ bốn Tĩnh lự là không hoặc bất không, chẳng nên trụ bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không hoặc bất không; chẳng nên trụ bốn Tĩnh lự là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ bốn Tĩnh lự là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ tám Giải thoát là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ tám Giải thoát là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ tám Giải thoát là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ tám Thắng xứ, chín

Định thứ đệ, mười Biến xứ là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ tám Giải thoát là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ tám Giải thoát là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ tám Giải thoát là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ tám Giải thoát là không hoặc bất không, chẳng nên trụ tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không hoặc bất không; chẳng nên trụ tám Giải thoát là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ tám Giải thoát là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ bốn Niệm trụ là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ bốn Niệm trụ là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ bốn Niệm trụ là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ bốn Niệm trụ là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ bốn Niệm trụ là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ bốn Niệm trụ là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ bốn Niệm trụ là không hoặc bất không, chẳng nên trụ bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không hoặc bất không; chẳng nên trụ bốn Niệm trụ là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ bốn Niệm trụ là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ pháp môn giải thoát Không là thường hoặc vô thường,

chẳng nên trụ pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ pháp môn giải thoát Không là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ pháp môn giải thoát Không là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ pháp môn giải thoát Không là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ pháp môn giải thoát Không là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ pháp môn giải thoát Không là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ pháp môn giải thoát Không là không hoặc bất không, chẳng nên trụ pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không hoặc bất không; chẳng nên trụ pháp môn giải thoát Không là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ pháp môn giải thoát Không là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ năm loại mắt là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ sáu phép thần thông là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ năm loại mắt là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ sáu phép thần thông là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ năm loại mắt là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ sáu phép thần thông là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ năm loại mắt là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ sáu phép thần thông là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ năm loại mắt là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ sáu phép thần thông là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ năm loại mắt là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ sáu phép thần thông là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ năm loại mắt là không hoặc bất không, chẳng nên trụ sáu phép thần thông là không hoặc bất không; chẳng nên trụ năm loại mắt là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ sáu phép thần thông là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ năm loại mắt là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ sáu phép thần thông là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ mười lực của Phật là thường hoặc vô thường, chẳng nên

trụ bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ mười lực của Phật là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ mười lực của Phật là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ mười lực của Phật là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ mười lực của Phật là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ mười lực của Phật là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ mười lực của Phật là không hoặc bất không, chẳng nên trụ bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không hoặc bất không; chẳng nên trụ mười lực của Phật là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ mười lực của Phật là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 80

PHẨM 22: THIÊN ĐẾ (4)

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ pháp không quên mất là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ tánh luôn luôn xả là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ pháp không quên mất là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ tánh luôn luôn xả là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ pháp không quên mất là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ tánh luôn luôn xả là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ pháp không quên mất là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ tánh luôn luôn xả là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ pháp không quên mất là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ tánh luôn luôn xả là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ pháp không quên mất là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ tánh luôn luôn xả là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ pháp không quên mất là không hoặc bất không, chẳng nên trụ tánh luôn luôn xả là không hoặc bất không; chẳng nên trụ pháp không quên mất là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ tánh luôn luôn xả là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ pháp không quên mất là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ tánh luôn luôn xả là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ tất cả pháp môn Đà-la-ni là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ tất cả pháp môn Tam-ma-địa là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ tất cả pháp môn Đà-la-ni là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ tất cả pháp môn Tam-ma-địa là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ tất cả pháp môn Đà-la-ni là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ tất cả pháp môn Tam-ma-địa là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ tất cả pháp môn Đà-la-ni là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ tất cả pháp môn Tam-ma-địa là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ tất cả pháp môn Đà-la-ni là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ tất cả pháp môn Tam-ma-địa là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch

tĩnh; chẳng nên trụ tất cả pháp môn Đà-la-ni là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ tất cả pháp môn Tam-ma-địa là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ tất cả pháp môn Đà-la-ni là không hoặc bất không, chẳng nên trụ tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không hoặc bất không; chẳng nên trụ tất cả pháp môn Đà-la-ni là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ tất cả pháp môn Tam-ma-địa là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ tất cả pháp môn Đà-la-ni là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ tất cả pháp môn Tam-ma-địa là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ trí Nhất thiết là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ trí Nhất thiết là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ trí Nhất thiết là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ trí Nhất thiết là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ trí Nhất thiết là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ trí Nhất thiết là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ trí Nhất thiết là không hoặc bất không, chẳng nên trụ trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không hoặc bất không; chẳng nên trụ trí Nhất thiết là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ trí Nhất thiết là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ Thanh văn thừa là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ Độc giác thừa, Vô thượng thừa là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ Thanh văn thừa là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ Độc giác thừa, Vô thượng thừa là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ Thanh văn thừa là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ Độc giác thừa, Vô thượng thừa là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ Thanh văn thừa là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ Độc giác thừa, Vô thượng thừa là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ Thanh văn thừa là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ Độc giác thừa, Vô thượng thừa là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ Thanh văn thừa là xa

lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ Độc giác thừa, Vô thượng thừa là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ Thanh văn thừa là không hoặc bất không, chẳng nên trụ Độc giác thừa, Vô thượng thừa là không hoặc bất không; chẳng nên trụ Thanh văn thừa là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ Độc giác thừa, Vô thượng thừa là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ Thanh văn thừa là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ Độc giác thừa, Vô thượng thừa là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ Dự lưu là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ Dự lưu là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ Dự lưu là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ Dự lưu là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ Dự lưu là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ Dự lưu là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ Dự lưu là không hoặc bất không, chẳng nên trụ Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là không hoặc bất không; chẳng nên trụ Dự lưu là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ Dự lưu là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ Dự lưu hướng, Dự lưu quả là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ Dự lưu hướng, Dự lưu quả là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ Nhất lai hướng, Nhất lai quả cho đến A-la-hán quả là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ Dự lưu hướng, Dự lưu quả là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ Nhất lai hướng, Nhất lai quả cho đến A-la-hán quả là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ Dự lưu hướng, Dự lưu quả là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ Nhất lai hướng, Nhất lai quả cho đến A-la-hán quả là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ Dự lưu hướng, Dự lưu quả là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ Nhất lai hướng, Nhất lai quả cho đến A-la-hán quả là tịch tĩnh hoặc chẳng

tịch tĩnh; chẳng nên trụ Dự lưu hướng, Dự lưu quả là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ Nhất lai hướng, Nhất lai quả cho đến A-la-hán quả là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không hoặc bất không, chẳng nên trụ Nhất lai hướng, Nhất lai quả cho đến A-la-hán quả là không hoặc bất không; chẳng nên trụ Dự lưu hướng, Dự lưu quả là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ Nhất lai hướng, Nhất lai quả cho đến A-la-hán quả là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ Dự lưu hướng, Dự lưu quả là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ Nhất lai hướng, Nhất lai quả cho đến A-la-hán quả là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ Độc giác là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ Độc giác hướng, Độc giác quả là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ Độc giác là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ Độc giác hướng, Độc giác quả là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ Độc giác là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ Độc giác hướng, Độc giác quả là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ Độc giác là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ Độc giác hướng, Độc giác quả là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ Độc giác là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ Độc giác hướng, Độc giác quả là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ Độc giác là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ Độc giác hướng, Độc giác quả là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ Độc giác là không hoặc bất không, chẳng nên trụ Độc giác hướng, Độc giác quả là không hoặc bất không; chẳng nên trụ Độc giác là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ Độc giác hướng, Độc giác quả là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ Độc giác là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ Độc giác hướng, Độc giác quả là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ Bồ-tát, Như Lai là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ pháp của Bồ-tát, Như Lai là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ Bồ-tát, Như Lai là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ pháp của Bồ-tát, Như Lai là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ Bồ-tát, Như Lai là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ pháp của Bồ-tát, Như Lai là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ Bồ-tát, Như Lai là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ pháp của Bồ-tát, Như Lai là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ Bồ-tát, Như Lai là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ pháp của Bồ-tát, Như Lai là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ Bồ-tát, Như Lai là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng

nên trụ pháp của Bồ-tát, Như Lai là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ Bồ-tát, Như Lai là không hoặc bất không, chẳng nên trụ pháp của Bồ-tát, Như Lai là không hoặc bất không; chẳng nên trụ Bồ-tát, Như Lai là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ pháp của Bồ-tát, Như Lai là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ Bồ-tát, Như Lai là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ pháp của Bồ-tát, Như Lai là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ bậc Cực hỷ và pháp của bậc Cực hỷ là thường hoặc vô thường, chẳng nên trụ bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân và pháp của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ bậc Cực hỷ và pháp của bậc Cực hỷ là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ bậc Ly cấu và pháp của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân và pháp của bậc Pháp vân là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ bậc Cực hỷ và pháp của bậc Cực hỷ là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ bậc Ly cấu và pháp của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân và pháp của bậc Pháp vân là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ bậc Cực hỷ và pháp của bậc Cực hỷ là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ bậc Ly cấu và pháp của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân và pháp của bậc Pháp vân là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ bậc Cực hỷ và pháp của bậc Cực hỷ là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ bậc Ly cấu và pháp của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân và pháp của bậc Pháp vân là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ bậc Cực hỷ và pháp của bậc Cực hỷ là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ bậc Ly cấu và pháp của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân và pháp của bậc Pháp vân là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ bậc Cực hỷ và pháp của bậc Cực hỷ là không hoặc bất không, chẳng nên trụ bậc Ly cấu và pháp của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân và pháp của bậc Pháp vân là không hoặc bất không; chẳng nên trụ bậc Cực hỷ và pháp của bậc Cực hỷ là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ bậc Ly cấu và pháp của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân và pháp của bậc Pháp vân là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ bậc Cực hỷ và pháp của bậc Cực hỷ là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ bậc Ly cấu và pháp của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân và pháp của bậc Pháp vân là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ bậc phàm phu và pháp của bậc phàm phu là thường hoặc

vô thường, chẳng nên trụ bậc Chủng tánh, Đệ bát, Cụ kiến, Bạc, Ly dục, Dĩ biện, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai và pháp của bậc Chủng tánh cho đến bậc Như Lai là thường hoặc vô thường; chẳng nên trụ bậc phàm phu và pháp của bậc phàm phu là lạc hoặc khổ, chẳng nên trụ bậc Chủng tánh và pháp của bậc Chủng tánh cho đến bậc Như Lai và pháp của bậc Như Lai là lạc hoặc khổ; chẳng nên trụ bậc phàm phu và pháp của bậc phàm phu là ngã hoặc vô ngã, chẳng nên trụ bậc Chủng tánh và pháp của bậc Chủng tánh cho đến bậc Như Lai và pháp của bậc Như Lai là ngã hoặc vô ngã; chẳng nên trụ bậc phàm phu và pháp của bậc phàm phu là tịnh hoặc bất tịnh, chẳng nên trụ bậc Chủng tánh và pháp của bậc Chủng tánh cho đến bậc Như Lai và pháp của bậc Như Lai là tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên trụ bậc phàm phu và pháp của bậc phàm phu là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, chẳng nên trụ bậc Chủng tánh và pháp của bậc Chủng tánh cho đến bậc Như Lai và pháp của bậc Như Lai là tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh; chẳng nên trụ bậc phàm phu và pháp của bậc phàm phu là xa lìa hoặc chẳng xa lìa, chẳng nên trụ bậc Chủng tánh và pháp của bậc Chủng tánh cho đến bậc Như Lai và pháp của bậc Như Lai là xa lìa hoặc chẳng xa lìa; chẳng nên trụ bậc phàm phu và pháp của bậc phàm phu là không hoặc bất không, chẳng nên trụ bậc Chủng tánh và pháp của bậc Chủng tánh cho đến bậc Như Lai và pháp của bậc Như Lai là không hoặc bất không; chẳng nên trụ bậc phàm phu và pháp của bậc phàm phu là hữu tướng hoặc vô tướng, chẳng nên trụ bậc Chủng tánh và pháp của bậc Chủng tánh cho đến bậc Như Lai và pháp của bậc Như Lai là hữu tướng hoặc vô tướng; chẳng nên trụ bậc phàm phu và pháp của bậc phàm phu là hữu nguyện hoặc vô nguyện, chẳng nên trụ bậc Chủng tánh và pháp của bậc Chủng tánh cho đến bậc Như Lai và pháp của bậc Như Lai là hữu nguyện hoặc vô nguyện. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ quả Dự lưu là tướng vô vi, chẳng nên trụ quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là tướng vô vi. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ quả vị Độc giác là tướng vô vi. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên

trụ quả vị Giác ngộ cao tột là tướng vô vi. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ Dự lưu là phước điền, chẳng nên trụ Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là phước điền. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ Độc giác là phước điền. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ Bồ-tát, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là phước điền. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ sự thù thắng của Sơ địa, chẳng nên trụ nơi sự thù thắng của đệ Nhị địa cho đến sự thù thắng của đệ Thập địa. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vừa phát tâm xong, chẳng nên trụ ý nghĩ này: "Ta sẽ làm viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa", vừa phát tâm xong, chẳng nên trụ ý nghĩ này: "Ta sẽ làm viên mãn Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa." Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta sẽ làm viên mãn bốn Tĩnh lự", chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta sẽ làm viên mãn bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc." Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta sẽ làm viên mãn tám Giải thoát", chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta sẽ làm viên mãn tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ." Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta sẽ làm viên mãn bốn Niệm trụ", chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta sẽ làm viên mãn bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo." Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta sẽ làm viên mãn pháp môn giải thoát Không", chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta sẽ làm viên mãn pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô

nguyện.” Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta tu gia hạnh đã viên mãn rồi sẽ nhập Chánh tánh ly sinh của Đại Bồ-tát”, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta đã được nhập Chánh tánh ly sinh sẽ trụ bậc Bồ-tát không thoái chuyển.” Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta sẽ làm viên mãn năm phép thần thông của Bồ-tát”, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta sẽ làm viên mãn năm phép thần thông rồi, sẽ đi đến vô lượng vô số thế giới, lễ kính, chiêm ngưỡng, cúng dường, thừa sự chư Phật Thế Tôn, lắng nghe chánh pháp, như lý tư duy, vì hữu tình mà tuyên thuyết khai thị một cách rộng khắp.” Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta sẽ nghiêm tịnh cõi Tịnh độ giống như chỗ ở của mười phương chư Phật”, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta sẽ tạo sự thành tựu đầy đủ cho các loài hữu tình, khiến họ chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, hoặc nhập Niết-bàn, hoặc hưởng mọi an lạc của trời người.” Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta sẽ đi đến vô lượng vô số quốc độ của chư Phật, cúng dường, cung kính tôn trọng, ngợi khen chư Phật Thế Tôn, lại lấy vô biên hoa hương, anh lạc, tràng phan, lọng báu, y phục, đồ nằm, thức ăn uống, đèn đuốc, trăm ngàn vô số ức các loại kỹ nhạc trời và vô lượng các thứ của báu thượng hạng để cúng dường”; chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta sẽ an lập cho vô lượng, vô số, vô biên hữu tình, khiến họ đạt được không thoái chuyển đối với quả vị Giác ngộ cao tột.” Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta sẽ hoàn thành Nhục nhãn thanh tịnh”, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta sẽ hoàn thành Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn, cuối cùng là Phật nhãn thanh tịnh.” Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta sẽ hoàn thành Thần cảnh trí thông rốt ráo viên mãn”, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta sẽ hoàn thành Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha

tâm, Túc trí, Lậu tận trí thông rốt ráo viên mãn.” Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta sẽ hoàn thành mười lực của Phật”, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta sẽ hoàn thành bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng”. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta sẽ hoàn thành pháp không quên mất”, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta sẽ hoàn thành tánh luôn luôn xả”. Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta sẽ hoàn thành trí Nhất thiết”, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta sẽ hoàn thành trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.” Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta sẽ hoàn thành tất cả pháp môn Đà-la-ni, đối với vô lượng vô biên sự nghiệp tổng trì đã làm được tự tại”, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta sẽ hoàn thành tất cả pháp môn Tam-ma-địa, đối với vô lượng vô biên các pháp đẳng trì sai biệt, thể hiện diệu dụng tự tại.” Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta sẽ hoàn thành ba mươi hai tướng để trang nghiêm thân, khiến các hữu tình trông thấy liền hoan hỷ”; chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta sẽ hoàn thành tám mươi vẻ đẹp kèm theo để trang nghiêm thân, khiến các hữu tình xem không hề nhàm chán.” Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ cái này là tùy tín hành, cái này là tùy pháp hành, cái này là Bổ-đặc-già-la thứ tám; chẳng nên trụ đây là quả Dự lưu, đây là Cực thất phản hữu; chẳng nên trụ đây là Gia gia, đây là Nhất gián; chẳng nên trụ đây là Tề thủ Bổ-đặc-già-la cho đến thọ mạng hết phiền não mới hết; chẳng nên trụ đây là định Dự lưu, chẳng rơi vào pháp Dự lưu, đây là pháp trung gian Bát-niết-bàn; chẳng nên trụ đây là Nhất lai hướng, đây là Nhất lai quả, một phen trở lại thế gian này dứt được hết khổ não; chẳng nên trụ đây là Bất hoàn hướng, đây là Bất hoàn quả, đến cảnh giới ấy mới

được vào Niết-bàn; chẳng nên trụ đây là A-la-hán hướng, đây là A-la-hán quả, ngay hiện tại nhất định nhập Niết-bàn vô dư; chẳng nên trụ đây là Độc giác hướng, đây là Độc giác quả, trong hiện tại nhất định nhập Niết-bàn vô dư; chẳng nên trụ đây là bậc siêu Thanh văn, Độc giác, trụ bậc Bồ-tát." Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa", chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta sẽ có đầy đủ trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, thấu rõ tất cả pháp, tất cả tướng, đã đoạn trừ vĩnh viễn tất cả phiền não tương tục và các tập khí"; chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta sẽ chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân nhiệm mầu, làm các Phật sự, độ thoát vô lượng, vô số hữu tình, khiến đắc Niết-bàn, rốt ráo an lạc." Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta sẽ khéo tu hoàn tất bốn Thần túc, an trụ nơi pháp đẳng trì thù thắng như vậy; do đẳng trì này làm tăng trưởng diệu lực, khiến thọ mạng của ta trụ như vô số đại kiếp; chẳng nên trú nơi ý nghĩ: "Ta sẽ đạt được thọ lượng vô biên." Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta sẽ thành tựu ba mươi hai tướng Đại sĩ phu tối thắng viên mãn, tất cả tướng ấy với trăm phước trang nghiêm"; chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta sẽ thành tựu tám mươi vẻ đẹp kèm theo tối thắng viên mãn, trong tất cả vẻ đẹp, có vô số hiện tượng thù thắng hiếm có để trang nghiêm." Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta sẽ an trụ một cõi tịnh độ trang nghiêm, cõi ấy rộng lớn, ở cả mười phía sức rộng như vô số thế giới"; chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta sẽ an tọa trên một tòa Kim cang, tòa ấy rộng lớn ngang bằng với cõi Phật trong thế giới ba lần ngàn." Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta sẽ nương tựa cây Bồ-đề lớn; cây ấy cao rộng có các thứ báu trang nghiêm, phát ra mùi thơm vi diệu, hữu tình ngửi được thì các tâm tham, sân, si chóng tiêu trừ, vô lượng, vô biên bệnh của thân cũng đều lành"; chẳng nên trụ nơi: "Có hữu tình ngửi được mùi thơm của cây Bồ-đề này mà xa lìa tác ý về bậc Thanh văn, Độc giác, chắc chắn

chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.” Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về sắc, không có tên gọi về thọ, tưởng, hành, thức.” Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về nhãn xứ, không có tên gọi về nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.” Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về sắc xứ, không có tên gọi về thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.” Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về nhãn giới, không có tên gọi về sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra.” Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về nhĩ giới, không có tên gọi về thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra.” Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về tỷ giới, không có tên gọi về hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra.” Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về thiệt giới, không có tên gọi về vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra.” Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có

tên gọi về thân giới, không có tên gọi về xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra.” Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về ý giới, không có tên gọi về pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra.” Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về địa giới, không có tên gọi về thủy, hỏa, phong, không, thức giới.” Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về Thánh đế khổ, không có tên gọi về Thánh đế tập, diệt, đạo.” Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về vô minh, không có tên gọi về hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não.” Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về pháp không bên trong, không có tên gọi về pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh.” Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: “Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về chân như, không có tên gọi về pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.” Vì

sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về Bố thí ba-la-mật-đa, không có tên gọi về Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa." Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về bốn Tĩnh lự, không có tên gọi về bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc." Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về tám Giải thoát, không có tên gọi về tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ." Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về bốn Niệm trụ, không có tên gọi về bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo." Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về pháp môn giải thoát Không, không có tên gọi về pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện." Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về năm loại mắt, không có tên gọi về sáu phép thần thông." Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về mười lực của Phật, không có tên gọi về bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng." Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về pháp không quên mất, không có tên gọi về tánh luôn luôn xả."

Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về tất cả pháp môn Đà-la-ni, không có tên gọi về tất cả pháp môn Tam-ma-địa." Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về trí Nhất thiết, không có tên gọi về trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng." Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về Thanh văn thừa, không có tên gọi về Độc giác thừa, Vô thượng thừa." Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về Dự lưu và Dự lưu hướng, quả, không có tên gọi về Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán hướng, quả." Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về Độc giác và quả vị Độc giác, không có tên gọi về Bồ-tát, Như Lai và pháp của Bồ-tát, Như Lai." Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về bậc Cực hỷ và pháp, không có tên gọi về bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân và pháp." Vì sao? Vì trụ là lấy hữu sở đắc làm phương tiện.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý nghĩ: "Ta nguyện sẽ được ở trong cõi Phật thanh tịnh, không có tên gọi về bậc phàm phu và pháp, không có tên gọi về bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai và pháp. Vì sao? Vì tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thấu rõ tất cả pháp đều không sở hữu; danh từ, âm thanh đều chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, đó là Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, như có chỗ trụ thì chẳng nên trụ nơi tướng.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, tùy theo chỗ trụ, chẳng nên trụ tướng; lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên tu học như vậy.

Khi ấy Xá-lợi Tử khởi lên ý nghĩ:

–Nếu Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp chẳng nên trụ thì tại sao nên trụ nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Cụ thọ Thiện Hiện biết được tâm niệm của Xá-lợi Tử, liền gọi nói:

–Theo ý ngài thì sao? Tâm của các Đức Như Lai trụ ở chỗ nào?

Xá-lợi Tử đáp:

–Tâm của chư Phật hoàn toàn không có chỗ trụ. Vì sao? Thiện Hiện, vì tâm của Như Lai chẳng trụ sắc, chẳng trụ thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì sắc uẩn... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm của Như Lai chẳng trụ nhãn xứ, chẳng trụ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Vì sao? Vì nhãn xứ... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm của Như Lai chẳng trụ sắc xứ, chẳng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Vì sao? Vì sắc xứ... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm của Như Lai chẳng trụ nhãn giới, chẳng trụ sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì nhãn giới... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm của Như Lai chẳng trụ nhĩ giới, chẳng trụ thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì nhĩ giới... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm của Như Lai chẳng trụ tỷ giới, chẳng trụ hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tỷ giới... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm của Như Lai chẳng trụ thiệt giới, chẳng trụ vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì thiệt giới... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm của Như Lai chẳng trụ thân giới, chẳng trụ xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì thân giới... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm của Như Lai chẳng trụ ý giới, chẳng trụ pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì

ý giới... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm của Như Lai chẳng trụ địa giới, chẳng trụ thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Vì sao? Vì địa giới... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm của Như Lai chẳng trụ Thánh đế khổ, chẳng trụ Thánh đế tập, diệt, đạo. Vì sao? Vì Thánh đế khổ... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm của Như Lai chẳng trụ vô minh, chẳng trụ hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não. Vì sao? Vì vô minh... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm của Như Lai chẳng trụ pháp không bên trong, chẳng trụ pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh. Vì sao? Vì pháp không bên trong... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm của Như Lai chẳng trụ chân như, chẳng trụ pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì chân như... chẳng thể nắm bắt được.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 81

PHẨM 22: THIÊN ĐẾ (5)

Thiện Hiện, tâm Như Lai chẳng trụ Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng trụ Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm Như Lai chẳng trụ bốn Tĩnh lự, chẳng trụ bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm Như Lai chẳng trụ tám Giải thoát, chẳng trụ tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Vì sao? Vì tám Giải thoát... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm Như Lai chẳng trụ bốn Niệm trụ, chẳng trụ bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm Như Lai chẳng trụ pháp môn giải thoát Không, chẳng trụ pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm Như Lai chẳng trụ năm loại mắt, chẳng trụ sáu phép thần thông. Vì sao? Vì năm loại mắt... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm Như Lai chẳng trụ mười lực của Phật, chẳng trụ bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng. Vì sao? Vì mười lực của Phật... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm Như Lai chẳng trụ pháp không quên mất, chẳng trụ tánh luôn luôn xả. Vì sao? Vì pháp không quên mất... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm Như Lai chẳng trụ tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng trụ tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni...

chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm Như Lai chẳng trụ trí Nhất thiết, chẳng trụ trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Vì trí Nhất thiết... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm Như Lai chẳng trụ Thanh văn thừa, chẳng trụ Độc giác thừa, Vô thượng thừa. Vì sao? Vì Thanh văn thừa... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm Như Lai chẳng trụ Dự lưu và Dự lưu hướng, quả, chẳng trụ Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán hướng, quả. Vì sao? Vì Dự lưu... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm Như Lai chẳng trụ Độc giác và quả vị Độc giác, chẳng trụ Bồ-tát, Như Lai và pháp của Bồ-tát, Như Lai. Vì sao? Vì Độc giác... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm Như Lai chẳng trụ bậc Cực hỷ và pháp, chẳng trụ bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân và pháp. Vì sao? Vì bậc Cực hỷ... chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, tâm Như Lai chẳng trụ bậc phàm phu và pháp, chẳng trụ bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai và pháp. Vì sao? Vì bậc phàm phu... chẳng thể nắm bắt được.

Như vậy, Thiện Hiện, tâm Như Lai, đối với tất cả pháp, hoàn toàn không có chỗ trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Khi ấy, Cụ thọ Thiện Hiện nói với Xá-lợi Tử:

–Như vậy, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa nhưng đồng với Như Lai, đối với tất cả pháp, hoàn toàn không có chỗ trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với sắc, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ, đối với thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì sắc uẩn... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với nhãn xứ chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì nhãn xứ... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với

sắc xứ chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì sắc xứ... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với nhãn giới chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì nhãn giới... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với nhĩ giới chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì nhĩ giới... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với tỷ giới chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tỷ giới... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với thiệt giới chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì thiệt giới... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với thân giới chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì thân giới... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với ý giới chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì ý giới... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với địa giới chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì địa giới... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với Thánh đế khổ chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì Thánh đế khổ... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với vô minh chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì vô minh... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với pháp không bên trong chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì pháp không bên trong... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với chân như chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì chân như... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với bốn Tĩnh lự chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với tám Giải thoát chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tám Giải thoát... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với bốn Niệm trụ chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi

Thánh đạo cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với pháp môn giải thoát Không chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với năm loại mắt chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với sáu phép thần thông cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì năm loại mắt... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với mười lực của Phật chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì mười lực của Phật... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với pháp không quên mất chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với tánh luôn luôn xả cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì pháp không quên mất... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với trí Nhất thiết chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì trí Nhất thiết... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với Thanh văn thừa chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với Độc giác thừa, Vô thượng thừa cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì Thanh văn thừa... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với Dự lưu và Dự lưu hướng, quả chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán hướng, quả cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì Dự lưu... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với

Độc giác và quả vị Độc giác chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với Bồ-tát, Như Lai và pháp của Bồ-tát, Như Lai cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì Độc giác... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với bậc Cực hỷ và pháp chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân và pháp cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì bậc Cực hỷ... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tuy trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng đối với bậc phàm phu và pháp chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ; đối với bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai và pháp cũng chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì bậc phàm phu... không có hai tướng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, tùy theo cái chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ, lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên tu học như vậy.

-oOo-

PHẨM 23: CÁC THIÊN TỬ (1)

Bấy giờ, trong hội có các Thiên tử dấy khởi ý nghĩ thế này: "Các Dược-xoa... đối với ngôn từ thần chú tuy là ẩn mật nhưng có thể biết, còn Tôn giả Thiện Hiện đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa này, tuy dùng các thứ ngôn từ để chỉ bày nhưng bọn chúng ta hoàn toàn chẳng thể hiểu." Thiện Hiện biết tâm niệm ấy, liền nói với họ:

–Này các vị Thiên tử, đối với những điều ta nói chẳng thể hiểu ư?

Các Thiên tử đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Cụ thọ Thiện Hiện lại bảo họ:

–Đối với pháp này, ta chưa từng nói một chữ. Các ngươi cũng chẳng nghe thì lấy gì để hiểu? Vì sao? Vì đối với pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, mọi nẻo văn tự ngôn thuyết đều phải xa lìa. Do đó, trong ấy, người nói, người nghe và người hiểu đều chẳng thể nắm bắt được. Quả vị Giác ngộ cao tột mà tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã chứng, tướng của nó sâu xa, cũng lại như vậy. Thiên tử nên biết, như hóa thân của Phật hóa làm vô lượng Bí-sô, Bí-sô-ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca đều đến nhóm họp; rồi lại hóa làm một người có thể thuyết pháp, ở trong chúng này, tuyên dương Diệu pháp, theo ý các ông thì sao? Trong đó, thật có người có thể thuyết, có thể nghe và có thể hiểu chăng?

Các Thiên tử đáp:

–Dạ không, bạch Đại đức!

Thiện Hiện nói:

–Các Thiên tử, như thế đó! Vì tất cả pháp đều như biến hóa, nên trong Bát-nhã, người nói, người nghe, người hiểu, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được. Thiên tử nên biết, như ở trong mộng, mộng thấy có Phật dạy bảo, trao truyền cho Bồ-tát, Thanh văn. Theo ý các ngươi thì sao? Trong ấy, thật có người có thể nói, có thể nghe và có thể hiểu chăng?

Các Thiên tử đáp:

–Dạ không, bạch Đại đức!

Thiện Hiện nói:

–Các Thiên tử, như thế đó! Vì tất cả pháp đều như mộng, nên trong Bát-nhã, người nói, người nghe, người hiểu, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được. Thiên tử nên biết, như có hai người ở trong một hang núi, mỗi người ở một bên khen ngợi Phật, Pháp, Tăng cùng lúc phát ra tiếng vang,

theo ý các ông thì sao? Hai tiếng vang này có thể nghe nhau và hiểu nhau chăng?

Các Thiên tử đáp:

–Dạ không, bạch Đại đức!

Thiện Hiện nói:

–Các Thiên tử, như thế đó! Vì tất cả pháp đều như tiếng vang, nên trong Bát-nhã, người nói, người nghe, người hiểu, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được. Thiên tử nên biết, như nhà ảo thuật, hoặc đệ tử của ông ta, ở ngã tư đường, biến hóa ra bốn chúng và một thân Phật ở trong đó thuyết pháp, theo ý các ông thì sao? Trong ấy thật có người có thể nói, có thể nghe và có thể hiểu chăng?

Các Thiên tử đáp:

–Dạ không, bạch Đại đức!

Thiện Hiện nói:

–Các Thiên tử, như thế đó! Vì tất cả pháp đều như huyễn, nên trong Bát-nhã, người nói, người nghe, người hiểu, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được.

Khi ấy, các Thiên tử lại nghĩ thế này: "Tôn giả Thiện Hiện, đối với pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa này, tuy lại dùng các thứ phương tiện để nói rõ, muốn cho dễ hiểu nhưng mà nghĩa lý đã thâm diệu lại càng thâm diệu, đã vi tế lại thêm vi tế, khó thể thấu đạt được."

Thiện Hiện biết tâm niệm của họ, liền bảo họ:

–Thiên tử nên biết, sắc chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của sắc chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, nhãn xứ chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của nhãn xứ chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, sắc xứ chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của sắc xứ chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, nhãn giới chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của nhãn giới chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, nhĩ giới chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của nhĩ giới chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, tỷ giới chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của tỷ giới chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, thiệt giới chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của thiệt giới chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, thân giới chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của thân giới chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, ý giới chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của ý giới chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, địa giới chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của địa giới chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, Thánh đế khổ chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, vô minh chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của vô minh chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, pháp không bên trong chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, chân như chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của chân như chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa

chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, bốn Tĩnh lự chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, tám Giải thoát chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của tám Giải thoát chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, bốn Niệm trụ chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, năm loại mắt chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; sáu phép thần thông chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của sáu phép thần thông cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, mười lực của Phật chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, pháp không quên mất chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; tánh luôn luôn xả chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của pháp không quên mất chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của tánh luôn luôn xả cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải thâm diệu,

chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, trí Nhất thiết chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, Thanh văn thừa chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; Độc giác thừa, Vô thượng thừa chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của Thanh văn thừa chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của Độc giác thừa, Vô thượng thừa cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, Dự lưu chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của Dự lưu chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của Nhất lai hướng, Nhất lai quả cho đến A-la-hán hướng, A-la-hán quả cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, Độc giác chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; Độc giác hướng, Độc giác quả chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của Độc giác chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của Độc giác hướng, Độc giác quả cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, Đại Bồ-tát chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; quả vị Giác ngộ cao tột cũng chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của sắc chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của quả vị Giác ngộ cao tột cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, pháp của Đại Bồ-tát chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; quả vị Giác ngộ cao tột chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của sắc chẳng thể nắm bắt được; tánh

thâm diệu vi tế của quả vị Giác ngộ cao tột cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, bậc Cực hỷ chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của bậc Cực hỷ chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, pháp của bậc Cực hỷ chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; pháp của bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của pháp bậc Cực hỷ chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của pháp bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, bậc phàm phu chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của bậc phàm phu chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của bậc Chủng tánh cho đến bậc Như Lai cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên tử nên biết, pháp của bậc phàm phu chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế; pháp của bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai chẳng phải thâm diệu, chẳng phải vi tế. Vì sao? Vì tánh thâm diệu vi tế của pháp bậc phàm phu chẳng thể nắm bắt được; tánh thâm diệu vi tế của pháp bậc Chủng tánh cho đến bậc Như Lai cũng chẳng thể nắm bắt được.

Khi ấy, các Thiên tử lại nghĩ như vầy:

–Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về sắc; chẳng nêu bày về thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì tánh của sắc uẩn... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về nhãn xứ; chẳng nêu bày về nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Vì sao? Vì tánh của nhãn xứ... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về sắc xứ; chẳng nêu bày về thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Vì sao? Vì tánh của sắc xứ... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về nhãn giới; chẳng nêu bày về sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tánh của nhãn giới... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về nhĩ giới; chẳng nêu bày về thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tánh của nhĩ giới... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về tỷ giới; chẳng nêu bày về hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tánh của tỷ giới... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về thiệt giới; chẳng nêu bày về vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tánh của thiệt giới... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về thân giới; chẳng nêu bày về xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tánh của thân giới... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về ý giới; chẳng nêu bày về pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tánh của ý giới... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về địa giới; chẳng nêu bày về thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Vì sao? Vì tánh của địa giới... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về Thánh đế khổ; chẳng nêu bày về Thánh đế tập, diệt, đạo. Vì sao? Vì tánh của Thánh đế khổ... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về vô minh; chẳng nêu bày về hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não. Vì sao? Vì tánh của vô minh... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về pháp không bên trong; chẳng nêu bày về pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không

thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh. Vì sao? Vì tánh của pháp không bên trong... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về chân như; chẳng nêu bày về pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì tánh của chân như... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về Bố thí ba-la-mật-đa; chẳng nêu bày về Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì tánh của Bố thí ba-la-mật-đa... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về bốn Tĩnh lự; chẳng nêu bày về bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Vì sao? Vì tánh của bốn Tĩnh lự... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về tám Giải thoát; chẳng nêu bày về tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Vì sao? Vì tánh của tám Giải thoát... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về bốn Niệm trụ; chẳng nêu bày về bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo. Vì sao? Vì tánh của bốn Niệm trụ... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về pháp môn giải thoát Không; chẳng nêu bày về pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện. Vì sao? Vì tánh của pháp môn giải thoát Không... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về năm loại mắt; chẳng nêu bày về sáu phép thần thông. Vì sao? Vì tánh của năm loại mắt... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về mười lực của Phật; chẳng nêu bày về bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng. Vì sao? Vì tánh của mười lực của Phật... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về pháp không quên mất; chẳng nêu bày về tánh luôn luôn xả. Vì sao? Vì tánh của pháp không quên mất... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về tất cả pháp môn Đà-la-ni; chẳng nêu bày về tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Vì tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về trí Nhất thiết; chẳng nêu bày về trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Vì tánh của trí Nhất thiết... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về Thanh văn thừa; chẳng nêu bày về Độc giác thừa, Vô thượng thừa. Vì sao? Vì tánh của Thanh văn thừa... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về Dự lưu; chẳng nêu bày về Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán. Vì sao? Vì tánh của Dự lưu... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về Dự lưu hướng, Dự lưu quả; chẳng nêu bày về Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả. Vì sao? Vì tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về Độc giác; chẳng nêu bày về Độc giác hướng, Độc giác quả. Vì sao? Vì tánh của Độc giác... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về Đại Bồ-tát; chẳng nêu bày về Tam-miệu-tam Phật-đà. Vì sao? Vì tánh của Đại Bồ-tát... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về pháp của Đại Bồ-tát; chẳng nêu bày về quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì tánh của pháp của Đại Bồ-tát... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về bậc Cực hỷ; chẳng nêu bày về bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân. Vì sao? Vì tánh của bậc Cực hỷ... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về pháp của bậc Cực hỷ; chẳng nêu bày về pháp của bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành,

bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân. Vì sao? Vì tánh của pháp bậc Cực hỷ... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về bậc phàm phu; chẳng nêu bày về bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai. Vì sao? Vì tánh của bậc phàm phu... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết chẳng nêu bày về pháp của bậc phàm phu; chẳng nêu bày về pháp của bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai. Vì sao? Vì tánh của pháp bậc phàm phu... là chẳng thể nêu bày.

Trong pháp mà Tôn giả Thiện Hiện đã thuyết cũng chẳng nêu bày về văn tự, ngữ ngôn. Vì sao? Vì tánh của văn tự, ngữ ngôn... là chẳng thể nêu bày.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện biết rõ tâm niệm của các Thiên tử liền bảo:

–Đúng vậy, đúng vậy, như các ông nghĩ! các pháp cho đến quả vị Giác ngộ cao tột, văn tự, ngữ ngôn đều chẳng thể đạt được. Cho nên đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có người nói, không có người nghe, cũng không có người hiểu. Vì vậy, các ông ở trong pháp nên theo điều đã nói, tu nhẫn kiên cố. Các hữu tình muốn an trú, muốn chứng đắc quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng nương vào nhẫn này mà đạt được cứu cánh. Các hữu tình muốn an trú, muốn được chứng quả Độc giác, đắc quả giác ngộ cũng nương vào nhẫn này mà đạt được cứu cánh. Các hữu tình muốn an trú, muốn được chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột cần phải nương vào nhẫn này để đạt được cứu cánh. Như vậy các Thiên tử, các Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến cứu cánh, nên an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa vượt mọi nẻo thuyết giảng, lãnh hội, thấu hiểu, thường siêng năng tu học, chẳng nên rời bỏ.

Khi ấy, các Thiên tử, lại nghĩ:

–Hiện tại, Tôn giả Thiện Hiện muốn vì hữu tình nào mà thuyết pháp gì?

Cụ thọ Thiện Hiện biết rõ tâm niệm của các Thiên tử, nên bảo với họ:

–Thiên tử nên biết, nay ta muốn vì hữu tình như huyễn, như hóa, như mộng mà thuyết pháp như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì

người nghe như vậy, đối với điều đã thuyết, không nghe, không hiểu, không có chỗ chứng.

Các Thiên tử lại hỏi:

–Tôn giả cho rằng người nói, người nghe và pháp đã nói đều là việc như huyễn, như hóa, như mộng chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, như các ông đã nói, hữu tình như huyễn, vì đối tượng như huyễn nên thuyết pháp như huyễn. Hữu tình như hóa, vì đối tượng như hóa nên thuyết pháp như hóa. Hữu tình như mộng, vì đối tượng như mộng nên thuyết pháp như mộng.

Thiên tử nên biết, đã thấy ngã là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy hữu tình, dòng sinh mạng, sự sinh khởi, sự nuôi dưỡng, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, ý sinh, nho đồng, khả năng làm việc, khả năng khiến người làm việc, khả năng tạo nghiệp, khả năng khiến người tạo nghiệp, khả năng thọ quả báo, khả năng khiến người thọ quả báo, cái biết, cái thấy là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của ngã... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy sắc là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy thọ, tưởng, hành, thức là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của sắc uẩn... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy nhãn xứ là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của nhãn xứ... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy sắc xứ là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của sắc xứ... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy nhãn giới là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của nhãn giới... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy nhĩ giới là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của nhĩ giới... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy tỷ giới là như huyễn, như hóa, như mộng;

đã thấy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của tỷ giới... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy thiệt giới là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của thiệt giới... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy thân giới là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của thân giới... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy ý giới là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của ý giới... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy địa giới là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy thủy, hỏa, phong, không, thức giới là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của địa giới... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy Thánh đế khổ là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy Thánh đế tập, diệt, đạo là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của Thánh đế khổ... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy vô minh là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của vô minh... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy pháp không bên trong là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của pháp không bên trong... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy chân như là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi

khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của chân như... là không.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 82

PHẨM 23: CÁC THIÊN TỬ (2)

Thiên tử nên biết, đã thấy Bố thí ba-la-mật-đa là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy bốn Tĩnh lự là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của bốn Tĩnh lự... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy tám Giải thoát là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của tám Giải thoát... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy bốn Niệm trụ là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của bốn Niệm trụ... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy pháp môn giải thoát Không là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của pháp môn giải thoát Không... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy năm loại mắt là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy sáu phép thần thông là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của năm loại mắt... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy mười lực của Phật là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh nơi mười lực của Phật... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy pháp không quên mất là như huyễn, như

hóa, như mộng; đã thấy tánh luôn luôn xả là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của pháp không quên mất... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy tất cả pháp môn Đà-la-ni là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy tất cả pháp môn Tam-ma-địa là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy trí Nhất thiết là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của trí Nhất thiết... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy Thanh văn thừa là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy Độc giác thừa, Vô thượng thừa là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của Thanh văn thừa... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy Dự lưu là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của Dự lưu... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy Dự lưu hướng, Dự lưu quả là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy Độc giác là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy Độc giác hướng, Độc giác quả là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của Độc giác... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy Đại Bồ-tát là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy Tam-miệu-tam Phật-đà là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của Đại Bồ-tát... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy pháp của Đại Bồ-tát là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy quả vị Giác ngộ cao tột là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của pháp của Đại Bồ-tát... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy bậc Cực hỷ là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của bậc Cực hỷ... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy pháp của bậc Cực hỷ là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy pháp của bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm

tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của pháp bậc Cực hỷ... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy bậc phàm phu là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của bậc phàm phu... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy pháp của bậc phàm phu là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy pháp của bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của pháp bậc phàm phu... là không.

Thiên tử nên biết, đã thấy cảnh giới hữu vi là như huyễn, như hóa, như mộng; đã thấy cảnh giới vô vi là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì tự tánh của cảnh giới hữu vi... là không.

Thiên tử nên biết, do duyên cớ ấy nên tôi nói thế này: Hữu tình như huyễn vì đối tượng như huyễn mà thuyết pháp như huyễn; hữu tình như hóa vì đối tượng như hóa mà thuyết pháp như hóa; hữu tình như mộng vì đối tượng như mộng mà thuyết pháp như mộng.

Khi ấy, các Thiên tử hỏi Thiện Hiện:

–Nay Tôn giả chỉ nói cái đã thấy về ngã... sắc... cho đến quả vị Giác ngộ cao tột là như huyễn, như hóa, như mộng, thế thì cũng nói cái đã thấy về Niết-bàn cứu cánh tịch tĩnh vi diệu là như huyễn, như hóa, như mộng chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Các Thiên tử, ta chẳng những chỉ nói cái đã thấy về ngã... sắc... cho đến quả vị Giác ngộ cao tột là như huyễn, như hóa, như mộng, lại cũng nói cái đã thấy về Niết-bàn cứu cánh tịch tĩnh vi diệu là như huyễn, như hóa, như mộng, các Thiên tử nên biết, dầu cho có cái đã thấy về pháp Niết-bàn thù thắng, ta cũng nói là như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Vì sự huyễn hóa mộng cùng với tất cả pháp cho đến Niết-bàn đều không hai, không hai phần.

-oOo-

PHẨM 24: THỌ GIÁO (1)

Bấy giờ, Cụ thọ Xá-lợi Tử, Cụ thọ Đại Mục-liên, Cụ thọ Chấp Đại Tạng, Cụ thọ Mãn Từ Tử, Cụ thọ Đại Ca-đa-diễn-na, Cụ thọ Đại Ca-diếp-ba... các vị đại Thanh văn và vô lượng trăm ngàn Đại Bồ-tát cùng lúc hỏi Thiện Hiện:

–Đã nói pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa là thâm sâu khó thấy, khó biết như vậy, chẳng phải là đối tượng của tầm tư, cảnh vượt khỏi tầm tư, vi diệu, tịch tĩnh tối thắng đệ nhất, chỉ có bậc Thánh chí tôn mới tự chứng đắc, người thông tuệ ở đời chẳng thể suy lường được, thế đối với pháp như vậy ai là người có khả năng tin tưởng, thọ nhận?

Thiện Hiện đáp:

–Có Đại Bồ-tát an trụ nơi bậc không thoái chuyển, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa khó thấy khó biết, chẳng phải đối tượng tầm tư, cảnh vượt quá tầm tư, vi diệu, tịch tĩnh, tối thắng đệ nhất này, là có khả năng tín thọ sâu xa. Lại có bậc A-la-hán thấu đạt Thánh đế và dứt sạch các lậu, sở nguyện đã mãn, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa này, cũng có khả năng tín thọ. Lại có các hàng thiện nam, thiện nữ... ở chỗ vô lượng vô số trăm ngàn ức các Đức Phật trong quá khứ đã luôn gần gũi cúng dường, phát thệ nguyện rộng lớn, gieo các giống lành, lợi căn thông tuệ, đã được nhiếp thọ từ các bậc thiện tri thức thì đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, khó thấy, khó biết, chẳng phải đối tượng tầm tư, cảnh vượt quá tầm tư, vi diệu, tịch tĩnh, tối thắng đệ nhất này, là có khả năng tín thọ. Vì sao? Vì những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt sắc, cũng chẳng lấy sắc để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng lấy thọ, tưởng, hành, thức để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt sắc, cũng chẳng lấy sắc để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng lấy thọ, tưởng, hành, thức để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt sắc, cũng chẳng lấy sắc để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng lấy thọ, tưởng, hành, thức để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt sắc, cũng chẳng lấy sắc để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng lấy thọ, tưởng, hành, thức để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt

sắc, cũng chẳng lấy sắc để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng lấy thọ, tưởng, hành, thức để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt sắc, cũng chẳng lấy sắc để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng lấy thọ, tưởng, hành, thức để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt sắc, cũng chẳng lấy sắc để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng lấy thọ, tưởng, hành, thức để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt nhãn xứ, cũng chẳng lấy nhãn xứ để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, cũng chẳng lấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt nhãn xứ, cũng chẳng lấy nhãn xứ để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, cũng chẳng lấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt nhãn xứ, cũng chẳng lấy nhãn xứ để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, cũng chẳng lấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt nhãn xứ, cũng chẳng lấy nhãn xứ để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, cũng chẳng lấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt nhãn xứ, cũng chẳng lấy nhãn xứ để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, cũng chẳng lấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt nhãn xứ, cũng chẳng lấy nhãn xứ để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, cũng chẳng lấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt nhãn xứ, cũng chẳng lấy nhãn xứ để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, cũng chẳng lấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt sắc xứ, cũng chẳng lấy sắc xứ để phân biệt không, bất không;

chẳng lấy không, bất không để phân biệt thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, cũng chẳng lấy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt sắc xứ, cũng chẳng lấy sắc xứ để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, cũng chẳng lấy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt sắc xứ, cũng chẳng lấy sắc xứ để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, cũng chẳng lấy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt sắc xứ, cũng chẳng lấy sắc xứ để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, cũng chẳng lấy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt sắc xứ, cũng chẳng lấy sắc xứ để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, cũng chẳng lấy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt sắc xứ, cũng chẳng lấy sắc xứ để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, cũng chẳng lấy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt sắc xứ, cũng chẳng lấy sắc xứ để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, cũng chẳng lấy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt nhãn giới, cũng chẳng lấy nhãn giới để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt nhãn giới, cũng chẳng lấy nhãn giới để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt nhãn giới, cũng chẳng lấy nhãn giới để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cũng

chẳng lấy sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt nhãn giới, cũng chẳng lấy nhãn giới để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt nhãn giới, cũng chẳng lấy nhãn giới để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt nhãn giới, cũng chẳng lấy nhãn giới để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt nhãn giới, cũng chẳng lấy nhãn giới để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt nhĩ giới, cũng chẳng lấy nhĩ giới để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt nhĩ giới, cũng chẳng lấy nhĩ giới để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt nhĩ giới, cũng chẳng lấy nhĩ giới để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt nhĩ giới, cũng chẳng lấy nhĩ giới để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy thanh giới cho đến các thọ

do nhĩ xúc làm duyên sinh ra để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt nhĩ giới, cũng chẳng lấy nhĩ giới để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt nhĩ giới, cũng chẳng lấy nhĩ giới để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt nhĩ giới, cũng chẳng lấy nhĩ giới để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt tỷ giới, cũng chẳng lấy tỷ giới để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt tỷ giới, cũng chẳng lấy tỷ giới để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt tỷ giới, cũng chẳng lấy tỷ giới để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt tỷ giới, cũng chẳng lấy tỷ giới để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt tỷ giới, cũng chẳng lấy tỷ giới để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra để phân biệt diệt,

bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt tỷ giới, cũng chẳng lấy tỷ giới để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt tỷ giới, cũng chẳng lấy tỷ giới để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt thiệt giới, cũng chẳng lấy thiệt giới để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt thiệt giới, cũng chẳng lấy thiệt giới để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt thiệt giới, cũng chẳng lấy thiệt giới để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt thiệt giới, cũng chẳng lấy thiệt giới để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt thiệt giới, cũng chẳng lấy thiệt giới để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt thiệt giới, cũng chẳng lấy thiệt giới để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt

thiệt giới, cũng chẳng lấy thiệt giới để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt thân giới, cũng chẳng lấy thân giới để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt thân giới, cũng chẳng lấy thân giới để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt thân giới, cũng chẳng lấy thân giới để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt thân giới, cũng chẳng lấy thân giới để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt thân giới, cũng chẳng lấy thân giới để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt thân giới, cũng chẳng lấy thân giới để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt thân giới, cũng chẳng lấy thân giới để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để

phân biệt ý giới, cũng chẳng lấy ý giới để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt ý giới, cũng chẳng lấy ý giới để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt ý giới, cũng chẳng lấy ý giới để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt ý giới, cũng chẳng lấy ý giới để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt ý giới, cũng chẳng lấy ý giới để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt ý giới, cũng chẳng lấy ý giới để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt ý giới, cũng chẳng lấy ý giới để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng lấy pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt địa giới, cũng chẳng lấy địa giới để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt thủy, hỏa, phong, không, thức giới, cũng chẳng lấy thủy, hỏa, phong, không, thức giới để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt địa giới, cũng chẳng lấy địa giới để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt thủy, hỏa, phong, không, thức giới, cũng

chẳng lấy thủy, hỏa, phong, không, thức giới để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt địa giới, cũng chẳng lấy địa giới để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt thủy, hỏa, phong, không, thức giới, cũng chẳng lấy thủy, hỏa, phong, không, thức giới để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt địa giới, cũng chẳng lấy địa giới để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt thủy, hỏa, phong, không, thức giới, cũng chẳng lấy thủy, hỏa, phong, không, thức giới để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt địa giới, cũng chẳng lấy địa giới để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt thủy, hỏa, phong, không, thức giới, cũng chẳng lấy thủy, hỏa, phong, không, thức giới để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt địa giới, cũng chẳng lấy địa giới để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt thủy, hỏa, phong, không, thức giới, cũng chẳng lấy thủy, hỏa, phong, không, thức giới để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt địa giới, cũng chẳng lấy địa giới để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt thủy, hỏa, phong, không, thức giới, cũng chẳng lấy thủy, hỏa, phong, không, thức giới để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt Thánh đế khổ, cũng chẳng lấy Thánh đế khổ để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt Thánh đế tập, diệt, đạo, cũng chẳng lấy Thánh đế tập, diệt, đạo để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt Thánh đế khổ, cũng chẳng lấy Thánh đế khổ để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt Thánh đế tập, diệt, đạo, cũng chẳng lấy Thánh đế tập, diệt, đạo để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt Thánh đế khổ, cũng chẳng lấy Thánh đế khổ để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt Thánh đế tập, diệt, đạo, cũng chẳng lấy Thánh đế tập, diệt, đạo để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt Thánh đế khổ, cũng chẳng lấy Thánh đế khổ để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt Thánh đế tập, diệt, đạo, cũng chẳng lấy Thánh đế tập, diệt, đạo để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt Thánh đế khổ, cũng chẳng lấy Thánh đế khổ để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất

diệt để phân biệt Thánh đế tập, diệt, đạo, cũng chẳng lấy Thánh đế tập, diệt, đạo để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt Thánh đế khổ, cũng chẳng lấy Thánh đế khổ để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt Thánh đế tập, diệt, đạo, cũng chẳng lấy Thánh đế tập, diệt, đạo để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt Thánh đế khổ, cũng chẳng lấy Thánh đế khổ để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt Thánh đế tập, diệt, đạo, cũng chẳng lấy Thánh đế tập, diệt, đạo để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt vô minh, cũng chẳng lấy vô minh để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, cũng chẳng lấy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt vô minh, cũng chẳng lấy vô minh để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, cũng chẳng lấy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt vô minh, cũng chẳng lấy vô minh để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, cũng chẳng lấy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt vô minh, cũng chẳng lấy vô minh để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, cũng chẳng lấy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt vô minh, cũng chẳng lấy vô minh để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, cũng chẳng lấy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt vô minh, cũng chẳng lấy vô minh để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, cũng chẳng lấy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt vô minh, cũng chẳng lấy vô minh để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, cũng chẳng lấy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt pháp không bên trong, cũng chẳng lấy pháp không bên trong để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, cũng chẳng lấy pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt pháp không bên trong, cũng chẳng lấy pháp không bên trong để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, cũng chẳng lấy pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt pháp không bên trong, cũng chẳng lấy pháp không bên trong để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, cũng chẳng lấy pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt pháp không bên trong, cũng chẳng lấy pháp không bên trong để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, cũng chẳng lấy pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt pháp không bên trong, cũng chẳng lấy pháp không bên trong để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, cũng chẳng lấy pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt pháp không bên trong, cũng chẳng lấy pháp không bên trong để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, cũng chẳng lấy pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt pháp không bên trong, cũng chẳng lấy pháp không bên

trong để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, cũng chẳng lấy pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt chân như, cũng chẳng lấy chân như để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, cũng chẳng lấy pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt chân như, cũng chẳng lấy chân như để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, cũng chẳng lấy pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt chân như, cũng chẳng lấy chân như để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, cũng chẳng lấy pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt chân như, cũng chẳng lấy chân như để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, cũng chẳng lấy pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt chân như, cũng chẳng lấy chân như để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, cũng chẳng lấy pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt chân như, cũng chẳng lấy chân như để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, cũng chẳng lấy pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt chân như, cũng chẳng lấy chân như để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, cũng chẳng lấy pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 83

PHẨM 24: THỌ GIÁO (2)

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt Bố thí ba-la-mật-đa, cũng chẳng lấy Bố thí ba-la-mật-đa để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng chẳng lấy Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt Bố thí ba-la-mật-đa, cũng chẳng lấy Bố thí ba-la-mật-đa để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng chẳng lấy Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt Bố thí ba-la-mật-đa, cũng chẳng lấy Bố thí ba-la-mật-đa để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng chẳng lấy Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt Bố thí ba-la-mật-đa, cũng chẳng lấy Bố thí ba-la-mật-đa để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng chẳng lấy Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt Bố thí ba-la-mật-đa, cũng chẳng lấy Bố thí ba-la-mật-đa để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng chẳng lấy Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt Bố thí ba-la-mật-đa, cũng chẳng lấy Bố thí ba-la-mật-đa để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để

phân biệt Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng chẳng lấy Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt Bố thí ba-la-mật-đa, cũng chẳng lấy Bố thí ba-la-mật-đa để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng chẳng lấy Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt bốn Tĩnh lự, cũng chẳng lấy bốn Tĩnh lự để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, cũng chẳng lấy bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt bốn Tĩnh lự, cũng chẳng lấy bốn Tĩnh lự để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, cũng chẳng lấy bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt bốn Tĩnh lự, cũng chẳng lấy bốn Tĩnh lự để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, cũng chẳng lấy bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt bốn Tĩnh lự, cũng chẳng lấy bốn Tĩnh lự để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, cũng chẳng lấy bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt bốn Tĩnh lự, cũng chẳng lấy bốn Tĩnh lự để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, cũng chẳng lấy bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt bốn Tĩnh lự, cũng chẳng lấy bốn Tĩnh lự để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, cũng chẳng lấy bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt bốn Tĩnh lự, cũng chẳng lấy bốn Tĩnh lự để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, cũng chẳng lấy bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để

phân biệt tám Giải thoát, cũng chẳng lấy tám Giải thoát để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, cũng chẳng lấy tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt tám Giải thoát, cũng chẳng lấy tám Giải thoát để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, cũng chẳng lấy tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt tám Giải thoát, cũng chẳng lấy tám Giải thoát để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, cũng chẳng lấy tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt tám Giải thoát, cũng chẳng lấy tám Giải thoát để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, cũng chẳng lấy tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt tám Giải thoát, cũng chẳng lấy tám Giải thoát để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, cũng chẳng lấy tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt tám Giải thoát, cũng chẳng lấy tám Giải thoát để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, cũng chẳng lấy tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt tám Giải thoát, cũng chẳng lấy tám Giải thoát để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, cũng chẳng lấy tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt bốn Niệm trụ, cũng chẳng lấy bốn Niệm trụ để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, cũng chẳng lấy bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt bốn Niệm trụ, cũng chẳng lấy bốn

Niệm trụ để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, cũng chẳng lấy bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt bốn Niệm trụ, cũng chẳng lấy bốn Niệm trụ để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, cũng chẳng lấy bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt bốn Niệm trụ, cũng chẳng lấy bốn Niệm trụ để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, cũng chẳng lấy bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt bốn Niệm trụ, cũng chẳng lấy bốn Niệm trụ để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, cũng chẳng lấy bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt bốn Niệm trụ, cũng chẳng lấy bốn Niệm trụ để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, cũng chẳng lấy bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt bốn Niệm trụ, cũng chẳng lấy bốn Niệm trụ để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, cũng chẳng lấy bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt pháp môn giải thoát Không, cũng chẳng lấy pháp môn giải thoát Không để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, cũng chẳng lấy pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện để phân biệt không, bất không;

chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt pháp môn giải thoát Không, cũng chẳng lấy pháp môn giải thoát Không để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, cũng chẳng lấy pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt pháp môn giải thoát Không, cũng chẳng lấy pháp môn giải thoát Không để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, cũng chẳng lấy pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt pháp môn giải thoát Không, cũng chẳng lấy pháp môn giải thoát Không để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, cũng chẳng lấy pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt pháp môn giải thoát Không, cũng chẳng lấy pháp môn giải thoát Không để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, cũng chẳng lấy pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt pháp môn giải thoát Không, cũng chẳng lấy pháp môn giải thoát Không để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, cũng chẳng lấy pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt pháp môn giải thoát Không, cũng chẳng lấy pháp môn giải thoát Không để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, cũng chẳng lấy pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt năm loại mắt, cũng chẳng lấy năm loại mắt để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt sáu phép thần thông, cũng chẳng lấy sáu phép thần thông để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt năm loại mắt, cũng chẳng lấy năm loại mắt để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt sáu phép thần thông, cũng chẳng lấy sáu phép thần thông để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt năm loại mắt, cũng chẳng lấy năm loại mắt để phân biệt hữu nguyện,

vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt sáu phép thần thông, cũng chẳng lấy sáu phép thần thông để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt năm loại mắt, cũng chẳng lấy năm loại mắt để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt sáu phép thần thông, cũng chẳng lấy sáu phép thần thông để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt năm loại mắt, cũng chẳng lấy năm loại mắt để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt sáu phép thần thông, cũng chẳng lấy sáu phép thần thông để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt năm loại mắt, cũng chẳng lấy năm loại mắt để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt sáu phép thần thông, cũng chẳng lấy sáu phép thần thông để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt năm loại mắt, cũng chẳng lấy năm loại mắt để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt sáu phép thần thông, cũng chẳng lấy sáu phép thần thông để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt mười lực của Phật, cũng chẳng lấy mười lực của Phật để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, cũng chẳng lấy bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt mười lực của Phật, cũng chẳng lấy mười lực của Phật để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, cũng chẳng lấy bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt mười lực của Phật, cũng chẳng lấy mười lực của Phật để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, cũng chẳng lấy bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt mười lực của Phật, cũng chẳng lấy mười lực của Phật để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy

sinh, chẳng sinh để phân biệt bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, cũng chẳng lấy bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt mười lực của Phật, cũng chẳng lấy mười lực của Phật để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, cũng chẳng lấy bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt mười lực của Phật, cũng chẳng lấy mười lực của Phật để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, cũng chẳng lấy bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt mười lực của Phật, cũng chẳng lấy mười lực của Phật để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, cũng chẳng lấy bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt pháp không quên mất, cũng chẳng lấy pháp không quên mất để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt tánh luôn luôn xả, cũng chẳng lấy tánh luôn luôn xả để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt pháp không quên mất, cũng chẳng lấy pháp không quên mất để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt tánh luôn luôn xả, cũng chẳng lấy tánh luôn luôn xả để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt pháp không quên mất, cũng chẳng lấy pháp không quên mất để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt tánh luôn luôn xả, cũng chẳng lấy tánh luôn luôn xả để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt pháp không quên mất, cũng chẳng lấy pháp không quên mất để phân biệt sinh, chẳng sinh;

chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt tánh luôn luôn xả, cũng chẳng lấy tánh luôn luôn xả để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt pháp không quên mất, cũng chẳng lấy pháp không quên mất để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt tánh luôn luôn xả, cũng chẳng lấy tánh luôn luôn xả để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt pháp không quên mất, cũng chẳng lấy pháp không quên mất để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt tánh luôn luôn xả, cũng chẳng lấy tánh luôn luôn xả để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt pháp không quên mất, cũng chẳng lấy pháp không quên mất để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt tánh luôn luôn xả, cũng chẳng lấy tánh luôn luôn xả để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt tất cả pháp môn Đà-la-ni, cũng chẳng lấy tất cả pháp môn Đà-la-ni để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt tất cả pháp môn Tam-ma-địa, cũng chẳng lấy tất cả pháp môn Tam-ma-địa để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt tất cả pháp môn Đà-la-ni, cũng chẳng lấy tất cả pháp môn Đà-la-ni để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt tất cả pháp môn Tam-ma-địa, cũng chẳng lấy tất cả pháp môn Tam-ma-địa để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt tất cả pháp môn Đà-la-ni, cũng chẳng lấy tất cả pháp môn Đà-la-ni để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt tất cả pháp môn Tam-ma-địa, cũng chẳng lấy tất cả pháp môn Tam-ma-địa để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt tất cả pháp môn Đà-la-ni, cũng chẳng lấy tất cả pháp môn Đà-la-ni để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt tất cả pháp môn Tam-ma-địa, cũng chẳng lấy tất cả pháp môn Tam-ma-địa để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt tất cả pháp môn Đà-la-ni, cũng chẳng lấy tất cả pháp môn Đà-la-ni để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt tất cả pháp môn Tam-ma-địa, cũng chẳng lấy tất cả pháp môn Tam-ma-địa để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt tất cả pháp môn Đà-la-ni, cũng chẳng lấy tất cả pháp môn Đà-la-ni để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt tất cả pháp môn Tam-

ma-địa, cũng chẳng lấy tất cả pháp môn Tam-ma-địa để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt tất cả pháp môn Đà-la-ni, cũng chẳng lấy tất cả pháp môn Đà-la-ni để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt tất cả pháp môn Tam-ma-địa, cũng chẳng lấy tất cả pháp môn Tam-ma-địa để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt trí Nhất thiết, cũng chẳng lấy trí Nhất thiết để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, cũng chẳng lấy trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt trí Nhất thiết, cũng chẳng lấy trí Nhất thiết để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, cũng chẳng lấy trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt trí Nhất thiết, cũng chẳng lấy trí Nhất thiết để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, cũng chẳng lấy trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt trí Nhất thiết, cũng chẳng lấy trí Nhất thiết để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, cũng chẳng lấy trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt trí Nhất thiết, cũng chẳng lấy trí Nhất thiết để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, cũng chẳng lấy trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt trí Nhất thiết, cũng chẳng lấy trí Nhất thiết để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, cũng chẳng lấy trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt trí Nhất thiết, cũng chẳng lấy trí Nhất thiết để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, cũng chẳng lấy trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt Thanh văn thừa, cũng chẳng lấy Thanh văn thừa để phân biệt

không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt Độc giác thừa, Vô thượng thừa, cũng chẳng lấy Độc giác thừa, Vô thượng thừa để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt Thanh văn thừa, cũng chẳng lấy Thanh văn thừa để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt Độc giác thừa, Vô thượng thừa, cũng chẳng lấy Độc giác thừa, Vô thượng thừa để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt Thanh văn thừa, cũng chẳng lấy Thanh văn thừa để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt Độc giác thừa, Vô thượng thừa, cũng chẳng lấy Độc giác thừa, Vô thượng thừa để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt Thanh văn thừa, cũng chẳng lấy Thanh văn thừa để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt Độc giác thừa, Vô thượng thừa, cũng chẳng lấy Độc giác thừa, Vô thượng thừa để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt Thanh văn thừa, cũng chẳng lấy Thanh văn thừa để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt Độc giác thừa, Vô thượng thừa, cũng chẳng lấy Độc giác thừa, Vô thượng thừa để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt Thanh văn thừa, cũng chẳng lấy Thanh văn thừa để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt Độc giác thừa, Vô thượng thừa, cũng chẳng lấy Độc giác thừa, Vô thượng thừa để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt Thanh văn thừa, cũng chẳng lấy Thanh văn thừa để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt Độc giác thừa, Vô thượng thừa, cũng chẳng lấy Độc giác thừa, Vô thượng thừa để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt Dự lưu, cũng chẳng lấy Dự lưu để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, cũng chẳng lấy Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt Dự lưu, cũng chẳng lấy Dự lưu để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, cũng chẳng lấy Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt Dự lưu, cũng chẳng lấy Dự lưu để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, cũng chẳng lấy Nhất lai, Bất hoàn, A-

la-hán để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt Dự lưu, cũng chẳng lấy Dự lưu để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, cũng chẳng lấy Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt Dự lưu, cũng chẳng lấy Dự lưu để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, cũng chẳng lấy Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt Dự lưu, cũng chẳng lấy Dự lưu để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, cũng chẳng lấy Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt Dự lưu, cũng chẳng lấy Dự lưu để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, cũng chẳng lấy Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt Dự lưu hướng, Dự lưu quả, cũng chẳng lấy Dự lưu hướng, Dự lưu quả để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả, cũng chẳng lấy Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt Dự lưu hướng, Dự lưu quả, cũng chẳng lấy Dự lưu hướng, Dự lưu quả để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả, cũng chẳng lấy Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt Dự lưu hướng, Dự lưu quả, cũng chẳng lấy Dự lưu hướng, Dự lưu quả để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả, cũng chẳng lấy Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt Dự lưu hướng, Dự lưu quả, cũng chẳng lấy Dự lưu hướng, Dự lưu quả để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-

hán hướng, A-la-hán quả, cũng chẳng lấy Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt Dự lưu hướng, Dự lưu quả, cũng chẳng lấy Dự lưu hướng, Dự lưu quả để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả, cũng chẳng lấy Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt Dự lưu hướng, Dự lưu quả, cũng chẳng lấy Dự lưu hướng, Dự lưu quả để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả, cũng chẳng lấy Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt Dự lưu hướng, Dự lưu quả, cũng chẳng lấy Dự lưu hướng, Dự lưu quả để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả, cũng chẳng lấy Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt Độc giác, cũng chẳng lấy Độc giác để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt Độc giác hướng, Độc giác quả, cũng chẳng lấy Độc giác hướng, Độc giác quả để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt Độc giác, cũng chẳng lấy Độc giác để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt Độc giác hướng, Độc giác quả, cũng chẳng lấy Độc giác hướng, Độc giác quả để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt Độc giác, cũng chẳng lấy Độc giác để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt Độc giác hướng, Độc giác quả, cũng chẳng lấy Độc giác hướng, Độc giác quả để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt Độc giác, cũng chẳng lấy Độc giác để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt Độc giác hướng, Độc giác quả, cũng chẳng lấy Độc giác hướng, Độc giác quả để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt Độc giác, cũng chẳng lấy Độc giác để phân biệt diệt, bất diệt;

chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt Độc giác hướng, Độc giác quả, cũng chẳng lấy Độc giác hướng, Độc giác quả để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt Độc giác, cũng chẳng lấy Độc giác để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt Độc giác hướng, Độc giác quả, cũng chẳng lấy Độc giác hướng, Độc giác quả để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt Độc giác, cũng chẳng lấy Độc giác để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt Độc giác hướng, Độc giác quả, cũng chẳng lấy Độc giác hướng, Độc giác quả để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt Đại Bồ-tát, cũng chẳng lấy Đại Bồ-tát để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt Tam-miệu-tam Phật-đà, cũng chẳng lấy Tam-miệu-tam Phật-đà để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt Đại Bồ-tát, cũng chẳng lấy Đại Bồ-tát để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt Tam-miệu-tam Phật-đà, cũng chẳng lấy Tam-miệu-tam Phật-đà để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt Đại Bồ-tát, cũng chẳng lấy Đại Bồ-tát để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt Tam-miệu-tam Phật-đà, cũng chẳng lấy Tam-miệu-tam Phật-đà để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt Đại Bồ-tát, cũng chẳng lấy Đại Bồ-tát để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt Tam-miệu-tam Phật-đà, cũng chẳng lấy Tam-miệu-tam Phật-đà để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt Đại Bồ-tát, cũng chẳng lấy Đại Bồ-tát để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt Tam-miệu-tam Phật-đà, cũng chẳng lấy Tam-miệu-tam Phật-đà để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt Đại Bồ-tát, cũng chẳng lấy Đại Bồ-tát để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt Tam-miệu-tam Phật-đà, cũng chẳng lấy Tam-miệu-tam Phật-đà để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt Đại Bồ-tát, cũng chẳng lấy Đại Bồ-tát để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt Tam-miệu-tam Phật-đà, cũng chẳng lấy Tam-miệu-tam Phật-đà để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt pháp của Đại Bồ-tát, cũng chẳng lấy pháp của Đại Bồ-tát để phân

biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt quả vị Giác ngộ cao tột, cũng chẳng lấy quả vị Giác ngộ cao tột để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt pháp của Đại Bồ-tát, cũng chẳng lấy pháp của Đại Bồ-tát để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt quả vị Giác ngộ cao tột, cũng chẳng lấy quả vị Giác ngộ cao tột để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt pháp của Đại Bồ-tát, cũng chẳng lấy pháp của Đại Bồ-tát để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt quả vị Giác ngộ cao tột, cũng chẳng lấy quả vị Giác ngộ cao tột để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt pháp của Đại Bồ-tát, cũng chẳng lấy pháp của Đại Bồ-tát để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt quả vị Giác ngộ cao tột, cũng chẳng lấy quả vị Giác ngộ cao tột để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt pháp của Đại Bồ-tát, cũng chẳng lấy pháp của Đại Bồ-tát để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt quả vị Giác ngộ cao tột, cũng chẳng lấy quả vị Giác ngộ cao tột để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt pháp của Đại Bồ-tát, cũng chẳng lấy pháp của Đại Bồ-tát để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt quả vị Giác ngộ cao tột, cũng chẳng lấy quả vị Giác ngộ cao tột để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt pháp của Đại Bồ-tát, cũng chẳng lấy pháp của Đại Bồ-tát để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt quả vị Giác ngộ cao tột, cũng chẳng lấy quả vị Giác ngộ cao tột để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt bậc Cực hỷ, cũng chẳng lấy bậc Cực hỷ để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân, cũng chẳng lấy bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt bậc Cực hỷ, cũng chẳng lấy bậc Cực hỷ để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân, cũng chẳng lấy bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng

lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt bậc Cực hỷ, cũng chẳng lấy bậc Cực hỷ để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân, cũng chẳng lấy bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt bậc Cực hỷ, cũng chẳng lấy bậc Cực hỷ để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân, cũng chẳng lấy bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt bậc Cực hỷ, cũng chẳng lấy bậc Cực hỷ để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân, cũng chẳng lấy bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt bậc Cực hỷ, cũng chẳng lấy bậc Cực hỷ để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân, cũng chẳng lấy bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt bậc Cực hỷ, cũng chẳng lấy bậc Cực hỷ để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân, cũng chẳng lấy bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 84

PHẨM 24: THỌ GIÁO (3)

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt pháp của bậc Cực hỷ, cũng chẳng lấy pháp của bậc Cực hỷ để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt pháp của bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân, cũng chẳng lấy pháp của bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt pháp của bậc Cực hỷ, cũng chẳng lấy pháp của bậc Cực hỷ để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt pháp của bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân, cũng chẳng lấy pháp của bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt pháp của bậc Cực hỷ, cũng chẳng lấy pháp của bậc Cực hỷ để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt pháp của bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân, cũng chẳng lấy pháp của bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt pháp của bậc Cực hỷ, cũng chẳng lấy pháp của bậc Cực hỷ để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt pháp của bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân, cũng chẳng lấy pháp của bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt pháp của bậc Cực hỷ, cũng chẳng lấy pháp của bậc Cực hỷ để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt pháp của bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân, cũng chẳng lấy pháp của bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy

tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt pháp của bậc Cực hỷ, cũng chẳng lấy pháp của bậc Cực hỷ để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt pháp của bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân, cũng chẳng lấy pháp của bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt pháp của bậc Cực hỷ, cũng chẳng lấy pháp của bậc Cực hỷ để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt pháp của bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân, cũng chẳng lấy pháp của bậc Ly cấu, bậc Phát quang cho đến bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt bậc phàm phu, cũng chẳng lấy bậc phàm phu để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai, cũng chẳng lấy bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt bậc phàm phu, cũng chẳng lấy bậc phàm phu để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai, cũng chẳng lấy bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt bậc phàm phu, cũng chẳng lấy bậc phàm phu để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai, cũng chẳng lấy bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt bậc phàm phu, cũng chẳng lấy bậc phàm phu để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai, cũng chẳng lấy bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt bậc phàm phu, cũng chẳng lấy bậc phàm phu để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai, cũng chẳng lấy bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt bậc phàm phu, cũng chẳng lấy bậc phàm phu để phân biệt tịch tĩnh, chẳng

tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai, cũng chẳng lấy bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt bậc phàm phu, cũng chẳng lấy bậc phàm phu để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai, cũng chẳng lấy bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt pháp của bậc phàm phu, cũng chẳng lấy pháp của bậc phàm phu để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt pháp của bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai, cũng chẳng lấy pháp của bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt pháp của bậc phàm phu, cũng chẳng lấy pháp của bậc phàm phu để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt pháp của bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai, cũng chẳng lấy pháp của bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt pháp của bậc phàm phu, cũng chẳng lấy pháp của bậc phàm phu để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt pháp của bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai, cũng chẳng lấy pháp của bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt pháp của bậc phàm phu, cũng chẳng lấy pháp của bậc phàm phu để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt pháp của bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai, cũng chẳng lấy pháp của bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt pháp của bậc phàm phu, cũng chẳng lấy pháp của bậc phàm phu để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt pháp của bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai, cũng chẳng lấy pháp của bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt pháp của bậc phàm phu, cũng chẳng lấy pháp của bậc phàm phu để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân

biệt pháp của bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai, cũng chẳng lấy pháp của bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt pháp của bậc phàm phu, cũng chẳng lấy pháp của bậc phàm phu để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt pháp của bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai, cũng chẳng lấy pháp của bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát cho đến bậc Bồ-tát, bậc Như Lai để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Những người như vậy hoàn toàn chẳng lấy không, bất không để phân biệt cảnh giới hữu vi, cũng chẳng lấy cảnh giới hữu vi để phân biệt không, bất không; chẳng lấy không, bất không để phân biệt cảnh giới vô vi, cũng chẳng lấy cảnh giới vô vi để phân biệt không, bất không; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt cảnh giới hữu vi, cũng chẳng lấy cảnh giới hữu vi để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu tướng, vô tướng để phân biệt cảnh giới vô vi, cũng chẳng lấy cảnh giới vô vi để phân biệt hữu tướng, vô tướng; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt cảnh giới hữu vi, cũng chẳng lấy cảnh giới hữu vi để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy hữu nguyện, vô nguyện để phân biệt cảnh giới vô vi, cũng chẳng lấy cảnh giới vô vi để phân biệt hữu nguyện, vô nguyện; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt cảnh giới hữu vi, cũng chẳng lấy cảnh giới hữu vi để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy sinh, chẳng sinh để phân biệt cảnh giới vô vi, cũng chẳng lấy cảnh giới vô vi để phân biệt sinh, chẳng sinh; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt cảnh giới hữu vi, cũng chẳng lấy cảnh giới hữu vi để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy diệt, bất diệt để phân biệt cảnh giới vô vi, cũng chẳng lấy cảnh giới vô vi để phân biệt diệt, bất diệt; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt cảnh giới hữu vi, cũng chẳng lấy cảnh giới hữu vi để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh để phân biệt cảnh giới vô vi, cũng chẳng lấy cảnh giới vô vi để phân biệt tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt cảnh giới hữu vi, cũng chẳng lấy cảnh giới hữu vi để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa; chẳng lấy xa lìa, chẳng xa lìa để phân biệt cảnh giới vô vi, cũng chẳng lấy cảnh giới vô vi để phân biệt xa lìa, chẳng xa lìa.

Khi ấy, Cụ thọ Thiện Hiện bảo các Thiên tử:

–Như vậy, Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói là pháp sâu xa khó thấy, khó biết, chẳng phải là đối tượng của tầm tư, vi diệu, tịch tĩnh, tối thắng

đệ nhất, chỉ có bậc Thánh chí tôn tự chứng đắc, kẻ thông tuệ trong thế gian chẳng thể suy lường tới được; trong đó, thật không có kẻ có khả năng tín thọ. Vì sao? Vì trong đó, không có pháp có thể hiển thị, vì không có pháp có thể hiển thị, nên kẻ thật tín thọ cũng chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Ở trong giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này há chẳng rộng nói về giáo pháp ba thừa, đó là pháp của Thanh văn, Độc giác, Vô thượng thừa, nghĩa là rộng nói bao gồm đạo Bồ-tát của các Đại Bồ-tát, từ lúc mới phát tâm cho đến Thập địa, đó là Bố thí ba-la-mật-đa, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; hoặc chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc Thánh đế khổ, Thánh đế tập, diệt, đạo; hoặc bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; hoặc bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; hoặc pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; hoặc năm loại mắt, sáu phép thần thông; hoặc mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Rộng nói bao gồm các sự việc thù thắng về công đức của Đại Bồ-tát, đó là Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa này, siêng năng tu hành, cho nên tùy nơi sinh ra thường thọ hóa sinh, với thần thông không thoái, thể hiện mọi diệu dụng tự tại, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, cúng dường, cung kính, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn, tùy theo sở nguyện, ưa gieo trồng thiện căn, đều dốc tu tập, mau được viên mãn, ở chỗ các Đức Phật được nghe và thọ trì chánh pháp cho đến chứng quả vị Giác ngộ cao tột, thường không quên mất cũng không biếng lười, bỏ phế, thường trụ nơi

pháp định thù thắng, xa lìa tâm tán loạn; do vì duyên này nên được biện tài vô ngại, biện tài không chấm dứt, biện tài không sai lầm, biện tài nhạy bén, biện tài thích ứng, biện tài có nghĩa lý phong phú ý vị khi diễn thuyết một vấn đề gì, là những biện tài thù thắng tối diệu đối với tất cả thế gian?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói! Ở trong giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, đã rộng nói về pháp của ba thừa, đó là pháp Thanh văn, Độc giác, Vô thượng thừa; rộng nói bao gồm đạo Bồ-tát của các Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến Thập địa, đó là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến tất cả pháp môn Tam-ma-địa; rộng nói bao gồm các sự việc tối thắng về công đức của Đại Bồ-tát, đó là Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, siêng năng tu hành, cho đến tùy nơi sinh ra, thường thọ hóa sinh cho đến đạt được biện tài thù thắng vi diệu trong tất cả thế gian. Giáo pháp hết mực thâm diệu như vậy, hễ có nói thì lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Pháp này đối với pháp nào, lấy vô sở đắc làm phương tiện?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, pháp này đối với ngã, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với hữu tình, dòng sinh mạng, sự sinh khởi, sự nuôi dưỡng, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, ý sinh, nho đồng, khả năng làm việc, khả năng khiến người làm việc, khả năng tạo nghiệp, khả năng khiến người tạo nghiệp, khả năng thọ quả báo, khả năng khiến người thọ quả báo, cái biết, cái thấy, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với sắc, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với thọ, tưởng, hành, thức, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với nhãn xứ, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với sắc xứ, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với nhãn giới, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với nhĩ giới, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với tỷ giới, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với thiệt giới, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với thân giới, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với ý giới, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với địa giới, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với Thánh đế khổ, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với Thánh đế tập, diệt, đạo, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với vô minh, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với pháp không bên trong, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với chân như, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế,

cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với Bố thí ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với bốn Tĩnh lự, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với tám Giải thoát, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với bốn Niệm trụ, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với pháp môn giải thoát Không, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với năm loại mắt, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với sáu phép thần thông, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với mười lực của Phật, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với pháp không quên mất, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với tánh luôn luôn xả, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với trí Nhất thiết, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với Thanh văn thừa, lấy vô sở đắc làm

phương tiện; pháp này đối với Độc giác thừa, Vô thượng thừa, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với Dự lưu, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với Độc giác, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với Độc giác hướng, Độc giác quả, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với Đại Bồ-tát, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với Tam-miệu-tam Phật-đà, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với pháp của Đại Bồ-tát, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với quả vị Giác ngộ cao tột, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với bậc Cực hỷ, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với pháp của bậc Cực hỷ, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với pháp của bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với bậc phàm phu, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với pháp của bậc phàm phu, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với pháp của bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, pháp này đối với cảnh giới hữu vi, lấy vô sở đắc làm phương tiện; pháp này đối với cảnh giới vô vi, lấy vô sở đắc làm phương

tiện.

Lúc này, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Vì nhân duyên gì ở trong giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, lấy vô sở đắc làm phương tiện, rộng nói về pháp của ba thừa, đó là pháp Thanh văn, Độc giác, Vô thượng thừa? Vì nhân duyên gì ở trong giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, lấy vô sở đắc làm phương tiện, rộng nói bao gồm đạo Bồ-tát của các Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến Thập địa, đó là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến tất cả pháp môn Tam-ma-địa? Vì nhân duyên gì ở trong giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, lấy vô sở đắc làm phương tiện, rộng nói bao gồm các sự việc tối thắng về công đức của Đại Bồ-tát, đó là Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, siêng năng tu hành, cho đến tùy nơi sinh ra, thường thọ hóa sinh... cho đến được biện tài thù thắng tối diệu trong tất cả thế gian?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, do pháp không bên trong, nên ở trong giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, lấy vô sở đắc làm phương tiện, rộng nói về pháp của ba thừa, đó là pháp Thanh văn, Độc giác, Vô thượng thừa.

Xá-lợi Tử, do pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, nên ở trong giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, lấy vô sở đắc làm phương tiện, rộng nói về pháp của ba thừa, đó là pháp Thanh văn, Độc giác, Vô thượng thừa.

Xá-lợi Tử, do pháp không bên trong, nên ở trong giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, lấy vô sở đắc làm phương tiện, rộng nói bao gồm đạo Bồ-tát của các Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến Thập địa, đó là Bố thí ba-la-mật-đa, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng

tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; hoặc chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc Thánh đế khổ, Thánh đế tập, diệt, đạo; hoặc bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; hoặc bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; hoặc pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; hoặc năm loại mắt, sáu phép thần thông; hoặc mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Xá-lợi Tử, do pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, nên ở trong giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, lấy vô sở đắc làm phương tiện, rộng nói bao gồm đạo Bồ-tát của các Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến Thập địa, đó là Bố thí ba-la-mật-đa cho đến tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Xá-lợi Tử, do pháp không bên trong, nên ở trong giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, lấy vô sở đắc làm phương tiện, rộng nói bao gồm các sự việc tối thắng về công đức của Đại Bồ-tát, đó là Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, siêng năng tu hành, cho đến tùy nơi sinh ra, thường thọ hóa sinh, với thần thông không thoái, có khả năng thể hiện mọi diệu dụng tự tại, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, cúng dường, cung kính, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn, tùy theo sở nguyện, ưa trồng các căn lành, đều dốc tu tập mau được viên mãn. Ở chỗ các Đức Phật, nghe và thọ trì chánh pháp cho đến chứng quả vị Giác ngộ cao tột, thường không quên mất, cũng không biếng lười bỏ phế, thường trụ nơi pháp định thù thắng, xa lìa tâm tán loạn; do vì duyên cớ này nên được biện tài vô ngại, biện tài không chấm dứt, biện tài không sai lầm, rối loạn, biện tài nhạy bén, biện tài thích ứng, biện tài có nghĩa lý phong phú, ý vị, khi diễn thuyết một vấn đề gì, đều là những biện tài thù thắng, tối diệu đối với tất cả thế gian.

Xá-lợi Tử, do pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, nên ở trong giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, lấy vô sở đắc làm phương tiện, rộng nói bao gồm các sự việc tối thắng về

công đức của Đại Bồ-tát, đó là Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, siêng năng tu hành, cho đến tùy nơi sinh ra thường thọ hóa sinh, cho đến đạt được biện tài thù thắng, tối diệu đối với tất cả thế gian.

-oOo-

PHẨM 25: TÁN HOA

Bấy giờ, Thiên đế Thích và thế giới ba lần ngàn này có chúng trời Tứ đại vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Phạm hội, trời Đại phạm, trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Cực quang tịnh, trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng, trời Thiểu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả, trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến, trời Sắc cứu cánh, đều khởi ý nghĩ thế này: "Nay Tôn giả Thiện Hiện nương theo thần lực của Phật, vì tất cả hữu tình mà tuôn xuống trận mưa pháp lớn. Hiện nay, chúng ta nên vì sự cúng dường, mà đều hóa ra các thứ hoa trời vi diệu, rải cúng Đức Thích-ca Như Lai, chúng Đại Bồ-tát cùng Bí-sô tăng, Tôn giả Thiện Hiện; cũng tung rải cúng dường pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa đã được nêu giảng.

Các chúng trời khởi lên ý nghĩ ấy rồi, liền hóa ra các thứ hương hoa vi diệu tung rải cúng Như Lai và các Bồ-tát...

Cùng lúc, nơi thế giới các Đức Phật trong cõi ba lần ngàn này, đều tràn đầy các thứ hoa, do thần lực của Phật, nên ở giữa hư không đã kết thành đài hoa trang nghiêm đẹp đẽ, che khắp thế giới ba lần ngàn.

Cụ thọ Thiện Hiện trông thấy hiện tượng này liền khởi lên ý nghĩ:

–Hoa rải cúng hôm nay, ở nơi các cõi trời chưa từng thấy có; hoa ấy hết mực đẹp đẽ thật chẳng phải sinh ra từ cỏ cây trên đất, dưới nước, đúng là chư Thiên, vì sự cúng dường mà từ tâm biến hóa ra.

Thiên đế Thích biết tâm niệm của Thiện Hiện nên nói với Thiện Hiện:

–Hoa rải cúng này thật chẳng phải từ cỏ cây trên đất, dưới nước sinh ra, thật cũng chẳng thể từ tâm có thể biến hóa ra, mà chỉ là sự biến hiện.

Cụ thọ Thiện Hiện nói với Đế Thích:

–Hoa ấy chẳng sinh thì chẳng phải là hoa.

Thiên đế Thích hỏi Thiện Hiện:

–Chỉ có hoa ấy chẳng sinh, hay là các pháp khác cũng vậy?

Thiện Hiện đáp:

–Chẳng phải chỉ có hoa ấy là chẳng sinh mà các pháp khác cũng vậy. Là những pháp nào? Kiều-thi-ca, sắc cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là sắc...

Kiều-thi-ca, nhãn xứ cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là nhãn xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là nhãn xứ...

Kiều-thi-ca, sắc xứ cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là sắc xứ; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là sắc xứ...

Kiều-thi-ca, nhãn giới cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là nhãn giới; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là nhãn giới...

Kiều-thi-ca, nhĩ giới cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là nhĩ giới; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là nhĩ giới...

Kiều-thi-ca, tỷ giới cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là tỷ giới; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là tỷ giới...

Kiều-thi-ca, thiệt giới cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là thiệt giới; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì pháp

là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là thiệt giới...

Kiều-thi-ca, thân giới cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là thân giới; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là thân giới...

Kiều-thi-ca, ý giới cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là ý giới; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là ý giới...

Kiều-thi-ca, địa giới cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là địa giới; thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là địa giới...

Kiều-thi-ca, Thánh đế khổ cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là Thánh đế khổ; Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là Thánh đế tập, diệt, đạo. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là Thánh đế khổ...

Kiều-thi-ca, vô minh cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là vô minh; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là vô minh...

Kiều-thi-ca, pháp không bên trong cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là pháp không bên trong; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là pháp

không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là pháp không bên trong...

Kiều-thi-ca, chân như cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là chân như; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là chân như...

Kiều-thi-ca, Bố thí ba-la-mật-đa cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là Bố thí ba-la-mật-đa; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là Bố thí ba-la-mật-đa...

Kiều-thi-ca, bốn Tĩnh lự cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là bốn Tĩnh lự; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là bốn Tĩnh lự...

Kiều-thi-ca, tám Giải thoát cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là tám Giải thoát; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là tám Giải thoát...

Kiều-thi-ca, bốn Niệm trụ cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là bốn Niệm trụ; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là bốn Niệm trụ...

Kiều-thi-ca, pháp môn giải thoát Không cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là pháp môn giải thoát Không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện. Vì sao? Vì pháp là

chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là pháp môn giải thoát Không...

Kiều-thi-ca, năm loại mắt cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là năm loại mắt; sáu phép thần thông cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là sáu phép thần thông. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là năm loại mắt...

Kiều-thi-ca, mười lực của Phật cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là mười lực của Phật; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là mười lực của Phật...

Kiều-thi-ca, pháp không quên mất cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là pháp không quên mất; tánh luôn luôn xả cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là tánh luôn luôn xả. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là pháp không quên mất...

Kiều-thi-ca, trí Nhất thiết cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là trí Nhất thiết; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là trí Nhất thiết...

Kiều-thi-ca, tất cả pháp môn Đà-la-ni cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là tất cả pháp môn Đà-la-ni; tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là tất cả pháp môn Đà-la-ni...

Kiều-thi-ca, Dự lưu cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là Dự lưu; Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là Dự lưu...

Kiều-thi-ca, Dự lưu hướng, Dự lưu quả cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là Dự lưu hướng, Dự lưu quả; Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là Nhất lai hướng,

Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là Dự lưu hướng, Dự lưu quả...

Kiều-thi-ca, Độc giác cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là Độc giác; Độc giác hướng, Độc giác quả cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là Độc giác hướng, Độc giác quả. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là Độc giác...

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là Đại Bồ-tát; Tam-miệu-tam Phật-đà cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là Tam-miệu-tam Phật-đà. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là Đại Bồ-tát...

Kiều-thi-ca, pháp của Đại Bồ-tát cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là pháp của Đại Bồ-tát; quả vị Giác ngộ cao tột cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là pháp của Đại Bồ-tát...

Kiều-thi-ca, Thanh văn thừa cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là Thanh văn thừa; Độc giác thừa, Vô thượng thừa cũng chẳng sinh, mà đã chẳng sinh thì chẳng phải là Độc giác thừa, Vô thượng thừa. Vì sao? Vì pháp là chẳng sinh, xa lìa các hý luận nên chẳng thể đặt bày ra là Thanh văn thừa...

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 85

PHẨM 26: HỌC BÁT-NHÃ (1)

Khi ấy, Thiên đế Thích suy nghĩ:

–Tôn giả Thiện Hiện, trí tuệ hết mực thâm diệu, chẳng hủy bỏ giả danh mà giảng nói pháp tánh.

Phật biết ý nghĩ của Đế Thích liền ấn chứng rằng:

–Như điều mà Kiều-thi-ca đã nghĩ, đúng là Cụ thọ Thiện Hiện trí tuệ thâm diệu chẳng hủy bỏ giả danh mà giảng nói pháp tánh.

Thiên đế Thích liền bạch Phật:

–Tôn giả Thiện Hiện, đối với những pháp nào, chẳng hủy bỏ giả danh mà nói giảng pháp tánh?

Phật bảo:

–Kiều-thi-ca, sắc chỉ là giả danh; thọ, tưởng, hành, thức chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh sắc... ấy mà nói pháp tánh của sắc... Vì sao? Vì pháp tánh của sắc... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, nhãn xứ chỉ là giả danh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh nhãn xứ... ấy mà nói pháp tánh của nhãn xứ... vì sao? Vì pháp tánh của nhãn xứ... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, sắc xứ chỉ là giả danh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh sắc xứ... ấy mà nói pháp tánh của sắc xứ... vì sao? Vì pháp tánh của sắc xứ... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, nhãn giới chỉ là giả danh; sắc giới, nhãn thức giới và

nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh nhãn giới... ấy mà nói pháp tánh của nhãn giới... vì sao? Vì pháp tánh của nhãn giới... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, nhĩ giới chỉ là giả danh; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh nhĩ giới... ấy mà nói pháp tánh của nhĩ giới... vì sao? Vì pháp tánh của nhĩ giới... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, tỷ giới chỉ là giả danh; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh tỷ giới... ấy mà nói pháp tánh của tỷ giới... vì sao? Vì pháp tánh của tỷ giới... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, thiệt giới chỉ là giả danh; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh thiệt giới... ấy mà nói pháp tánh của thiệt giới... vì sao? Vì pháp tánh của thiệt giới... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, thân giới chỉ là giả danh; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh thân giới... ấy mà nói pháp tánh của thân giới... vì sao? Vì pháp tánh của thân giới... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, ý giới chỉ là giả danh; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh ý giới... ấy mà nói pháp tánh của ý giới... vì sao? Vì pháp tánh của ý giới... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, địa giới chỉ là giả danh; thủy, hỏa, phong, không, thức

giới chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh địa giới... ấy mà nói pháp tánh của địa giới... vì sao? Vì pháp tánh của địa giới... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, Thánh đế khổ chỉ là giả danh; Thánh đế tập, diệt, đạo chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh Thánh đế khổ... ấy mà nói pháp tánh của Thánh đế khổ... vì sao? Vì pháp tánh của Thánh đế khổ... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, vô minh chỉ là giả danh; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh vô minh... ấy mà nói pháp tánh của vô minh... vì sao? Vì pháp tánh của vô minh... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, pháp không bên trong chỉ là giả danh; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh pháp không bên trong... ấy mà nói pháp tánh của pháp không bên trong... vì sao? Vì pháp tánh của pháp không bên trong... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, chân như chỉ là giả danh; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh chân như... ấy mà nói pháp tánh của chân như... vì sao? Vì pháp tánh của chân như... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, Bố thí ba-la-mật-đa chỉ là giả danh; Tịnh giới, An

nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh Bố thí ba-la-mật-đa... ấy mà nói pháp tánh của Bố thí ba-la-mật-đa... vì sao? Vì pháp tánh của Bố thí ba-la-mật-đa... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, bốn Tĩnh lự chỉ là giả danh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh bốn Tĩnh lự... ấy mà nói pháp tánh của bốn Tĩnh lự... vì sao? Vì pháp tánh của bốn Tĩnh lự... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, tám Giải thoát chỉ là giả danh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh tám Giải thoát... ấy mà nói pháp tánh của tám Giải thoát... vì sao? Vì pháp tánh của tám Giải thoát... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, bốn Niệm trụ chỉ là giả danh; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh bốn Niệm trụ... ấy mà nói pháp tánh của bốn Niệm trụ... vì sao? Vì pháp tánh của bốn Niệm trụ... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, pháp môn giải thoát Không chỉ là giả danh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh pháp môn giải thoát Không... ấy mà nói pháp tánh của pháp môn giải thoát Không... vì sao? Vì pháp tánh của pháp môn giải thoát Không... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, năm loại mắt chỉ là giả danh; sáu phép thần thông chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh năm loại mắt... ấy mà nói pháp tánh của năm loại mắt... vì sao? Vì pháp tánh của năm loại mắt... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, mười lực của Phật chỉ là giả danh; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh mười lực của Phật... ấy mà nói pháp tánh của mười lực của Phật... vì sao? Vì pháp tánh của mười lực của Phật... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, pháp không quên mất chỉ là giả danh; tánh luôn luôn xả chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh pháp không quên mất... ấy mà nói pháp tánh của pháp không quên mất... vì sao? Vì pháp tánh của pháp không quên mất... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, trí Nhất thiết chỉ là giả danh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh trí Nhất thiết... ấy mà nói pháp tánh của trí Nhất thiết... vì sao? Vì pháp tánh của trí Nhất thiết... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, tất cả pháp môn Đà-la-ni chỉ là giả danh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh tất cả pháp môn Đà-la-ni... ấy mà nói pháp tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni... vì sao? Vì pháp tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, Dự lưu chỉ là giả danh; Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh Dự lưu... ấy mà nói pháp tánh của Dự lưu... vì sao? Vì pháp tánh của Dự lưu... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, Dự lưu hướng, Dự lưu quả chỉ là giả danh; Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh Dự lưu hướng, Dự lưu quả... ấy mà nói pháp tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả... vì sao? Vì pháp tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều

Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, Độc giác chỉ là giả danh; Độc giác hướng, Độc giác quả chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh Độc giác... ấy mà nói pháp tánh của Độc giác... vì sao? Vì pháp tánh của Độc giác... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát chỉ là giả danh; Tam-miệu-tam Phật-đà chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh Đại Bồ-tát... ấy mà nói pháp tánh của Đại Bồ-tát... vì sao? Vì pháp tánh của Đại Bồ-tát... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, pháp của Đại Bồ-tát chỉ là giả danh; quả vị Giác ngộ cao tột chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh pháp của Đại Bồ-tát... ấy mà nói pháp tánh của pháp của Đại Bồ-tát... vì sao? Vì pháp tánh của pháp của Đại Bồ-tát... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, Thanh văn thừa chỉ là giả danh; Độc giác thừa, Vô thượng thừa chỉ là giả danh; giả danh ấy chẳng lìa pháp tánh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hủy bỏ giả danh Thanh văn thừa... ấy mà nói pháp tánh của Thanh văn thừa... vì sao? Vì pháp tánh của Thanh văn thừa... là không hoại, không chẳng hoại. Vì vậy nên điều Thiện Hiện đã nói cũng không hoại, không chẳng hoại.

Kiều-thi-ca, Cụ thọ Thiện Hiện đối với những pháp ấy chẳng hủy bỏ giả danh mà nói về pháp tánh.

Cụ thọ Thiện Hiện nói với Đế Thích:

–Kiều-thi-ca, đúng vậy, đúng vậy! Như lời Phật dạy, các pháp sở hữu đều là giả danh.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát biết tất cả pháp là giả danh rồi, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi sắc, chẳng học nơi thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong sắc có cái để học; chẳng thấy trong thọ, tưởng, hành, thức có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi nhãn xứ, chẳng học nơi nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-

tát ấy chẳng thấy trong nhãn xứ có cái để học; chẳng thấy trong nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi sắc xứ, chẳng học nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong sắc xứ có cái để học; chẳng thấy trong thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi nhãn giới, chẳng học nơi sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong nhãn giới có cái để học; chẳng thấy trong sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi nhĩ giới, chẳng học nơi thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong nhĩ giới có cái để học; chẳng thấy trong thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi tỷ giới, chẳng học nơi hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong tỷ giới có cái để học; chẳng thấy trong hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi thiệt giới, chẳng học nơi vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong thiệt giới có cái để học; chẳng thấy trong vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi thân giới, chẳng học nơi xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong thân giới có cái để học; chẳng thấy trong xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi ý giới, chẳng học nơi pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong ý giới có cái để học; chẳng thấy trong pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi địa giới, chẳng học nơi thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong địa giới có cái để học; chẳng thấy trong thủy, hỏa, phong, không, thức giới có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi Thánh đế khổ, chẳng học nơi Thánh đế tập, diệt, đạo. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong Thánh đế khổ có cái để học; chẳng thấy trong Thánh đế tập, diệt, đạo có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi vô minh, chẳng học nơi hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong vô minh có cái để học; chẳng thấy trong hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi pháp không bên trong, chẳng học nơi pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong pháp không bên trong có cái để học; chẳng thấy trong pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi chân như, chẳng học nơi pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong chân như có cái để học; chẳng thấy trong pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng học nơi Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong Bố thí ba-la-mật-đa có cái để học; chẳng thấy trong Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi bốn Tĩnh

lự, chẳng học nơi bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong bốn Tĩnh lự có cái để học; chẳng thấy trong bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi tám Giải thoát, chẳng học nơi tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong tám Giải thoát có cái để học; chẳng thấy trong tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi bốn Niệm trụ, chẳng học nơi bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong bốn Niệm trụ có cái để học; chẳng thấy trong bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi pháp môn giải thoát Không, chẳng học nơi pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong pháp môn giải thoát Không có cái để học; chẳng thấy trong pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi năm loại mắt, chẳng học nơi sáu phép thần thông. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong năm loại mắt có cái để học; chẳng thấy trong sáu phép thần thông có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi mười lực của Phật, chẳng học nơi bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong mười lực của Phật có cái để học; chẳng thấy trong bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi pháp không quên mất, chẳng học nơi tánh luôn luôn xả. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong pháp không quên mất có cái để học; chẳng thấy trong tánh luôn luôn xả có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi trí Nhất thiết, chẳng học nơi trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Kiều-

thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong trí Nhất thiết có cái để học; chẳng thấy trong trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng học nơi tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong tất cả pháp môn Đà-la-ni có cái để học; chẳng thấy trong tất cả pháp môn Tam-ma-địa có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi Dự lưu, chẳng học nơi Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong Dự lưu có cái để học; chẳng thấy trong Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi Dự lưu hướng, Dự lưu quả, chẳng học nơi Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong Dự lưu hướng, Dự lưu quả có cái để học; chẳng thấy trong Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi Độc giác, chẳng học nơi Độc giác hướng, Độc giác quả. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong Độc giác có cái để học; chẳng thấy trong Độc giác hướng, Độc giác quả có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi Đại Bồ-tát, chẳng học nơi Tam-miệu-tam Phật-đà. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong Đại Bồ-tát có cái để học; chẳng thấy trong Tam-miệu-tam Phật-đà có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi pháp của Đại Bồ-tát, chẳng học nơi quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong pháp của Đại Bồ-tát có cái để học; chẳng thấy trong quả vị Giác ngộ cao tột có cái để học.

Kiều-thi-ca, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng học nơi Thanh văn thừa, chẳng học nơi Độc giác thừa, Vô thượng thừa. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy trong Thanh văn thừa có cái để học; chẳng thấy trong Độc giác thừa, Vô thượng thừa có cái để học.

Thiên đế Thích hỏi Thiện Hiện:

–Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy sắc, chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy nhãn xứ, chẳng thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ? Bạch Đại đức, vì

duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy sắc xứ, chẳng thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy nhãn giới, chẳng thấy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy nhĩ giới, chẳng thấy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy tỷ giới, chẳng thấy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy thiệt giới, chẳng thấy vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy thân giới, chẳng thấy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy ý giới, chẳng thấy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy địa giới, chẳng thấy thủy, hỏa, phong, không, thức giới? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy Thánh đế khổ, chẳng thấy Thánh đế tập, diệt, đạo? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy vô minh, chẳng thấy hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy pháp không bên trong, chẳng thấy pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy chân như, chẳng thấy pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng thấy Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy bốn Tĩnh lự, chẳng thấy bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy tám Giải thoát, chẳng thấy tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy bốn Niệm trụ, chẳng thấy bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm

Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy pháp môn giải thoát Không, chẳng thấy pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy năm loại mắt, chẳng thấy sáu phép thần thông? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy mười lực của Phật, chẳng thấy bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy pháp không quên mất, chẳng thấy tánh luôn luôn xả? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy trí Nhất thiết, chẳng thấy trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng thấy tất cả pháp môn Tam-ma-địa? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy Dự lưu, chẳng thấy Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy Dự lưu hướng, Dự lưu quả, chẳng thấy Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy Độc giác, chẳng thấy Độc giác hướng, Độc giác quả? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy Đại Bồ-tát, chẳng thấy Tam-miệu-tam Phật-đà? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy pháp của Đại Bồ-tát, chẳng thấy quả vị Giác ngộ cao tột? Bạch Đại đức, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát chẳng thấy Thanh văn thừa, chẳng thấy Độc giác thừa, Vô thượng thừa?

Thiện Hiện đáp:

–Kiều-thi-ca, vì sắc và tánh của sắc là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy sắc; vì thọ, tưởng, hành, thức và tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức.

Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy sắc nên chẳng học nơi sắc, chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức nên chẳng học nơi thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của sắc thấy cái không của sắc, chẳng lẽ cái không của thọ, tưởng, hành, thức thấy cái không của thọ, tưởng, hành, thức. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của sắc học ở cái không của sắc, chẳng lẽ cái không của thọ, tưởng, hành, thức học ở cái không của thọ, tưởng, hành, thức.

Kiều-thi-ca, vì nhãn xứ và tánh của nhãn xứ là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy nhãn xứ; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân,

ý xứ. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy nhãn xứ nên chẳng học nơi nhãn xứ; chẳng thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ nên chẳng học nơi nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của nhãn xứ thấy cái không của nhãn xứ; chẳng lẽ cái không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thấy cái không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của nhãn xứ học ở cái không của nhãn xứ; chẳng lẽ cái không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ học ở cái không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Kiều-thi-ca, vì sắc xứ và tánh của sắc xứ là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy sắc xứ; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy sắc xứ nên chẳng học nơi sắc xứ; chẳng thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ nên chẳng học nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của sắc xứ thấy cái không của sắc xứ; chẳng lẽ cái không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thấy cái không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của sắc xứ học ở cái không của sắc xứ; chẳng lẽ cái không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ học ở cái không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Kiều-thi-ca, vì nhãn giới và tánh của nhãn giới là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy nhãn giới; vì sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy nhãn giới nên chẳng học nơi nhãn giới; vì chẳng thấy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra nên chẳng học nơi sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của nhãn giới thấy cái không của nhãn giới; vì chẳng lẽ cái không của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thấy cái không của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của nhãn giới học ở cái không của nhãn giới; vì chẳng lẽ cái không của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra học ở cái không của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra.

Kiều-thi-ca, vì nhĩ giới và tánh của nhĩ giới là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy nhĩ giới; vì thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các

thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy nhĩ giới nên chẳng học nơi nhĩ giới; vì chẳng thấy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra nên chẳng học nơi thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của nhĩ giới thấy cái không của nhĩ giới; vì chẳng lẽ cái không của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thấy cái không của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của nhĩ giới học ở cái không của nhĩ giới; vì chẳng lẽ cái không của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra học ở cái không của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra.

Kiều-thi-ca, vì tỷ giới và tánh của tỷ giới là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy tỷ giới; vì hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy tỷ giới nên chẳng học nơi tỷ giới; vì chẳng thấy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra nên chẳng học nơi hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của tỷ giới thấy cái không của tỷ giới; vì chẳng lẽ cái không của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thấy cái không của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của tỷ giới học ở cái không của tỷ giới; vì chẳng lẽ cái không của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra học ở cái không của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra.

Kiều-thi-ca, vì thiệt giới và tánh của thiệt giới là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy thiệt giới; vì vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy thiệt giới nên chẳng học nơi thiệt giới; vì chẳng thấy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra nên chẳng học nơi vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên

sinh ra. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của thiệt giới thấy cái không của thiệt giới; vì chẳng lẽ cái không của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thấy cái không của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của thiệt giới học ở cái không của thiệt giới; vì chẳng lẽ cái không của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra học ở cái không của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra.

Kiều-thi-ca, vì thân giới và tánh của thân giới là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy thân giới; vì xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy thân giới nên chẳng học nơi thân giới; vì chẳng thấy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra nên chẳng học nơi xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của thân giới thấy cái không của thân giới; vì chẳng lẽ cái không của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thấy cái không của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của thân giới học ở cái không của thân giới; vì chẳng lẽ cái không của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra học ở cái không của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra.

Kiều-thi-ca, vì ý giới và tánh của ý giới là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy ý giới; vì pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy ý giới nên chẳng học nơi ý giới; vì chẳng thấy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra nên chẳng học nơi pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của ý giới thấy cái không của ý giới; vì chẳng lẽ cái không của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thấy cái không của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của ý giới học ở cái không của ý giới; vì chẳng lẽ cái không của pháp giới, ý thức giới và ý

xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra học ở cái không của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra.

Kiều-thi-ca, vì địa giới và tánh của địa giới là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy địa giới; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy địa giới nên chẳng học nơi địa giới; vì chẳng thấy thủy, hỏa, phong, không, thức giới nên chẳng học nơi thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của địa giới thấy cái không của địa giới; vì chẳng lẽ cái không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới thấy cái không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của địa giới học ở cái không của địa giới; vì chẳng lẽ cái không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới học ở cái không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 86

PHẨM 26: HỌC BÁT-NHÃ (2)

Kiều-thi-ca, vì Thánh đế khổ và tánh của Thánh đế khổ là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy Thánh đế khổ; vì Thánh đế tập, diệt, đạo và tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy Thánh đế tập, diệt, đạo. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy Thánh đế khổ nên chẳng học nơi Thánh đế khổ; vì chẳng thấy Thánh đế tập, diệt, đạo nên chẳng học nơi Thánh đế tập, diệt, đạo. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của Thánh đế khổ thấy cái không của Thánh đế khổ; vì chẳng lẽ cái không của Thánh đế tập, diệt, đạo thấy cái không của Thánh đế tập, diệt, đạo. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của Thánh đế khổ học ở cái không của Thánh đế khổ; vì chẳng lẽ cái không của Thánh đế tập, diệt, đạo học ở cái không của Thánh đế tập, diệt, đạo.

Kiều-thi-ca, vì vô minh và tánh của vô minh là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy vô minh; vì hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy vô minh nên chẳng học nơi vô minh; vì chẳng thấy hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não nên chẳng học nơi hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của vô minh thấy cái không của vô minh; vì chẳng lẽ cái không của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thấy cái không của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của vô minh học ở cái không của vô minh; vì chẳng lẽ cái không của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não học ở cái không của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Kiều-thi-ca, vì pháp không bên trong và tánh của pháp không bên

trong là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy pháp không bên trong; vì pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy pháp không bên trong nên chẳng học nơi pháp không bên trong; vì chẳng thấy pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh nên chẳng học nơi pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của pháp không bên trong thấy cái không của pháp không bên trong; vì chẳng lẽ cái không của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thấy cái không của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của pháp không bên trong học ở cái không của pháp không bên trong; vì chẳng lẽ cái không của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh học ở cái không của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Kiều-thi-ca, vì chân như và tánh của chân như là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy chân như; vì pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn và tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy chân như nên chẳng học nơi chân như; vì chẳng thấy pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn nên chẳng học nơi pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của chân như thấy cái không của chân như; vì chẳng lẽ cái không của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thấy cái không của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của chân như học ở cái không của chân như; vì chẳng lẽ cái không của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn học ở cái không của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Kiều-thi-ca, vì Bố thí ba-la-mật-đa và tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy Bố thí ba-la-mật-đa; vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy Bố thí ba-la-mật-đa nên chẳng học nơi Bố thí ba-la-mật-đa; vì chẳng thấy Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa nên chẳng học nơi Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của Bố thí ba-la-mật-đa thấy cái không của Bố thí ba-la-mật-đa; vì chẳng lẽ cái không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thấy cái không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của Bố thí ba-la-mật-đa học ở cái không của Bố thí ba-la-mật-đa; vì chẳng lẽ cái không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa học ở cái không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Kiều-thi-ca, vì bốn Tĩnh lự và tánh của bốn Tĩnh lự là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy bốn Tĩnh lự; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy bốn Tĩnh lự nên chẳng học nơi bốn Tĩnh lự; vì chẳng thấy bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc nên chẳng học nơi bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của bốn Tĩnh lự thấy cái không của bốn Tĩnh lự; vì chẳng lẽ cái không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thấy cái không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của bốn Tĩnh lự học ở cái không của bốn Tĩnh lự; vì chẳng lẽ cái không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc học ở cái không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Kiều-thi-ca, vì tám Giải thoát và tánh của tám Giải thoát là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy tám Giải thoát; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy tám Giải thoát nên chẳng học nơi tám Giải thoát; vì chẳng thấy tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ nên chẳng học nơi tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của tám

Giải thoát thấy cái không của tám Giải thoát; vì chẳng lẽ cái không của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thấy cái không của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của tám Giải thoát học ở cái không của tám Giải thoát; vì chẳng lẽ cái không của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ học ở cái không của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Kiều-thi-ca, vì bốn Niệm trụ và tánh của bốn Niệm trụ là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy bốn Niệm trụ; vì bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy bốn Niệm trụ nên chẳng học nơi bốn Niệm trụ; vì chẳng thấy bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo nên chẳng học nơi bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của bốn Niệm trụ thấy cái không của bốn Niệm trụ; vì chẳng lẽ cái không của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thấy cái không của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của bốn Niệm trụ học ở cái không của bốn Niệm trụ; vì chẳng lẽ cái không của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo học ở cái không của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Kiều-thi-ca, vì pháp môn giải thoát Không và tánh của pháp môn giải thoát Không là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy pháp môn giải thoát Không; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy pháp môn giải thoát Không nên chẳng học nơi pháp môn giải thoát Không; vì chẳng thấy pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện nên chẳng học nơi pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của pháp môn giải thoát Không thấy cái không của pháp môn giải thoát Không; vì chẳng lẽ cái không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thấy cái không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của pháp môn giải thoát Không học ở cái không của pháp môn giải thoát Không; vì chẳng lẽ cái không của pháp môn giải

thoát Vô tướng, Vô nguyện học ở cái không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Kiều-thi-ca, vì năm loại mắt và tánh của năm loại mắt là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy năm loại mắt; vì sáu phép thần thông và tánh của sáu phép thần thông là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy sáu phép thần thông. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy năm loại mắt nên chẳng học nơi năm loại mắt; vì chẳng thấy sáu phép thần thông nên chẳng học nơi sáu phép thần thông. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của năm loại mắt thấy cái không của năm loại mắt; vì chẳng lẽ cái không của sáu phép thần thông thấy cái không của sáu phép thần thông. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của năm loại mắt học ở cái không của năm loại mắt; vì chẳng lẽ cái không của sáu phép thần thông học ở cái không của sáu phép thần thông.

Kiều-thi-ca, vì mười lực của Phật và tánh nơi mười lực của Phật là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy mười lực của Phật; vì bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy mười lực của Phật nên chẳng học nơi mười lực của Phật; vì chẳng thấy bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng nên chẳng học nơi bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không nơi mười lực của Phật thấy cái không nơi mười lực của Phật; vì chẳng lẽ cái không của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thấy cái không của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không nơi mười lực của Phật học ở cái không nơi mười lực của Phật; vì chẳng lẽ cái không của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng học ở cái không của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Kiều-thi-ca, vì pháp không quên mất và tánh của pháp không quên mất là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy pháp không quên mất; vì tánh luôn luôn xả và tánh của tánh luôn luôn xả là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy tánh luôn luôn xả. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy pháp không

quên mất nên chẳng học nơi pháp không quên mất; vì chẳng thấy tánh luôn luôn xả nên chẳng học nơi tánh luôn luôn xả. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của pháp không quên mất thấy cái không của pháp không quên mất; vì chẳng lẽ cái không của tánh luôn luôn xả thấy cái không của tánh luôn luôn xả. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của pháp không quên mất học ở cái không của pháp không quên mất; vì chẳng lẽ cái không của tánh luôn luôn xả học ở cái không của tánh luôn luôn xả.

Kiều-thi-ca, vì trí Nhất thiết và tánh của trí Nhất thiết là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy trí Nhất thiết; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy trí Nhất thiết nên chẳng học nơi trí Nhất thiết; vì chẳng thấy trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng nên chẳng học nơi trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của trí Nhất thiết thấy cái không của trí Nhất thiết; vì chẳng lẽ cái không của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thấy cái không của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của trí Nhất thiết học ở cái không của trí Nhất thiết; vì chẳng lẽ cái không của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng học ở cái không của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Kiều-thi-ca, vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy tất cả pháp môn Đà-la-ni; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy tất cả pháp môn Đà-la-ni nên chẳng học nơi tất cả pháp môn Đà-la-ni; vì chẳng thấy tất cả pháp môn Tam-ma-địa nên chẳng học nơi tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của tất cả pháp môn Đà-la-ni thấy cái không của tất cả pháp môn Đà-la-ni; vì chẳng lẽ cái không của tất cả pháp môn Tam-ma-địa thấy cái không của tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của tất cả pháp môn Đà-la-ni học ở cái không của tất cả pháp môn Đà-la-ni; vì chẳng lẽ cái không của tất cả pháp môn Tam-ma-địa học ở cái không của tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Kiều-thi-ca, vì Dự lưu và tánh của Dự lưu là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy Dự lưu; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và tánh của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy Nhất lai, Bất

hoàn, A-la-hán. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy Dự lưu nên chẳng học nơi Dự lưu; vì chẳng thấy Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán nên chẳng học nơi Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của Dự lưu thấy cái không của Dự lưu; vì chẳng lẽ cái không của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thấy cái không của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của Dự lưu học ở cái không của Dự lưu; vì chẳng lẽ cái không của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán học ở cái không của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán.

Kiều-thi-ca, vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả và tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy Dự lưu hướng, Dự lưu quả; vì Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả và tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy Dự lưu hướng, Dự lưu quả nên chẳng học nơi Dự lưu hướng, Dự lưu quả; vì chẳng thấy Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả nên chẳng học nơi Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của Dự lưu hướng, Dự lưu quả thấy cái không của Dự lưu hướng, Dự lưu quả; vì chẳng lẽ cái không của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả thấy cái không của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của Dự lưu hướng, Dự lưu quả học ở cái không của Dự lưu hướng, Dự lưu quả; vì chẳng lẽ cái không của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả học ở cái không của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả.

Kiều-thi-ca, vì Độc giác và tánh của Độc giác là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy Độc giác; vì Độc giác hướng, Độc giác quả và tánh của Độc giác hướng, Độc giác quả là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy Độc giác hướng, Độc giác quả. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy Độc giác nên chẳng học nơi Độc giác; vì chẳng thấy Độc giác hướng, Độc giác quả nên chẳng học nơi Độc giác hướng, Độc giác quả. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của Độc giác thấy cái không của Độc giác; vì chẳng lẽ cái không của Độc giác hướng, Độc giác quả thấy cái không của Độc giác hướng, Độc giác quả. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của Độc giác học ở cái không của Độc giác; vì chẳng lẽ cái không của Độc giác hướng, Độc giác quả học ở cái không của Độc giác hướng, Độc giác quả.

Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát và tánh của Đại Bồ-tát là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy Đại Bồ-tát; vì Tam-miệu-tam Phật-đà và tánh của Tam-miệu-tam Phật-đà là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy Tam-miệu-tam Phật-đà. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy Đại Bồ-tát nên chẳng học nơi Đại Bồ-tát; vì chẳng thấy Tam-miệu-tam Phật-đà nên chẳng học nơi Tam-miệu-tam Phật-đà. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của Đại Bồ-tát thấy cái không của Đại Bồ-tát; vì chẳng lẽ cái không của Tam-miệu-tam Phật-đà thấy cái không của Tam-miệu-tam Phật-đà. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của Đại Bồ-tát học ở cái không của Đại Bồ-tát; vì chẳng lẽ cái không của Tam-miệu-tam Phật-đà học ở cái không của Tam-miệu-tam Phật-đà.

Kiều-thi-ca, vì pháp của Đại Bồ-tát và tánh nơi pháp của Đại Bồ-tát là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy pháp của Đại Bồ-tát; vì quả vị Giác ngộ cao tột và tánh của quả vị Giác ngộ cao tột là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy quả vị Giác ngộ cao tột. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy pháp của Đại Bồ-tát nên chẳng học nơi pháp của Đại Bồ-tát; vì chẳng thấy quả vị Giác ngộ cao tột nên chẳng học nơi quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không nơi pháp của Đại Bồ-tát thấy cái không nơi pháp của Đại Bồ-tát; vì chẳng lẽ cái không của quả vị Giác ngộ cao tột thấy cái không của quả vị Giác ngộ cao tột. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không nơi pháp của Đại Bồ-tát học ở cái không nơi pháp của Đại Bồ-tát; vì chẳng lẽ cái không của quả vị Giác ngộ cao tột học ở cái không của quả vị Giác ngộ cao tột.

Kiều-thi-ca, vì Thanh văn thừa và tánh của Thanh văn thừa là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy Thanh văn thừa; vì Độc giác thừa, Vô thượng thừa và tánh của Độc giác thừa, Vô thượng thừa là không, nên Đại Bồ-tát chẳng thấy Độc giác thừa, Vô thượng thừa. Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát chẳng thấy Thanh văn thừa nên chẳng học nơi Thanh văn thừa; vì chẳng thấy Độc giác thừa, Vô thượng thừa nên chẳng học nơi Độc giác thừa, Vô thượng thừa. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của Thanh văn thừa thấy cái không của Thanh văn thừa; vì chẳng lẽ cái không của Độc giác thừa, Vô thượng thừa thấy cái không của Độc giác thừa, Vô thượng thừa. Kiều-thi-ca, vì chẳng lẽ cái không của Thanh văn thừa học ở cái không của Thanh văn thừa; vì chẳng lẽ cái không của Độc giác thừa, Vô thượng thừa học ở cái không của Độc giác thừa, Vô thượng thừa.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không tức là Đại Bồ-

tát ấy đã học ở cái không. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của sắc, chẳng học ở cái không của thọ, tưởng, hành, thức tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của sắc, đã học ở cái không của thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của nhãn xứ, chẳng học ở cái không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của nhãn xứ, đã học ở cái không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của sắc xứ, chẳng học ở cái không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của sắc xứ, đã học ở cái không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của nhãn giới, chẳng học ở cái không của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của nhãn giới, đã học ở cái không của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của nhĩ giới, chẳng học ở cái không của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của nhĩ giới, đã học ở cái không của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của tỷ giới, chẳng học ở cái không của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của tỷ giới, đã học ở cái không của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của thiệt giới, chẳng học ở cái không của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của thiệt giới, đã học ở cái không của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của thân giới, chẳng học ở cái không của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không

của thân giới, đã học ở cái không của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của ý giới, chẳng học ở cái không của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của ý giới, đã học ở cái không của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của địa giới, chẳng học ở cái không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của địa giới, đã học ở cái không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của Thánh đế khổ, chẳng học ở cái không của Thánh đế tập, diệt, đạo tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của Thánh đế khổ, đã học ở cái không của Thánh đế tập, diệt, đạo. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của vô minh, chẳng học ở cái không của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của vô minh, đã học ở cái không của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của pháp không bên trong, chẳng học ở cái không của pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của pháp không bên trong, đã học ở cái không của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của chân như, chẳng học ở cái không của pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của chân như, đã học ở cái không của pháp giới

cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng học ở cái không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của Bố thí ba-la-mật-đa, đã học ở cái không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của bốn Tĩnh lự, chẳng học ở cái không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của bốn Tĩnh lự, đã học ở cái không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của tám Giải thoát, chẳng học ở cái không của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của tám Giải thoát, đã học ở cái không của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của bốn Niệm trụ, chẳng học ở cái không của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của bốn Niệm trụ, đã học ở cái không của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của pháp môn giải thoát Không, chẳng học ở cái không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của pháp môn giải thoát Không, đã học ở cái không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của năm loại mắt, chẳng học ở cái không của sáu phép thần thông tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của năm loại mắt, đã học ở cái không của sáu phép thần thông. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không nơi mười lực của Phật, chẳng học ở cái không của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không nơi mười lực của Phật, đã học ở cái không của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của pháp không

quên mất, chẳng học ở cái không của tánh luôn luôn xả tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của pháp không quên mất, đã học ở cái không của tánh luôn luôn xả. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của trí Nhất thiết, chẳng học ở cái không của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của trí Nhất thiết, đã học ở cái không của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng học ở cái không của tất cả pháp môn Tam-ma-địa tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của tất cả pháp môn Đà-la-ni, đã học ở cái không của tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của Dự lưu, chẳng học ở cái không của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của Dự lưu, đã học ở cái không của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của Dự lưu hướng, Dự lưu quả, chẳng học ở cái không của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của Dự lưu hướng, Dự lưu quả, đã học ở cái không của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của Độc giác, chẳng học ở cái không của Độc giác hướng, Độc giác quả tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của Độc giác, đã học ở cái không của Độc giác hướng, Độc giác quả. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của Đại Bồ-tát, chẳng học ở cái không của Tam-miệu-tam Phật-đà tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của Đại Bồ-tát, đã học ở cái không của Tam-miệu-tam Phật-đà. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không nơi pháp của Đại Bồ-tát, chẳng học ở cái không của quả vị Giác ngộ cao tột tức là Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không nơi pháp của Đại Bồ-tát, đã học ở cái không của quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng học ở cái không của Thanh văn thừa, chẳng học ở cái không của Độc giác thừa, Vô thượng thừa tức là

Đại Bồ-tát ấy đã học ở cái không của Thanh văn thừa, đã học ở cái không của Độc giác thừa, Vô thượng thừa. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của sắc không có hai phần, học ở cái không của thọ, tưởng, hành, thức không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của nhãn xứ không có hai phần, học ở cái không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của sắc xứ không có hai phần, học ở cái không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của nhãn giới không có hai phần, học ở cái không của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của nhĩ giới không có hai phần, học ở cái không của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của tỷ giới không có hai phần, học ở cái không của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của thiệt giới không có hai phần, học ở cái không của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của thân giới không có hai phần, học ở cái không của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của ý giới không có hai phần, học ở cái không của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của địa giới không có hai phần, học ở cái không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của Thánh đế khổ không có hai phần, học ở cái không của Thánh đế tập, diệt, đạo không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của vô minh không có hai phần, học ở cái không của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái,

thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của pháp không bên trong không có hai phần, học ở cái không của pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của chân như không có hai phần, học ở cái không của pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của Bố thí ba-la-mật-đa không có hai phần, học ở cái không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của bốn Tĩnh lự không có hai phần, học ở cái không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của tám Giải thoát không có hai phần, học ở cái không của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của bốn Niệm trụ không có hai phần, học ở cái không của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của pháp môn giải thoát Không không có hai phần, học ở cái không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của năm loại mắt không có hai phần, học ở cái không của sáu phép thần thông không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không nơi mười lực của Phật không có hai phần, học ở cái không của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu

biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của pháp không quên mất không có hai phần, học ở cái không của tánh luôn luôn xả không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của trí Nhất thiết không có hai phần, học ở cái không của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của tất cả pháp môn Đà-la-ni không có hai phần, học ở cái không của tất cả pháp môn Tam-ma-địa không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của Dự lưu không có hai phần, học ở cái không của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của Dự lưu hướng, Dự lưu quả không có hai phần, học ở cái không của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của Độc giác không có hai phần, học ở cái không của Độc giác hướng, Độc giác quả không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của Đại Bồ-tát không có hai phần, học ở cái không của Tam-miệu-tam Phật-đà không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không nơi pháp của Đại Bồ-tát không có hai phần, học ở cái không của quả vị Giác ngộ cao tột không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát học ở cái không của Thanh văn thừa không có hai phần, học ở cái không của Độc giác thừa, Vô thượng thừa không có hai phần.

Này Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy có khả năng học ở Bố thí ba-la-mật-đa, có khả năng học ở Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy có khả năng học ở pháp không bên trong, có khả năng học ở pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài,

pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy có khả năng học ở chân như, có khả năng học ở pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy có khả năng học ở Thánh đế khổ, có khả năng học ở Thánh đế tập, diệt, đạo. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy có khả năng học ở bốn Tĩnh lự, có khả năng học ở bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy có khả năng học ở tám Giải thoát, có khả năng học ở tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy có khả năng học ở bốn Niệm trụ, có khả năng học ở bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy có khả năng học ở pháp môn giải thoát Không, có khả năng học ở pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy có khả năng học ở năm loại mắt, có khả năng học ở sáu phép thần thông. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy có khả năng học ở mười lực của Phật, có khả năng học ở bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy có khả năng học ở pháp không quên mất, có khả năng học ở tánh luôn luôn xả. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy có khả năng học ở trí Nhất thiết, có khả năng học ở trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy có khả năng học ở tất cả pháp môn Đà-la-ni, có khả năng học ở tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy có khả năng học ở Dự lưu, có khả năng học ở Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy có khả năng học ở Dự lưu hướng, Dự lưu quả, có khả năng học ở Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy có khả năng học ở Độc giác, có khả năng học ở Độc giác hướng, Độc giác quả. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy có khả năng học ở Đại Bồ-tát, có khả năng học ở Tam-miệu-tam Phật-đà. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy có khả năng học ở pháp của Đại Bồ-tát, có khả năng học ở quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy có khả năng học ở Thanh văn thừa, có khả năng học ở Độc giác thừa, Vô thượng thừa. Vì sao? Vì không có hai phần.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 87

PHẨM 26: HỌC BÁT-NHÃ (3)

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học ở Bố thí ba-la-mật-đa không có hai phần, có khả năng học ở Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học ở pháp không bên trong không có hai phần, có khả năng học ở pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học ở chân như không có hai phần, có khả năng học ở pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học ở Thánh đế khổ không có hai phần, có khả năng học ở Thánh đế tập, diệt, đạo không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học ở bốn Tĩnh lự không

có hai phần, có khả năng học ở bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học ở tám Giải thoát không có hai phần, có khả năng học ở tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học ở bốn Niệm trụ không có hai phần, có khả năng học ở bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học ở pháp môn giải thoát Không không có hai phần, có khả năng học ở pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học ở năm loại mắt không có hai phần, có khả năng học ở sáu phép thần thông không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học ở mười lực của Phật không có hai phần, có khả năng học ở bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học ở pháp không quên mất không có hai phần, có khả năng học ở tánh luôn luôn xả không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học ở trí Nhất thiết không có hai phần, có khả năng học ở trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học ở tất cả pháp môn Đà-la-ni không có hai phần, có khả năng học ở tất cả pháp môn Tam-ma-địa không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học ở bậc Dự lưu không có hai phần, có khả năng học ở Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học ở bậc Dự lưu hướng, Dự lưu quả không có hai phần, có khả năng học ở bậc Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học ở bậc Độc giác không có hai phần, có khả năng học ở bậc Độc giác hướng, Độc giác quả không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học ở bậc Đại Bồ-tát không có hai phần, có khả năng học ở bậc Tam-miệu-tam Phật-đà không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học ở pháp của Đại Bồ-tát không có hai phần, có khả năng học ở quả vị Giác ngộ cao tột không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học ở Thanh văn thừa không có hai phần, có khả năng học ở Độc giác thừa, Vô thượng thừa không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của sắc mà học, chẳng vì sự tăng giảm của thọ, tưởng, hành, thức mà học. Vì sao? Vì sắc uẩn… không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của nhãn xứ mà học, chẳng vì sự tăng giảm của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ mà học. Vì sao? Vì nhãn xứ… không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của sắc xứ mà học, chẳng vì sự tăng giảm của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ mà học. Vì sao? Vì sắc xứ... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của nhãn giới mà học, chẳng vì sự tăng giảm của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra mà học. Vì sao? Vì nhãn giới… không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của nhĩ giới mà học, chẳng vì sự tăng giảm của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra mà học. Vì sao? Vì nhĩ giới... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của tỷ giới mà học, chẳng vì sự tăng giảm của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra mà học. Vì sao? Vì tỷ giới... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của thiệt giới mà học, chẳng vì sự tăng giảm của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra mà học. Vì sao? Vì thiệt giới... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của thân giới mà học, chẳng vì sự tăng giảm của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra mà học. Vì sao? Vì thân giới… không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của ý giới mà học, chẳng vì sự tăng giảm của pháp giới, ý thức

giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra mà học. Vì sao? Vì ý giới... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của địa giới mà học, chẳng vì sự tăng giảm của thủy, hỏa, phong, không, thức giới mà học. Vì sao? Vì địa giới… không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của Thánh đế khổ mà học, chẳng vì sự tăng giảm của Thánh đế tập, diệt, đạo mà học. Vì sao? Vì Thánh đế khổ... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của vô minh mà học, chẳng vì sự tăng giảm của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não mà học. Vì sao? Vì vô minh… không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của pháp không bên trong mà học, chẳng vì sự tăng giảm của pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh mà học. Vì sao? Vì pháp không bên trong... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của chân như mà học, chẳng vì sự tăng giảm của pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn mà học. Vì sao? Vì chân như... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của Bố thí ba-la-mật-đa mà học, chẳng vì sự tăng giảm của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà học. Vì sao? Vì Bố

thí ba-la-mật-đa... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của bốn Tĩnh lự mà học, chẳng vì sự tăng giảm của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc mà học. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của tám Giải thoát mà học, chẳng vì sự tăng giảm của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ mà học. Vì sao? Vì tám Giải thoát... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của bốn Niệm trụ mà học, chẳng vì sự tăng giảm của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo mà học. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của pháp môn giải thoát Không mà học, chẳng vì sự tăng giảm của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện mà học. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của năm loại mắt mà học, chẳng vì sự tăng giảm của sáu phép thần thông mà học. Vì sao? Vì năm loại mắt... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm nơi mười lực của Phật mà học, chẳng vì sự tăng giảm của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng mà học. Vì sao? Vì mười lực của Phật... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của pháp không quên mất mà học, chẳng vì sự tăng giảm của tánh luôn luôn xả mà học. Vì sao? Vì pháp không quên mất... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của trí Nhất thiết mà học, chẳng vì sự tăng giảm của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng mà học. Vì sao? Vì trí Nhất thiết... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của tất cả pháp môn Đà-la-ni mà học, chẳng vì sự tăng giảm của tất cả pháp môn Tam-ma-địa mà học. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của Dự lưu mà học, chẳng vì sự tăng giảm của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán mà học. Vì sao? Vì Dự lưu... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của Dự lưu hướng, Dự lưu quả mà học, chẳng vì sự tăng giảm của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả mà học. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của Độc giác mà học, chẳng vì sự tăng giảm của Độc giác hướng, Độc giác quả mà học. Vì sao? Vì Độc giác... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của Đại Bồ-tát mà học, chẳng vì sự tăng giảm của Tam-miệu-tam Phật-đà mà học. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm nơi pháp của Đại Bồ-tát mà học, chẳng vì sự tăng giảm của quả vị Giác ngộ cao tột mà học. Vì sao? Vì pháp của Đại Bồ-tát... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát có khả năng học pháp Phật thanh tịnh vô lượng, vô số, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự tăng giảm của Thanh văn thừa mà học, chẳng vì sự tăng giảm của Độc giác

thừa, Vô thượng thừa mà học. Vì sao? Vì Thanh văn thừa... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của sắc mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của thọ, tưởng, hành, thức mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của sắc mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của thọ, tưởng, hành, thức mà học. Vì sao? Vì sắc uẩn... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của nhãn xứ mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của nhãn xứ mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ mà học. Vì sao? Vì nhãn xứ... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của sắc xứ mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của sắc xứ mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ mà học. Vì sao? Vì sắc xứ... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của nhãn giới mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của nhãn giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra mà học. Vì sao? Vì nhãn giới... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của nhĩ giới mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của nhĩ giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra mà học. Vì sao? Vì nhĩ giới... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của tỷ giới mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của tỷ giới

mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra mà học. Vì sao? Vì tỷ giới... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của thiệt giới mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của thiệt giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra mà học. Vì sao? Vì thiệt giới... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của thân giới mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của thân giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra mà học. Vì sao? Vì thân giới... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của ý giới mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của ý giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra mà học. Vì sao? Vì ý giới... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của địa giới mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của thủy, hỏa, phong, không, thức giới mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của địa giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của thủy, hỏa, phong, không, thức giới mà học. Vì sao? Vì địa giới... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của Thánh đế khổ mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của Thánh đế tập, diệt, đạo mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Thánh đế khổ mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Thánh đế tập, diệt, đạo mà học. Vì sao? Vì Thánh đế khổ... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của vô minh mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của vô minh mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não mà học. Vì sao? Vì vô minh... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của pháp không bên trong mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp không bên trong mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh mà học. Vì sao? Vì pháp không bên trong... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của chân như mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của chân như mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh mà học. Vì sao? Vì chân như... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của Bố thí ba-la-mật-đa mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Bố thí ba-la-mật-đa mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà học. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của bốn Tĩnh lự

mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của bốn Tĩnh lự mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc mà học. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của tám Giải thoát mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của tám Giải thoát mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ mà học. Vì sao? Vì tám Giải thoát... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của bốn Niệm trụ mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của bốn Niệm trụ mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo mà học. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của pháp môn giải thoát Không mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp môn giải thoát Không mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện mà học. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của năm loại mắt mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của sáu phép thần thông mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của năm loại mắt mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của sáu phép thần thông mà học. Vì sao? Vì năm loại mắt... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm nơi mười lực của Phật mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát

ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt nơi mười lực của Phật mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng mà học. Vì sao? Vì mười lực của Phật... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của pháp không quên mất mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của tánh luôn luôn xả mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp không quên mất mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của tánh luôn luôn xả mà học. Vì sao? Vì pháp không quên mất... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của trí Nhất thiết mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của trí Nhất thiết mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng mà học. Vì sao? Vì trí Nhất thiết... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của tất cả pháp môn Đà-la-ni mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của tất cả pháp môn Tam-ma-địa mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của tất cả pháp môn Đà-la-ni mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của tất cả pháp môn Tam-ma-địa mà học. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của Dự lưu mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Dự lưu mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán mà học. Vì sao? Vì Dự lưu... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của Dự lưu hướng, Dự lưu quả mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Dự lưu hướng, Dự lưu quả mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả mà học. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của Độc giác mà

học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của Độc giác hướng, Độc giác quả mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Độc giác mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Độc giác hướng, Độc giác quả mà học. Vì sao? Vì Độc giác... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của Đại Bồ-tát mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của Tam-miệu-tam Phật-đà mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Đại Bồ-tát mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Tam-miệu-tam Phật-đà mà học. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm nơi pháp của Đại Bồ-tát mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của quả vị Giác ngộ cao tột mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt nơi pháp của Đại Bồ-tát mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của quả vị Giác ngộ cao tột mà học. Vì sao? Vì pháp của Đại Bồ-tát... không có hai phần.

Kiều-thi-ca, nếu Đại Bồ-tát chẳng vì sự tăng giảm của Thanh văn thừa mà học, không có hai phần, chẳng vì sự tăng giảm của Độc giác thừa, Vô thượng thừa mà học, không có hai phần, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Thanh văn thừa mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Độc giác thừa, Vô thượng thừa mà học. Vì sao? Vì Thanh văn thừa... không có hai phần.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Này Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của sắc mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của thọ, tưởng, hành, thức mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của nhãn xứ mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của sắc xứ mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của nhãn giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra

mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của nhĩ giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của tỷ giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của thiệt giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của thân giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của ý giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của địa giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của thủy, hỏa, phong, không, thức giới mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Thánh đế khổ mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Thánh đế tập, diệt, đạo mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của vô minh mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp không bên trong mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp

không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của chân như mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Bố thí ba-la-mật-đa mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của bốn Tĩnh lự mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của tám Giải thoát mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của bốn Niệm trụ mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp môn giải thoát Không mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của năm loại mắt mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của sáu phép thần thông mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt nơi mười lực của Phật mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp không quên mất mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của tánh luôn luôn xả mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại

diệt của trí Nhất thiết mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của tất cả pháp môn Đà-la-ni mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của tất cả pháp môn Tam-ma-địa mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Dự lưu mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Dự lưu hướng, Dự lưu quả mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Độc giác mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Độc giác hướng, Độc giác quả mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Đại Bồ-tát mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Tam-miệu-tam Phật-đà mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt nơi pháp của Đại Bồ-tát mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của quả vị Giác ngộ cao tột mà học chăng?

Thiện Hiện, khi Đại Bồ-tát học như vậy, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Thanh văn thừa mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Độc giác thừa, Vô thượng thừa mà học chăng?

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 88

PHẨM 26: HỌC BÁT-NHÃ (4)

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, Xá-lợi Tử! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của sắc mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của thọ, tưởng, hành, thức mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của nhãn xứ mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của sắc xứ mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của nhãn giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của nhĩ giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của tỷ giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của thiệt giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của thân giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của ý giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của địa giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của thủy, hỏa, phong, không, thức giới mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Thánh đế khổ mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Thánh đế tập, diệt, đạo mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của vô minh mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp không bên trong mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của chân như mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Bố thí ba-la-mật-đa mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của bốn Tĩnh lự mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của tám Giải thoát mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của bốn Niệm trụ mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp môn giải thoát Không mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của năm loại mắt mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của sáu phép thần thông mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt nơi mười lực của Phật mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp không quên mất mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của tánh luôn luôn xả mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của trí Nhất thiết mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của tất cả pháp môn Đà-la-ni mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của tất cả pháp môn Tam-ma-địa mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Dự lưu mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Dự lưu hướng, Dự lưu quả mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn

hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Độc giác mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Độc giác hướng, Độc giác quả mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Đại Bồ-tát mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Tam-miệu-tam Phật-đà mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt nơi pháp của Đại Bồ-tát mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của quả vị Giác ngộ cao tột mà học.

Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy! Khi Đại Bồ-tát học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Thanh văn thừa mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Độc giác thừa, Vô thượng thừa mà học.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của sắc mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của thọ, tưởng, hành, thức mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của nhãn xứ mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của sắc xứ mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của nhãn giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của nhĩ giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của tỷ giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của thiệt giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của thân giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của ý giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của địa giới mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của thủy, hỏa, phong, không, thức giới mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Thánh đế khổ mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Thánh đế tập, diệt, đạo mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của vô minh mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp không bên trong mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của chân như mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới

hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Bố thí ba-la-mật-đa mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của bốn Tĩnh lự mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của tám Giải thoát mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của bốn Niệm trụ mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp môn giải thoát Không mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của năm loại mắt mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của sáu phép thần thông mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt nơi mười lực của Phật mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của pháp không quên mất mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của tánh luôn luôn xả mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của trí Nhất thiết mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của tất cả pháp môn Đà-la-ni mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của tất cả pháp môn Tam-ma-địa mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Dự lưu mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Dự lưu hướng, Dự lưu quả mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Độc giác mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Độc giác hướng, Độc giác quả mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Đại Bồ-tát mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Tam-miệu-tam Phật-đà mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt nơi pháp của Đại Bồ-tát mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của quả vị Giác ngộ cao tột mà học?

Thiện Hiện, vì duyên cớ gì mà Đại Bồ-tát khi học như vậy chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Thanh văn thừa mà học, chẳng vì sự nhiếp thọ, hoại diệt của Độc giác thừa, Vô thượng thừa mà học?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có sắc là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ sắc và hoại diệt; chẳng thấy có thọ, tưởng, hành, thức là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ thọ, tưởng, hành, thức và hoại diệt. Vì sao? Vì sắc uẩn... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có nhãn xứ là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ nhãn xứ và hoại diệt; chẳng thấy có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và hoại diệt. Vì sao? Vì nhãn xứ... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có sắc xứ là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ sắc xứ và hoại diệt; chẳng thấy có thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ

thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và hoại diệt. Vì sao? Vì sắc xứ... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có nhãn giới là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ nhãn giới và hoại diệt; chẳng thấy có sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và hoại diệt. Vì sao? Vì nhãn giới... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có nhĩ giới là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ nhĩ giới và hoại diệt; chẳng thấy có thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và hoại diệt. Vì sao? Vì nhĩ giới... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có tỷ giới là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ tỷ giới và hoại diệt; chẳng thấy có hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và hoại diệt. Vì sao? Vì tỷ giới... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có thiệt giới là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ thiệt giới và hoại diệt; chẳng thấy có vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và hoại diệt. Vì sao? Vì thiệt giới... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có thân giới là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ thân giới và hoại diệt; chẳng thấy có xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và hoại diệt. Vì sao? Vì thân giới... hoặc năng,

hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có ý giới là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ ý giới và hoại diệt; chẳng thấy có pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và hoại diệt. Vì sao? Vì ý giới... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có địa giới là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ địa giới và hoại diệt; chẳng thấy có thủy, hỏa, phong, không, thức giới là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ thủy, hỏa, phong, không, thức giới và hoại diệt. Vì sao? Vì địa giới... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có Thánh đế khổ là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ Thánh đế khổ và hoại diệt; chẳng thấy có Thánh đế tập, diệt, đạo là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ Thánh đế tập, diệt, đạo và hoại diệt. Vì sao? Vì Thánh đế khổ... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có vô minh là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ vô minh và hoại diệt; chẳng thấy có hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não và hoại diệt. Vì sao? Vì vô minh... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có pháp không bên trong là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ pháp không bên trong và hoại diệt; chẳng thấy có pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh,

pháp không không tánh tự tánh là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh và hoại diệt. Vì sao? Vì pháp không bên trong... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có chân như là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ chân như và hoại diệt; chẳng thấy có pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn và hoại diệt. Vì sao? Vì chân như... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có Bố thí ba-la-mật-đa là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ Bố thí ba-la-mật-đa và hoại diệt; chẳng thấy có Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và hoại diệt. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có bốn Tĩnh lự là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ bốn Tĩnh lự và hoại diệt; chẳng thấy có bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và hoại diệt. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có tám Giải thoát là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ tám Giải thoát và hoại diệt; chẳng thấy có tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và hoại diệt. Vì sao? Vì tám Giải thoát... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có bốn Niệm trụ là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp

thọ bốn Niệm trụ và hoại diệt; chẳng thấy có bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo và hoại diệt. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có pháp môn giải thoát Không là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ pháp môn giải thoát Không và hoại diệt; chẳng thấy có pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và hoại diệt. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có năm loại mắt là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ năm loại mắt và hoại diệt; chẳng thấy có sáu phép thần thông là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ sáu phép thần thông và hoại diệt. Vì sao? Vì năm loại mắt... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có mười lực của Phật là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ mười lực của Phật và hoại diệt; chẳng thấy có bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng và hoại diệt. Vì sao? Vì mười lực của Phật... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có pháp không quên mất là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ pháp không quên mất và hoại diệt; chẳng thấy có tánh luôn luôn xả là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ tánh luôn luôn xả và hoại diệt. Vì sao? Vì pháp không quên mất... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có trí Nhất thiết là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể

nhiếp thọ trí Nhất thiết và hoại diệt; chẳng thấy có trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và hoại diệt. Vì sao? Vì trí Nhất thiết... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có tất cả pháp môn Đà-la-ni là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ tất cả pháp môn Đà-la-ni và hoại diệt; chẳng thấy có tất cả pháp môn Tam-ma-địa là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ tất cả pháp môn Tam-ma-địa và hoại diệt. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có Dự lưu là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ Dự lưu và hoại diệt; chẳng thấy có Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và hoại diệt. Vì sao? Vì Dự lưu... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có Dự lưu hướng, Dự lưu quả là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ Dự lưu hướng, Dự lưu quả và hoại diệt; chẳng thấy có Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả và hoại diệt. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có Độc giác là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ Độc giác và hoại diệt; chẳng thấy có Độc giác hướng, Độc giác quả là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ Độc giác hướng, Độc giác quả và hoại diệt. Vì sao? Vì Độc giác... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có Đại Bồ-tát là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ Đại Bồ-tát và hoại diệt; chẳng thấy có Tam-miệu-tam Phật-đà là có

thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ Tam-miệu-tam Phật-đà và hoại diệt. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có pháp của Đại Bồ-tát là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ pháp của Đại Bồ-tát và hoại diệt; chẳng thấy có quả vị Giác ngộ cao tột là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ quả vị Giác ngộ cao tột và hoại diệt. Vì sao? Vì pháp của Đại Bồ-tát... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát khi học như vậy, chẳng thấy có Thanh văn thừa là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ Thanh văn thừa và hoại diệt; chẳng thấy có Độc giác thừa, Vô thượng thừa là có thể nhiếp thọ và bị hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ có thể nhiếp thọ Độc giác thừa, Vô thượng thừa và hoại diệt. Vì sao? Vì Thanh văn thừa... hoặc năng, hoặc sở, trong, ngoài đều là không, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát đối với sắc, đối với thọ, tưởng, hành, thức; đối với nhãn xứ, đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; đối với sắc xứ, đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; đối với nhãn giới, đối với sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; đối với nhĩ giới, đối với thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; đối với tỷ giới, đối với hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; đối với thiệt giới, đối với vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; đối với thân giới, đối với xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; đối với ý giới, đối với pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; đối với địa giới, đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới; đối với Thánh đế khổ, đối với Thánh đế tập, diệt, đạo; đối với vô minh, đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não; đối với pháp không bên trong, đối với pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp

không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; đối với chân như, đối với pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; đối với Bố thí ba-la-mật-đa, đối với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; đối với bốn Tĩnh lự, đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; đối với tám Giải thoát, đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; đối với bốn Niệm trụ, đối với bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; đối với pháp môn giải thoát Không, đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; đối với năm loại mắt, đối với sáu phép thần thông; đối với mười lực của Phật, đối với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; đối với pháp không quên mất, đối với tánh luôn luôn xả; đối với trí Nhất thiết, đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa; đối với Dự lưu, đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả, đối với Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả; đối với Độc giác, đối với Độc giác hướng, Độc giác quả; đối với Đại Bồ-tát, đối với Tam-miệu-tam Phật-đà; đối với pháp của Đại Bồ-tát, đối với quả vị Giác ngộ cao tột; đối với Thanh văn thừa, đối với Độc giác thừa, Vô thượng thừa chẳng thấy là có thể nhiếp thọ và có thể hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ nhiếp thọ và hoại diệt mà học Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì Đại Bồ-tát ấy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì đối với tất cả pháp chẳng vì lấy sự nhiếp thọ, hoại diệt làm phương tiện mà học.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Nếu Đại Bồ-tát là người đối với tất cả pháp chẳng vì lấy sự nhiếp thọ, hoại diệt làm phương tiện mà học thì tại sao có khả năng hoàn thành

trí Nhất thiết trí?

Thiện Hiện đáp:

–Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy sắc hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy sắc hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy sắc hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy sắc hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy sắc hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của sắc uẩn... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy nhãn xứ hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy nhãn xứ hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy nhãn xứ hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy nhãn xứ hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy nhãn xứ hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của nhãn xứ... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy sắc xứ hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy sắc xứ hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy sắc xứ hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy sắc xứ hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy sắc xứ hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của sắc xứ... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy nhãn giới hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy nhãn giới hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy nhãn giới hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy nhãn giới hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy nhãn giới hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của nhãn giới... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy nhĩ giới hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy nhĩ giới hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy nhĩ giới hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy nhĩ giới hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy nhĩ giới hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của nhĩ giới... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 89

PHẨM 26: HỌC BÁT-NHÃ (5)

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy tỷ giới hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy tỷ giới hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy tỷ giới hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy tỷ giới hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy tỷ giới hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của tỷ giới... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy thiệt giới hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy thiệt giới hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy thiệt giới hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy thiệt giới hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy thiệt giới hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của thiệt giới... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy thân giới hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy thân giới hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy thân giới hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy thân giới hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy thân giới hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của thân giới... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy ý giới hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy ý giới hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy ý giới hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy ý giới hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy ý giới hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của ý giới... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy địa giới hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy địa giới hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy địa

giới hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy địa giới hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy địa giới hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của địa giới... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy Thánh đế khổ hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy Thánh đế khổ hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy Thánh đế khổ hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy Thánh đế khổ hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy Thánh đế khổ hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của Thánh đế khổ... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy vô minh hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy vô minh hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy vô minh hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy vô minh hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy vô minh hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của vô minh... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy pháp không bên trong hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy pháp không bên trong hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy pháp không bên trong hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy pháp không bên trong hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy pháp không bên trong hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của pháp không bên trong... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy chân như hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy chân như hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy chân như hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy chân như hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy chân như hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của chân như... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả

năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy Bố thí ba-la-mật-đa hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy Bố thí ba-la-mật-đa hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy Bố thí ba-la-mật-đa hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy Bố thí ba-la-mật-đa hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy Bố thí ba-la-mật-đa hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của Bố thí ba-la-mật-đa... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy bốn Tĩnh lự hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy bốn Tĩnh lự hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy bốn Tĩnh lự hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy bốn Tĩnh lự hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy bốn Tĩnh lự hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của bốn Tĩnh lự... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy tám Giải thoát hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy tám Giải thoát hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy tám Giải thoát hoặc nhiễm, hoặc

tịnh; chẳng thấy tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy tám Giải thoát hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy tám Giải thoát hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của tám Giải thoát... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy bốn Niệm trụ hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy bốn Niệm trụ hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy bốn Niệm trụ hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy bốn Niệm trụ hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy bốn Niệm trụ hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của bốn Niệm trụ... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy pháp môn giải thoát Không hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy pháp môn giải thoát Không hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy pháp môn giải thoát Không hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy pháp môn giải thoát Không hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy pháp môn giải thoát Không hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc tăng,

hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của pháp môn giải thoát Không... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy năm loại mắt hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy sáu phép thần thông hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy năm loại mắt hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy sáu phép thần thông hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy năm loại mắt hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy sáu phép thần thông hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy năm loại mắt hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy sáu phép thần thông hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy năm loại mắt hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy sáu phép thần thông hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của năm loại mắt... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy mười lực của Phật hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy mười lực của Phật hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy mười lực của Phật hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy mười lực của Phật hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy mười lực của Phật hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của mười lực của Phật... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy pháp không quên mất hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy tánh luôn luôn xả hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy pháp không quên mất hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy tánh luôn luôn xả hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy pháp không quên mất hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy tánh luôn luôn xả hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy pháp không quên mất hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy tánh luôn luôn xả hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy pháp không quên mất hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy tánh luôn luôn xả hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của pháp không quên mất... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy trí Nhất thiết hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy trí Nhất thiết hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy trí Nhất thiết hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy trí Nhất thiết hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy trí Nhất thiết hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của trí Nhất thiết... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni... là không,

không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy Dự lưu hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy Dự lưu hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy Dự lưu hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy Dự lưu hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy Dự lưu hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của Dự lưu... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy

Độc giác hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy Độc giác hướng, Độc giác quả hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy Độc giác hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy Độc giác hướng, Độc giác quả hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy Độc giác hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy Độc giác hướng, Độc giác quả hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy Độc giác hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy Độc giác hướng, Độc giác quả hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy Độc giác hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy Độc giác hướng, Độc giác quả hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của Độc giác... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy Đại Bồ-tát hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy Tam-miệu-tam Phật-đà hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy Đại Bồ-tát hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy Tam-miệu-tam Phật-đà hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy Đại Bồ-tát hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy Tam-miệu-tam Phật-đà hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy Đại Bồ-tát hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy Tam-miệu-tam Phật-đà hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy Đại Bồ-tát hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy Tam-miệu-tam Phật-đà hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của Đại Bồ-tát... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy pháp của Đại Bồ-tát hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy quả vị Giác ngộ cao tột hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy pháp của Đại Bồ-tát hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy quả vị Giác ngộ cao tột hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy pháp của Đại Bồ-tát hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy quả vị Giác ngộ cao tột hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy pháp của Đại Bồ-tát hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy quả vị Giác ngộ cao tột hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy pháp của Đại Bồ-tát hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy quả vị Giác ngộ cao tột hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của pháp của Đại Bồ-tát... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn

thành làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy Thanh văn thừa hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy Độc giác thừa, Vô thượng thừa hoặc sinh, hoặc diệt; chẳng thấy Thanh văn thừa hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy Độc giác thừa, Vô thượng thừa hoặc thủ, hoặc xả; chẳng thấy Thanh văn thừa hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy Độc giác thừa, Vô thượng thừa hoặc nhiễm, hoặc tịnh; chẳng thấy Thanh văn thừa hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy Độc giác thừa, Vô thượng thừa hoặc tụ, hoặc tán; chẳng thấy Thanh văn thừa hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy Độc giác thừa, Vô thượng thừa hoặc tăng, hoặc giảm. Vì sao? Vì tánh của Thanh văn thừa... là không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

Như vậy, Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tất cả pháp, chẳng thấy hoặc sinh hoặc diệt, hoặc thủ hoặc xả, hoặc nhiễm hoặc tịnh, hoặc tụ hoặc tán, hoặc tăng hoặc giảm mà học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết trí, vì lấy cái vô sở học và cái không hoàn thành làm phương tiện.

-oOo-

PHẨM 27: CẦU BÁT-NHÃ (1)

Bấy giờ, Thiên đế Thích hỏi Xá-lợi Tử:

–Bạch Đại đức, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành sẽ cầu ở đâu?

Xá-lợi Tử đáp:

–Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành sẽ cầu ở trong những điều Cụ thọ Thiện Hiện đã nói.

Thiên đế Thích nói với Thiện Hiện:

–Nay, theo lời Tôn giả Xá-lợi Tử đã nói thì đó là thần lực của Đại đức và Đại đức là chỗ nương chăng?

Thiện Hiện bảo:

–Kiều-thi-ca, đó chẳng phải là thần lực của ta, chẳng phải ta là chỗ nương.

Thiên đế Thích hỏi:

–Vậy đó là thần lực của ai? Ai là chỗ nương?

Thiện Hiện đáp:

–Đó là thần lực của Như Lai, Như Lai là chỗ nương.

Thiên đế Thích hỏi:

–Bạch Đại đức, tất cả pháp không có chỗ nương, tại sao có thể nói đó là thần lực của Như Lai, Như Lai là chỗ nương?

Thiện Hiện bảo:

–Kiều-thi-ca, đúng vậy, đúng vậy! Như ông đã nói, tất cả pháp không có chỗ nương, vì vậy nên Như Lai chẳng phải là chỗ nương, cũng không có chốn nương, chỉ vì tùy thuận theo thế tục mà đặt bày ra lời nói là chỗ nương.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa cái không chỗ nương có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa cái không chỗ nương có thể đắc Như Lai chân như, chẳng phải lìa cái không chỗ nương có thể đắc Như Lai pháp tánh, chẳng phải lìa cái không chỗ nương có thể đắc chân như Như Lai, chẳng phải lìa cái không chỗ nương có thể đắc pháp tánh Như Lai, chẳng phải lìa chân như không chỗ nương có thể đắc chân như Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh không chỗ nương có thể đắc pháp tánh Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong cái không chỗ nương có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc cái không chỗ nương; chẳng phải trong chân như không chỗ nương có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như không chỗ nương; chẳng phải trong pháp tánh không chỗ nương có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh không chỗ nương; chẳng phải trong cái không chỗ nương có thể đắc chân như Như Lai, chẳng phải trong chân như Như Lai có thể đắc cái không chỗ nương; chẳng phải trong cái không chỗ nương có thể đắc pháp tánh Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh Như Lai có thể đắc cái không chỗ nương; chẳng phải trong chân như không chỗ nương có thể đắc chân như Như Lai, chẳng phải trong chân như Như Lai có thể đắc chân như không chỗ nương; chẳng phải trong pháp tánh không chỗ nương có thể đắc pháp tánh Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh Như Lai có thể đắc pháp tánh không chỗ nương.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa sắc có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa thọ, tưởng, hành, thức có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của sắc có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của thọ, tưởng, hành, thức có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của sắc có thể đắc Như

Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của thọ, tưởng, hành, thức có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa sắc có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa thọ, tưởng, hành, thức có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa sắc có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa thọ, tưởng, hành, thức có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của sắc có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của thọ, tưởng, hành, thức có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của sắc có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của thọ, tưởng, hành, thức có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong sắc có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc sắc; chẳng phải trong thọ, tưởng, hành, thức có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc thọ, tưởng, hành, thức; chẳng phải trong chân như của sắc có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của sắc; chẳng phải trong chân như của thọ, tưởng, hành, thức có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của thọ, tưởng, hành, thức; chẳng phải trong pháp tánh của sắc có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của sắc; chẳng phải trong pháp tánh của thọ, tưởng, hành, thức có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của thọ, tưởng, hành, thức; chẳng phải trong sắc có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc sắc; chẳng phải trong thọ, tưởng, hành, thức có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc thọ, tưởng, hành, thức; chẳng phải trong sắc có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc sắc; chẳng phải trong thọ, tưởng, hành, thức có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc thọ, tưởng, hành, thức; chẳng phải trong chân như của sắc có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của sắc; chẳng phải trong chân như của thọ, tưởng, hành, thức có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của thọ, tưởng, hành, thức; chẳng phải trong pháp tánh của sắc có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của sắc; chẳng phải trong pháp tánh của thọ, tưởng, hành, thức có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của thọ, tưởng, hành, thức.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa nhãn xứ có thể đắc Như Lai, chẳng phải

lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của nhãn xứ có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của nhãn xứ có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa nhãn xứ có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa nhãn xứ có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của nhãn xứ có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của nhãn xứ có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong nhãn xứ có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc nhãn xứ; chẳng phải trong nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; chẳng phải trong chân như của nhãn xứ có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của nhãn xứ; chẳng phải trong chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; chẳng phải trong pháp tánh của nhãn xứ có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của nhãn xứ; chẳng phải trong pháp tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; chẳng phải trong nhãn xứ có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc nhãn xứ; chẳng phải trong nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; chẳng phải trong nhãn xứ có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc nhãn xứ; chẳng phải trong nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; chẳng phải trong chân như của nhãn xứ có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của nhãn xứ; chẳng phải trong chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; chẳng phải trong pháp tánh của nhãn xứ có thể đắc pháp tánh của Như

Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của nhãn xứ; chẳng phải trong pháp tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa sắc xứ có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của sắc xứ có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của sắc xứ có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa sắc xứ có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa sắc xứ có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của sắc xứ có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của sắc xứ có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong sắc xứ có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc sắc xứ; chẳng phải trong thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; chẳng phải trong chân như của sắc xứ có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của sắc xứ; chẳng phải trong chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; chẳng phải trong pháp tánh của sắc xứ có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của sắc xứ; chẳng phải trong pháp tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; chẳng phải trong sắc xứ có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc sắc xứ; chẳng phải trong thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; chẳng phải trong sắc xứ có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc sắc xứ; chẳng phải trong thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc thanh, hương, vị, xúc,

pháp xứ; chẳng phải trong chân như của sắc xứ có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của sắc xứ; chẳng phải trong chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; chẳng phải trong pháp tánh của sắc xứ có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của sắc xứ; chẳng phải trong pháp tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa nhãn giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của nhãn giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của nhãn giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa nhãn giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa nhãn giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của nhãn giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của nhãn giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong nhãn giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc nhãn giới; chẳng phải trong sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong chân như của nhãn giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của nhãn giới; chẳng phải trong chân như của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh

ra; chẳng phải trong pháp tánh của nhãn giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của nhãn giới; chẳng phải trong pháp tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong nhãn giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc nhãn giới; chẳng phải trong sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong nhãn giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc nhãn giới; chẳng phải trong sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong chân như của nhãn giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của nhãn giới; chẳng phải trong chân như của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong pháp tánh của nhãn giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của nhãn giới; chẳng phải trong pháp tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 90

PHẨM 27: CẦU BÁT-NHÃ (2)

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa nhĩ giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của nhĩ giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của nhĩ giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa nhĩ giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa nhĩ giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của nhĩ giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của nhĩ giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong nhĩ giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc nhĩ giới; chẳng phải trong thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong chân như của nhĩ giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của nhĩ giới; chẳng phải trong chân như của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong pháp tánh của nhĩ giới có thể đắc Như Lai,

chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của nhĩ giới; chẳng phải trong pháp tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong nhĩ giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc nhĩ giới; chẳng phải trong thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong nhĩ giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc nhĩ giới; chẳng phải trong thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong chân như của nhĩ giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của nhĩ giới; chẳng phải trong chân như của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong pháp tánh của nhĩ giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của nhĩ giới; chẳng phải trong pháp tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa tỷ giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của tỷ giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của tỷ giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa tỷ giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa tỷ giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của tỷ giới có thể đắc

chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của tỷ giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong tỷ giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc tỷ giới; chẳng phải trong hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong chân như của tỷ giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của tỷ giới; chẳng phải trong chân như của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong pháp tánh của tỷ giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của tỷ giới; chẳng phải trong pháp tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong tỷ giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc tỷ giới; chẳng phải trong hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong tỷ giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc tỷ giới; chẳng phải trong hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong chân như của tỷ giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của tỷ giới; chẳng phải trong chân như của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong pháp tánh của tỷ giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của tỷ giới; chẳng phải trong pháp tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có thể đắc pháp tánh của

Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa thiệt giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của thiệt giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của thiệt giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa thiệt giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa thiệt giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của thiệt giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của thiệt giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong thiệt giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc thiệt giới; chẳng phải trong vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong chân như của thiệt giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của thiệt giới; chẳng phải trong chân như của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong pháp tánh của thiệt giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của thiệt giới; chẳng phải trong pháp tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong thiệt giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc thiệt giới; chẳng phải trong vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc vị giới cho đến các

thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong thiệt giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc thiệt giới; chẳng phải trong vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong chân như của thiệt giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của thiệt giới; chẳng phải trong chân như của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong pháp tánh của thiệt giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của thiệt giới; chẳng phải trong pháp tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa thân giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của thân giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của thân giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa thân giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa thân giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của thân giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của thân giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong thân giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc thân giới; chẳng phải trong xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc xúc giới cho đến các

thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong chân như của thân giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của thân giới; chẳng phải trong chân như của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong pháp tánh của thân giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của thân giới; chẳng phải trong pháp tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong thân giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc thân giới; chẳng phải trong xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong thân giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc thân giới; chẳng phải trong xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong chân như của thân giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của thân giới; chẳng phải trong chân như của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong pháp tánh của thân giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của thân giới; chẳng phải trong pháp tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa ý giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của ý giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của ý giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của pháp giới cho đến các thọ

do ý xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa ý giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa ý giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của ý giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của ý giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong ý giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc ý giới; chẳng phải trong pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong chân như của ý giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của ý giới; chẳng phải trong chân như của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong pháp tánh của ý giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của ý giới; chẳng phải trong pháp tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong ý giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc ý giới; chẳng phải trong pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong ý giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc ý giới; chẳng phải trong pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong chân như của ý giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của ý giới; chẳng phải trong chân như của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm

duyên sinh ra có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải trong pháp tánh của ý giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của ý giới; chẳng phải trong pháp tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa địa giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa thủy, hỏa, phong, không, thức giới có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của địa giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của địa giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa địa giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa thủy, hỏa, phong, không, thức giới có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa địa giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa thủy, hỏa, phong, không, thức giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của địa giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của địa giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong địa giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc địa giới; chẳng phải trong thủy, hỏa, phong, không, thức giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc thủy, hỏa, phong, không, thức giới; chẳng phải trong chân như của địa giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của địa giới; chẳng phải trong chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới; chẳng phải trong pháp tánh của địa giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của địa giới; chẳng phải trong pháp tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới; chẳng phải trong địa giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc địa giới; chẳng phải trong thủy, hỏa, phong, không,

thức giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc thủy, hỏa, phong, không, thức giới; chẳng phải trong địa giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc địa giới; chẳng phải trong thủy, hỏa, phong, không, thức giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc thủy, hỏa, phong, không, thức giới; chẳng phải trong chân như của địa giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của địa giới; chẳng phải trong chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới; chẳng phải trong pháp tánh của địa giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của địa giới; chẳng phải trong pháp tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa Thánh đế khổ có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa Thánh đế tập, diệt, đạo có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của Thánh đế khổ có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của Thánh đế khổ có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa Thánh đế khổ có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa Thánh đế tập, diệt, đạo có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa Thánh đế khổ có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa Thánh đế tập, diệt, đạo có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của Thánh đế khổ có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của Thánh đế khổ có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong Thánh đế khổ có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc Thánh đế khổ; chẳng phải trong Thánh đế tập, diệt, đạo có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc Thánh đế tập, diệt, đạo; chẳng phải trong chân như của Thánh đế khổ có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của Thánh đế khổ; chẳng phải trong chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của

Thánh đế tập, diệt, đạo; chẳng phải trong pháp tánh của Thánh đế khổ có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của Thánh đế khổ; chẳng phải trong pháp tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo; chẳng phải trong Thánh đế khổ có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc Thánh đế khổ; chẳng phải trong Thánh đế tập, diệt, đạo có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc Thánh đế tập, diệt, đạo; chẳng phải trong Thánh đế khổ có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc Thánh đế khổ; chẳng phải trong Thánh đế tập, diệt, đạo có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc Thánh đế tập, diệt, đạo; chẳng phải trong chân như của Thánh đế khổ có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của Thánh đế khổ; chẳng phải trong chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo; chẳng phải trong pháp tánh của Thánh đế khổ có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của Thánh đế khổ; chẳng phải trong pháp tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa vô minh có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của vô minh có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của vô minh có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa vô minh có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa vô minh có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của vô minh có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của vô minh có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có thể đắc

pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong vô minh có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc vô minh; chẳng phải trong hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; chẳng phải trong chân như của vô minh có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của vô minh; chẳng phải trong chân như của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; chẳng phải trong pháp tánh của vô minh có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của vô minh; chẳng phải trong pháp tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; chẳng phải trong vô minh có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc vô minh; chẳng phải trong hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; chẳng phải trong vô minh có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc vô minh; chẳng phải trong hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; chẳng phải trong chân như của vô minh có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của vô minh; chẳng phải trong chân như của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; chẳng phải trong pháp tánh của vô minh có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của vô minh; chẳng phải trong pháp tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa pháp không bên trong có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên

giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của pháp không bên trong có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của pháp không bên trong có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp không bên trong có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp không bên trong có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của pháp không bên trong có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của pháp không bên trong có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong pháp không bên trong có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp không bên trong; chẳng phải trong pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; chẳng phải trong chân như của pháp không bên trong có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của pháp không bên trong; chẳng phải trong chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; chẳng phải trong pháp tánh của pháp không bên trong có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể

đắc pháp tánh của pháp không bên trong; chẳng phải trong pháp tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; chẳng phải trong pháp không bên trong có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc pháp không bên trong; chẳng phải trong pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; chẳng phải trong pháp không bên trong có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp không bên trong; chẳng phải trong pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; chẳng phải trong chân như của pháp không bên trong có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của pháp không bên trong; chẳng phải trong chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; chẳng phải trong pháp tánh của pháp không bên trong có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của pháp không bên trong; chẳng phải trong pháp tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa chân như có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của chân như có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của chân như có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có thể đắc chân

như của Như Lai; chẳng phải lìa chân như có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của chân như có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của chân như có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong chân như có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như; chẳng phải trong pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng phải trong chân như của chân như có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của chân như; chẳng phải trong chân như của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng phải trong pháp tánh của chân như có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của chân như; chẳng phải trong pháp tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng phải trong chân như có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như; chẳng phải trong pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng phải trong chân như có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc chân như; chẳng phải trong pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng phải trong chân như của chân như có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của chân như; chẳng phải trong chân như của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng phải trong

pháp tánh của chân như có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của chân như; chẳng phải trong pháp tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa Bố thí ba-la-mật-đa có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của Bố thí ba-la-mật-đa có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của Bố thí ba-la-mật-đa có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa Bố thí ba-la-mật-đa có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa Bố thí ba-la-mật-đa có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của Bố thí ba-la-mật-đa có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của Bố thí ba-la-mật-đa có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong Bố thí ba-la-mật-đa có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc Bố thí ba-la-mật-đa; chẳng phải trong Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng phải trong chân như của Bố thí ba-la-mật-đa có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của Bố thí ba-la-mật-đa; chẳng phải trong chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng phải trong pháp tánh của Bố thí ba-la-mật-đa có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của Bố thí ba-la-mật-đa; chẳng phải trong pháp

tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng phải trong Bố thí ba-la-mật-đa có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc Bố thí ba-la-mật-đa; chẳng phải trong Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng phải trong Bố thí ba-la-mật-đa có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc Bố thí ba-la-mật-đa; chẳng phải trong Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng phải trong chân như của Bố thí ba-la-mật-đa có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của Bố thí ba-la-mật-đa; chẳng phải trong chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng phải trong pháp tánh của Bố thí ba-la-mật-đa có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của Bố thí ba-la-mật-đa; chẳng phải trong pháp tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa bốn Tĩnh lự có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của bốn Tĩnh lự có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của bốn Tĩnh lự có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa bốn Tĩnh lự có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa bốn Tĩnh lự có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của bốn Tĩnh lự có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể đắc chân như của

Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của bốn Tĩnh lự có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong bốn Tĩnh lự có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc bốn Tĩnh lự; chẳng phải trong bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng phải trong chân như của bốn Tĩnh lự có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của bốn Tĩnh lự; chẳng phải trong chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng phải trong pháp tánh của bốn Tĩnh lự có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của bốn Tĩnh lự; chẳng phải trong pháp tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng phải trong bốn Tĩnh lự có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc bốn Tĩnh lự; chẳng phải trong bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng phải trong bốn Tĩnh lự có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc bốn Tĩnh lự; chẳng phải trong bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng phải trong chân như của bốn Tĩnh lự có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của bốn Tĩnh lự; chẳng phải trong chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng phải trong pháp tánh của bốn Tĩnh lự có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của bốn Tĩnh lự; chẳng phải trong pháp tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 91

PHẨM 27: CẦU BÁT-NHÃ (3)

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa tám Giải thoát có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của tám Giải thoát có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của tám Giải thoát có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa tám Giải thoát có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa tám Giải thoát có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của tám Giải thoát có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của tám Giải thoát có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong tám Giải thoát có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc tám Giải thoát; chẳng phải trong tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chẳng phải trong chân như của tám Giải thoát có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của tám Giải thoát; chẳng phải trong chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chẳng phải trong pháp tánh của tám Giải thoát có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như

Lai có thể đắc pháp tánh của tám Giải thoát; chẳng phải trong pháp tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chẳng phải trong tám Giải thoát có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc tám Giải thoát; chẳng phải trong tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chẳng phải trong tám Giải thoát có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc tám Giải thoát; chẳng phải trong tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chẳng phải trong chân như của tám Giải thoát có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của tám Giải thoát; chẳng phải trong chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chẳng phải trong pháp tánh của tám Giải thoát có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của tám Giải thoát; chẳng phải trong pháp tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa bốn Niệm trụ có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của bốn Niệm trụ có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của bốn Niệm trụ có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa bốn Niệm trụ có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa bốn Niệm trụ có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của bốn Niệm trụ có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của bốn Chánh đoạn cho đến

tám chi Thánh đạo có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của bốn Niệm trụ có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong bốn Niệm trụ có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc bốn Niệm trụ; chẳng phải trong bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; chẳng phải trong chân như của bốn Niệm trụ có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của bốn Niệm trụ; chẳng phải trong chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; chẳng phải trong pháp tánh của bốn Niệm trụ có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của bốn Niệm trụ; chẳng phải trong pháp tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; chẳng phải trong bốn Niệm trụ có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc bốn Niệm trụ; chẳng phải trong bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; chẳng phải trong bốn Niệm trụ có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc bốn Niệm trụ; chẳng phải trong bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; chẳng phải trong chân như của bốn Niệm trụ có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của bốn Niệm trụ; chẳng phải trong chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; chẳng phải trong pháp tánh của bốn Niệm trụ có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của bốn Niệm trụ; chẳng phải trong pháp tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám

chi Thánh đạo.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa pháp môn giải thoát Không có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của pháp môn giải thoát Không có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của pháp môn giải thoát Không có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp môn giải thoát Không có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp môn giải thoát Không có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của pháp môn giải thoát Không có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của pháp môn giải thoát Không có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong pháp môn giải thoát Không có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp môn giải thoát Không; chẳng phải trong pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; chẳng phải trong chân như của pháp môn giải thoát Không có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của pháp môn giải thoát Không; chẳng phải trong chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; chẳng phải trong pháp tánh của pháp môn giải thoát Không có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của pháp môn giải thoát Không; chẳng phải trong pháp tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; chẳng phải trong pháp môn giải thoát Không có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc pháp môn giải thoát Không; chẳng phải trong pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong

chân như của Như Lai có thể đắc pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; chẳng phải trong pháp môn giải thoát Không có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp môn giải thoát Không; chẳng phải trong pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; chẳng phải trong chân như của pháp môn giải thoát Không có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của pháp môn giải thoát Không; chẳng phải trong chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; chẳng phải trong pháp tánh của pháp môn giải thoát Không có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của pháp môn giải thoát Không; chẳng phải trong pháp tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa năm loại mắt có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa sáu phép thần thông có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của năm loại mắt có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của sáu phép thần thông có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của năm loại mắt có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của sáu phép thần thông có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa năm loại mắt có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa sáu phép thần thông có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa năm loại mắt có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa sáu phép thần thông có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của năm loại mắt có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của sáu phép thần thông có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của năm loại mắt có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của sáu phép thần thông có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong năm loại mắt có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc năm loại mắt; chẳng phải trong sáu phép thần thông có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc sáu phép thần thông; chẳng phải trong chân như của năm loại mắt có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của năm loại

mắt; chẳng phải trong chân như của sáu phép thần thông có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của sáu phép thần thông; chẳng phải trong pháp tánh của năm loại mắt có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của năm loại mắt; chẳng phải trong pháp tánh của sáu phép thần thông có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của sáu phép thần thông; chẳng phải trong năm loại mắt có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc năm loại mắt; chẳng phải trong sáu phép thần thông có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc sáu phép thần thông; chẳng phải trong năm loại mắt có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc năm loại mắt; chẳng phải trong sáu phép thần thông có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc sáu phép thần thông; chẳng phải trong chân như của năm loại mắt có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của năm loại mắt; chẳng phải trong chân như của sáu phép thần thông có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của sáu phép thần thông; chẳng phải trong pháp tánh của năm loại mắt có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của năm loại mắt; chẳng phải trong pháp tánh của sáu phép thần thông có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của sáu phép thần thông.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa mười lực của Phật có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như nơi mười lực của Phật có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh nơi mười lực của Phật có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa mười lực của Phật có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa mười lực của Phật có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như nơi mười lực của Phật có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân

như của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh nơi mười lực của Phật có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong mười lực của Phật có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc mười lực của Phật; chẳng phải trong bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng phải trong chân như nơi mười lực của Phật có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như nơi mười lực của Phật; chẳng phải trong chân như của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng phải trong pháp tánh nơi mười lực của Phật có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh nơi mười lực của Phật; chẳng phải trong pháp tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng phải trong mười lực của Phật có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc mười lực của Phật; chẳng phải trong bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng phải trong mười lực của Phật có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc mười lực của Phật; chẳng phải trong bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng phải trong chân như nơi mười lực của Phật có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như nơi mười lực của Phật; chẳng phải trong chân như của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng phải trong pháp tánh nơi mười lực của Phật có thể đắc pháp tánh của Như

Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh nơi mười lực của Phật; chẳng phải trong pháp tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa pháp không quên mất có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa tánh luôn luôn xả có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của pháp không quên mất có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của tánh luôn luôn xả có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của pháp không quên mất có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của tánh luôn luôn xả có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp không quên mất có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa tánh luôn luôn xả có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp không quên mất có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa tánh luôn luôn xả có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của pháp không quên mất có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của tánh luôn luôn xả có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của pháp không quên mất có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của tánh luôn luôn xả có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong pháp không quên mất có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp không quên mất; chẳng phải trong tánh luôn luôn xả có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc tánh luôn luôn xả; chẳng phải trong chân như của pháp không quên mất có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của pháp không quên mất; chẳng phải trong chân như của tánh luôn luôn xả có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của tánh luôn luôn xả; chẳng phải trong pháp tánh của pháp không quên mất có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của pháp không quên mất; chẳng phải trong pháp tánh của tánh luôn luôn xả có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của tánh luôn luôn xả; chẳng phải trong pháp không quên mất có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc pháp không quên mất; chẳng phải trong tánh luôn luôn xả có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc tánh luôn luôn xả; chẳng phải trong pháp không quên mất có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như

Lai có thể đắc pháp không quên mất; chẳng phải trong tánh luôn luôn xả có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc tánh luôn luôn xả; chẳng phải trong chân như của pháp không quên mất có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của pháp không quên mất; chẳng phải trong chân như của tánh luôn luôn xả có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của tánh luôn luôn xả; chẳng phải trong pháp tánh của pháp không quên mất có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của pháp không quên mất; chẳng phải trong pháp tánh của tánh luôn luôn xả có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của tánh luôn luôn xả.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa trí Nhất thiết có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của trí Nhất thiết có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của trí Nhất thiết có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa trí Nhất thiết có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa trí Nhất thiết có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của trí Nhất thiết có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của trí Nhất thiết có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong trí Nhất thiết có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc trí Nhất thiết; chẳng phải trong trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng phải trong chân như của trí Nhất thiết có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của trí Nhất thiết; chẳng phải trong chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng phải trong pháp tánh của trí Nhất thiết có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của trí Nhất thiết; chẳng phải trong

pháp tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng phải trong trí Nhất thiết có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc trí Nhất thiết; chẳng phải trong trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng phải trong trí Nhất thiết có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc trí Nhất thiết; chẳng phải trong trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng phải trong chân như của trí Nhất thiết có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của trí Nhất thiết; chẳng phải trong chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng phải trong pháp tánh của trí Nhất thiết có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của trí Nhất thiết; chẳng phải trong pháp tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa tất cả pháp môn Tam-ma-địa có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của tất cả pháp môn Đà-la-ni có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của tất cả pháp môn Tam-ma-địa có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa tất cả pháp môn Tam-ma-địa có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa tất cả pháp môn Tam-ma-địa có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của tất cả pháp môn Đà-la-ni có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của tất cả pháp môn Tam-ma-địa có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong tất cả pháp môn Đà-la-ni có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc tất cả pháp môn Đà-la-ni; chẳng phải trong tất cả pháp môn Tam-ma-địa có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chẳng phải trong chân như của tất cả pháp môn Đà-la-ni có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của tất cả pháp môn Đà-la-ni; chẳng phải trong chân như của tất cả pháp môn Tam-ma-địa có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chẳng phải trong pháp tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni; chẳng phải trong pháp tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chẳng phải trong tất cả pháp môn Đà-la-ni có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc tất cả pháp môn Đà-la-ni; chẳng phải trong tất cả pháp môn Tam-ma-địa có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chẳng phải trong tất cả pháp môn Đà-la-ni có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc tất cả pháp môn Đà-la-ni; chẳng phải trong tất cả pháp môn Tam-ma-địa có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chẳng phải trong chân như của tất cả pháp môn Đà-la-ni có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của tất cả pháp môn Đà-la-ni; chẳng phải trong chân như của tất cả pháp môn Tam-ma-địa có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chẳng phải trong pháp tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni; chẳng phải trong pháp tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa Dự lưu có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của Dự lưu có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của Dự lưu có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của Nhất lai, Bất

hoàn, A-la-hán có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa Dự lưu có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa Dự lưu có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của Dự lưu có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của Dự lưu có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong Dự lưu có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc Dự lưu; chẳng phải trong Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; chẳng phải trong chân như của Dự lưu có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của Dự lưu; chẳng phải trong chân như của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; chẳng phải trong pháp tánh của Dự lưu có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của Dự lưu; chẳng phải trong pháp tánh của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; chẳng phải trong Dự lưu có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc Dự lưu; chẳng phải trong Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; chẳng phải trong Dự lưu có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc Dự lưu; chẳng phải trong Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; chẳng phải trong chân như của Dự lưu có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của Dự lưu; chẳng phải trong chân như của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; chẳng phải trong pháp tánh của Dự lưu có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của Dự lưu; chẳng phải trong pháp tánh của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc

pháp tánh của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa Dự lưu hướng, Dự lưu quả có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của Dự lưu hướng, Dự lưu quả có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa Dự lưu hướng, Dự lưu quả có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa Dự lưu hướng, Dự lưu quả có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của Dự lưu hướng, Dự lưu quả có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong Dự lưu hướng, Dự lưu quả có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc Dự lưu hướng, Dự lưu quả; chẳng phải trong Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả; chẳng phải trong chân như của Dự lưu hướng, Dự lưu quả có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của Dự lưu hướng, Dự lưu quả; chẳng phải trong chân như của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả; chẳng phải trong pháp tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả; chẳng

phải trong pháp tánh của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả; chẳng phải trong Dự lưu hướng, Dự lưu quả có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc Dự lưu hướng, Dự lưu quả; chẳng phải trong Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả; chẳng phải trong Dự lưu hướng, Dự lưu quả có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc Dự lưu hướng, Dự lưu quả; chẳng phải trong Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả; chẳng phải trong chân như của Dự lưu hướng, Dự lưu quả có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của Dự lưu hướng, Dự lưu quả; chẳng phải trong chân như của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả; chẳng phải trong pháp tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả; chẳng phải trong pháp tánh của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa Độc giác có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa Độc giác hướng, Độc giác quả có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của Độc giác có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của Độc giác hướng, Độc giác quả có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của Độc giác có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của Độc giác hướng, Độc giác quả có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa Độc giác có thể

đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa Độc giác hướng, Độc giác quả có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa Độc giác có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa Độc giác hướng, Độc giác quả có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của Độc giác có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của Độc giác hướng, Độc giác quả có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của Độc giác có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của Độc giác hướng, Độc giác quả có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong Độc giác có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc Độc giác; chẳng phải trong Độc giác hướng, Độc giác quả có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc Độc giác hướng, Độc giác quả; chẳng phải trong chân như của Độc giác có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của Độc giác; chẳng phải trong chân như của Độc giác hướng, Độc giác quả có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của Độc giác hướng, Độc giác quả; chẳng phải trong pháp tánh của Độc giác có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của Độc giác; chẳng phải trong pháp tánh của Độc giác hướng, Độc giác quả có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của Độc giác hướng, Độc giác quả; chẳng phải trong Độc giác có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc Độc giác; chẳng phải trong Độc giác hướng, Độc giác quả có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc Độc giác hướng, Độc giác quả; chẳng phải trong Độc giác có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc Độc giác; chẳng phải trong Độc giác hướng, Độc giác quả có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc Độc giác hướng, Độc giác quả; chẳng phải trong chân như của Độc giác có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của Độc giác; chẳng phải trong chân như của Độc giác hướng, Độc giác quả có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của Độc giác hướng, Độc giác quả; chẳng phải trong pháp tánh của Độc giác có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của Độc giác; chẳng phải trong pháp tánh của Độc giác hướng, Độc giác quả có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của Độc giác hướng, Độc

giác quả.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa Đại Bồ-tát có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa Tam-miệu-tam Phật-đà có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của Đại Bồ-tát có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của Tam-miệu-tam Phật-đà có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của Đại Bồ-tát có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của Tam-miệu-tam Phật-đà có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa Đại Bồ-tát có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa Tam-miệu-tam Phật-đà có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa Đại Bồ-tát có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa Tam-miệu-tam Phật-đà có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của Đại Bồ-tát có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của Tam-miệu-tam Phật-đà có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của Đại Bồ-tát có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của Tam-miệu-tam Phật-đà có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong Đại Bồ-tát có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc Đại Bồ-tát; chẳng phải trong Tam-miệu-tam Phật-đà có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc Tam-miệu-tam Phật-đà; chẳng phải trong chân như của Đại Bồ-tát có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của Đại Bồ-tát; chẳng phải trong chân như của Tam-miệu-tam Phật-đà có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của Tam-miệu-tam Phật-đà; chẳng phải trong pháp tánh của Đại Bồ-tát có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của Đại Bồ-tát; chẳng phải trong pháp tánh của Tam-miệu-tam Phật-đà có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của Tam-miệu-tam Phật-đà; chẳng phải trong Đại Bồ-tát có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc Đại Bồ-tát; chẳng phải trong Tam-miệu-tam Phật-đà có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc Tam-miệu-tam Phật-đà; chẳng phải trong Đại Bồ-tát có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc Đại Bồ-tát; chẳng phải trong Tam-miệu-tam Phật-đà có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc Tam-miệu-tam Phật-đà; chẳng phải trong chân như của Đại Bồ-tát có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của Đại Bồ-tát; chẳng phải trong chân như của Tam-miệu-tam Phật-đà có thể đắc chân

như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của Tam-miệu-tam Phật-đà; chẳng phải trong pháp tánh của Đại Bồ-tát có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của Đại Bồ-tát; chẳng phải trong pháp tánh của Tam-miệu-tam Phật-đà có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của Tam-miệu-tam Phật-đà.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa pháp của Đại Bồ-tát có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa quả vị Giác ngộ cao tột có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như nơi pháp của Đại Bồ-tát có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của quả vị Giác ngộ cao tột có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh nơi pháp của Đại Bồ-tát có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của quả vị Giác ngộ cao tột có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp của Đại Bồ-tát có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa quả vị Giác ngộ cao tột có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp của Đại Bồ-tát có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa quả vị Giác ngộ cao tột có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như nơi pháp của Đại Bồ-tát có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của quả vị Giác ngộ cao tột có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh nơi pháp của Đại Bồ-tát có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của quả vị Giác ngộ cao tột có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong pháp của Đại Bồ-tát có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp của Đại Bồ-tát; chẳng phải trong quả vị Giác ngộ cao tột có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc quả vị Giác ngộ cao tột; chẳng phải trong chân như nơi pháp của Đại Bồ-tát có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như nơi pháp của Đại Bồ-tát; chẳng phải trong chân như của quả vị Giác ngộ cao tột có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của quả vị Giác ngộ cao tột; chẳng phải trong pháp tánh nơi pháp của Đại Bồ-tát có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh nơi pháp của Đại Bồ-tát; chẳng phải trong pháp tánh của quả vị Giác ngộ cao tột có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của quả vị Giác ngộ cao tột; chẳng phải trong pháp của Đại Bồ-tát có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc pháp của Đại Bồ-tát; chẳng phải trong quả vị Giác ngộ cao tột có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải

trong chân như của Như Lai có thể đắc quả vị Giác ngộ cao tột; chẳng phải trong pháp của Đại Bồ-tát có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp của Đại Bồ-tát; chẳng phải trong quả vị Giác ngộ cao tột có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc quả vị Giác ngộ cao tột; chẳng phải trong chân như nơi pháp của Đại Bồ-tát có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như nơi pháp của Đại Bồ-tát; chẳng phải trong chân như của quả vị Giác ngộ cao tột có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của quả vị Giác ngộ cao tột; chẳng phải trong pháp tánh nơi pháp của Đại Bồ-tát có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh nơi pháp của Đại Bồ-tát; chẳng phải trong pháp tánh của quả vị Giác ngộ cao tột có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của quả vị Giác ngộ cao tột.

Kiều-thi-ca, chẳng phải lìa Thanh văn thừa có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa Độc giác thừa, Vô thượng thừa có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa chân như của Thanh văn thừa có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như của Độc giác thừa, Vô thượng thừa có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của Thanh văn thừa có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của Độc giác thừa, Vô thượng thừa có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa Thanh văn thừa có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa Độc giác thừa, Vô thượng thừa có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa Thanh văn thừa có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa Độc giác thừa, Vô thượng thừa có thể đắc pháp tánh của Như Lai; chẳng phải lìa chân như của Thanh văn thừa có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải lìa chân như của Độc giác thừa, Vô thượng thừa có thể đắc chân như của Như Lai; chẳng phải lìa pháp tánh của Thanh văn thừa có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải lìa pháp tánh của Độc giác thừa, Vô thượng thừa có thể đắc pháp tánh của Như Lai.

Kiều-thi-ca, chẳng phải trong Thanh văn thừa có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc Thanh văn thừa; chẳng phải trong Độc giác thừa, Vô thượng thừa có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc Độc giác thừa, Vô thượng thừa; chẳng phải trong chân như của Thanh văn thừa có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc chân như của Thanh văn thừa; chẳng phải trong chân như của Độc giác thừa, Vô thượng thừa có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai

có thể đắc chân như của Độc giác thừa, Vô thượng thừa; chẳng phải trong pháp tánh của Thanh văn thừa có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của Thanh văn thừa; chẳng phải trong pháp tánh của Độc giác thừa, Vô thượng thừa có thể đắc Như Lai, chẳng phải trong Như Lai có thể đắc pháp tánh của Độc giác thừa, Vô thượng thừa; chẳng phải trong Thanh văn thừa có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc Thanh văn thừa; chẳng phải trong Độc giác thừa, Vô thượng thừa có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc Độc giác thừa, Vô thượng thừa; chẳng phải trong Thanh văn thừa có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc Thanh văn thừa; chẳng phải trong Độc giác thừa, Vô thượng thừa có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc Độc giác thừa, Vô thượng thừa; chẳng phải trong chân như của Thanh văn thừa có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của Thanh văn thừa; chẳng phải trong chân như của Độc giác thừa, Vô thượng thừa có thể đắc chân như của Như Lai, chẳng phải trong chân như của Như Lai có thể đắc chân như của Độc giác thừa, Vô thượng thừa; chẳng phải trong pháp tánh của Thanh văn thừa có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của Thanh văn thừa; chẳng phải trong pháp tánh của Độc giác thừa, Vô thượng thừa có thể đắc pháp tánh của Như Lai, chẳng phải trong pháp tánh của Như Lai có thể đắc pháp tánh của Độc giác thừa, Vô thượng thừa.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 92

PHẨM 27: CẦU BÁT-NHÃ (4)

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sắc chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của sắc chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của sắc chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sắc chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của sắc chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sắc chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của sắc chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa sắc chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của sắc chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của sắc chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải

chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa sắc chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của sắc chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa sắc chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của sắc chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với nhãn xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của nhãn xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của nhãn xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với nhãn xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của nhãn xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với nhãn xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của nhãn xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa nhãn xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của nhãn xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh

của nhãn xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa nhãn xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của nhãn xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa nhãn xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của nhãn xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sắc xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của sắc xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của sắc xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sắc xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của sắc xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sắc xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của sắc xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa sắc xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối

với sự lìa chân như của sắc xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của sắc xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa sắc xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của sắc xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa sắc xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của sắc xứ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với nhãn giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của nhãn giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của nhãn giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với nhãn giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của nhãn giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với nhãn giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng

tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của nhãn giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa nhãn giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của nhãn giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của nhãn giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa nhãn giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của nhãn giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa nhãn giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của nhãn giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với nhĩ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của nhĩ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của nhĩ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng

phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với nhĩ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của nhĩ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với nhĩ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của nhĩ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa nhĩ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của nhĩ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của nhĩ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa nhĩ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của nhĩ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa nhĩ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của nhĩ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng,

chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với tỷ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của tỷ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của tỷ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với tỷ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của tỷ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với tỷ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của tỷ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa tỷ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của tỷ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của tỷ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa tỷ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng,

chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của tỷ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa tỷ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của tỷ giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với thiệt giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của thiệt giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của thiệt giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với thiệt giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của thiệt giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với thiệt giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của thiệt giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa thiệt giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương

ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của thiệt giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của thiệt giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa thiệt giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của thiệt giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa thiệt giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của thiệt giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với thân giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của thân giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của thân giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với thân giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của thân giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng

tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với thân giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của thân giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa thân giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của thân giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của thân giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa thân giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của thân giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa thân giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của thân giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với ý giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của ý giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng

phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của ý giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với ý giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của ý giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với ý giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của ý giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa ý giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của ý giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của ý giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa ý giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của ý giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa ý giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của ý giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương

ưng; đối với sự lìa pháp tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với địa giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của địa giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của địa giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với địa giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của địa giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với địa giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của địa giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa địa giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của địa giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của địa giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa địa giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của địa giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của thủy, hỏa,

phong, không, thức giới cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa địa giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của địa giới chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với Thánh đế khổ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của Thánh đế khổ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của Thánh đế khổ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với Thánh đế khổ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của Thánh đế khổ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với Thánh đế khổ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của Thánh đế khổ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa Thánh đế khổ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của Thánh đế khổ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của Thánh đế khổ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của

Như Lai đối với sự lìa Thánh đế khổ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của Thánh đế khổ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa Thánh đế khổ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của Thánh đế khổ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với vô minh chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của vô minh chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của vô minh chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với vô minh chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của vô minh chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với vô minh chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của vô minh chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa vô minh chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng phải

tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của vô minh chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của vô minh chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa vô minh chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của vô minh chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa vô minh chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của vô minh chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với pháp không bên trong chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của pháp không bên trong chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của pháp không bên trong chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với pháp không bên trong chẳng phải tương

ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của pháp không bên trong chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp không bên trong chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của pháp không bên trong chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa pháp không bên trong chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của pháp không bên trong chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của pháp không bên trong chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa pháp không bên trong chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của pháp không bên trong chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng phải tương

ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp không bên trong chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của pháp không bên trong chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với chân như chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của chân như chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của chân như chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của chân như chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với chân như chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của chân như chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa chân như chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như

Lai đối với sự lìa chân như của chân như chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của chân như chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của chân như chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa chân như chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của chân như chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải

chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 93

PHẨM 27: CẦU BÁT-NHÃ (5)

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với bốn Tĩnh lự chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của bốn Tĩnh lự chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của bốn Tĩnh lự chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với bốn Tĩnh lự chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của bốn Tĩnh lự chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với bốn Tĩnh lự chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của bốn Tĩnh lự chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa bốn Tĩnh lự chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của bốn Tĩnh lự chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của bốn Tĩnh lự chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa bốn Tĩnh lự chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của bốn Tĩnh lự chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa bốn Tĩnh lự chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của bốn Tĩnh lự chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với tám Giải thoát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của tám Giải thoát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của tám Giải thoát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với tám Giải thoát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của tám Giải thoát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với tám Giải thoát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của tám Giải thoát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười

Biến xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa tám Giải thoát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của tám Giải thoát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của tám Giải thoát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa tám Giải thoát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của tám Giải thoát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa tám Giải thoát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của tám Giải thoát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với bốn Niệm trụ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của bốn Niệm trụ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của bốn Niệm trụ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với bốn Niệm trụ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng phải

tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của bốn Niệm trụ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với bốn Niệm trụ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của bốn Niệm trụ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa bốn Niệm trụ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của bốn Niệm trụ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của bốn Niệm trụ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa bốn Niệm trụ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của bốn Niệm trụ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa bốn Niệm trụ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của bốn Niệm trụ chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với pháp môn giải thoát Không chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp môn giải thoát Vô

tướng, Vô nguyện cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của pháp môn giải thoát Không chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của pháp môn giải thoát Không chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với pháp môn giải thoát Không chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của pháp môn giải thoát Không chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp môn giải thoát Không chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của pháp môn giải thoát Không chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa pháp môn giải thoát Không chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của pháp môn giải thoát Không chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của pháp môn giải thoát Không chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa pháp môn giải thoát Không chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của pháp môn giải thoát Không chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của pháp môn giải thoát Vô

tướng, Vô nguyện cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp môn giải thoát Không chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của pháp môn giải thoát Không chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với năm loại mắt chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sáu phép thần thông cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của năm loại mắt chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của sáu phép thần thông cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của năm loại mắt chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của sáu phép thần thông cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với năm loại mắt chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sáu phép thần thông cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của năm loại mắt chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của sáu phép thần thông cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với năm loại mắt chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sáu phép thần thông cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của năm loại mắt chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của sáu phép thần thông cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa năm loại mắt chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa sáu phép thần thông cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của năm loại mắt chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của sáu phép thần thông cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của năm loại mắt chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của sáu phép thần thông cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với

sự lìa năm loại mắt chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa sáu phép thần thông cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của năm loại mắt chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của sáu phép thần thông cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa năm loại mắt chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa sáu phép thần thông cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của năm loại mắt chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của sáu phép thần thông cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với mười lực của Phật chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như nơi mười lực của Phật chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh nơi mười lực của Phật chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với mười lực của Phật chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như nơi mười lực của Phật chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với mười lực của Phật chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh nơi mười lực của Phật chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa mười lực của Phật chẳng phải

tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như nơi mười lực của Phật chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh nơi mười lực của Phật chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa mười lực của Phật chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như nơi mười lực của Phật chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa mười lực của Phật chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh nơi mười lực của Phật chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với pháp không quên mất chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với tánh luôn luôn xả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của pháp không quên mất chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của tánh luôn luôn xả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của pháp không quên mất chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của tánh luôn luôn xả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với pháp không quên mất chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với tánh luôn luôn xả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của pháp không quên mất chẳng

phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của tánh luôn luôn xả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp không quên mất chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với tánh luôn luôn xả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của pháp không quên mất chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của tánh luôn luôn xả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa pháp không quên mất chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa tánh luôn luôn xả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của pháp không quên mất chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của tánh luôn luôn xả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của pháp không quên mất chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của tánh luôn luôn xả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa pháp không quên mất chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa tánh luôn luôn xả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của pháp không quên mất chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của tánh luôn luôn xả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp không quên mất chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa tánh luôn luôn xả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của pháp không quên mất chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của tánh luôn luôn xả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với trí Nhất thiết chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của trí Nhất thiết chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của trí Nhất thiết chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng

chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với trí Nhất thiết chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của trí Nhất thiết chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với trí Nhất thiết chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của trí Nhất thiết chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa trí Nhất thiết chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của trí Nhất thiết chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của trí Nhất thiết chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa trí Nhất thiết chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của trí Nhất thiết chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa trí Nhất thiết chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của trí Nhất thiết chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với tất cả pháp môn Tam-

ma-địa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa tất cả pháp môn Tam-

ma-địa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với Dự lưu chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của Dự lưu chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của Dự lưu chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với Dự lưu chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của Dự lưu chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với Dự lưu chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của Dự lưu chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa Dự lưu chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của Dự lưu chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của Dự lưu chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa Dự lưu chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân

như của Dự lưu chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa Dự lưu chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của Dự lưu chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với Độc giác chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với Độc giác hướng, Độc giác quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của Độc giác chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của Độc giác hướng, Độc giác quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của Độc giác chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của Độc giác hướng, Độc giác quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng

phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với Độc giác chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với Độc giác hướng, Độc giác quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của Độc giác chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của Độc giác hướng, Độc giác quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với Độc giác chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với Độc giác hướng, Độc giác quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của Độc giác chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của Độc giác hướng, Độc giác quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa Độc giác chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa Độc giác hướng, Độc giác quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của Độc giác chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của Độc giác hướng, Độc giác quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của Độc giác chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của Độc giác hướng, Độc giác quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa Độc giác chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa Độc giác hướng, Độc giác quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của Độc giác chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của Độc giác hướng, Độc giác quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa Độc giác chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa Độc giác hướng, Độc giác quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của Độc giác chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của Độc giác hướng, Độc giác quả cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với Tam-miệu-tam Phật-đà cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối

với chân như của Tam-miệu-tam Phật-đà cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của Tam-miệu-tam Phật-đà cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với Tam-miệu-tam Phật-đà cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của Tam-miệu-tam Phật-đà cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với Tam-miệu-tam Phật-đà cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của Tam-miệu-tam Phật-đà cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa Tam-miệu-tam Phật-đà cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của Tam-miệu-tam Phật-đà cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của Tam-miệu-tam Phật-đà cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa Tam-miệu-tam Phật-đà cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của Tam-miệu-tam Phật-đà cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa Tam-miệu-tam Phật-đà cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của Tam-miệu-tam Phật-đà cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với pháp của Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với quả vị Giác ngộ cao tột cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như nơi pháp của Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của quả vị Giác ngộ cao tột cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh nơi pháp của Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của quả vị Giác ngộ cao tột cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với pháp của Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với quả vị Giác ngộ cao tột cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như nơi pháp của Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của quả vị Giác ngộ cao tột cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp của Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với quả vị Giác ngộ cao tột cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh nơi pháp của Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của quả vị Giác ngộ cao tột cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa pháp của Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa quả vị Giác ngộ cao tột cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như nơi pháp của Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của quả vị Giác ngộ cao tột cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh nơi pháp của Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của quả vị Giác ngộ cao tột cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa pháp của Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa quả vị Giác ngộ cao tột cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như nơi pháp của Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của quả vị Giác ngộ cao tột cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp

của Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa quả vị Giác ngộ cao tột cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh nơi pháp của Đại Bồ-tát chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của quả vị Giác ngộ cao tột cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với Thanh văn thừa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với Độc giác thừa, Vô thượng thừa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với chân như của Thanh văn thừa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của Độc giác thừa, Vô thượng thừa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với pháp tánh của Thanh văn thừa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của Độc giác thừa, Vô thượng thừa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với Thanh văn thừa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với Độc giác thừa, Vô thượng thừa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với chân như của Thanh văn thừa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với chân như của Độc giác thừa, Vô thượng thừa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với Thanh văn thừa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với Độc giác thừa, Vô thượng thừa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với pháp tánh của Thanh văn thừa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với pháp tánh của Độc giác thừa, Vô thượng thừa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, Như Lai đối với sự lìa Thanh văn thừa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa Độc giác thừa, Vô thượng thừa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa chân như của Thanh văn thừa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của Độc giác thừa, Vô thượng thừa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của Thanh văn thừa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của Độc giác thừa, Vô thượng thừa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa Thanh văn

thừa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa Độc giác thừa, Vô thượng thừa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Chân như của Như Lai đối với sự lìa chân như của Thanh văn thừa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa chân như của Độc giác thừa, Vô thượng thừa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa Thanh văn thừa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa Độc giác thừa, Vô thượng thừa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng. Pháp tánh của Như Lai đối với sự lìa pháp tánh của Thanh văn thừa chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; đối với sự lìa pháp tánh của Độc giác thừa, Vô thượng thừa cũng chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Kiều-thi-ca, những điều Tôn giả Xá-lợi Tử đã nói là đối với tất cả pháp chẳng phải lìa, chẳng phải là, chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, đó là thần lực của Như Lai, Như Lai là chỗ nương, vì lấy cái không chỗ nương làm chỗ nương vậy.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 94

PHẨM 27: CẦU BÁT-NHÃ (6)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại bảo Thiên đế Thích:

–Kiều-thi-ca, trước ông đã hỏi về Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành nên cầu ở chỗ nào?

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi sắc, chẳng nên cầu nơi thọ, tưởng, hành, thức; chẳng nên lìa sắc mà cầu, chẳng nên lìa thọ, tưởng, hành, thức mà cầu. Vì sao? Vì hoặc sắc, hoặc thọ, tưởng, hành, thức; hoặc lìa sắc, hoặc lìa thọ, tưởng, hành, thức; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là sắc, chẳng phải là thọ, tưởng, hành, thức; chẳng phải là lìa sắc, chẳng phải là lìa thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là sắc, chẳng phải là thọ, tưởng, hành, thức; chẳng phải là lìa sắc, chẳng phải là lìa thọ, tưởng, hành, thức. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi sắc, chẳng nên cầu nơi thọ, tưởng, hành, thức; chẳng nên lìa sắc mà cầu, chẳng nên lìa thọ, tưởng, hành, thức mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi nhãn xứ, chẳng nên cầu nơi nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; chẳng nên lìa nhãn xứ mà cầu, chẳng nên lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ mà cầu. Vì sao? Vì hoặc nhãn xứ, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; hoặc lìa nhãn xứ, hoặc lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải

chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là nhãn xứ, chẳng phải là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; chẳng phải là lìa nhãn xứ, chẳng phải là lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là nhãn xứ, chẳng phải là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; chẳng phải là lìa nhãn xứ, chẳng phải là lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi nhãn xứ, chẳng nên cầu nơi nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; chẳng nên lìa nhãn xứ mà cầu, chẳng nên lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi sắc xứ, chẳng nên cầu nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; chẳng nên lìa sắc xứ mà cầu, chẳng nên lìa thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ mà cầu. Vì sao? Vì hoặc sắc xứ, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; hoặc lìa sắc xứ, hoặc lìa thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là sắc xứ, chẳng phải là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; chẳng phải là lìa sắc xứ, chẳng phải là lìa thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là sắc xứ, chẳng phải là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; chẳng phải là lìa sắc xứ, chẳng phải là lìa thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi sắc xứ, chẳng nên cầu nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; chẳng nên lìa sắc xứ mà cầu, chẳng nên lìa thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi nhãn giới, chẳng nên cầu nơi sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa nhãn giới mà cầu, chẳng nên lìa sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra mà cầu. Vì sao? Vì hoặc nhãn giới, hoặc sắc giới cho

đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc lìa nhãn giới, hoặc lìa sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là nhãn giới, chẳng phải là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải là lìa nhãn giới, chẳng phải là lìa sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là nhãn giới, chẳng phải là sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải là lìa nhãn giới, chẳng phải là lìa sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi nhãn giới, chẳng nên cầu nơi sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa nhãn giới mà cầu, chẳng nên lìa sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi nhĩ giới, chẳng nên cầu nơi thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa nhĩ giới mà cầu, chẳng nên lìa thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra mà cầu. Vì sao? Vì hoặc nhĩ giới, hoặc thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; hoặc lìa nhĩ giới, hoặc lìa thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là nhĩ giới, chẳng phải là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải là lìa nhĩ giới, chẳng phải là lìa thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là nhĩ giới, chẳng phải là thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra;

chẳng phải là lìa nhĩ giới, chẳng phải là lìa thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi nhĩ giới, chẳng nên cầu nơi thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa nhĩ giới mà cầu, chẳng nên lìa thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi tỷ giới, chẳng nên cầu nơi hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa tỷ giới mà cầu, chẳng nên lìa hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra mà cầu. Vì sao? Vì hoặc tỷ giới, hoặc hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; hoặc lìa tỷ giới, hoặc lìa hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là tỷ giới, chẳng phải là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải là lìa tỷ giới, chẳng phải là lìa hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là tỷ giới, chẳng phải là hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải là lìa tỷ giới, chẳng phải là lìa hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi tỷ giới, chẳng nên cầu nơi hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa tỷ giới mà cầu, chẳng nên lìa hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi thiệt giới, chẳng nên cầu nơi vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa thiệt giới mà cầu, chẳng nên lìa vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra mà cầu. Vì sao? Vì hoặc thiệt giới, hoặc vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; hoặc lìa thiệt giới, hoặc lìa vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng

tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là thiệt giới, chẳng phải là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải là lìa thiệt giới, chẳng phải là lìa vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là thiệt giới, chẳng phải là vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải là lìa thiệt giới, chẳng phải là lìa vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi thiệt giới, chẳng nên cầu nơi vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa thiệt giới mà cầu, chẳng nên lìa vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi thân giới, chẳng nên cầu nơi xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa thân giới mà cầu, chẳng nên lìa xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra mà cầu. Vì sao? Vì hoặc thân giới, hoặc xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; hoặc lìa thân giới, hoặc lìa xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là thân giới, chẳng phải là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải là lìa thân giới, chẳng phải là lìa xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là thân giới, chẳng phải là xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải là lìa thân giới, chẳng phải là lìa xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi thân giới, chẳng nên cầu nơi xúc giới

cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa thân giới mà cầu, chẳng nên lìa xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi ý giới, chẳng nên cầu nơi pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa ý giới mà cầu, chẳng nên lìa pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra mà cầu. Vì sao? Vì hoặc ý giới, hoặc pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; hoặc lìa ý giới, hoặc lìa pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là ý giới, chẳng phải là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải là lìa ý giới, chẳng phải là lìa pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là ý giới, chẳng phải là pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải là lìa ý giới, chẳng phải là lìa pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi ý giới, chẳng nên cầu nơi pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa ý giới mà cầu, chẳng nên lìa pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi địa giới, chẳng nên cầu nơi thủy, hỏa, phong, không, thức giới; chẳng nên lìa địa giới mà cầu, chẳng nên lìa thủy, hỏa, phong, không, thức giới mà cầu. Vì sao? Vì hoặc địa giới, hoặc thủy, hỏa, phong, không, thức giới; hoặc lìa địa giới, hoặc lìa thủy, hỏa, phong, không, thức giới; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là địa giới, chẳng phải là thủy, hỏa, phong, không, thức giới; chẳng phải

là lìa địa giới, chẳng phải là lìa thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là địa giới, chẳng phải là thủy, hỏa, phong, không, thức giới; chẳng phải là lìa địa giới, chẳng phải là lìa thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi địa giới, chẳng nên cầu nơi thủy, hỏa, phong, không, thức giới; chẳng nên lìa địa giới mà cầu, chẳng nên lìa thủy, hỏa, phong, không, thức giới mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi Thánh đế khổ, chẳng nên cầu nơi Thánh đế tập, diệt, đạo; chẳng nên lìa Thánh đế khổ mà cầu, chẳng nên lìa Thánh đế tập, diệt, đạo mà cầu. Vì sao? Vì hoặc Thánh đế khổ, hoặc Thánh đế tập, diệt, đạo; hoặc lìa Thánh đế khổ, hoặc lìa Thánh đế tập, diệt, đạo; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là Thánh đế khổ, chẳng phải là Thánh đế tập, diệt, đạo; chẳng phải là lìa Thánh đế khổ, chẳng phải là lìa Thánh đế tập, diệt, đạo. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là Thánh đế khổ, chẳng phải là Thánh đế tập, diệt, đạo; chẳng phải là lìa Thánh đế khổ, chẳng phải là lìa Thánh đế tập, diệt, đạo. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi Thánh đế khổ, chẳng nên cầu nơi Thánh đế tập, diệt, đạo; chẳng nên lìa Thánh đế khổ mà cầu, chẳng nên lìa Thánh đế tập, diệt, đạo mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi vô minh, chẳng nên cầu nơi hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não; chẳng nên lìa vô minh mà cầu, chẳng nên lìa hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não mà cầu. Vì sao? Vì hoặc vô minh, hoặc hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; hoặc lìa vô minh, hoặc lìa hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối,

chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là vô minh, chẳng phải là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não; chẳng phải là lìa vô minh, chẳng phải là lìa hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là vô minh, chẳng phải là hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; chẳng phải là lìa vô minh, chẳng phải là lìa hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi vô minh, chẳng nên cầu nơi hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; chẳng nên lìa vô minh mà cầu, chẳng nên lìa hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp không bên trong, chẳng nên cầu nơi pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; chẳng nên lìa pháp không bên trong mà cầu, chẳng nên lìa pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp không bên trong, hoặc pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; hoặc lìa pháp không bên trong, hoặc lìa pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là pháp không bên trong, chẳng phải là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể

nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; chẳng phải là lìa pháp không bên trong, chẳng phải là lìa pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là pháp không bên trong, chẳng phải là pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; chẳng phải là lìa pháp không bên trong, chẳng phải là lìa pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp không bên trong, chẳng nên cầu nơi pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; chẳng nên lìa pháp không bên trong mà cầu, chẳng nên lìa pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như, chẳng nên cầu nơi pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng nên lìa chân như mà cầu, chẳng nên lìa pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như, hoặc pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc lìa chân như, hoặc lìa pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là chân như, chẳng phải là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng phải là lìa chân như, chẳng phải là lìa pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là chân như, chẳng phải là pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng phải là lìa chân như, chẳng phải là lìa pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như, chẳng nên cầu nơi pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng nên lìa chân như mà cầu, chẳng nên

lìa pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên cầu nơi Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng nên lìa Bố thí ba-la-mật-đa mà cầu, chẳng nên lìa Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà cầu. Vì sao? Vì hoặc Bố thí ba-la-mật-đa, hoặc Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc lìa Bố thí ba-la-mật-đa, hoặc lìa Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng phải là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng phải là lìa Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng phải là lìa Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng phải là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng phải là lìa Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng phải là lìa Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên cầu nơi Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng nên lìa Bố thí ba-la-mật-đa mà cầu, chẳng nên lìa Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi bốn Tĩnh lự, chẳng nên cầu nơi bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng nên lìa bốn Tĩnh lự mà cầu, chẳng nên lìa bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc mà cầu. Vì sao? Vì hoặc bốn Tĩnh lự, hoặc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc lìa bốn Tĩnh lự, hoặc lìa bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là bốn Tĩnh lự, chẳng phải là bốn Vô lượng, bốn Định

vô sắc; chẳng phải là lìa bốn Tĩnh lự, chẳng phải là lìa bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là bốn Tĩnh lự, chẳng phải là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng phải là lìa bốn Tĩnh lự, chẳng phải là lìa bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi bốn Tĩnh lự, chẳng nên cầu nơi bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng nên lìa bốn Tĩnh lự mà cầu, chẳng nên lìa bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi tám Giải thoát, chẳng nên cầu nơi tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chẳng nên lìa tám Giải thoát mà cầu, chẳng nên lìa tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ mà cầu. Vì sao? Vì hoặc tám Giải thoát, hoặc tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; hoặc lìa tám Giải thoát, hoặc lìa tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là tám Giải thoát, chẳng phải là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chẳng phải là lìa tám Giải thoát, chẳng phải là lìa tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là tám Giải thoát, chẳng phải là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chẳng phải là lìa tám Giải thoát, chẳng phải là lìa tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi tám Giải thoát, chẳng nên cầu nơi tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chẳng nên lìa tám Giải thoát mà cầu, chẳng nên lìa tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi bốn Niệm trụ, chẳng nên cầu nơi bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; chẳng nên lìa bốn Niệm trụ mà cầu, chẳng nên lìa bốn Chánh đoạn cho đến tám chi

Thánh đạo mà cầu. Vì sao? Vì hoặc bốn Niệm trụ, hoặc bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc lìa bốn Niệm trụ, hoặc lìa bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là bốn Niệm trụ, chẳng phải là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; chẳng phải là lìa bốn Niệm trụ, chẳng phải là lìa bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là bốn Niệm trụ, chẳng phải là bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; chẳng phải là lìa bốn Niệm trụ, chẳng phải là lìa bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi bốn Niệm trụ, chẳng nên cầu nơi bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; chẳng nên lìa bốn Niệm trụ mà cầu, chẳng nên lìa bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp môn giải thoát Không, chẳng nên cầu nơi pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; chẳng nên lìa pháp môn giải thoát Không mà cầu, chẳng nên lìa pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp môn giải thoát Không, hoặc pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; hoặc lìa pháp môn giải thoát Không, hoặc lìa pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là pháp môn giải thoát Không, chẳng phải là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; chẳng phải là lìa pháp môn giải thoát Không, chẳng phải là lìa pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là pháp môn giải thoát Không, chẳng phải là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện;

chẳng phải là lìa pháp môn giải thoát Không, chẳng phải là lìa pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp môn giải thoát Không, chẳng nên cầu nơi pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; chẳng nên lìa pháp môn giải thoát Không mà cầu, chẳng nên lìa pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi năm loại mắt, chẳng nên cầu nơi sáu phép thần thông; chẳng nên lìa năm loại mắt mà cầu, chẳng nên lìa sáu phép thần thông mà cầu. Vì sao? Vì hoặc năm loại mắt, hoặc sáu phép thần thông; hoặc lìa năm loại mắt, hoặc lìa sáu phép thần thông; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là năm loại mắt, chẳng phải là sáu phép thần thông; chẳng phải là lìa năm loại mắt, chẳng phải là lìa sáu phép thần thông. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là năm loại mắt, chẳng phải là sáu phép thần thông; chẳng phải là lìa năm loại mắt, chẳng phải là lìa sáu phép thần thông. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi năm loại mắt, chẳng nên cầu nơi sáu phép thần thông; chẳng nên lìa năm loại mắt mà cầu, chẳng nên lìa sáu phép thần thông mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi mười lực của Phật, chẳng nên cầu nơi bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng nên lìa mười lực của Phật mà cầu, chẳng nên lìa bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng mà cầu. Vì sao? Vì hoặc mười lực của Phật, hoặc bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc lìa mười lực của Phật, hoặc lìa bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca,

vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là mười lực của Phật, chẳng phải là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng phải là lìa mười lực của Phật, chẳng phải là lìa bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là mười lực của Phật, chẳng phải là bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng phải là lìa mười lực của Phật, chẳng phải là lìa bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi mười lực của Phật, chẳng nên cầu nơi bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng nên lìa mười lực của Phật mà cầu, chẳng nên lìa bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp không quên mất, chẳng nên cầu nơi tánh luôn luôn xả; chẳng nên lìa pháp không quên mất mà cầu, chẳng nên lìa tánh luôn luôn xả mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp không quên mất, hoặc tánh luôn luôn xả; hoặc lìa pháp không quên mất, hoặc lìa tánh luôn luôn xả; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là pháp không quên mất, chẳng phải là tánh luôn luôn xả; chẳng phải là lìa pháp không quên mất, chẳng phải là lìa tánh luôn luôn xả. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là pháp không quên mất, chẳng phải là tánh luôn luôn xả; chẳng phải là lìa pháp không quên mất, chẳng phải là lìa tánh luôn luôn xả. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp không quên mất, chẳng nên cầu nơi tánh luôn luôn xả; chẳng nên lìa pháp không quên mất mà cầu, chẳng nên lìa tánh luôn luôn xả mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi trí Nhất thiết, chẳng nên cầu nơi trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng nên lìa trí Nhất thiết mà cầu, chẳng nên lìa trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng mà cầu. Vì sao? Vì hoặc trí Nhất thiết, hoặc trí Đạo

tướng, trí Nhất thiết tướng; hoặc lìa trí Nhất thiết, hoặc lìa trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là trí Nhất thiết, chẳng phải là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng phải là lìa trí Nhất thiết, chẳng phải là lìa trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là trí Nhất thiết, chẳng phải là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng phải là lìa trí Nhất thiết, chẳng phải là lìa trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi trí Nhất thiết, chẳng nên cầu nơi trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng nên lìa trí Nhất thiết mà cầu, chẳng nên lìa trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng mà cầu.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 95

PHẨM 27: CẦU BÁT-NHÃ (7)

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng nên cầu nơi tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chẳng nên lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni mà cầu, chẳng nên lìa tất cả pháp môn Tam-ma-địa mà cầu. Vì sao? Vì hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni, hoặc tất cả pháp môn Tam-ma-địa; hoặc lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni, hoặc lìa tất cả pháp môn Tam-ma-địa; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng phải là tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chẳng phải là lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng phải là lìa tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng phải là tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chẳng phải là lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng phải là lìa tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng nên cầu nơi tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chẳng nên lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni mà cầu, chẳng nên lìa tất cả pháp môn Tam-ma-địa mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi Dự lưu, chẳng nên cầu nơi Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; chẳng nên lìa Dự lưu mà cầu, chẳng nên lìa Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán mà cầu. Vì sao? Vì hoặc Dự lưu, hoặc Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; hoặc lìa Dự lưu, hoặc lìa Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-

nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là Dự lưu, chẳng phải là Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; chẳng phải là lìa Dự lưu, chẳng phải là lìa Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là Dự lưu, chẳng phải là Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; chẳng phải là lìa Dự lưu, chẳng phải là lìa Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi Dự lưu, chẳng nên cầu nơi Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; chẳng nên lìa Dự lưu mà cầu, chẳng nên lìa Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi Dự lưu hướng, Dự lưu quả, chẳng nên cầu nơi Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả; chẳng nên lìa Dự lưu hướng, Dự lưu quả mà cầu, chẳng nên lìa Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả mà cầu. Vì sao? Vì hoặc Dự lưu hướng, Dự lưu quả, hoặc Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả; hoặc lìa Dự lưu hướng, Dự lưu quả, hoặc lìa Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là Dự lưu hướng, Dự lưu quả, chẳng phải là Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả; chẳng phải là lìa Dự lưu hướng, Dự lưu quả, chẳng phải là lìa Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là Dự lưu hướng, Dự lưu quả, chẳng phải là Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả; chẳng phải là lìa Dự lưu

hướng, Dự lưu quả, chẳng phải là lìa Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi Dự lưu hướng, Dự lưu quả, chẳng nên cầu nơi Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả; chẳng nên lìa Dự lưu hướng, Dự lưu quả mà cầu, chẳng nên lìa Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi Độc giác, chẳng nên cầu nơi Độc giác hướng, Độc giác quả; chẳng nên lìa Độc giác mà cầu, chẳng nên lìa Độc giác hướng, Độc giác quả mà cầu. Vì sao? Vì hoặc Độc giác, hoặc Độc giác hướng, Độc giác quả; hoặc lìa Độc giác, hoặc lìa Độc giác hướng, Độc giác quả; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là Độc giác, chẳng phải là Độc giác hướng, Độc giác quả; chẳng phải là lìa Độc giác, chẳng phải là lìa Độc giác hướng, Độc giác quả. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là Độc giác, chẳng phải là Độc giác hướng, Độc giác quả; chẳng phải là lìa Độc giác, chẳng phải là lìa Độc giác hướng, Độc giác quả. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi Độc giác, chẳng nên cầu nơi Độc giác hướng, Độc giác quả; chẳng nên lìa Độc giác mà cầu, chẳng nên lìa Độc giác hướng, Độc giác quả mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi Đại Bồ-tát, chẳng nên cầu nơi Tam-miệu-tam Phật-đà; chẳng nên lìa Đại Bồ-tát mà cầu, chẳng nên lìa Tam-miệu-tam Phật-đà mà cầu. Vì sao? Vì hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Tam-miệu-tam Phật-đà; hoặc lìa Đại Bồ-tát, hoặc lìa Tam-miệu-tam Phật-đà; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca,

vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là Đại Bồ-tát, chẳng phải là Tam-miệu-tam Phật-đà; chẳng phải là lìa Đại Bồ-tát, chẳng phải là lìa Tam-miệu-tam Phật-đà. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là Đại Bồ-tát, chẳng phải là Tam-miệu-tam Phật-đà; chẳng phải là lìa Đại Bồ-tát, chẳng phải là lìa Tam-miệu-tam Phật-đà. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi Đại Bồ-tát, chẳng nên cầu nơi Tam-miệu-tam Phật-đà; chẳng nên lìa Đại Bồ-tát mà cầu, chẳng nên lìa Tam-miệu-tam Phật-đà mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp của Đại Bồ-tát, chẳng nên cầu nơi quả vị Giác ngộ cao tột; chẳng nên lìa pháp của Đại Bồ-tát mà cầu, chẳng nên lìa quả vị Giác ngộ cao tột mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp của Đại Bồ-tát, hoặc quả vị Giác ngộ cao tột; hoặc lìa pháp của Đại Bồ-tát, hoặc lìa quả vị Giác ngộ cao tột; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là pháp của Đại Bồ-tát, chẳng phải là quả vị Giác ngộ cao tột; chẳng phải là lìa pháp của Đại Bồ-tát, chẳng phải là lìa quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là pháp của Đại Bồ-tát, chẳng phải là quả vị Giác ngộ cao tột; chẳng phải là lìa pháp của Đại Bồ-tát, chẳng phải là lìa quả vị Giác ngộ cao tột. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp của Đại Bồ-tát, chẳng nên cầu nơi quả vị Giác ngộ cao tột; chẳng nên lìa pháp của Đại Bồ-tát mà cầu, chẳng nên lìa quả vị Giác ngộ cao tột mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi Thanh văn thừa, chẳng nên cầu nơi Độc giác thừa, Vô thượng thừa; chẳng nên lìa Thanh văn thừa mà cầu, chẳng nên lìa Độc giác thừa, Vô thượng thừa mà cầu. Vì sao? Vì hoặc Thanh văn thừa, hoặc Độc giác thừa, Vô thượng thừa; hoặc lìa Thanh văn thừa, hoặc lìa Độc giác thừa, Vô thượng thừa; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng,

chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là Thanh văn thừa, chẳng phải là Độc giác thừa, Vô thượng thừa; chẳng phải là lìa Thanh văn thừa, chẳng phải là lìa Độc giác thừa, Vô thượng thừa. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải là Thanh văn thừa, chẳng phải là Độc giác thừa, Vô thượng thừa; chẳng phải là lìa Thanh văn thừa, chẳng phải là lìa Độc giác thừa, Vô thượng thừa. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi Thanh văn thừa, chẳng nên cầu nơi Độc giác thừa, Vô thượng thừa; chẳng nên lìa Thanh văn thừa mà cầu, chẳng nên lìa Độc giác thừa, Vô thượng thừa mà cầu.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của sắc, chẳng nên cầu nơi chân như của thọ, tưởng, hành, thức; chẳng nên lìa chân như của sắc mà cầu, chẳng nên lìa chân như của thọ, tưởng, hành, thức mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của sắc, hoặc chân như của thọ, tưởng, hành, thức; hoặc lìa chân như của sắc, hoặc lìa chân như của thọ, tưởng, hành, thức; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của sắc, chẳng phải chân như của thọ, tưởng, hành, thức; chẳng phải lìa chân như của sắc, chẳng phải lìa chân như của thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của sắc, chẳng phải chân như của thọ, tưởng, hành, thức; chẳng phải lìa chân như của sắc, chẳng phải lìa chân như của thọ, tưởng, hành, thức. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của sắc, chẳng nên cầu nơi chân như của thọ, tưởng, hành, thức; chẳng nên lìa chân như của sắc mà cầu, chẳng nên lìa chân như của thọ, tưởng, hành, thức mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của nhãn xứ, chẳng nên cầu nơi chân như của nhĩ, tỷ,

thiệt, thân, ý xứ; chẳng nên lìa chân như của nhãn xứ mà cầu, chẳng nên lìa chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của nhãn xứ, hoặc chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; hoặc lìa chân như của nhãn xứ, hoặc lìa chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của nhãn xứ, chẳng phải chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; chẳng phải lìa chân như của nhãn xứ, chẳng phải lìa chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của nhãn xứ, chẳng phải chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; chẳng phải lìa chân như của nhãn xứ, chẳng phải lìa chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của nhãn xứ, chẳng nên cầu nơi chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; chẳng nên lìa chân như của nhãn xứ mà cầu, chẳng nên lìa chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của sắc xứ, chẳng nên cầu nơi chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; chẳng nên lìa chân như của sắc xứ mà cầu, chẳng nên lìa chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của sắc xứ, hoặc chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; hoặc lìa chân như của sắc xứ, hoặc lìa chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của sắc xứ, chẳng phải chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; chẳng phải lìa chân như của sắc xứ, chẳng phải lìa chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của sắc xứ, chẳng phải chân như của thanh, hương,

vị, xúc, pháp xứ; chẳng phải lìa chân như của sắc xứ, chẳng phải lìa chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của sắc xứ, chẳng nên cầu nơi chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; chẳng nên lìa chân như của sắc xứ mà cầu, chẳng nên lìa chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của nhãn giới, chẳng nên cầu nơi chân như của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa chân như của nhãn giới mà cầu, chẳng nên lìa chân như của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của nhãn giới, hoặc chân như của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc lìa chân như của nhãn giới, hoặc lìa chân như của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của nhãn giới, chẳng phải chân như của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải lìa chân như của nhãn giới, chẳng phải lìa chân như của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của nhãn giới, chẳng phải chân như của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải lìa chân như của nhãn giới, chẳng phải lìa chân như của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của nhãn giới, chẳng nên cầu nơi chân như của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa chân như của nhãn giới mà cầu, chẳng nên lìa chân như của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của nhĩ giới, chẳng nên cầu nơi chân như của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa chân như của nhĩ giới mà cầu, chẳng nên lìa chân như của

thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của nhĩ giới, hoặc chân như của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; hoặc lìa chân như của nhĩ giới, hoặc lìa chân như của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của nhĩ giới, chẳng phải chân như của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải lìa chân như của nhĩ giới, chẳng phải lìa chân như của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của nhĩ giới, chẳng phải chân như của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải lìa chân như của nhĩ giới, chẳng phải lìa chân như của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của nhĩ giới, chẳng nên cầu nơi chân như của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa chân như của nhĩ giới mà cầu, chẳng nên lìa chân như của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của tỷ giới, chẳng nên cầu nơi chân như của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa chân như của tỷ giới mà cầu, chẳng nên lìa chân như của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của tỷ giới, hoặc chân như của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; hoặc lìa chân như của tỷ giới, hoặc lìa chân như của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của tỷ giới, chẳng phải chân như của hương giới, tỷ thức giới và tỷ

xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải lìa chân như của tỷ giới, chẳng phải lìa chân như của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của tỷ giới, chẳng phải chân như của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải lìa chân như của tỷ giới, chẳng phải lìa chân như của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của tỷ giới, chẳng nên cầu nơi chân như của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa chân như của tỷ giới mà cầu, chẳng nên lìa chân như của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của thiệt giới, chẳng nên cầu nơi chân như của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa chân như của thiệt giới mà cầu, chẳng nên lìa chân như của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của thiệt giới, hoặc chân như của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; hoặc lìa chân như của thiệt giới, hoặc lìa chân như của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của thiệt giới, chẳng phải chân như của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải lìa chân như của thiệt giới, chẳng phải lìa chân như của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của thiệt giới, chẳng phải chân như của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải lìa chân như của thiệt giới, chẳng phải lìa chân như của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của thiệt giới, chẳng nên cầu nơi chân như

của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa chân như của thiệt giới mà cầu, chẳng nên lìa chân như của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của thân giới, chẳng nên cầu nơi chân như của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa chân như của thân giới mà cầu, chẳng nên lìa chân như của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của thân giới, hoặc chân như của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; hoặc lìa chân như của thân giới, hoặc lìa chân như của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của thân giới, chẳng phải chân như của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải lìa chân như của thân giới, chẳng phải lìa chân như của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của thân giới, chẳng phải chân như của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải lìa chân như của thân giới, chẳng phải lìa chân như của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của thân giới, chẳng nên cầu nơi chân như của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa chân như của thân giới mà cầu, chẳng nên lìa chân như của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của ý giới, chẳng nên cầu nơi chân như của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa chân như của ý giới mà cầu, chẳng nên lìa chân như của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của ý giới, hoặc chân như của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; hoặc lìa chân như của ý giới, hoặc lìa chân như của

pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của ý giới, chẳng phải chân như của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải lìa chân như của ý giới, chẳng phải lìa chân như của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của ý giới, chẳng phải chân như của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải lìa chân như của ý giới, chẳng phải lìa chân như của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của ý giới, chẳng nên cầu nơi chân như của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa chân như của ý giới mà cầu, chẳng nên lìa chân như của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của địa giới, chẳng nên cầu nơi chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới; chẳng nên lìa chân như của địa giới mà cầu, chẳng nên lìa chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của địa giới, hoặc chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới; hoặc lìa chân như của địa giới, hoặc lìa chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của địa giới, chẳng phải chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới; chẳng phải lìa chân như của địa giới, chẳng phải lìa chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của địa giới, chẳng phải chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới; chẳng phải lìa chân

như của địa giới, chẳng phải lìa chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của địa giới, chẳng nên cầu nơi chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới; chẳng nên lìa chân như của địa giới mà cầu, chẳng nên lìa chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của Thánh đế khổ, chẳng nên cầu nơi chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo; chẳng nên lìa chân như của Thánh đế khổ mà cầu, chẳng nên lìa chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của Thánh đế khổ, hoặc chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo; hoặc lìa chân như của Thánh đế khổ, hoặc lìa chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của Thánh đế khổ, chẳng phải chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo; chẳng phải lìa chân như của Thánh đế khổ, chẳng phải lìa chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của Thánh đế khổ, chẳng phải chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo; chẳng phải lìa chân như của Thánh đế khổ, chẳng phải lìa chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của Thánh đế khổ, chẳng nên cầu nơi chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo; chẳng nên lìa chân như của Thánh đế khổ mà cầu, chẳng nên lìa chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của vô minh, chẳng nên cầu nơi chân như của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não; chẳng nên lìa chân như của vô minh mà cầu, chẳng nên lìa chân như của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của vô minh, hoặc chân như của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; hoặc lìa chân như của vô minh, hoặc lìa chân như của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa;

hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của vô minh, chẳng phải chân như của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não; chẳng phải lìa chân như của vô minh, chẳng phải lìa chân như của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của vô minh, chẳng phải chân như của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; chẳng phải lìa chân như của vô minh, chẳng phải lìa chân như của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của vô minh, chẳng nên cầu nơi chân như của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; chẳng nên lìa chân như của vô minh mà cầu, chẳng nên lìa chân như của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của pháp không bên trong, chẳng nên cầu nơi chân như của pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; chẳng nên lìa chân như của pháp không bên trong mà cầu, chẳng nên lìa chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của pháp không bên trong, hoặc chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; hoặc lìa chân như của pháp không bên trong, hoặc lìa chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của pháp không bên

trong, chẳng phải chân như của pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; chẳng phải lìa chân như của pháp không bên trong, chẳng phải lìa chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của pháp không bên trong, chẳng phải chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; chẳng phải lìa chân như của pháp không bên trong, chẳng phải lìa chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của pháp không bên trong, chẳng nên cầu nơi chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; chẳng nên lìa chân như của pháp không bên trong mà cầu, chẳng nên lìa chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của chân như, chẳng nên cầu nơi chân như của pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng nên lìa chân như của chân như mà cầu, chẳng nên lìa chân như của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của chân như, hoặc chân như của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc lìa chân như của chân như, hoặc lìa chân như của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của chân như, chẳng phải chân như của pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly

sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng phải lìa chân như của chân như, chẳng phải lìa chân như của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của chân như, chẳng phải chân như của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng phải lìa chân như của chân như, chẳng phải lìa chân như của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của chân như, chẳng nên cầu nơi chân như của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng nên lìa chân như của chân như mà cầu, chẳng nên lìa chân như của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn mà cầu.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 96

PHẨM 27: CẦU BÁT-NHÃ (8)

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên cầu nơi chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng nên lìa chân như của Bố thí ba-la-mật-đa mà cầu, chẳng nên lìa chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của Bố thí ba-la-mật-đa, hoặc chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc lìa chân như của Bố thí ba-la-mật-đa, hoặc lìa chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng phải chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng phải lìa chân như của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng phải lìa chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng phải chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng phải lìa chân như của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng phải lìa chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên cầu nơi chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng nên lìa chân như của Bố thí ba-la-mật-đa mà cầu,

chẳng nên lìa chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của bốn Tĩnh lự, chẳng nên cầu nơi chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng nên lìa chân như của bốn Tĩnh lự mà cầu, chẳng nên lìa chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của bốn Tĩnh lự, hoặc chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc lìa chân như của bốn Tĩnh lự, hoặc lìa chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của bốn Tĩnh lự, chẳng phải chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng phải lìa chân như của bốn Tĩnh lự, chẳng phải lìa chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của bốn Tĩnh lự, chẳng phải chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng phải lìa chân như của bốn Tĩnh lự, chẳng phải lìa chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của bốn Tĩnh lự, chẳng nên cầu nơi chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng nên lìa chân như của bốn Tĩnh lự mà cầu, chẳng nên lìa chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của tám Giải thoát, chẳng nên cầu nơi chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chẳng nên lìa chân như của tám Giải thoát mà cầu, chẳng nên lìa chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của tám Giải thoát, hoặc chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; hoặc lìa chân như của tám Giải thoát, hoặc lìa chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều

cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của tám Giải thoát, chẳng phải chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chẳng phải lìa chân như của tám Giải thoát, chẳng phải lìa chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của tám Giải thoát, chẳng phải chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chẳng phải lìa chân như của tám Giải thoát, chẳng phải lìa chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của tám Giải thoát, chẳng nên cầu nơi chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chẳng nên lìa chân như của tám Giải thoát mà cầu, chẳng nên lìa chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của bốn Niệm trụ, chẳng nên cầu nơi chân như của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; chẳng nên lìa chân như của bốn Niệm trụ mà cầu, chẳng nên lìa chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của bốn Niệm trụ, hoặc chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc lìa chân như của bốn Niệm trụ, hoặc lìa chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của bốn Niệm trụ, chẳng phải chân như của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; chẳng phải lìa chân như của bốn Niệm trụ, chẳng phải lìa chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của bốn Niệm trụ, chẳng phải chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; chẳng phải lìa chân như của bốn Niệm trụ, chẳng phải lìa chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh

đạo. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của bốn Niệm trụ, chẳng nên cầu nơi chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; chẳng nên lìa chân như của bốn Niệm trụ mà cầu, chẳng nên lìa chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của pháp môn giải thoát Không, chẳng nên cầu nơi chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; chẳng nên lìa chân như của pháp môn giải thoát Không mà cầu, chẳng nên lìa chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của pháp môn giải thoát Không, hoặc chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; hoặc lìa chân như của pháp môn giải thoát Không, hoặc lìa chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của pháp môn giải thoát Không, chẳng phải chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; chẳng phải lìa chân như của pháp môn giải thoát Không, chẳng phải lìa chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của pháp môn giải thoát Không, chẳng phải chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; chẳng phải lìa chân như của pháp môn giải thoát Không, chẳng phải lìa chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của pháp môn giải thoát Không, chẳng nên cầu nơi chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; chẳng nên lìa chân như của pháp môn giải thoát Không mà cầu, chẳng nên lìa chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của năm loại mắt, chẳng nên cầu nơi chân như của sáu phép thần thông; chẳng nên lìa chân như của năm loại mắt mà cầu, chẳng nên lìa chân như của sáu phép thần thông mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của năm loại mắt, hoặc chân như của sáu phép thần thông; hoặc lìa

chân như của năm loại mắt, hoặc lìa chân như của sáu phép thần thông; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của năm loại mắt, chẳng phải chân như của sáu phép thần thông; chẳng phải lìa chân như của năm loại mắt, chẳng phải lìa chân như của sáu phép thần thông. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của năm loại mắt, chẳng phải chân như của sáu phép thần thông; chẳng phải lìa chân như của năm loại mắt, chẳng phải lìa chân như của sáu phép thần thông. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của năm loại mắt, chẳng nên cầu nơi chân như của sáu phép thần thông; chẳng nên lìa chân như của năm loại mắt mà cầu, chẳng nên lìa chân như của sáu phép thần thông mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như nơi mười lực của Phật, chẳng nên cầu nơi chân như của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng nên lìa chân như nơi mười lực của Phật mà cầu, chẳng nên lìa chân như của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như nơi mười lực của Phật, hoặc chân như của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc lìa chân như nơi mười lực của Phật, hoặc lìa chân như của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như nơi mười lực của Phật, chẳng phải chân như của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng phải lìa chân như nơi mười lực của Phật, chẳng phải lìa chân như của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu,

chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như nơi mười lực của Phật, chẳng phải chân như của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng phải lìa chân như nơi mười lực của Phật, chẳng phải lìa chân như của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như nơi mười lực của Phật, chẳng nên cầu nơi chân như của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng nên lìa chân như nơi mười lực của Phật mà cầu, chẳng nên lìa chân như của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của pháp không quên mất, chẳng nên cầu nơi chân như của tánh luôn luôn xả; chẳng nên lìa chân như của pháp không quên mất mà cầu, chẳng nên lìa chân như của tánh luôn luôn xả mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của pháp không quên mất, hoặc chân như của tánh luôn luôn xả; hoặc lìa chân như của pháp không quên mất, hoặc lìa chân như của tánh luôn luôn xả; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của pháp không quên mất, chẳng phải chân như của tánh luôn luôn xả; chẳng phải lìa chân như của pháp không quên mất, chẳng phải lìa chân như của tánh luôn luôn xả. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của pháp không quên mất, chẳng phải chân như của tánh luôn luôn xả; chẳng phải lìa chân như của pháp không quên mất, chẳng phải lìa chân như của tánh luôn luôn xả. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của pháp không quên mất, chẳng nên cầu nơi chân như của tánh luôn luôn xả; chẳng nên lìa chân như của pháp không quên mất mà cầu, chẳng nên lìa chân như của tánh luôn luôn xả mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của trí Nhất thiết, chẳng nên cầu nơi chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng nên lìa chân như của trí Nhất thiết mà cầu, chẳng nên lìa chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết

tướng mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của trí Nhất thiết, hoặc chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; hoặc lìa chân như của trí Nhất thiết, hoặc lìa chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của trí Nhất thiết, chẳng phải chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng phải lìa chân như của trí Nhất thiết, chẳng phải lìa chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của trí Nhất thiết, chẳng phải chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng phải lìa chân như của trí Nhất thiết, chẳng phải lìa chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của trí Nhất thiết, chẳng nên cầu nơi chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng nên lìa chân như của trí Nhất thiết mà cầu, chẳng nên lìa chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng nên cầu nơi chân như của tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chẳng nên lìa chân như của tất cả pháp môn Đà-la-ni mà cầu, chẳng nên lìa chân như của tất cả pháp môn Tam-ma-địa mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của tất cả pháp môn Đà-la-ni, hoặc chân như của tất cả pháp môn Tam-ma-địa; hoặc lìa chân như của tất cả pháp môn Đà-la-ni, hoặc lìa chân như của tất cả pháp môn Tam-ma-địa; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng phải chân như của tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chẳng phải lìa chân như của tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng phải lìa chân như của tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm

bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng phải chân như của tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chẳng phải lìa chân như của tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng phải lìa chân như của tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng nên cầu nơi chân như của tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chẳng nên lìa chân như của tất cả pháp môn Đà-la-ni mà cầu, chẳng nên lìa chân như của tất cả pháp môn Tam-ma-địa mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của Dự lưu, chẳng nên cầu nơi chân như của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; chẳng nên lìa chân như của Dự lưu mà cầu, chẳng nên lìa chân như của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của Dự lưu, hoặc chân như của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; hoặc lìa chân như của Dự lưu, hoặc lìa chân như của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của Dự lưu, chẳng phải chân như của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; chẳng phải lìa chân như của Dự lưu, chẳng phải lìa chân như của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của Dự lưu, chẳng phải chân như của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; chẳng phải lìa chân như của Dự lưu, chẳng phải lìa chân như của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của Dự lưu, chẳng nên cầu nơi chân như của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; chẳng nên lìa chân như của Dự lưu mà cầu, chẳng nên lìa chân như của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của Dự lưu hướng, Dự lưu quả, chẳng nên cầu nơi chân như của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả; chẳng nên lìa chân như của Dự lưu hướng, Dự lưu quả mà cầu, chẳng nên lìa chân như của Nhất lai hướng cho đến

A-la-hán quả mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của Dự lưu hướng, Dự lưu quả, hoặc chân như của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả; hoặc lìa chân như của Dự lưu hướng, Dự lưu quả, hoặc lìa chân như của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của Dự lưu hướng, Dự lưu quả, chẳng phải chân như của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả; chẳng phải lìa chân như của Dự lưu hướng, Dự lưu quả, chẳng phải lìa chân như của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của Dự lưu hướng, Dự lưu quả, chẳng phải chân như của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả; chẳng phải lìa chân như của Dự lưu hướng, Dự lưu quả, chẳng phải lìa chân như của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của Dự lưu hướng, Dự lưu quả, chẳng nên cầu nơi chân như của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả; chẳng nên lìa chân như của Dự lưu hướng, Dự lưu quả mà cầu, chẳng nên lìa chân như của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của Độc giác, chẳng nên cầu nơi chân như của Độc giác hướng, Độc giác quả; chẳng nên lìa chân như của Độc giác mà cầu, chẳng nên lìa chân như của Độc giác hướng, Độc giác quả mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của Độc giác, hoặc chân như của Độc giác hướng, Độc giác quả; hoặc lìa chân như của Độc giác, hoặc lìa chân như của Độc giác hướng, Độc giác quả; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của Độc giác, chẳng phải chân như của Độc giác hướng, Độc giác quả; chẳng phải lìa chân như của Độc giác, chẳng phải lìa chân như của Độc giác hướng, Độc giác quả. Vì sao? Vì tất cả

thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của Độc giác, chẳng phải chân như của Độc giác hướng, Độc giác quả; chẳng phải lìa chân như của Độc giác, chẳng phải lìa chân như của Độc giác hướng, Độc giác quả. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của Độc giác, chẳng nên cầu nơi chân như của Độc giác hướng, Độc giác quả; chẳng nên lìa chân như của Độc giác mà cầu, chẳng nên lìa chân như của Độc giác hướng, Độc giác quả mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của Đại Bồ-tát, chẳng nên cầu nơi chân như của Tam-miệu-tam Phật-đà; chẳng nên lìa chân như của Đại Bồ-tát mà cầu, chẳng nên lìa chân như của Tam-miệu-tam Phật-đà mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của Đại Bồ-tát, hoặc chân như của Tam-miệu-tam Phật-đà; hoặc lìa chân như của Đại Bồ-tát, hoặc lìa chân như của Tam-miệu-tam Phật-đà; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của Đại Bồ-tát, chẳng phải chân như của Tam-miệu-tam Phật-đà; chẳng phải lìa chân như của Đại Bồ-tát, chẳng phải lìa chân như của Tam-miệu-tam Phật-đà. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của Đại Bồ-tát, chẳng phải chân như của Tam-miệu-tam Phật-đà; chẳng phải lìa chân như của Đại Bồ-tát, chẳng phải lìa chân như của Tam-miệu-tam Phật-đà. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của Đại Bồ-tát, chẳng nên cầu nơi chân như của Tam-miệu-tam Phật-đà; chẳng nên lìa chân như của Đại Bồ-tát mà cầu, chẳng nên lìa chân như của Tam-miệu-tam Phật-đà mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của pháp Đại Bồ-tát, chẳng nên cầu nơi chân như của quả vị Giác ngộ cao tột; chẳng nên lìa chân như của pháp Đại Bồ-tát mà cầu, chẳng nên lìa chân như của quả vị Giác ngộ cao tột mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của pháp Đại Bồ-tát, hoặc chân như của quả vị Giác

ngộ cao tột; hoặc lìa chân như của pháp Đại Bồ-tát, hoặc lìa chân như của quả vị Giác ngộ cao tột; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của pháp Đại Bồ-tát, chẳng phải chân như của quả vị Giác ngộ cao tột; chẳng phải lìa chân như của pháp Đại Bồ-tát, chẳng phải lìa chân như của quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của pháp Đại Bồ-tát, chẳng phải chân như của quả vị Giác ngộ cao tột; chẳng phải lìa chân như của pháp Đại Bồ-tát, chẳng phải lìa chân như của quả vị Giác ngộ cao tột. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của pháp Đại Bồ-tát, chẳng nên cầu nơi chân như của quả vị Giác ngộ cao tột; chẳng nên lìa chân như của pháp Đại Bồ-tát mà cầu, chẳng nên lìa chân như của quả vị Giác ngộ cao tột mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của Thanh văn thừa, chẳng nên cầu nơi chân như của Độc giác thừa, Vô thượng thừa; chẳng nên lìa chân như của Thanh văn thừa mà cầu, chẳng nên lìa chân như của Độc giác thừa, Vô thượng thừa mà cầu. Vì sao? Vì hoặc chân như của Thanh văn thừa, hoặc chân như của Độc giác thừa, Vô thượng thừa; hoặc lìa chân như của Thanh văn thừa, hoặc lìa chân như của Độc giác thừa, Vô thượng thừa; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của Thanh văn thừa, chẳng phải chân như của Độc giác thừa, Vô thượng thừa; chẳng phải lìa chân như của Thanh văn thừa, chẳng phải lìa chân như của Độc giác thừa, Vô thượng thừa. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải chân như của Thanh văn thừa, chẳng phải chân như của Độc giác thừa, Vô thượng thừa; chẳng phải lìa chân như của Thanh văn thừa,

chẳng phải lìa chân như của Độc giác thừa, Vô thượng thừa. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi chân như của Thanh văn thừa, chẳng nên cầu nơi chân như của Độc giác thừa, Vô thượng thừa; chẳng nên lìa chân như của Thanh văn thừa mà cầu, chẳng nên lìa chân như của Độc giác thừa, Vô thượng thừa mà cầu.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của sắc, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của thọ, tưởng, hành, thức; chẳng nên lìa pháp tánh của sắc mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của thọ, tưởng, hành, thức mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của sắc, hoặc pháp tánh của thọ, tưởng, hành, thức; hoặc lìa pháp tánh của sắc, hoặc lìa pháp tánh của thọ, tưởng, hành, thức; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của sắc, chẳng phải pháp tánh của thọ, tưởng, hành, thức; chẳng phải lìa pháp tánh của sắc, chẳng phải lìa pháp tánh của thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của sắc, chẳng phải pháp tánh của thọ, tưởng, hành, thức; chẳng phải lìa pháp tánh của sắc, chẳng phải lìa pháp tánh của thọ, tưởng, hành, thức. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của sắc, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của thọ, tưởng, hành, thức; chẳng nên lìa pháp tánh của sắc mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của thọ, tưởng, hành, thức mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của nhãn xứ, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; chẳng nên lìa pháp tánh của nhãn xứ mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của nhãn xứ, hoặc pháp tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; hoặc lìa pháp tánh của nhãn xứ, hoặc lìa pháp tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao?

Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của nhãn xứ, chẳng phải pháp tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; chẳng phải lìa pháp tánh của nhãn xứ, chẳng phải lìa pháp tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của nhãn xứ, chẳng phải pháp tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; chẳng phải lìa pháp tánh của nhãn xứ, chẳng phải lìa pháp tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của nhãn xứ, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; chẳng nên lìa pháp tánh của nhãn xứ mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của sắc xứ, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; chẳng nên lìa pháp tánh của sắc xứ mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của sắc xứ, hoặc pháp tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; hoặc lìa pháp tánh của sắc xứ, hoặc lìa pháp tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của sắc xứ, chẳng phải pháp tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; chẳng phải lìa pháp tánh của sắc xứ, chẳng phải lìa pháp tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của sắc xứ, chẳng phải pháp tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; chẳng phải lìa pháp tánh của sắc xứ, chẳng phải lìa pháp tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của sắc xứ, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; chẳng nên lìa pháp tánh của sắc xứ mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của nhãn giới, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của

sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa pháp tánh của nhãn giới mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của nhãn giới, hoặc pháp tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc lìa pháp tánh của nhãn giới, hoặc lìa pháp tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của nhãn giới, chẳng phải pháp tánh của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải lìa pháp tánh của nhãn giới, chẳng phải lìa pháp tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của nhãn giới, chẳng phải pháp tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải lìa pháp tánh của nhãn giới, chẳng phải lìa pháp tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của nhãn giới, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa pháp tánh của nhãn giới mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của nhĩ giới, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa pháp tánh của nhĩ giới mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của nhĩ giới, hoặc pháp tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; hoặc lìa pháp tánh của nhĩ giới, hoặc lìa pháp tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến,

chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của nhĩ giới, chẳng phải pháp tánh của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải lìa pháp tánh của nhĩ giới, chẳng phải lìa pháp tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của nhĩ giới, chẳng phải pháp tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải lìa pháp tánh của nhĩ giới, chẳng phải lìa pháp tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của nhĩ giới, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa pháp tánh của nhĩ giới mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra mà cầu.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 97

PHẨM 27: CẦU BÁT-NHÃ (9)

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của tỷ giới, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa pháp tánh của tỷ giới mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của tỷ giới, hoặc pháp tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; hoặc lìa pháp tánh của tỷ giới, hoặc lìa pháp tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của tỷ giới, chẳng phải pháp tánh của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải lìa pháp tánh của tỷ giới, chẳng phải lìa pháp tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của tỷ giới, chẳng phải pháp tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải lìa pháp tánh của tỷ giới, chẳng phải lìa pháp tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của tỷ giới, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa pháp tánh của tỷ giới mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của thiệt giới, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa pháp tánh của thiệt giới mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của thiệt giới, hoặc pháp tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; hoặc lìa pháp tánh của thiệt giới, hoặc lìa pháp tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của thiệt giới, chẳng phải pháp tánh của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải lìa pháp tánh của thiệt giới, chẳng phải lìa pháp tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của thiệt giới, chẳng phải pháp tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải lìa pháp tánh của thiệt giới, chẳng phải lìa pháp tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của thiệt giới, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa pháp tánh của thiệt giới mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của thân giới, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa pháp tánh của thân giới mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của thân giới, hoặc pháp tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; hoặc lìa pháp tánh của thân giới, hoặc lìa pháp tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng

tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của thân giới, chẳng phải pháp tánh của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải lìa pháp tánh của thân giới, chẳng phải lìa pháp tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của thân giới, chẳng phải pháp tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải lìa pháp tánh của thân giới, chẳng phải lìa pháp tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của thân giới, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa pháp tánh của thân giới mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của ý giới, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa pháp tánh của ý giới mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của ý giới, hoặc pháp tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; hoặc lìa pháp tánh của ý giới, hoặc lìa pháp tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của ý giới, chẳng phải pháp tánh của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải lìa pháp tánh của ý giới, chẳng phải lìa pháp tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của ý giới, chẳng phải

pháp tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; chẳng phải lìa pháp tánh của ý giới, chẳng phải lìa pháp tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của ý giới, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên lìa pháp tánh của ý giới mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của địa giới, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới; chẳng nên lìa pháp tánh của địa giới mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của địa giới, hoặc pháp tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới; hoặc lìa pháp tánh của địa giới, hoặc lìa pháp tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của địa giới, chẳng phải pháp tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới; chẳng phải lìa pháp tánh của địa giới, chẳng phải lìa pháp tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của địa giới, chẳng phải pháp tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới; chẳng phải lìa pháp tánh của địa giới, chẳng phải lìa pháp tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của địa giới, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới; chẳng nên lìa pháp tánh của địa giới mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Thánh đế khổ, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo; chẳng nên lìa pháp tánh của Thánh đế khổ mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của Thánh đế khổ, hoặc pháp tánh của Thánh đế tập,

diệt, đạo; hoặc lìa pháp tánh của Thánh đế khổ, hoặc lìa pháp tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của Thánh đế khổ, chẳng phải pháp tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo; chẳng phải lìa pháp tánh của Thánh đế khổ, chẳng phải lìa pháp tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của Thánh đế khổ, chẳng phải pháp tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo; chẳng phải lìa pháp tánh của Thánh đế khổ, chẳng phải lìa pháp tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Thánh đế khổ, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo; chẳng nên lìa pháp tánh của Thánh đế khổ mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của vô minh, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não; chẳng nên lìa pháp tánh của vô minh mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của vô minh, hoặc pháp tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; hoặc lìa pháp tánh của vô minh, hoặc lìa pháp tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của vô minh, chẳng phải pháp tánh của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não; chẳng phải lìa pháp tánh của vô minh, chẳng phải lìa pháp tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của vô minh, chẳng phải pháp

tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; chẳng phải lìa pháp tánh của vô minh, chẳng phải lìa pháp tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của vô minh, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; chẳng nên lìa pháp tánh của vô minh mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của pháp không bên trong, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; chẳng nên lìa pháp tánh của pháp không bên trong mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của pháp không bên trong, hoặc pháp tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; hoặc lìa pháp tánh của pháp không bên trong, hoặc lìa pháp tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của pháp không bên trong, chẳng phải pháp tánh của pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; chẳng phải lìa pháp tánh của pháp không bên trong, chẳng phải lìa pháp tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được

nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của pháp không bên trong, chẳng phải pháp tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; chẳng phải lìa pháp tánh của pháp không bên trong, chẳng phải lìa pháp tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của pháp không bên trong, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; chẳng nên lìa pháp tánh của pháp không bên trong mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của chân như, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng nên lìa pháp tánh của chân như mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của chân như, hoặc pháp tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc lìa pháp tánh của chân như, hoặc lìa pháp tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của chân như, chẳng phải pháp tánh của pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng phải lìa pháp tánh của chân như, chẳng phải lìa pháp tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của chân như, chẳng phải pháp tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng phải lìa pháp tánh của chân như, chẳng phải lìa pháp tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của chân như, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng nên lìa

pháp tánh của chân như mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng nên lìa pháp tánh của Bố thí ba-la-mật-đa mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của Bố thí ba-la-mật-đa, hoặc pháp tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc lìa pháp tánh của Bố thí ba-la-mật-đa, hoặc lìa pháp tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là vô tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng phải pháp tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng phải lìa pháp tánh của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng phải lìa pháp tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng phải pháp tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng phải lìa pháp tánh của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng phải lìa pháp tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng nên lìa pháp tánh của Bố thí ba-la-mật-đa mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của bốn Tĩnh lự, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng nên lìa pháp tánh của bốn Tĩnh lự mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của bốn Tĩnh lự, hoặc pháp tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc lìa pháp tánh của bốn Tĩnh lự, hoặc lìa pháp

tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là không tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của bốn Tĩnh lự, chẳng phải pháp tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng phải lìa pháp tánh của bốn Tĩnh lự, chẳng phải lìa pháp tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của bốn Tĩnh lự, chẳng phải pháp tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng phải lìa pháp tánh của bốn Tĩnh lự, chẳng phải lìa pháp tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của bốn Tĩnh lự, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng nên lìa pháp tánh của bốn Tĩnh lự mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của tám Giải thoát, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chẳng nên lìa pháp tánh của tám Giải thoát mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của tám Giải thoát, hoặc pháp tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; hoặc lìa pháp tánh của tám Giải thoát, hoặc lìa pháp tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là không tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của tám Giải thoát, chẳng phải pháp tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chẳng phải lìa pháp tánh của tám Giải thoát, chẳng phải lìa pháp tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của tám Giải thoát, chẳng

phải pháp tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chẳng phải lìa pháp tánh của tám Giải thoát, chẳng phải lìa pháp tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của tám Giải thoát, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chẳng nên lìa pháp tánh của tám Giải thoát mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của bốn Niệm trụ, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; chẳng nên lìa pháp tánh của bốn Niệm trụ mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của bốn Niệm trụ, hoặc pháp tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc lìa pháp tánh của bốn Niệm trụ, hoặc lìa pháp tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là không tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của bốn Niệm trụ, chẳng phải pháp tánh của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; chẳng phải lìa pháp tánh của bốn Niệm trụ, chẳng phải lìa pháp tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của bốn Niệm trụ, chẳng phải pháp tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; chẳng phải lìa pháp tánh của bốn Niệm trụ, chẳng phải lìa pháp tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của bốn Niệm trụ, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; chẳng nên lìa pháp tánh của bốn Niệm trụ mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của pháp môn giải thoát Không, chẳng nên cầu nơi

pháp tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; chẳng nên lìa pháp tánh của pháp môn giải thoát Không mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của pháp môn giải thoát Không, hoặc pháp tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; hoặc lìa pháp tánh của pháp môn giải thoát Không, hoặc lìa pháp tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là không tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của pháp môn giải thoát Không, chẳng phải pháp tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; chẳng phải lìa pháp tánh của pháp môn giải thoát Không, chẳng phải lìa pháp tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của pháp môn giải thoát Không, chẳng phải pháp tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; chẳng phải lìa pháp tánh của pháp môn giải thoát Không, chẳng phải lìa pháp tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của pháp môn giải thoát Không, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; chẳng nên lìa pháp tánh của pháp môn giải thoát Không mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của năm loại mắt, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của sáu phép thần thông; chẳng nên lìa pháp tánh của năm loại mắt mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của sáu phép thần thông mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của năm loại mắt, hoặc pháp tánh của sáu phép thần thông; hoặc lìa pháp tánh của năm loại mắt, hoặc lìa pháp tánh của sáu phép thần thông; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là không tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng

phải pháp tánh của năm loại mắt, chẳng phải pháp tánh của sáu phép thần thông; chẳng phải lìa pháp tánh của năm loại mắt, chẳng phải lìa pháp tánh của sáu phép thần thông. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của năm loại mắt, chẳng phải pháp tánh của sáu phép thần thông; chẳng phải lìa pháp tánh của năm loại mắt, chẳng phải lìa pháp tánh của sáu phép thần thông. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của năm loại mắt, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của sáu phép thần thông; chẳng nên lìa pháp tánh của năm loại mắt mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của sáu phép thần thông mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh nơi mười lực của Phật, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng nên lìa pháp tánh nơi mười lực của Phật mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh nơi mười lực của Phật, hoặc pháp tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc lìa pháp tánh nơi mười lực của Phật, hoặc lìa pháp tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là không tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh nơi mười lực của Phật, chẳng phải pháp tánh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng phải lìa pháp tánh nơi mười lực của Phật, chẳng phải lìa pháp tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh nơi mười lực của Phật, chẳng phải pháp tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng phải lìa pháp tánh nơi mười lực của Phật, chẳng phải lìa pháp tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh nơi mười lực của

Phật, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng nên lìa pháp tánh nơi mười lực của Phật mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của pháp không quên mất, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của tánh luôn luôn xả; chẳng nên lìa pháp tánh của pháp không quên mất mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của tánh luôn luôn xả mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của pháp không quên mất, hoặc pháp tánh của tánh luôn luôn xả; hoặc lìa pháp tánh của pháp không quên mất, hoặc lìa pháp tánh của tánh luôn luôn xả; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là không tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của pháp không quên mất, chẳng phải pháp tánh của tánh luôn luôn xả; chẳng phải lìa pháp tánh của pháp không quên mất, chẳng phải lìa pháp tánh của tánh luôn luôn xả. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của pháp không quên mất, chẳng phải pháp tánh của tánh luôn luôn xả; chẳng phải lìa pháp tánh của pháp không quên mất, chẳng phải lìa pháp tánh của tánh luôn luôn xả. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của pháp không quên mất, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của tánh luôn luôn xả; chẳng nên lìa pháp tánh của pháp không quên mất mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của tánh luôn luôn xả mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của trí Nhất thiết, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng nên lìa pháp tánh của trí Nhất thiết mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của trí Nhất thiết, hoặc pháp tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; hoặc lìa pháp tánh của trí Nhất thiết, hoặc lìa pháp tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối,

chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là không tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của trí Nhất thiết, chẳng phải pháp tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng phải lìa pháp tánh của trí Nhất thiết, chẳng phải lìa pháp tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của trí Nhất thiết, chẳng phải pháp tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng phải lìa pháp tánh của trí Nhất thiết, chẳng phải lìa pháp tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của trí Nhất thiết, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng nên lìa pháp tánh của trí Nhất thiết mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chẳng nên lìa pháp tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, hoặc pháp tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa; hoặc lìa pháp tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, hoặc lìa pháp tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là không tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng phải pháp tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chẳng phải lìa pháp tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng phải lìa pháp tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng phải pháp tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chẳng phải lìa pháp tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng phải lìa pháp tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa;

chẳng nên lìa pháp tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Dự lưu, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; chẳng nên lìa pháp tánh của Dự lưu mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của Dự lưu, hoặc pháp tánh của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; hoặc lìa pháp tánh của Dự lưu, hoặc lìa pháp tánh của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là không tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của Dự lưu, chẳng phải pháp tánh của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; chẳng phải lìa pháp tánh của Dự lưu, chẳng phải lìa pháp tánh của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của Dự lưu, chẳng phải pháp tánh của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; chẳng phải lìa pháp tánh của Dự lưu, chẳng phải lìa pháp tánh của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Dự lưu, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; chẳng nên lìa pháp tánh của Dự lưu mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả; chẳng nên lìa pháp tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả, hoặc pháp tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả; hoặc lìa pháp tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả, hoặc lìa pháp tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều

cùng một tướng, gọi là không tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả, chẳng phải pháp tánh của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả; chẳng phải lìa pháp tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả, chẳng phải lìa pháp tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả, chẳng phải pháp tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả; chẳng phải lìa pháp tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả, chẳng phải lìa pháp tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả; chẳng nên lìa pháp tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả mà cầu.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 98

PHẨM 27: CẦU BÁT-NHÃ (10)

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Độc giác, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Độc giác hướng, Độc giác quả; chẳng nên lìa pháp tánh của Độc giác mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của Độc giác hướng, Độc giác quả mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của Độc giác, hoặc pháp tánh của Độc giác hướng, Độc giác quả; hoặc lìa pháp tánh của Độc giác, hoặc lìa pháp tánh của Độc giác hướng, Độc giác quả; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là không tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của Độc giác, chẳng phải pháp tánh của Độc giác hướng, Độc giác quả; chẳng phải lìa pháp tánh của Độc giác, chẳng phải lìa pháp tánh của Độc giác hướng, Độc giác quả. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của Độc giác, chẳng phải pháp tánh của Độc giác hướng, Độc giác quả; chẳng phải lìa pháp tánh của Độc giác, chẳng phải lìa pháp tánh của Độc giác hướng, Độc giác quả. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Độc giác, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Độc giác hướng, Độc giác quả; chẳng nên lìa pháp tánh của Độc giác mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của Độc giác hướng, Độc giác quả mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Đại Bồ-tát, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Tam-miệu-tam Phật-đà; chẳng nên lìa pháp tánh của Đại Bồ-tát mà cầu,

chẳng nên lìa pháp tánh của Tam-miệu-tam Phật-đà mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của Đại Bồ-tát, hoặc pháp tánh của Tam-miệu-tam Phật-đà; hoặc lìa pháp tánh của Đại Bồ-tát, hoặc lìa pháp tánh của Tam-miệu-tam Phật-đà; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là không tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của Đại Bồ-tát, chẳng phải pháp tánh của Tam-miệu-tam Phật-đà; chẳng phải lìa pháp tánh của Đại Bồ-tát, chẳng phải lìa pháp tánh của Tam-miệu-tam Phật-đà. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của Đại Bồ-tát, chẳng phải pháp tánh của Tam-miệu-tam Phật-đà; chẳng phải lìa pháp tánh của Đại Bồ-tát, chẳng phải lìa pháp tánh của Tam-miệu-tam Phật-đà. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Đại Bồ-tát, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Tam-miệu-tam Phật-đà; chẳng nên lìa pháp tánh của Đại Bồ-tát mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của Tam-miệu-tam Phật-đà mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của pháp Đại Bồ-tát, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của quả vị Giác ngộ cao tột; chẳng nên lìa pháp tánh của pháp Đại Bồ-tát mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của quả vị Giác ngộ cao tột mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của pháp Đại Bồ-tát, hoặc pháp tánh của quả vị Giác ngộ cao tột; hoặc lìa pháp tánh của pháp Đại Bồ-tát, hoặc lìa pháp tánh của quả vị Giác ngộ cao tột; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là không tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của pháp Đại Bồ-tát, chẳng phải pháp tánh của quả vị Giác ngộ cao tột; chẳng phải lìa pháp tánh của pháp Đại Bồ-tát, chẳng phải lìa pháp tánh của quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của pháp Đại Bồ-tát, chẳng phải

pháp tánh của quả vị Giác ngộ cao tột; chẳng phải lìa pháp tánh của pháp Đại Bồ-tát, chẳng phải lìa pháp tánh của quả vị Giác ngộ cao tột. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của pháp Đại Bồ-tát, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của quả vị Giác ngộ cao tột; chẳng nên lìa pháp tánh của pháp Đại Bồ-tát mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của quả vị Giác ngộ cao tột mà cầu.

Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Thanh văn thừa, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Độc giác thừa, Vô thượng thừa; chẳng nên lìa pháp tánh của Thanh văn thừa mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của Độc giác thừa, Vô thượng thừa mà cầu. Vì sao? Vì hoặc pháp tánh của Thanh văn thừa, hoặc pháp tánh của Độc giác thừa, Vô thượng thừa; hoặc lìa pháp tánh của Thanh văn thừa, hoặc lìa pháp tánh của Độc giác thừa, Vô thượng thừa; hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc cầu tất cả thứ ấy đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng một tướng, gọi là không tướng. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của Thanh văn thừa, chẳng phải pháp tánh của Độc giác thừa, Vô thượng thừa; chẳng phải lìa pháp tánh của Thanh văn thừa, chẳng phải lìa pháp tánh của Độc giác thừa, Vô thượng thừa. Vì sao? Vì tất cả thứ ấy đều không có tánh sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng phải pháp tánh của Thanh văn thừa, chẳng phải pháp tánh của Độc giác thừa, Vô thượng thừa; chẳng phải lìa pháp tánh của Thanh văn thừa, chẳng phải lìa pháp tánh của Độc giác thừa, Vô thượng thừa. Vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Thanh văn thừa, chẳng nên cầu nơi pháp tánh của Độc giác thừa, Vô thượng thừa; chẳng nên lìa pháp tánh của Thanh văn thừa mà cầu, chẳng nên lìa pháp tánh của Độc giác thừa, Vô thượng thừa mà cầu.

-oOo-

PHẨM 28: TÁN THÁN CÁC ĐỨC (1)

Khi ấy Thiên đế Thích thưa với Thiện Hiện:

–Bạch Đại đức, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành là Bát-nhã ba-la-mật-đa lớn, là Ba-la-mật-đa vô lượng, là Ba-la-mật-đa vô biên, các bậc Dự lưu học pháp này mà đắc quả Dự lưu; các bậc Nhất lai học

pháp này mà đắc quả Nhất lai; các bậc Bất hoàn học pháp này mà đắc quả Bất hoàn; các bậc A-la-hán học pháp này mà đắc quả A-la-hán; các bậc Độc giác học pháp này mà đắc quả vị Độc giác; các Đại Bồ-tát học pháp này nên có khả năng đem lại sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Thiện Hiện bảo:

–Đúng vậy, đúng vậy, như ông đã nói! Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành là Bát-nhã ba-la-mật-đa lớn, là Ba-la-mật-đa vô lượng, là Ba-la-mật-đa vô biên. Kiều-thi-ca, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, các bậc Dự lưu học pháp này mà đắc quả Dự lưu; các bậc Nhất lai học pháp này mà đắc quả Nhất lai; các bậc Bất hoàn học pháp này mà đắc quả Bất hoàn; các bậc A-la-hán học pháp này mà đắc quả A-la-hán; các bậc Độc giác học pháp này mà đắc quả vị Độc giác; các Đại Bồ-tát học pháp này nên có khả năng đem lại sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Kiều-thi-ca, vì sắc lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì thọ, tưởng, hành, thức là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì sắc uẩn... khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì nhãn xứ là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì nhãn xứ... khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì sắc xứ là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì sắc xứ... khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì nhãn giới là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì nhãn giới... khoảng trước,

giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì nhĩ giới là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì nhĩ giới... khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì tỷ giới là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì tỷ giới... khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì thiệt giới là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì thiệt giới... khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì thân giới là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì thân giới... khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì ý giới là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì ý giới... khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì địa giới là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì địa giới… khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói

là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì Thánh đế khổ là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì Thánh đế tập, diệt, đạo là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì Thánh đế khổ… khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì vô minh là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì vô minh... khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì pháp không bên trong là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì pháp không bên trong... khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì chân như là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì chân như... khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì Bố thí ba-la-mật-đa là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh

lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa... khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì bốn Tĩnh lự là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự... khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì tám Giải thoát là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì tám Giải thoát... khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì bốn Niệm trụ là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ... khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì pháp môn giải thoát Không là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không... khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì năm loại mắt là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sáu phép thần thông là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì năm loại mắt… khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì mười lực của Phật là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa

mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì mười lực của Phật... khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì pháp không quên mất là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì tánh luôn luôn xả là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì pháp không quên mất... khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì trí Nhất thiết là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì trí Nhất thiết… khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì tất cả pháp môn Đà-la-ni là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni… khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì Dự lưu là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì Dự lưu… khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả... khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-

tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì Độc giác là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì Độc giác hướng, Độc giác quả là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì Độc giác… khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì Tam-miệu-tam Phật-đà là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát… khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì pháp của Đại Bồ-tát là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì quả vị Giác ngộ cao tột là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì pháp của Đại Bồ-tát... khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, vì Thanh văn thừa là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì Độc giác thừa, Vô thượng thừa là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn. Vì sao? Vì Thanh văn thừa… khoảng trước, giữa, sau đều chẳng thể nắm bắt được, nên nói là lớn. Vì chúng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là lớn.

Kiều-thi-ca, do duyên cớ này nên tôi nói: Vì sắc... là lớn nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng lớn.

Kiều-thi-ca, vì sắc là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì thọ, tưởng, hành, thức vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của sắc uẩn… chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của sắc uẩn... cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên sắc uẩn... cũng vô lượng. Vì sắc uẩn… vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì nhãn xứ là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà

Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của nhãn xứ... chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của nhãn xứ… cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên nhãn xứ… cũng vô lượng. Vì nhãn xứ... vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì sắc xứ là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của sắc xứ… chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của sắc xứ… cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên sắc xứ... cũng vô lượng. Vì sắc xứ... vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì nhãn giới là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của nhãn giới… chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của nhãn giới... cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên nhãn giới... cũng vô lượng. Vì nhãn giới... vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì nhĩ giới là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của nhĩ giới… chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của nhĩ giới… cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên nhĩ giới... cũng vô lượng. Vì nhĩ giới... vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì tỷ giới là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-

đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của tỷ giới… chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của tỷ giới… cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên tỷ giới... cũng vô lượng. Vì tỷ giới... vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì thiệt giới là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của thiệt giới... chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của thiệt giới... cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên thiệt giới... cũng vô lượng. Vì thiệt giới... vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì thân giới là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của thân giới... chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của thân giới... cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên thân giới... cũng vô lượng. Vì thân giới... vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì ý giới là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của ý giới... chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của ý giới... cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên ý giới... cũng vô lượng. Vì ý giới... vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì địa giới là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Vì sao? Vì lượng của địa giới... chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của địa giới... cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên địa giới... cũng vô lượng. Vì địa giới... vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì Thánh đế khổ là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì Thánh đế tập, diệt, đạo vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của Thánh đế khổ… chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của Thánh đế khổ… cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên Thánh đế khổ… cũng vô lượng. Vì Thánh đế khổ… vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì vô minh là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của vô minh... chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của vô minh... cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên vô minh... cũng vô lượng. Vì vô minh... vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì pháp không bên trong là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của pháp không bên trong… chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của pháp không bên trong… cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên pháp

không bên trong… cũng vô lượng. Vì pháp không bên trong… vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì chân như là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của chân như... chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của chân như... cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên chân như... cũng vô lượng. Vì chân như... vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì Bố thí ba-la-mật-đa là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của Bố thí ba-la-mật-đa… chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của Bố thí ba-la-mật-đa… cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên Bố thí ba-la-mật-đa… cũng vô lượng. Vì Bố thí ba-la-mật-đa… vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì bốn Tĩnh lự là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của bốn Tĩnh lự… chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của bốn Tĩnh lự… cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên bốn Tĩnh lự… cũng vô lượng. Vì bốn Tĩnh lự… vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì tám Giải thoát là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của tám Giải thoát... chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không

chẳng thể nắm bắt được, lượng của tám Giải thoát... cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên tám Giải thoát... cũng vô lượng. Vì tám Giải thoát... vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì bốn Niệm trụ là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của bốn Niệm trụ… chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của bốn Niệm trụ… cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên bốn Niệm trụ… cũng vô lượng. Vì bốn Niệm trụ… vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì pháp môn giải thoát Không là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của pháp môn giải thoát Không... chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của pháp môn giải thoát Không... cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên pháp môn giải thoát Không... cũng vô lượng. Vì pháp môn giải thoát Không... vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì năm loại mắt là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì sáu phép thần thông vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của năm loại mắt… chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của năm loại mắt… cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên năm loại mắt… cũng vô lượng. Vì năm loại mắt… vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì mười lực của Phật là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp

Phật bất cộng vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng nơi mười lực của Phật... chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng nơi mười lực của Phật... cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên mười lực của Phật... cũng vô lượng. Vì mười lực của Phật... vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì pháp không quên mất là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì tánh luôn luôn xả vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của pháp không quên mất... chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của pháp không quên mất... cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên pháp không quên mất... cũng vô lượng. Vì pháp không quên mất... vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì trí Nhất thiết là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của trí Nhất thiết... chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của trí Nhất thiết... cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên trí Nhất thiết... cũng vô lượng. Vì trí Nhất thiết... vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì tất cả pháp môn Đà-la-ni là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của tất cả pháp môn Đà-la-ni... chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của tất cả pháp môn Đà-la-ni... cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên tất cả pháp môn Đà-la-ni... cũng vô lượng. Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni... vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 99

PHẨM 28: TÁN THÁN CÁC ĐỨC (2)

Kiều-thi-ca, vì Dự lưu là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của Dự lưu… chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của Dự lưu… cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên Dự lưu... cũng vô lượng. Vì Dự lưu… vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của Dự lưu hướng, Dự lưu quả... chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của Dự lưu hướng, Dự lưu quả... cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên Dự lưu hướng, Dự lưu quả... cũng vô lượng. Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả... vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì Độc giác là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì Độc giác hướng, Độc giác quả vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của Độc giác... chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của Độc giác... cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên Độc giác... cũng vô lượng. Vì Độc giác... vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà

Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì Tam-miệu-tam Phật-đà vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của Đại Bồ-tát... chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của Đại Bồ-tát... cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên Đại Bồ-tát... cũng vô lượng. Vì Đại Bồ-tát... vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì pháp của Đại Bồ-tát là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì quả vị Giác ngộ cao tột vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng nơi pháp của Đại Bồ-tát... chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng nơi pháp của Đại Bồ-tát... cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên pháp của Đại Bồ-tát... cũng vô lượng. Vì pháp của Đại Bồ-tát... vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì Thanh văn thừa là vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng; vì Độc giác thừa, Vô thượng thừa vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng. Vì sao? Vì lượng của Thanh văn thừa... chẳng thể nắm bắt được, nên nói là vô lượng. Kiều-thi-ca, thí như lượng hư không chẳng thể nắm bắt được, lượng của Thanh văn thừa... cũng như vậy, chẳng thể nắm bắt được. Kiều-thi-ca, vì hư không vô lượng nên Thanh văn thừa... cũng vô lượng. Vì Thanh văn thừa... vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì duyên cớ này nên tôi nói, vì sắc... vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô lượng.

Kiều-thi-ca, vì sắc vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì thọ, tưởng, hành, thức vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì sắc uẩn... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì nhãn xứ vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì nhãn xứ... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô

biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì sắc xứ vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì sắc xứ... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì nhãn giới vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì nhãn giới... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì nhĩ giới vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì nhĩ giới... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì tỷ giới vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì tỷ giới... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì thiệt giới vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì thiệt giới... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì thân giới vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì thân giới... hoặc ở giữa,

hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì ý giới vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì ý giới... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì địa giới vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì địa giới... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì Thánh đế khổ vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì Thánh đế tập, diệt, đạo vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì Thánh đế khổ... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì vô minh vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì vô minh... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì pháp không bên trong vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì pháp không bên trong... hoặc ở giữa, hoặc ở bên

đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì chân như vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì chân như... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì Bố thí ba-la-mật-đa vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì bốn Tĩnh lự vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì tám Giải thoát vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì tám Giải thoát... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì bốn Niệm trụ vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì pháp môn giải thoát Không vô biên, nên Bát-nhã ba-

la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì năm loại mắt vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì sáu phép thần thông vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì năm loại mắt... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì mười lực của Phật vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì mười lực của Phật... hoặc ở giữa hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành, cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì pháp không quên mất là vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì tánh luôn luôn xả vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì pháp không quên mất... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì trí Nhất thiết vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì trí Nhất thiết... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì tất cả pháp môn Đà-la-ni vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì trí Nhất thiết... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì Dự lưu vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì Dự lưu... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì Độc giác vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì Độc giác hướng, Độc giác quả vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì Độc giác... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì Tam-miệu-tam Phật-đà vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì pháp của Đại Bồ-tát vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì quả vị Giác ngộ cao tột vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát... hoặc ở giữa, hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, do đó Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, vì Thanh văn thừa vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên; vì Độc giác thừa, Vô thượng thừa vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên. Vì sao? Vì Thanh văn thừa... hoặc ở giữa hoặc ở bên đều chẳng thể nắm bắt được nên nói là vô biên, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu

hành, cũng nói là vô biên.

Kiều-thi-ca, do duyên cớ này nên tôi nói vì sắc... vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành, cũng nói là vô biên.

Lại nữa Kiều-thi-ca, vì sở duyên là vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành, cũng vô biên.

Khi ấy, Thiên đế Thích hỏi Thiện Hiện:

–Bạch Đại đức, vì sao sở duyên là vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành, cũng vô biên?

Thiện Hiện đáp:

–Kiều-thi-ca, vì sở duyên của trí Nhất thiết trí là vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành, cũng vô biên.

Kiều-thi-ca, vì sở duyên của pháp giới là vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành, cũng vô biên.

Thiên đế Thích hỏi Thiện Hiện:

–Bạch Đại đức, vì sao sở duyên của pháp giới là vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên?

Thiện Hiện đáp:

–Kiều-thi-ca, vì pháp giới vô biên nên sở duyên cũng vô biên. Vì sở duyên vô biên nên pháp giới cũng vô biên. Vì sở duyên của pháp giới vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành, cũng vô biên.

Lại nữa Kiều-thi-ca, vì sở duyên của chân như là vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên.

Thiên đế Thích hỏi Thiện Hiện:

–Bạch Đại đức, vì sao sở duyên của chân như là vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên?

Thiện Hiện đáp:

–Kiều-thi-ca, vì chân như vô biên nên sở duyên cũng vô biên. Vì sở duyên vô biên nên chân như cũng vô biên. Vì sở duyên của chân như vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành, cũng vô biên.

Lại nữa Kiều-thi-ca, vì hữu tình vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên.

Thiên đế Thích hỏi Thiện Hiện:

–Bạch Đại đức, vì sao hữu tình vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên?

Thiện Hiện đáp:

–Kiều-thi-ca, theo ý ông thì sao, nói hữu tình thì hữu tình ấy là loại giả pháp nào?

Thiên đế Thích đáp:

–Bạch Đại đức, nói là hữu tình, thì hữu tình ấy chẳng phải là giả pháp, cũng chẳng phải là chẳng giả pháp, chỉ là giả lập, thuộc về cái danh tạm, thuộc về cái danh không thật, thuộc về cái danh không căn cứ.

Thiện Hiện lại hỏi:

–Kiều-thi-ca, theo ý ông thì sao, ở trong Bát-nhã ba-la-mật-đa này, hữu tình cũng có thật, cũng hiện rõ chăng?

Thiên đế Thích đáp:

–Bạch Đại đức, không!

Thiện Hiện bảo:

–Kiều-thi-ca, ở trong Bát-nhã ba-la-mật-đa này, hữu tình đã chẳng có thật, chẳng hiện rõ nên nói là vô biên, vì chúng ở giữa, ở bên đều chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, theo ý ông thì sao, như chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trải qua vô số kiếp thuyết giảng về tên gọi của các hữu tình thì trong đó có hữu tình nào là có sinh, có diệt chăng?

Thiên đế Thích đáp:

–Bạch Đại đức, không! Vì sao? Vì bản tánh của các hữu tình là tịnh; vì từ bản lai chúng không sở hữu.

Thiện Hiện bảo:

–Kiều-thi-ca, do duyên cớ này nên tôi nói: "Vì hữu tình vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát tu hành cũng vô biên."

-oOo-

PHẨM 29: NHIẾP THỌ (1)

Bấy giờ trong chúng hội, Thiên đế Thích..., chúng trời cõi Dục, Phạm thiên vương..., chúng trời cõi Sắc và Thần tiên thiên nữ Y-xá-na, cùng lúc lớn tiếng xướng lên ba lần:

–Hay thay, hay thay! Tôn giả Thiện Hiện vâng theo thần lực Phật, lấy Phật làm chỗ nương, khéo vì trời, người thế gian chúng tôi mà phân biệt khai thị chánh pháp vi diệu, đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Như có Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa này, có khả năng thực hành như lời nói,

không hề xa lìa, thì chúng tôi đối với vị ấy sẽ cung kính phụng sự như Phật. Như vậy, trong giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa hết mực thâm diệu, không có pháp nào có thể nắm bắt được. Đó là, trong ấy:

Không có sắc có thể nắm bắt được; không có thọ, tưởng, hành, thức có thể nắm bắt được.

Không có nhãn xứ có thể nắm bắt được; không có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có thể nắm bắt được.

Không có sắc xứ có thể nắm bắt được; không có thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có thể nắm bắt được.

Không có nhãn giới có thể nắm bắt được; không có sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có thể nắm bắt được.

Không có nhĩ giới có thể nắm bắt được; không có thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có thể nắm bắt được.

Không có tỷ giới có thể nắm bắt được; không có hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có thể nắm bắt được.

Không có thiệt giới có thể nắm bắt được; không có vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có thể nắm bắt được.

Không có thân giới có thể nắm bắt được; không có xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có thể nắm bắt được.

Không có ý giới có thể nắm bắt được; không có pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có thể nắm bắt được.

Không có địa giới có thể nắm bắt được; không có thủy, hỏa, phong, không, thức giới có thể nắm bắt được.

Không có Thánh đế khổ có thể nắm bắt được; không có Thánh đế tập, diệt, đạo có thể nắm bắt được.

Không có vô minh có thể nắm bắt được; không có hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não có thể nắm bắt được.

Không có pháp không bên trong có thể nắm bắt được; không có

pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh có thể nắm bắt được.

Không có chân như có thể nắm bắt được; không có pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có thể nắm bắt được.

Không có Bố thí ba-la-mật-đa có thể nắm bắt được; không có Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể nắm bắt được.

Không có bốn Tĩnh lự có thể nắm bắt được; không có bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể nắm bắt được.

Không có tám Giải thoát có thể nắm bắt được; không có tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có thể nắm bắt được.

Không có bốn Niệm trụ có thể nắm bắt được; không có bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo có thể nắm bắt được.

Không có pháp môn giải thoát Không có thể nắm bắt được; không có pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể nắm bắt được.

Không có năm loại mắt có thể nắm bắt được; không có sáu phép thần thông có thể nắm bắt được.

Không có mười lực của Phật có thể nắm bắt được; không có bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng có thể nắm bắt được.

Không có pháp không quên mất có thể nắm bắt được; không có tánh luôn luôn xả có thể nắm bắt được.

Không có trí Nhất thiết có thể nắm bắt được; không có trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể nắm bắt được.

Không có tất cả pháp môn Đà-la-ni có thể nắm bắt được; không có tất cả pháp môn Tam-ma-địa có thể nắm bắt được.

Không có Dự lưu có thể nắm bắt được; không có Nhất lai, Bất hoàn,

A-la-hán có thể nắm bắt được.

Không có Dự lưu hướng, Dự lưu quả có thể nắm bắt được; không có Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả có thể nắm bắt được.

Không có Độc giác có thể nắm bắt được; không có Độc giác hướng, Độc giác quả có thể nắm bắt được.

Không có Đại Bồ-tát có thể nắm bắt được; không có Tam-miệu-tam Phật-đà có thể nắm bắt được.

Không có pháp của Đại Bồ-tát có thể nắm bắt được; không có quả vị Giác ngộ cao tột có thể nắm bắt được.

Không có Thanh văn thừa có thể nắm bắt được; không có Độc giác thừa, Vô thượng thừa có thể nắm bắt được.

Tuy không có các pháp như vậy có thể nắm bắt được nhưng có đặt bày ra giáo pháp của ba thừa, đó là giáo pháp của Thanh văn, Độc giác và Vô thượng thừa.

Bấy giờ, Phật bảo các vị Thiên, Tiên...:

–Đúng vậy, đúng vậy, như các ông đã nói! Ở trong giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa hết mực thâm diệu này, tuy không có các pháp sắc... có thể nắm bắt được nhưng có đặt bày ra giáo pháp của ba thừa. Nếu có Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa này, lấy vô sở đắc làm phương tiện, có khả năng thực hành như lời nói, không hề lìa nhau, thì Thiên, Tiên các vị đối với Bồ-tát ấy nên cung kính phụng sự như Như Lai. Các vị nên biết:

Chẳng phải ngay nơi Bố thí ba-la-mật-đa mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa Bố thí ba-la-mật-đa có thể đắc Như Lai; chẳng phải ngay nơi Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể đắc Như Lai.

Chẳng phải ngay nơi pháp không bên trong mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp không bên trong có thể đắc Như Lai; chẳng phải ngay nơi pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh mà có thể đắc Như Lai, chẳng

phải lìa pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh có thể đắc Như Lai.

Chẳng phải ngay nơi chân như mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa chân như có thể đắc Như Lai; chẳng phải ngay nơi pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có thể đắc Như Lai.

Chẳng phải ngay nơi Thánh đế khổ mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa Thánh đế khổ có thể đắc Như Lai; chẳng phải ngay nơi Thánh đế tập, diệt, đạo mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa Thánh đế tập, diệt, đạo có thể đắc Như Lai.

Chẳng phải ngay nơi bốn Tĩnh lự mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa bốn Tĩnh lự có thể đắc Như Lai; chẳng phải ngay nơi bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể đắc Như Lai.

Chẳng phải ngay nơi tám Giải thoát mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa tám Giải thoát có thể đắc Như Lai; chẳng phải ngay nơi tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có thể đắc Như Lai.

Chẳng phải ngay nơi bốn Niệm trụ mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa bốn Niệm trụ có thể đắc Như Lai; chẳng phải ngay nơi bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo có thể đắc Như Lai.

Chẳng phải ngay nơi pháp môn giải thoát Không mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp môn giải thoát Không có thể đắc Như Lai; chẳng phải ngay nơi pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể đắc Như Lai.

Chẳng phải ngay nơi năm loại mắt mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa năm loại mắt có thể đắc Như Lai; chẳng phải ngay nơi sáu phép thần thông mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa sáu phép thần thông có thể đắc Như Lai.

Chẳng phải ngay nơi mười lực của Phật mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa mười lực của Phật có thể đắc Như Lai; chẳng phải ngay nơi bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng có thể đắc Như Lai.

Chẳng phải ngay nơi pháp không quên mất mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa pháp không quên mất có thể đắc Như Lai; chẳng phải ngay nơi tánh luôn luôn xả mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa tánh luôn luôn xả có thể đắc Như Lai.

Chẳng phải ngay nơi trí Nhất thiết mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa trí Nhất thiết có thể đắc Như Lai; chẳng phải ngay nơi trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể đắc Như Lai.

Chẳng phải ngay nơi tất cả pháp môn Đà-la-ni mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni có thể đắc Như Lai; chẳng phải ngay nơi tất cả pháp môn Tam-ma-địa mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa tất cả pháp môn Tam-ma-địa có thể đắc Như Lai.

Chẳng phải ngay nơi Dự lưu mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa Dự lưu có thể đắc Như Lai; chẳng phải ngay nơi Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán có thể đắc Như Lai.

Chẳng phải ngay nơi Dự lưu hướng, Dự lưu quả mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa Dự lưu hướng, Dự lưu quả có thể đắc Như Lai; chẳng phải ngay nơi Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả có thể đắc Như Lai.

Chẳng phải ngay nơi Độc giác mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa Độc giác có thể đắc Như Lai; chẳng phải ngay nơi Độc giác hướng, Độc giác quả mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa Độc giác hướng, Độc giác quả có thể đắc Như Lai.

Chẳng phải ngay nơi Đại Bồ-tát mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa Đại Bồ-tát có thể đắc Như Lai; chẳng phải ngay nơi Tam-miệu-tam Phật-đà mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa Tam-miệu-tam Phật-đà có thể đắc Như Lai.

Chẳng phải ngay nơi pháp của Đại Bồ-tát mà có thể đắc Như Lai,

chẳng phải lìa pháp của Đại Bồ-tát có thể đắc Như Lai; chẳng phải ngay nơi quả vị Giác ngộ cao tột mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa quả vị Giác ngộ cao tột có thể đắc Như Lai.

Chẳng phải ngay nơi Thanh văn thừa mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa Thanh văn thừa có thể đắc Như Lai; chẳng phải ngay nơi Độc giác thừa, Vô thượng thừa mà có thể đắc Như Lai, chẳng phải lìa Độc giác thừa, Vô thượng thừa có thể đắc Như Lai.

Thiên, Tiên các vị nên biết, nếu Đại Bồ-tát lấy vô sở đắc làm phương tiện, thì đối với tất cả pháp luôn luôn tinh cần tu học. Đó là:

Học Bố thí ba-la-mật-đa, học Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Học pháp không bên trong, học pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh.

Học chân như, học pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Học các Thánh đế.

Học bốn Tĩnh lự, học bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Học tám Giải thoát, học tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Học bốn Niệm trụ, học bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo.

Học pháp môn giải thoát Không, học pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Học năm loại mắt, học sáu phép thần thông.

Học mười lực của Phật, học bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng.

Học pháp không quên mất, học tánh luôn luôn xả.

Học trí Nhất thiết, học trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Học tất cả pháp môn Đà-la-ni, học tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Học Dự lưu Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán.

Học Dự lưu hướng, Dự lưu quả, học Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả.

Học Độc giác, học Độc giác hướng, Độc giác quả.

Học Đại Bồ-tát, học Tam-miệu-tam Phật-đà.

Học pháp của Đại Bồ-tát, học quả vị Giác ngộ cao tột.

Học Thanh văn thừa, học Độc giác thừa, Vô thượng thừa.

Đại Bồ-tát học như vậy nên đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa luôn luôn chuyên nhất tu hành không xao lãng. Vì vậy nên các vị đối với Bồ-tát ấy phải nên cung kính, phụng sự giống như đối với Như Lai. Các vị nên biết, thuở xưa, thời Đức Nhiên Đăng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở thế gian, nơi đầu ngã tư đường, trong thành Chúng hoa, trông thấy Phật Nhiên Đăng, Ta liền tung rải năm cành hoa và xõa tóc trên bùn, cầu được nghe pháp vô thượng. Nhờ lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên được:

Chẳng lìa Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng lìa Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Chẳng lìa pháp không bên trong, chẳng lìa pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh.

Chẳng lìa chân như, chẳng lìa pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Chẳng lìa các Thánh đế.

Chẳng lìa bốn Tĩnh lự, chẳng lìa bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Chẳng lìa tám Giải thoát, chẳng lìa tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Chẳng lìa bốn Niệm trụ, chẳng lìa bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo.

Chẳng lìa pháp môn giải thoát Không, chẳng lìa pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Chẳng lìa năm loại mắt, chẳng lìa sáu phép thần thông.

Chẳng lìa mười lực của Phật, chẳng lìa bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng.

Chẳng lìa pháp không quên mất, chẳng lìa tánh luôn luôn xả.

Chẳng lìa trí Nhất thiết, chẳng lìa trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Chẳng lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng lìa tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Chẳng lìa vô lượng pháp Phật khác.

Khi ấy, Phật Nhiên Đăng liền thọ ký cho Ta đạt quả vị Giác ngộ cao tột, nói rằng:

–Thiện nam tử, vào đời vị lai, trải qua một vô số đại kiếp, ở trong hiền kiếp thế giới này, người sẽ đắc thành quả Phật, hiệu là Năng Tịch Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hành Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm.

Lúc đó, các Thiên, Tiên... bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy rất là hy hữu, khiến các chúng Đại Bồ-tát nhanh chóng có thể thu nhiếp đạt được trí Nhất thiết trí, vì lấy vô sở đắc làm phương tiện. Đó là:

Đối với sắc, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với thọ, tưởng, hành, thức, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với nhãn xứ, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với sắc xứ, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với nhãn giới, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với nhĩ giới, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với tỷ giới, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra,

chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với thiệt giới, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với thân giới, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với ý giới, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với địa giới, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với Thánh đế khổ, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với vô minh, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với pháp không bên trong, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với chân như, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với bốn Tĩnh lự, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với tám Giải thoát, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với bốn Niệm trụ, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với pháp môn giải thoát Không, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với năm loại mắt, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với sáu phép thần thông, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với mười lực của Phật, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với pháp không quên mất, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với tánh luôn luôn xả, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với trí Nhất thiết, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với Dự lưu, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với Độc giác, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với Độc giác hướng, Độc giác quả, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với Đại Bồ-tát, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với Tam-miệu-tam Phật-đà, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với pháp của Đại Bồ-tát, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với quả vị Giác ngộ cao tột, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

Đối với Thanh văn thừa, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện; đối với Độc giác thừa, Vô thượng thừa, chẳng giữ chẳng bỏ làm phương tiện.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 100

PHẨM 29: NHIẾP THỌ (2)

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết rõ bốn chúng, là Bí-sô, Bí-sô-ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca và các vị Đại Bồ-tát cùng với bốn Đại thiên vương, các Thiên chủ các cõi trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Phạm hội, trời Đại phạm, trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Cực quang tịnh, trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng, trời Thiểu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả, trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến, trời Sắc cứu cánh, đều tập hợp, hòa hợp để làm chứng, liền bảo Thiên đế Thích:

Kiều-thi-ca, hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Bí-sô, Bí-sô-ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca, hoặc các Thiên tử, hoặc các Thiên nữ, hoặc các hàng thiện nam, hoặc thiện nữ, chẳng lìa tâm của trí Nhất thiết trí, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa này, thọ trì, đọc tụng, tinh cần tu tập, tư duy đúng theo diệu lý, vì người khác mà diễn giảng, truyền bá rộng rãi, thì nên biết những người ấy không hề bị các ma vương xấu ác và quyến thuộc của chúng có thể quấy nhiễu phá hoại được. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì các thiện nam, thiện nữ... ấy đã khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của sắc; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của thọ, tưởng, hành, thức, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì sắc uẩn... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của nhãn xứ; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, chẳng thể dùng cái

không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì nhãn xứ... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của sắc xứ; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì sắc xứ... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của nhãn giới; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì nhãn giới... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của nhĩ giới; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì nhĩ giới... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của tỷ giới; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì tỷ giới... tự tánh đều là không, nên người não

hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của thiệt giới; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì thiệt giới... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của thân giới; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì thân giới... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của ý giới; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì ý giới... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của địa giới; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì địa giới... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của Thánh đế khổ; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của Thánh đế tập, diệt, đạo, chẳng thể dùng

cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì Thánh đế khổ... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của vô minh; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì vô minh... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của pháp không bên trong; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì pháp không bên trong... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của chân như; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì chân như... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm

bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của Bố thí ba-la-mật-đa; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của bốn Tĩnh lự; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của tám Giải thoát; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì tám Giải thoát... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của bốn Niệm trụ; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của pháp môn giải thoát Không; khéo an trú

nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của năm loại mắt; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của sáu phép thần thông, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì năm loại mắt... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện thuộc mười lực của Phật; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì mười lực của Phật... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện thuộc pháp không quên mất; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của tánh luôn luôn xả, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì pháp không quên mất... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ… ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của trí Nhất thiết; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái

vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì trí Nhất thiết… tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của tất cả pháp môn Đà-la-ni; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của Dự lưu; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì Dự lưu... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của Dự lưu hướng, Dự lưu quả; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của Độc giác; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của Độc giác hướng, Độc giác quả, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì Độc giác... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của Đại Bồ-tát; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của Tam-miệu-tam Phật-đà, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của pháp của Đại Bồ-tát; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của quả vị Giác ngộ cao tột, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì pháp của Đại Bồ-tát... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của Thanh văn thừa; khéo an trú nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện của Độc giác thừa, Vô thượng thừa, chẳng thể dùng cái không để đạt được sự thông suốt của không, chẳng thể dùng cái vô tướng để đạt được sự thông suốt của vô tướng, chẳng thể dùng cái vô nguyện để đạt được sự thông suốt của vô nguyện. Vì sao? Vì Thanh văn thừa... tự tánh đều là không, nên người não hại, kẻ bị não hại, sự não hại, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy là những người, mà loài người và phi nhân đều không thể dễ dàng làm hại được. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ... ấy lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với tất cả hữu tình, khéo tu tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả.

Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ... ấy chẳng bao giờ bị não hại do các sự kiện hiểm ác một cách bất ngờ, cũng chẳng bị chết đột ngột. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ... ấy tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, đối với các hữu tình luôn đem lại sự bình an chân chánh.

Lại nữa Kiều-thi-ca, ở thế giới ba lần ngàn này, có chúng trời Tứ đại vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng, trời Cực quang tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng quả,... đã phát tâm cầu sự Giác ngộ cao tột, đối với Bát-nhã

ba-la-mật-đa này, nếu vị nào chưa được nghe, thọ trì, đọc tụng, tinh cần tu học, tư duy đúng đắn, thì nay nên, chẳng lìa tâm của trí Nhất thiết trí, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa này chú tâm nghe, thọ trì, đọc tụng, tinh cần tu học, tư duy đúng theo diệu lý.

Kiều-thi-ca, nếu hàng thiện nam, thiện nữ... ấy chẳng lìa tâm của trí Nhất thiết trí, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa này, chí tâm nghe, thọ trì, đọc tụng, tinh cần tu học, tư duy đúng theo diệu lý, thì các thiện nam, thiện nữ... ấy, hoặc tại nhà trống vắng, hoặc tại đồng hoang, hoặc tại đường hiểm và nơi có tai nạn, chẳng bao giờ sợ hãi, hay kinh hoàng rợn người. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ... ấy chẳng lìa tâm của trí Nhất thiết trí, lấy vô sở đắc làm phương tiện, khéo tu pháp không bên trong, khéo tu pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh.

Bấy giờ, ở thế giới ba lần ngàn này có chúng trời Tứ đại vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Phạm hội, trời Đại phạm, trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Cực quang tịnh, trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng, trời Thiểu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả, trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến, trời Sắc cứu cánh... cùng bạch Phật:

Bạch Thế Tôn, nếu các hàng thiện nam, thiện nữ... chẳng lìa tâm của trí Nhất thiết trí, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, thường hay thọ trì, đọc tụng, tinh cần tu học, tư duy đúng như diệu lý, sao chép giảng giải, truyền bá rộng rãi thì chúng con thường theo cung kính hộ trì chẳng để tất cả tai nạn xâm phạm bất ngờ. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ... chính là Đại Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên khiến các hữu tình vĩnh viễn lìa dứt các nẻo hiểm ác như địa ngục, bàng sinh, quỷ giới, A-tố-lạc.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên các chúng trời, người vĩnh

viễn xa lìa tất cả các khổ về tai họa, bệnh tật, bần cùng, đói khát, nóng lạnh...

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có mười đường thiện nghiệp.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có các pháp Bố thí ba-la-mật-đa, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có Thánh đế khổ, Thánh đế tập, diệt, đạo.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có năm loại mắt, sáu phép thần thông.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có dòng dõi lớn Sát-đế-lợi, dòng dõi lớn Bà-la-môn, dòng dõi lớn Trưởng giả, dòng dõi lớn Cư sĩ, các tiểu quốc vương, Chuyển luân thánh vương, các hàng đại thần giúp việc triều chính.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có chúng trời Tứ đại vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Phạm hội, trời Đại phạm, trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Cực quang tịnh, trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng, trời Thiểu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến, trời Sắc cứu cánh.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có trời Không vô biên xứ, trời Thức vô biên xứ, trời Vô sở hữu xứ, trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có Dự lưu Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và Dự lưu hướng, Dự lưu quả, Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có Độc giác và Độc giác hướng, Độc giác quả.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có Đại Bồ-tát đem lại sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân nhiệm mầu, độ vô lượng chúng sinh.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có Phật bảo,

Pháp bảo, Bí-sô Tăng bảo.

Bạch Thế Tôn, vì do Đại Bồ-tát ấy nên chúng con: Thiên, Long, A-tố-lạc, Kiền-đạt-phược, Yết-lộ-trà, Khẩn-nại-lạc, Dược-xoa, La-sát-ta, Mạc-hô-lạc-già, Nhân phi nhân... thường theo cung kính ủng hộ Đại Bồ-tát ấy, chẳng để cho tất cả tai họa xâm phạm não hại.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Thiên đế Thích và các Thiên, Long, A-tố-lạc...:

–Đúng vậy, đúng vậy, như các vị đã nói! Kiều-thi-ca, nếu các hàng thiện nam, thiện nữ... chẳng lìa tâm của trí Nhất thiết trí, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, thường thọ trì, đọc tụng, tinh cần tu học, tư duy đúng như lý, sao chép giảng giải, truyền bá rộng rãi thì nên biết các thiện nam, thiện nữ… ấy chính là Đại Bồ-tát.

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên các hữu tình vĩnh viễn được dứt trừ mọi đọa lạc nơi địa ngục, bàng sinh, quỷ giới, A-tố-lạc... Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên chư thiên, nhân vĩnh viễn được xa lìa tất cả các khổ về tai họa, bệnh tật, bần cùng, đói khát, nóng lạnh...

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có mười đường thiện nghiệp xuất hiện.

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc xuất hiện.

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ xuất hiện.

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có Bố thí ba-la-mật-đa, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa xuất hiện.

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh xuất hiện.

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng,

tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn xuất hiện.

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có Thánh đế khổ, Thánh đế tập, diệt, đạo xuất hiện.

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo xuất hiện.

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện xuất hiện.

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có năm loại mắt, sáu phép thần thông xuất hiện.

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng xuất hiện.

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả xuất hiện.

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng xuất hiện.

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa xuất hiện.

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có dòng dõi lớn Sát-đế-lợi, dòng dõi lớn Bà-la-môn, dòng dõi lớn Trưởng giả, dòng dõi lớn Cư sĩ, các tiểu quốc vương, Chuyển luân thánh vương, các đại thần giúp việc triều chính.

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có chúng trời Tứ đại vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại xuất hiện.

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Phạm hội, trời Đại phạm, trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Cực quang tịnh, trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng, trời Thiểu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả xuất hiện.

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến, trời Sắc cứu cánh xuất hiện.

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có trời Không vô biên xứ, trời Thức vô biên xứ, trời Vô sở hữu xứ, trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ xuất hiện.

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có Dự lưu Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và Dự lưu hướng, Dự lưu quả, Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả xuất hiện.

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có Độc giác và Độc giác hướng, Độc giác quả xuất hiện.

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có Đại Bồ-tát xuất hiện ở thế gian đem lại sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật.

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở thế gian, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân nhiệm mầu, độ vô lượng chúng sinh.

Kiều-thi-ca, vì do Đại Bồ-tát ấy nên thế gian mới có Phật bảo, Pháp bảo, Bí-sô Tăng bảo xuất hiện.

Kiều-thi-ca, vì duyên cớ này, Thiên, Long, A-tố-lạc... các ngươi thường nên theo cung kính, cúng dường, tôn trọng ngợi khen và siêng năng ủng hộ Đại Bồ-tát ấy, chớ để tất cả tai họa xâm phạm não hại.

Kiều-thi-ca, nếu có người thường cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Đại Bồ-tát như vậy, thì nên biết chính là cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Ta và tất cả các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong mười phương. Vì vậy nên tất cả Thiên, Long, A-tố-lạc... các ngươi thường nên theo cung kính, cúng dường, tôn trọng ngợi khen và siêng năng ủng hộ Đại Bồ-tát ấy, chớ để tất cả tai họa xâm phạm não hại.

Kiều-thi-ca, giả sử các chúng Thanh văn, Duyên giác đầy khắp châu Nam thiệm-bộ, như rừng mía, lau, trúc, nếp, mè, rừng rậm dày đặc, có các thiện nam, thiện nữ... đối với ruộng phước ấy, dùng vô lượng các thứ đồ dùng tốt đẹp vừa ý, cúng kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, suốt cả cuộc đời; hoặc lại có người chỉ trong khoảnh khắc cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen một Đại Bồ-tát mới phát tâm chẳng lìa sáu pháp Ba-la-mật-đa; nếu lấy công đức của những người trước so với phước đức của người sau thì trăm phần chẳng bằng một, ngàn phần chẳng bằng một, trăm ngàn phần chẳng bằng một, ức phần chẳng bằng một, trăm ức

phần chẳng bằng một, trăm ngàn ức phần chẳng bằng một, phần tính đếm, phần thí dụ cho đến phần cực số cũng chẳng bằng một.

Kiều-thi-ca, giả sử các chúng Thanh văn, Duyên giác đầy khắp châu Nam thiệm-bộ, châu Đông thắng thân như rừng mía, lau, trúc, nếp, mè, rừng rậm dày đặc, có hàng thiện nam, thiện nữ... đối với ruộng phước ấy, dùng vô lượng các thứ đồ dùng tốt đẹp vừa ý, cúng kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, suốt cả cuộc đời; hoặc lại có người chỉ trong khoảnh khắc cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen một Đại Bồ-tát mới phát tâm chẳng lìa sáu pháp Ba-la-mật-đa; nếu lấy công đức của những người trước so với phước đức của người sau thì trăm phần chẳng bằng một, ngàn phần chẳng bằng một, trăm ngàn phần chẳng bằng một, ức phần chẳng bằng một, trăm ức phần chẳng bằng một, trăm ngàn ức phần chẳng bằng một, phần tính đếm, phần thí dụ cho đến phần cực số cũng chẳng bằng một.

Kiều-thi-ca, giả sử các chúng Thanh văn, Duyên giác đầy khắp châu Nam thiệm-bộ, châu Đông thắng thân, châu Tây ngưu hóa như rừng mía, lau, trúc, nếp, mè, rừng rậm dày đặc, có hàng thiện nam, thiện nữ... đối với ruộng phước ấy, dùng vô lượng các thứ đồ dùng tốt đẹp vừa ý, cúng kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, suốt cả cuộc đời; hoặc lại có người chỉ trong khoảnh khắc cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen một Đại Bồ-tát mới phát tâm chẳng lìa sáu pháp Ba-la-mật-đa; nếu lấy công đức của những người trước so với phước đức của người sau thì trăm phần chẳng bằng một, ngàn phần chẳng bằng một, trăm ngàn phần chẳng bằng một, ức phần chẳng bằng một, trăm ức phần chẳng bằng một, trăm ngàn ức phần chẳng bằng một, phần tính đếm, phần thí dụ cho đến phần cực số cũng chẳng bằng một.

Kiều-thi-ca, giả sử các chúng Thanh văn, Duyên giác đầy khắp châu Nam thiệm-bộ, châu Đông thắng thân, châu Tây ngưu hóa, châu Bắc cu-lô như rừng mía, lau, trúc, nếp, mè, rừng rậm dày đặc, có hàng thiện nam, thiện nữ... đối với ruộng phước ấy, dùng vô lượng các thứ đồ dùng tốt đẹp vừa ý, cúng kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, suốt cả cuộc đời; hoặc lại có người chỉ trong khoảnh khắc cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen một Đại Bồ-tát mới phát tâm chẳng lìa sáu pháp Ba-la-mật-đa; nếu lấy công đức của những người trước so với phước đức của người sau thì trăm phần chẳng bằng một, ngàn phần chẳng bằng một, trăm ngàn phần chẳng bằng một, ức phần chẳng bằng một, trăm ức phần

chẳng bằng một, trăm ngàn ức phần chẳng bằng một, phần tính đếm, phần thí dụ cho đến phần cực số cũng chẳng bằng một.

Kiều-thi-ca, giả sử các chúng Thanh văn, Duyên giác đầy khắp cả bốn châu như rừng mía, lau, trúc, nếp, mè, rừng rậm dày đặc, có hàng thiện nam, thiện nữ... đối với ruộng phước ấy, dùng vô lượng các thứ đồ dùng tốt đẹp vừa ý, cúng kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, suốt cả cuộc đời; hoặc lại có người chỉ trong khoảnh khắc cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen một Đại Bồ-tát mới phát tâm chẳng lìa sáu pháp Ba-la-mật-đa; nếu lấy công đức của những người trước so với phước đức của người sau thì trăm phần chẳng bằng một, ngàn phần chẳng bằng một, trăm ngàn phần chẳng bằng một, ức phần chẳng bằng một, trăm ức phần chẳng bằng một, trăm ngàn ức phần chẳng bằng một, phần tính đếm, phần thí dụ cho đến phần cực số cũng chẳng bằng một.

Kiều-thi-ca, giả sử các chúng Thanh văn, Duyên giác đầy khắp Tiểu thiên thế giới như rừng mía, lau, trúc, nếp, mè, rừng rậm dày đặc, có hàng thiện nam, thiện nữ... đối với ruộng phước ấy, dùng vô lượng các thứ đồ dùng tốt đẹp vừa ý, cúng kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, suốt cả cuộc đời; hoặc lại có người chỉ trong khoảnh khắc cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen một Đại Bồ-tát mới phát tâm chẳng lìa sáu pháp Ba-la-mật-đa; nếu lấy công đức của những người trước so với phước đức của người sau thì trăm phần chẳng bằng một, ngàn phần chẳng bằng một, trăm ngàn phần chẳng bằng một, ức phần chẳng bằng một, trăm ức phần chẳng bằng một, trăm ngàn ức phần chẳng bằng một, phần tính đếm, phần thí dụ cho đến phần cực số cũng chẳng bằng một.

Kiều-thi-ca, giả sử các chúng Thanh văn, Duyên giác đầy khắp Trung thiên thế giới như rừng mía, lau, trúc, nếp, mè, rừng rậm dày đặc, có hàng thiện nam, thiện nữ... đối với ruộng phước ấy, dùng vô lượng các thứ đồ dùng tốt đẹp vừa ý, cúng kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, suốt cả cuộc đời; hoặc lại có người chỉ trong khoảnh khắc cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen một Đại Bồ-tát mới phát tâm chẳng lìa sáu pháp Ba-la-mật-đa; nếu lấy công đức của những người trước so với phước đức của người sau thì trăm phần chẳng bằng một, ngàn phần chẳng bằng một, trăm ngàn phần chẳng bằng một, ức phần chẳng bằng một, trăm ức phần chẳng bằng một, trăm ngàn ức phần chẳng bằng một, phần tính đếm, phần thí dụ cho đến phần cực số cũng chẳng bằng một.

Kiều-thi-ca, giả sử các chúng Thanh văn, Duyên giác đầy khắp

cảnh giới chư Phật trong thế giới ba lần ngàn như rừng mía, lau, trúc, nếp, mè, rừng rậm dày đặc, có hàng thiện nam, thiện nữ... đối với ruộng phước ấy, dùng vô lượng các thứ đồ dùng tốt đẹp vừa ý, cúng kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, suốt cả cuộc đời; hoặc lại có người chỉ trong khoảnh khắc cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen một Đại Bồ-tát mới phát tâm chẳng lìa sáu pháp Ba-la-mật-đa; nếu lấy công đức của những người trước so với phước đức của người sau thì trăm phần chẳng bằng một, ngàn phần chẳng bằng một, trăm ngàn phần chẳng bằng một, ức phần chẳng bằng một, trăm ức phần chẳng bằng một, trăm ngàn ức phần chẳng bằng một, phần tính đếm, phần thí dụ cho đến phần cực số cũng chẳng bằng một.

Kiều-thi-ca, giả sử các chúng Thanh văn, Duyên giác đầy khắp vô lượng, vô biên thế giới trong mười phương như rừng mía, lau, trúc, nếp, mè, rừng rậm dày đặc, có hàng thiện nam, thiện nữ... đối với ruộng phước ấy, dùng vô lượng các thứ đồ dùng tốt đẹp vừa ý, cúng kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, suốt cả cuộc đời; hoặc lại có người chỉ trong khoảnh khắc cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen một Đại Bồ-tát mới phát tâm chẳng lìa sáu pháp Ba-la-mật-đa; nếu lấy công đức của những người trước so với phước đức của người sau thì trăm phần chẳng bằng một, ngàn phần chẳng bằng một, trăm ngàn phần chẳng bằng một, ức phần chẳng bằng một, trăm ức phần chẳng bằng một, trăm ngàn ức phần chẳng bằng một, phần tính đếm, phần thí dụ cho đến phần cực số cũng chẳng bằng một. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chẳng do Thanh văn và Độc giác mà có Đại Bồ-tát và các Đức Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở thế gian, chỉ do Đại Bồ-tát mà có Thanh văn và Độc giác và các Đức Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác xuất hiện. Vì vậy nên các ngươi, tất cả Thiên, Long, A-tố-lạc, Kiền-đạt-phược, Yết-lộ-trà, Khẩn-nại-lạc, Dược-xoa, La-sát-ta, Mạc-hô-lạc-già, Nhân phi nhân thường theo cung kính ủng hộ Đại Bồ-tát này, chớ để tất cả tai họa xâm phạm não hại.

Bấy giờ, Thiên đế Thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu! Đại Bồ-tát ấy, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, thọ trì, đọc tụng, tinh cần tu học, tư duy đúng như lý, sao chép giảng giải, truyền bá rộng rãi, thâu nhận công đức của những việc cụ thể như vậy, tạo được sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, thân cận, phụng sự các Đức Phật Thế Tôn, theo đấy luôn được an vui, căn lành thù

thắng, do đối với chư Phật cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, liền được viên mãn; đối với chánh pháp của chư Phật đã được nghe, cho đến khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, không bao giờ quên. Những pháp yếu đã được lãnh hội, có khả năng nhanh chóng thâu nhận, nên được dòng họ viên mãn, thân mẫu viên mãn, sự sinh viên mãn, quyến thuộc viên mãn, tướng hảo viên mãn, quang minh viên mãn, nhãn viên mãn, nhĩ viên mãn, âm thanh viên mãn, Đà-la-ni viên mãn, Tam-ma-địa viên mãn. Lại dùng diệu lực của phương tiện thiện xảo, biến thân như Phật, từ thế giới này đến thế giới khác, đến nước không có Phật, giảng thuyết khen ngợi Bố thí ba-la-mật-đa, giảng thuyết khen ngợi Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; giảng thuyết khen ngợi pháp không bên trong, giảng thuyết khen ngợi pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; giảng thuyết khen ngợi chân như, giảng thuyết khen ngợi pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; giảng thuyết khen ngợi Thánh đế khổ, giảng thuyết khen ngợi Thánh đế tập, diệt, đạo; giảng thuyết khen ngợi bốn Tĩnh lự, giảng thuyết khen ngợi bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; giảng thuyết khen ngợi tám Giải thoát, giảng thuyết khen ngợi tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; giảng thuyết khen ngợi bốn Niệm trụ, giảng thuyết khen ngợi bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; giảng thuyết khen ngợi pháp môn giải thoát Không, giảng thuyết khen ngợi pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; giảng thuyết khen ngợi năm loại mắt, giảng thuyết khen ngợi sáu phép thần thông; giảng thuyết khen ngợi mười lực của Phật, giảng thuyết khen ngợi bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; giảng thuyết khen ngợi pháp không quên mất, giảng thuyết khen ngợi tánh luôn luôn xả; giảng thuyết khen ngợi trí Nhất thiết, giảng thuyết khen ngợi trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; giảng thuyết khen ngợi tất cả pháp môn Đà-la-ni, giảng thuyết khen ngợi tất cả pháp môn Tam-ma-địa; giảng

thuyết khen ngợi Phật bảo, giảng thuyết khen ngợi Pháp bảo, giảng thuyết khen ngợi Bí-sô Tăng bảo. Lại dùng diệu lực của phương tiện thiện xảo, vì các hữu tình, nêu giảng giáo pháp quan trọng, tùy nghi sắp đặt ổn định trong pháp của ba thừa, khiến vĩnh viễn giải thoát khỏi sinh, lão, bệnh, tử, chứng cảnh giới Vô dư Niết-bàn; hoặc lại cứu giúp bao nỗi khổ trong các đường ác, khiến được vào cõi người, trời hưởng sự an lạc.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 19

BỘ BÁT-NHÃ 2

Tổng giám tu: Thích Tịnh Hạnh
Ban thực hiện:
- Ban dịch thuật
- Ban biên tập
- Ban nhuận văn
- Tổng biên tập
- Các tổ vi tính v.v…